Chu An Sĩ

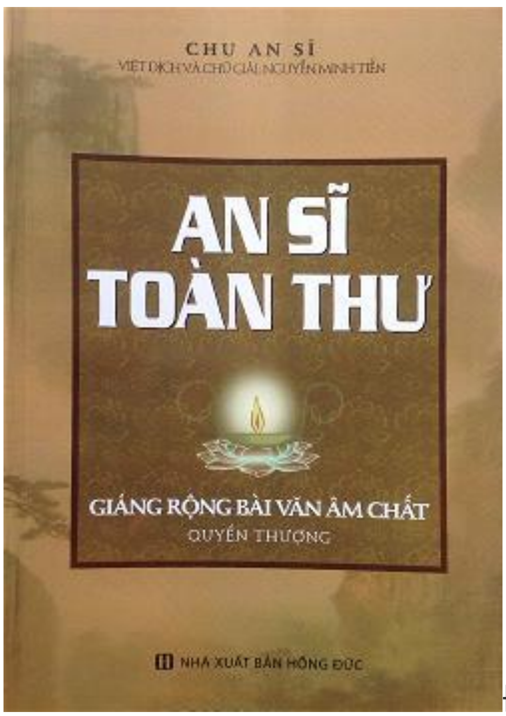
AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Lời Tựa Nhân Việc Khắc Bản In Lại Sách An Sĩ Toàn Thư



Đối với tất cả chúng sinh, hai nghiệp dâm dục và giết hại là căn bản của vòng luân hồi sinh tử. Khó dứt trừ nhất chính là dâm dục, mà dễ phạm vào nhất chính là giết hại. Trong 2 việc ấy, đối với dâm dục thì người có chút trí tuệ đều có thể tự xét mà kiềm chế không phạm vào. Tuy nhiên, muốn cho tâm ý thanh tịnh, hoàn toàn dứt sạch đến tận ngọn nguồn vi tế của dâm dục, thì chỉ có bậc A-la-hán đã trừ hết lậu hoặc, chứng đắc thể tánh chân thật mà thôi. Những ai chưa được như thế, hẳn đều đeo mang tập khí ái dục, cho dù có phần nặng nhẹ, nhiều ít khác

nhau. Do đó mà ngày lại ngày qua tham dục càng kiên cố hơn trong tâm thức, đời này nối sang đời khác, không thể đạt đến sự giải thoát.

Đối với sự giết hại, người đời đều xem là việc tất nhiên, lấy mạnh hiếp yếu, dùng máu thịt chúng sinh mà làm đầy bụng mình, chỉ biết được sự ngon miệng nhất thời mà chẳng ai tin chuyện phải đền trả trong muôn kiếp. Kinh Lăng nghiêm dạy rằng: "Người ăn thịt dê, dê chết lại sinh làm người, người chết lại sinh làm dê, cho đến hết thảy các loài chúng sinh cũng đều sinh tử xoay vòng như thế, ăn nuốt lẫn nhau, cùng tạo ác nghiệp mãi mãi không thôi!"

Bậc cổ đức dạy rằng:

Muốn cho thiên hạ thái bình,
Phải ngưng ăn thịt chúng sinh các loài.

Lại cũng dạy rằng:

Muốn biết vì sao thế gian,
Triền miên binh lửa, ngút ngàn nạn tai,
Hãy nghe vang vọng đêm dài,
Tiếng kêu thảm thiết vạn loài sinh linh.
Kìa trong lò mổ sát sinh,
Muôn loài bỏ mạng vì mình đó thôi!

Cho nên, đã tạo nhân như thế nào, ắt phải chịu quả như thế ấy. Nếu không suy nghĩ thì còn có thể phạm vào, bằng như đã có sự suy ngẫm, hẳn phải lấy làm kinh sợ mà không dám giết hại nữa!

Tiên sinh An Sĩ cung kính vâng theo lời Phật dạy, khởi tâm thương xót

muôn người, soạn ra sách Dục hải hồi cuồng (欲海回狂) để khuyên ngăn sự tham dâm, sách Vạn thiện tiên tư (萬善先資) để khuyên ngăn việc giết hại. Trong đó dẫn chứng những việc có thật, chỉ rõ lẽ nhân quả, mong sao cho hết thảy người đời đều đối đãi với nhau như anh em một nhà cùng do trời đất sinh ra; người với muôn loài cũng một chân tâm, mãi mãi dứt trừ tâm xấu ác gây ra những chuyện tổn hại đạo lý, trái nghịch luân thường, ỷ mạnh hiếp yếu. Lại cũng muốn cùng với tất cả mọi người đều không phạm điều ác, siêng làm việc lành, nên lấy bài văn Âm chất (陰騭文) của Văn Xương Đế Quân mà thêm vào chú thích tường tận, gọi là Âm chất văn quảng nghĩa (陰騭文廣義), khiến người đời có thể noi theo đây mà trong hết thảy mọi việc làm hằng ngày đều giữ lòng lành khi ứng xử, ví như ở tầm vóc lớn lao thì có thể trị nước an dân, mà trong phạm vi nhỏ nhặt thì mỗi một lời nói, mỗi một ý nghĩ cũng đều có sự thận trọng suy xét, tương hợp với đạo lý.

Từ những lời dạy của các bậc hiền thánh xưa như thế, phải hết sức cung kính thận trọng, đọc qua và suy ngẫm với tâm chân chánh, với ý chí thành, chẳng phải những kẻ chỉ bàn luận suông mà có thể hiểu được.

Cả 3 tập sách nói trên, văn chương ý thú đều thông suốt việc xưa nay, ích đời lợi người, đó là nhờ tiên sinh đã vận dụng tài năng trác tuyệt, kết hợp với sự thấu triệt sâu mầu, nắm hiểu được tâm pháp của chư Phật Tổ, Thánh hiền rồi dùng bút mực mà truyền đạt chân thật đến người đời, phát huy được những điều đã hiểu.

Tuy nhiên, cho dù có thể tiết chế sự dâm dục, từ bỏ nghiệp giết hại, điều

ác không phạm, lại siêng làm việc thiện, nhưng nếu chưa đạt đến sự giải thoát rốt ráo khỏi vòng sinh tử thì làm sao tránh khỏi phải tái sinh đời đời kiếp kiếp? Chỉ có thể cố gắng giữ gìn không buông thả, ắt sẽ thường được sinh vào những cảnh giới tốt lành, rộng tu trí huệ, không rơi vào những cảnh giới xấu ác. Được như thế cũng đã chẳng mấy người, nói gì đến chuyện thấu triệt lẽ tử sinh, vượt thoát luân hồi, phải đâu là chuyện dễ nói được sao? Chỉ có thể nhờ vào sức tu định tuệ, dứt trừ lậu hoặc, chứng đắc chân tánh mới có thể đạt đến sự tự do, giải thoát rốt ráo mà thôi. Hết thảy những ai chưa được như thế, chỉ nhờ phước báu mà có thể sinh làm vua các cõi trời, cao đến như cõi trời Phi phi tưởng, được hưởng phước báu và sống thọ đến 80. 000 đại kiếp, nhưng dù vậy thì tất cả cũng đều bị trói buộc trong vòng nghiệp lực, tùy theo các nghiệp thiện ác mà phải mãi mãi thọ sanh lưu chuyển trong luân hồi.

Do vậy, y theo pháp môn mà đức Như Lai đã dạy, rằng nương sức từ bi của Phật thì dẫu nghiệp lực chưa dứt vẫn có thể được vãng sanh, tiên sinh An Sĩ liền rút lấy những ý nghĩa cốt yếu trong các kinh, luận về Tịnh độ mà kết hợp soạn thành một bộ sách, lấy tên là Tây quy trực chỉ (西歸直指). Như ai có thể một lần đọc qua sách ấy ắt khởi lòng tin sâu vững, dứt sạch nghi ngờ. Nếu khởi tâm tin tưởng, phát nguyện cầu sinh về cõi Tây phương, cho dù căn cơ lanh lợi hay chậm lụt, tội nghiệp đã tạo nặng hay nhẹ, công phu tu tập sâu hay cạn, chỉ cần có đủ lòng tin, phát nguyện thật chân thành chí thiết, trì niệm danh hiệu Phật, thì chắc chắn đến lúc lâm chung sẽ nương sức từ bi tiếp dẫn của đức Phật mà được vãng sanh.

Khi được vãng sanh rồi, tất nhiên đã bỏ phàm lên thánh, thấu triệt lẽ tử sinh, giải thoát luân hồi, ngay trong một niệm tỏ ngộ tự tâm, việc chứng

quả Chánh giác ắt là sắp đến. Những ý nghĩa lợi ích như thế, chỉ ai đã thực sự chứng đắc rồi mới biết, không thể miêu tả hình dung bằng văn chương ngôn ngữ.

Yếu chỉ của pháp môn này dùng sự tin sâu phát nguyện của tự thân hành giả cảm ứng giao hòa với tâm từ bi của đức Phật, nhờ đó mà được sự lợi ích lớn lao vô cùng như thế. Nếu so với việc tự dùng sức mình để dứt trừ lậu hoặc, chứng đắc chân tánh, thấu triệt lẽ sinh tử, vượt thoát luân hồi, thì mức độ khó dễ quả thật chênh nhau như trời với đất!

Hiện nay trên thế giới có những quốc gia chiến tranh kéo dài liên miên, người trong nước [Trung Hoa] thì khởi sinh từ sự bất đồng ý kiến mà phân chia thành nam bắc, công kích lẫn nhau. Lại thêm trong nhiều năm gần đây thường xảy ra thiên tai bão lụt, hạn hán, động đất, giặc cướp, dịch bệnh... Thường nghe những tin tức thống kê số thương vong trong ngoài không dưới vạn vạn người, khiến trong lòng đau đớn khôn cùng chẳng biết làm sao, hận mình bất tài kém trí, lạm đứng vào hàng tăng chúng mà chưa chứng đắc đạo quả, chỉ có tấm lòng thương đời thương người, thật không chút sức lực để ra tay cứu vớt.

Có người đồng hương ở Cần Phố là tiên sinh Lưu Tại Tiêu, vốn là kẻ sĩ trong hàng thanh bạch, gia thế nhiều đời nối truyền đạo đức, lại tin sâu Phật pháp. Mùa hè năm nay, tiên sinh tìm lên núi xin gặp mặt hỏi đạo. Khi cùng nhau bàn luận đến tình cảnh hiện nay ở trong nước cũng như ngoài nước, tiên sinh bỗng lo lắng hỏi: “Bạch thầy, liệu có phương pháp nhiệm mầu nào có thể cứu giúp được chăng?”

Tôi đáp: “Đó là nghiệp quả khổ đau, mà quả khổ đau ấy ắt phải có nguyên nhân. Nếu muốn cứu khổ thì phải dứt trừ nhân của khổ. Nhân đã dứt trừ thì quả sẽ không do đâu mà sinh ra. Cho nên kinh Phật dạy rằng: ‘Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả.’”

Nhân đó liền đưa sách An Sĩ toàn thư cho tiên sinh xem, mong được khắc bản lưu truyền rộng rãi, khiến cho người người xem qua đều được vượt thoát luân hồi, thẳng đến bến bờ giác ngộ. Tiên sinh không kiềm được nỗi vui mừng, lập tức gọi người cháu là Triệu Bộ Vân lấy ra 700 đồng tiền, mong tôi lo giúp việc khắc in. Tôi nhớ lại hồi năm Mậu Thân (1908) đã từng khuyên Lý Thiên Quế khắc in sách này ở đất Thục, ông ấy liền nhờ tôi viết cho lời tựa, nhưng rồi sau không đủ nhân duyên nên cuối cùng việc lại không thành.

Nay nhờ có Lưu tiên sinh quyết lòng giúp vào, thật là thuận duyên lớn lao, tôi liền thêm vào các bản văn sau để cùng khắc in:

- Sách Liễu Phàm tứ huấn (了凡四訓) của Viên Liễu Phàm, là những lời hay ý đẹp khuyên việc bỏ ác làm lành.
- Một quyển thuật ký của Du Tịnh Ý, lời lẽ hết sức chí thành, thấu suốt chỗ sâu xa tốt đẹp trong trời đất, phát huy nghĩa lý mọi việc, khuyên người kiên trì nỗ lực công phu, chính là chỗ trang nghiêm đẹp đẽ thuần khiết bậc nhất, tỏ rõ tường tận.

Hai quyển này được thêm vào sau quyển hạ của phần Âm chất văn quảng nghĩa.

- Bài văn Giới sát phóng sinh (戒殺放生文) của Đại sư Liên Trì, có thể xem là bậc chủ sư từ bi diệt trừ ma quân tàn độc, nay thêm vào sau sách Vạn thiện tiên tư.

- Các bài tụng trong tập Bất tịnh quán (不淨觀) của Pháp sư Tỉnh Am, có thể xem là vị dũng tướng tịnh hạnh diệt trừ ma quân tham dục, nay thêm vào sau sách Dục hải hồi cuồng.

- Bài văn Khuyên phát tâm Bồ-đề (勸發菩提心文) cũng của ngài Tỉnh Am, có thể xem là con thuyền từ cứu vớt chúng sinh trong biển khổ luân hồi, nay thêm vào sau sách Tây quy trực chỉ.

Ba tập sách của tiên sinh An Sĩ lại được thêm vào các phần như thế, thật chẳng khác nào như trên gấm đẹp lại thêu hoa, như đèn sáng đặt cạnh gương soi, ánh sáng màu hoa càng thêm rực rỡ xán lạn, khiến lòng người thảy đều hoan hỷ. Quả thật, với người khéo đọc sách này ắt những tâm niệm gian dối tàn độc sẽ tức thời tan biến, mà những tâm nguyện tự lợi lợi tha sẽ tự nhiên mạnh mẽ sinh khởi, từ chỗ suy ngẫm mà từng bước dần dần hướng thiện, ngày càng tiến bộ sâu xa hơn, dẫu không lưu tâm đến mà tự nhiên tâm trần tục cũng chuyển dần thành trí tuệ thánh nhân, gần như có thể đạt đến chỗ thấu triệt lẽ sinh tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, được đối diện kính lễ đức Phật A-di-đà, tự mình được Phật ban lời thọ ký.

Kính cẩn đọc qua sách này rồi, hân hoan có lời tụng rằng:

Từ lâu chìm trong biển nghiệp,

Bỗng nhiên gặp chiếc thuyền từ.
Xin vâng theo đạo từ bi,
Quay về nương Đấng Giác ngộ.
Lòng tin sâu, nguyện chí thiết,
Tham chấp, luyến ái đều buông,
Giao hòa cảm ứng đạo mầu,
Phật A-di-đà kề cận.
Ngoài ra xin đọc thêm ở bài tựa viết năm Mậu Thân (1908), nay không chép lại rườm rà.
Năm Dân quốc thứ 7 (1918), Mậu Ngọ, ngày 19 tháng 6.
Cổ Tân Thích Ấn Quang kính cẩn ghi .

Lời tựa viết năm Mậu Thân (1908)

(Viết theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ đất Thục là Lý Thiên Quế)
Lớn lao thay! Bản tâm ta vốn đầy đủ chánh đạo!
Mầu nhiệm thay! Bản tâm ta vốn sẵn có diệu pháp!

Xưa nay lặng lẽ chiếu soi không phân biệt; đường chân nẻo tục thảy viên dung. Lìa tất cả niệm, dứt hết thảy tình; không sinh cũng không diệt. Nói là có đó mà không phải có; nhưng không có mà lại có. Nói là không đó mà chẳng phải không; tuy chẳng phải không mà lại không. Các vị Phật sống đều từ đó xuất sanh, bậc thánh kẻ phàm đều không thể gọi tên. Như gương sáng xưa nay không một vật, nhưng hiện ra muôn cảnh Hán, Hồ. Như hư không mênh mông xa lìa mọi hình tướng, ngại gì lúc mặt trời chiếu sáng hoặc mây che. Đó chính là thực tại rốt ráo, không vướng một mảy bụi trần; ngay trong tâm chưa giác ngộ này đã trọn gồm đủ các pháp như chỗ

chứng đắc giác ngộ vô thượng của chư Phật, cũng như chỗ mê muội không nhận biết chân tâm thường trụ của chúng sinh.

Các bậc thánh nhân trong Tam giáo đều y theo một tâm tánh này mà rủ lòng thương xót dạy dỗ, dẫn dắt bao chúng sinh mê muội. Do ý nghĩa này mà Khổng Phu tử đề xướng thuyết “thành minh”, chọn lấy sự chí thành sáng suốt làm chỗ uyên áo, từ đó đưa ra những giềng mối tu sửa trị an; Lão tử nói ra sách Đạo Đức kinh, giảng dạy phép sống lâu an ổn. Đấng Đại giác Thế Tôn nêu rõ tánh pháp giới, chỉ bày tâm chân như, dạy đạo chân thật buông bỏ phàm trần quay về Chánh giác, lập nên tông chỉ bất sanh bất diệt. Tuy chỗ cạn sâu lớn nhỏ không đồng, giữa thế gian với xuất thế gian có điều khác biệt, nhưng thảy đều không ra ngoài lẽ chung là ngay trong tâm này của chúng ta đã đủ đầy muôn pháp. Phát huy giảng rộng pháp này đến hết thảy chúng sinh hữu tình, từ nơi tự tánh mà khởi tu, chính là nhằm hiển lộ tự tánh, dứt sạch vọng niệm huyễn ảo, quay về tự tánh chân thật vốn có, vĩnh viễn ra khỏi đường mê, thẳng một đường lên bến giác.

Đức Văn Xương Đế Quân là người trong nhiều đời thường giữ theo năm mối luân thường, cung kính vâng lời dạy trong Tam giáo, lấy công hạnh của chính mình để giáo hóa người khác, chỉ một lòng muốn vươn lên chí thiện; công cao đức sáng, chấp chưởng quyền hành, thường lo cho những kẻ ít học vô trí, mê muội không biết đến bản tánh xưa nay thường trụ, nên nhân đó viết ra bài văn Âm chất (陰騭文), trong đó nói rõ ngài đã “trải qua mười bảy đời đều sinh làm kẻ sĩ có quyền thế”. Bài văn ấy nghĩa lý nhiệm mầu không cùng tận, liệu ai có thể đo lường được chỗ cội nguồn uyên áo? Tuy qua nhiều năm đã có rất nhiều người chú giải, nhưng vẫn chưa có ai thấu rõ được hết chỗ sâu xa thâm áo, khiến cho từ trước đến nay, kẻ dạy

người học văn này đều còn có chỗ vướng mắc phân vân, không thể nào hài lòng thấu triệt.

Tiên sinh An Sĩ là bậc nhiều đời trồng sâu cội phúc, theo nguyện lành tái sinh cõi này, thông hiểu đến chỗ tột cùng của sách vở thế gian, thâm nhập sâu xa vào Kinh tạng Phật giáo, đem chỗ sở học ấy mà dạy dỗ dắt dẫn người đời, khiến cho ai nấy đều tin nhận. Tiên sinh dấn thân vào chốn thế tục để làm khuôn mẫu tốt đẹp cho người đời, dùng chỗ học hiểu am tường, chứng đắc mầu nhiệm để nắm lấy tinh yếu trong Phật pháp cũng như trong Lão học, thuận theo bài văn giảng pháp tùy căn cơ của Đế Quân, đưa vào những chú giải so sánh tường tận dễ hiểu cho tất cả mọi người, đạo lý căn bản chẳng lìa bản tâm mà văn từ đạt được chỗ tinh yếu, trưng dẫn những chuyện có thật, xua tan mây đen ngờ vực phủ che tâm ý, nêu rõ được tôn chỉ nghĩa lý, giương cao mặt trời trí tuệ chiếu soi giữa bầu trời chân tánh, khiến người đọc qua rồi thì mỗi mỗi sự việc đều có chỗ học theo, mỗi mỗi tâm niệm đều có chỗ tự răn ngừa, cải hối; ấy là trực tiếp tương giao với tấm lòng từ bi thương người của Đế Quân, giảng giải thấu triệt, bày rõ ngọn nguồn, khiến cho hết thảy trong thiên hạ, kẻ dạy người học văn này ngày nay đều có thể hiểu rõ mọi điều, không còn một chút gì phân vân vướng mắc.

Nhưng tâm bi mẫn như thế dường chưa đủ, đại nguyện từ ái vẫn khôn cùng, tiên sinh còn muốn cho người người đều phát triển lòng chân thật khoan thứ, đối với nhau như anh em một nhà, dứt binh đao cùng an ổn hưởng trọn tuổi trời, dùng lễ nghĩa làm giềng mối luật tắc, yêu đức tốt mà xa lìa sắc dục, nên liền viết ra một quyển sách để ngăn việc sát sinh hại vật, lấy tên là “Vạn thiện tiên tư” (萬善先資), và một quyển khác để ngăn việc

đam mê dâm dục, lấy tên là “Dục hải hồi cuồng” (欲海回狂). Chỉ do người đời vốn tạo nghiệp giết hại quá nhiều, lại gặp chuyện dâm dục thì rất dễ phạm vào, nên tiên sinh thương xót chẳng ngại nhọc nhằn lao khổ, không ngớt lời răn dạy.

Nhưng việc làm thiện của thế gian dẫu sao cũng chỉ được phước báo trong hai cõi trời, người. Hưởng tận phước rồi ắt phải đọa lạc vào những cõi thấp kém, khổ não độc hại biết làm sao dứt được? Vì thế nên tiên sinh đã tìm đọc qua các Kinh luận của tông Tịnh độ, chọn lấy những lời thích hợp mà soạn thành một tập sách lấy tên là “Tây quy trực chỉ” (西歸直指), truyền rộng để giúp cho muôn người, dù thuộc hàng phú quý cũng như hạ tiện, dù già trẻ nam nữ, dù kẻ trí người ngu, hàng xuất gia cũng như kẻ tại gia, hết thảy đều đồng niệm Phật A-di-đà, cầu sinh về thế giới Cực Lạc, vượt thoát luân hồi, thẳng lên địa vị không còn thối chuyển; dứt nỗi khổ của vọng nghiệp hư huyễn, hưởng niềm vui của bản tâm thường tại.

Ba pho sách được kể trước, tuy là giảng rõ pháp tu hành thiện nghiệp thế gian, nhưng đồng thời cũng có đủ pháp thấu triệt sinh tử. Một quyển sau cùng tuy giảng rõ pháp thấu triệt sinh tử, nhưng đồng thời cũng dạy phải tu tập thiện nghiệp thế gian. Cho đến những việc như thuận đạo lý ắt hưởng quả lành, nghịch đạo lý ắt gặp tai ương, mỗi mỗi đều phân tích chi ly, biện giải rành mạch, dứt điều nghi hoặc, làm rõ chỗ vướng mắc, lý lẽ thật trọn vẹn thuyết phục, ngôn từ lại hay lạ tuyệt diệu, có thể khai mở tâm tư người ngu độn hôn muội, đủ sức mạnh mẽ như vớt người chết đuối, cứu kẻ bị lửa thiêu. Chỗ chí thành có thể thấu suốt, hợp với lý lẽ trong trời đất; phân biện việc quỷ thần, có thể dứt sạch sự hoài nghi, càng thêm thanh thế Lục

kinh, giúp định rõ kỷ cương trên dưới, quả thật là một quyển kỳ thư khuyến thiện bậc nhất trong thiên hạ, nếu so với những quyển sách khuyến thiện tầm thường khác, há có thể sánh cùng được sao? Lòng tôi vẫn tin chắc rằng tiên sinh hẳn là bậc Bồ Tát theo bản nguyện mà hiện thân cư sĩ để thuyết pháp độ sinh.

Tôi vốn người kém trí, thuở thiếu thời tuy có đọc sách Nho nhưng không rõ được chỗ tinh yếu truyền lại của Khổng Mạnh. Lại theo học Phật pháp đã lâu nhưng vẫn chưa chứng ngộ được thể tánh Như Lai. Thời gian thấm thoát, nay sắp bước vào tuổi “tri thiên mệnh” nhưng kiến thức nông cạn, chỉ có tấm lòng ưa thích việc lành, thật không chút sức lực làm lợi lạc cho người khác. Muốn đem quyển sách quý này khắc bản rộng truyền nhưng chẳng biết làm sao, phận nghèo không đất cắm dùi, lại thêm lười nhác trong việc hô hào quyên góp, nên trải qua nhiều năm vẫn chưa thành tựu tâm nguyện.

Có vị cư sĩ người đất Tây Thục là Lý Thiên Quế, vốn sẵn căn lành, siêng tu thiện hạnh, mong đạt được pháp Phật cao trổi, nhân tìm đến lễ bái nơi chùa Pháp Vũ trên núi Phổ Đà nên tình cờ gặp gỡ. Quả thật là:

Nếu không tiền định nhân duyên,
Cớ sao không hẹn, cửa thiền gặp nhau?

Vị ấy liền cung kính thưa hỏi, mong được chỉ bày chỗ tinh yếu của pháp môn vượt thoát luân hồi. Tôi nhân đó khuyên ông trước hết phải nỗ lực giữ theo giềng mối luân thường, chuyên cần tu tập tịnh nghiệp, thường làm những việc lợi mình lợi người, noi theo đó là chỗ thiết yếu nhất. Nếu có thể

tự mình kiên trì thực hành như thế không gián đoạn, ắt rồi sẽ có thể cảm hóa mọi người chung quanh. Bằng như chỗ thực hành của tự thân không phù hợp với lời nói ra, thì việc truyền pháp sẽ ngược lại hóa thành hủy hoại giáo pháp. Công đức thế gian nếu chẳng tu tập bồi đắp, thì thiện tâm chẳng do đâu được chuyển biến. Công đức không tu, thiện tâm không chuyển, ấy đều là do không gặp được những bậc thầy hay bạn tốt để làm gương sáng cho mình noi theo.

Nhân đó liền mang sách An Sĩ toàn thư này ra tặng cho một bản, khuyên vị ấy hãy đọc qua trọn vẹn, chú ý nơi nhất cử nhất động hằng ngày đều y theo những lời khuyên dạy trong sách, thảy thảy đều tương hợp, không chút sai lệch, hẳn có thể xem là thành tựu. Người ấy hân hoan như được báu vật, vui mừng không dứt, liền phát nguyện khắc bản in lại để rộng truyền khắp nơi, lại thỉnh cầu tôi viết cho lời tựa để công bố với mọi người.

Vì thế, tôi không ngại chỗ học kém cỏi, lược viết ra đây nguyên do sự việc, lòng muốn đem sự lợi lạc đến cho muôn người, tu sửa tự thân, xây dựng gia đình, dạy dỗ cháu con theo gương các bậc thánh hiền, nhận biết chân tâm bản tánh, thấu triệt lẽ tử sinh. Nếu ai đọc kỹ rồi ra sức làm theo, ắt sẽ thấy đúng như lời tôi nói, không chút sai dối.

Lời tựa của Trương Thủ Ân

Nhân dịp khắc bản in lại vào năm Quang Tự thứ 7 (1881)

Tôi lúc trước chưa từng học Phật. Ngày ấy, nhân có người khách đến chơi mang bộ Toàn thư của tiên sinh Chu An Sĩ đưa cho xem. Tôi mở sách xem qua mấy phần, lập tức lộ vẻ bực dọc, không muốn xem nữa. Khách ngạc

nhiên gặn hỏi: “Ông vì sao lại có thái độ như vậy?” Tôi đáp: “Những gì tiên sinh An Sĩ nói ở đây hoàn toàn trái ngược với lời một vị tiên sinh tôi đã biết. Ông cho rằng những lời của tiên sinh An Sĩ là đúng, hẳn những lời vị tiên sinh kia là sai chăng?”

Vị khách ấy cười nói: “Tính khí ông thật nóng nảy quá! Đây nào phải chuyện tranh đấu thắng thua? Chỗ lập luận của vị tiên sinh kia với tiên sinh An Sĩ, thật không phải chỗ mà những người như bọn tôi với ông có thể theo kịp. Tôi đây không dám lấy sức con phù du để cố làm lung lay đại thụ, còn như ông lại muốn lấy chút lửa đom đóm để thiêu rụi núi Tu-di được sao? Chuyện đúng sai thôi hãy khoan bàn kỹ, nay ví như có người không hề biết đến đời sau, không tin chuyện nhân quả nên hùng hổ làm nhiều việc ác. Lại ví như một người khác thực sự biết có đời sau, tin có nhân quả, nên năng nổ làm nhiều việc thiện. Vậy trong hai người ấy, theo ông thì ai hơn ai kém?”

Tôi cũng cười, đáp lại rằng: “Ông xem tôi kém cỏi đến thế sao? Nếu trong việc này mà không phân được ai hơn ai kém, thì khác nào như có mũi mà không nhận biết được mùi hương?”

Vị khách liền hỏi: “Nếu đã là như vậy, cớ sao ông lại hoài nghi sách Toàn thư của tiên sinh An Sĩ?”

Tôi đáp: “Ông tuy giỏi biện luận, nhưng những chuyện như thuận đạo lý thì được tốt lành, làm việc trái nghịch ắt gặp việc dữ, hoặc nhà làm việc thiện ắt có niềm vui, nhà làm nhiều việc ác ắt gặp tai ương... thì nhà Nho chúng tôi đã nói quá nhiều rồi, cần chi phải viện dẫn đến kinh Phật?”

Vị khách nói: “Ấy là ông vẫn còn chưa suy xét kỹ đó thôi. Nói về lý nhân quả báo ứng, nếu không xét đến cả 3 đời quá khứ, hiện tại và vị lai, ắt không thể nào trọn vẹn thuyết phục. Nhưng có thể giảng giải rõ ràng tường tận về nhân quả trong ba đời như thế, duy nhất chỉ có Phật mà thôi. Vì thế, tiên sinh An Sĩ chẳng ngại có người hiềm khích ganh ghét, hết lời răn nhắc cảnh tỉnh, khiến cho người mê phải tỉnh. Như thế cũng là cùng một tấm lòng như vị tiên sinh kia khi viết sách truyền lại cho hậu thế đó thôi.”

Khi ấy, trong lòng tôi đã dần bình tĩnh lại, liền cũng cười đáp: “Ấy là ông chỉ tự riêng mình suy đoán chủ quan nói ra, quả nhiên là giấu đầu mà lại lòi đuôi.”

Khách liền nghiêm sắc mặt mà nói: “Những gì vị tiên sinh kia viết ra chính là pháp của thế gian, còn những điều tiên sinh An Sĩ viết ra lại là pháp thế gian, suốt thông cùng pháp xuất thế gian, mỗi câu mỗi chữ đều là lời tâm huyết, ý thiết tha, như dùng kim vàng khơi mắt giúp người mù thấy được ánh sáng, thật hết sức nhọc nhằn, quyết lòng răn nhắc, cho dẫu là những bậc cha anh yêu thương dạy dỗ con em mình cũng không dốc lòng hơn thế được. Nay sách Toàn thư đang sẵn có đây, nếu ông quay lại tìm đọc trong đó ắt gặp được thầy, đâu cần tôi phải lắm lời biện giải lôi thôi dài dòng như thế này.”

Vị khách nói rồi để tập sách lại tặng cho tôi. Tôi kính cẩn nhận lấy, một lần nữa lại mở ra đọc. Ban đầu còn phải dò tìm manh mối theo văn chương câu cú, dần dần về sau mới thể hội được tông chỉ ý thú, hốt nhiên bừng tỉnh thấu triệt thông suốt. Khi ấy buồn vui lẫn lộn, như người lạc lối gặp kẻ

dẫn đường, như khi bệnh nặng gặp phương thuốc hay, như giữa giao lộ tối tăm được bó đuốc sáng soi, như giữa biển khổ mênh mông được gặp con thuyền từ cứu vớt, bất chợt không kiềm được tiếng thở dài mà than rằng: "Than ôi! Nếu không may mắn được đọc sách này, ắt một đời ta đã phải luống trôi qua vô ích!"

Như vậy, nếu không gặp được bạn hiền như vị khách ngày xưa, ắt hẳn hết một đời này tôi cũng không biết được rằng còn có đời sau, cũng không tin được là có nhân có quả.

Hỡi ôi! Được làm người là khó, được nghe pháp Phật lại càng khó hơn. Chúng sinh chịu khổ trong ba đường dữ, thử hỏi do ai là người gây ra như thế? Xưa có người nói rằng: "Ai đã từng trôi giạt lang thang, hẳn mới biết cảm thông mà thương người lưu lạc!"

Nhân viết ra đây nhân duyên được đọc sách, nhắn gửi với những ai về sau có duyên may gặp được sách này.

> Chu An Sĩ
>
> **AN SĨ TOÀN THƯ**
>
> **Giảng rộng bài văn Âm chất**
>
> Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải
>
> Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014
>
> ## Lời Giới Thiệu Bản Việt Dịch Sách An Sĩ Toàn Thư

An Sĩ toàn thư là một tập sách khuyến thiện được Đại sư Ấn Quang nhiều lần khen ngợi. Đích thân ngài cũng đã vận động, tổ chức việc in ấn lưu hành, số lượng lên đến hàng vạn quyển. Vì thế, lần đầu tiên tiếp xúc với bộ sách này bằng Hán văn, bản thân tôi đã không khỏi khởi sinh một vài băn khoăn, nghi vấn.

Vì sao lại băn khoăn, nghi vấn? Vì khi nhìn qua tổng mục sách này, nổi bật lên là phần *Âm chất văn quảng nghĩa*, vốn dựa vào bài văn Âm chất của Văn Xương Đế quân để giảng rộng. Các phần còn lại là *Tây quy trực chỉ, Vạn thiện tiên tư* và *Dục hải hồi cuồng* có thể tạm chưa bàn đến, nhưng riêng về bài văn Âm chất thì dường như không nằm trong Giáo pháp của đức Phật.

Văn Xương Đế quân là một nhân vật hư hư thật thật, tuy một phần truyền tích về ông có thể tạm cho là thật, nhưng lại có vô số điều được thêu dệt thêm chung quanh hình ảnh của ông, mà phần lớn đều là những kiểu niềm tin mông muội, thiếu trí tuệ, nếu không muốn nói là mê tín. Như vậy, những lời truyền lại của một nhân vật như thế liệu có đáng để người Phật tử phải lưu tâm nghiên tầm học hỏi hay chăng? Một tập sách như vậy liệu có đáng để lưu hành rộng rãi hay không?...

Nhưng Đại sư Ấn Quang vốn là một bậc long tượng trong Phật giáo. Cuộc đời và đạo nghiệp của ngài quá đủ để chúng ta đặt niềm tin vào những lời khuyên của ngài. Đại sư nói về sách An Sỹ toàn thư và soạn giả của nó là tiên sinh Chu An Sỹ như sau:

“...quả thật là một quyển kỳ thư khuyến thiện bậc nhất trong thiên hạ, nếu so với những quyển sách khuyến thiện tầm thường khác, há có thể sánh

cùng được sao? Lòng tôi vẫn tin chắc rằng tiên sinh hẳn là bậc Bồ Tát theo bản nguyện mà hiện thân cư sĩ để thuyết pháp độ sinh.”

(Trích Lời tựa của Đại sư Ấn Quang)

Chính niềm tin vào Đại sư Ấn Quang đã khuyến khích tôi tiếp tục đọc vào sách **An Sỹ toàn thư**, thay vì gác nó sang một bên sau khi nhận ra có sự hiện diện của nhân vật gọi là Văn Xương Đế quân.

Và quả thật tôi đã đặt niềm tin không sai lầm. Sau khi đọc vào nội dung sách, tôi mới hiểu được lý do vì sao Đại sư hết lời khen ngợi sách này, và cũng thấy được tâm lượng từ bi, trí tuệ diệu dụng của tiên sinh Chu An Sỹ khi soạn ra tập sách khuyến thiện này.

Từ đó, tôi phát tâm chuyển dịch sách này sang Việt ngữ, đồng thời soạn các chú giải và khảo đính một số điểm sai sót trong chính văn để tập sách thêm phần hoàn thiện. Sách dày hơn ngàn trang Hán văn khổ lớn, theo dự kiến sẽ được thực hiện thành nhiều giai đoạn. Hôm nay đã hoàn tất giai đoạn đầu tiên là quyển thượng của sách Giảng rộng bài văn Âm chất (khoảng hơn 200 trang Hán văn), bản Việt dịch và chú giải thành hơn 460 trang khổ sách trung bình. Hơn thế nữa, với sự nỗ lực của Trung tâm Diệu Pháp Âm, toàn bộ phần Việt dịch và chú giải này đều đã được thu âm thành file âm thanh dạng sách nói, thật vô cùng tiện dụng.

Xin hân hoan có đôi lời giới thiệu đến với độc giả gần xa phần đầu tiên đã Việt dịch và chú giải hoàn chỉnh từ quyển “kỳ thư khuyến thiện bậc nhất” này.

Trước hết, đây là phần dễ gợi lên sự nghi ngờ cho người đọc nhất, vì dựa trên bài văn Âm chất được cho là của Văn Xương Đế quân. Phần này có tên là Giảng rộng ý nghĩa bài văn Âm chất (Âm chất văn quảng nghĩa), được phân thành 2 quyển là quyển thượng và quyển hạ. Phần Việt dịch được giới thiệu lần này là trọn vẹn quyển thượng. Chúng tôi vẫn đang tiếp

tục với quyển hạ và hy vọng cũng sẽ hoàn tất trong một thời gian không xa lắm.

Về nội dung sách, soạn giả đã dựa vào bài văn Âm chất rất ngắn gọn (chỉ khoảng hơn 800 chữ) để biên soạn thành một bộ sách hơn 400 trang chữ Hán khổ lớn. Cách trình bày khá nhất quán trong toàn bộ sách. Cứ mỗi một câu được mang ra phân tích, bao giờ cũng có một phần giảng rộng mà ông gọi là “phát minh”, sau đó đến phần đưa ra nhận xét, lời bàn, mà ông gọi là “án”. Tiếp đó, hầu hết đều có thêm phần trưng dẫn sự tích, gồm những câu chuyện được rút ra từ kinh điển hoặc các truyện tích trong Phật giáo, nhằm mục đích minh họa cho ý nghĩa của các phần trên.

Chính phần giảng rộng và lời bàn của tiên sinh đã khai phá và mở rộng ý nghĩa của bài văn Âm chất hoàn toàn theo tinh thần Phật giáo, giúp người đọc qua đó tiếp nhận được những giáo lý tinh hoa, những tri thức hướng thiện trên tinh thần từ bi, vị tha và trí tuệ. Không khó để chúng ta nhận ra rằng, tuy dựa trên bài văn Âm chất, nhưng hầu như phần trước tác của tiên sinh đã chi phối hoàn toàn nội dung của sách này.

Một câu hỏi có thể được nêu lên ở điểm này: Tại sao tiên sinh phải dựa vào bài văn Âm chất? Tại sao tiên sinh không tự mình viết ra tất cả những nội dung ấy, vốn là điều không có gì khó khi xét đến sự dụng công của tiên sinh đối với bộ sách này?

Xin thưa, đó chính là chỗ phương tiện diệu dụng của Phật pháp, là chỗ mà Kinh văn đã dạy rằng: “Tất cả pháp đều là Phật pháp.” Nếu chúng ta nhớ lại rằng trong số những người chưa thực sự hiểu biết sâu về Phật pháp thì có đến chín phần mười luôn đặt niềm tin vào thánh thần trời đất. Niềm tin đối với Văn Xương Đế quân là một niềm tin loại đó. Có lẽ tiên sinh An Sỹ tự mình sẽ không bao giờ thực sự chọn theo hay quan tâm đến những niềm tin loại này. Thế nhưng, với tâm từ bi, tiên sinh đã nhận ra là có rất

nhiều người đang bám vào những niềm tin đó như chỗ nương tựa của họ trong đời sống, và việc đòi hỏi hay khuyên bảo họ phủ nhận, bác bỏ niềm tin ấy khi chưa có được những hiểu biết, nhận thức sáng suốt hơn để thay thế vào sẽ là điều không tưởng, thậm chí còn có thể đưa lại những tác dụng trái ngược ngoài ý muốn. Chính vì vậy, tiên sinh đã chọn một phương thức tùy duyên vô cùng độc đáo, là dựa trên chính niềm tin sẵn có này để dẫn dắt người ta hướng theo Chánh pháp. Mỗi câu mỗi chữ được tiên sinh viết ra trong sách này đều thấm đẫm tinh thần Phật pháp, từng bước dẫn dắt người đọc đi vào con đường thâm tín và nhận hiểu sâu sắc về những ý nghĩa thiện ác, nhân quả... Cho nên nhận xét của Đại sư Ấn Quang quả nhiên không hề tùy tiện. Hơn thế nữa, càng đi sâu vào nội dung sách, tôi lại càng thấy vững tin hơn vào những nhận xét như trên, cũng như càng nhận ra những lợi lạc vô biên của bộ sách khuyến thiện này, nhất là trong thời đại nhiễu nhương thiện ác lẫn lộn như hiện nay.

Về phương thức, có thể nói tiên sinh đã biên soạn sách này một cách hết sức công phu, khoa học. Chỉ nhìn qua thư mục tham khảo gồm các kinh sách của cả Tam giáo (Phật, Lão, Nho) gồm đến 126 bộ kinh sách đủ loại và nhớ lại rằng tiên sinh sống vào hạ bán thế kỷ 17, chúng ta sẽ hết sức khâm phục sự tra khảo, chắt lọc của tiên sinh từ một số lượng kinh sách đồ sộ này. Hơn thế nữa, phần lớn những trích dẫn trong sách đều rút từ Kinh điển Phật giáo, cho thấy sự uyên bác về nội điển của tiên sinh và càng làm tăng thêm giá trị xác lập tín tâm của bộ sách này.

Mặc dù vậy, quá trình biên soạn cũng không tránh khỏi một vài khiếm khuyết nhỏ, như một số những chuyện kể rút từ Kinh điển đều được viết lại thay vì trích nguyên văn, nhưng thỉnh thoảng cũng có một vài chi tiết không hoàn toàn chuẩn xác. Trong những trường hợp này, khi Việt dịch chúng tôi cũng đồng thời đối chiếu Kinh văn theo dẫn chú của soạn giả để chỉnh sửa

lại cho chuẩn xác hơn.

Ngoài ra, thỉnh thoảng cũng gặp những dẫn chú không chính xác, do soạn giả không trực tiếp lấy từ Kinh văn mà dựa vào một tài liệu khác, và bản thân tài liệu đó lại có sự nhầm lẫn nên dẫn đến sự sai lầm theo. Trong những trường hợp này, chúng tôi sẽ cố gắng tìm ra đúng phần Kinh văn gốc để làm căn cứ, và đặt các chú giải thích hợp để làm rõ sự nhầm lẫn này, tránh cho người sau không tiếp tục hiểu sai.

Đối với các dẫn chú Kinh điển, chúng tôi sẽ cố gắng đặt thêm vào phần chú giải các chi tiết cần thiết liên quan đến bộ kinh được trích dẫn như kinh số trong Đại Chánh tạng, số trang, số dòng nơi xuất hiện đoạn Kinh văn được trích dẫn v.v... Với những thông tin này, người sau khi cần đối chiếu tra khảo bất kỳ vấn đề nào trong sách cũng sẽ dễ dàng hơn rất nhiều.

Cuối cùng, với tất cả tấm lòng chân thành tri ân soạn giả đã để lại cho đời một pho sách quý, chúng tôi xin giới thiệu rộng rãi bản Việt dịch và chú giải sách này đến với tất cả những ai hữu duyên, mong rằng có thể nối tiếp và làm lớn rộng hơn nữa tâm nguyện độ sinh của tiên sinh. Xin nguyện cho chúng tôi có đầy đủ thuận duyên để tiếp tục hoàn chỉnh phần còn lại của bộ sách trong thời gian sắp tới, góp phần mang đến lợi lạc an vui cho khắp thảy mọi người.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Lời Tựa Đầu Tiên Của Sách Giảng Rộng Bài Văn Âm Chất

Kinh Dịch nói rằng: “Nhà nào thường làm việc thiện, ắt sẽ được nhiều điều tốt đẹp.” Kinh Thư viết: “Làm việc thiện được hưởng trăm điều tốt lành.” Sách Tả thị xuân thu cũng có nói: “Việc họa phúc vốn không ai định trước, chỉ là do con người tự chuốc lấy.” Thế nên biết rằng, những việc tốt lành hay tai họa vốn là lẽ tất nhiên trong trời đất. Tôn chỉ của Tam giáo vốn không khác nhau, đều cùng một lý. Nhà Nho khi nghe đến thuyết nhân quả là do nhà Phật nói ra, liền quy cho những chuyện như thuận đạo tốt, nghịch đạo xấu, nhân quả theo nhau như bóng với hình, như tiếng vọng với âm thanh... hết thảy đều là của nhà Phật. Lại cho rằng người chết rồi không còn có đời sau, làm thiện làm ác đều không có báo ứng... Nhưng ví như người không tin nhân quả thì chẳng có gì phải sợ sệt, rốt cùng hẳn chỉ muốn làm kẻ tiểu nhân mà thôi.

Đức Văn Xương Đế Quân, hiện thân hiền thánh trong đời để thuyết pháp, soạn ra bài văn Âm chất để răn dạy người đọc sách, ngay từ đầu đã viết rằng: “Ta trải qua mười bảy đời đều sinh ra làm kẻ sĩ...” Như vậy rõ ràng đời này quyết còn có đời sau, chưa từng dứt mất. Tiếp đó lại viết: “Người giữ lòng lành được như ta, trời ắt ban phúc”, cho thấy chuyện thiện ác rõ ràng là có báo ứng, không mảy may sai lệch. Đến cuối bài lại viết: “Ngưỡng vọng thánh hiền xưa, thận trọng xét mình không lầm lỗi; hết thảy

việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo.” Thật càng biểu hiện rõ, chưa từng thấy ai có tấm lòng thương đời cứu người hết sức khó nhọc, chân thành chí thiết đến như thế, quả không phải việc nhà Nho chúng ta có thể gánh vác chu toàn, chẳng sợ làm hỏng việc mất sao?
Tiên sinh Chu An Sĩ đọc qua hết các sách của Tam giáo, chọn lọc các luận điểm của trăm nhà, rồi mang bài văn Âm chất của Văn Xương Đế Quân ra phân tích từng câu từng chữ thật tường tận, đưa vào các chú giải, chú thích, hết sức rõ ràng minh bạch, lại giảng rộng thêm vào những chỗ ý thú chưa trọn vẹn, phát huy những nghĩa lý mầu nhiệm trước đây chưa từng được nghe, gạn lọc bỏ đi những chuyện tầm thường hủ bại, viễn vông không đúng thật, dứt khoát phá trừ những kiến thức thiển cận, hạn hẹp, như thế suốt thông hơn mười vạn câu, lấy tên là Âm chất văn quảng nghĩa.
Tiên sinh Tiêu Tụng Hy đọc qua hết sức ngợi khen thích thú, chỉ lấy làm tiếc vì việc khắc bản in còn dở dang chưa được nửa phần, lập tức đứng ra khởi xướng quyên góp cho việc này. Tiếp theo lại được các ông Cố Thọ Kỳ, Kim Nghiêu Phong, La Doãn Mai hợp lực hỗ trợ, huynh đệ tiếp nối nhau cùng gắng sức nên việc được thành tựu.
Khi việc khắc bản hoàn tất, Chu Tiên sinh muốn tôi viết cho lời tựa. Tôi đọc qua sách này rồi cảm thán rằng: “Tiên sinh đã có thể thương xót dùng lời răn dạy để sửa lỗi cho những kẻ sai lầm, các vị huynh đệ lại có thể cùng nhau quyên góp giúp sức làm nên việc tốt đẹp cho người đời. Tâm lành hội tụ, càng thêm huy hoàng lợi lạc, chỉ mong sao những ai có duyên may được đọc sách này đều tự thân ra sức thực hành, tự mình hướng thiện rồi dẫn dắt người khác cùng nhau tiến lên.”
Những lời vàng ngọc của Đế Quân không thể để đi vào quên lãng, ắt phải được rộng truyền đến tất cả những kẻ có lòng, đâu chỉ giới hạn ở năm ba người quân tử. Tôi thật kỳ vọng ở việc này lắm thay!

Lâu Đông Đường Tốn Hoa kính ghi

Văn Xương Đế Quân Âm chất văn

Đế Quân nói rằng: "Ta trải qua 17 đời sinh ra làm kẻ sĩ có quyền thế, chưa từng bạo ngược với dân, tàn khốc với thuộc cấp; thường cứu người khi nguy nan, giúp người khi khẩn thiết, thương xót người cô độc, khoan thứ kẻ lỗi lầm, rộng làm những việc phúc thiện, tích âm đức, thấu tận trời xanh. Nếu ai có thể giữ tâm hiền thiện như ta, ắt được trời ban phước lành. Do đó mà ta có lời răn dạy mọi người rằng:

'Xưa Vu Công giữ việc xử án, xây cổng lớn đợi xe bốn ngựa; họ Đậu giúp đỡ muôn người, một cội sinh năm cành quế; Tống Giao cứu đàn kiến, trúng tuyển trạng nguyên; Thúc Ngao chôn xác rắn, sau làm tể tướng. Muốn tạo ruộng phước rộng sâu, ắt phải dựa vào một tấm lòng này; ngày ngày thường dùng các phương tiện, làm đủ mọi việc lành, tích âm đức; lợi người lợi vật, làm thiện tích phước. Chính trực thay trời hành đạo dạy người, mở rộng lòng từ, vì nước cứu dân.

Đối xử với người phải giữ lòng trung, với cha mẹ ông bà phải hết lòng hiếu thảo; với anh em phải giữ lòng kính trọng, thương yêu lẫn nhau, với bạn hữu phải giữ lòng tin cậy. Hoặc phụng chân triều đẩu, hoặc thờ Phật học kinh, thường nhớ nghĩ làm theo lời Phật dạy. Báo đáp bốn ơn sâu, thực hành rộng khắp theo Tam giáo.

Giúp người khẩn cấp như cá mắc cạn; cứu người nguy nan như chim bị lưới siết. Xót thương trẻ mồ côi, giúp đỡ người góa bụa; kính trọng người già, thương kẻ nghèo khó; chu cấp cơm ăn áo mặc cho người lỡ đường đói rét; giúp quan quách cho nhà nghèo khó để thi hài người chết được ấm cúng. Nhà giàu sang phải nâng đỡ thân thích; mất mùa đói kém phải cứu giúp lối xóm. Cân đo phải công bằng, không được bán ra non, thu vào già. Với kẻ dưới phải khoan thứ, không nên khắc nghiệt, soi mói.

Nên góp phần in ấn rộng truyền kinh sách, xây dựng tu sửa chùa chiền, tu viện. Giúp thuốc thang cứu người bệnh khổ, giúp nước uống giải cơn khát cho người. Hoặc bỏ tiền mua vật sống phóng sinh, hoặc ăn chay từ bỏ sự giết hại. Mỗi khi cất bước, phải chú ý quan sát để không giẫm đạp các loài côn trùng; không đốt lửa gây cháy rừng cháy núi. Đêm tối giúp người đi đường có đèn soi sáng; sông rộng giúp thuyền bè đưa người qua lại. Không dùng lưới bắt các loài chim thú trên cạn, không dùng thuốc độc bắt các loài cá tôm dưới nước. Không giết thịt trâu cày; không vất bỏ giấy có chữ viết. Không mưu mô lấy tài sản người khác; không ganh tỵ với người có tài năng kỹ xảo. Không tư tình tà niệm với vợ người. Không xúi giục người trong việc tranh tụng. Không hủy hoại đường danh lợi của người khác, không làm tan vỡ chuyện hôn nhân của người. Không vì chuyện thù oán riêng mà làm cho anh em nhà người sinh chuyện bất hòa; không vì chút lợi nhỏ cho riêng mình mà khiến cha con người khác trở thành xung khắc. Không dựa vào quyền thế làm nhục kẻ hiền lương; không ỷ mình giàu sang khinh rẻ người cùng khốn.
Gặp người hiền thiện phải thân cận, gần gũi, vì có thể giúp ta tăng thêm đức tốt của tâm, hạnh lành của thân. Gặp người xấu ác phải xa lánh ngay, vì chỉ trong chớp mắt có thể mang đến cho ta tai họa khôn lường. Thường phải tu tập dẹp trừ điều xấu ác, phát huy những việc tốt lành; miệng nói ra những lời đúng thật thì trong lòng không được nghĩ điều sai quấy. Phát dọn gai góc lùm bụi chướng ngại đường sá, dọn sạch đá gạch ngăn giữa lối đi. Đường sá gập gềnh đã lâu năm thì góp sức tu sửa, san phẳng; sông rộng có ngàn vạn người thường qua lại thì ra công bắc cầu.
Lấy tình thương ngỏ lời dạy bảo, sửa lỗi cho người. Quyên góp tiền bạc giúp người thành tựu những điều tốt đẹp. Làm việc gì cũng noi theo đạo lý, nói ra lời nào cũng thuận với lòng người. Kính ngưỡng bậc thánh hiền tiên

triết, dù đi đứng nằm ngồi vẫn thường nghĩ nhớ; cẩn thận giữ gìn phẩm hạnh để lúc một mình tĩnh tâm không thấy có gì phải hổ thẹn với lòng. Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo.
Vĩnh viễn không gặp điềm dữ, thường thường được thiện thần giúp đỡ. Phước báo đến nhanh thì tự thân được hưởng, chậm thì lưu lại đến cháu con. Trăm điều phúc lành đồng thời đến, ngàn việc tốt đẹp hội tụ về, chẳng phải nhờ việc tích tạo âm đức mà được như thế đó sao?

Phần bổ khuyết

Tiên sinh An Sĩ biên soạn sách này, từ những lý lẽ, sự kiện cho đến văn chương ý nghĩa đều trọn vẹn, chu đáo.
Tuy nhiên, có 5 sự việc là:
1. Hóa thân sau cùng của Đế Quân
2. Vu Công giữ việc xử án
3. Đậu thị giúp đỡ muôn người
4. Tống Giao cứu kiến
5. Thúc Ngao chôn xác rắn

Tiên sinh khi khảo xét các chuyện này, hoặc vì có những chuyện chưa từng được chính thức ghi chép, hoặc vì có những chuyện thấy đã đăng tải đầy đủ nơi các sách khác, người đời sau đều rõ biết, nên lược bỏ đi.
Thế nhưng, như thế thì những người chưa từng đọc qua nhiều sách vở hẳn không thể biết được những chuyện này. Đây quả thật là một điều hết sức đáng tiếc cho đời sau. Vì vậy, nay căn cứ vào các bản chú thích, dẫn chứng của bài văn Âm chất để ghi chép thêm vào bản in lần này các chuyện nói trên, khiến cho sự thật được rõ ràng.
Nhưng cũng chỉ là y theo nguyên văn mà chép lại, không sửa đổi gì cả.
Thích Ấn Quang kính ghi

Hóa thân sau cùng của Đế Quân

Đế Quân sinh vào đời nhà Tấn, họ Trương, tên Á, tổ tiên vốn người đất Việt, sau dời về đất Thục, sống ở Tử Đồng (Tứ Xuyên). Ngài lớn lên tuấn tú nho nhã, tánh tình phóng khoáng, độ lượng, văn chương diễm tuyệt, sáng rõ mà khoáng đãng, trở thành bậc thầy nơi đất Thục. Cảm khái trước thời cuộc bất ổn lúc bấy giờ, ngài lên đường chu du phương xa. Về sau, những môn nhân đã từng theo học liền cùng nhau lập đền thờ ngài, đề tên là Văn Xương Quân.

Vào đời nhà Đường, hai vị vua là Đường Huyền Tông và Đường Hy Tông nhân khi tránh giặc loạn chạy vào đất Thục, đều được ngài hiển linh bảo vệ, giúp đỡ. Giặc yên, vua xuống chiếu phong ngài là Tấn vương. Người đời sau tôn xưng là Đế, đều là do nơi lòng tôn kính đối với ngài.

Vu Công xử án, xây cổng lớn đợi xe bốn ngựa

Vu Công sinh vào thời nhà Hán, người quận Đông Hải, giữ chức quan coi việc xử án trong huyện. Quận Đông Hải có người thiếu phụ góa chồng hết sức hiếu thảo, quyết lòng ở vậy thủ tiết thờ chồng, nuôi dưỡng mẹ chồng vô cùng chu đáo. Mẹ chồng thương, sợ mình làm cản trở việc tái giá của con dâu, liền treo cổ tự vẫn. Đứa con gái bà lại vu cáo rằng cô con dâu đã bức tử mẹ chồng. Người góa phụ kia không sao tự mình biện bạch.

Vu Công biết là án oan, cố sức bảo vệ, nhưng quan thái thú khi ấy chẳng nghe lời. Người góa phụ bị xử tội chết. Liền sau đó quận Đông Hải bị hạn hán suốt 3 năm.

Nhân khi có quan thái thú mới đến thay, Vu Công mang vụ án oan trình lên. Quan thái thú nhờ ông đến trước mộ người góa phụ hiếu thảo bị oan mà cúng tế. Ngay sau đó trời đổ mưa lớn.

Vu Công làm việc, mỗi khi đưa ra nhận định, phán đoán quyết án đều được người dân kính phục nghe theo. Cổng lớn nhà ông bị đổ, các vị phụ lão hương thân cùng kéo đến bàn việc xây lại. Vu Công nói: “Nên làm cổng

sao cho xe bốn ngựa sau này có thể đi qua được. Ta giữ việc xử án, tích chứa nhiều âm đức, chưa từng quyết xử oan uổng, con cháu sau này ắt phải hưng thịnh.”

Sau con trai ông có công lớn với nước nhà, quả nhiên làm đến chức Thừa tướng, được phong tước Bình Tây Hầu, con cháu đời đời được nối truyền giữ chức Ngự sử Đại phu.

Họ Đậu giúp đỡ muôn người, một cội sinh năm cành quế

Thời Ngũ đại, Đậu Vũ Quân người Yên Sơn, đã hơn 30 tuổi mà chưa có con. Một hôm nằm mộng thấy ông nội đã mất hiện về dạy rằng: “Con chẳng những là không có con, mà còn yểu mạng nữa. Nên sớm lo tu dưỡng phước đức, cầu chuyển mệnh trời.”

Đậu Vũ Quân do chuyện ấy mà nỗ lực làm nhiều việc thiện. Có người giúp việc trong nhà lấy trộm của ông hai trăm ngàn đồng tiền, chuyện vỡ lở, liền tự viết giấy bán đứa con gái nhỏ để bồi hoàn. Giấy viết rằng: “Tôi bán đứa con gái này vĩnh viễn, để bồi thường vào khoản tiền thiếu nợ.” Về sau, người này lại trốn đi mất. Đậu Vũ Quân thương xót, liền đốt giấy nợ, nhận đứa con gái ấy làm con nuôi, lớn lên lại lo chu đáo việc chọn nơi gả chồng. Những người thân thích nội ngoại, nhà ai có tang mà nghèo túng không thể lo liệu, ông đều xuất tiền giúp việc mai táng; nhà ai có con gái không đủ tiền lo việc cưới gả, ông cũng xuất tiền giúp cho.

Ông tính toán thu nhập trong mỗi năm, giữ lại vừa đủ chi dùng trong năm, còn bao nhiêu đều mang ra giúp đỡ người khác hết. Sinh hoạt trong gia đình lại hết sức cần kiệm, không vàng ngọc trang sức, không thê thiếp nàng hầu. Ông lập một thư viện ở góc phía nam trong nhà, sưu tập được đến hơn ngàn quyển sách, rồi mời thầy đến mở lớp dạy học cho những học trò mồ côi hoặc nghèo khó ở khắp nơi, cung cấp đầy đủ mọi nhu cầu ăn học. Những người nhờ ông giúp đỡ như thế về sau được hiển đạt rất

nhiều.
Chẳng bao lâu sau, ông liên tiếp sinh được 5 người con trai, tất cả đều thông minh tuấn tú. Sau đó, ông lại nằm mộng thấy ông nội hiện về nói: “Từ nhiều năm nay, con làm được những việc công đức lớn lao lắm. Tên con nay đã được ghi trên sổ thiên tào, con sẽ sống thêm được 3 kỷ nữa. Năm đứa con rồi đầy đều sẽ được vinh hiển. Con nên cố gắng làm việc thiện nhiều hơn, không được lười nhác, thối thất tâm lành xưa nay.”
Về sau, con trưởng của ông là Đậu Nghi làm đến chức Lễ Bộ Thượng Thư. Con thứ là Đậu Nghiễm làm đến Lễ Bộ Thị Lang. Con thứ ba là Đậu Khản làm quan Tả Bổ Quyết. Con thứ tư là Đậu Xưng làm Tả Gián Nghị Đại phu, được tham gia những việc chính sự quan trọng. Con thứ năm là Đậu Hy làm quan Khởi Cư Lang. Tám người cháu sau đó cũng đều được vinh hiển phú quý.
Ông thọ đến 82 tuổi, một hôm không bệnh, trong lúc đang cùng thân quyến trò chuyện cười nói, bỗng an nhiên mà đi.
Bậc danh sĩ là Phùng Đạo có bài thơ tặng ông như sau:
Yên Sơn có Đậu Vũ Quân,
Dạy con theo đạo nghĩa nhân chí tình,
Cha lành một cội uy linh,
Sinh con hiển hách năm cành quế thơm.
Tống Giao cứu kiến, trúng tuyển trạng nguyên
Đời nhà Tống, có hai anh em là Tống Giao, Tống Kỳ. Một hôm đang cùng ngồi đọc sách, có vị tăng nhìn thấy, xem tướng mạo rồi nói: “Người em sẽ chiếm bảng khôi nguyên, người anh cũng sẽ đậu cao.”
Mùa xuân năm sau, vị tăng ấy gặp lại, vui mừng nói với người anh là Tống Giao rằng: “Con hẳn đã từng cứu sống được trăm vạn sinh mạng!” Tống Giao bật cười nói: “Con là học trò nghèo khổ, có sức đâu làm được việc

như thế!”
Vị tăng nói: “Không nhất thiết phải là việc cứu người, dẫu muôn loài trùng bọ có sự sống đều kể là sinh mạng.”
Tống Giao nói: “Có một tổ kiến bị mưa lớn tràn ngập, con lấy cành trúc làm cầu cứu sống đàn kiến. Có lẽ là việc ấy chăng?”
Vị tăng nói: “Quả đúng vậy rồi. Do chuyện này mà năm nay em con tuy vẫn chiếm khôi nguyên, nhưng cuối cùng rồi con không thể kém nó.”
Đến kỳ công bố kết quả thi, quả nhiên Tống Kỳ đậu trạng nguyên. Triều đình lập biểu chương trình lên Thái hậu. Thái hậu xem qua, cho rằng em không thể đặt trên anh, liền phóng bút sửa bài Tống Giao thành đệ nhất, còn Tống Kỳ thì từ đệ nhất (一) thêm vào một nét thành đệ thập (十).
Khi ấy mới biết lời vị tăng đã nói quả nhiên không sai.

Thúc Ngao chôn rắn, sau làm tể tướng

Tôn Thúc Ngao người nước Sở, thuở thiếu thời thường đi chơi đó đây. Một hôm nhìn thấy con rắn có hai đầu, liền giết đi rồi đem chôn. Về nhà lo buồn bỏ ăn. Người mẹ gạn hỏi sự việc, Thúc Ngao khóc mà nói rằng: “Con nghe người ta nói rằng ai nhìn thấy rắn hai đầu ắt phải chết. Hôm nay con đã nhìn thấy, sợ rằng phải chết mà bỏ mẹ.”
Người mẹ hỏi: “Hiện giờ con rắn ấy ở đâu?”
Thúc Ngao đáp: “Con sợ có người khác nhìn thấy nó mang hại nên đã giết mang chôn đi rồi.”
Người mẹ nói: “Đừng lo, mẹ nghe nói rằng người làm việc tích âm đức ắt được báo ứng tốt đẹp. Con ngày sau ắt sẽ được hưng vượng nơi đất Sở này.”
Quả nhiên, về sau Tôn Thúc Ngao làm Lệnh Doãn, giữ quyền chính nước Sở.
Thư mục kinh sách tham khảo trong Tam giáo

1. A-dục vương kinh
2. A-xà-thế vương thọ quyết kinh
3. Bắc ngụy sử
4. Bách duyên kinh
5. Bà-sa luận
6. Bộ hư kinh
7. Bút thừa
8. Cảm ứng thiên khuyến trừng lục
9. Cát an phủ cựu chí
10. Chánh pháp niệm xứ kinh
11. Chiết phục la-hán kinh
12. Chu lễ
13. Chu thư dị ký
14. Cổ sử đàm uyển
15. Côn sơn huyện chí
16. Công quá cách
17. Danh thần ngôn hành lục
18. Di-lặc hạ sanh kinh
19. Đại A-di-đà kinh
20. Đại Bảo Tích kinh
21. Đại Bát Niết-bàn kinh
22. Đại Bát-nhã kinh
23. Đại phương quảng tổng trì kinh
24. Đại quyền Bồ tát kinh
25. Đại tạng nhứt lãm
26. Đại tập kinh
27. Đại Trí độ luận

28. Đạo tạng pháp luân kinh
29. Đạo tạng toàn tập chú
30. Đồng nhơn phủ chí
31. Đường thư
32. Giải thoát yếu môn
33. Hán pháp bổn nội truyện
34. Hán thư
35. Hiền ngu nhơn duyên kinh
36. Hiện quả tùy lục
37. Hộ pháp luận
38. Hoa nghiêm kinh
39. Hoang chánh bị lãm
40. Hoằng minh tập
41. Hoàng minh thông kỷ
42. Học sĩ yếu châm
43. Khởi thế nhơn bổn kinh
44. Khổng tử tập ngữ
45. Kim cang kinh giải
46. Kim sử
47. Kim thang biên
48. Kinh luật dị tướng
49. Lăng nghiêm kinh
50. Lão tử thăng huyền kinh
51. Lập thế A-tỳ đàm luận
52. Lâu thán chánh pháp kinh
53. Lâu-chí trưởng giả kinh
54. Lễ ký

55. Liệt tử
56. Linh bảo kinh
57. Lương Cao tăng truyện
58. Lương hoàng bảo sám
59. Lương thư
60. Mặc tử truyện
61. Minh báo thập di
62. Minh tường ký
63. Mộng khê bút đàm
64. Nam xương phủ chí
65. Nghiệp báo sai biệt kinh
66. Ngũ mẫu tử kinh
67. Nhật minh Bồ tát kinh
68. Nhật tri lục
69. Phân biệt công đức kinh
70. Pháp cú dụ kinh
71. Pháp giới an lập đồ
72. Pháp hoa kinh
73. Pháp hỷ chí
74. Pháp uyển châu lâm
75. Phát giác tịnh tâm kinh
76. Phật tổ thông tải
77. Phó pháp tạng kinh
78. Phước báo kinh
79. Quần tiên châu ngọc
80. Quảng nhơn lục
81. Quảng từ biên

82. Sa-di luật
83. Sử ký chánh nghĩa
84. Sử lâm
85. Tả truyện
86. Tam giáo bình tâm luận
87. Tam thiên phật danh kinh
88. Tấn thư
89. Tạp bảo tạng kinh
90. Tạp thí dụ kinh
91. Thái thượng thanh tịnh kinh
92. Thánh học tông truyện
93. Thiền bí yếu kinh
94. Thiên nhơn cảm thông kỷ
95. Thọ đề già kinh
96. Thư kinh
97. Thượng phẩm đại giới kinh
98. Thượng thanh kinh
99. Thượng trực thượng lý biên
100. Thụy châu phủ chí
101. Thủy sám duyên khởi
102. Tiểu học
103. Tiêu ma an chí kinh
104. Tịnh minh chơn kinh
105. Tô châu phủ chí
106. Tỏa vi quản kiến
107. Tống sử
108. Triều dã thiêm tải

109. Trúc song tam bút
110. Trường sanh yếu chỉ
111. Truy môn sùng hành lục
112. Truyền đăng lục
113. Tú hổ hiên thứ tập
114. Tứ phần luật
115. Tư trị thông giám
116. Tùng giang phủ chí
117. Tùy đường kỷ sự
118. Tùy thư
119. Ưu-bà-tắc giới kinh
120. Vân cấp thất tiên
121. Văn hiến thông khảo
122. Vận ngữ dương thu
123. Văn Xương hóa thư
124. Viên châu phủ chí
125. Xuất diệu kinh
126. Xương lê văn tập

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (1)

Quyển thượng

Côn Sơn – Chu Mộng Nhan, hiệu An Sĩ trước thuật

Ta trải qua mười bảy đời sinh ra làm kẻ sĩ có quyền thế

Giảng rộng:

- Phải tin có đời sau

Trong bài văn này, thảy đều là lời của đức Đế Quân hiện thân thuyết pháp, nên xưng là “ta” để mở đầu. Nói “trải qua mười bảy đời”, là đặc biệt muốn đem phần bản lai diện mục tiềm ẩn trong cái gọi là “thân của ta” này, từ xưa đến nay, trải qua bao kiếp sinh tử vẫn chưa từng hư hoại, mà chỉ rõ cho người sau được biết.

Người đời chỉ vì sinh ra chẳng biết mình từ đâu đến, chết đi cũng chẳng biết về đâu, nên cho rằng chết đi thì thân tâm đều dứt mất, không có đời sau. Do đó mà buông thả mọi hành vi, không chút e dè sợ sệt. Đế Quân vì hết sức lo sợ cho hạng người mê lầm như thế, tự mình sai lầm rồi lại dẫn dắt người khác sai lầm theo, khiến cho sự si mê độc hại ấy không khi nào dứt được, nên đem chuyện của chính tự thân mình đã “trải qua mười bảy đời” mà chính thức nói rõ cho mọi người đều biết. Nếu Đế Quân đã trải qua mười bảy đời, hẳn nhiên tất cả chúng ta cũng từng trải qua mười bảy đời như thế. Do đó, nếu siêng làm việc thiện, nghĩ đến đời sau sẽ được phước báo, ấy là điều tất nhiên. Nếu không làm việc thiện mà nghĩ đến đời sau sẽ được phước báo, ắt là việc không thể có.

Quả thật là:

Người đời chỉ biết đến xuân sau,
Cỏ hoa sinh từ hạt giống cũ.
Nếu biết còn có đời sau nữa,
Nhân thiện tự nhiên gắng sức trồng.

Nếu hiểu đúng được câu mở đầu của bài văn này như trên, xem như đã hiểu được hơn phân nửa bài văn rồi.

- Ta là chủ, thân là khách

Người đời đọc kinh sách, thường do tâm thô thiển, ý vọng động, nên không thể suy xét sâu xa mà tự nhiên lãnh hội. Đối với khái niệm về những danh xưng như “thân” và “ta”, thường không khỏi rơi vào chỗ hoang mang lẫn lộn. Nếu có thể nhận rõ được rằng “thân” có thể chỉ cho “ta” nhưng “ta” không thể chỉ cho “thân”, thì có thể hiểu được rằng “ta” mới chính là chủ, còn “thân” chỉ là khách tạm. Đã là “chủ” thì tất nhiên sẽ thường còn qua muôn kiếp, không hề có sinh có tử; còn đã là “khách tạm” thì hẳn phải có đến có đi, thay hình đổi dạng.

Ví như người đi xa, có lúc chèo thuyền, có lúc ngồi kiệu, lại có lúc cưỡi ngựa, có lúc lái xe... phương tiện thay đổi đủ loại, nhưng người không hề thay đổi. Thuyền, kiệu, ngựa, xe... ấy chính là thân, là khách, mà người chèo thuyền, ngồi kiệu, cưỡi ngựa, lái xe, ấy chính là ta, là chủ.

Lại ví như người được phân vai đóng kịch, có lúc giả làm vua chúa, có lúc giả làm quan lại, cũng có lúc giả làm người ăn mày... thường thay đổi đủ hình dạng, nhưng người thật không thay đổi. Vua chúa, quan lại, ăn mày... ấy chính là thân, là khách; mà người đóng vai vua chúa, quan lại, ăn mày... ấy chính là ta, là chủ.

Nếu chỉ lấy trong một thân hiện tại này mà nói, thì cái khả năng “thấy hình nghe tiếng” chính là thuộc về thân, là khách, mà người “thấy hình nghe tiếng” mới chính là ta, là chủ. Vì thân có sinh có tử, nên về già thì mắt dần

mờ, tai dần điếc. Ta là chủ thật không sinh không tử, nên mắt tuy có mờ mà người thấy không mờ, tai tuy có điếc nhưng người nghe không điếc.
Cho nên quyết rằng:
Nếu nói thấy, nghe là ta,
Khác nào nhận giặc vào nhà làm con?
Cho nên, người có trí tuệ nương theo tánh thể lớn lao, có thể sử dụng thân giả tạm này làm phương tiện tu tập. Ngược lại, kẻ si mê tự che mờ tánh thể, trở thành nhỏ hẹp, đánh mất đi vị thế chủ nhân nên luôn bị thân giả tạm này sai sử.
- Sống chết qua nhiều đời
Nếu như đã có 17 đời qua, ắt có thể có 70 đời, 70 kiếp sống, thì cũng có thể có vô lượng vô số kiếp sống. Như vậy, cái "ta" của Đế Quân nói đến ở đây là vô cùng, mà cái "ta" của tất cả chúng ta cũng là vô cùng tận. Và nếu Đế Quân đã có thể sinh ra làm "kẻ sĩ", làm bậc "đại phu", thì cũng có thể sinh ra làm thân trời, thân rồng... trong 8 bộ, cũng có thể sinh làm thân trong địa ngục, ngạ quỷ... Thân của Đế Quân như thế là không nhất định, thì thân của tất cả chúng ta cũng là không nhất định.
Đế Quân đã thác sinh nhiều đời như thế, tất nhiên mỗi đời đều có cha mẹ, thân thích quyến thuộc, số ấy phải là rất nhiều. Đế Quân đã có thân thích quyến thuộc đời trước nhiều như thế, ắt tất cả chúng ta cũng đã có rất nhiều thân thích quyến thuộc trong đời trước, không khác.
Cho nên, nói "ta" đó chính thật là chủ nhân ông; nói "mười bảy đời qua" đó chính là vô thường sớm tối; nói "làm" thân này thân khác, đó chính là nhân duyên tan hợp; nói "kẻ sĩ có quyền thế" đó chỉ là khái niệm tốt xấu do người dựng lên, khác nào pho tượng gỗ; nói "thân" đó chỉ là cái túi da đựng xương thịt, quả thật rất khó chỉ rõ cho người đời biết được.
- Vì sao nên có thuyết về đời sau

Chuyện đời trước đời sau khác nào như ngày lại ngày qua, mặt trời mọc lặn; chúng sinh lặn ngụp trong luân hồi vốn là sự thật như thế, hoàn toàn không phải do nhà Phật mà có. Ví như các cơ quan lục phủ ngũ tạng đều là sẵn có trong người bệnh nhân, lẽ đâu chỉ vì nghe những tên gọi ấy được nói ra từ miệng thầy thuốc rồi lại cho rằng những thứ ấy hẳn nằm trong giỏ thuốc?

Nếu người ta thật không có đời sau, không lưu chuyển luân hồi, ắt là trong thế gian phải thấy có lắm sự bất bình, mà bao nhiêu luận thuyết của các bậc thánh hiền thảy đều không đủ bằng chứng để tin nhận. Chẳng hạn như đức Khổng tử nói rằng: "Người có lòng nhân được sống lâu", rồi ngài cũng hết lời ngợi khen Nhan Hồi là người có lòng nhân, thế nhưng Nhan Hồi lại yểu mạng! Kẻ trộm cướp tàn độc như Đạo Chích thật hết sức bất nhân, nhưng lại được sống lâu! Thế thì bậc hiền nhân độ lượng dù nỗ lực làm người hiền thiện cũng chỉ luống công vô ích, mà những kẻ xấu xa nhỏ mọn lại vui mừng hể hả làm người xấu ác. Như vậy có còn gì là nề nếp, trật tự trong đời?

Chỉ nêu lên thuyết về đời sau mới giải tỏa được tất cả những điều đó, vì như vậy thì kẻ làm thiện mới được khuyến khích, kẻ làm ác mới bị trừng trị; trời xanh cũng không mang tiếng là bất công hồ đồ, mà Khổng tử cũng không bị chê bai là người vô trí. Lớn lao thay, chỉ một câu "trải qua mười bảy đời" do Đế Quân nói ra đã nêu rõ thuyết ấy!

- Những cách hiểu sai lầm về đạo Phật

Giáo thuyết "hư vô tịch diệt", rỗng không vắng lặng của nhà Phật, chẳng phải là chỗ đau đớn căm hận của nhà Nho đó sao? Vì đã căm hận, nên không thể tự mình học hỏi noi theo. Ngày nay, những người mang giáo lý nhà Phật ra giảng giải để khuyên dạy người đời ắt thường nói rằng: "Làm việc thiện được hưởng phước báo, làm việc ác phải gặp tai họa, rõ ràng có

nhân có quả, rằng trong chỗ vô hình thật có quỷ thần. Những gì đã qua, ấy là kiếp trước; tương lai chưa đến, ấy là đời sau.” Từng bước từng bước trình bày như thế, đều là có căn cứ đúng thật. Nhưng thử hỏi, đối với hai chữ “hư vô” làm sao có thể thêm gì vào đó?

Những người bài bác đạo Phật thường cho rằng thiên đường địa ngục chỉ là hoang đường bịa đặt, kiếp trước kiếp sau thật mơ hồ mù mịt không thể biết, rằng thân này khi sinh ra chẳng quan hệ gì đến trước đó, chết đi cũng chẳng để lại dấu vết gì. Bình tâm suy xét kỹ, cách nghĩ như thế thật trùng khớp với căn bệnh đã nằm ngay trong hai chữ “hư vô”.

Người học Phật thực sự nói rằng: “Thân tứ đại này tuy có hư hoại, nhưng chân tánh không hề có sinh tử.” Những người bài bác đạo Phật lại nói khác đi rằng: “Không có kiếp trước, chẳng có đời sau.” Phàm khi nói rằng bỏ thân này ắt thọ thân khác, ấy là tuy có “tịch” nhưng không phải dứt mất, tuy có “diệt” nhưng chẳng phải hoại diệt hoàn toàn. Nếu như bỏ một thân này mà sau không thọ thân khác, thì đó là một lần “tịch” sẽ mãi mãi dứt mất, một lần “diệt” sẽ vĩnh viễn không còn. Bình tâm tự xét lại, thử hỏi hai chữ “tịch diệt” đó, rốt cuộc thì ai là người thọ nhận? Than ôi! Thân hình quá to lớn cục mịch, trở lại chê trách phòng lớn của người là nhỏ hẹp, thật sai lầm thái quá!

- Tác hại của việc không tin có đời sau

Cầm dao giết người, bất quá cũng chỉ chém được vào da thịt người. Nếu nói rằng không có đời sau, đó chính là chặt đứt mạng căn trí tuệ của người khác. Chém vào da thịt thì chỉ làm hại một kiếp sống này thôi, nhưng chặt đứt mạng căn trí tuệ là giết người trong nhiều đời nhiều kiếp. Cho nên phải biết rằng, khuyên người bỏ ác làm lành là chuyện thứ yếu, mà trước tiên cần phải biện minh làm rõ rằng có đời nay ắt phải có đời sau, đó mới là lời căn bản thiết yếu nhất.

Nếu kẻ xấu ác tiểu nhân nói ra lời phản bác rằng không có đời sau, ắt người nghe thảy đều khinh thường bỏ qua. Cũng giống như kẻ muốn hại người nhưng đem thuốc độc bỏ vào thức ăn đã bốc mùi ôi thiu, ắt chẳng mấy ai chịu ăn, nên tai hại cũng không đáng kể.

Nhưng nếu những lời phản bác không có đời sau lại do người có uy tín học thức nói ra, ắt sẽ có nhiều người tôn trọng mà tin theo. Cũng ví như đem chất kịch độc mà bỏ vào các món cao lương mỹ vị, ắt phải có nhiều người ăn, nên tác hại thật là ghê gớm. Như người có khả năng biện bác cứng cỏi rành mạch, một bề giữ tâm cứu người giúp đời, quyết không theo hùa với những lời như thế, ắt sẽ được công đức hết sức lớn lao.

Lợi ích của việc tin có đời sau

Những người từng học sách Nho, không khỏi vẫn còn ảnh hưởng trong tâm tính. Vì thế, khi nghe nói đến thuyết luân hồi, bất luận có tin theo hay không cũng chẳng tự mình nói ra. Nay được nghe thuyết “trải qua mười bảy đời” được ghi trong chính những lời giáo huấn của Đế Quân, quả thật như trải cả gan ruột mà nói với người đời.

Vì sao vậy? Chỉ nói đối với những người không biết có đời sau, bấm tay tính đếm tương lai, ắt thấy chẳng còn được bao lâu. Nay nghe biết rằng thân xác thịt này tuy có chết nhưng chân tánh không diệt mất, có thể ngay đó hiểu rằng tuổi thọ của ta từ xưa đến nay thật dài lâu như trời đất. Cho nên, có thể thay đổi từ thọ mạng ngắn ngủi trở thành trường thọ, chính là thuyết “trải qua mười bảy đời” này.

Lại nói đối với những người không biết có kiếp trước, ắt khi nhìn qua các bậc thiên đế, thiên tiên, đế vương, khanh tướng... trong đời, tự nhiên quay lại thấy mình thật quá nhỏ nhoi hèn kém. Nay được nghe biết có sáu đường luân hồi, cao thấp qua lại lẫn nhau, thì biết rằng những cảnh hào quý cao sang hẳn mình cũng đã từng trải qua trong bao kiếp trước. Cho

nên, có thể làm cho phú quý với bần tiện được bình đẳng như nhau, chính là thuyết "trải qua mười bảy đời" này.

Lại nói đối với những người không hiểu được là mọi việc đều có nhân từ trước, hẳn mỗi khi gặp điều trái ý đều không khỏi sinh tâm oán hận. Nay hiểu ra được rằng mọi điều vinh nhục, được mất... trong đời đều do nghiệp đã tạo từ trước mà có, thì cho dù có gặp phải những điều trái nghịch nhiều hơn nữa, cũng có thể an nhiên nhẫn chịu. Cho nên, có thể làm tiêu tan sự tức tối oán hận mà khiến tâm được an hòa bình ổn, chính là thuyết "trải qua mười bảy đời" này.

Lại nói đối với những người không hiểu chuyện họa phước nên không từ bất cứ việc xấu ác nào, nay biết được rằng làm việc thiện thì tự thân được an vui, gây hại cho người khác chính là tự hại mình, ắt là trong chỗ tối tăm mù mịt tự nhiên khởi tâm run sợ trước việc ác, mà ưa thích làm điều lành. Cho nên, có thể biến kẻ tham ác hung tàn thành người lương thiện, chính là thuyết "trải qua mười bảy đời" này.

Lại nói đối với những người không tin nhân quả, nên khi thấy người hiền gặp tai họa, kẻ ác được phước lành, liền cho rằng đạo trời chẳng công bằng. Nay nếu suy xét kỹ chuyện kiếp trước đời sau, ắt sẽ thấy rằng mọi việc thiện ác, phúc họa, căn bản đều không một mảy may sai lệch. Cho nên, có thể chuyển hóa ngu si thành trí huệ, chính là thuyết "trải qua mười bảy đời" này.

Quả thật là:

Một lời, hiểu thấu ý chân thật,
Đâu cần nhọc sức học muôn câu?

Trưng dẫn sự tích

Trời giúp đạo Nho hưng khởi

Đế Quân kể rằng: Ta dạo chơi trong chốn nhân gian, đến vùng Hội Kê, Sơn Âm, nhìn thấy một người ở ẩn, khoảng ngoài năm mươi tuổi, đang thắp hương khấn trời cầu sinh con nối dõi. Khi ấy là giữa mùa xuân, nhằm lúc giữa đêm, tinh tú sáng rực, sao Trương Túc chiếu sáng trên cao, mà người ở ẩn này tình cờ lại mang họ Trương, nên ta hạ sinh vào nhà ấy.
Nơi thôn xóm ta hạ sinh, dân chúng thường cắt tóc xăm mình, vốn theo tập tục thời chưa khai hóa. Ta đến tuổi mười lăm, trong lòng hết sức không vui, liền tìm mũ đội, dép mang, tự mình học làm theo lễ nghĩa văn minh. Người trong làng thấy ta như vậy đều cho là khác lạ, nhưng lâu dần rồi thì số người học làm theo giống như ta ngày càng nhiều hơn, mười phần có đến bảy, tám.
Ngày kia, có một cụ già đến xin gặp cha ta, miệng tụng đọc nhiều lời giáo huấn của Đường Ngu, lại nói rằng: “Trong nước hiện nay có vị sứ giả truyền bá những văn chương này.” Ta thích lắm, theo cụ ấy mà học, chỉ nghe đọc qua liền ghi nhớ không hề bỏ sót. Từ đó, lại có nhiều người nguyện theo cầu học, nên ta trở thành bậc thầy.
Lời bàn
Đức Khổng tử ra đời, ấy là mẹ ngài từng cầu đảo tại Ni Sơn; Đế Quân ra đời, ấy là cha ngài đã khấn nguyện với trời cao. Bậc thánh nhân ra đời, thảy đều khác hẳn kẻ tầm thường. Đức Khổng tử khua vang mõ gỗ vào thời triều Chu suy yếu, nhưng hiển bày những lời sâu xa vi diệu đến tận muôn đời; Đế Quân phô bày văn chương đạo lý lễ nghĩa lúc triều Chu đang hưng thịnh, mà ngấm ngầm ảnh hưởng đến chuyện thiện ác tốt xấu của ngàn năm sau. Đó chẳng phải là sự khác biệt trong phương tiện giáo hóa nhưng cuối cùng vẫn đưa đến một mục đích chung là làm cho thiên hạ được tốt đẹp hơn đó sao?
Can vua giữ tròn đạo nghĩa

Đế Quân kể rằng: Vào đời Chu Thành Vương, ta mang tên họ là Trương Thiện Huân. Thành Vương dùng ta làm quan can gián. Bấy giờ tuy đang thời hưng thịnh, nhưng vì lo nghĩ cho dân cho nước nên ta chưa từng biếng trễ. Lúc Thành Vương còn nhỏ tuổi, Chu Công thay quyền xử lý việc nước, về sau Thành Vương thường lộ ý bất mãn. Ta sợ những kẻ thân cận Thành Vương thừa cơ gièm pha Chu Công, nên thường đem những lẽ tinh tế trong đạo quân thần, họa phúc trước sau mà răn nhắc, nhưng các biểu thư can gián ấy phần nhiều đều đốt cả, nên không ai nhìn thấy. Vì thế, lúc Chu Công đi chinh phạt phương đông, tuy các nước chư hầu có lắm điều tiếng thị phi khiến ông không vui, nhưng cuối cùng rồi tình nghĩa vua tôi vẫn được gìn giữ vẹn toàn. Ta cũng có chút công lao trong việc ấy.

Lời bàn

Họ Trương vốn là hậu duệ của Hoàng Đế. Đế Quân giáng sinh đời Chu Thành Vương vào năm Ất Tỵ, từ đó về sau nhiều lần chuyển thế vẫn thường giữ họ Trương. Người đời truyền rằng ngày 3 tháng 2 là ngày đản sinh của ngài, đó là căn cứ chỉ một lần tái sinh của ngài vào đời Tấn Vũ Đế, niên hiệu Thái Khang năm thứ 8. Nếu xét rằng từ xưa đến nay Đế Quân đã nhiều lần tái sinh, hẳn từ đầu năm cho đến cuối năm, liệu có ngày nào không phải ngày sinh của ngài?

Thương yêu giúp đỡ thân tộc

Đế Quân kể rằng: Ta ở Kinh đô nhà Chu mười năm, xa quê hương đã lâu. Một hôm, đọc bài thơ “Chim cú” của Chu Công, trong lòng xúc động, liền nhân đó xin cáo lão về quê. Về đến quê hương rồi, thấy người trong gia tộc hương thôn đa số nghèo khó, liền xây dựng điền trang lấy thu nhập để giúp đỡ, gọi là nghĩa điền. Từ đó thường cứu giúp những người khốn khó, trị liệu cho người tật bệnh, trai gái đến tuổi trưởng thành thì giúp việc dựng vợ gả chồng, trẻ em thông minh có năng khiếu thì nuôi dưỡng cho học

hành.
Nhiều người nghe biết việc làm tốt đẹp như vậy, rủ nhau làm theo. Từ đó việc xây dựng các nghĩa điền ngày càng phát triển khắp nơi.
Lời bàn
Thuở ấy, Đế Quân dùng y thuật trị bệnh cứu người, còn việc xây dựng quản lý các điền trang để lấy thu nhập giúp người, thảy đều do con ngài đảm trách.
Buổi đầu học Phật
Đế Quân kể rằng: Khi ta còn làm quan ở triều đình, từng nghe có người từ phương xa đến nói rằng: "Ở một nước về phía tây, có bậc đại thánh nhân không giới hạn ở lời nói mà người khác tự được giáo hóa, không trói buộc trong việc làm mà tự nhiên thấu triệt chân lý; lấy từ bi làm chủ trương, lấy phương tiện làm cửa vào, lấy việc giữ gìn giới luật làm đạo thường, lấy tịch diệt làm niềm vui, xem chuyện sống chết chỉ như sáng tối thay đổi, ngày qua đêm lại, xem ân oán thân thù đều bình đẳng như nhau, chỉ như sự nhận biết trong giấc mộng, dứt sạch không còn những tình cảm thế tục như buồn, lo, mừng, giận, luyến ái... Thấu biết cõi đời là giả tạm nên chỉ cầu chứng quả vô sanh."
Ta được nghe rồi, lòng rất ngưỡng mộ bậc thánh nhân ấy. Đến khi ta từ quan về quê, giữa đường bỗng gặp một vị ẩn sĩ, vừa đi vừa hát nơi chốn đông người qua lại. Trong lời ca ta nghe có nhiều điều sâu xa uyên áo thầm khế hợp, liền lập tức dừng xe, đến bái lễ người ấy xin được chỉ dạy. Vị ẩn sĩ ngước mặt nhìn trời rồi truyền tâm ấn, dạy nghĩa lý chân chánh cho ta, lại nói rằng: "Đây là giáo pháp của bậc thánh nhân phương Tây, dạy người đạt đến cảnh giới vắng lặng tịch diệt. Nếu ông luôn nhớ nghĩ mà tu tập theo thì có thể vượt thoát sinh tử, đạt đến cảnh giới của Phật Vô Lượng Thọ. Như đã đạt đến bến bờ giải thoát, ắt có thể viên thành Chánh

giác. Bằng như nửa đường thối thất, cũng có thể vào cảnh giới của thần tiên."

Ta thọ nhận giáo pháp ấy rồi, từ đó về sau duyên trần dứt sạch, trăm mối lo phiền đều nguội lạnh. Ngày kia, vừa đúng kỳ trung thu, ta cho mời thân quyến bằng hữu cùng đến, lưu lại một bài tụng rồi ra đi.

Lời bàn

Có người ngờ rằng đến thời Hán Minh Đế thì Phật giáo mới truyền vào Trung Hoa. Như vậy, vào thời của Đế Quân, làm sao có thể nghe được lời người phương xa như thế? Nhưng xem khắp các ghi chép trong sách sử thì biết rằng vào thời Tây Chu, tại Trung Hoa vốn đã biết đến Phật pháp.

Vào đời Chu Chiêu Vương, ngày mồng 8 tháng 4 năm thứ 26, chính là ngày đức Phật Thích-ca Như Lai đản sinh. Khi ấy, nhìn lên mặt trời thấy có rất nhiều quầng sáng, hào quang ngũ sắc sáng soi, chiếu thẳng vào bên trong triều nội, tỏa rạng bốn phương, cung điện chấn động, nước trong sông hồ ao giếng đều tự nhiên dâng tràn. Chiêu Vương sai quan Thái sử bói quẻ, được quẻ Càn, cửu ngũ, tâu lên rằng: "Đây là điềm hiện có bậc thánh nhân ở phương tây đản sinh. Sau ngàn năm nữa, giáo pháp của ngài sẽ truyền đến đây."

Vua sai khắc chuyện này lên đá, đặt phía trước điện thờ Nam Giao. (Trích từ các sách Chu thư dị ký -周書異記 - và Kim thang biên - 金湯編)

Sang đời Chu Mục Vương, có người truyền đạo từ Tây Vực đến, có khả năng đi vào lửa nước, xuyên qua vật cứng như kim loại, vách đá, dời núi lấp biển, chuyển dịch thành ấp. Mục Vương cho xây đài Trung Thiên mời vị ấy đến ở. (Trích từ sách Liệt tử - 列子)

Vì thế đến nay có rất nhiều chỗ như núi Ngũ Đài, núi Chung Nam thuộc Sơn Tây, Thương Hiệt Tạo Thư Đài (cách kinh đô Hàm Dương của nước

Tần 20 dặm về phía nam), núi Đàn Đài (nằm về phía nam cung Ngọc Hoa đời Đường)... đều còn lưu lại dấu tích của việc Mục Vương xây chùa thờ Phật.
Trong thiên Trọng Ni (仲尼篇) của sách Liệt tử (列子) cũng thấy dẫn lời Khổng tử rằng: “Ta nghe phương tây có vị đại thánh nhân, không trị mà dân không loạn, không nói mà dân tự tin, không giáo hóa mà dân tự làm đúng. Thật lớn lao vĩ đại thay, dân không biết dùng tên gì mà gọi.”
Ngoài ra, khảo chứng lại vào đời Tần Mục Công, có người ở Phù Phong (thuộc Thiểm Tây) tìm được một pho tượng đá. Mục Công không biết là tượng gì, sai người đem vất trong chuồng ngựa. Ngay sau đó, Mục Công bỗng thình lình ngã bệnh, nằm mộng thấy bị thiên thần trách mắng. Mục Công đem việc ấy hỏi triều thần, Do Dư tâu rằng: “Tôi nghe nói vào thời Chu Mục Vương có người truyền đạo đến, nói là đệ tử Phật. Mục Vương tin tưởng vị ấy, cho xây đài Trung Thiên cao hơn ngàn thước mời đến ở, chỗ nền đài ấy hiện nay vẫn còn. Ngoài ra, ở gần Thương Hiệt Đài lại có xây chùa Tam Hợp. Nay bệnh của bệ hạ có liên quan đến việc ấy chăng?”
Mục Công nói: “Gần đây có tìm được một pho tượng đá, y phục không giống như người thời nay, hiện đang bỏ trong chuồng ngựa, chẳng biết có phải là tượng Phật chăng?” Liền cho người mang đến, Do Dư nhìn thấy kinh hãi nói: “Quả đúng rồi!”
Mục Công lập tức thỉnh tượng Phật đặt lên chỗ sạch sẽ. Tượng đột nhiên phóng hào quang sáng rực. Mục Công cho là thần nhân nổi giận, liền giết đủ 3 loài vật là trâu, dê và lợn mang đến cúng tế. Khi ấy có thiện thần xuất hiện mang những vật cúng tế ấy vất ra ngoài xa. Mục Công hết sức hoảng sợ, đem việc ấy hỏi Do Dư.
Dư nói: “Tôi nghe rằng đức Phật là bậc thanh tịnh, không được dâng cúng rượu thịt. Ngài thương xót bảo vệ sinh mạng tất cả chúng sinh như con đỏ.

Bệ hạ muốn dâng cúng, xin dùng bánh trái là được.”
Mục Công vui mừng khôn xiết, phát tâm muốn tạo tượng Phật, nhưng không biết tìm người tạc tượng ở đâu. Do Dư liền nói: “Xưa Mục Vương xây chùa tạc tượng, ắt những vùng chung quanh đó có thể tìm được thợ giỏi.”

Quả nhiên, sau đó tại Nam thôn gần Thương Hiệt Đài tìm được một cụ già tên Vương An, đã thọ đến 180 tuổi, kể lại rằng đã từng chính mắt được thấy việc tạc tượng ở chùa Tam Hợp, nhưng nay già quá không thể làm được nữa. Liền tìm kiếm trong cùng thôn ấy, thuê được 4 người thợ, tạo thành một tượng Phật bằng đồng.

Mục Công vui mừng, liền cho xây dựng một tòa lầu gác trên nền đài, cao đến 300 thước để cúng dường tượng Phật, thuở ấy gọi là Cao Tứ Đài. (Trích từ các sách Thiên nhân cảm thông ký -天人感通記 - và Pháp uyển châu lâm - 法苑珠林)
Thật ra, vào thời Tây Hán, Dương Hùng, Lưu Hướng trong khi sưu tầm các tàng thư cũng rất thường gặp kinh Phật được cất giữ trong đó. Có thể

thấy rằng những lời của Khổng tử cùng với những gì Đế Quân đã được nghe đều không phải là vô căn cứ. Chỉ tiếc là thời ấy kinh điển Phật giáo chưa được chính thức truyền đến, nên những sự việc ghi chép lại đều quá sơ lược.

Động lòng nhập thai

Đế Quân kể rằng: Ta rời bỏ nhân gian rồi, liền hướng về phương Tây. Vừa đi đến Quân sơn ở hồ Động Đình, nhìn thấy phong cảnh xinh đẹp khởi tâm ưa thích, liền lưu lại đó một lúc. Trong lòng ta lúc bấy giờ, trên không bị uy thế của thiên tử, triều quy khống chế, dưới cũng không thân quyến cốt nhục buộc ràng, hốt nhiên vượt thoát ra ngoài vòng trần thế, thật là một niềm an lạc không cùng tận. Được một lúc lâu, bỗng có hai tiên đồng từ trời cao giáng hạ, bảo ta từ nay làm chủ Quân sơn, kiêm luôn việc cai quản hồ Động Đình.

Ngày nọ, có một thiếu phụ khoảng hơn ba mươi tuổi, khóc lóc tìm đến núi cúng tế rồi khấn rằng: "Chồng tôi bất hạnh đắc tội với vua, bị đày ra phương nam xa xôi đến chết, đường xa vạn dặm khó lòng đưa quan quách về. Đau đớn trong lòng, thương cho cha mẹ chồng già yếu, hiện tôi lại đang mang thai. Nguyện sơn thần linh thiêng xét rõ, chồng tôi vốn chỉ vì lòng trung mà bị kết tội, thương cho cha mẹ chồng tôi nay tuổi đã xế chiều, không người nương tựa, xin cho tôi sinh hạ một đứa con trai để nối dòng họ Trương, dẫu tôi có chết cũng không phải hối tiếc."

Ta đang ở trên mây cao, nghe lời khấn ấy bỗng khởi tâm thương cảm, xúc động không kiềm lại được, nước mắt chảy ròng. Ngay khi đó bỗng nhiên cảm thấy thân thể nặng nề, lập tức rơi xuống, nhập vào bào thai của người thiếu phụ, tối tăm không còn biết gì nữa cả. Một thời gian lâu sau, bỗng nghe có tiếng người kêu lên: "Là con trai, con trai!" Ta mở mắt nhìn, thấy thân thể đang nằm trong chậu tắm, vậy là đã tái sinh nơi trần thế.

Lời bàn

Biển sinh tử mênh mông, một lần qua không khỏi khởi tâm đam mê, ái nhiễm, do đó mà thành đọa lạc. Nếu không phải bậc tu hành chân chánh vĩ đại, ắt không thể riêng mình tự đến tự đi giữa vòng sinh tử mà không bị mê lấp chân tánh.

Đế Quân trước đó được nghe đạo pháp, trong lòng vốn dĩ muốn về Tây phương, chỉ vì một niệm khởi sinh, lưu luyến cảnh trời mây non nước mà bị trói giữ nơi Quân sơn, hồ Động Đình. Tuy trong tâm tuyệt nhiên không có ý tưởng muốn được làm sơn thần thủy bá, mà bỗng dưng do niệm khởi đã rơi vào cảnh giới của thần minh, hưởng đồ cúng tế.

Cho đến khởi tâm thương xót thiếu phụ nhà họ Trương, vốn dĩ cũng là một niệm lành, nhưng hẳn không hề dự tính đến việc sinh làm con bà ấy. Nhưng một khi tình khởi đã hướng đến, lập tức đọa lạc nhập vào bào thai. Rồi khi biết thân mình đã ở trong chậu tắm, thì dù có quyết lòng muốn thoát ra cũng chẳng còn được nữa.

Đến như Đế Quân mà còn không tự chủ được như thế, huống chi những kẻ còn chìm sâu trong biển nghiệp mông lung!

Hiếu thảo không thẹn với lòng

Đế Quân kể rằng: Thân phụ ta họ Trương, tên húy là Vô Kỵ, làm quan Bảo Thị dưới triều Chu Lệ Vương. Khi ấy, vua đàn áp những người chỉ ra lỗi lầm của mình, thậm chí giam cầm. Vua giận cha ta thẳng thắn can gián, đày đi Phiên Dung cho đến chết. Khi ấy ta còn nhỏ, theo mẹ đến Phiên Dung đưa di thể cha ta về an táng ở Hà Sóc.

Năm ta được mười tuổi đến trường học, lấy tên tự Trung Tự, là có ý muốn nối theo chí hướng cha ta. Đến tuổi trưởng thành, khi ông nội ta qua đời, tên tự của ta là Trọng. Mẹ ta hiền thục sáng suốt, hết lòng dạy dỗ cho ta. Đến khi Chu Tuyên Vương lên nối ngôi, ban chiếu xem xét lại đối với hậu

duệ của những người trước đây bị chết vì sai lầm của vua trước. Ta vâng lời dạy của mẫu thân, đến kinh thành dâng biểu minh oan cho cha. Tuyên Vương ban chiếu khôi phục quan chức cho cha ta, ban tên thụy là Hiến, lại phong ta làm quan Bảo Thị, nối chức cha ta.

Ta có người anh trai tên Trương Doãn Tư, không may mất sớm, mẹ ta đau buồn khôn nguôi. Ta thường lấy việc con thứ có thể kham nhận nối dõi thay cho huynh trưởng để an ủi mẫu thân.

Khi bà nội ta là Triệu thị qua đời, không lâu sau ông nội cũng tạ thế, ta lấy danh phận là cháu nội, thay cha chịu tang ông bà trong 3 năm. Do bi thương quá độ nên thân thể suy kiệt, trong triều ngoài nội đều nghe biết, ngợi khen ta là hiếu thảo. Do đó mà người đời hết lòng kính trọng, mỗi khi gặp ta chỉ gọi bằng tên tự, không dùng tục danh.

Lời bàn

Đây chính là chuyện Trương Trọng hết lòng hiếu thảo được đề cập trong kinh Thi. Người mẹ của Đế Quân chính là thiếu phụ ngày trước đến cầu đảo ở Quân sơn. Ngày ấy bà chưa làm mẹ, nên Đế Quân là người được bà lễ bái; đến khi đã là mẹ con rồi, bà ấy lại nhận sự lễ bái của Đế Quân. Nhưng rốt lại thì ai là người nên lễ bái, ai không nên lễ bái? Cho nên, xét kỹ theo đạo Nho thì thấy năm mối luân thường là vuông vức, chính trực, mà xét thông suốt cả đạo Phật rồi thì mới thấy năm mối luân thường là tròn trịa, viên thông.

Trị tội dâm thần

Đế Quân kể rằng: “Khi ta đã là vua cai quản các núi, phàm hết thảy những việc thuộc về núi sông khe lạch phát sinh như lũ lụt, hạn hán, mùa màng được thất, những điềm báo lành dữ cát hung, cho đến xét công luận tội các thuộc cấp, đều do ta cai trị điều hành.

Thần núi Thanh Lê là Cao Ngư Sanh, có lòng ưa thích một cô thôn nữ

trong vùng, liền bắt hồn về làm việc cưỡng bức dâm loạn. Sự việc bị long thần ở hồ Bạch Trì gần đó xét rõ cáo giác. Ta tra soát, gọi cả hồn dân nữ đến đối chất, Cao Ngư Sanh nhận tội. Sau đó trả hồn dân nữ, cô ấy liền sống lại. Ta phạt Cao Ngư Sanh 300 roi đánh vào sống lưng, cách chức. Khi ấy dưới chân núi có người con hiếu thảo là Ngô Nghi Kiên đã qua đời, trước đây từng vì cha mà trích máu chép kinh Lăng-già, 4 quyển. Người này chết đã 3 năm, chưa nhận trách nhiệm gì. Ta liền tấu trình lên Ngọc Đế xin cho thay vào chỗ Cao Ngư Sanh, được chấp thuận. Từ đó, chư thần lớn nhỏ đều biết danh ta, hết lòng kính sợ.

Lời bàn

Trong Dục giới, chư thiên ở 6 cảnh trời đều vẫn còn dục niệm, chỉ là vì phước đức sâu dày nên giữ phần nặng, mà chuyện ưa thích nhục dục trở thành nhẹ hơn. Thần núi phạm tội, đại để hẳn là do phần tham dục vượt trội hơn, ưa thích nữ sắc mà làm việc bắt hồn, về lý mà xét cũng là điều có thể xảy ra.

Nối dòng Xích Đế

Đế Quân kể rằng: Ta thấy nhà Tần trị dân theo lối tàn khốc, xem dân như cỏ rác, liền tấu trình lên Ngọc Đế, xin được hóa thân xuống trần thế để dẫn dắt thiên hạ trong chốn lầm than, đưa người người đến chỗ an cư lạc nghiệp.

Ý trời khó biết, lại khiến ta làm người nối dõi của Xích Đế Tử. Uy trời đáng sợ, ta không dám cưỡng mệnh. Chợt có vị Đại thần Cửu Thiên Giám Sanh đến buộc ta phải thác sanh xuống trần thế ngay. Giữa điện Vân Tiêu, ta nhìn xuống thấy lửa cháy thiêu cung A Phòng của nhà Tần đã tàn rụi, trong cung điện mới lại thấy Hán Đế vừa cùng Thích cơ gặp gỡ thân mật. Đại thần Giám Sanh bảo ta: “Đó chính là Xích Đế Tử.” Ta vừa đưa mắt nhìn cho rõ, liền bị Đại thần Giám Sanh đẩy xuống. Ta ngã nhào, rơi xuống bên

cạnh Hán Đế, nhằm bụng Thích Cơ. Hốt nhiên đến lúc nhận biết thì đã thành người.
Hán Đế từ lúc sinh ta, được cùng ta thần cốt tương tợ nên hành vi cử chỉ đều lộ vẻ phi phàm, về sau hết sức thương yêu ta. Đến khi tuổi già, có ý muốn lập ta làm thái tử, nhưng việc ấy cuối cùng không thành tựu. Hán Đế mất rồi, ta bị Lã Hậu sát hại. Mẹ ta cũng bị Lã Hậu giết chết một cách tàn độc đáng sợ. Ta vì quá mức oán hận, mỗi khi nghĩ đến việc này chỉ muốn hóa làm loài đại mãng xã suất nhiên để nuốt sống hết toàn gia tộc họ Lã vào bụng mới thỏa lòng.

Lời bàn

Tôi ngày trước mới bắt đầu đọc kinh sách đạo Phật, nghe đến thuyết “oán thân bình đẳng” cũng như “oán từ thân khởi” thì hết sức lạ lùng hoài nghi. Đến khi có thể tĩnh tâm quán xét lẽ xoay chuyển tuần hoàn của mọi sự việc, mới biết rằng những lập luận như thế nếu không phải bậc thánh nhân xuất thế ắt không thể đủ sức nói ra.
Lấy như việc Thích Cơ mà nói, theo lẽ thông thường thì phải xem Lã Hậu là kẻ oán, mà Hán Cao Tổ là người ân. Thế nhưng, Lã Hậu oán hận Thích Cơ hoàn toàn là do Cao Tổ trước đã sủng ái bà. Sự sủng ái ngày càng nhiều hơn, cho đến đã có ý muốn thay đổi thái tử, thì sự oán hận ngấm ngầm của Lã Hậu khi ấy cuối cùng không thể nào hóa giải được nữa. Giả sử như lúc Cao Tổ còn sống mà lấy tâm bình đẳng đối với cả hai người, không sủng ái Thích Cơ đến mức ấy, thì Thích Cơ đâu phải chịu tai họa tàn khốc như vậy? Do đó mà xét thì tuy Lã Hậu cố nhiên là kẻ oán cừu của Thích Cơ, nhưng Hán Cao Tổ há có thể xem là người ân hay sao? Than ôi! Đó chính là cái nguyên lý “oán tùng thân khởi”. Phàm sự oán cừu đều từ chỗ thân ái mà sinh khởi, hiểu như vậy rồi thì dù không muốn thực hành sự quán chiếu lẽ bình đẳng oán thân cũng không thể được.

Hóa rồng tại Cung Trì

Đế Quân kể rằng: Ta từ sau khi gặp cái họa Lã Hậu, trong lòng luôn nghĩ đến chuyện trả thù báo hận, không nhớ gì đến quá khứ đã từng tu tập chánh đạo. Tuy nhà họ Lã sau khi chết đã phải chịu sự trừng phạt khổ sở nơi âm ti, nhưng mối oan nghiệt với ta vẫn chưa dứt hết, nên lại thác sinh gặp nhau ở một bến sông vùng Đông Hải, thuộc huyện Cung Trì.

Con ngựa của quan huyện lệnh chính là Lã Hậu tái sinh. Mẹ ta là Thích Cơ ngày trước, cũng sinh ra tại huyện này, vẫn mang họ Thích, nhưng do đời trước thụ hưởng phước báo quá đáng nên đời này phải chịu cảnh nghèo cùng, tiều tụy. Bà lấy chồng họ Trương, lớn tuổi rồi vẫn chưa có con, vợ chồng nương nhau làm nghề cắt cỏ mà sống.

Một hôm, bà ra cắt cỏ ngoài đồng trống, chợt nghĩ đến việc mình tuổi tác đã cao mà vẫn chưa có con, trong lòng hết sức bi thương, rơi lệ khóc than, cầu nguyện với trời cao, lại cắt tay lấy máu nhỏ lên một hòn đá trong ao nơi đó rồi khấn rằng: “Nếu như dưới hòn đá này có con vật nào đang sinh sống, xin hãy về làm con ta.” Ta lúc ấy xúc động vì tấm lòng thành, bất giác thần thức lập tức chuyển nhập vào chỗ máu tươi. Hôm sau bà trở lại nhìn nơi hòn đá thì thấy vết máu đã hóa thành một con rắn thân dài một tấc, màu vàng lấp lánh, chính là ta đã thác sinh.

Mẹ ta mang ta về nuôi dưỡng, qua một năm thì trên đầu rắn bỗng mọc ra sừng, dưới bụng mọc chân, lại có khả năng biến hóa. Mỗi khi trời muốn mưa, ta lại dùng sức biến hóa cùng hỗ trợ. Thân ta ngày càng dài to, bụng càng lớn, mỗi khi gặp các loài dê, ngựa, chó, lợn... liền ăn nuốt cả.

Quan huyện có một con ngựa hay, chính là Lã Hậu tái sinh, ta bắt được cắn chết. Quan huyện liền bắt cha mẹ ta giam vào ngục, kỳ hạn trong 3 ngày nếu chưa bắt được ta sẽ xử 2 người tội chết. Hôm sau, ta liền hóa thành một nho sinh tìm đến xin gặp quan huyện, khuyên ông ta thả người.

Quan huyện nói: “Vợ chồng lão họ Trương nuôi dưỡng con yêu xà, ăn nuốt gia súc dân làng đã lâu, nay lại ăn cả ngựa của ta. Ta muốn vì dân trừ hại, nhưng họ không chịu giao nó ra. Đó là họ tự làm yêu nghiệt, phải xử tội chết.” Ta nói với quan huyện: “Vật mạng bồi thường cho nhau, đều do nghiệp đời trước mà thành. Nay ông muốn vì súc vật mà giết mạng người, như vậy được chăng?” Quan huyện quát đuổi ta ra. Ta nói: “Trên mặt ông đã hiện tử khí, hãy khéo tự lo cho mình đi.” Nói rồi biến mất. Quân hầu đứng quanh đó đều cho là yêu ma.
Ta liền trình lên Ngọc Đế kêu oan, kể lại việc đời trước mẹ con ta vô tội mà bị người nhà họ Lã hại chết, nay muốn báo thù rửa hận. Sự việc trình lên chưa được Ngọc Đế trả lời, nhưng ta khí hận ngút ngàn không kiềm chế được, liền biến hóa làm mưa gió, kéo mây đen vần vũ mù mịt, lại mượn nước biển lớn đổ vào thành ấp, trong vòng bốn mươi dặm đều ngập chìm mênh mông. Trước đó ta đã hóa hiện vào trong ngục thất, đưa cha mẹ ta thoát ra. Việc này xảy ra vào thời Hiếu Tuyên Đế của triều Tây Hán, trong sử sách có ghi lại trận lụt Hãm Hà (陷河) chính là việc này.

Lời bàn

Đế Quân tuy nhiều đời làm người hiếu thuận với cha mẹ, thương yêu anh em, chuyên cần làm thiện, nhưng rốt lại cũng chỉ là những phước báu nhỏ nhoi trong cõi trời người, chưa tu tập được Chánh pháp xuất thế. Chính vì vậy mà tuy thác sinh vào hoàng tộc, cũng không được an ổn vững vàng. May mắn về sau được gặp Phật pháp, hướng về giải thoát. Nếu không thì việc oán cừu vay trả qua lại sẽ nối nhau còn mãi, chẳng bao giờ dứt! Cho nên, Bồ Tát muốn cứu độ chúng sinh thì trước hết phải tự mình ngồi trên thuyền Bát-nhã, tu tập trí tuệ giải thoát, sau đó mới có thể vào biển sinh tử.

Gặp Phật được cứu độ

Đế Quân kể rằng: Ta mang việc oán cừu với Lã Hậu trình lên Ngọc Đế, chưa nhận được ý trời mà đã tự hành động, tuy nhất thời rất thích ý, nhưng ngay sau đó bình tâm nghĩ lại liền hối hận. Hôm sau, Ngọc Đế hạ thánh chỉ, nhân vì hải thần là Triều Hoành tâu lên việc ta tự ý sử dụng nước biển, hại chết hơn 500 hộ dân thường, tính ra đến hơn hai ngàn mạng người, trừ ra trong đó 80 người là có thù oán với ta, còn lại bao nhiêu đều là chết oan uổng cả.

Ngọc Đế trách phạt, bắt ta làm con rồng ở Cung Trì, giam hãm trong một vùng nước đọng. Do hạn hán nhiều năm, sông ngòi cạn kiệt, nước hóa thành bùn. Thân ta khi ấy to lớn, không hang lỗ nào chui lọt. Mặt trời từ trên không ngày ngày chiếu xuống thiêu đốt thân ta, nóng bức khổ não; trên thân thì tám mươi bốn ngàn cái vảy đều có loài trùng nhỏ sinh ra trong đó, cắn rứt không thôi. Ta khốn khổ cùng cực như vậy, không còn biết đến ngày qua tháng lại.

Một buổi sáng sớm kia, ta nghe khí trời chuyển sang mát dịu, như có gió lành thổi đến, rồi bỗng nhiên ánh trời tỏ rạng, mây lành năm sắc hiện ra trôi qua bầu trời, trong mây hiện các điềm lành, tỏa chiếu những quầng sáng màu tía, màu vàng, lại hiện nhiều tướng trạng vi diệu, hào quang rực rỡ xưa nay chưa từng thấy. Lại thấy các vị sơn thần, thủy thần, cho đến tất cả thần thánh đều tề tựu đến khấu đầu lễ bái, hoan hỷ tán thán. Lại có hương thơm cõi trời lan tỏa, hoa trời rơi xuống khắp nơi, những chỗ hoa rơi chạm đất đều hóa thành cảnh sắc tươi tốt như mùa xuân.

Khi ấy ta bỗng nghe thân hình thay đổi, mắt sáng tai thính, các giác quan đều trở nên tinh tường, tâm được thanh thản, miệng lưỡi tươi nhuận, có thể phát được thanh âm. Ta lập tức ngẩng đầu kêu khóc, cầu xin được cứu độ. Các vị thần thánh đều bảo ta rằng: “Đó là bậc Đại Giác Thế Tôn ở Tây Thiên Trúc, đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Nay mang giáo pháp lưu hành

về phương đông này. Ông đã được gặp Phật, nghiệp xấu trước đây có thể được hóa giải."

Ta liền tung người nhảy vọt lên, bay vào giữa ánh hào quang, mang hết những sự việc nhân quả báo ứng đã qua bạch rõ lên đức Phật. Thế Tôn liền dạy: "Lành thay! Ông xưa nay thường là con hiếu tôi trung, làm lợi lạc cho rất nhiều người, chỉ vì chấp tướng nhân ngã mà buông thả tự thân làm việc tàn hại. Nay có còn ôm giữ sự phân biệt kẻ oán người thân, khởi sinh tâm niệm ngu si sân hận nữa chăng?"

Ta nghe lời Phật dạy chí lý, tâm địa tức thời khai thông sáng suốt, không còn phân biệt nhân ngã, hết thảy vọng niệm nhất thời dứt sạch. Tự nhìn lại thân mình, hốt nhiên đã theo các vọng niệm mà cùng lúc mất đi, trở lại thân nam nhi ngày trước, đạt được trí quán đảnh, liền quy y Phật.

Lời bàn

Rồng có đủ 4 loài: sinh ra từ thai bào (thai sinh), sinh ra từ chỗ ẩm ướt (thấp sinh), sinh ra từ trứng (noãn sinh) và sinh ra do biến hóa (hóa sinh); trong các loài đó, chỗ khổ vui sâu cạn đều khác biệt. Vì thế, Sa-kiệt-la Long vương có nói: "Cùng trong loài rồng, có khi được hưởng phước báo như các vị thiên thần, có khi chịu khổ não như địa ngục, cũng có khi đồng như loài người hoặc súc sinh, ngạ quỷ, mỗi mỗi đều tùy theo nghiệp đời trước mà thọ báo ứng."

Xưa kia, đức Thế Tôn có lần đang thuyết pháp với vô số vị Bồ Tát, bỗng có một con rồng mù sống trong vùng nước nóng bức, khắp trên thân các vảy rồng đều có các loài trùng nhỏ sống trong đó cắn rứt thân rồng mà ăn, kêu khóc cầu xin cứu độ. Lại có vô số những con rồng đói, nước mắt như mưa, đều thưa hỏi về nghiệp duyên của mình đời trước. Đức Phật vì tất cả mà khai mở tâm đạo, khiến cho đều nhận thọ Tam quy, Ngũ giới. Sau đó, những con rồng ấy thảy đều được thoát khổ.

Chẳng phải đúng thật vậy sao? Đức Phật là bậc đạo sư trong ba cõi, là đấng cha lành của bốn loài, là bó đuốc sáng soi thấu vô minh, có thể khiến cho kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe, người què được đi, người câm được nói. Đế Quân trước đây từng nghe lời ca hàm chứa Phật pháp mà xúc cảm, phải dừng xe xuống lễ bái cầu đạo, đủ biết đã sẵn có trí tuệ căn lành trồng sâu từ đời trước. Do đó mà vừa được gặp Phật đã nhất thời dứt sạch ác nghiệp đời trước.

Hai cõi âm dương giao nhau

Đế Quân kể rằng: Ta nhờ nhiều đời trước thường làm lành lánh dữ, trải qua ngàn năm lại tái sinh vào đời Thuận Đế, niên hiệu Vĩnh Hòa. Trong sách Hậu Hán thư có đề cập đến tên Trương Hiếu Trọng, chính là ta. Ấy cũng vì ta không quên hẳn danh xưng trong đời trước.

Trong đời ấy, ta tuy không ra làm quan, nhưng thừa mệnh Ngọc Đế nên ngày lo việc dương gian, đêm đêm lại phụ trách công việc nơi âm ti địa phủ. Người đời có những việc ẩn khuất tinh tế, khéo che giấu không ai biết, ta cũng đều biết rõ và ghi chép tường tận, cho đến những việc của bọn yêu ma tà đạo cũng không ngoài vòng soát xét của ta.

Lời bàn

Huyện Thái Thương ở Giang Tô có một người, từng bị bắt làm sai dịch nơi địa phủ. Cứ vào lúc giữa đêm thì thân thể cứng đờ, lạnh ngắt, liền thấy mình được âm ti giao cho một tấm thẻ bài và một cây gậy. Trên thẻ bài ghi tên những người bị âm ti tróc nã. Người ấy một khi vừa cầm gậy vào tay, chớp mắt đã thấy mình có khả năng xuyên núi vượt biển, đến đúng ngay nơi có người bị tróc nã, bắt lấy người đó treo lên đầu gậy. Thường mỗi lần bắt đến 10 người, nhưng quảy lên đầu gậy chỉ thấy nhẹ như lông hồng. Đến khi trời sáng liền trở lại như người thường không khác. Người ấy sợ lắm, tìm đủ mọi cách vẫn không sao trốn tránh được việc ấy. Có vị tăng

khuyên ông xuất gia. Ông nghe lời, từ đó về sau không còn bị âm ti sai khiến như trước nữa.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng rộng nghĩa lý bài văn Âm chất (3)

Mưa tên xuyên thân

Đế Quân kể rằng: Ta nhờ tu thiện tích đức trong nhiều đời, dần dần được phục hồi thần chức, nhưng những mối oan trái xưa kia vẫn chưa trả dứt nên chưa được yên. Vì lẽ đó mà lại tái sinh tại vùng Hà Sóc ở phía bắc sông Hoàng Hà.

Vào lúc tướng Đặng Ngãi mang quân đánh Thục, ta ở trong quân giữ chức Hành quân tư mã. Ta khuyên Đặng Ngãi theo đường nhỏ trong núi mà đi để tránh gặp địch. Khi vào sâu đất Thục rồi, gặp tướng Thục là Gia Cát Chiêm. Đặng Ngãi dụ hàng Gia Cát Chiêm, hứa sẽ phong cho tước vương ở đất Lang Gia. Chiêm không nghe theo, quân hai bên giao chiến. Gia Cát Chiêm hết sức trung kiên, chống cự cùng ta, bắn tên như mưa khiến ta trúng tên toàn thân. Gia Cát Chiêm cuối cùng cũng bị bắt giam lại. Ta có ý

tìm cách cứu Chiêm, nhưng thân thể bị thương quá nặng. Ấy chính là món nợ trước kia ở Cung Trì, nay phải chịu báo ứng vậy.

Lời bàn

Kinh Lăng nghiêm dạy rằng: “Báo ứng của nghiệp giết hại, ví như trải qua số kiếp nhiều như số hạt bụi nhỏ, vẫn cứ qua lại ăn giết lẫn nhau, như bánh xe xoay tròn không lúc nào ngừng.” Xét theo đó mà nói thì báo ứng của sự việc ở Cung Trì quả là nhanh như chớp mắt mà thôi. Nếu như nhận hiểu được điều này, có thể từ nay về sau biết sợ báo ứng mà không còn dám phạm vào nghiệp giết hại nữa.

Chấp chưởng việc khoa bảng

Đế Quân kể rằng: Ngọc Đế thấy ta nhiều đời học đạo Nho, chuyên tâm tận ý nghiên cứu tam phần ngũ điển, liền giao phó cho ta chấp chưởng quản lý sổ bộ của thiên đình ghi chép việc khoa bảng ở nhân gian.

Hết thảy mọi việc liên quan đến sĩ tử từ các khoa thi nơi quận huyện, cho đến những việc lớn lao như quy chế thi cử, quan phục, bổng lộc, ngạch trật, phong thưởng... đều phải trình lên ta, cho đến việc bổ nhiệm hay bãi chức các vị thừa tướng, ngự sử cũng đều do ta chưởng quản.

Lời bàn

Người thế gian nghe biết ai đó được làm quan khảo thí, liền tìm đủ mọi cách để mua chuộc, cầu cạnh, mong được chiếu cố. Nhưng vị quan ấy cũng chỉ nắm được một phần quyền hạn, không có quyền quyết định tất cả, cũng chỉ giữ quyền trong một lần bổ nhiệm, không thể kéo dài quá 3 năm. Lại như quan chủ khảo cấp dưới, cũng không có quyền tham dự các kỳ thi cấp trên; quan coi về quy chế khoa cử cũng không thể tham dự vào phần việc của quan khảo tuyển. Như vậy, việc thành tựu hay thất bại trong khoa cử, vẫn là do chính mình quyết định trước nhất, tuy rằng cũng có lúc không được như mong muốn. Do có nhiều quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, nên việc

mua chuộc đút lót quả thật là rất khó.
Giả sử như có một vị quan khảo thí, hết sức sáng suốt, chí công vô tư, không bệnh không già, không có những việc tang chế trong nhà khiến phải tạm nghỉ việc, không thiên lệch cất nhắc học trò của riêng mình, không tham muốn tiêu pha tiền bạc, không phải theo ý muốn người khác mà hành xử, đảm trách từ việc thi cử nơi quận huyện cho đến tại kinh đô, từ quan viên lớn nhỏ cho đến tể tướng, đại thần đều giao cho vị ấy quyết định việc bổ nhiệm hoặc bãi chức. Ví như có người muốn mua chuộc cầu cạnh, vị ấy cũng không nghe theo. Ví như làm theo người như vậy, có thể gọi là sáng suốt chăng? Bằng cách nào có thể làm theo người như vậy? Xin thưa, chỉ cần cung kính học làm theo như đức hạnh của Đế Quân, góp sức lưu hành những lời răn dạy quý báu của Đế Quân là được.

Ngày sau chứng quả

Đế Quân kể rằng: Ta học theo lời Phật dạy, tức thời chứng đắc pháp vô phân biệt, sống trên núi cao an ổn thanh tịnh, nghĩ thương nhân dân tật bệnh khổ não. Bấy giờ, đất Thục gặp nạn lụt lớn, dân chúng nhiều người phải trôi giạt ly tán, lại khổ vì dịch bệnh truyền nhiễm, cho đến ung nhọt, lao sái đủ các loại bệnh. Ta biến hóa thành thường dân, làm một người lái thuyền, cứu thoát cả ngàn người bị đuối nước; lại hóa làm thầy thuốc, đích thân chẩn bệnh cứu sống rất nhiều người. Tại pháp hội trên đỉnh Linh Thứu, đức Phật Thích-ca thọ ký cho ta rằng: “Ông ngày sau sẽ thành Phật, hiệu là An Lạc Bất Động Địa, Du Hý Tam-muội Định Tuệ Vương Bồ Tát, Thích-ca Phạm Chứng Như Lai.

Lời bàn

Trong bản văn dùng “Thứu phong Cổ Phật” (鷲峰古佛), đó là chỉ đức Thích-ca Như Lai trên đỉnh Linh Thứu. Đức Thích-ca là vị Tôn Phật thứ 4 trong ngàn vị Phật của Hiền kiếp hiện tại, nhưng dùng chữ “Cổ Phật” là ý

nói ngài đã nhập Niết-bàn. Thánh hiệu An Lạc Bất Động là hiệu của Đế Quân trong tương lai khi thành Phật, chỉ là không biết còn phải trải qua bao nhiêu hằng sa số kiếp, cúng dường phụng sự bao nhiêu đức Phật, rồi mới chứng đắc được quả vị Phật ấy. Đâu phải nói rằng hiện nay đã đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm, ngồi dưới cội bồ-đề mà thành tựu Chánh giác được ngay? Xét vị trí của Đế Quân trong hiện tại còn dưới Ngọc Đế, mà chính như Ngọc Đế muốn hướng đến quả vị Bồ Tát đã rất là xa xôi khó được, huống là Đế Quân hướng đến quả Phật? Nếu như nói rằng Đế Quân hiện nay đã thành Chánh giác, ấy là tưởng như muốn tôn trọng Đế Quân hóa ra lại vu khống bịa đặt cho ngài.

Phụ đính 5 mục hỏi đáp về luân hồi

1. Làm sao tin được thuyết luân hồi?

Hỏi: Về thuyết luân hồi, hiện chỉ thấy nói trong kinh Phật, Khổng Tử chưa bao giờ thấy nói rõ về việc này?

Đáp: Nếu là lý lẽ đúng đắn thì nên tin nhận, cần gì phải luận việc đó là trong kinh Phật hay trong sách Nho? Nếu chỉ những gì do Khổng tử nói ra mới tin theo, thử hỏi tất cả lời Khổng tử đã nói trong suốt một đời, nay còn truyền lại hậu thế được bao nhiêu? Nếu chỉ vì không thấy ghi chép liền cho rằng đó không phải đạo của nhà Nho, thì cứ xét như trong Lục kinh, Tứ thư, không thấy Khổng tử có một lời nào đề cập đến cha mẹ mình. Có lẽ nào là một nhà Nho mà cả đời chẳng có một lời nào nói đến song thân phụ mẫu hay sao? Đó là chưa nói đến cái thuyết “Tinh khí vi vật, di hồn vi biến - 精氣為物, 遊魂為變” trong Kinh Dịch (Hệ từ thượng) cũng chính là lý luân hồi đó thôi. Sách Trung Dung luận về chữ “thành”, không nói “vật có trước sau” (始終), mà nói “vật có sau trước” (終始); 64 quẻ trong Chu Dịch, quẻ cuối cùng không phải quẻ ký tế (既濟 - đã xong) mà lại là quẻ vị tế (未濟 - chưa

xong), những điều đó đều hàm chứa lẽ xoay chuyển, tuần hoàn không có điểm kết thúc của muôn vật. Nếu không có khả năng thấu hiểu tường tận rõ ràng như trong kinh Phật, chỉ dựa vào các bậc thánh nhập thế, ắt không thể thấy hết được những việc quá khứ, vị lai, cùng những việc trong các cõi thiên thượng, nhân gian. Sách Trung Dung, chương 12 nói rất rõ rằng: "Đến chỗ cùng cực ấy, tuy thánh nhân cũng có chỗ còn chưa biết được", sao lại rơi vào bệnh hoài nghi như thế?

Cây đào cây mận, tuy gặp tiết xuân mới đơm hoa, nhưng vốn đã manh nha tiềm phục mầm hoa từ trước lúc thu sang lá rụng; khí trời ấm áp tuy xuân về mới thấy, nhưng dương khí vốn đã bắt đầu phát khởi từ sau tiết đại hàn, đông chí. Trong thế gian muôn vật đều tự nhiên như thế, sao chỉ riêng đối với con người lại nghi rằng không có luân hồi?

2. Thuyết luân hồi có từ bao giờ?

Hỏi: Phật giáo bắt đầu truyền đến Trung Hoa vào đời Đông Hán, nên thuyết luân hồi đa phần là từ đời Hậu Hán về sau, còn vào thời Đường Ngu, Tam đại đều chưa nghe nói đến.

Đáp: Ôi, nói như thế quả là uổng công đọc sách của người xưa! Há không nghe chuyện vua Nghiêu giết ông Cổn nơi Vũ sơn, thần thức hóa làm con gấu vàng, vào sống trong vực sâu đó sao? Há không nghe chuyện Vệ Khang Thúc báo mộng cho người thiếp hầu của Vệ Tương Công đó sao? Há không nghe chuyện Tề Tương Công nhìn thấy con lợn thật lớn, người hầu đều nói đó là công tử Bành Sinh đó sao? Há không nghe chuyện Đỗ Bá hiện hình, dùng cung đỏ tên đồng mà bắn Chu Tuyên Vương đó sao? Chẳng nghe chuyện Hồ Đột gặp thái tử Thân Sanh đã chết nơi đất Khúc Ốc; ông già đã chết báo ơn Ngụy Khỏa bằng cách kết cỏ đó sao? Há chẳng nghe chuyện hai đứa bé hiện hình nấp hai bên sườn Tấn hầu, chính là hai người Triệu Đồng, Triệu Quát đã bị ông giết trước đó? Há chẳng

nghe chuyện Ngô Vương Phù Sai giết Công Tôn Thánh nơi Tư sơn, về sau Thái Tể Phỉ tại núi này 3 lần hô tên ông đều nghe tiếng đáp đủ 3 lần đó sao? Há chẳng nghe chuyện quân nước Việt cúng tế Ngũ Tử Tư, nhìn thấy chén rượu tự nhiên lay động rồi cạn dần như có người uống đó sao?
Đối với những việc được ghi chép như trên, thử hỏi là việc trước thời Hán Minh Đế, hay là sau thời Hán Minh Đế? Quý Tử người nước Ngô có nói rằng: “Thân thể bằng xương thịt này rồi sẽ quay về với lòng đất, đó là mạng sống hết; nhưng hồn phách thì không thể như thế được.” Trong một câu nói này có thể thấy ra được là có thuyết luân hồi hay không.

3. Thánh nhân có khác người phàm?

Hỏi: Những bậc trung thần hiếu tử xưa nay, cố nhiên là ngàn năm chẳng mất, nên việc Đế Quân tái thế hơn mười bảy đời, không có gì phải nghi ngờ cả. Nhưng với những kẻ phàm phu tục tử, khí chất tầm thường, một khi đã chết thì hồn phách ắt là tiêu tán, làm sao có thể muôn kiếp vẫn tồn tại?

Đáp: Hình hài có lớn nhỏ, lanh lợi hay ngu độn, nhưng chân tánh không có lớn nhỏ, lanh lợi hay ngu độn. Nếu cứ cho rằng những người tầm thường sau khi chết sẽ hoàn toàn diệt mất, thử hỏi vào lúc Đế Quân bỏ mạng ở Cung Trì, bất quá cũng chỉ là một con rắn mà thôi, nếu theo lý ấy hẳn đã diệt mất rồi, làm sao ngày sau còn có Đế Quân?

4. Sao có người nói rằng sau khi chết thần thức tiêu tán mất?

Hỏi: Xem qua những chuyện ghi chép trong nhiều triều đại đã có thể tin rằng thật có chuyện tái sinh qua nhiều kiếp, nhưng gần đây xem trong sách Tiểu Học của Chu Hy thấy có nói rằng, con người ta sau khi chết, hình hài đã hư hoại thì thần hồn cũng theo đó mà tiêu tán mất. Vì thế nên có chút hoài nghi?

Đáp: Sách Tiểu Học ấy cũng có dẫn lời của Phạm Văn Chánh Công, nói

rằng những ai chỉ biết riêng mình thụ hưởng giàu sang phú quý mà không biết chia sẻ giúp đỡ người trong tộc họ thì ngày sau làm sao nhìn mặt tổ tông nơi địa phủ. Đó có phải lời Chu Hy ghi chép lại chăng?
- Quả đúng là lời của Chu Hy.
Thế nhưng nếu quả thật hình hài hư hoại, thần thức phiêu tán, vậy rốt lại còn ai là người nhìn mặt tổ tông? Lại như tổ tông cũng đã hình tiêu thần tán, thì còn ai là người thấy biết kẻ kia không giúp đỡ thân tộc? Lời nói của Chu Hy trước sau bất nhất, tự mâu thuẫn với nhau rồi vậy.
Phàm người muốn ăn trái cây, trước phải loại bỏ hạt, muốn ăn thịt, trước phải loại bỏ xương. Nay ông đọc sách Tiểu Học, cớ sao lại chỉ riêng chọn lấy phần “hạt”, phần “xương” mà “ăn”?
Đến như vua Nghiêu, vua Thuấn, Chu Công, Khổng Tử đều là những đỉnh Thái Sơn, những sao Bắc đẩu trong đạo Nho, mà trong Ngu thư, thiên Ích Tắc cũng có nói rằng: “Tổ tiên về chứng giám.”
Lại như trong Chu thư có chép chuyện Chu Công nói với ba vị vua rằng: “Ta bắt chước theo điều nhân nghĩa của vua cha, nên có thể cúng kính quỷ thần.”
Khổng tử có nói chuyện tại Đạn Cầm gặp Chu Văn Vương, trong giấc mộng lại thân thiết với Chu Công Đán.
Những điều đó đều cho thấy rõ rằng thần thức của các bậc tiền nhân ngày trước không hề tiêu tán, diệt mất. Nếu cho rằng lời nói của các bậc hiền Nho ngày trước ắt đáng tin, thì những lời của các vị Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng lại càng đáng tin hơn rất nhiều. Còn nếu nói rằng những lời của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng chẳng đủ để tin cậy, thì sao vẫn được các hiền Nho ngày trước lưu truyền?
Huống chi, nếu cho rằng người chết quả thật thần thức tiêu tán, diệt mất, ắt là các vị hiền Nho ngày trước tuy nhiều, nay cũng phải nằm trong số bị

tiêu tán, diệt mất ấy, vậy cần gì phải có 2 kỳ tế lễ mùa xuân và mùa thu mỗi năm? Nếu như nay vẫn thực hiện việc tế lễ hằng năm vào hai mùa xuân, thu, thì cái thuyết thần thức tiêu diệt đó, hậu thế ắt không thể tin được, vậy thì lấy gì để thuyết phục các thế hệ mai sau?
Mạnh Tử khi đọc thiên Vũ Thành trong Kinh Thư còn chỉ chọn lọc tin theo trong đó vài ba phần, huống gì là sách Tiểu Học của Chu Hy!

5. Người sao có thể tái sinh làm thú vật?

Hỏi: Thần thức như vậy là không diệt mất, sẽ trở lại tái sinh. Nay đã được nghe thuyết về sinh mạng như thế, nhưng nếu nói người chết lại hóa làm thú vật, thú vật lại có thể tái sinh làm người, điều ấy tôi không tin.
Đáp: Hình hài vốn tùy theo tâm thức mà biến hiện. Một niệm nhân từ, tức đồng trong cảnh giới trời, người. Một niệm hung ác, tức mầm mống ma quỷ, súc sinh đã bắt đầu manh nha. Việc lành việc dữ đã có sự tương tác qua lại với nhau mà không thuần nhất, tất nhiên hai cảnh giới người và thú vật cũng thay đổi biến hóa mà không cố định. Nếu như nói rằng hễ cứ là người thì nhất định làm người mãi, thú vật cũng nhất định làm thú vật mãi, thì ngay lúc bắt đầu phân chia người và thú, chẳng phải đã là quá bất công sao?
Có người đến hỏi một vị tăng rằng: “Vì sao thân thể con người thì đứng thẳng mà đi, còn thân hình loài thú lại phải nằm ngang mà đi?” Vị tăng đáp: “Sinh ra làm người, ấy là trong kiếp trước có tâm chính trực, ngay thẳng, nên kiếp này thân thể đứng thẳng mà đi. Sinh ra làm thú, ấy là trong kiếp trước tâm không chính trực, không ngay thẳng, nên kiếp này thân thể phải nằm ngang mà đi.”
Tâm ngay thẳng hoặc không ngay thẳng, vốn biến đổi trong từng khoảnh khắc, nên hình thể cũng theo đó mà biến đổi, nay sinh làm người, mai sinh làm thú, chẳng phải chính là lẽ vô thường điên đảo đó sao?

Lại chỉ riêng con người mới có sự hổ thẹn, do đó mà biết sử dụng y phục. Loài thú không biết hổ thẹn, mắc cở, nên không dùng y phục. Con người lại nhờ có phước báo nên hai mùa nóng lạnh biết thay đổi dùng y phục thích hợp khác nhau, còn loài thú do thiếu phước báo nên chỉ biết chịu đựng nóng lạnh hai mùa với bộ lông sẵn có.

Lại nữa, sinh ra làm người là trong đời trước thường nói những lời từ hòa, những lời lợi ích, những lời thành thật, những lời tôn trọng, kính tin Tam bảo, nên trong đời này tùy tâm biến hiện mà miệng có thể nói ra đủ điều; còn sinh ra làm thú là trong đời trước thường nói ra những lời ác độc, những lời dối trá, những lời bới móc, soi mói việc riêng tư của người khác, những lời tranh chấp thị phi, những lời nhơ nhớp xấu xa, phỉ báng Phật, phỉ báng Chánh pháp, không tin nhân quả, vì thế nên đời này tuy có miệng mà không thể nói được thành lời, dù chịu cảnh đói khát cũng không thể mở miệng xin cứu giúp, dù bị hành hạ giết chóc, bị lóc da xẻ thịt cũng phải cam chịu chứ không thể nói lời biện bạch, kêu oan hay cầu xin tha mạng.

Chưa từng bạo ngược với dân, tàn khốc với thuộc cấp

Giảng rộng:

Từ câu này cho đến trước câu “thấu tận lòng trời”, đều là những lời do Đế Quân tự kể ra về công hạnh của ngài trong 17 đời qua, để làm căn cứ cho những lời răn dạy bên dưới.

Sáu câu tiếp theo có nghĩa là, đã tự mình làm được rồi mới khuyên người khác nên làm theo như thế. Riêng một câu “chưa từng bạo ngược với dân, tàn khốc với thuộc cấp” có nghĩa là nếu mình chưa tự làm được, thì không do đâu mà người khác có thể bắt chước làm theo.

Kẻ làm quan được dân chúng xưng tụng là quan phụ mẫu, xem như cha mẹ của dân, nếu đối xử bạo ngược với dân, đó là bất nhân. Những quan viên thuộc cấp đều lo việc phụng sự, giúp việc cho ta, cũng không khác

nào phụng sự nhà vua hay quan trên, nếu đối xử tàn khốc với họ, đó là bất nghĩa.

Nói về sự bạo ngược, không nhất thiết phải là hình luật khắt khe, chế định quá nghiêm ngặt, mà có thể là những việc như khi thu thuế tiền, thuế ruộng của dân lại thúc bách, ép buộc bất hợp lý; hoặc tùy ý tăng thêm danh mục để thu về dư thừa; hoặc gặp khi thiên tai hạn hán mất mùa không kịp thời báo lên để miễn giảm cho dân; hoặc dân có điều ẩn ức, thỉnh cầu lại che giấu, ém nhẹm mà không trình lên trên; hoặc phân xử án kiện, quyết đoán việc tù ngục mà không thận trọng lắng nghe dân trần tình đã vội vã kết án; hoặc xử sai lầm liên lụy đến quá nhiều người vô tội; hoặc sự việc nhỏ nhặt mà cường điệu, phóng đại lên thành sự việc lớn lao, quan trọng; hoặc thay vì kết thúc đúng hạn kỳ, lại kéo dài dây dưa đến nhiều ngày sau. Hết thảy những việc như thế, xét theo lời dạy của Đế Quân đều có thể xem là bạo ngược với dân.

Nói về sự tàn khốc, không nhất thiết phải là mặc sức dùng roi vọt hình trượng đánh đập, hành hạ, mà có thể là những việc như nhân lỗi nhỏ nhặt mà trách phạt; hoặc nhân sự sai lầm, nhầm lẫn không cố ý mà khiển trách; hoặc do tâm tình mừng giận chi phối mà đối xử khác biệt chẳng công bình; hoặc tin theo những lời sàm nịnh sai sự thật mà tùy ý thưởng đây phạt kia, bất công với thuộc cấp; hoặc khi đi xa dùng quá nhiều người theo hầu hạ, phục dịch; hoặc sai sử người khác mà không quan tâm đến chuyện đói rét thiếu thốn của họ. Hết thảy những việc như thế, xét theo lời dạy của Đế Quân đều có thể xem là tàn khốc với thuộc cấp.

Than ôi! Khi đang nắm quyền hành chức tước mà không biết sử dụng như phương tiện để làm lợi cho dân, thì có khác gì vào được kho báu mà lại quay về với hai tay trắng! Trong mười bảy đời đã qua, Đế Quân thật chưa từng bạo ngược với dân, khốc hại với thuộc cấp!

Trưng dẫn sự tích

Kẻ bạo ngược, người tàn khốc đều có thể đổi tính

Đế Quân kể rằng: Huyện Ngưu Tỳ ở quận Thục có quan huyện lệnh Công Tôn Vũ Trọng, tuy là quan thanh liêm nhưng đối đãi với người không có sự khoan thứ. Những thuộc hạ giúp việc có chút lỗi nhỏ đều bị ông tùy ý dùng hình phạt roi vọt. Ông đến nhậm chức ở huyện qua một năm thì thuộc hạ hết thảy đều bị đánh, không ai còn giữ được da thịt lành lặn, những thuộc cấp của ông đều hết sức oán hận.

Quan huyện lệnh của huyện Tư Thủy là Lại Ân, tánh tình tham lam keo kiệt, thường nhận của hối lộ, chuyện ăn uống hằng ngày đều bòn rút từ của dân, lại để mặc cho thuộc cấp tùy tiện đàn áp bức bách, dân chúng hết sức khổ sở.

Ta vì thương những thuộc hạ và dân chúng ở hai huyện này rơi vào cảnh khốn khổ, liền hóa làm quan Quận thừa Trương Tôn Nghĩa, giả cách đi kinh lý các huyện trong quận, xem xét dân tình, phong tục các nơi, nhân đó vạch tội quan huyện Vũ Trọng tàn khốc với thuộc hạ, quan huyện Lại Ân bạo ngược với dân chúng. Hai vị quan đều khấu đầu van lạy xin tha tội. Ta dùng lời răn nhắc cảnh tỉnh, khuyến khích hai người cải ác tùng thiện, xong thu hình biến mất.

Về sau hai vị quan huyện mới biết rằng Quận thừa không hề có việc đi kinh lý đến các huyện lần ấy, nên cả hai đều cho đó là thần minh hiện hình. Vì thế, Vũ Trọng sau đổi tính thành khoan dung tha thứ, còn Lại Ân trở thành vị quan thanh liêm.

Lời bàn

Đế Quân đã căm giận những kẻ bạo ngược, tàn khốc như thế, thì phẩm hạnh của ngài đối với dân chúng và thuộc cấp như thế nào có thể suy ra mà biết được. Đọc sách Cư quan thận hình điều (居官慎刑條) của tiên sinh

Tưởng Tân Điền, có thể nói rằng mỗi chữ mỗi câu đều là lời khuyên răn thẳng thắn, như thuốc giải độc. Người làm quan nên cho khắc rõ bài ấy lên tường vách trong nha môn, sớm tối thường chú tâm đọc lại, từ đó có thể luôn biết tự nhắc nhở mình giữ theo đạo từ hòa trung chính, tạo công đức vô lượng.

Giảng rộng nghĩa lý bài văn Âm chất (4)

Cứu người lúc nguy nan

Giảng rộng:

Sự nguy nan có rất nhiều hình thức, nhưng nói đại lược không ra ngoài 7 việc: một là nạn nước lụt, hai là nạn lửa cháy, ba là bị tù ngục oan uổng, bốn là nạn trộm cướp, năm là nạn chiến tranh binh lửa, sáu là nạn mất mùa đói thiếu, bảy là nạn dịch bệnh truyền nhiễm.

Gặp người bị nạn nước lụt, lửa cháy, có thể tìm cách bảo toàn tính mạng cho người, đó gọi là cứu. Gặp người bị tù ngục oan uổng, có thể tìm cách giúp người minh oan gọi là cứu. Gặp người bị nạn trộm cướp, binh lửa

chiến sự, có thể tìm cách giúp người an ổn thoát ra gọi là cứu. Gặp người đói rét vì mùa màng thất bát, có thể giúp cho cơm ăn áo mặc gọi là cứu. Gặp người mắc phải dịch bệnh, có thể dùng thuốc men điều trị gọi là cứu. Hết thảy những sự cứu giúp ấy đều phải phát xuất từ tấm lòng chân thành, thấy người bị nạn cũng tưởng như chính mình đang bị nạn, nên dốc hết tâm lực, trí tuệ để tìm đủ mọi phương cách mà cứu giúp, sao cho người ấy được hoàn toàn thoát nạn mới thôi.

Khi người gặp nạn rồi mới đến cứu, đó là sự cứu giúp có thể nhìn thấy được, giống như Khổng tử nói: “Người có nạn, phải đặt mình vào trường hợp của người mà giúp.” Lại có một phương pháp khác, khiến cho người tự nhiên không gặp sự nguy nan. Cứu giúp theo cách này công đức lớn hơn bội phần, như Khổng tử nói: “Khiến cho người không gặp phải nguy nan.”

Như vậy là thế nào? Đó là vì, người gặp phải hoạn nạn, thảy đều do nghiệp đời trước tạo ra. Đời này không gieo nhân xấu, đời sau tự nhiên không gặp quả xấu. Nếu có thể khuyên người không phạm vào các nghiệp giết hại, trộm cắp, tà dâm, gian dối, đó chính là cứu được rất nhiều sự nguy nan cho người. Vì thế, cứu người khi sự nguy nan đã xảy ra thì việc cứu giúp đó là có giới hạn, mà cứu người từ lúc sự nguy nan chưa xảy ra thì sự cứu giúp đó mới là vô cùng tận.

Cứu người khi đã gặp nạn, đó là việc thiện của người bình thường; cứu người bằng cách khuyên dạy khiến cho không bao giờ phải gặp nạn khổ, đó là phẩm hạnh của hàng Bồ Tát. Cả hai việc ấy đều có thể cùng lúc thực hiện, không hề trái nghịch nhau.

Trưng dẫn sự tích

Làm rõ oán an kỳ lạ

Đế Quân kể rằng: Có người tên Hà Chí Thanh sống dưới chân núi Quy

Sơn, sinh được 2 con trai, đặt tên con trưởng là Hà Vô Phương, con thứ là Hà Lương Năng.

Con trưởng lớn lên lấy vợ là con gái Hầu Phủ. Qua một năm, Hầu Phủ có bệnh, con gái xin được về thăm, lúc về cùng đi với chồng. Trong lòng bối rối nên khi đi để quên cái vòng ngọc hồi môn. Lúc sực nhớ ra, còn đang phân vân chưa biết làm sao thì Hà Lương Năng đã mang vòng ngọc đuổi theo trao cho, lại nói: “Mẹ cũng đang có bệnh, mong anh sớm trở về.” Hà Vô Phương nghe vậy thì dặn dò em mình hãy bảo vệ chị dâu trên đường về thăm nhà, còn tự mình gấp rút quay lại thăm bệnh mẹ.

Đi được một đoạn, chị dâu ái ngại nên bảo em chồng rằng: “Nhà chị cũng chẳng bao xa, không dám phiền chú nhọc sức đi theo.” Vì thế, Lương Năng liền quay về nhà.

Đêm đó, nhà họ Hầu chờ mãi không thấy con gái về. Sáng ra theo đường mà tìm, thấy một thi thể con gái nằm chết, bị chặt mất đầu. Hầu Phủ đau lòng quá mà qua đời. Nhà họ Hầu nghi ngờ rằng Lương Năng giữa đường muốn cưỡng bức chị dâu, do nàng không thuận theo nên giết đi, liền đưa đơn kiện lên quan phủ. Lương Năng bị tra tấn bức cung không chịu đựng nổi, cuối cùng đành phải nhận tội oan, chịu xử tội chết.

Bấy giờ, thần núi Quy Sơn là Ngải Mẫn mang nỗi oan đó báo lên, ta liền xem xét sự việc. Hóa ra trong đêm ấy có tên cướp hung bạo là Ngưu Tư, cùng vợ là Mao thị có chuyện cãi vả, trong lúc nóng giận lỡ tay giết chết vợ. Khi ấy, tình cờ lại gặp con gái nhà họ Hầu đang đi một mình trên đường, liền bắt về cưỡng bức, lại lấy quần áo của nàng tráo đổi với xác chết của Mao thị. Mao thị với Hầu thị tuổi tác cũng suýt soát gần nhau nên thân hình giống nhau. Ngưu Tư liền chặt đầu Mao thị giấu đi, mang xác vất ra bên đường, rồi bắt Hầu thị mang về nhà mình, chẳng ai nhận biết được chuyện ấy cả.

Ta liền truy tìm hồn phách của Mao thị, khiến cho tạm nhập vào thân xác của Ngưu Tư, lại mượn chính miệng của Ngưu Tư để nói ra những chuyện đã xảy đến cho nàng. Quan phủ nghe qua thấu rõ sự thật, truyền mang Ngưu Tư ra chém tại chợ. Con gái họ Hầu được trả về nhà, mối oan của Hà Lương Năng được sáng tỏ.

Lời bàn

Người phàm mắt thịt chỉ có thể nhìn thấy hình dạng bên ngoài của con người, nhưng quỷ thần có thể nhìn thấu cả tâm can. Vì thế nên pháp luật của dương gian có thể oan sai, còn sự khiển trách trong chỗ vô hình thì không thể nào chạy thoát.

Trừ bạo loạn, cứu người hiền

Đế Quân kể rằng: Ở làng Bắc Quách có một phú ông tên Trí Toàn Lễ. Nhân tiết Trọng Xuân làm lễ tế tự, sau đó thì cả nhà lớn nhỏ đều uống đến say mềm. Có tên cướp hung bạo là Vương Tài dẫn theo đồng đảng đến cướp nhà họ Trí, trói chặt cả thảy nam nữ là 9 người, lại thêm tỳ thiếp 7 người nữa. Chỉ có người vợ Toàn Lễ với 2 cô con gái là Thuấn Anh, Thuấn Hoa còn chưa bị trói. Hai cô gái ôm mẹ mà khóc. Vương Tài muốn hãm hiếp, cô em liền lớn tiếng chửi rằng: "Bọn giặc đói chúng mày dám cướp nhà tao, thần minh họ Trương đã biết rõ tội bọn bay rồi."

Nói vừa dứt lời thì vị thần tư mệnh trong nhà cùng với tổ tiên dòng họ Trí đã cùng nhau đến cấp báo lên ta. Ta lập tức phái công tào dẫn trăm âm binh đi giải cứu. Ngay khi đó, Toàn Lễ với tất cả mọi người trong nhà đều bỗng dưng thấy dây trói tự mở, liền cùng nhau xông ra bắt hết bọn cướp trói lại. Quan phủ nghe chuyện mang quân đến, liền bắt toàn bộ bọn chúng về trị tội.

Lời bàn

Vương Tài sở dĩ dám đến cướp là vì nhân lúc tất cả người nhà đều say

khướt, không sức chống cự. Mà cả nhà Toàn Lễ đều say khướt, là do trước đó ham vui uống quá chén. Ví như chủ nhà biết giữ sự tỉnh táo không rối loạn, ắt kẻ lớn người nhỏ trong nhà cũng đều duy trì được sự cảnh giác, đâu để phải chuốc lấy tai họa từ bên ngoài? Đáng sợ lắm thay! Người làm chủ trong gia đình không thể không luôn giữ sự tỉnh giác! Nếu người không có trí tuệ chân chánh, hiểu biết đúng đắn, ắt sẽ bị sáu tên giặc chuyên cướp công đức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý dẫn theo bọn đồng đảng là hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các ý tưởng, tự cướp lấy hết những của báu trong nhà mình, nào phải chỉ riêng Toàn Lễ bị cướp mà thôi đâu!

Giúp người khi khẩn thiết

Giảng rộng:

Những trường hợp gọi là khẩn thiết không giống với những trường hợp gọi là nguy nan. Ta thường nói nguy nan để chỉ những chuyện không may bất ngờ gặp phải, nhưng sự khẩn thiết thông thường là chỉ chung cho những trường hợp thiếu thốn quá nhiều về vật chất.

Người đời thường xem tiền bạc như sinh mệnh, ấy là muốn giữ cho trong đời sống không bị thiếu ăn thiếu mặc, khi bệnh tật ốm đau không thiếu thuốc thang, đều là những chuyện khẩn thiết. Nhà có con trai, con gái đến tuổi trưởng thành, thì chuyện lo liệu hôn nhân cưới gả là khẩn thiết. Nhà có người chết thì chuyện tang ma quan quách là khẩn thiết. Tùy theo khả năng, sức lực của mình mà trong những trường hợp khẩn thiết đó có thể hỗ trợ, phụ lực cho người vượt qua, đó gọi là giúp người.

Khổng tử nói: “Thực hành theo đạo lớn thì là người của cả thiên hạ. Cho nên, không chỉ yêu lấy người thân của riêng mình, không chỉ hiếu kính riêng với cha mẹ mình.”

Lại cũng nói rằng: “Đối với tài vật, ghét sự phung phí vất bỏ, cũng không

nhất thiết phải giữ làm của riêng. Có sức lực, ghét sự lười nhác không ra sức, cũng không nhất thiết chỉ làm việc cho riêng mình."

Chân thành nhận hiểu thấu đáo những lời trên, thì chuyện thiếu thốn khẩn thiết tuy ở người khác nhưng cũng không nỡ xem đó là việc của người, mà sẽ nhận như là của chính mình. Nếu như có thể xem sự thiếu thốn khẩn thiết của người giống như của chính mình, ắt đời đời kiếp kiếp về sau, tự thân mình sẽ chẳng bao giờ rơi vào hoàn cảnh thiếu thốn nữa.

Tiên sinh Trần Kỷ Đằng có nói: "Người đời gọi kẻ giàu có là tài chủ, ý muốn nói rằng người ấy có thể làm chủ, biết sử dụng hợp đạo lý tài sản của mình." Sự nghiệp gia đình tuy vẫn phải phát triển, nhưng cũng nên biết tùy sức mình mà giúp đỡ, chu cấp cho người khác. Ngày nay, những người có nhiều tài sản thường trở thành nô dịch cho tài sản ấy. Có thể tích lũy tài sản, cũng có thể tùy ý sử dụng tài sản, như vậy mới đáng gọi là tài chủ. Nếu chỉ biết tích lũy cho nhiều tài sản mà không thể tùy ý sử dụng, thì bất quá chỉ nên gọi là tài nô, tức kẻ nô dịch của tài sản mà thôi.

Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy rằng: "Nếu bố thí y phục cho người, ngày sau sẽ được hình sắc đẹp đẽ diễm tuyệt; nếu bố thí thức ăn cho người, ngày sau sẽ được sức mạnh vô cùng; nếu giúp người phương tiện soi sáng, tự thân mình sẽ được mắt sáng trong sạch nhiệm mầu; nếu giúp người phương tiện đi lại, tự thân mình sẽ được an vui; nếu giúp người có chỗ ở an ổn, tự thân mình sẽ luôn được đầy đủ không đói thiếu."

Lại cũng dạy rằng: "Nếu giúp đỡ người khác các nhu cầu như cơm ăn, áo mặc, nhà ở... với tấm lòng thương yêu, hoan hỷ, sẽ được phước đức nhiều không thể đo lường."

Trưng dẫn sự tích

Nghèo giàu chỉ trong thoáng chốc

Đế Quân kể rằng: Khi Thục đế vừa lên ngôi, năm ấy mùa màng mất sạch,

đói kém nặng nề lan tràn khắp nơi, riêng ở quận Ba Tây lại càng hết sức nghiêm trọng. Có người phú nông là La Mật, tích chứa được hơn năm ngàn hộc thóc, đóng cửa kho giữ chặt không chịu bán ra. Lại có người đầy lòng hiệp nghĩa là Hứa Dung, dốc hết tài tản ra cứu giúp người nghèo. Đến lúc không còn khả năng tiếp tục giúp nữa, suốt đêm ông lại thắp hương khẩn cầu trời cao cứu giúp. Vị thần trong huyện là Lai Hòa Tôn mang việc ấy trình báo lên ta.
Ta tấu trình lên Ngọc Đế, có chỉ ban xuống thu lấy số thóc trong nhà La Mật phân bổ ra để cứu dân nghèo. Ta liền ra lệnh cho thần gió thổi tung nhà của La Mật, khiến cho tất cả những bao chứa thóc bên trong đều bị gió cuốn bay đi, rồi từ trên không trung mà rơi xuống khắp nơi, tự gom thành từng đống. Người trong huyện đều được một phen no đủ. Riêng nhà họ La, tài sản tích chứa chỉ trong một ngày bị mất sạch. Người trong huyện nhớ ơn Hứa Dung trước đây cứu giúp, nên có nhiều người mang thóc đến hoàn trả cho ông.
Đó cũng là do họ La thấy người gặp tai họa mà khoanh tay đứng nhìn hả hê, không ra sức giúp đỡ. Khi ấy, Thục Đế phong Hứa Dung làm Huyện tá. La Mật nghe được chuyện ấy, tự thấy hổ thẹn quá mức, liền tự treo cổ mà chết.

Lời bàn

Như thế gọi là thần thông du hí. Chuyện làm mưa thóc từ trời xuống, tuy là nhân sự tấu trình của Đế Quân, nhưng cái cách bỡn cợt đùa vui với người đời như thế, thật ra thì trời cao vẫn thường làm. Xin ghi lại đây chuyện ông trưởng giả Lô Chí ngày trước để người đọc tiện tham khảo thêm.
Ở Ấn Độ xưa có trưởng giả Lô Chí, hết sức giàu có nhưng lại vô cùng keo kiệt, bủn xỉn. Vợ con, tôi tớ trong nhà đều khổ sở vì sự keo kiệt của ông. Một hôm trời đẹp, Lô Chí liền lẻn mang bốn đồng tiền đi mua rượu thịt,

mang ra chỗ một bãi tha ma hoang vu vắng vẻ, một mình ăn uống. Nhưng Lô Chí vốn không quen uống rượu, nên vừa uống đã say. Trong lúc say rượu cao hứng, liền cất lên một bài ca rằng:

Nay ta gặp đủ điều may mắn,
Nhấm rượu ngon khoái lạc cực kỳ.
Thật hơn xa vua Tỳ-sa-môn,
Vượt trội cả vua trời Đế Thích.

Khi ấy, Đế Thích nghe qua lời hát, bật cười nói rằng: "Thức ăn của người này bất quá chỉ đáng giá bốn đồng tiền, thế mà dám nói là khoái lạc hơn ta. Ta phải tìm cách quấy phá hắn mới được."

Nghĩ thế, liền hóa hình giống như Lô Chí, hiện đến nhà ông ta rồi gọi tất cả người trong nhà đến nói rằng: "Ta từ trước đến nay đối xử tệ bạc với các người, vốn là do bị một con quỷ keo kiệt bám theo trong người mà khiến ra như vậy. Hôm nay ta may mắn trong lúc đi chơi bên ngoài đã thoát được nó rồi. Nay tất cả các người nếu cần gì trong nhà này xin cứ tùy ý lấy sử dụng." Nói rồi liền mở cửa kho, phân phát tất cả cho mọi người, lại nói rằng: "Con quỷ keo kiệt ấy hình dạng giống hệt như ta, trong chốc lát nữa thế nào nó cũng đến. Các người phải đánh đuổi nó đi, nếu để nó vào nhà, ắt sẽ nhập vào khiến ta trở lại keo kiệt, bủn xỉn như xưa."

Người trong nhà đều vâng dạ nghe theo. Bỗng nhiên thấy Lô Chí tỉnh rượu quay về, người giữ cửa liền đuổi đi, không cho vào. Lô Chí lớn tiếng gọi vợ con. Hóa ra cả vợ con ông cũng cầm gậy gộc xông ra đánh đuổi ông đi. Lô Chí hết sức kinh hoảng, liền đến chỗ mấy người bạn thân than khóc kể lại. Những người bạn ấy liền cùng nhau đưa ông về nhà. Vợ con Lô Chí nhìn thấy lại nói: "Không phải đâu, nó chính là con quỷ keo kiệt, sao các ông lại tin lời nó."

Mấy người bạn nhìn vào trong nhà thấy Đế Thích giả hình Lô Chí, cho rằng

Lô Chí quả thật vẫn đang ở trong nhà, liền quay sang quát mắng Lô Chí: "Mày là con quỷ keo kiệt, sao dám gạt bọn ta."
Lô Chí khi ấy có miệng không nói thành lời, khó lòng biện bạch, liền xoay xở mượn của người quen được một khúc vải lụa, định dâng lên vua để kể lể oan tình. Người giữ cửa không nhận, không cho vào, Lô Chí bèn la lớn: "Tôi muốn dâng tài sản, tôi muốn dâng tài sản." Vua nghe thấy, truyền cho ông vào.
Lô Chí vào trước điện, vừa muốn dâng khúc vải lụa lên để kêu oan, bỗng nhiên hai nách khép chặt giữ khúc vải lụa lại, dù gắng hết sức lực vẫn không dang tay ra được. Khi ấy, Đế Thích lại biến hóa khúc vải lụa thành một bó cỏ. Lô Chí thấy vậy hết sức xấu hổ. Vua liền cười lớn mà nói: "Thôi thôi, ông không cần dâng vải lụa, có gì oan ức cứ nói nhanh ra đi."
Lô Chí rơi nước mắt, khóc lóc kể hết sự tình. Vua nghe qua rồi, truyền cho đòi cả 2 ông Lô Chí cùng với vợ con đều đến trước điện. Vua nhìn thấy cả hai người, từ giọng nói cho đến hình dạng đều y hệt như nhau, liền ra lệnh cởi áo để trần cánh tay ra mà so sánh nốt ruồi nhận dạng, nhưng vẫn thấy giống hệt nhau, không thể phân biệt được. Vua liền lệnh đưa hai người đến hai nơi riêng biệt, yêu cầu mỗi người tự tay viết ra những điều ẩn khuất, bí mật nhất trong đời mình. Kết quả chẳng những nội dung đều tương đồng như nhau, mà cả nét chữ cũng không khác biệt.
Khi ấy, đức vua than rằng: "Ta người phàm mắt thịt, trong chuyện này dễ bị mê hoặc, không phân biệt được. Nay ta nên đến thưa hỏi đức Thích-ca Như Lai."
Nói rồi lên xe cùng đi với hai ông Lô Chí đến tinh xá Kỳ Viên. Đức Phật nhìn thấy liền hướng đến chỗ Lô Chí giả mà gọi một tiếng, Đế Thích lập tức hiện nguyên hình vua trời. Vua nhìn thấy Đế Thích, lập tức quỳ xuống bái lạy, rồi quay sang bảo Lô Chí hãy quay về nhà. Lô Chí nói: "Nay tôi

quay về nhà thì tài sản đã mất sạch hết rồi."
Đế Thích nói: "Ông làm việc bố thí, tài sản trong kho chẳng xê xích gì."
Lô Chí nổi giận, nói: "Tôi chỉ tin lời Phật, không tin lời Đế Thích."
Đức Phật bảo: "Ông cứ quay về nhà, lời Đế Thích nói đó không sai."
Lô Chí quay về nhà, quả nhiên thấy tài sản trong kho vẫn còn y nguyên không mất mát gì. Từ đó dần dần đổi tính, thường làm việc bố thí giúp người, không còn keo kiệt bủn xỉn như trước nữa.

Thương xót người cô độc

Giảng rộng

Đáng thương thay! Thiên hạ có biết bao nhiêu người cô độc, những trẻ em mồ côi, yếu đuối không nơi nương tựa. Xưa cha mẹ còn sống, cũng từng được thương yêu chiều chuộng, chăm sóc đủ điều, thương quý như ngọc ngà; cũng từng được bồng ẵm nâng niu, ôm ấp bảo bọc, chỉ lo con nóng lạnh bất thường. Nào ngờ cha mẹ nửa đường vắn số, sớm nẻo quy tiên, khiến cho cốt nhục chia lìa, chắc hẳn nơi chín suối cha mẹ không khỏi phải ôm lòng đau đớn khôn nguôi.

Than ôi, làm người quan trọng nhất là phải có tấm lòng suy mình thương người, mới đáng gọi là nhân từ khoan thứ. Thử tưởng tượng nếu như con cái mình phải lênh đênh phiêu dạt, cô độc khổ sở, bỗng gặp có người nhân từ độ lượng giúp đỡ bảo bọc cho, mình sẽ cảm niệm ơn đức ấy nói sao cho xiết! Cho nên nói rằng, người ta ai cũng sẵn có tấm lòng bất nhẫn, nhìn thấy kẻ khác khổ sở đớn đau thì không thể khoanh tay vô sự đứng nhìn; thường thường nuôi dưỡng được tâm niệm như thế, đó gọi là người có lòng nhân.

Còn ít tuổi mà cha mẹ mất sớm, tất nhiên phải trở thành côi cút, cô độc. Nhưng theo đó mà suy rộng ra, thì những kẻ mà trong họ hàng không có chú bác, trong gia đình hiếm hoi anh chị em, cũng đều có thể gọi là cô độc.

Những gia đình suy vi ít phước, tuổi già mà con cái còn nhỏ dại, cũng gọi là cô độc. Lại như những người vì việc quan trường bận rộn, hoặc bon chen chốn doanh thương, phải trôi dạt tha hương không người thân thích, đó cũng gọi là cô độc. Thậm chí như những người đạo hạnh cao khiết nhưng bị người khác vu khống làm nhục, người đức cao vọng trọng nhưng bị người báng bổ, khiến cho mọi người xa lánh, cũng gọi là cô độc.
Những trường hợp gọi là cô độc như thế rất nhiều, sự khởi tâm thương xót giúp đỡ cũng có nhiều phương thức đa dạng. Dưới đây đưa ra một bài của Đế Quân, có thể giúp nhận hiểu và phân biệt rõ hơn.

Trưng dẫn sự tích

An ủi lòng bạn nơi chín suối

Đế Quân kể rằng: Quan Sư Thị là Vi Trọng Tương, bạn đồng sự cùng ta trong triều, biết nhau đã lâu. Sau khi ông chết, không có con trai, chỉ để lại năm đứa con gái côi cút không nơi nương tựa. Ta lo lắng trọn vẹn việc hôn nhân cho ba đứa đã lớn, còn lại hai đứa nhỏ gửi gắm ở nhà quan Tư Gián là Cao Chi Lượng, sau đón về làm vợ hai con ta là Minh và Mậu Dung.

Lời bàn

Con trai mồ côi được người nuôi dưỡng cũng thường gặp, nhưng con gái côi cút được người lo lắng chu toàn thật ít có. Nhà họ Vi thật may mắn có được người bạn tốt.
Về hai người con của Đế Quân là Minh và Mậu Dung, sau vào đời Tây Tấn lại tái sinh làm con Tạ Đông Sơn. Sang đời Đường có Thừa tướng Trương Cửu Linh, đời Tống có Thừa tướng Trương Tề Hiền, lại như Tư Mã Quang, đều là những hậu thân của hai người.

Khoan thứ kẻ lỗi lầm

Giảng rộng

Khổng tử nói rằng: “Khắc phục chỗ xấu của chính mình, không công kích

chỉ trích chỗ xấu của người khác.” Lại nói rằng: “Nghiêm khắc với chính mình mà giảm bớt sự chê trách người khác.”
Các bậc hiền thánh xưa nay có muôn câu ngàn lời răn nhắc, thảy đều khuyên ta phải tự xét lỗi mình. Biết tự xét lỗi, ắt lúc nào cũng luôn tự lo việc sửa mình, chẳng còn thời gian đâu mà chê trách lỗi người khác.
Lỗi lầm của người ta có khi là cố ý, cũng có lúc chỉ là vô tình. Những lỗi vô tình rất dễ tha thứ, những lỗi cố ý thật khó dung tha. Nhưng người học đạo quyết chí nuôi dưỡng lòng khoan thứ lại nên chú ý đến việc dung thứ cho những lỗi cố ý của người khác. Nếu người phạm lỗi cố ý còn có thể tha thứ được, huống chi là kẻ phạm lỗi vô tình?
Khi sự việc nghiêm trọng đến mức không thể dung thứ mà ta muốn dung thứ thì quả nhiên sẽ rất khó khăn, nhưng cũng không thể không cố gắng hết sức. Vậy có thể dùng cách nào để khởi tâm tha thứ trong những trường hợp này?
Một là hãy nghĩ đến người việc người phạm lỗi kia chỉ vì không đủ trí tuệ. Thiên hạ đa phần đều là những người tầm thường dung tục, sao ta lại muốn đem những chuẩn mực của bậc hiền thánh mà trách cứ người khác? Nếu không tha thứ được cho người kém hiểu biết, thì hóa ra chính ta mới là người thiếu trí tuệ.
Hai là nghĩ đến việc mạng người ngắn ngủi. Người sống trong đời này, ngày qua tháng lại khác nào như bóng câu qua song cửa, một ngày trôi qua là tuổi thọ đã ít đi một ngày; khác nào tử tù đang trên đường ra pháp trường, mỗi bước đi là một bước đến gần cái chết. Đối với mạng người ngắn ngủi như thế, sao có thể không khởi lòng thương xót?
Ba là nghĩ đến sự sai lầm của người khác chính là phương thuốc giúp ta sửa lỗi của chính mình. Từ trước ta dù có lỗi cũng thường không tự biết được, nay nhìn thấy lỗi của người, nhờ đó có thể tự soi xét phản tỉnh trong

lòng. Cho nên, người ấy có thể xem như thầy ta, sao dám đem lòng xét nét trách cứ?
Nếu khởi tâm suy xét như trên, ắt sẽ có thể tha thứ cho cả những điều rất khó tha thứ. Cho nên, khi chưa thể khởi tâm tha thứ thì tâm tánh thường nóng nảy, bực dọc; sau khi đã tha thứ được cho người thì tự nhiên trong lòng được an ổn, bình thản. Tâm tánh nóng nảy thì trước mắt tự thấy đầy dẫy chông gai, dù con sâu con kiến cũng đủ làm chướng ngại trên đường. Tâm an ổn thì rào chắn không tự dựng lên, tự nhiên rộng mở tâm hồn, dù kẻ xung khắc với ta cũng có thể cùng chung đường tiến tới.
Hơn nữa, nếu không thể dung thứ cho người có lỗi, ắt phải cùng người ấy tranh biện hơn thua, khiến cho động lòng tự ái, phải tìm mọi cách để biện bạch, vì thế nên muốn người ấy không mắc lỗi nữa nhưng thực tế họ càng phạm lỗi nhiều hơn. Ngược lại, nếu có thể tha thứ lỗi của người, ắt sẽ khiến người ấy tự thấy xấu hổ, dù ta không cầu cho người ấy không mắc lỗi, nhưng người ấy cũng tự nhiên ít phạm lỗi hơn.
Cho nên nói rằng, nhìn thấy lỗi của người khác là cửa ngỏ của mọi điều xấu ác, mà nhìn thấy được lỗi của mình chính là cửa ngỏ của mọi điều thiện.

Trưng dẫn sự tích

Tiến cử kẻ thù

Đế Quân kể rằng: “Cha ta chết, vốn là do lời gièm pha vu khống của Nam Phong Thành, trong triều đình ai ai cũng biết rõ việc ấy. Mối thù hận trọn kiếp đó ta vẫn còn chưa quên. Sau Nam Phong Thành chết, con trai ông là Nam Ôn Thúc lại là người tài năng đức độ. Quan Sư Thị họ Vi thường nói với ta: “Con trai của Nam Phong Thành tính ham học không chán, nói ra lời nào cũng đều hợp với đạo lý, phép tắc, thật hiếm có trong số con em quý tộc hiện nay.”

Ý trời thật khó biết, ai ngờ Nam Phong Thành lại có được người con như thế. Lúc bấy giờ, tuy ta đang có mối thù không đội trời chung với nhà họ Nam, nhưng nghe đến sự đức độ hiền lương của Ôn Thúc thì vẫn thường mến mộ, yêu thích. Khi ta thăng chức làm quan Đại phu, chức quan Bảo thị còn chưa có người thay, ta liền tiến cử Ôn Thúc. Sau quả nhiên Ôn Thúc đảm nhận chức quan ấy vô cùng xuất sắc.

Lời bàn

Vua Nghiêu giết ông Cổn vì tội trị thủy không thành công, nhưng con trai ông là Vũ vẫn giúp vua Nghiêu kế tục công việc trị thủy và thực hiện thành công. Quản Thúc và Sái Thúc là anh em với Chu Công, đều bị lệnh vua giết, nhưng Chu Công vẫn là người phụ chính giúp Chu Thành Vương. Đế Quân không vì thù cha mà khiến cho đất nước mất đi bậc hiền tài, khiến người đức hạnh phải bị che lấp không được dùng đến, có thể nói là đã rất khéo léo vận dụng đúng chữ hiếu.

Khi tôi đọc sách Lễ ký thấy có câu rằng: “Kẻ thù giết cha không thể đội trời chung.” Sau lại đọc Kinh điển đạo Phật, thấy có câu rằng: “Hết thảy oán thù đều không thể báo hết.” Hai thuyết như thế có vẻ như hoàn toàn trái ngược, nhưng mỗi thuyết đều có chỗ hợp lý.

Nhà Nho chỉ căn cứ vào đời sống hiện tại này, nên có thù cha mà không báo tức là đã quên ơn dưỡng dục. Vì thế cho rằng việc nuôi dưỡng cái tâm “không đội trời chung” ấy là hiếu thảo.

Đức Phật hiểu thấu nhân quả trong ba đời, quá khứ, hiện tại và vị lai, thấy được rằng những chúng sinh từng làm cha mẹ của ta trong quá khứ thật không thể tính đếm hết, lại những kẻ có thù với cha mẹ ta cũng là vô số. Như vậy, chính trong số những chúng sinh từng là cha mẹ của ta, lại cũng chính là những cừu địch của nhau, nhiều đến vô số. Số nhiều như vậy, nếu mỗi mỗi đều không đội trời chung, làm sao có thể báo thù rửa hận đối với

tất cả?
Huống chi chỉ xét trong đời này, thêm một mối cừu thù, là cha mẹ phải thêm một sự đối nghịch oán hận, cho nên vì muốn dứt nhân duyên đối nghịch oán hận cho cha mẹ mà nhẫn nhục không báo thù, xem đó mới là hiếu thảo.
Xét như khi Vũ vương đánh vua Trụ, Thái Công vác kích theo ra trận, Bá Di cản trước đầu ngựa quyết can ngăn, như vậy chẳng phải hai người ấy trái nghịch nhau như nước với lửa đó sao? Nhưng Mạnh tử khi nhắc đến chuyện này lại nói: “Hai ông già ấy, đều là những ông già đáng tôn kính nhất trong thiên hạ.” Lại cũng chưa từng dám phê phán hai người ấy ai tốt, ai xấu. Đối với hết thảy những chỗ khác biệt hay giống nhau giữa Nho gia với Phật giáo, đều nên quán xét theo lẽ ấy. Được như vậy thì càng đọc nhiều kinh Phật, lại càng tinh tường lý lẽ của nhà Nho. Đế Quân khuyên người thực hành rộng khắp theo Tam giáo chính là vì thế.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (5)

Rộng làm những việc phúc thiện, tích âm đức, thấu tận lòng trời

Giảng rộng

Trong văn trước, từ chỗ "chưa từng bạo ngược với dân" đến đây là 5 câu, đều nói những việc mà Đế Quân đã làm, tích tụ âm đức, nhưng thật ra không thể nào kể hết được, nên dùng hai chữ "rộng làm" là để nói khái quát hết thảy.

Nguyên bản dùng chữ "âm chất" (陰騭), nguyên có xuất xứ từ thiên Hồng Phạm (洪范) trong sách Thượng Thư (尚書). Căn cứ theo chú thích của Sái Trầm (蔡沈) đời Tống thì đó là những việc đã "mặc định" (默定), nghĩa là trong chỗ u mặc âm thầm, con người không thấy không biết, nhưng đã có sự âm thầm định đoạt quyết định sự việc phải như thế. Nhưng theo nghĩa ấy thì không thích hợp với câu văn ở đây, mà nên hiểu nghĩa là "âm đức" (阴德) mới đúng.

Nguyên bản dùng chữ "thương khung" (蒼穹), nghĩa là "cao xanh", để chỉ trời cao. Chữ "thương" (蒼) nói về màu sắc, chữ "khung" (穹) nói về sự cao rộng. Nếu nói theo màu sắc, như cung điện mà chư thiên ở, thì hợp với chữ "thương", vì trong kinh nói là có màu lấp lánh như ngọc lưu ly xanh. Nếu nói theo hình thể đo lường cao rộng, thì hợp với chữ "khung", vì như tầng trời Đao-lợi quả thật cách mặt đất chúng ta đến 84. 000 do-tuần.

Trưng dẫn sự tích

Làm vị quan tốt ở Thanh Hà

Đế Quân kể rằng: Ta từ sau khi lìa bỏ đường ác, sinh ra tại nước Triệu làm con trai Trương Vũ, được đặt tên là Trương Huân, sau trưởng thành làm huyện lệnh Thanh Hà.

Ta từ lúc làm quan luôn giữ tâm sáng suốt, khoan hậu nhân từ, không nỡ xem thường kẻ dưới; đối với thuộc cấp như bạn hữu, đối với dân chúng như người thân trong gia đình. Thuộc cấp có điều sai trái lầm lạc, ta giúp

sửa đổi cho chính đáng; đối với người lười nhác giải đãi thì dùng lời khích lệ, khuyên bảo; đối với người thô lỗ cộc cằn thì nhẫn nại dạy dỗ, khiến cho cải hối; đối với kẻ quỷ quyệt xảo trá thì tra xét tận tường, làm rõ tất cả; đối với kẻ so đo hơn thiệt chuyện bổng lộc thì đem đạo nghĩa ra dạy dỗ; đối với kẻ tranh biện chê bai chuyện lễ nghĩa pháp chế thì đem lẽ tình cảm mà hiểu dụ; đối với kẻ giặc loạn trộm cướp, ta liền làm rõ mà bắt phải bồi hoàn tiền bạc đúng mực; đối với kẻ gây thương tổn cho người khác, ta bắt phải nhận lỗi và bồi thường thiệt hại; đối với kẻ lần đầu phạm lỗi có thể khoan dung, ta khuyên răn rồi tha thứ; đối với kẻ phạm tội không xuất phát từ bản tâm có thể dung thứ, ta cũng tha bổng; cạn hết lời lẽ, dốc hết sức lực mà dạy dỗ răn nhắc mọi người noi theo đạo lý, phép tắc. Nếu như xảy ra sơ xuất trong việc xử án kết tội, có người vì thế chê bai là dung túng kẻ xấu, ta đều chấp nhận lắng nghe.

Ta giữ chức huyện lệnh trong 5 năm, mưa thuận gió hòa, dịch bệnh không phát sinh, dân chúng mỗi khi cúng tế trời đất đều xưng tán ngợi khen ta.

Lời bàn

Đời nhà Hán có nhiều vị quan tốt, nhưng liệu có ai được từ hòa, thương yêu chia sẻ nỗi khổ của dân, đau xót với nỗi đau của dân như Đế Quân chăng? Khảo cứu trong thư tịch ghi chép về quan lại, chỉ thấy có Trương Vũ là ông quan tà vạy hư hỏng, không thấy nói đến người con là Trương Huân làm quan đức độ, vậy thư tịch ghi chép liệu có nên tin tưởng hoàn toàn được chăng?

Đại tiên núi Tuyết Sơn

Đế Quân kể rằng: Ta vào triều Chu U Vương, do thẳng thắn can gián mà bị bắt tội chết, hồn phách không có chỗ về, lẩn quất nơi cung điện than khóc trong 3 ngày. Vua nghe tiếng khóc cho là yêu quái, lệnh cho quan Đình thị cứ nghe theo tiếng kêu khóc mà bắn tên. Ta khi ấy mới bỏ nước của U

Vương mà đi, một lòng hướng về phương tây.

Ta đi qua Mân sơn, Nga Mi sơn, rồi rời xa đất Thục, bay vượt qua nhiều ngọn núi cao vút, xa trông về hướng tây thấy có một đỉnh núi, vừa cao vừa rộng ước đến hơn trăm dặm, tuyết phủ giá lạnh, thật không phải cảnh nơi trần thế. Sơn thần là Bạch Huy nói với ta: “Núi ấy tên là Tuyết Sơn. Xưa đức Đa Bảo Như Lai tu hành ở đó, qua 8 năm thì thành đạo, sao ông không lưu lại nơi núi ấy?”

Ta nghe theo lời sơn thần, ở lại núi ấy. Không lâu sau Ngọc Đế có chỉ ban xuống phong ta làm Tuyết Sơn Đại tiên.

Lời bàn

Đế Quân chấp chưởng việc khoa bảng của nhân gian, ngang hàng với chư tiên, đều nhờ những việc làm phúc thiện thật sự thấu tận lòng trời, chỉ riêng một việc này khác biệt.

Những người được Ngọc Đế ban phong, đều phải nghe theo mệnh trời. Trời đã có thể ban cho vinh hiển, thì cũng có thể bắt phải bần tiện. Chỉ riêng bậc tu hành xuất thế, hoặc được vãng sinh về Tây phương Tịnh độ, hoặc tạm tái sinh nơi các cõi trời Tứ thiền thuộc Sắc giới, mới có thể tự do tự tại, không phải nghe theo mệnh lệnh từ Ngọc Đế.

Nếu ai có thể giữ tâm hiền thiện như ta

Giảng rộng

Trước hết phải hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ “giữ tâm”, sau đó mới giảng đến ý nghĩa “có thể như ta”. Hơn nữa, trước hết cần hiểu được “tâm” là gì, sau đó mới xét lại ý nghĩa của việc “giữ tâm” với “không giữ tâm”. Cũng giống như dạy người giữ gìn vật báu thì trước hết phải chỉ rõ vật báu ở đâu.

Sự phân biệt giữa “lòng người” với “tâm đạo”, từ xưa đến nay trong đạo Nho được các bậc hiền thánh truyền nối cho nhau, xem đó là mạng mạch

chân chính. Nhà Nho nói rằng: “Đạo là cội nguồn lớn lao phát xuất từ trời”, nhưng bất quá đó cũng chỉ là một cách nói rất mơ hồ, trừu tượng, lại cũng không phải là tông chỉ của cái gọi là “đạo” theo như từ Khổng, Nhan truyền lại. Thế mà các nhà Nho lại có ý báng bổ đạo Phật, hoàn toàn vô cớ tự đưa ra thuyết “Phật gốc ở tâm, Nho gốc ở trời”, đâu biết rằng như vậy là đã tự hủy hoại đi chính cái “tâm học” rất uyên áo sâu sắc ban đầu của Nho giáo, tự nguyện mang bảo vật quý giá nhất của đạo Nho mà quy về cho đạo Phật, thật hết sức đáng tiếc. Lại có những kẻ hậu học mù mịt không hiểu biết, lại hùa theo thuyết ấy mà phụ họa. Biết bao giờ mới có được bậc đại thánh hiền đủ sức chấn chỉnh sự sai lầm như thế?

Học vấn thánh hiền truyền dạy, không ngoài việc giúp ta được tâm tự do tự tại, thoát khỏi mọi sự ràng buộc. Tâm đã thoát khỏi mọi ràng buộc, có ai còn trở lại cầu điều chi nữa? Một tâm cầu, một tâm thoát, dường như là có hai tâm riêng biệt. Nếu không có hai tâm riêng biệt, sao lại phân biệt gọi là cầu với thoát? Chính ở chỗ này phải tận lực nghiên cứu nghiền ngẫm, không thể chỉ xem xét qua loa mà được.

Nho giáo luận về tâm, đạt đến thuyết “rỗng rang sáng suốt không mê mờ, trọn đủ lý lẽ, ứng hóa thành vạn sự”, có thể xem là tinh vi thuần khiết đến mức cùng cực. Thế nhưng, ý tưởng đó vốn có xuất xứ từ những giảng giải trong các kinh Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm của đạo Phật. Xét từ sau thời Khổng Tử, Mạnh Tử cho đến trước thời Trình Hạo, Trình Di, Chu Đôn Di, thì trong Nho giáo không hề có thuyết này. Chu Hy phát khởi thuyết này, có thể xem là có công đóng góp cho Nho gia.

Năm 18 tuổi, Chu Hy tìm đến theo học với Lưu Bình Sơn. Lưu Bình Sơn có ý cho rằng ông muốn theo đường khoa cử công danh, liền bảo mở rương sách của ông ra xem, chỉ thấy trong đó duy nhất một bộ Đại Huệ Thiền sư ngữ lục (大慧禪師語錄), không còn gì khác. Chu Hy thường cùng Lữ Đông

Lai và Trương Nam Hiên tìm đến tham bái nhiều vị thiền lão thạc đức khắp nơi, riêng đối với thiền sư Đạo Khiêm có quan hệ hết sức mật thiết. Ngài Đạo Khiêm nhiều lần khai thị, thường răn nhắc cảnh tỉnh ông trong sự tu tập. Vì thế, trong những chú thích, giảng giải của Chu Hy về các sách Đại học, Trung dung, khi luận về tâm tánh thì phần cốt yếu đều rất gần với tư tưởng của nhà thiền. Chu Hy về già sống ẩn dật trong nhà tranh vách đất, thường tụng kinh Phật, có sáng tác tập thơ “Trai cư tụng kinh” (齋居誦經詩). Nếu nói rằng Chu Hy hoàn toàn không biết đến kinh Phật thì quả là sai lầm.

Luận giải về tâm

Tâm không ở trong

Những người mê muội thường cho rằng tâm ở trong thân này, đó chỉ là do nhận lầm cái tâm thuộc về lục phủ ngũ tạng bên trong cơ thể là tâm, hay trái tim, lại cho đó chính là thể rỗng rang linh diệu, mà không biết rằng có một tâm hữu hình, hay trái tim, tùy thuộc thân xác này thường sinh thường tử, lại có một tâm vô hình, hay tâm thức, không tùy thuộc thân xác này nên không có sinh tử.

Tâm hữu hình, hay trái tim, ở trong thân thể, còn tâm vô hình, hay tâm thức, không ở trong thân thể. Nếu như nói hai tâm ấy chỉ là một, ắt là tâm nhân từ thương dân của Nghiêu, Thuấn với tâm bạo ngược ác độc của Kiệt, Trụ phải cách xa nhau như trời với đất. Lại vì sao cùng mắc phải tâm bệnh, mà có trường hợp phải chẩn đoán dùng thuốc men, có trường hợp lại phải dùng các phương pháp điều trị tâm lý? Do đó mà biết là cái tâm cần phải dùng thuốc men với cái tâm thiện ác vốn rõ ràng là hai tâm khác nhau.

Tâm không ở ngoài

Lại có người ngờ rằng, cái tâm hữu hình kia đã chẳng phải tâm thức, ắt hẳn cái khả năng thấy, khả năng biết của ta chính là tâm. Nhưng những đối tượng của sự thấy, biết đều là ở bên ngoài, như vậy cho thấy cái tâm có thể thấy, có thể biết đó cũng ở bên ngoài. Những người này thường ví như việc nhắm mắt quay nhìn bên trong không thấy, chỉ có khả năng nhìn thấy những vật đối diện mình, không thể từ những chỗ bên trong như chân mi, đáy mắt, da mặt mà tự thấy được hình thể. Lại ví như thân ở bên ngoài căn nhà, tất nhiên chỉ có thể nhìn thấy được tường vách, cửa sổ... từ bên ngoài, mà không thể từ ngoài nhìn vào thấy được những chỗ ẩn khuất bên trong. Xin thưa, không đúng như thế. Cái khả năng biết khổ, biết đau, chính là tâm ta. Như người khác uống vị thuốc hoàng liên, ta không thể cảm thấy đắng miệng; như muỗi chích trên da thịt, ta liền kêu đau, vậy có thể nói rằng tâm ở bên ngoài được chăng?

Tâm không ở khoảng giữa

Lại có người ngờ rằng, tâm đã chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài, vậy nhất định là nó có lúc vào trong, có lúc ra ngoài, nên phải ở nơi khoảng giữa. Xin thưa, không đúng như thế. Nếu có vào ra, tức chẳng phải ở khoảng giữa. Nếu xác định ở khoảng giữa, ắt không có vào ra. Hơn nữa, biết dựa vào đâu mà gọi là khoảng giữa? Nếu cho rằng khoảng giữa đó nằm bên trong da, thì vẫn giống như thuyết cũ là tâm ở bên trong. Nếu cho rằng khoảng giữa đó nằm bên ngoài da, thì vẫn giống như thuyết cũ là tâm ở bên ngoài. Lại tiến xa hơn để tìm khoảng giữa, thì bất quá trong các nếp nhăn của da cũng chỉ là những cáu ghét dơ bẩn, đó lại là tâm của ta được sao?

Tâm không phải vừa có hiện hữu, vừa không hiện hữu

Hoặc có người nói rằng: “Nếu tâm không hiện hữu, ắt là nhìn không thể thấy, nghe không thể nghe, ăn cũng chẳng biết mùi vị. Còn nếu như nhìn

có thể thấy, nghe có thể nghe, ăn có thể biết được mùi vị, đó tức là tâm có hiện hữu. Như vậy, tất nhiên là tâm phải vừa có hiện hữu, vừa không hiện hữu?”

Đáp rằng: “Sáu thức đó, chẳng phải là tâm. Ví như khi nhìn thấy người con gái đẹp, tâm liền khởi sinh ái nhiễm, đó là do con mắt (nhãn căn) với hình sắc (sắc trần) tiếp xúc nhau mà thành nhận biết (nhãn thức). Nghe nói đến trái mơ chua thì tự nhiên sinh nước dãi trong miệng, đó là do lưỡi và vị chua tương cảm với nhau mà thành thức. Từ nơi rất cao nhìn xuống thấp, hai chân tự nhiên run rẩy, đó là do thân với cảm xúc thúc bách nhau mà thành thức. Nếu nhận những thức ấy là thể tánh rỗng rang linh diệu không mê muội của tâm, đó là sai chỉ hào ly mà lệch đi ngàn dặm. Người xưa nói rằng:

Cội nguồn sinh tử trong muôn kiếp,
Người mê không biết nhận chân tâm.

Chính là nói đến ý nghĩa này.

Tâm bao trùm hư không

Trong kinh Lăng nghiêm, đức Phật bảo ngài A-nan rằng: “Cả mười phương hư không sinh khởi trong tâm ông, chẳng qua cũng chỉ như đám mây nhỏ điểm giữa bầu trời mênh mông.”

Đức Phật bảo ngài A-nan bảy lần chỉ ra nơi chốn của tâm; bảy lần hỏi, bảy lần đáp, phá sạch tất cả những nhận thức sai lầm hư vọng, sau đó mới dần dần hiển lộ chân tâm nhiệm mầu sáng suốt, khiến cho ngài A-nan được nhất thời tỏ ngộ, có thể nói là một cuộc hiển bày hết sức tường tận sâu xa uyên áo.

Lời bàn

Chữ “tâm” vốn dĩ đã mang nghĩa mơ hồ không rõ rệt, chữ “giữ” lại càng không xác định. Nếu vẫn quyết lòng phải nói ra cho rõ cái ý nghĩa “giữ tâm”,

hẳn chỉ càng thêm sai lệch, chỉ nên hướng đến những việc từ “chưa từng bạo ngược với dân” cũng như “cứu người lúc nguy nan” v.v... mà hiểu rằng đó là chỗ “giữ tâm hiền thiện” của Đế Quân, liền cung kính nỗ lực làm theo như vậy là được.

Ắt được trời ban phước lành

Giảng rộng

Câu trên nói “giữ tâm hiền thiện như ta”, đó là nhân; câu này nói “trời ban phước lành”, đó là quả. Chữ “ắt được” có nghĩa xác quyết, như người trồng dưa ắt được hái dưa, trồng đậu ắt được hái đậu, nhất định không thể có mảy may sai lệch. Hoàn toàn không phải như thuyết của những kẻ uổng đọc sách thánh hiền, rằng: “Ý trời tự muôn thuở có thể biết; ý trời trong đời suy mạt này không thể biết.”

Chữ “trời” có thể chỉ hình sắc thể chất nhìn thấy, tức là bầu trời; cũng có thể chỉ vị chủ tể của vạn vật. Khi dùng chỉ vị chủ tể của vạn vật, thì “trời” có nghĩa là thượng đế chí tôn, hay Ngọc Đế. Các nhà Nho về sau tránh né không muốn dùng danh xưng “thượng đế”, nên dùng chữ “lý” (理) để thay thế, nhưng chữ ấy thật chưa đủ nghĩa. Bởi vì người đời nói đến “thượng đế” đều có ý kính sợ, nếu chỉ dùng một chữ “lý” để thay, đâu có ai kính sợ? Ví như có người con gái xinh đẹp trong căn phòng kín. Có người bước vào phòng ấy, tâm ham muốn nhục dục bỗng dưng bùng phát. Chợt nghe có người bảo rằng: “Trong phòng này có thánh tượng của Ngọc Hoàng Thượng Đế, cô gái ấy đến đây để dâng hương.” Khi ấy, cho dù là kẻ cực kỳ xấu ác ắt cũng phải sinh lòng kính sợ, chưa hẳn ở ngay trước tượng Ngọc Đế mà dám buông thả làm càn. Nhưng nếu thay vì thế lại nghe có người bảo rằng: “Nếu ông làm việc càn rỡ như thế là hoàn toàn không theo đúng lý. Mà trái nghịch với lý, tức là đắc tội với chính danh thánh giáo, không thể gọi là người quân tử.” Thử hỏi người ấy trong lúc lòng ham

muốn nhục dục đang bùng phát mạnh mẽ, có thể nghe qua lời ấy mà đột nhiên dập tắt ngay chăng?
Cho nên biết rằng, việc dùng chữ “trời” để chỉ Ngọc Đế có thể khuyên răn giáo hóa người học, thật là có công với Nho giáo. Nếu chỉ dùng một chữ “lý” mà nói, ấy là mở tung cánh cửa buông thả không còn e dè sợ sệt cho người trong thiên hạ, nên không thể dùng đó mà dạy dỗ giáo huấn được. Nên người xưa có lời rằng: “Người người đều biết kính sợ vâng theo đạo lý, đó là đầu mối để thiên hạ được an trị. Người người đều không biết e dè sợ sệt, đó là đầu mối khiến thiên hạ đại loạn.”
Huống gì trong thế gian này, muôn sự muôn vật đều không chỗ nào ra ngoài chữ lý. Nếu nói “trời” là lý, thì “tính” cũng là lý; các nhà Nho gọi mệnh trời là “tính”, rốt lại thì “lý mệnh” cũng gọi là lý. Suy xét ra như vậy thật không thể không bật cười.
Đời Tống, tiên sinh Lục Tượng Sơn năm lên 6 tuổi, một hôm bỗng khởi sinh thắc mắc không biết tận cùng của vũ trụ trời đất này là nơi đâu. Suy nghĩ mãi về điều này đến nỗi suốt đêm không ngủ được. Đến khi đã thành một ông già tóc bạc, mỗi ngày vẫn luôn suy nghĩ mà không biết “ông trời” mình vẫn đội trên đầu đó thật ra là gì, lại có thể an bày sắp xếp hết thảy các loại hữu tình có sinh mạng như thế.
Tiên sinh Y Xuyên tham vấn Thiệu Khang Tiết, chỉ cái bàn ăn trước mặt mà hỏi: “Như cái bàn này là nằm trên mặt đất; không biết cả vũ trụ trời đất này thật ra là nằm ở đâu?” Thiệu Khang Tiết hết lời luận giải lý lẽ về trời đất vạn vật cùng với lục hợp. Y Xuyên kinh hãi thán phục rằng: “Trong đời ta xưa nay chỉ được biết duy nhất có Chu Mậu Thúc biện luận được đến như thế này.”
Than ôi, ai dám nói chắc rằng các bậc đại nho xưa không hề để tâm nghiên cứu về vũ trụ trời đất? Con phù du tuy không biết đến sáng tối trong

ngày, con ve sầu tuy chẳng biết được xuân thu trong năm, nhưng cái chu kỳ sáng tối với bốn mùa có bao giờ lại vì thế mà mất đi chăng? Thế nên phải biết rằng, trong Ba cõi quả thật có 28 cảnh trời, rất nên phụ đính vào đây sau các thuyết của Liêm Khê, Khang Tiết, để giúp cho những ai có sự thắc mắc cầu học giống như tiên sinh Y Xuyên cũng có thể tìm được lời giải thích.

Tên gọi các cảnh trời

Sáu cảnh trời thuộc cõi Dục

Kể từ bên dưới tầng đất nước của thế gian trở lên cho đến cảnh trời Tha hóa tự tại đều gọi chung là cõi Dục, vì chúng sinh trong cõi này đều có tham dục. Từ dưới đếm lên có cả thảy sáu cảnh trời tuần tự kể ra như sau:

1. Cảnh trời Tứ vương (四王天 - Tứ vương thiên)

Do bốn vị Đại thiên vương phân chia cai quản bốn Đại bộ châu, mỗi châu rộng 42.000 do-tuần. Cung điện cư trú của mỗi vị đều nằm trong phạm vi của một mặt trời, một mặt trăng.

2. Cảnh trời Đao-lợi (忉利天 - Đao-lợi thiên)

Tiếng Phạn Trāyastrṃśa, dịch âm là Đao-lợi, mang nghĩa là ba mươi ba, nên cũng gọi là cảnh trời 33 (Tam thập tam thiên). Giữa trung tâm là nơi cư trú của vị Đế Thích, tám phương chung quanh, mỗi phương đều có bốn vị Đại thần phụ giúp, hợp thành đủ số 33 nên có tên gọi như vậy, không phải là từ dưới lên trên có 33 tầng trời. Từ mặt đất lên đến cảnh trời Đao-lợi là 84.000 do-tuần.

3. Cảnh trời Dạ-ma (夜摩天 - Dạ-ma thiên)

Từ cảnh trời này trở lên, những người tu tiên không hề biết đến, nên các sách của Đạo gia không nhắc đến các tên này.

4. Cảnh trời Đâu-suất (兜率天 - Đâu-suất thiên)

5. Cảnh trời Hóa Lạc (化樂天 - Hóa Lạc thiên)

6. Cảnh trời Tha Hóa Tự Tại (他化自在天 - Tha Hóa Tự Tại thiên)

Sáu cảnh trời này, trải qua thời gian mỗi một kiếp rồi đều sẽ bị nạn lửa hủy hoại. Trong thời gian tồn tại thì thọ mạng dài ngắn cho đến cung điện thành ấp như thế nào, hình thể, y phục nặng nhẹ ra sao, đều có ghi rõ trong Đại tạng kinh, ở đây không thể kể ra hết.

Lời bàn

Đế Quân nói rằng "ắt được trời ban phước lành", như vậy là ai ban? Chính là vị Đao-lợi Thiên vương. Nho gia tôn xưng là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đạo gia tôn xưng là Ngọc Đế hoặc Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn, trong kinh Phật thường gọi là Tam thập tam Thiên vương, hoặc Đế Thích, hoặc Thích-đề-hoàn-nhân, thật ra cũng chỉ đến một vị thượng đế, có quyền uy thống nhiếp hết bốn vị Đại thiên vương.

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (6)

Mười tám cảnh trời thuộc cõi Sắc

Bên trên cõi Dục có cõi Sắc. Gọi tên như vậy vì chúng sinh trong cõi này chỉ có thân thể mang hình sắc nhưng không có ái dục nam nữ. Từ dưới tính lên có cả thảy là 18 cảnh trời, tuần tự kể ra như sau:

1. Cảnh trời Phạm Chúng (梵眾天 - Phạm chúng thiên)

2. Cảnh trời Phạm Phụ (梵輔天 - Phạm Phụ thiên)

3. Cảnh trời Đại Phạm (大梵天 - Đại Phạm thiên)

Ba cảnh trời này đều gọi chung là các cảnh trời Sơ thiền (初禪天 - Sơ thiền thiên). Mỗi cảnh trời này sau khi trải qua thời gian một kiếp cũng đều bị nạn lửa hủy hoại.

4. Cảnh trời Thiểu Quang (少光天 - Thiểu Quang thiên)

5. Cảnh trời Vô Lượng Quang (無量光天 - Vô Lượng Quang thiên)

6. Cảnh trời Quang Âm (光音天 - Quang Âm thiên)

Ba cảnh trời này đều gọi chung là các cảnh trời Nhị thiền (二禪天 - Nhị thiền thiên). Mỗi cảnh trời này sau khi trải qua thời gian bảy kiếp đều sẽ bị nạn hồng thủy hủy hoại.

7. Cảnh trời Thiểu Tịnh (少淨天 - Thiểu Tịnh thiên)

8. Cảnh trời Vô Lượng Tịnh (無量淨天 - Vô Lượng Tịnh thiên)

9. Cảnh trời Biến Tịnh (遍淨天 - Biến Tịnh thiên)

Ba cảnh trời này đều gọi chung là các cảnh trời Tam thiền (三禪天 - Tam thiền thiên). Mỗi cảnh trời này sau khi trải qua thời gian 64 kiếp đều sẽ bị nạn gió hủy hoại.

10. Cảnh trời Phước Sanh (福生天 - Phúc Sanh thiên)

11. Cảnh trời Phước Ái (福愛天 - Phúc Ái thiên)

12. Cảnh trời Quảng Quả (廣果天 - Quảng Quả thiên)

13. Cảnh trời Vô Tưởng (無想天 - Vô Tưởng thiên)

Bốn cảnh trời này, cho đến cảnh trời Sắc Cứu Cánh sẽ nói bên dưới, cộng chung là 9 cảnh trời, đều gọi chung là các cảnh trời Tứ thiền (四禪天 - Tứ thiền thiên), không còn bị các nạn lửa, nước và gió (gọi chung là tam tai) làm hại được nữa.

14. Cảnh trời Vô Phiền (無煩天 - Vô Phiền thiên)
15. Cảnh trời Vô Nhiệt (無熱天 - Vô Nhiệt thiên)
16. Cảnh trời Thiện Kiến (善見天 - Thiện Kiến thiên)
17. Cảnh trời Thiện Hiện (善現天 - Thiện Hiện thiên)
18. Cảnh trời Sắc Cứu Cánh (色究竟天 - Sắc Cứu Cánh thiên)

Năm cảnh trời này cũng được gọi chung là năm cảnh trời Bất Hoàn (五不還天 - Ngũ Bất Hoàn thiên).

Cả 18 cảnh trời như trên, chư thiên ở đó đều tu tập Phạm hạnh thanh tịnh cùng các pháp thiền định phước lạc, chỉ là mức độ nhiều ít, sâu cạn không giống nhau.

Lời bàn

Bên trên cảnh trời Sắc Cứu Cánh là cảnh trời Ma-hê-thủ-la, uy quyền cao nhất, là chủ tể cai quản thế giới Ta-bà này, thống nhiếp cả thảy vạn ức chư thiên cảnh trời Tha Hóa, vạn ức chư thiên cảnh trời Hóa Lạc, vạn ức chư thiên cảnh trời Đâu-suất, vạn ức chư thiên cảnh trời Dạ-ma, vạn ức chư thiên cảnh trời Đao-lợi, vạn ức chư thiên cảnh trời Tứ vương, vạn ức các vị Nhật thiên tử, vạn ức các vị Nguyệt thiên tử, nhưng chư thiên trong cõi Dục đều không được nghe biết đến danh hiệu, không được nhìn thấy hình tướng.

Bốn cảnh trời thuộc cõi Vô sắc

Bên trên cõi Sắc lại có bốn cảnh trời. Một là cảnh trời Không Vô Biên, hai là cảnh trời Thức Vô Biên, ba là cảnh trời Vô Sở Hữu, bốn là cảnh trời Phi

Tưởng Phi Phi Tưởng. Chư thiên ở các cảnh trời này chỉ thọ hưởng kết quả do tu các pháp thiền định vô sắc, không còn nghiệp quả có hình sắc, nên gọi chung là cõi Vô Sắc.

Lời bàn

Cảnh trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng là cao nhất trong Ba cõi, chư thiên ở đó có tuổi thọ đến 84.000 đại kiếp, nhưng thảy đều chưa thấu rõ được chân tâm sáng suốt mầu nhiệm, nên một khi phước trời đã hết vẫn phải trở lại lưu chuyển trong luân hồi. Nếu nhìn từ góc độ nhà Phật thì đó vẫn là hàng phàm phu chưa giải thoát ra khỏi thế gian. Đạo gia tuy cũng nói đến Tam giới, nhưng là Thượng giới, Trung giới và Hạ giới, không giống như Tam giới hay Ba cõi trong Kinh Phật.

Phụ đính 2 mục vấn đáp

1. Vì sao có nhiều cảnh trời?

Hỏi: Nói về trời, đó là danh xưng của bậc chí tôn, không ai bằng được mới có thể gọi là trời, làm sao lại có nhiều loại danh xưng, hình sắc khác nhau như thế?

Đáp: Con người cũng được xem là linh giác trong vạn vật, lẽ nào chỉ có thể gọi chung là người mà không phân biệt kẻ hiền người ngu, kẻ cao quý, người hạ tiện? Trong Kinh dạy rằng: “Giữ tròn Năm giới thì được sinh trong cõi người, tu Mười thiện nghiệp thì được sinh lên cõi trời.” Tuy nhiên, trong việc làm theo Năm giới với Mười thiện nghiệp, lại cũng có những mức độ nhiều ít, sâu cạn khác nhau. Cho nên trong cõi người, phước đức của mỗi người cũng không giống nhau. Chư thiên trong các cảnh trời cũng vậy, phước đức của mỗi vị cũng không giống nhau.

2. Sự phân chia phàm thánh ở các cảnh trời

Hỏi: Trong 28 cảnh trời đã kể trên, cảnh trời nào là phàm, cảnh trời nào là thánh?

Đáp: Có 2 cảnh trời thuộc về phàm, 5 cảnh trời thuộc về thánh. Còn lại 21 cảnh trời khác đều là chỗ phàm thánh cùng cư trú.

Hai cảnh trời thuộc về phàm là cảnh trời Đại Phạm Thiên thuộc Sơ thiền thiên và cảnh trời Vô tưởng thuộc Tứ thiền thiên.

Vì sao như vậy? Vì ở cảnh trời Đại Phạm, Đại Phạm Thiên Vương không hề biết rằng tất cả chúng sinh trong sáu đường thảy đều là do nghiệp đã tạo mà phải lưu chuyển sinh tử, lại tự cho rằng mình là cao quý, chỉ có chính mình mới có khả năng kiến tạo ra hết thảy trời đất, người, vật... do đó mà sinh khởi tà kiến.

Còn ở cảnh trời Vô Tưởng, chư thiên ở đó toàn là những kẻ ngoại đạo trước đây tu tập pháp định Vô tưởng mà sinh về đó, được hưởng quả báo 500 kiếp tâm thức rỗng không, không có tư tưởng gì, rồi tự cho đó là Niết-bàn. Chư thiên cảnh trời này sau khi thọ hết quả báo sẽ khởi sinh tà kiến rồi sinh vào địa ngục.

Năm cảnh trời thuộc về các bậc thánh nằm trên cảnh trời Quảng Quả, bao gồm các cảnh trời Vô Nhiệt, Vô Thiền, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh, được gọi chung là Ngũ Tịnh Cư thiên hay Ngũ Bất Hoàn thiên. Chư thiên ở năm cảnh trời này đều là các vị thánh đã chứng đắc Thánh quả thứ ba là quả vị A-na-hàm mới được sinh về.

Ngoài 7 cảnh trời kể trên, còn lại 21 cảnh trời khác đều là nơi có đủ hai bậc phàm, thánh, có thể suy ra mà biết đều là do được hưởng phước báo từ việc tu tập nghiệp lành trong hai cõi trời, người.

Do đó mà ta có lời dạy người

Giảng rộng

Hai chữ “do đó” nếu xét theo ý nghĩa trước đó là do “chưa từng bạo ngược với dân...” thì chữ “dạy” sẽ mang ý nghĩa ngăn ngừa điều ác, làm nền tảng chuẩn bị cho câu “hết thảy việc ác quyết không làm” ở gần cuối bài. Lại

nếu xét theo ý nghĩa của 6 câu kể từ “cứu người khi nguy nan”, thì chữ “dạy” sẽ mang ý nghĩa khuyến khích điều lành, làm nền tảng chuẩn bị cho câu “hết thảy việc lành xin vâng theo”.

Đế Quân sở dĩ thương mà dạy dỗ nhắc lại nhiều lần như thế, vì hy vọng rằng chúng ta đều là những con người có thể cải hối. Nhưng liệu chúng ta quả thật không có gì phải hổ thẹn với lòng chăng? Mạnh Tử nói: “Không có lòng trắc ẩn thì không phải là người. Không có tâm hổ thẹn ghét bỏ điều ác, khiêm cung nhường nhịn, cũng không phải là người.” Theo đó mà nói thì làm người quả thật khó!

Muôn vật đều gồm đủ, con người thật đáng tôn trọng! Có thể xưng đế xưng vương, con người cao quý thay! Sinh ra không vật mang theo, chết đi vẫn hoàn tay trắng, con người cùng khổ thay! Món ngon vật lạ qua miệng rồi đều thành phẩn dơ hôi thối, con người nhơ nhớp thấp hèn thay! Ai cũng từng ở trong bào thai rồi từ đó sinh ra, con người kém cỏi thay! Ăn nuốt hết thảy muôn loài trên cạn dưới nước, con người tàn nhẫn thay! Bên ngoài trang sức lụa là xinh đẹp, trong lòng ẩn giấu tên độc gươm sắc, con người xảo trá thay! Gia đình thân quyến ràng buộc sai sử, con người thật như nô dịch! Chỉ hướng vào thân thể hạn hẹp này mà nhận đó là nhà, con người nhỏ bé thay! Dưới ánh mặt trời thì rỡ ràng nhân nghĩa, đêm tối ám muội thì việc xấu xa nào cũng không từ, con người thật đáng hổ thẹn thay! Sống ngày nay không chắc chắn được ngày mai, con người thật mong manh thay! Thở ra không hẹn thở vào, con người thật yếu đuối thay!

Luận A-tỳ-đàm nói: “Chữ ‘người’ có 8 nghĩa.” Kinh Lâu Thán Chánh Pháp dạy rằng: “Người trong cõi Diêm-phù-đề nhiều chủng loại khác biệt nhau, cả thảy có 6.400 chủng loại.” Thế thì chữ “người” đó nào phải dễ nhận hiểu đâu?

Các thuyết về con người

Con người từ cảnh trời Quang Âm đến

Kinh Khởi thế nhân bản dạy rằng: “Vào thuở ban đầu của kiếp này, tất cả con người đều từ cảnh trời Quang Âm giáng xuống, có thể bay lượn trên không trung, không từ bụng mẹ sinh ra. Từ khi biết dùng lúa gạo làm thức ăn, con người mới bắt đầu có gân cốt xương tủy... phân chia thành hình thể nam nữ khác nhau, từ đó mà khởi sinh ái dục.”

Lời bàn

Giống loài con người từ một cảnh trời thuộc cõi Sắc mà ra, nên khi tạo tác các hình tượng thiên thần đều phỏng theo như hình người.

Con người từ bốn đại mà sinh ra

Vạn vật ở thế gian bất quá không ra ngoài bốn đại là địa, thủy, hỏa, phong, nên con người là do khí chất của bốn đại ấy mà thành hình. Xương thịt là từ địa đại; các chất dịch như nước mắt, nước mũi, đàm dãi... là từ thủy đại; hơi ấm là hỏa đại; mọi sự vận động là từ phong đại.

Lời bàn

Luận theo Ngũ hành thì có thêm hai yếu tố là kim (kim loại) và mộc (cây gỗ) mà không đề cập đến phong đại. Riêng địa đại có thể hiểu là bao gồm cả kim và mộc, nhưng thiếu phong đại thì không thể có sự vận động. Ví như có dùng ngũ tạng phối với ngũ hành, thì ngoài ngũ tạng còn có thân xác, hóa ra có vẻ như tương phản, thiếu căn cứ thuyết phục. Vì thế, thuyết ngũ hành đã bị thuyết tứ đại đánh đổ.

Con người là một trong bốn cách sinh ra thuộc sáu đường

Bốn cách sinh ra bao gồm: thai sinh (sinh ra từ bào thai), noãn sinh (sinh ra từ trứng), thấp sinh (sinh ra từ môi trường ẩm ướt) và hóa sinh (sinh ra từ sự biến hóa). Con người thuộc về loại thai sinh.

Sáu đường bao gồm các cảnh giới: trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Cảnh giới con người được xếp thứ hai trong số đó.

Lời bàn

Con người vốn không hề có sự quyết định trước chắc chắn sẽ thuộc loại thai sinh, mà là do nghiệp duyên thúc đẩy vào loài thai sinh, lại cũng không hề có sự quyết định trước chắc chắn sẽ sinh ra làm người, mà là do nghiệp duyên thúc đẩy mới sinh làm người. Dù mang tên họ thế này thế khác, chẳng qua chỉ là tạm thời trong cõi thế; dù cung trời hay địa ngục, chẳng qua cũng chỉ là chốn nương thân trong một kiếp phù du ngắn ngủi như chớp mắt mà thôi.

Con người có mười thời kỳ

Sách Pháp uyển châu lâm nói rằng: "Con người có mười thời kỳ. Thứ nhất là thời kỳ hình thành màng tế bào, thứ hai là thời kỳ hình thành tế bào dạng bọc, thứ ba là thời kỳ hình thành dạng khối nhỏ, thứ tư là thời kỳ hình thành khối thịt tròn, thứ năm là thời kỳ hình thành tay chân, thứ sáu là thời kỳ hài nhi, thứ bảy là thời kỳ thơ ấu, thứ tám là thời kỳ niên thiếu, thứ chín là thời kỳ thanh niên cường tráng, thứ mười là thời kỳ già yếu."

Lời bàn

Năm thời kỳ trước là nói các giai đoạn còn ở trong bào thai, năm thời kỳ sau là nói giai đoạn từ sau khi ra khỏi bào thai.

Hình dạng mặt người giống như hình dạng cõi đất

Kinh Khởi thế nhân bản nói rằng: "Cõi Nam Diêm-phù-đề rộng 7.000 do-tuần, hướng bắc mở rộng, hướng nam hẹp lại. Vì thế, khuôn mặt con người ở cõi ấy cũng có hình thể tương tự như hình dạng cõi đất."

Lời bàn

Địa hình châu Bắc-câu-lô có hình vuông nên khuôn mặt người ở cõi ấy cũng vuông vắn. Châu Đông Thắng Thần có địa hình tròn, nên khuôn mặt người ở cõi ấy cũng tròn trịa. Châu Tây Ngưu Hóa có địa hình như nửa mặt trăng, nên khuôn mặt người ở cõi ấy cũng phát triển to lớn ở phần trên

não mà bên dưới nhỏ hẹp lại. Do đó suy rộng ra, như chim đậu trên cây, lông cánh hình giống cây; thú đi trên cỏ, lông trên thân giống như cỏ.

Người có sáu căn, sáu trần, sáu thức

Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; sáu trần là hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp. Khi mắt thấy hình sắc, tai nghe âm thanh, căn và trần đối nhau mà khởi sinh thức từ đó.

Lời bàn

Cùng là sáu căn đó, khi kẻ phàm phu sử dụng thì khởi sinh thành sáu tình, sáu nhập, sáu cảm thọ, sáu ái nhiễm, ấy là sáu tên giặc; nhưng với hàng Bồ Tát thì đó là sáu thần thông. Chẳng đủ để hiểu ra việc chư thiên thấy nước là lưu ly, còn ngạ quỷ thấy nước là máu mủ, vốn cũng là một lẽ như vậy đó sao?

Làm người nên học giáo pháp Mười hai nhân duyên

Kinh Pháp Hoa dạy rằng: "Vô minh duyên nơi hành, hành duyên nơi thức, thức duyên nơi danh sắc, danh sắc duyên nơi sáu nhập, sáu nhập duyên nơi xúc, xúc duyên nơi thọ, thọ duyên nơi ái, ái duyên nơi thủ, thủ duyên nơi hữu, hữu duyên nơi sinh, sinh duyên nơi già chết, khổ não, buồn đau. Vô minh diệt ắt hành phải diệt, hành diệt ắt thức phải diệt, thức diệt ắt danh sắc phải diệt, danh sắc diệt ắt sáu nhập phải diệt, sáu nhập diệt ắt xúc phải diệt, xúc diệt ắt thọ phải diệt, thọ diệt ắt ái phải diệt, ái diệt ắt thủ phải diệt, thủ diệt ắt hữu phải diệt, hữu diệt ắt sinh phải diệt, sinh diệt ắt già chết, khổ não, buồn đau phải diệt."

Lời bàn

Chỉ biết rằng thân này do mẹ sinh ra mà không biết cha cũng góp phần, ấy là trẻ con. Chỉ biết rằng thân này do cha mẹ trời đất sinh ra, mà không biết còn do nghiệp duyên đời trước, ấy là kẻ dung tục tầm thường.

Tôi hết sức phản đối thuyết "trời sinh thánh nhân". Nếu quả trời có thể sinh

được thánh nhân, ắt phải thường sinh thánh nhân. Như trời đã sinh vua Nghiêu, vua Thuấn, tại sao lại còn sinh vua Kiệt, vua Trụ? Nếu trời không ngăn được việc vua Kiệt, vua Trụ sinh ra, thì cũng không thể quyết định việc vua Nghiêu, vua Thuấn ra đời. Thế thì làm sao nói rằng trời có thể sinh ra người?

Có những kẻ cưới thêm thê thiếp, cầu khẩn nhiều nơi mà vẫn không có con; lại có những kẻ chưa kịp cưới xin, quan hệ bừa bãi, trong lòng chỉ sợ có thai, nhưng rồi vẫn cứ có thai; xem đó thì biết việc sinh con không chỉ là riêng do cha mẹ mà thành.

Tuổi thọ con người xưa nay có khác biệt

Trong kinh nói rằng: "Vào thời tăng kiếp, khởi đầu tuổi thọ trung bình của con người được 10 năm, sau đó cứ trải qua 100 năm thì tuổi thọ lại tăng thêm được 1 năm; cứ như vậy tăng mãi cho đến khi tuổi thọ con người đạt đến 84.000 năm thì dừng. Từ đó về sau cứ trải qua 100 năm thì tuổi thọ lại giảm đi 1 năm, cứ như vậy giảm mãi cho đến khi tuổi thọ chỉ còn 10 năm là thấp nhất. Khi tuổi thọ trung bình của con người là 10 năm, lại bắt đầu tăng dần như trước. Sự biến đổi tăng giảm này cũng giống như trong năm có những lúc ngày dài đêm ngắn, lại có những lúc ngày ngắn đêm dài, cứ như vậy mà tuần hoàn mãi mãi không dứt."

Lời bàn

Đức Thích-ca Như Lai ra đời vào lúc tuổi thọ trung bình của con người là 100 năm, nên vào đời vua Thành Khang rất nhiều người sống thọ đến gần trăm tuổi, như Vũ Vương thọ 93 tuổi, Văn Vương thọ đến 97 tuổi. Thời Đường Ngu trước Văn Vương hơn ngàn năm, nên tuổi thọ tăng hơn 10 năm, nên vua Vũ thọ 106 tuổi, vua Thuấn thọ 110 tuổi, vua Nghiêu thọ đến 117 tuổi. Đế Khốc trị vì đến 70 năm, như vậy có thể đoán là tuổi thọ cũng rất cao. Chuyên Húc trị vì đến 78 năm, so với Đế Khốc còn cao hơn. Thiếu

Hạo trị vì 84 năm, so với Chuyên Húc lại cao hơn nữa. Hoàng Đế trị vì 100 năm, so với Thiếu Hạo là tuổi thọ phải cao hơn. Viêm Đế ở ngôi đến 140 năm, so với Hoàng Đế lại càng cao hơn nhiều. Từ đó suy ra trước thời Phục Hy có kỷ Nhân Đề, kỷ Tuần Phỉ, kỷ Tự Mệnh v.v... trở ngược đến thời Nhân Hoàng trị dân, chẳng biết đã mấy mươi vạn năm qua, nên anh em Nhân Hoàng có 9 người, cộng chung cả triều đại truyền đến 45.600 năm. Trở ngược đến thời Địa Hoàng rồi Thiên Hoàng, cũng không biết là bao nhiêu vạn năm, nên cả 2 vị ấy đều có tuổi thọ đến 18.000 năm. Những điều trên đều được truyền lại trong sử sách, có thể khảo chứng rõ ràng. Các nhà Nho đời sau thấy nói về tuổi thọ ngày xưa đến mấy vạn năm cho là hoang đường, liền hết sức nỗ lực chỉnh sửa, loại bỏ đi những điều như thế, quả thật là kiến thức quá hẹp hòi.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (7)

Những người viết sử thời xưa ghi chép truyền lại các điều ấy không phải là vô căn cứ. Khổng Tử sinh vào thời nhà Chu suy vi, vẫn có thể thấy được những chỗ thiếu sót của người chép sử, huống chi các vị sử thần từ thời

Đường Ngu về trước, lẽ nào lại dối trá ghi chép những điều vô nghĩa vào chánh sử hay sao?
Than ôi, mắt không nhìn thấy con gấu to, lại cho đó là con ba ba có 3 chân, ấy thật không phải vật quái lạ, mà do kiến thức của người chưa đầy đủ. Từ thời Chu Chiêu Vương đến nay lại đã trải qua 3.000 năm nữa, tuổi thọ trung bình của con người giảm thêm 30 năm, vì thế nên hiện nay xét thấy những người có tuổi thọ cao cũng đều ở mức trên dưới 70 tuổi. Đọc qua nhiều sách vở, mới thấy những lời trong kinh Phật là đúng thật.
Hàn Xương Lê trong bài "Phật cốt biểu" nói rằng: "Đời thượng cổ không có Phật mà người ta sống thọ, đời sau có Phật mà người ta yểu mạng hơn." Nói như vậy là đâu biết rằng hiện nay đang thời giảm kiếp? Vào thời tuổi thọ con người đến 80.000 năm thì 500 tuổi mới tính chuyện dựng vợ gả chồng. Thời đầu nhà Chu, 30 tuổi mới lập gia đình. Hiện nay, chưa quá tuổi 15 đã tơ tưởng chuyện ái tình, miệng còn hôi sữa đã nói ra toàn những lời tục tĩu.

Thân người xưa nay có khác biệt

Trong thời giảm kiếp, cứ trải qua 100 năm thì thân thể lại ngắn đi 1 tấc, qua 1.000 năm ắt ngắn đi 1 thước. Vào thời đức Thích-ca Như Lai ra đời, thân người cao trung bình 8 thước. Đến nay đã trải qua hơn 2.000 năm, thân người ngắn đi 2 thước, nên hiện nay chiều cao trung bình chỉ vào khoảng trên dưới 6 thước. Nói chung, khi tuổi thọ trung bình tăng lên ắt thân người cũng theo đó mà cao lớn hơn, khi tuổi thọ trung bình giảm, ắt thân người cũng theo đó mà thấp bé hơn. Cho đến sau thời kỳ phát sinh thiên tai dịch bệnh, tuổi thọ con người càng gần mức thấp nhất, thân người lại càng thấp bé hơn, chỉ khoảng hai gang tay, hoặc ba gang tay, có thể dùng những loại lúa đề, lúa bại mà cho là lương thực tốt nhất; để tóc dài che thân, xem đó là y phục đẹp nhất; những dụng cụ dùng thường ngày

đều chế tác theo hình dạng của binh khí như đao kiếm, côn trượng...

Lời bàn

Có người khai quật ngôi mộ cổ trước thời Tùy Đường, tìm thấy bộ xương người rất lớn, so với bộ xương của người đời nay dài hơn đến 2 thước.

Tôi có khảo cứu trong sách "Thiên nhân cảm thông ký", thấy viết rằng: "Di chỉ nền kinh đô nước Thục trước đây, nằm trên núi Thanh Thành, hiện nay là đất Thành Đô, xưa kia vốn là một vùng biển cả."

Xưa vào thời đức Phật Ca-diếp, có người đi theo dòng sông Tây Nhĩ, khi thuyền ngang qua vùng này bỗng thấy trên bờ có một con thỏ, liền giương cung bắn, không biết rằng thỏ ấy vốn là thần biển hóa thành. Thần biển nổi giận, liền quật tung chiếc thuyền ấy lên, lật úp xuống, khiến cho đất cát lấp cạn khúc sông ấy mà thành đất bằng. Đến triều Tấn, có vị tăng thấy vùng đất ấy có nhiều kẻ nứt, liền theo vết nứt mà đào xuống tìm được nhiều bộ xương người cùng với đáy thuyền. Những bộ xương người đều dài đến hơn 3 trượng. Đó là vì vào thời đức Phật Ca-diếp thì tuổi thọ trung bình của con người đến 20.000 năm.

Tôi cũng có đọc sách "Khổng lý ký", thấy có đoạn viết: "Đôi dép của Khổng Tử, theo đơn vị đo lường hiện nay dài một thước ba tấc." Như vậy có thể thấy, bàn chân của Khổng Tử hoàn toàn không giống như bàn chân của người hiện nay. Tôi lại đọc thấy trong sách "Chu lễ" nói rằng "cán rìu dài 3 thước, bề ngang 3 tấc", như vậy cho thấy cánh tay của người thời đó không giống với cánh tay của người thời nay. Cho đến y phục, dụng cụ, chén bát... của con người cách nay trăm năm, chắc chắn cũng đều to lớn hơn so với hiện nay. Há chẳng phải là do thân người dần dần nhỏ đi nên vật dụng cũng theo đó mà nhỏ hơn đó sao?

Phước báo của con người xưa nay có khác biệt

Con người quan trọng nhất là đức hạnh, nhờ đó mới có phước báo. Sau

khi tuổi thọ trung bình giảm dần thì hết thảy mọi điều khác đều sút giảm, đức hạnh cũng theo đó mà suy giảm, phước báo mất dần đi. Có thể kể sơ lược ra đây như là bảy món báu sẽ mất dần đi; ngũ cốc thu hoạch dần dần ít hơn; chuyện ăn mặc ngày càng khó kiếm đủ hơn; hình thể dung nhan ngày càng xấu xí hơn; năng khiếu bẩm sinh ngày càng hôn ám, ngu muội hơn; tinh thần dần suy nhược hơn; phong tục ngày càng cao ngạo hơn; thân quyến ngày càng ít hòa thuận nhau hơn; thuế khóa, sai dịch ngày càng nặng nề, khắc nghiệt hơn; các tai nạn như lửa cháy, nước lụt, trộm cướp ngày càng hoành hành mạnh mẽ hơn; pháp Phật dần dần bị suy tàn; người hiền ngày càng suy tổn; các nhà Nho chân chính ngày càng hiếm thấy; những kẻ báng bổ Phật pháp ngày càng phát triển mạnh; những người giàu có ngày càng keo kiệt, bủn xỉn hơn...

Lời bàn

Sách vở ngôn từ của thế tục hẳn có những lúc không đúng thật, nhưng những gì được trích ra từ Kinh điển thì mỗi chữ mỗi câu luôn được chứng minh đúng đắn. Xét như vào thời Tam đại, người người đều sử dụng vàng ngọc để trao đổi tính toán, số lượng rất nhiều, chưa từng sử dụng toàn bạc nén. Cho đến triều Hán về sau mới bắt đầu dùng bạc làm tiền tệ. Nhưng lúc đó các nước nhỏ cũng vẫn còn sở hữu được các loại trân bảo quý giá như ngọc dạ quang, châu chiếu thừa, không đến nỗi quá hiếm thấy như ngày nay. Ngày nay phải sử dụng loại bạc phẩm chất kém, lại thường cho đồng đỏ vào bên trong, ấy là vì bạc trắng tốt không đủ dùng nên phải dùng thêm đồng thay bạc. Như thế chẳng phải đúng là bảy món báu mất dần đi đó sao?

Một trăm mẫu ruộng vào đời nhà Chu chỉ tương đương với 22 mẫu thời nay. Số lượng thu nhập từ 22 mẫu đó có thể nuôi ăn được 9 người. Sức ăn của mỗi người thời xưa lên đến một đấu gạo, số lượng mỗi một người

ăn hết trong một năm ước chừng hơn 70 thạch của ngày nay, 9 người phải mất hơn 600 thạch, tính ra mỗi mẫu ruộng có thể thu hoạch được khoảng hơn 30 thạch. Ngày tôi còn nhỏ được biết ở quê tôi mỗi mẫu ruộng chỉ thu hoạch được khoảng 3 hay 4 thạch. Kể từ năm Quý Hợi đời Khang Hy trở về sau, mỗi mẫu ruộng trước đây thu hoạch được 3 thạch đều sút giảm, không còn thu hoạch được đến số ấy. Như thế chẳng phải đúng là ngũ cốc thu hoạch dần dần ít hơn đó sao?

Vào thời cổ, nước nào không tích chứa nhu yếu đủ dùng được đến 10 năm thì gọi là "không sung túc", không đủ dùng được đến 6 năm thì gọi là ở mức "nguy cấp". Như vào thời hưng thịnh của hai triều Hán Đường, so ra cũng chỉ là "không sung túc". Còn như hiện nay, chỉ cầu mong cho được đến mức "nguy cấp" của xưa kia mà còn không thể được! Như thế chẳng phải đúng là chuyện ăn mặc ngày càng khó kiếm đủ hơn đó sao?

Vào thời cổ, các bậc vua chúa công hầu cao quý vẫn thường hạ mình tìm đến giao du với các bậc ẩn sĩ nơi thâm sơn cùng cốc; hàng khanh tướng được người tôn kính vẫn chịu khó nhọc đi bộ mà không ngồi xe. Hiện nay thì khác, người vừa mới phụng mệnh làm quan đã lập tức lên mặt khinh miệt những kẻ tri giao bằng hữu, còn bọn sai nha tiểu tốt cũng ngang nhiên ngồi xe che lọng. Như thế chẳng phải đúng là phong tục ngày càng cao ngạo hơn đó sao?

Vào thời cổ, các bậc cao tăng khi đến gặp vua, vua không dám gọi thẳng bằng tên, mà khi ban chiếu thư cũng tôn kính gọi là thầy. Đường Thái Tông soạn bài tựa "Tam tạng Thánh giáo tự", hết lòng bày tỏ sự khâm phục, tôn sùng Phật giáo. Khi Pháp sư Huyền Trang thị tịch, Đường Cao Tông hay tin liền nói với các quan hầu cận rằng: "Trẫm đã mất đi một báu vật của quốc gia." Liền ngưng việc triều chính trong 5 ngày. Niên hiệu Cảnh Long năm thứ 2 đời Đường Trung Tông, vua sắc cho Cao An sai Thôi Tư Lượng

lo việc nghênh tiếp Đại sư Tăng-già đến kinh đô, nhà vua cùng với trăm quan đều cúi đầu tự xưng là đệ tử. Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ nhất đời vua Đường Cao Tông, vua ban sắc chỉ rằng, tất cả tăng ni trong nước nếu có vi phạm vào pháp luật, phải áp dụng theo giới luật nhà Phật mà xử trị, không được xử giống như dân thường. Vào triều Tống Chân Tông, vua ban chiếu lệnh cho dân trong nước phải tránh không được gọi tên húy của thiền sư Chí Công, phải xưng là Bảo Công. Đời Tống, các vua Thái Tổ, Thái Tông, Chân Tông, Nhân Tông, Cao Tông, Hiếu Tông thảy đều ủng hộ phát triển mạnh mẽ Phật pháp, có lúc các vua thân hành lễ bái nơi chùa chiền, có khi lại cung thỉnh chư tăng vào hoàng cung thuyết pháp, đều là những việc làm hưng thạnh Phật pháp. Ngày nay những kẻ trí thức thường cao ngạo bướng bỉnh, đa số khi gặp tượng Phật không tham bái, gặp bậc cao tăng cũng không kính lễ. Như thế chẳng phải đúng là pháp Phật dần dần bị suy tàn đó sao?

Khổng Tử, Nhan Hồi xây dựng sự nghiệp giáo hóa chỉ quý trọng việc tự thân thực hành, không xem trọng việc nói nhiều; nhấn mạnh ở việc tự sửa đổi hoàn thiện bản thân, xem nhẹ việc chỉ trích người khác. Mạnh Tử phản bác Dương Chu, Mặc Địch, đó là chuyện vạn bất đắc dĩ, cũng ví như các vị thuốc đại hoàng, ba đậu, thầy thuốc giỏi chỉ thỉnh thoảng mới dùng đến một lần, không thể mỗi ngày đều dùng. Ngày nay, những kẻ thư sinh còn chưa đỗ đạt, góp nhặt được năm ba câu nghị luận phỉ báng Phật pháp đã tự xem mình như Trình, Chu tái thế. Lại có những đám trẻ con miệng còn hôi sữa, chỉ quen thói khoa trương khoác lác lại tự ý chủ trương lập ra học phái này nọ. Như thế chẳng phải đúng là các nhà Nho chân chính ngày càng hiếm thấy đó sao?

Nay chỉ nêu lên mấy việc như thế, còn những điều khác đều có thể so sánh suy luận để thấy rõ.

Người chết có sáu điều nghiệm biết được

Nếu muốn biết một người sau khi chết sinh về đâu, chỉ cần quan sát vùng hơi ấm cuối cùng trên thân thể lúc lâm chung.

Nếu phần dưới thân thể lạnh dần trước, hơi ấm dồn lần lên đỉnh đầu, ắt đó là người đã chứng đắc quả vị, quyết định thoát khỏi sinh tử.

Nếu hơi ấm dồn lại nơi khoảng giữa hai chân mày, người ấy ắt sẽ tái sinh lên cõi trời.

Nếu hơi ấm dồn lại nơi khoảng vùng bên trên trái tim, người ấy sẽ tái sinh cõi người.

Nếu phần trên thân thể lạnh dần trước, hơi ấm dồn về nơi vùng bụng, người đó ắt sinh vào cảnh giới ngạ quỷ.

Nếu hơi ấm dồn lại nơi hai đầu gối, ắt phải sinh làm súc sinh.

Nếu hơi ấm dồn lại dưới hai lòng bàn chân, ắt phải sinh vào địa ngục.

Luận về đời trước

Người sinh ra ở đời, hoặc từ các cõi trời sinh đến, hoặc từ trong cõi người tái sinh, hoặc từ các loài vật khác, hoặc từ các cảnh giới a-tu-la, ngạ quỷ, địa ngục mà tái sinh. Chỉ cần quan sát tướng mạo, thân hình, cung cách nói năng động tịnh thì có thể biết rõ được. Chỉ sợ rườm rà nên không nêu rõ chi tiết ở đây.

Vu Công xử án, xây cổng lớn đợi xe bốn ngựa

Giảng rộng

Trong 6 câu từ đây trở đi, Đế Quân lựa chọn ngẫu nhiên đưa ra 4 trường hợp chứng minh về nhân quả để làm nền tảng cho 2 câu dưới là: “Muốn tạo ruộng phước rộng sâu, ắt phải dựa vào một tấm lòng này.”

“Giúp người, cứu kiến” là gieo trồng ruộng phước theo cách thuận; “Xử án, chôn xác rắn” là gieo trồng ruộng phước theo cách nghịch. Xử án vốn là việc mang điều dữ đến cho người, nhưng ngược lại có thể giúp “xây cổng

lớn đợi xe bốn ngựa”, là vì sao? Đó là vì Vu Công giữ chức quan coi ngục xử án, nhưng tấm lòng của ông lại không phải là tấm lòng hung hăng trong việc coi ngục xử án. “Cổng lớn” của nhà ông vốn được xây nên chính từ tấm lòng hiền thiện của ông.
Mạng người có quan hệ đến ý trời, việc đưa ra phán quyết xử án là cực kỳ quan trọng, nếu xem lại dù chỉ có chút sai sót nhỏ thì hối tiếc cũng không còn kịp nữa. Trong chúng ta nếu có ai phải vâng lệnh làm công việc xử án, ắt phải hết sức lưu tâm tỉnh táo trong từng giây phút, xử sự phải cẩn trọng như đứng bên bờ vực, như giẫm trên lớp băng mỏng, nguy hiểm chết người; phải biết sợ sệt như có trời đất quỷ thần đang đưa mắt giận dữ theo dõi mình; như cha mẹ, vợ con, thân quyến của bị cáo đang kêu gào khóc lóc oán hận nhìn mình.
Không thể khinh suất theo ý riêng mà lạm dụng các điều luật quá tàn khốc, nghiêm khắc; không thể dễ dàng nghe theo lời nói sai lầm của thuộc cấp; không thể lạm dụng nhục hình tàn khốc bức bách tội nhân phải nhận tội; không thể hối hả phân xử qua loa rồi kết án một cách vụng về tắc trách; không thể ỷ vào sự sáng suốt thông minh của mình mà ức đoán sự việc; không thể vì nhận lời ủy thác, nhờ cậy hay thỉnh cầu của người khác mà bẻ cong lý lẽ, lạm dụng hình luật nghiêm khắc; không thể vâng lệnh hoặc thuận theo ý muốn của cấp trên; không thể chỉ hoàn toàn dựa theo những lời bẩm báo từ cấp dưới.
Không thể vì sự ngay thẳng chính trực của nguyên cáo mà khởi tâm thiên vị nổi giận với bị cáo; không thể nhân lúc có men rượu mà lạm dụng quyền uy, hình phạt. Nếu không chứng minh được bị cáo vô tội, theo luật phải thọ án, không được tùy tiện tăng thêm hình phạt roi vọt. Nếu không phải tội thực sự nghiêm trọng, không được khinh suất tống giam tù ngục.
Đối với các trường hợp cố tình vu cáo người khác, phải theo đúng luật

nghiêm trị để răn dạy. Phân xử dứt khoát rạch ròi những trường hợp thực sự liên lụy đến vụ án để làm yên lòng những người lương thiện. Bị cáo triệu tập đến lúc nào thì thẩm vấn, tra xét ngay lúc ấy, không được để dây dưa kéo dài, hẹn sang ngày khác, khiến người phải đi lại nhiều lần. Đối với những vụ kiện có người đứng trung gian khiếu tố thì thẩm tra tìm hiểu xong phải lập tức tiến hành tạm giữ, tra xét, không tạo điều kiện dây dưa để đôi bên nguyên, bị tiếp tục đấu đá nhau khiến cho người ngoài được thủ lợi. Tốt nhất là bất cứ lúc nào có thể được thì nên khuyến khích sự thương lượng hòa giải giữa đôi bên, lấy đó làm biện pháp để giải trừ tội lỗi. Trên công đường làm vẻ mặt nghiêm khắc là vì muốn cho kẻ sai lầm phải hồi tâm thú nhận tội lỗi, thật không phải giả dối. Làm quan được xưng tụng thanh liêm là điều cao quý, lại càng phải thêm đức khoan thứ nhân hậu. Có thể giữ được sự điềm tĩnh tự chế là khí độ lớn lao, lại càng phải thêm đức tinh chuyên cần mẫn.

Học theo đức độ khoan nhân khi sử dụng hình phạt, nên giảm nhẹ sự đau đớn cho người. Thấy người đang bị giam cầm lao ngục phải khởi lòng thương, nên nghiêm cấm và trừng phạt những thuộc cấp đối xử tàn bạo hung ác với tội nhân. Phải quan tâm đến việc ăn uống của tội nhân, luôn được đầy đủ và đúng giờ, không trễ nãi. Đối với những tội nhân đã phán quyết tử hình, phải dốc lòng hết ý tìm cầu chứng cứ có thể giúp miễn tội chết; không được đối với những trường hợp có thể giữ mạng sống lại cố phán tội chết.

Đối với tội nhân đã cao niên, nên khởi tâm xem như chú, bác của mình; đối với tội nhân xấp xỉ tuổi mình, nên khởi tâm xem như anh em một nhà; đối với những tội nhân còn ít tuổi, nên khởi tâm xem như con cháu của mình. Trên thì luôn suy ngẫm phải hành xử thế nào để hài lòng ông bà tổ tiên đời trước; dưới thì luôn nhớ nghĩ phải làm sao để tích lũy âm đức che chở cho

con cháu đời sau.
Tuy chỉ tạm mượn chức quan, nhưng tận tâm tận lực hành xử được như thế ắt có thể cứu nhân độ thế, đâu chỉ là “xây cổng lớn đợi xe bốn ngựa” mà thôi?

> Chu An Sĩ
>
> **AN SĨ TOÀN THƯ**
>
> **Giảng rộng bài văn Âm chất**
>
> Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải
>
> Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014
>
> **Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (8)**

> **Trưng dẫn sự tích**

Xử án công bình khoan thứ
Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất đời nhà Đường, ở Thanh Châu có vụ mưu phản, người bị bắt giam đầy trong ngục, vua ban chiếu sai Tiết Nhân Sư tra xét vụ án này.
Nhân Sư vừa đến liền truyền tháo bỏ hết gông cùm, cho phạm nhân ăn uống no đủ, tắm gội sạch sẽ, sau đó chỉ trừng trị một số tên cầm đầu trong vụ ấy mà thôi. Tôn Phục Già ngờ rằng số người được tha bỗng quá nhiều, Nhân Sư liền nói: “Trong việc xử án cần phải lấy điều nhân nghĩa khoan thứ làm căn bản, sao có thể chỉ vì muốn tránh tội cho bản thân mình mà biết người khác bị oan không cứu? Nếu quả như làm thế mà trái ý hoàng thượng, thì dù phải hy sinh mạng sống này tôi cũng vui lòng.”

Sau vua cho người thẩm tra lại vụ án ấy lần nữa, quả nhiên những người được Nhân Sư tha bổng đều đã bị bắt oan.

Lời bàn

Quan Tư Khấu cai quản hình ngục là Cung Chi Lộc dâng sớ tâu lên rằng: "Xưa nay việc xử án sai lầm xử nhẹ hơn so với tội trạng, so ra không nghiêm trọng bằng việc kết án oan sai người vô tội. Nay vâng mệnh khảo xét quan lại phụ trách xử án, thấy trưng dẫn điều luật không phù hợp, kết án qua loa khinh suất thì lập tức luận tội. Xét thấy quan lại chỉ nghĩ đến đường công danh của bản thân họ mà không hề nghĩ đến tính mạng người khác, đối với những vụ án cần phải xem xét nghị án lần nữa, thì lại chọn cách an ổn cho mình nên đẩy phạm nhân vào chỗ chết. Như khi thừa mệnh tra xét quan lại mà thấy quả thật đã để tình riêng làm sai lệch phép nước thì nên trị tội. Còn những trường hợp phán quan xử nhẹ hơn hoặc quyết định tha bổng chưa thỏa đáng thì nên tha thứ, miễn xử phạt. Như vậy có thể khiến cho quan lại bớt đi mối lo lắng khi xử án, mà việc xử án cũng thêm phần nghiêm minh và hợp với đạo lý."

Tiên sinh Cung Chi Lộc quả thật nhân hậu biết bao! Ngày sau ắt sẽ được hưng long thịnh vượng.

Biện giải cho tù bị oan

Lưu Túc làm quan vào triều Kim, có người ăn trộm lụa là, châu báu trong công khố. Kẻ trộm còn chưa bị bắt, nhưng lại bắt được người môi giới bán châu báu cùng thuộc hạ giữ kho liên đới cả thảy 11 người. Hình bộ thụ lý, quyết định xử tử hình tất cả. Lưu Túc nói: "Trong vụ này vẫn chưa bắt được tội phạm chính, giết những người này như vậy là oan uổng."

Vua Kim nổi giận không muốn nghe. Lưu Túc nỗ lực hết sức để biện giải sự việc, nhờ đó mà không một người nào phải chết. Về sau Lưu Túc được phong Hình Quốc Công.

Lời bàn

Việc hóa giải oan tình cho kẻ bị hàm oan, có ai lại không muốn? Chỉ là vì không khỏi lo sợ chọc giận cấp trên, lại sợ trái ý gây hiềm khích với quan viên cộng sự, vì thế mà trong lòng muốn nói nhưng không dám nói ra. Huống chi là việc can gián trái ngược ý vua, khác nào như vuốt râu hùm, dám động đến oai trời? Tấm lòng cương trực của Lưu Túc khi dám làm việc ấy, quả không mấy ai sánh nổi.

Ba con đều vinh hiển

Thạnh Cát làm quan Đình Úy vào triều Minh, việc xử án chưa từng để vụ nào phải kéo dài hay oan uổng. Mỗi độ đông về là lúc định lại danh sách tù nhân, người vợ cầm đuốc đứng bên soi cho, Thạnh Cát tay cầm sổ ghi tên tù nhân mà rơi nước mắt. Người vợ bảo ông rằng: “Ông vì thiên hạ giữ việc thi hành pháp luật, không được kết tội oan uổng cho người, mới tránh cho con cháu mai sau không phải gặp tai ương.”

Làm quan Đình Úy được 12 năm, dân chúng đều xưng tụng là công bình, khoan thứ. Một hôm bỗng có con chim khách trắng đến làm tổ nuôi con trên cây đại thụ ngay trước sân nhà Thạnh Cát, mọi người đều cho đó là điềm lành. Sau Thạnh Cát sinh được 3 người con trai, thảy đều vinh hiển.

Lời bàn

Đường Thái Tông từng nói với các quan hầu cận rằng: “Thời xưa khi phải tử hình tội nhân thì bậc quân vương ngưng việc tấu nhạc trong cung, giảm bớt món ăn thường nhật. Ta vốn đã không thường tổ chức vũ nhạc trong cung, nhưng mỗi lần như vậy đều bỏ không ăn thịt uống rượu.” Những kẻ đang làm quan, sao có thể không biết đến việc ấy?

Không bắt bớ phụ nữ

Vương Khắc Kính làm quan Diêm Vận Sứ vùng Lưỡng Triết. Vùng Ôn Châu cho áp giải tội phạm đến, trong số đó có một phụ nữ cũng bị áp giải

chung. Vương Khắc Kính nổi giận quát: “Sao có thể áp giải phụ nữ cùng đi trên đường xa ngàn dặm, phải chung đụng với quân binh sai dịch hỗn tạp như thế này? Từ nay về sau không được bắt bớ phụ nữ nữa.” Sau đó liền cho bổ sung thành điều lệnh như thế.

Lời bàn

Một cơn giận của Vương Khắc Kính thật đầy lòng nhân hậu, bảo toàn được cho rất nhiều phụ nữ không phải chịu cảnh ô nhục. Từ đó mà suy ra, không chỉ riêng phụ nữ, mà cả những đối tượng như người già yếu, suy nhược, bệnh tật, tàn phế, cho đến tăng ni, đạo sĩ, những người có danh phận thể diện, hết thảy đều không nên đối đãi khinh suất.

Hành pháp nghiêm khắc không con nối dõi

Vào cuối đời nhà Minh, châu Cao Bưu có người họ Từ, làm quan đến chức Quận thủ, thanh liêm chính trực, nghiêm giữ theo pháp luật. Thuộc cấp dưới quyền mỗi khi sai hạn một ngày đều phải bị phạt chịu đánh 5 trượng. Có một người trễ hạn 6 ngày, theo luật phải chịu 30 trượng, van xin không được, cuối cùng bỏ mạng trong khi bị đánh. Người ấy có đứa con còn nhỏ tuổi, nghe tin kinh hãi, xúc động quá mà chết. Người vợ đau buồn thảm thiết, treo cổ tự vẫn.

Đến khi họ Từ mãn quan về quê, chỉ có một đứa con, hết sức thương yêu. Bỗng nhiên đứa con ngã bệnh, nói với cha: “Có người đuổi bắt con.” Trong chốc lát lại đổi giọng chửi mắng: “Tao có tội gì lớn chứ? Sao giết cả nhà tao ba mạng?” Vừa nói xong thì chết. Họ Từ sau đó không con nối dõi.

Lời bàn

Các quan thanh liêm phần lớn không để lại phước đức cho con cháu, đại thể thường là do giữ theo hình pháp quá nghiêm khắc. Họ Từ khi còn đang làm quan, lẽ nào chẳng tự cho mình là thưởng phạt hết sức nghiêm minh? Thế mà kết quả thuộc cấp dưới quyền cả nhà 3 người phải chết thảm, rồi

chính đứa con mình cũng chết theo. Đáng thương thay!

Họ Đậu giúp đỡ muôn người, một cội sinh năm cành quế

Giảng rộng

Giúp người cũng có rất nhiều phương thức. Người đói thiếu thì giúp cho thức ăn, kẻ rét mướt thì giúp quần áo mặc, người có bệnh thì cấp phát thuốc men, người túng quẫn thì giúp cho tiền bạc, gặp khi tối tăm thì giúp đèn lửa, gặp người đấu đá sát phạt nhau thì khuyến khích hòa giải, gặp kẻ ngu khờ thì dẫn dắt theo đường trí tuệ... những việc như vậy đều gọi là giúp người. Mỗi giây mỗi phút đều khởi tâm nhân từ khoan hậu hướng đến muôn người muôn vật, như thế thì không chỉ riêng người giàu sang phú quý mới có khả năng cứu giúp, mà dù nghèo khó cũng vẫn có thể khởi tâm giúp người.

Trưng dẫn sự tích

Bán ruộng giúp người

Vào triều Minh, đất Dự Chương có một thư sinh tên là Nhiêu Thường. Một hôm giữa đường gặp một người cùng quẫn phải bán vợ cho người khác mang đi phương xa, đang lúc vợ chồng từ biệt nhau khóc lóc thảm thiết. Nhiêu Thường động lòng thương, gạn hỏi số tiền người kia đang cần là bao nhiêu, rồi lập tức về nhà bán ruộng mang tiền đến giúp. Nhờ đó mà vợ chồng người kia lại được đoàn tụ.

Đến khoa thi năm đó, vị quan chủ khảo bỗng nhiên nằm mộng thấy một vị thần mặc áo giáp vàng hiện ra bảo rằng: “Vì sao ông lại không chấm đậu cho kẻ bán ruộng giúp người kia?” Quan chủ khảo giật mình tỉnh giấc, lập tức kiểm lại thì quả nhiên phát hiện mình đã bỏ sót một quyển bài thi, bèn mang ra chấm. Bài thi ấy trúng tuyển, được xếp thứ ba, chính là bài thi của Nhiêu Thường. Đến khi dự yến tiệc mừng các vị tân khoa, quan chủ khảo được biết việc Nhiêu Thường bán ruộng giúp người, qua đó mới hiểu được

lời của thần nhân trong mộng.

Về sau, Nhiêu Thường có 3 người con trai là Cảnh Huy, Cảnh Diệu, Cảnh Vỹ, đều nối tiếp nhau đỗ đạt.

Lời bàn

Tiền tài ruộng đất, người đời đều quý tiếc như mạng sống của mình, nhưng trong kinh Phật luôn ví những thứ ấy như bóng trăng trong nước, như dáng hoa trong gương, như châu báu trong giấc mộng. Vì sao vậy? Bởi vì trước mắt chỉ tạm thời ôm giữ sử dụng, một mai khi từ bỏ cõi đời sẽ không thể mang theo được gì. Ngày nay, mỗi khi viết giấy bán ruộng đất hẳn đều phải ghi rằng: “Thuận theo giấy làm bằng, vĩnh viễn làm chủ tài sản này.” Than ôi, tài sản hóa ra là chủ, mà thân này chỉ là khách tạm. Chủ nhân còn không thể vĩnh viễn lưu giữ được khách, huống chi là khách làm sao có khả năng giữ mãi được chủ? Nhưng nếu như quả thật muốn mang theo sau khi chết thì vẫn có cách để mang theo. Ấy là hãy dùng tài sản mà làm việc thiện, bố thí cho người, tạo được phước đức thọ sinh trong cõi trời người, ắt sẽ luôn giữ được sự an ổn, giàu có, tôn trọng, hiển vinh. Hiểu rõ được điều ấy ắt thấy rằng việc Nhiêu Thường bán ruộng giúp người, hóa ra chính là cách để giữ gìn sản nghiệp.

Người nào biết giữ gìn sản nghiệp theo cách đó mới có thể nói là “vĩnh viễn làm chủ tài sản này”. Hơn nữa, ai ai cũng có thể làm được như vậy cả.

Thoát chết lại đỗ Giải nguyên

Tỉnh Hà Nam có vị Giải Nguyên họ Phan. Lúc trước, khi lên tỉnh dự kỳ thi Hương, Phan sinh cùng đi với hai người bạn. Đến chỗ trọ lại, có một thầy tướng rất giỏi nói riêng với hai người bạn rằng: “Tôi xem tướng Phan sinh sắp gặp đại nạn, tốt nhất hai người nên khuyên anh ấy lánh đi nơi khác.” Hai người bạn nghe vậy liền lấy cớ chỗ trọ chật chội quá, mỗi người tặng

cho Phan sinh 2 đỉnh bạc rồi bảo anh đi tìm chỗ trọ khác.
Phan sinh nghe lời, đi tìm được một chỗ trọ khác. Đến đêm lại đi dạo ven bờ sông thì bỗng nhìn thấy một người phụ nữ sắp nhảy xuống sông tự vẫn. Phan sinh liền ngăn lại, gạn hỏi nguyên nhân, người phụ nữ ấy kể rằng: "Chồng tôi buôn bán vải lụa, thu gom được một số khá nhiều. Gặp lúc anh ấy vừa đi vắng, có người vào mua tôi bán hết được 4 đỉnh bạc, chẳng ngờ sơ ý không xem kỹ, đều là bạc giả. Chồng tôi trở về nhất định thế nào cũng trách mắng, nên tôi chỉ còn cách tìm đến cái chết mà thôi."
Phan sinh liền lấy trong tay áo ra 4 đỉnh bạc đưa cho cô ấy để bù vào chỗ bạc bị lừa mất. Sau đó trở về nhà trọ, thiếu tiền chi trả liền bị chủ quán trọ nhiếc mắng nhiều lời khó nghe, đành phải dọn đi, tìm đến xin trú ngụ trong một ngôi chùa.
Đêm ấy, có vị tăng trong chùa mộng thấy nhiều vị thần từ trời hiện xuống. Một vị nói: "Bảng vàng khoa này đã định, nhưng người được chọn đậu Giải nguyên gần đây lại làm việc tổn đức nên bị Ngọc Đế xóa tên rồi, hiện vẫn chưa có người thay thế."
Một vị thần khác nói: "Phan sinh đang ngụ trong chùa này có thể thay thế được." Lại nghe tiếng một vị nói: "Tướng của Phan sinh là sắp chết bất đắc kỳ tử, làm sao có thể chọn thay Giải nguyên?" Một thần khác đưa hai tay xoa mặt Phan sinh rồi nói: "Bây giờ chẳng phải đã là tướng Giải nguyên rồi sao?"
Vị tăng ghi nhớ những lời đã nghe, sau đó khoản đãi Phan sinh hết sức trọng hậu.
Sau khi dự thi xong, Phan sinh tìm đến chỗ hai người bạn để cảm ơn. Người thầy tướng hôm trước vừa nhìn thấy Phan sinh đã kinh hãi kêu lên: "Ông làm được công đức gì mà tướng mạo đổi khác thế này? Giải nguyên khoa thi Hương này, ngoài ông ra không thể là ai khác."

Khi công bố kết quả kỳ thi, quả nhiên đúng vậy.

Lời bàn

Làm một việc thiện, nên tưởng như nước vỡ bờ đê, cuồn cuộn chảy không thể ngăn lại, gấp rút quyết định, như thế mới thành tựu. Phan sinh nếu có mảy may suy đi tính lại chuyện bản thân mình, hiện đang ứng thí mà tiền bạc không đủ, chắc gì đã không bỏ dở việc thiện muốn làm, nửa chừng ngưng lại? Trong lúc ấy Phan sinh thật chỉ biết có người đang cần được cứu, mà không suy tính đến việc riêng của mình, nên việc cứu người mới thành tựu. Nhưng rồi hóa ra chỉ với 4 đỉnh bạc mà thoát được một cái chết bất đắc kỳ tử, sau lại đỗ Giải nguyên.

Nhân đây nhớ lại hồi mùa đông năm Kỷ Tỵ thuộc niên hiệu Khang Hy, tôi đến Trừng Giang dự khoa tiểu thí. Khi ấy, có một người giúp việc ở chỗ các quan khảo thí tên là Chu Quân Ngọc làm mất số tiền lớn của người khác gửi, thật khó có khả năng bồi hoàn nên đau khổ cơ hồ không còn muốn sống nữa. Tôi nghe chuyện như vậy hết sức thương xót, trong lòng muốn trợ giúp cho ông ta đôi chút, nhưng khổ nỗi thấy tiền mang theo chi dụng còn ít quá, nên rốt lại không giúp.

Không bao lâu sau, tôi lại quay về huyện Côn Sơn. Lúc quan khảo thí phân phát quyển bài thi phúc thí của Trường Châu, tôi vốn đã được chấm đỗ hạng nhì, nhưng chỉ được biết thứ hạng, chưa chính thức công bố tên tuổi nên mọi người chưa ai được biết. Rốt lại đến kỳ phúc thí tôi cũng chưa được chính thức nhìn thấy tên mình. Thời bấy giờ ở huyện Côn Sơn không có ai giữ quyển thi của Trường Châu ngoài Chu Quân Ngọc. Họ Chu với tôi lại không quen biết nhau, cũng không biết người đỗ thứ hai chính là tôi. Giá như ngày trước tôi không quá quan tâm đến chuyện sở phí của riêng mình mà quyết lòng dành được chút tiền ít ỏi để giúp đỡ họ Chu, ắt hẳn ông ấy sẽ vì cảm ân nghĩa đó mà lấy quyển thi phúc thí đưa cho tôi xem.

Tôi mãi vẫn không được thấy tên mình cho đến 2 năm sau đó. Đem trường hợp của mình mà so với chuyện của họ Phan, tôi thật lấy làm xấu hổ!

Giúp người sau được đỗ đạt

Ở Hoa Đình có người nho sĩ là Lý Đăng Doanh, nhà nghèo chỉ có 2 mẫu ruộng. Người thuê ruộng ấy bị bệnh nên ruộng bỏ hoang, buộc phải bán đứa con để có thể nộp tiền thuê ruộng cho Đăng Doanh. Đăng Doanh nghe biết chuyện động lòng thương, nói với người ấy: “Ông vì bị bệnh nên mới không cày ruộng được, chẳng có lỗi gì. Tôi đây tuy nghèo nhưng vẫn còn có thể tự sinh sống, sao có thể để cho cha con ông phải chia lìa? Ông mau mau mang tiền đến chuộc con về.” Nhưng người chủ đã mua đứa con lại không đồng ý cho chuộc lại. Đăng Doanh liền nói: “Tôi chỉ là nhà nho nghèo túng mà còn có thể không lấy tiền thuê ruộng; nhà ấy giàu có ắt phải biết chuyện tu nhân tích đức, tôi sẽ vì ông mà đến đó thuyết phục.” Nói rồi cùng đi với người thuê ruộng đến nhà chủ đã mua đứa con, liền giúp chuộc được về, cha con đoàn tụ.

Người thuê ruộng cảm ơn đức ấy, ngày đêm thành tâm cầu trời khẩn Phật gia hộ cho Lý Đăng Doanh. Trong khoảng niên hiệu Khang Hy, vào năm Giáp Tý (1684), Lý Đăng Doanh trúng tuyển khoa thi Hương, sang năm Ất Sửu (1685) lại đỗ tiếp luôn kỳ thi Hội.

Lời bàn

Ôi, thật thương thay cho nhà nông, quanh năm quần quật chẳng lúc nào nhàn hạ; cả nhà cùng khó nhọc, không ai được an ổn; hai vai gánh nặng bao gánh phân từ nhà ra ruộng, lại cũng hai vai gánh nặng bao gánh thóc từ ruộng về nhà; năm nắng hạn tát từng gàu nước cứu lúa, ngày đau ốm vẫn phải gắng gượng cày bừa; khom lưng dầu dãi nắng mưa, thắt ruột lắm phen đói thiếu; một khi lúa chín gặt về, nào thuế nào tô đong sạch; nhà bốn vách tiêu sơ, cảnh nghèo không đổi, tám miệng ăn rồi biết dựa vào đâu?

Nếu là người có lòng nhân hậu nhìn thấy cảnh này, làm sao có thể chẳng động lòng thương?

Xưa có Chư Cảnh Dương, mỗi lần nghe nhà tá điền có tang sự đều rơi nước mắt, lập tức xuất tiền giúp đỡ. Đinh Thanh Huệ Công đối đãi với tá điền làm ruộng của mình như tình cha con. Tiên sinh Lục Bình Tuyền mỗi năm đến ngày sinh nhật đều cho tá điền được giảm rất nhiều số thóc phải nộp, hoặc mỗi khi được thăng quan tiến chức, hoặc sinh con đẻ cháu, cũng đều có lệnh miễn tô cho tá điền. Những tá điền thuê ruộng cảm ơn đức ấy của tiên sinh nên không khi nào để bê trễ, thiếu hụt các khoản phải nộp. Những điền chủ nhỏ nhen so tính từng ly từng tý với tá điền, trước mắt cứ ngỡ mình thu lợi được nhiều, đâu biết rằng trong chỗ mờ mịt kia còn có sự tính toán cực kỳ tinh vi chính xác của nhân quả, lẽ nào lại không vì thế mà dứt sạch đi bao phước lộc của họ? Xem lại như trường hợp của Lý Đăng Doanh, tuy trước mắt không thu số tiền tô của 2 mẫu ruộng mà về sau lại thu hoạch được quá nhiều hơn số ấy.

Ngược ý trời, hại dân lành

Đời nhà Tống, trong khoảng những năm đầu niên hiệu Thuần Hy, quan Tư Nông Thiếu Khanh là Vương Hiểu, sáng sớm đến hỏi việc nơi chức quan cấp sự là Lâm Cơ. Vợ Lâm Cơ vốn là cháu gái của Vương Hiểu, rơi nước mắt nói với Vương Hiểu: “Họ Lâm sắp diệt mất rồi.” Vương Hiểu nghe nói kinh hãi, gạn hỏi nguyên do, vợ Lâm Cơ nói: “Lúc trời vừa gần sáng, cháu nằm mộng thấy một thần nhân mặc áo đỏ, cầm cờ hiệu của Ngọc Đế, hiện xuống bảo rằng: ‘Lâm Cơ làm ngược ý trời, hại dân lành, nay Ngọc Đế có sắc chỉ tiêu diệt cả nhà. ’ Cháu tỉnh dậy rồi đến giờ vẫn còn như phảng phất nhìn thấy mọi việc.”

Vương Hiểu nói: “Chuyện mộng mị đã chắc gì là tai họa mà cháu phải sợ.” Nhân đó liền ở lại dùng cơm, đợi họ Lâm về rồi gạn hỏi về nội dung tấu thư

đã trình lên triều đình trong những ngày gần đây. Lâm Cơ nói: “Đất Thục (Tứ Xuyên) gần đây bị hạn hán, quan địa phương có biểu tấu trình lên xin 100.000 thạch lúa để cứu tế. Triều đình đã có chiếu chỉ chấp thuận y theo số đó, nhưng cháu xét thấy số lượng lương thực quá lớn, đường đi đến đất Thục rất khó khăn, nên đề nghị hãy tạm ngưng thi hành chờ khảo sát đúng thực tế rồi sau đó hãy cho vận chuyển lương thực. Hoàng thượng nghe lời đã truyền lệnh cho Tể tướng rằng: ‘Đường sang đất Thục xa xôi, đi về hơn vạn dặm, nếu đợi cho người tra xét sự thật rồi báo về thì e là không kịp việc cứu tế, thôi hãy tạm cấp một nửa số ấy thôi.’ Gần đây chỉ có duy nhất một việc ấy.”

Vợ Lâm Cơ nghe xong thì khóc lớn, đem việc nằm mộng kể lại. Lâm Cơ nghe qua rồi trong lòng lo sợ bồn chồn không yên, chẳng bao lâu vì thế mà sinh bệnh, từ quan về quê. Trên đường về đến Phúc Châu thì qua đời. Hai đứa con sau đó cũng theo nhau chết sớm, nhà họ Lâm không còn ai nối dõi.

Lời bàn

Lòng trời vì dân lành mới lập nên vua chúa. Vua chúa lại vì dân mà lập ra quan viên các địa phương. Dân là con đỏ của quốc gia, là nền tảng căn bản của sơn hà xã tắc. Giá như vua nói không cứu tế cho dân, quan cấp sự cũng phải thuyết phục vua phải cứu tế. Giá như vua nói chỉ nên cứu tế ít thôi, quan cấp sự cũng phải thuyết phục vua cứu tế nhiều hơn. Giá như vua nói sưu thuế không thể thiếu hụt, quan cấp sự cũng phải thuyết phục vua giảm nhẹ. Làm quan giúp mưu lược cho vua được như vậy có thể nói là tận trung, đem phước lành đến cho khắp cả thiên hạ, lưu tiếng thơm đến muôn đời sau. Người như vậy tuy đã được sống lâu trường thọ, hưởng phước an vui, cháu con nhiều đời vinh hiển, nhưng vẫn chưa đủ xứng với phần công đức đã tạo.

Ngược lại, ví như vua nói việc thúc giục sưu thuế nên hòa hoãn giảm nhẹ, quan giúp việc lại khuyên nên đổi ý vì nhu cầu của quốc gia không thể thiếu; vua nói rằng dân quá khốn khổ nên linh hoạt giảm bớt số lượng sưu thuế, quan giúp việc lại nói rằng hạn mức đã định rất khó thay đổi; làm quan mà hành xử như thế gọi là siểm nịnh, là muốn bảo vệ chức quan, chỉ lo cho gia đình, vợ con của riêng mình. Người làm quan như vậy là kết thành oán thù với dân, chính là mang tai họa đến cho đất nước; cho dù tự thân có chịu cảnh lưu đày, dòng họ bị tuyệt diệt, cũng chưa đủ đền bù cho tội lỗi đã gây ra. Vết xe đi trước bị đổ còn rành rành ra đó, người đi sau phải thận trọng né tránh chớ đi vào.

Tống Giao cứu đàn kiến, trúng tuyển trạng nguyên

Giảng rộng

Chuyện của Tống Giao, nhiều người cho rằng chẳng qua chỉ một việc thiện nhỏ mà được báo ứng quá lớn lao nên sinh ra nghi ngờ. Thế nhưng, nghĩ như thế là thật chẳng biết rằng, đó mới chỉ là nêu việc trước mắt, thấy cứu đàn kiến thì nói cứu đàn kiến, thấy đỗ trạng nguyên thì nói đỗ trạng nguyên. Nếu luận việc này cho rốt ráo thì việc làm của Tống Giao đã cứu sống ít nhất là hàng vạn sinh linh, nên đời sau ắt phải có hàng vạn sinh linh cảm ơn cứu mạng mà ra sức báo đáp. Như thế thì chỉ riêng một việc đỗ trạng nguyên làm sao xứng tận được phước báo của việc làm ấy? Huống chi việc đỗ trạng nguyên bất quá cũng chỉ là một chút hư danh bên ngoài; ba tấc hơi vừa dứt, mạng sống không còn, liệu có còn trạng nguyên nữa chăng? Cho nên, nếu ai nói việc báo ứng như vậy là quá lớn lao, quả thật đã sai lầm.

Đặt cành trúc làm cầu cứu đàn kiến, ấy chính là cứu nạn lũ lụt. Nhưng mạng sống của loài kiến không chỉ riêng chết vì lũ lụt, nên việc cứu kiến cũng không chỉ giới hạn nơi việc đặt cành trúc làm cầu. Ví như có người

giúp việc trong nhà mình muốn dùng nước sôi, lửa nóng để diệt tổ kiến, thì phương cách để cứu sống đàn kiến lúc ấy là phải dùng đạo lý giảng giải cho người nghe, lại cũng dùng thế lực của mình để ngăn cấm không cho làm.

Chó, mèo trong nhà cũng có thể giết hại loài kiến, khi có thức ăn như thịt, cá... rơi vãi trên mặt đất làm cho kiến đánh hơi tụ tập bám vào rồi bị chó mèo ăn lẫn với thức ăn đó. Vì thế, để cứu loài kiến không bị giết hại thì sau mỗi bữa ăn nên quét dọn sạch sẽ thức ăn rơi vãi trên mặt đất, chôn lấp đi để không trở thành mồi nhử kiến.

Đốt vàng mã, giấy... các thứ cũng có thể làm chết loài kiến, phần lớn là vì đốt vào sáng sớm không nhìn thấy rõ. Để cứu loài kiến không bị chết vì cách này, nên quét sạch mặt đất trước khi đốt, rải nhiều tro nguội lên trước làm nền rồi mới đốt bên trên nền tro ấy.

Khi uống trà có thể làm chết loài kiến, phần lớn là do đổ nước thừa lên mặt đất. Để cứu loài kiến không bị chết vì cách này, nên dùng bồn, chậu để chứa nước thừa mà không đổ lên mặt đất.

Gần bếp nấu ăn cũng thường có nhiều tổ kiến, vì chúng ngửi thấy mùi thức ăn mà tụ tập đến rồi làm hang ổ. Để cứu loài kiến không bị chết vì cách này, khi làm bếp nấu ăn nên dùng đá vôi lót kín mặt đất chung quanh...

Chỉ đơn cử một vài trường hợp, có thể từ đó suy rộng ra việc bảo vệ sinh mạng cho hết thảy các loài côn trùng, sâu kiến... cũng đều phải có lòng từ bi thương xót như thế.

Trưng dẫn sự tích

Cứu kiến được tăng tuổi thọ

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một vị tỳ-kheo đã chứng đắc lục thần thông, quán sát thấy trong số đệ tử mình có một chú sa-di chỉ trong 7 ngày nữa ắt phải chết. Vì lòng từ bi, ngài liền bảo chú sa-di ấy về quê thăm cha

mẹ, đến ngày thứ 8 hãy trở lại chùa. Đó là thầy muốn cho chú sa-di ấy được gặp cha mẹ trước khi chết cũng như được chết tại quê nhà. Không ngờ đúng ngày thứ 8 chú sa-di vẫn còn sống trở lại chùa.

Vị tỳ-kheo liền nhập định quán sát nguyên do, mới biết chú sa-di lúc đang trên đường về quê bỗng gặp một tổ kiến sắp bị nước dâng tràn vào, lập tức cởi áo cà-sa đắp chặn xung quanh để cứu, nhờ đó mà cả đàn kiến được thoát chết. Nhờ việc này mà chú sa-di chẳng những không chết yểu, về sau lại sống thọ đến 80 tuổi, chứng quả A-la-hán.

Lời bàn

Chuyện sống lâu hay yểu mạng của con người, có thể là yếu tố quyết định trước mà cũng có thể không định trước. Ví như Nhan Uyên, Bá Ngưu đều chết sớm, đó là những trường hợp mà thọ mạng đã quyết định do nghiệp quả. Văn Vương thọ trăm tuổi, Võ Vương sống đến chín mươi, những trường hợp ấy là nghiệp quả chưa định trước. Chư thiên cõi trời hiện năm dấu hiệu suy vi hoặc lớn hoặc nhỏ, cũng giống như vậy. Lại nói như trường hợp trong bốn cõi thiên hạ, phần lớn chúng sinh trong ba châu đều không có nghiệp quả quyết định, chỉ riêng ở châu Bắc Câu-lô là tất cả đều phải chịu nghiệp quả quyết định trước. Việc chú sa-di được tăng thêm tuổi thọ, tất nhiên là thuộc trường hợp nghiệp quả không quyết định trước.

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (9)

Vua kiến trả ơn

Huyện Phú Dương thuộc đất Ngô có người tên Đổng Chiêu, một hôm đi thuyền qua sông Tiền Đường bỗng nhìn thấy dưới sông có con kiến bò trên một thân cây lau trôi giữa dòng nước, muốn vớt thân cây lau lên thuyền để cứu con kiến nhưng không làm được, liền dùng một sợi dây buộc vào cây để kéo đi theo thuyền, cuối cùng đưa được con kiến vào bờ. Đêm đó, Đổng Chiêu nằm mộng thấy một người mặc áo đen đến gặp mình để tạ ơn, nói rằng: "Ta là vua kiến, do bất cẩn mà rơi xuống sông, hôm nay nhờ được ông cứu giúp. Sau này ông có lúc nguy cấp, xin hãy đến báo cho ta biết."

Trải qua hơn mười năm sau, Đổng Chiêu bị người khác vu cáo là ăn trộm, bị bắt giam vào ngục. Chiêu nhớ lại lời vua kiến đã nói trước đây trong giấc mộng, trong lòng muốn báo tin nhưng chẳng biết cách nào. Có người biết chuyện liền bảo: "Sao ông không bắt lấy vài ba con kiến, đặt trong lòng bàn tay rồi nói chuyện này với chúng thử xem." Đổng Chiêu làm theo lời, quả nhiên đêm ấy mộng thấy người mặc áo đen đến bảo: "Ông hãy gấp rút trốn đi, tìm đến núi Hàng Sơn của ta, có thể thoát được nạn này."

Đổng Chiêu thức giấc, lập tức bỏ trốn. Quả nhiên trốn thoát được, rồi chẳng bao lâu sau có lệnh triều đình đại xá, nhờ đó được miễn tội.

Lời bàn

Một con rùa khi còn sống vốn chẳng tự biết được chuyện sống chết của chính mình. Thế mà sau khi chết thịt da hư hoại, chỉ để lại riêng cái mai rùa lại có khả năng dự đoán được những chuyện tốt xấu, lành dữ cho người đời. Bàn về lý lẽ của những chuyện như thế, dẫu đến thánh nhân cũng có

chỗ vẫn còn chưa biết, huống chi như chuyện vua kiến trả ơn thì có gì đáng ngờ?

Thúc Ngao chôn xác rắn, sau làm tể tướng

Giảng rộng

Loài rồng có 4 tính độc làm chết người. Có khi do bị cắn mà chết; có khi do chạm phải mà chết; cũng có khi do nhìn thấy mà chết; hoặc có khi do nghe âm thanh của chúng phát ra mà chết. Loài rắn cũng có 4 tính độc tương tự như thế. Con rắn mà Thúc Ngao nhìn thấy đó ắt là thuộc loại có thể khiến người ta nhìn thấy mà chết.

Cứ theo lời của người nước Sở nói lại thì đến nay loài rắn hai đầu đó vẫn còn tồn tại. Rắn này có thân hình màu vàng, dài chừng một thước, khi di chuyển có thể bò tới hoặc bò lui đều được, rất giống với loài giun đất. Thoạt nhìn thấy nó cũng không có hại, hẳn nay đã là một loài khác đi rồi, bởi muôn loài đều theo thời gian mà biến hóa. Chẳng hạn như các loài cầm thú vào thời thượng cổ đều nói được tiếng người nhưng ngày nay chẳng có loài nào biết nói. Trong tâm thức hàm chứa những sự ác độc thì đa phần sẽ biến hiện ra thành các loài rắn, rết, bò cạp... Người có tâm từ bi lân mẫn, ắt không thể bị các loại độc làm hại. Nếu không được vậy, ắt là khi bên ngoài có điều độc hại, ta cũng dùng sự độc hại để đáp lại, đó là một con rắn bên ngoài lại thêm một con rắn trong tâm. Ta đã không có khả năng cảm hóa rắn độc, lẽ nào lại để cho bản thân mình bị rắn độc đồng hóa, trở thành độc hại như rắn?

Rắn độc là con vật hại người, vì thế mà Thúc Ngao chôn rắn đi để tránh cho người khác không nhìn thấy. Ví như theo đó mà suy rộng ra, thì hết thảy những gì làm hại người khác đều có thể xem như rắn độc. Khi chúng ta làm được những việc trừ tàn diệt bạo, ấy chính là chôn đi những con rắn độc biết đi bằng hai chân. Cố gắng sửa đổi những sai lầm đã phạm trong

quá khứ, tu tập hướng đến những việc hiền thiện trong tương lai, đó chính là chôn đi con rắn độc trong tự tâm mình.
Kể từ câu “Vu Công xử án” cho đến câu này trong chính văn, Đế Quân lược nêu lên những trường hợp làm việc thiện được hưởng phước báo để chỉ dạy cho người đời. Một người làm thiện được hưởng phước báo, thì tất cả mọi người làm thiện cũng đều sẽ được hưởng phước báo. Cũng giống như nếm thử một quả trên cây thấy ngọt thì biết tất cả những quả trên cây ấy đều ngọt, đâu cần phải nếm thử tất cả quả trên mỗi cành cây?

Trưng dẫn sự tích

Tùy phương tiện phạm giới sát

Vào thời đức Phật Nhiên Đăng, có 500 thương nhân ra biển tìm châu báu. Cùng đi với họ lại có một kẻ xấu ác, rất giỏi võ nghệ, xưa nay vẫn thường làm những việc trộm cướp. Tên này có ý muốn giết hết 500 thương nhân để một mình lấy hết số châu báu đã có được trên thuyền. Nhưng 500 thương nhân này đều là những vị Bồ Tát đã phát tâm Bồ-đề không còn thối chuyển, nếu giết các vị thì tội ác sẽ cực kỳ lớn lao đến mức không thể đo lường, do đó mà phải đọa vào địa ngục rất lâu.
Bấy giờ, trên thuyền có người hoa tiêu dẫn đường tên là Đại Bi, đoán biết được ý niệm của kẻ xấu ác kia, liền tự nghĩ rằng: “Nếu giết kẻ xấu ác này, ắt ta phải chịu quả báo đọa vào đường dữ. Nhưng nếu ta không giết ông ấy, ắt 500 người hiền lương này đều sẽ bị hại, mà tự thân ông ta rồi cũng sẽ đời đời bị đọa trong địa ngục. Bằng như ta nói rõ việc này ra với mọi người, ắt sẽ khiến cho cả 500 thương nhân đều khởi lên tâm sân hận xấu ác, do đó rồi cũng sẽ phải thọ quả báo khổ não.” Suy tính như vậy rồi liền sinh tâm thương xót tất cả, quyết định tự mình nhận lấy tội lỗi để cứu vớt nhiều người. Liền đâm chết kẻ xấu ác kia.
Đức Phật Thích-ca kể chuyện này xong, dạy rằng: “Đạo sư tên Đại Bi đó,

chính là tiền thân của ta; 500 thương nhân ngày ấy, chính là 500 vị Bồ Tát trong Hiền kiếp này.”

Lời bàn

Việc này gọi là tùy theo cơ duyên mà phải phạm vào việc giết hại, nhưng điều quan trọng nhất là trước hết đã khởi lên tâm niệm thà tự mình nhận lấy tội lỗi để có thể cứu vớt người khác, thì sau đó mới có thể tùy phương tiện mà hành xử theo phương thức quan trọng này. Ngược lại, nếu như khởi tâm tham muốn công đức, lại muốn tránh không phải chịu quả báo tội lỗi, thì tâm niệm như thế vốn đã là không thể chấp nhận, làm sao còn có được phước báo?

Giết rắn phải đền mạng

Ở huyện quê tôi, trước đây có một người làm quan Lễ bộ Thượng thư tên Cố Tích Trù, sống tại Ôn châu, bị viên phó tướng là Hạ Quân Nghiêu giết hại. Không lâu sau, người ấy giáng cơ nơi nhà của một gia nhân là Trương Điều Đỉnh, nói rằng: “Trong đời trước ta có lỡ tay giết chết một con rắn. Con rắn ấy nay chính là Hạ Quân Nghiêu, vào ngày 16 tháng 6 vừa qua đã hại chết ta ở giữa dòng sông. Việc nhân quả đời trước nay phải gánh chịu, hãy nói với 2 con ta đừng nghĩ đến việc báo thù.”

Họ Trương khi ấy chưa hề nghe tin Cố Tích Trù đã chết, nên lập tức cho người đến Ôn châu tìm hiểu tin tức. Khi ấy có Ngô Quốc Kiệt là người huyện Thái Thương, đang ở tại Ôn châu, có mời Cố Tích Trù đến dự tiệc trên thuyền ở giữa sông. Sáng sớm nghe tin Cố Tích Trù đã bị hại chết, liền sai rất nhiều ngư dân lặn xuống dò tìm thi thể, nhưng không tìm được. Đêm ấy nằm mộng thấy Cố Tích Trù đứng thẳng trong nước mà nói rằng: “Ta ngày trước là một vị tăng ở núi Thiên Đài, có đánh chết một con rắn, nay phải đền mạng. Ông có ý tốt với ta, vì trong đời trước vốn từng là môn đồ của ta. Nay ông chỉ cần cho người đến tìm bên ngoài dòng nước xoáy

ở chỗ này, chỗ này... thì sẽ tìm được.” Ngô Quốc Kiệt y theo lời chỉ dẫn trong mộng, quả nhiên tìm được xác, liền đưa linh cữu về Côn Sơn mai táng.

Lời bàn

Cố Tích Trù ngày trước là một vị tăng ở núi Thiên Đài, nay tái sinh làm quan đến chức Lễ Bộ Thượng thư, tất nhiên văn chương tiết tháo, đức hạnh nghĩa khí đều phải trác tuyệt hơn người, đáng để lưu truyền hậu thế. Như thế mà còn khó tránh được quả báo của việc giết rắn ngày trước, huống chi những kẻ tầm thường, so ra còn kém xa họ Cố đến muôn vạn lần? Người đời khởi tâm xấu ác giết rắn, chớ nên đem chuyện Thúc Ngao ra mà biện hộ cho việc làm của mình.

Muốn tạo ruộng phước rộng sâu, phải dựa vào một tấm lòng này

Giảng rộng

Câu này chính là nêu lên một cương lĩnh thiết yếu. Trước đó đã kể rõ những sự kiện có thật về nhân quả báo ứng, đến câu này mới làm sáng tỏ đạo lý nhân quả. Tâm địa, hay lòng người, đó chính là nhân, mà ruộng phước kia chính là quả. Các nhà nho ở đời chẳng tin nhân quả, chẳng qua chỉ vì chưa đủ khả năng nhận hiểu đúng được sách vở của Nho gia. Chính vì thế mà khi nói đến những việc như “nhà làm việc thiện ắt có niềm vui, nhà làm nhiều việc ác ắt gặp tai ương” thì có thể tin nhận, nhưng khi bàn đến những chuyện nhân quả báo ứng thì lại không tin. Như thế có khác nào chỉ biết gọi là “mặt trời” mà không biết mặt trời ấy cũng còn được gọi là vầng thái dương!

Người tin nhân quả thì tâm lo sợ quả báo của việc ác nên không dám phạm vào. Người không tin nhân quả thì tâm thường buông thả nên không kiêng sợ bất kỳ việc ác nào. Một người vì tin nhân quả, sợ quả báo nên làm một việc lành, vạn người như vậy thì thế giới này tăng thêm được vạn

điều lành. Một người không tin nhân quả, buông thả phóng túng nên làm một việc xấu ác, vạn người như vậy thì thế giới này tăng thêm vạn điều xấu ác. Cho nên nói rằng: “Người người đều rõ biết nhân quả, đó là con đường an lành tốt đẹp cho xã hội. Người người đều không tin nhân quả, đó là con đường đại loạn của xã hội.”

Trong thế gian có 7 việc chẳng đồng, đều do tâm tạo ra

1. Tuổi thọ

- Tuổi thọ ngắn ngủi là do: mong cầu cho người khác phải chết, giết hại chúng sinh, xây dựng đền thờ dâm thần.
- Tuổi thọ lâu dài là do: thương yêu hết thảy các loài, phóng sinh cứu vật, sống thanh tịnh tích tụ phước đức.

2. Bệnh tật

- Thân thể nhiều bệnh là do: gây hại cho chúng sinh, không giúp đỡ người bệnh khổ.
- Thân thể được ít bệnh là do: thường lễ bái Tam bảo, cung cấp thuốc men cho người bệnh khổ.

3. Dung mạo

- Thân hình, dung mạo xấu xí là do: thường khởi tâm sân hận, tranh chấp với người khác; che lấp, ngăn cản ánh sáng Phật pháp; cười nhạo hình dung xấu xí của người khác.
- Thân hình, dung mạo đoan trang, đẹp đẽ là do: thường khởi tâm nhẫn nhục, nhu hòa; tu sửa, kiến tạo hình tượng chư Phật; bố thí thức ăn cho người khác.

4. Uy thế đối với người khác

- Không tự có uy thế đối với người khác là do: đối với sở hữu của người khác sinh lòng ghen ghét, đố kỵ; không thường tu tích phước.
- Tự có uy thế đối với người khác là do: không ôm lòng ghen ghét, đố kỵ

người khác; luôn giữ lòng thành tín, không dối gạt người.

5. Thân phận cao quý hay hèn mọn

- Thân phận sinh ra hèn mọn, bị người khinh miệt là do: kiêu ngạo, lăng nhục người khác; thiếu nợ tiền bạc, tài sản của người khác không trả; khinh rẻ, không kính trọng chư tăng ni.
- Thân phận sinh ra cao quý, được người tôn kính là do: kính tín, phụng sự Tam bảo; thường nỗ lực làm việc thiện; đối xử khiêm cung, hòa nhã với mọi người.

6. Sở hữu tài vật

- Chịu cảnh nghèo khó bần cùng là do: keo kiệt, bủn xỉn, không tu hạnh bố thí; trộm cướp, lường gạt tài sản của người khác.
- Được hưởng giàu sang phú quý là do: thường khởi tâm hiền thiện bố thí cho người; không nợ nần người khác.

7. Tri thức tốt xấu

- Tri thức xấu ác, tà kiến là do: gần gũi những người xấu ác; ngợi khen, tán dương các pháp xấu ác; xan lận không chia sẻ, thuyết giảng Chánh pháp cho người khác.
- Tri thức hiền thiện, chân chánh là do: thường tu tập trí tuệ chân chánh, gần gũi các bậc sa môn, thọ nhận và hành trì Chánh pháp.

Chánh báo và dư báo do 10 điều ác chiêu cảm

Chánh báo của 10 điều ác chính là ba đường dữ. Nếu được sinh làm người thì sẽ chiêu cảm 2 loại nghiệp báo nặng hoặc nhẹ theo như mô tả dưới đây.

Ba điều ác của thân: (1) giết hại, (2) trộm cướp, (3) tà dâm

Chiêu cảm nghiệp báo:

- Thường chịu bệnh tật
- Tuổi thọ ngắn ngủi

- Nghèo khổ túng thiếu
- Sở hữu tài sản chung cùng, không được tự do quyết định
- Vợ (hoặc chồng) không chung thủy, chân thành
- Thân bằng quyến thuộc không được như ý muốn

Bốn điều ác của khẩu: (1) nói dối, (2) nói thêu dệt, (3) nói hai lưỡi gây hiềm khích chia rẽ, (4) nói lời ác độc

Chiêu cảm nghiệp báo:

- Thường bị người khác phỉ báng
- Thường bị người khác khinh miệt
- Lời nói ra không được người khác tin nhận
- Lời nói không rõ ràng, minh bạch
- Thân bằng quyến thuộc thường chịu cảnh ly tán
- Sinh ra trong gia tộc xấu ác, tồi tệ
- Thường phải nghe những âm thanh khó chịu, xấu ác
- Lời nói ra thường bị tranh cãi, kiện tụng

Ba điều ác của ý: (1) tham lam, (2) sân hận, (3) si mê

Chiêu cảm nghiệp báo

> - Trong lòng chẳng bao giờ biết đủ

- Những điều mong cầu thường bị thiếu thốn, dứt tuyệt

- Chỗ đòi hỏi của người khác khó đáp ứng

- Thường bị người khác gây khó khăn, làm hại

- Sinh ra trong gia đình chịu ảnh hưởng của tà kiến

- Tâm ý gian trá, dua nịnh, không trung thực

27 loại quả báo thiện ác khác biệt

Luận giải về tâm địa

Có quả báo tốt đẹp nhưng không thể thụ hưởng

Một số người tuy có lụa là gấm vóc chất đầy trong rương, nhưng trên thân thể chẳng qua chỉ khoác lên đôi ba mảnh vải thô xấu, có vàng ngọc châu báu chứa đầy trong tủ, nhưng miếng ăn hằng ngày chẳng qua cũng chỉ dùng những món hơn kẻ bần hàn đôi chút, cho rằng như thế là an nhàn; lại ưa thích những việc làm lụng cực nhọc, cho đó là thích thú, khoái lạc. Những người như thế, chỉ thấy họ suốt ngày ưu tư phiền muộn, rõ ràng có được phước báo tốt đẹp nhưng không thể hưởng dụng như người khác. Đó là do đời trước tuy làm việc bố thí nhưng không phát tâm chí thành, hoan hỷ, chỉ do có người khuyến khích, khuyên bảo nên mới miễn cưỡng mà bố thí. Hoặc nếu không phải thế thì là sau khi bố thí lại sinh tâm tiếc nuối, hối tiếc việc đã làm.

Được thụ hưởng nhưng không có quả báo tốt đẹp

Có những người gia cảnh bần hàn, nhưng lại thường được sống trong nhà cao cửa rộng của người khác; bữa ăn ở nhà mình thì canh rau qua bữa, nhưng lại thường được dùng những món sơn hào hải vị do người khác chiêu đãi. Người như thế tuy được hưởng thụ nhưng không gọi là có phước báo. Đó là do đời trước không tự mình làm việc bố thí, chỉ biết khuyên bảo, khuyến khích người khác làm việc phước thiện; hoặc do khi nhìn thấy người khác làm việc bố thí liền sinh tâm hoan hỷ, ngợi khen tán thán.

Trước giàu sau nghèo

Kinh Nghiệp báo sai biệt dạy rằng: “Nếu có chúng sinh nào, trước nghe theo lời khuyên của người khác mà làm việc bố thí, sau lại sinh tâm hối tiếc; do nhân duyên như thế, người ấy đời sau sẽ được giàu có một thời gian, nhưng sau đó lại phải chịu cảnh bần hàn.”

Trước nghèo sau giàu

Kinh cũng dạy rằng: “Lại nữa, nếu có chúng sinh nào, do nghe lời khuyên của người khác mà làm việc bố thí nhỏ nhoi, nhưng sau khi bố thí rồi sinh tâm hoan hỷ. Người ấy đời sau sinh ra làm người, trước chịu nghèo khổ nhưng sau được giàu có.”

Giàu có nhưng phải lao nhọc

Giàu có là nhờ gieo nhân giàu có; nhưng phải lao lực khổ nhọc cũng là do gieo nhân lao khổ. Như trong kinh dạy rằng: “Người cúng dường trai tăng ắt sẽ được giàu có vô hạn, ấy là lẽ tất nhiên. Tuy nhiên, nếu có người thỉnh chư tăng đến nhà mình để cúng dường, khiến cho chư tăng phải nhọc sức đi lại vất vả, rồi sau mới dâng cúng thức ăn, người ấy đời sau tuy vẫn được giàu có vô hạn, nhưng lại phải lao nhọc cần khổ.”

Nhàn hạ mà được giàu có

Nếu người phát tâm cúng dường chư tăng, mang thức ăn đến tận am viện, chùa chiền, khiến cho chúng tăng có thể an nhàn thọ dụng, người ấy sẽ được phước báo đời sau sinh ra trong hai cõi trời người, tự nhiên được thụ hưởng mọi điều khoái lạc.

Nghèo khổ nhưng có thể bố thí

Kinh văn cũng dạy rằng: “Nếu có chúng sinh nào, trước đây từng làm việc bố thí nhưng không gặp được những bậc là ruộng phước của thế gian, mãi lưu chuyển trong luân hồi sinh tử. Những chúng sinh ấy khi được sinh ra làm người, do không được gặp bậc phước điền nên việc bố thí chỉ mang lại phước báo rất nhỏ nhoi, thoạt có thoạt không chẳng lâu bền. Tuy nhiên, do đã từng tu tập quen theo hạnh bố thí, nên khi sinh ra dù sống trong cảnh nghèo khó vẫn thường có thể làm việc bố thí.”

Giàu có nhưng không bố thí

“Lại có những chúng sinh vốn không thường làm việc bố thí, nhân gặp bậc thiện tri thức khuyên bảo nên nhất thời cũng bố thí được một lần, may mắn lại gặp được bậc phước điền đức cao đạo trọng. Nhờ công đức cúng dường bậc phước điền cao trọng, nên đời sau sinh ra được giàu có sung túc. Tuy nhiên, bởi không tập quen hạnh bố thí, nên dù sống trong cảnh giàu sang mà tâm thường keo lận, không làm việc bố thí.”

Bố thí nhiều, được phước ít

Kinh Bồ Tát bản hạnh dạy rằng: “Nếu có chúng sinh làm việc bố thí nhưng không hết lòng, hoặc cúng dường mà không có lòng cung kính; hoặc khi bố thí, cúng dường mà tâm không hoan hỷ; hoặc khi bố thí lại khởi tâm kiêu mạn, tự cao tự đại; hoặc bố thí cúng dường cho những kẻ theo tà kiến điên đảo. Bố thí cúng dường như thế cũng giống như người gặp phải mảnh ruộng cằn cỗi bạc màu, tuy gieo giống xuống rất nhiều mà thu hoạch chẳng được bao nhiêu.”

Bố thí ít, được phước nhiều

Trong kinh này lại cũng dạy rằng: “Nếu vào lúc thực hành bố thí có thể khởi tâm hoan hỷ, tâm cung kính, tâm thanh tịnh, chẳng mong cầu được phước báo, hoặc được cúng dường cho các bậc Bồ Tát, thánh tăng. Bố thí cúng dường được như thế cũng giống như người gặp đám ruộng tốt, tuy gieo giống ít cũng thu hoạch được rất nhiều.”

Buồn phiền như nhau, thọ báo khác nhau

Sách Pháp uyển châu lâm nói rằng: “Ví như có hai người, một người nghèo khổ, một người giàu có. Có kẻ đến cầu xin được giúp đỡ, cả hai người này đều sinh tâm buồn phiền. Người giàu có nhiều của cải buồn phiền vì sợ người kia nài nỉ xin xỏ, hao tốn tiền bạc của mình. Người nghèo khổ lại buồn phiền vì rất muốn giúp người mà không có

tiền bạc để giúp. Về sau, người nghèo khổ ấy được sinh lên cõi trời, còn người giàu có kia phải đọa vào cảnh giới ngạ quỷ. Tuy cả hai người đều sinh tâm buồn phiền nhưng lại thọ quả báo khác nhau."

Tuổi thọ khác nhau, quả phước giống nhau

Ví như một người sống vào thời tuổi thọ lên đến ngàn năm, suốt đời thọ trì Năm giới, thực hành Mười điều lành, so với một người sống vào thời tuổi thọ chỉ được mười năm, cũng suốt đời thọ trì Năm giới, thực hành Mười điều lành, thì phước báo của cả hai người này đều giống như nhau, không khác.

Làm việc ác cuối đời được kết quả tốt đẹp

Ví như có người làm việc ác nhưng cuối đời lại được hưởng kết quả tốt đẹp, ấy là vì nghiệp quả của việc ác đã làm trong đời này còn chưa chín muồi, mà nghiệp quả của những việc thiện đã làm trong đời trước lại chín muồi trước. Xưa có một người trong 7 đời đều làm việc giết dê, không đọa vào ba đường dữ. Nhưng sau đó rồi thì tất cả những tội giết hại đã tạo ấy đều dần dần phải chịu quả báo thường bồi, không sót một trường hợp nào.

Thông thường, khi thấy có những người làm việc ác mà được hưởng phước báo thì nên hiểu là như vậy.

Làm việc thiện cuối đời chịu kết quả xấu ác

Có người suốt đời thường làm việc thiện, nhưng cuối đời phải gánh chịu những kết cục bi thảm, ấy là vì nghiệp quả của những việc thiện đã làm trong đời này còn chưa chín muồi, mà nghiệp quả của những việc ác đã làm trong đời trước lại chín muồi trước. Hơn nữa, tuy thấy có vẻ như đang chịu quả xấu mà thật ra chẳng phải quả xấu. Như xưa kia có chú bé chăn trâu, một hôm hái hoa dâng cúng Phật, trở về giữa đường bị trâu húc chết, thần thức lập tức sinh lên cảnh trời Đao-lợi.

Lại có một con khỉ nhìn thấy vị tăng, sinh tâm hoan hỷ, liền đến gần mượn lấy áo cà-sa thử khoác lên thân, ngay lúc ấy bất ngờ sẩy chân ngã xuống vực sâu mà chết, thần thức lập tức sinh lên cõi trời.

Nói tóm lại, nếu do làm việc thiện mà phải bỏ mạng, chưa hẳn đã là không được quả báo tốt lành, chỉ là trong nhất thời mắt thịt của người phàm không thể thấy biết mà thôi.

Thân an vui, tâm không vui

Người phàm tục tu phước, trong đời này mọi việc đều được như ý, có thể gọi là thân được an vui. Tuy nhiên, không học pháp xuất thế, chưa thoát khỏi luân hồi, rốt lại trong tâm vẫn không tránh khỏi mối lo rơi vào ba đường dữ.

Tâm an vui, thân không vui

Bậc chứng quả A-la-hán đã chấm dứt không còn phải tái sinh, có thể xem như vĩnh viễn thoát ba đường dữ, ra khỏi sáu cõi luân hồi, có thể gọi là tâm được an vui. Tuy vậy, ví như trước đây không thường tu phước thì sẽ không nhận được sự cúng dường như ý muốn.

Bố thí lớn lao, phước báo nhỏ

Kinh Bát-nhã dạy rằng: “Nếu vị Bồ Tát chỉ buông xả tài bảo trân quý nhưng không phát tâm cầu quả Phật để cứu độ tất cả chúng sinh, thì dù tu tập trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng cũng chỉ được phước báo rất ít.”

Bố thí nhỏ nhoi, phước báo lớn lao

Kinh Bát-nhã cũng dạy rằng: “Nếu vị Bồ Tát trong khi thực hành bố thí có thể hồi hướng cầu quả Vô thượng Bồ-đề để cứu độ tất cả chúng sinh trong mười phương, thì cho dù việc bố thí có nhỏ nhoi cũng vẫn được phước đức vô lượng.” Đối với vị Bồ Tát này, từ lúc phát tâm cho đến khi thành tựu quả Phật, tâm địa không có gì tăng

thêm, mà ruộng phước cũng không có gì tăng thêm, vì vốn đã viên mãn.

Gặp hoàn cảnh thuận lợi, chính là lúc nên tu phước

Khi gặp hoàn cảnh thuận lợi, nên tự suy nghĩ như thế này: “Nhà ta nay được giàu có, nhất định là đời trước đã thường tu hạnh bố thí, nên đời này lại càng phải cứu người giúp vật nhiều hơn nữa. Thân thể ta không có bệnh tật, nhất định là đời trước đã thường tu tập từ bi, nên đời này lại càng phải tránh sự giết hại và làm việc phóng sinh nhiều hơn nữa.” Cũng giống như khi đã thắp lên một ngọn đèn sáng, cần phải tiếp tục châm thêm dầu thì mới có thể duy trì ánh sáng.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (10)

Gặp hoàn cảnh trái nghịch vẫn có thể tu phước

Khi gặp hoàn cảnh trái nghịch, nên tự suy nghĩ như thế này: “Ta nay gặp cảnh khốn khổ tai ách này, đều là do nghiệp đời trước chiêu cảm mà có, nếu vui lòng nhận chịu ắt là đền trả hết được nợ nần xưa kia.” Cũng chẳng

riêng việc ấy, nếu mình gặp cảnh nghèo túng khốn cùng, thường cầu mong cho tất cả mọi người đều được giàu sang sung túc; nếu mình phải chịu nhiều bệnh khổ, thường cầu mong cho tất cả mọi người đều được khỏe mạnh an ổn; nếu mình thường gặp cảnh đấu tranh giành giật, thường cầu mong cho tất cả mọi người đều được hòa hợp an vui; nếu tự mình ngu si hôn ám, thường nguyện cho tất cả mọi người đều được trí tuệ sáng suốt; nếu tự mình không được trọn đủ các giác quan, thường cầu mong cho tất cả mọi người đều được thân tướng tốt đẹp.

Mỗi khi gặp một hoàn cảnh hoạn nạn nào đó, liền nguyện trong đời vị lai sẽ cứu độ cho người gặp hoạn nạn như thế. Như vậy chẳng phải là ngay nơi phiền não tức hiện Bồ-đề, độc dược hóa thành cam lộ đó sao? Nếu người không biết tu phước thì ắt là ngược lại.

Người khác làm việc thiện, ta có thể được phước

Khi người khác làm việc thiện chưa thành tựu mà mình tùy theo để khuyến khích, thúc đẩy, đó gọi là khuyến khích được phước. Khi người khác làm việc thiện đã thành tựu, mình cũng tùy theo mà vui mừng hoan hỷ, đó gọi là tùy hỷ được phước. Thường ngợi khen xưng tán điều thiện, khiến người khác bắt chước làm theo, đó gọi là tán thán được phước. Suy cho cùng thì khắp cả trên trời dưới đất, từ xưa đến nay, hết thảy các điều thiện trong thiên hạ đều có thể tạo phước cho ta.

Cho nên, Bồ Tát Phổ Hiền phát khởi 10 nguyện lớn thì nguyện thứ 5 chính là “tùy hỷ công đức”. Trên từ vô lượng phước báo nhiều đời nhiều kiếp của chư Phật, Bồ Tát; dưới cho đến chỉ một việc thiện nhỏ nhoi của bất kỳ chúng sinh nào trong sáu cõi luân hồi, khi mình biết được thì đối với tất cả đều phát tâm tán thán, tùy hỷ. Làm được như thế rồi thì bao nhiêu phước báo trong tận cùng hư không, rộng khắp pháp giới, đâu đâu cũng có thể trở thành phước báo của mình, mà tự thân mình cũng được như Bồ Tát

Phổ Hiền không khác.

Người khác làm việc xấu ác, ta có thể được phước

Khi người khác làm việc ác chưa thành mà mình gắng sức khuyên bảo, khiến người ấy ngưng lại, ắt mình sẽ được phước. Khi người khác làm việc ác đã xong, mình thấy vậy sinh tâm buồn lo, không vui, ắt cũng sẽ được phước. Khi việc ác chưa truyền rộng, mình cố gắng tìm mọi phương cách để chặn đứng, ngăn cản, ắt sẽ được phước. Nếu việc ác đã lan truyền, nên lấy đó làm bài học để răn ngừa, cảnh giác không phạm vào, ắt cũng sẽ được phước.

Nếu việc xấu ác làm hại đến mình mà có thể nhẫn nhục chịu đựng, ắt sẽ được phước. Nếu việc xấu ác làm hại đến người khác mà mình có thể khuyên người nhẫn nhục chịu đựng, ắt cũng sẽ được phước.

Trưng dẫn sự tích

Năm dặm bồn đồng

Ngày xưa, tại nước Câu-lưu-xa có vị vua tên là Ác Sinh. Một hôm, vua nhìn thấy có con mèo vàng từ phía đông bắc của đại sảnh đi vào rồi chui xuống đất chỗ góc tây nam. Vua liền ra lệnh khai quật ngay chỗ góc nhà ấy lên, tìm được một cái bồn bằng đồng, trong có 3 hộc, đều chứa đầy những đồng tiền vàng. Từ chỗ cái bồn ấy đào sâu xuống một chút lại gặp một cái bồn bằng đồng nữa, cũng có 3 hộc và cũng chứa đầy tiền vàng bên trong như vậy. Tiếp tục đào xuống thì tìm được thêm cái bồn thứ ba, cũng giống hệt như vậy. Lại từ chỗ đào được ấy, tiếp tục tìm ra quanh đó thì cứ cách khoảng một bước đi lại tìm được bồn đồng chứa tiền vàng, như vậy rộng ra đến 5 dặm đều tìm được rất nhiều bồn đồng chứa tiền vàng như vậy. Vua cho là việc quái dị, trong lòng sinh nghi, liền tìm đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên thưa hỏi. Tôn giả đáp rằng: “Vào đời quá khứ cách nay 91 kiếp, có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Sau khi đức Phật ấy nhập Niết-bàn,

có một vị tỳ-kheo đi khất thực đến chỗ ngã tư đường liền ngồi xuống, muốn giáo hóa mọi người nên chỉ tay vào bát mà nói rằng: ‘Nếu có ai biết mang tiền bạc cất vào trong thành quách kiên cố này, thì bất luận là vua chúa, kẻ trộm cướp, cho đến các nạn lớn như lũ lụt, hỏa tai, cũng đều không thể cướp mất đi tài sản của người ấy. ’

“Có một người nghèo nghe vị tỳ-kheo nói thế thì hết sức hoan hỷ phấn khích, nhân lúc ấy lại vừa bán củi ở chợ được 3 đồng tiền, liền cúng dường tất cả vào trong bát. Cúng dường xong, người ấy quay về nhà cách đó 5 dặm, cứ mỗi bước đi trên đường đều sinh tâm hoan hỷ. Về đến trước cửa nhà rồi, trước khi vào nhà lại quay về hướng vị tỳ-kheo mà thành tâm đảnh lễ, phát tâm bố thí rồi mới vào. Người nghèo khổ ngày xưa ấy, nay không phải ai khác, chính là đại vương đó.”

Lời bàn

Khi đức Phật đang ở tại thành Xá-vệ, có người phụ nữ với tâm chí thành dâng cúng một bát cơm. Đức Phật dạy rằng phước đức của người phụ nữ ấy rất lớn. Chồng của người phụ nữ ấy nghe rồi trong lòng rất hoài nghi, không tin rằng chỉ cúng dường một bát cơm nhỏ bé mà lại được phước rất nhiều như lời Phật dạy. Đức Phật liền gọi người ấy đến hỏi rằng: “Ông thấy cây ni-câu-đà cao lớn như thế nào chứ?”

Người kia thưa: “Dạ thấy, cây ấy cao chừng 4 đến 5 dặm, mỗi năm rụng quả xuống ước chừng vạn hộc.”

Đức Phật lại hỏi người ấy hạt cây ni-câu-đà lớn hay nhỏ, người ấy đáp: “Chẳng qua cũng chỉ nhỏ bằng hạt cải.”

Đức Phật dạy: “Lòng đất chẳng qua chỉ là sự vật vô tình, mà gieo vào đó một hạt giống nhỏ bằng hạt cải, về sau có thể thu được mỗi năm đến vạn hộc quả, huống chi con người vốn có tâm thức, có thể chí thành dâng cúng lên đức Như Lai một bát cơm, sao lại nghi ngờ là không thể được phước

báo lớn lao?"
Hai vợ chồng người kia nghe lời Phật dạy tâm ý liền thông suốt thấu rõ, không còn hoài nghi nữa.
Những người phước mỏng sinh vào thời mạt pháp, kiến giải hết sức hẹp hòi, nghe chuyện "năm dặm bồn đồng" này làm sao có thể không khởi lên mối nghi "bát cơm nhỏ, phước lớn" như người xưa?
Cúng dường được một tháng
Trong thành Xá-vệ có một nhà kia hết sức nghèo khổ, trong sân nhà có một cây nho, muốn hái một chùm để dâng lên cúng dường các vị tỳ-kheo. Lúc ấy, nhằm khi quốc vương đã có lời cầu thỉnh chư tăng thọ nhận cúng dường trong suốt một tháng, ngày nào vua cũng dâng cúng đồ ăn thức uống. Vì vậy, người nhà nghèo không có cơ hội để cúng dường, phải chờ đợi hết một tháng đó mới có thể mang chùm nho đến dâng cúng lên một vị tỳ-kheo. Vị tỳ-kheo thọ nhận rồi bảo rằng: "Ông đã cúng dường được một tháng rồi." Người nghèo không hiểu, thưa hỏi lại: "Con chỉ dâng cúng một chùm nho, sao ngài lại nói đã cúng dường được trọn một tháng?"
Vị tỳ-kheo dạy: "Tuy chỉ một chùm nho này, nhưng ông đã khởi tâm từ một tháng trước, luôn nghĩ nhớ đến việc cúng dường không lúc nào gián đoạn, như vậy chẳng phải là đã cúng dường được một tháng rồi sao?"
Lời bàn
Xét về sự việc thì bố thí cúng dường vốn có thể gián đoạn, nhưng tâm niệm bố thí cúng dường thì không nên gián đoạn, phải giữ cho niệm niệm nối nhau không dứt thì mới có thể vun bồi được hạt giống Bồ-đề. Việc cúng dường cơm nước cho các chùa chiền, tự viện... mang lại lợi ích lớn lao nhất, vì nó giúp cho người cúng dường kia trong chỗ tự mình không hay biết mà tự nhiên mỗi ngày đều cúng dường Tam bảo.
Gieo trồng phước đức trên đầu ngón tay

Xưa có người trưởng giả tên là A-cưu-lưu, vốn không tin rằng sau khi chết còn có kiếp sau, cũng không tin lẽ nhân quả, thiện ác. Ngày kia, A-cưu-lưu với 500 người khách buôn mang theo rất nhiều vàng ngọc châu báu, dự định cùng nhau thực hiện một chuyến buôn xa. Không may cả đoàn người lạc vào một con đường hết sức hiểm trở, đi suốt ba, bốn ngày qua mà chẳng nhìn thấy một ngọn cỏ, không tìm được một giọt nước, trong khi lương thực, nước uống mang theo đều đã cạn hết. Tình thế vô cùng nguy ngập, ắt không thể tránh khỏi phải chết vì đói khát.

Khi ấy, trưởng giả A-cưu-lưu trong lúc đi loanh quanh tìm nguồn nước bỗng gặp một vị thần cây, liền đem việc nguy khốn đói khát của mình nói với thần. Vị thần đưa cánh tay phải lên, từ các ngón tay của ông liền hóa ra rất nhiều thức ăn, nước uống, cung cấp đầy đủ cho A-cưu-lưu và cả những người cùng đi đều thoát khỏi cơn đói khát.

Trưởng giả A-cưu-lưu liền thưa hỏi: “Thần nhờ phước đức gì mà có khả năng biến hóa từ ngón tay ra thức ăn, nước uống như thế?”

Vị thần đáp: “Trước đây vào thời đức Phật Ca-diếp, ta là một người nghèo, thường ngồi bên lề đường nơi cửa thành chuyên làm việc lau kính cho người. Mỗi khi thấy có vị sa môn nào vào thành khất thực, ta liền đưa cánh tay phải lên chỉ đường, chỉ rõ cho vị ấy biết nhà nào trong thành có thể đến khất thực được. Lại khi thấy vị ấy khất thực được đầy bát trở về, ta liền sinh tâm hoan hỷ vô cùng. Ta làm như thế không chỉ một hai ngày mà là rất lâu dài. Nhờ phước báo đó mà ngày nay mọi thứ cần dùng chỉ đưa ngón tay chỉ ra là có.”

Trưởng giả A-cưu-lưu nghe qua câu chuyện của vị thần cây, trong lòng sáng tỏ, thấu rõ lẽ nhân quả, từ đó về sau hết lòng tu tập hạnh bố thí, mỗi ngày đều cúng dường cho rất nhiều vị tăng. Sau khi chết ông liền được sinh lên tầng trời thứ hai, cung trời Đao-lợi, làm vị thiên nhân rải hoa trời.

Lời bàn

Người không có trí tuệ thì dù có nhiều tài sản cũng không thể gieo trồng phước báo. Người có trí tuệ thì dù không có tài sản cũng có thể gieo trồng phước báo. Nếu học làm theo như vị thần cây kia, ắt là tài sản của người khác cũng có thể trở thành hữu dụng cho ta. Khi chỉ đường làm lợi lạc cho người khác, ruộng phước từ nơi ngón tay chỉ mà được rộng sâu; ngợi khen khuyến khích người khác làm việc thiện, ruộng phước từ nơi lời nói mà được rộng sâu; bôn ba xuôi ngược giúp người, ruộng phước từ nơi đôi chân mà được rộng sâu... Quay nhìn lại khắp thân thể mình, từ tai, mắt đến tay, chân... thật không bộ phận nào lại không thể giúp ta gieo trồng ruộng phước. Thật vĩ đại lắm thay! Phật pháp quả thật mang lại lợi ích cho muôn người, những kẻ phàm tục tầm thường làm sao có được trí tuệ sáng suốt hiểu được như thế?

Thân hình xấu xí, thanh âm tốt đẹp

Vua Ba-tư-nặc một hôm dẫn quân đi ngang tinh xá Kỳ Viên, nghe tiếng một vị tỳ-kheo tụng kinh, thanh âm hết sức hay lạ, thu hút. Vua liền tìm đến khấu đầu lễ Phật xin được diện kiến vị tỳ-kheo ấy, dâng cúng 10 vạn đồng tiền. Đức Phật dạy: “Nhà vua hãy cúng tiền trước rồi sẽ gặp thầy ấy sau. Nếu vua gặp thầy ấy trước, ắt sẽ không khởi tâm cúng dường nữa.”

Vua liền mang tiền đến cúng dường trước. Sau đó được gặp vị tỳ-kheo mới thấy vị này hình dung cực kỳ xấu xí, lại thấp bé vô cùng. Vua quả nhiên sinh tâm hối tiếc việc cúng dường. Vua liền thưa hỏi, muốn biết nhân duyên đời trước.

Đức Phật dạy: “Ngày xưa, sau khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có một vị vua dựng tháp thờ Phật, giao cho 4 vị quan cùng lo đốc thúc việc xây dựng. Trong đó có một vị lười nhác không tận lực, liền bị vua quở trách. Vị quan ấy bị quở trách thì giận lắm, thốt ra lời rằng: “Cái tháp quái này to lớn

quá, biết chừng nào mới xây cho xong được!" Do phát ra lời bực dọc oán hận đối với việc xây dựng tháp Phật, nên trong suốt 500 kiếp sinh ra đều phải chịu hình dung cực kỳ xấu xí, thấp bé. Lại sau khi xây dựng xong tháp Phật, vị ấy tự hối lỗi trước, mang một cái chuông nhỏ đến cúng dường đặt trong tháp. Nhờ phước báo ấy mà trong suốt 500 kiếp về sau mỗi khi sinh ra đều có được thanh âm hay lạ, thu hút người khác.

Lời bàn

Các nhân do sáu căn tạo thành, thiện ác xen lẫn nhau, tùy theo đó mà chúng sinh phải thọ nhận quả báo khác nhau, khổ vui lẫn lộn. Xưa có người đi du lịch xa, lúc đến một ngọn núi giữa đảo xa ngoài biển, gặp một người dung nhan tỏa sáng phi thường, diện mạo đoan chánh, thường được nghe nhạc trời khiến tâm vui vẻ, chỉ riêng có cái miệng là cực kỳ xấu xí, giống như mõm lợn. Tìm hiểu nguyên nhân mới biết đó là người đời trước thường tu phước, chỉ hay mắc lỗi nơi lời nói, thường nói những lời thô tục, bẩn thỉu. Ôi, thật đáng sợ lắm thay!

Mười hạt thóc được thoát nghèo

Đời Tùy, ở núi Chung Nam có vị thánh tăng là Thích Phổ An. Mỗi khi ngài đến chỗ đông người, thiên hạ lại tranh nhau thiết lễ cúng dường thỉnh ngài thọ trai.

Ngày kia, ngài đến thôn Đại Vạn. Trong thôn có người tên Điền Di Sanh, nhà nghèo đến mức chẳng có gì ngoài bốn bức vách trơ vơ. Ông có bốn người con gái, quần áo chẳng đủ che thân. Cô con gái lớn nhất tên là Hoa Nghiêm, khi ấy đã được 20 tuổi, ngoảnh nhìn lại gia sản chẳng có gì ngoài hai thước vải thô xấu. Nghĩ mình nghèo khổ thật quá đỗi, chẳng biết lấy gì để làm việc bố thí tạo phước, chỉ biết ngửa mặt nhìn lên mái nhà đau xót, bất chợt nhân đó thấy trên cây xà ngang có một lỗ hổng nhỏ, bên trong có một nhúm thóc nằm vương vãi. Cô tìm cách lấy xuống, xem kỹ nhặt ra

được mười hạt thóc vàng. Liền đem mấy hạt thóc ấy lột vỏ trấu, chà sạch lớp cám bên ngoài, định mang cùng với hai thước vải thô dâng lên cúng dường thánh tăng.

Thế nhưng khi cô nhìn lại mình, chẳng còn mảnh vải che thân nên không thể ra khỏi nhà được. Liền chờ lúc đêm tối mới ra khỏi nhà, không dám đứng thẳng đi mà bò sát dưới đất, hướng về chỗ vị tăng đang trú ngụ, mang hai thước vải thô bỏ nơi bên ngoài phương trượng, còn mười hạt gạo thì tự tay mang đến bỏ vào nồi cơm đang nấu, trong lòng thầm khấn nguyện rằng: “Tôi đời trước do tham lam bỏn xẻn nên nay phải chịu quả báo nghèo khổ cùng khốn. Nay đối trước chư Phật xin thành tâm sám hối, nguyện đem chút vật phẩm nhỏ nhoi này cúng dường chư tăng. Nếu như nghiệp báo nghèo khổ khốn cùng của tôi đến nay đã dứt, xin cho tất cả những hạt cơm đang nấu trong nồi này đều hóa thành sắc vàng.” Khấn nguyện rồi gạt nước mắt mà quay về nhà.

Sáng sớm hôm sau, chư tăng đều thấy trong cái nồi ấy nấu đến năm thạch gạo mà toàn bộ cơm trong nồi đều hóa thành sắc vàng. Không ai biết vì sao, chỉ có Đại sư Phổ An quán biết nhân duyên sự việc liền nói rõ cho mọi người biết. Ai nấy nghe qua xúc động không kiềm được, đều cho cô gái họ Điền là người có tâm địa tốt. Nhân đó, rất nhiều người mang tài vật đến giúp đỡ cho gia đình Điền Di Sanh. Cô gái ấy sau lại phát tâm xuất gia học đạo.

Lời bàn

Tuy chỉ là vài thước vải thô với mấy hạt gạo, nhưng đối với cô gái họ Điền kia đã là dốc hết tài sản mà cúng dường rồi vậy. Những nghiệp xấu đã tạo đời trước, biết đâu chẳng là nhờ đó mà cũng được dứt sạch?

Ngày ngày thường dùng các phương tiện, làm đủ mọi việc lành, tích âm đức

Đoạn văn từ đây trở xuống nêu sự việc nên làm để khuyến khích, thúc giục, tổng quát những chỗ cương yếu đều là nhằm nuôi dưỡng căn lành trong tâm thức. Những cách nói như “ngày ngày thường” với “làm đủ mọi việc lành” vốn không cần phải diễn giải mở rộng gì thêm, mà nói “dùng các phương tiện” hay “tích âm đức” thì cũng đã quá rõ ràng như vậy. Khi thực hành các phương tiện, điều quan trọng là phải thường xuyên không gián đoạn; việc làm việc lành, tích âm đức, điều quan trọng là phải cố gắng làm đủ mọi điều, không xem thường, bỏ sót, dù chỉ là việc nhỏ. Nếu nói theo pháp thế gian thì quả thật rất khó có khả năng làm được như thế. Nhưng nếu biết vận dụng thông suốt Phật pháp thì rốt lại cũng chẳng có gì là khó cả. Nếu thấy việc thiện mà sức mình có thể làm được, liền hăng hái xông vào nỗ lực làm ngay. Nếu thấy việc thiện mà sức mình không thể kham nổi thì hãy phát khởi thệ nguyện lớn lao, và đợi đến đời sau khi mình có đủ khả năng ắt sẽ thực hiện điều ấy.

Luận giải về sự phát nguyện

Nguyện lành của thế tục

Nếu ở chốn quan quyền điều hành chính sự, nguyện cho mọi chính sách tốt đẹp đều được đến với người dân khắp nước; nếu ở chốn thôn quê, nguyện cho người người đều được mãi mãi an hưởng thái bình. Đối với tình cha con của người, nguyện cho được cha lành con thảo; đối với tình anh em của người, nguyện cho luôn giữ được sự thân ái, lễ độ. Khi bản thân mình có được miếng ăn, nguyện cho những kẻ đói thiếu trong thiên hạ đều được no đủ. Khi bản thân mình có được y phục, nguyện cho những kẻ đang chịu cảnh rách rưới lạnh lẽo đều được ấm áp với đầy đủ chăn mền quần áo. Đi qua nơi phố chợ, nguyện cho khắp thảy mọi nhà đều được dư dật no đủ; đi qua đường đê lối ruộng, nguyện cho năm nào cũng được mưa thuận gió hòa. Thấy người qua sông vượt biển, nguyện cho

đừng gặp phải sóng to gió lớn; thấy người đi vào núi rừng hiểm trở, nguyện cho không gặp phải rắn rết hổ báo làm hại. Nhìn thấy kẻ nghèo cùng khốn khó, nguyện cho người ấy được giàu sang phú quý; nghe biết người bệnh tật khổ đau, nguyện cho người ấy được mạnh mẽ an ổn. Thấy người được thành tựu cũng tỷ như chính mình thành tựu; thấy người bị thất bại cũng xem như chính mình thất bại. Như có thể trong mỗi một niệm tưởng đều thường nhớ nghĩ đến những tâm nguyện như thế, không để dứt mất, thì việc mở rộng lòng thương yêu người trong bốn biển như anh em một nhà, hòa hợp vạn vật với chính mình như đồng một thể cũng đâu có gì là khó?

Lời bàn

Đây chỉ là những nguyện lành của thế tục mà thôi. Vì sao vậy? Vì tuy biết nghĩ suy việc thiện trong một đời sống này, nhưng không biết là còn có nhiều kiếp sống khác; chỉ lo đời này không đủ sức giúp người, nhưng không biết rằng chỉ cần giữ vững tâm nguyện thì trong những kiếp về sau ắt sẽ có ngày thành tựu. Hơn nữa, những nguyện như trên chỉ giới hạn trong phạm vi cõi người, không rộng mở đến các cõi trời, cho đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chẳng qua như thế, ví dầu tất cả những sở nguyện trên mỗi mỗi đều được thành tựu như ý, chúng sinh trong sáu cõi đều được hưởng nhờ ơn đức, thì bất quá cũng chỉ là tạo được chút quả báo nhỏ nhoi để thọ hưởng trong phạm vi hai cõi trời người, không thể có khả năng nhổ bật cội rễ của sinh tử luân hồi. Chính vì thế mà người có trí tuệ lớn lao thì không thể không phát khởi tâm nguyện xuất thế rộng sâu.

Bốn tâm nguyện xuất thế rộng sâu

Chúng sinh vô biên, thệ nguyện độ khắp.

Phiền não vô tận, thệ nguyện dứt sạch.

Pháp môn vô lượng, thệ nguyện tu học.

Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành tựu.

Lời bàn

Đây là bốn tâm nguyện rộng sâu của hàng Bồ Tát, trong mỗi câu đều hàm chứa vô số ý nghĩa sâu xa mầu nhiệm. Người nào có khả năng thể hội được bốn câu này, sao cho trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều không lúc nào dứt mất, thì ngay nơi đó đã chính là Bồ-đề rồi. Trong kinh dạy rằng: "Tu hành mà không phát tâm Bồ-đề, khác nào như cày ruộng mà không dẫn nước vào, dù có cố công gắng sức để phát khởi nguyện lành của thế gian, trải qua số kiếp như số cát sông Hằng, chẳng bằng như người chỉ tạm thời phát khởi được tâm Bồ-đề."

Dẫn chứng

Ba người cùng phát nguyện

Vào thời quá khứ cách đây vô số kiếp, có đức Phật ra đời hiệu là Nhất Thiết Độ Như Lai. Bấy giờ, một gia đình quý tộc giàu sang có 3 đứa con nhỏ. Một hôm, cả ba em mang ba hạt châu đến cúng dường Phật. Một em nói: "Con muốn sau này được như vị tỳ-kheo đứng bên phải đức Phật." Một em khác lại nói: "Con muốn sau này được như vị tỳ-kheo đứng bên trái đức Phật." Em thứ ba nói: "Con muốn sau này được như đức Phật ngồi giữa đại chúng."

Đức Phật Thích-ca kể lại chuyện này rồi dạy rằng: "Em bé phát nguyện làm Phật, chính là ta ngày nay. Em bé muốn được như vị tỳ-kheo đứng bên trái Phật, nay là Xá-lợi-phất. Em bé muốn được như vị tỳ-kheo đứng bên phải Phật, nay là Mục-kiền-liên."

Đồng hiệu với Cổ Phật

Đức Thế Tôn thuở xưa, từ vô số kiếp về trước nhiều như số cát sông Hằng, nghe biết vị Phật thuở ấy hiệu là Thích-ca Văn Phật đang thuyết giảng kinh Niết-bàn, liền tự bán thân mình để có tiền sắm sửa hương hoa đến dâng

lên cúng dường Phật. Nhân được nghe một bài kệ trong kinh Niết-bàn mà phát nguyện rằng: “Nguyện trong đời vị lai ta sẽ thành Phật, cũng đồng một hiệu như đức Phật này.” Do phát nguyện như thế nên ngày nay đức Thế Tôn có hiệu là Thích-ca Văn Phật.

Phát nguyện độ người trước hết

Trong vô số kiếp về trước, đức Thế Tôn lại có lần sinh ra làm một vị tiên nhân nhẫn nhục. Một hôm, tiên nhân đang ngồi trong núi sâu, bỗng gặp lúc đức vua đi săn đến đó, đuổi một con thú chạy ngang qua chỗ tiên nhân. Vua thấy ngài ngồi đó liền hỏi xem con thú chạy hướng nào. Tiên nhân suy nghĩ: “Nếu nói thật là hại chết con thú, nếu không nói thật tức phạm lỗi nói dối.” Trầm ngâm như vậy hồi lâu không đáp. Vua nổi giận, chặt đứt một cánh tay ngài. Lại hỏi lần nữa, vẫn trầm ngâm không đáp, vua lại chặt luôn cánh tay còn lại. Ngay khi ấy, tiên nhân liền phát nguyện: “Người này độc ác, sau này khi ta thành Phật, nguyện trước tiên sẽ hóa độ ông ta, không để người đời lại bắt chước theo ông ta làm việc ác.” Quả nhiên khi đức Phật Thích-ca vừa thành đạo, trước hết thuyết pháp hóa độ cho Kiều-trần-như, chính là vị vua ngày trước.

Bốn mươi tám đại nguyện

Đức Phật A-di-đà trong vô số kiếp về trước có một tiền thân là tỳ-kheo Pháp Tạng, từng phát khởi 48 đại nguyện, trong đó có lời rằng: “Khi ta thành Phật, nguyện cho cõi nước ấy thanh tịnh quý báu, đẹp đẽ trang nghiêm. Chúng sinh trong mười phương, nếu ai có nguyện sinh về cõi nước ta, chỉ cần trì niệm danh hiệu ta thì đến khi lâm chung ta sẽ hóa hiện thân Phật, Bồ Tát đến tiếp độ, khiến cho người ấy được hóa sinh nơi cõi nước ta, sinh ra từ hoa sen, chứng được quả vị không còn thối chuyển.” Vì thế, ngày nay bất kỳ ai có thể nhất tâm niệm Phật A-di-đà đều sẽ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc của ngài.

Nhờ có nguyện nên dễ hóa độ

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một xóm làng kia toàn những người buông thả theo tà kiến, không tin lời Phật dạy. Đức Phật bảo ngài Mục-kiền-liên đến giáo hóa, cả làng lập tức nghe theo lời dạy của ngài, thay đổi tâm niệm hướng về Phật pháp.

Nhân đó, đức Phật dạy: “Những người làng ấy với Mục-kiền-liên vốn có nhân duyên. Thuở xưa Mục-kiền-liên từng là một người tiều phu lên núi kiếm củi. Một hôm gặp phải tổ ong, cả bầy ong cùng bay ra hăm hở muốn chích. Người tiều phu khi ấy liền dạy rằng: ‘Tất cả chúng bay đều sẵn có tánh Phật, đừng nên làm việc độc hại. Ngày sau khi ta thành đạo, sẽ hóa độ tất cả bọn bay.’ Bầy ong nghe lời ấy đều bay đi tứ tán, không làm hại người tiều phu. Dân làng ngày nay chính là bầy ong ngày trước, nhân nơi việc Mục-kiền-liên đã từng phát nguyện hóa độ họ, nên nay chỉ cần một lần đến dạy dỗ họ liền nghe theo.”

Vừa phát tâm đã vượt trên Nhị thừa

Có một vị A-la-hán đã chứng Lục thần thông, một hôm dẫn chú sa-di mang túi đựng y bát của ngài đi theo sau. Khi ấy, chú sa-di trong lòng khởi lên tâm nguyện rằng: “Ta phải chuyên cần nỗ lực tu tập tinh tấn để cầu được quả Phật.” Vị A-la-hán ngay khi ấy liền quay lại nhận lấy túi đựng y bát để tự mình mang đi, lại bảo chú sa-di đi lên phía trước.

Chỉ trong chốc lát sau, chú sa-di lại khởi lên ý niệm rằng: “Cầu quả Phật thật xa xôi khó được, chẳng bằng ta nên cầu quả Thanh văn, sẽ sớm được tự giải thoát.” Vị A-la-hán khi ấy liền đặt túi đựng y bát lên vai chú sa-di, bảo chú đi ra phía sau.

Cứ như vậy lặp lại đến 3 lần, chú sa-di liền nói: “Hòa thượng già quá lú lẫn rồi, cớ sao lại bảo con khi thì đi trước, lúc lại đi sau?”

Vị A-la-hán đáp: “Ta không hề lú lẫn, chỉ vì lúc trước con phát tâm cầu quả

Phật, tức đứng vào hàng Bồ Tát, vị thế ắt cao hơn ta, nên ta phải đi sau mà tự mang túi xách, không dám để con mang. Ngay sau đó con lại khởi tâm ưa thích quả Thanh văn, không còn tâm niệm cứu độ chúng sinh, vị thế đã thấp hơn ta, tất nhiên phải đi theo sau mang túi xách cho ta.”

Chú sa-di nghe nói đúng tâm ý mình, trong lòng kinh hãi, từ đó tâm ý kiên định, hết lòng chuyên cần tinh tấn cầu quả Phật.

Lời bàn

Kinh Ưu-bà-tắc giới (優婆塞戒經) dạy rằng: “Khi có một người phát tâm Bồ-đề, tất cả chư thiên đều vô cùng kinh ngạc vui mừng, cho rằng nay đã có được một bậc thầy trong hai cõi trời, người.”

Chỉ nói rằng vừa mới phát tâm, tất nhiên có thể hiểu là chưa từng trải qua sự tu tập chứng đắc, như vậy mà đã vượt trên quả vị A-la-hán. Đó là vì đã phát tâm nguyện, ắt ngày sau sẽ được thành tựu. Cũng giống như vị thái tử vừa mới sinh ra, tuy hãy còn nằm trong nôi nhưng tất cả các vị lão thần quan chức trong triều đình đều phải cung kính lễ bái.

Lợi người lợi vật

Giảng rộng

Nói “lợi vật”, đó là công đức đủ để làm lợi lạc cho muôn vật; nói “lợi người”, đó là công đức đủ để làm lợi lạc cho mọi người. Có thể làm lợi ích cho muôn người muôn vật, ấy là đã sống một đời không uổng phí.

Chữ “lợi” mang hàm nghĩa cực xấu, lại cũng mang hàm nghĩa cực tốt, nhưng không phải cùng lúc mang hai nghĩa ấy. Nếu kẻ vì tự thân mình mà cầu được lợi, đó là ý riêng, ắt là không tốt. Nếu có kẻ vì cứu giúp muôn người mà cầu lợi, đó là công tâm, ắt là rất tốt.

Trưng dẫn sự tích

Kẻ phá bia và người khắc bia

Đời nhà Đường có vị danh y là Tôn Tư Mạc, học được 30 bài thuốc hay

của Long cung, mang ra sử dụng bao giờ cũng hiệu nghiệm, liền ghi chép thành sách Thiên kim phương (千金方), lại khắc thành bia đá để truyền lại đời sau.

Có người kia in ra được rất nhiều bản sách này rồi, liền phá nát bia đá để mong bán sách trục lợi. Sau đó liền bị sét đánh chết.

Lại có một người khác y theo sách ấy khắc lại vào bia đá, liền nằm mộng thấy Tôn Tư Mạc bảo rằng: “Số ông vốn không có con, nay nhờ công đức khắc sách Thiên kim phương vào bia đá, ắt sẽ sinh được quý tử.”

Sau người ấy quả nhiên sinh con quý hiển.

Lời bàn

Người phá nát bia đá kia chỉ biết cầu lợi cho riêng mình, còn người khắc lại bia đá chỉ nghĩ đến lợi lạc cho muôn người. Nhưng rốt lại thì kẻ cầu lợi cho riêng mình chẳng bao giờ được lợi, mà người làm lợi lạc cho muôn người bao giờ cũng được lợi.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (11)

Hủy bỏ chính sách tệ hại

Trong khoảng niên hiệu Tuyên Đức triều Minh, triều đình thường sai thái

giám đưa người sang phương Tây tìm châu báu, tiêu tốn tiền bạc nhiều vô kể, lại khiến cho vô số người phải bỏ mạng trên đường. Đến thời vua Anh Tông niên hiệu Thiên Thuận, có người tâu lên vua xin lặp lại. Hoàng đế liền hạ lệnh cho Binh bộ Thượng thư là Hạng Trung tìm lại quyển sách ghi việc ấy để thực hiện. Bấy giờ, Lưu Đại Hạ đang giữ chức Lang trung, liền lẻn vào thư khố trước giấu sách đi, các quan lại đến sau không tìm được gì, việc ấy cuối cùng phải bãi bỏ. Về sau, Thượng thư Hạng Trung đem việc sách bị mất ra khiển trách các quan thuộc cấp, Lưu Đại Hạ liền cười mà nói rằng: “Ấy là chính sách tệ hại. Ví như sách ấy hiện còn cũng nên hủy đi để trừ bỏ cho tận gốc, huống chi lại còn truy hỏi sách còn hay mất để làm gì?”

Hạng Trung nghe nói hoảng sợ, tạ lỗi rồi nói rằng: “Âm đức của ông quả là cảm động thấu trời. Chức quan của tôi nên thuộc về ông mới đúng.”

Quả nhiên về sau Lưu Đại Hạ làm đến chức quan Thái Bảo Đại Tư Mã, con cháu nhiều đời sau cũng đều được vinh hiển phú quý.

Lời bàn

Cứ theo như việc làm của Lưu Đại Hạ mà suy rộng ra cho đầy đủ thì những sách vở thế gian có hại cho người đều nên hủy đi, mà trong đó nguy hại nhất là những tiểu thuyết khiêu dâm, những sách hủy báng Phật pháp.

Thường bình ổn giá lương thực

Lúc Trương Quai Nhai làm quan tri phủ tại đất Thành Đô, một hôm nằm mộng thấy Tử Phủ Chân quân mời đến gặp mặt. Đến nơi chưa được bao lâu chợt nghe tiếng báo rằng: “Có Hoàng Kiêm Tế ở cửa thành phía tây đến.” Liền thấy một đạo nhân chít khăn trên đầu bước vào, Tử Phủ Chân quân dùng lễ tiếp đón người ấy hết sức cung kính.

Sáng hôm sau, Trương Quai Nhai sai người đến cửa thành phía tây, quả

thật có đạo nhân tên Hoàng Kiêm Tế, liền mời vào gặp mặt, hóa ra rõ ràng giống hệt như người đã gặp trong mộng. Trương Quai Nhai liền gạn hỏi đạo nhân xem bình sinh thường làm những việc thiện gì. Đạo nhân đáp rằng: "Tôi thật cũng chẳng làm được gì nhiều, chỉ mỗi năm vào mùa lúa chín đều bỏ ra 300 quan tiền mua lúa trữ lại, đến năm sau khi còn chưa đến mùa lúa chín, dân nghèo phần đông rất khó kiếm đủ miếng ăn, tôi liền bán số lúa ấy ra vẫn nguyên giá cũ. Như vậy phần tôi cũng chẳng mất mát gì, mà đối với dân nghèo lại được cứu giúp qua cơn nguy cấp. Tôi chỉ làm được mỗi một việc như thế mà thôi."

Trương Quai Nhai nghe xong hết sức cảm phục tán thán, sai người thỉnh đạo nhân ngồi lên tòa cao rồi tự mình cung kính thi lễ.

Lời bàn

Việc giữ bình ổn giá lương thực như thế, nơi nào cũng có thể làm theo. Chỉ cần một nơi dân chúng được hưởng ân huệ, bốn phương đều nên noi theo đó mà làm.

Làm thiện tích phước

Giảng rộng

Những gì người thế tục tích lũy được, có những thứ người khác có thể cướp đoạt, mà bản thân mình không thể mang theo khi chết. Lại có những thứ người khác không thể cướp đoạt, nhưng bản thân mình cũng không thể mang theo khi chết. Lại có những thứ mà mình có thể mang theo khi chết nhưng người khác không thể cướp đoạt.

Vàng bạc châu báu, nhà cửa ruộng vườn... đó là những thứ người khác có thể cướp đoạt, mà ta không thể mang theo khi chết. Học thức uyên bác, tài năng xuất chúng, đó là những thứ người khác không thể cướp đoạt, nhưng ta cũng không thể mang theo khi chết.

Còn nói về những thứ mà ta có thể mang theo khi chết nhưng người khác

lại không thể cướp đoạt, thì không gì khác hơn chính là những việc thiện đã làm, phước đức đã tạo. Làm thiện đạt đến mức cao nhất thì có thể giúp cho tổ tiên bảy đời đều được siêu thăng, thần thánh đều ủng hộ; tích phước đến mức cao nhất thì có thể khiến cho các nạn lửa cháy nước trôi đều không làm hại đến.

Làm việc thiện chính là nền tảng của sự tu phước, mà phước đức có được lại chính là sự cảm ứng từ việc làm thiện. Nếu chỉ tu phước mà không tu trí huệ, mỗi khi hưởng phước lại nhân đó mà tạo thêm nghiệp xấu. Nếu chỉ tu trí tuệ mà không tu phước, e rằng đời sau phước mỏng, cuộc sống phải chịu nhiều khó khăn thiếu thốn.

Xưa vào thời đức Phật Ca-diếp tại thế, có hai anh em nhà kia đều xuất gia làm sa môn. Người anh trì giới tham thiền, hết lòng cầu đạo, nhưng không tu hạnh bố thí. Người em lại siêng tu phước nhưng thường phạm vào giới luật. Về sau, khi đức Thích-ca Mâu-ni thành Phật, người anh chứng đắc quả vị A-la-hán, nhưng vì chưa từng tu phước nên thường đói thiếu, ăn chẳng được no. Người em do thường phạm giới nên phải sinh làm con voi. Tuy nhiên, do đời trước thường tu phước nên tuy sinh vào loài súc sinh lại được đức vua yêu thích, thường cho mang trên thân đầy những thứ vòng ngọc châu báu, lại ban cho thực ấp đến trăm hộ, thức ăn thường dư dật. Cho nên nói rằng: “Tu phước không tu huệ, thân voi mang chuỗi ngọc. Tu huệ không tu phước, La-hán thường đói thiếu.”

Chỉ duy nhất đức Phật được tôn xưng là bậc Lưỡng túc tôn, ấy là vì cả hai mặt phước, huệ của ngài đều đầy đủ.

Trưng dẫn sự tích

Tạo lập nhiều ruộng nhân nghĩa

Vào đời nhà Minh, ở huyện Hoa Đình có người tên là Cố Chánh Tâm, tên tự là Trọng Tu. Cha ông là Cố Trung Lập làm quan Tham Nghị ở Quảng

Tây.
Chánh Tâm thích làm việc thiện, thường quyên góp đến số 104.700 lượng bạc, mua ruộng đến 40.800 mẫu, dùng vào việc giúp đỡ người khác, gọi là nghĩa điền. Những ruộng ấy nằm phân tán trong 2 huyện Hoa Đình và Thanh Phố, lợi tức thu hoạch được đều dùng để cung cấp các khoản sưu dịch thuế má cho nhà nông gặp khó khăn, giúp họ không rơi vào cảnh khốn cùng.
Một năm nọ, vào khoảng gần cuối năm, có quan tuần tra đến phủ Tùng Giang, hạ lệnh nghiêm cấm người dân vào lúc giao thừa không được nhóm lửa, đốt pháo... Có người dân trong phố vi phạm lệnh cấm, quan sai người đến bắt, lại bắt nhầm Cố Chánh Tâm giam vào ngục. Nhân đó ông gặp được những tù nhân bị rách rưới rét lạnh, liền cấp phát quần áo cho; gặp những người đói khát, liền cấp phát cơm gạo; những người phạm tội có thể chuộc bằng tiền, liền xin nộp tiền thay cho họ; khiến cho trong nhà ngục được cứu ra hết gần như trống rỗng. Chánh Tâm lại còn giúp tiền để tu sửa lại nhà ngục. Ông thường thi ân cho rất nhiều người dù biết họ không có khả năng báo đáp.
Sau khi ông chết, các quan địa phương đem những việc làm tốt đẹp ấy báo lên triều đình, Hoàng đế ban chỉ hết lời khen ngợi, cho được đưa vào thờ tự chung với các bậc tiền nhân hiền đức của địa phương.
Lời bàn
Đời nhà Tống, Phạm Trọng Yêm mua ruộng để sử dụng hoa lợi thu hoạch vào việc giúp đỡ người trong họ Phạm, gọi là nghĩa điền, để lại tiếng thơm muôn đời. Nhưng nghĩa điền của họ Phạm chỉ giúp đỡ cho người cùng họ Phạm, không giúp được đến những người khác họ; ruộng ấy cũng chỉ khoảng trăm mẫu, không nhiều đến số hơn bốn mươi ngàn. Việc làm cao đẹp của Cố Chánh Tâm vượt xa người đi trước, thật hết sức phi thường.

Cứ theo như phước báo của việc làm ấy mà xét thì hiện nay nhất định ông đang thọ sinh nơi cung trời Lục dục, bay lượn tự tại giữa không trung, thọ hưởng an lạc vô cùng tận.

Một mình đảm nhận việc nghĩa

Vào đời nhà Minh, tại Hồ Châu thuộc tỉnh Triết Giang có người tên Từ Nhữ Huy, nhà giàu có, thích làm việc bố thí giúp người. Bấy giờ, có ngôi chùa ở Hàng Châu tổ chức giới đàn, phí tổn rất lớn, quan viên cả hai ty Bố chánh và Án sát cùng họp lại, kêu gọi các nhà hào phú ở địa phương phát tâm đóng góp.

Từ Nhữ Huy tự nguyện xin được một mình lo liệu tất cả. Vị Hiến trưởng là Dương Kế Tông gạn hỏi vì sao ông làm như vậy, Từ Nhữ Huy đáp: "Người ta dẫu có tích lũy được sản nghiệp, nếu có đứa con hư hỏng, ắt rồi tất cả cũng sẽ về tay người khác, sao bằng đem dùng vào việc tốt đẹp vượt trội này, đời sau sẽ mãi mãi được thọ hưởng phước báo? Huống chi tiền tài là đầu mối tụ tập oán thù, con tôi không có tiền tài thì không phải nhận lãnh oán thù, hẳn sẽ được người thương yêu."

Nhữ Huy hiến cúng một ngàn nén bạc. Quan chức hai ty Bố chánh và Án sát đều ngợi khen sự sáng suốt hào phóng của ông, đặc biệt thiết đặt chỗ ngồi danh dự nơi hậu đường mời ông đến, tất cả quan thuộc đồng liêu cùng tụ họp chiêu đãi, lại kính tặng ông một bức trướng lụa và đưa tiễn về đến tận nhà. Ai nghe đến việc này cũng đều kính phục, ngưỡng mộ.

Lời bàn

Kinh Đại Bảo Tích dạy rằng: "Nếu ta không bỏ được tiền tài, tiền tài cũng sẽ bỏ ta. Nay ta nên xả bỏ tiền tài giả tạm, nên tạo tác tài bảo bền vững." Từ Nhữ Huy làm như thế chính là đã tạo tác tài bảo bền vững.

Bố thí không mệt mỏi

Vào cuối đời nhà Minh, vùng Triết Giang có người họ Sử thích làm việc

thiện, thường bố thí giúp người, lại rất hoan hỷ tổ chức trai tăng cúng dường. Bấy giờ có vị tăng hiệu là Đại Thành, thường xuống núi hóa duyên rồi mang về chùa cúng dường chúng tăng. Đường về chùa đi ngang qua nhà họ Sử, hôm nào thấy hòa thượng quay về cơm không đầy bát, Sử quân lập tức vào nhà lấy cơm thêm vào cho đầy. Cứ như vậy trải qua nhiều năm, chưa bao giờ sinh lòng chán nản mỏi mệt.

Ngày kia, người vợ của Sử quân sắp đến ngày sinh nở, bỗng thấy hòa thượng Đại Thành đến nhà, xăm xăm đi thẳng vào phòng phu nhân. Mọi người nhìn thấy đều lấy làm kinh dị, vội đuổi theo vào thì không tìm thấy gì cả. Sau đó, phu nhân hạ sinh một bé trai. Sử quân cấp tốc sai người lên chùa dò hỏi về hòa thượng Đại Thành, mới hay trong cùng ngày hôm đó ngài đã viên tịch. Sử quân nhân đó liền đặt tên cho con trai là Sử Đại Thành. Đứa bé hết sức thông minh, từ lúc ở trong thai đã khiến người mẹ chỉ ăn toàn thức ăn chay lạt. Khi trưởng thành, văn chương ngày càng trác tuyệt phi thường. Đến khoảng niên hiệu Thuận Trị thì thi đỗ Trạng nguyên.

Lời bàn

Chỉ biết làm việc thiện mà không tin Phật pháp, cách tu phước như vậy, bậc thức giả xem là đầu mối oan nghiệp của đời thứ ba. Vì sao vậy? Vì nhân việc làm thiện đó, trong hai đời được hưởng phước báo ắt không tránh khỏi tạo ra nhiều tội nghiệt, đến đời thứ ba hẳn phải nhận lãnh nghiệp báo khổ đau. Sử quân vốn là người trong Phật pháp, nên tuy được hưởng phú quý vinh hoa vẫn không vì thế mà đắm say mê muội.

Chính trực thay trời hành đạo, dạy người

Giảng rộng

Nói “chính” tức là không có gì tà vạy, sai trái; nói “trực” tức không có gì yểm khúc, quanh co tránh né. Cho nên, chính trực là chuẩn tắc của đạo trời. Người tầm thường mà có thể hành xử chính trực, đó chính là thuận

theo lòng trời mà dạy dỗ người khác, đâu cần phải là kẻ ngồi ở ngôi cao soi xuống muôn dân? Nếu muốn thay trời hành đạo, không cần phải là kẻ nắm quyền cai trị hoặc có nhiều thế lực, vì dẫu muốn cũng không thể có được. Thay trời hành đạo dạy người, chính là thuận theo trời đất mà cải hóa vạn vật, cùng dự vào với trời đất mà thành một trong ba thành tố của vũ trụ: thiên, địa, nhân. Muốn vậy thì trước hết phải chú tâm nỗ lực ở một chữ "hành". Trong chữ "hành" đó, tất nhiên đã bao hàm hết thảy những việc kinh doanh, trù tính, kế hoạch, tùy thời mà biết sắp xếp, ứng dụng cho thích hợp. Bình tâm xét kỹ ý nghĩa của câu tiếp theo bên dưới: "mở rộng lòng từ, vì nước cứu dân", thì đó cũng chính thật là thay trời hành đạo dạy người, nhưng lại có vẻ như chỉ muốn nói riêng với hàng quan gia khanh tướng đang giữ chức quyền.
Những người khi sống thông minh chính trực, sau khi chết ắt sẽ là bậc thần linh, lý lẽ ấy đối với thế gian là chắc chắn. Lại nói theo thế tục thì đó gọi là siêu thăng, nhưng dùng sự thấu hiểu sáng suốt mà quán xét thì đó chính là đọa lạc. Ấy là vì người thế tục chỉ biết đời thứ hai mà không biết được đến đời thứ ba sau đó. Một khi đã là thần linh, tất phải thọ hưởng những phẩm vật cúng tế, mà phần nhiều là do người đời sát sinh hại vật mà dâng cúng. Đã thọ hưởng những thứ ấy, ắt đời sau không tránh khỏi đọa vào các cảnh giới địa ngục, súc sinh, chỉ là việc đến ngay trong khoảng chớp mắt mà thôi. Cho nên, trong lúc thay trời hành đạo dạy người, phải luôn cảnh giác với mối nguy hiểm tiềm tàng là tái sinh vào cảnh giới thần linh, phải gấp rút cầu sinh Tịnh độ, xác lập rõ ràng định hướng cho đời mình. Phải thường xuyên phát khởi thệ nguyện rộng sâu, dựa vào đó mà làm kiên cố thêm nền tảng tâm đạo Bồ-đề, có như vậy thì mới tránh được mối nguy đọa lạc vào cảnh giới xấu ác.
Ngày ngày đều mong cho người khác làm được nhiều việc thiện, tích âm

đức, đó là thuận lòng trời. Một lòng lo lắng, chỉ sợ người khác rơi vào lầm lạc, tạo tác những nghiệp xấu ác, đó cũng là thuận theo lòng trời. Người ngu mê chỉ nhìn thấy khoảng không gian xanh thẳm trên cao kia mà cho đó là trời, đâu biết thật có những vị trời như ở các cõi Tứ vương thiên, Đao-lợi thiên, mỗi ngày đều quan sát theo dõi những việc làm thiện, ác của người thế gian. Việc thay trời hành đạo dạy người như thế, đâu dễ có lúc chấm dứt được sao?

Trưng dẫn sự tích

Soát xét việc thiện ác

Các vị Đế thích, Thiên vương cùng nhau lên Thiện pháp đường, có chư thiên cùng theo hầu chung quanh cung kính. Vào Thiện pháp đường rồi, Đế thích lên ngồi trên tòa sư tử, hai bên tả hữu mỗi bên có 16 vị thiên vương cùng an tọa, ngoài ra tất cả chư thiên cũng đều phân theo ngôi thứ mà ngồi xuống. Có 2 vị thái tử, một vị tên là Chiên-đàn, một vị tên là Tu-tỳ-la, chính là 2 vị Đại tướng quân của cung trời Đao-lợi, chia nhau ngồi hai bên tả hữu của 32 vị thiên vương. Bốn vị thiên vương chia nhau ngồi nơi bốn cửa.

Bấy giờ, bốn vị thiên vương mang những việc thiện ác của người thế gian mà tấu trình lên Đế thích. Nếu nghe biết thế gian có nhiều người thọ trì Ngũ giới, Bát giới, hoặc đối đãi cung kính với cha mẹ, với các vị sa môn, các bậc sư trưởng, thực hành bố thí, tu phước, Đế thích liền hết sức hoan hỷ, biết rằng như vậy tương lai sẽ có nhiều người sinh về các cõi trời, mà ít người sinh vào cảnh giới a-tu-la. Nếu không được như vậy, Đế thích liền buồn rầu không vui. Vì thế, mỗi tháng vào những ngày lục trai, thập trai đều sai khiến các vị phi thiên thần tướng thường xuyên tuần du trong chốn nhân gian, xem xét theo dõi các việc thiện ác của người đời.

Lời bàn

Người thế gian cho rằng Ngọc Đế có khi giáng trần, điều đó không đúng. Dưới mắt nhìn của chư thiên thì cõi thế gian này thật vô cùng ô uế, dẫu cách xa hàng trăm do-tuần cũng bốc mùi hôi thối đối với chư thiên, thật khó đến gần. Những vị tuần sát việc thiện ác chốn nhân gian chỉ riêng là những bậc quỷ thần nhiều phúc đức mà thôi. Tuy nhiên, việc thưởng điều lành, phạt điều ác luôn chính xác, không một mảy may sai lầm. Đến như những cõi trời Dạ Ma, Đâu-suất trở lên nữa, chư thiên đều vô cùng tôn quý, chẳng hề lưu tâm đến những việc của thế tục.

Mở rộng lòng từ, vì nước cứu dân

Giảng rộng

Dân là gốc của đất nước. Gốc có vững thì nước mới yên, cho nên muốn cứu giúp nhân dân phải có lòng yêu nước; vì yêu nước nên phải tận trung với minh quân. Câu văn trước là nêu tổng quát để giáo huấn người đời, đến câu này là muốn răn nhắc riêng những kẻ đang nắm trong tay quyền chính.

Người đời đều tôn kính gọi quan phủ là lão gia, điều đó có ý nghĩa gì? Ấy là muốn dùng cách xưng hô để nhắc nhở thức tỉnh kẻ làm quan, phải đối đãi với dân như bậc cha mẹ đối với con cái.

Cha mẹ đối với con cái có bệnh thì lo âu. Sưu dịch thuế má nặng nề, ấy là bệnh của dân. Trộm cướp côn đồ ngày càng lộng hành, ấy là bệnh của dân. Mưa nắng trái thời, mùa màng thất bát, ấy là bệnh của dân. Kẻ giàu có bất lương thẳng tay bóc lột, bọn quan chức gian xảo lạm quyền hại dân, ấy là bệnh của dân.

Khi dân phải gánh chịu một bệnh, kẻ làm quan phải có ngay một phương pháp cứu giúp, chữa bệnh. Phải hết lòng tận lực lo lắng, tìm mọi phương cách chữa dứt bệnh cho dân, có như vậy thì trên mới không phụ lòng người đứng đầu đất nước, dưới không phụ lòng muôn dân, mà tự bản thân

mình cũng chẳng luống công học hành trau giồi tri thức. Được như thế thì "mở rộng lòng từ" đâu có gì là khó?

Trưng dẫn sự tích

Tìm cách cứu dân

Đời vua Tuyên Tông triều Minh, quan tuần phủ Nam Trực là Chu Thầm (sau thụy hiệu Văn Tương) yêu dân như con, quản lý việc chi tiêu công thật chặt chẽ minh bạch không ai bằng. Lúc vừa mới đến nhậm chức liền soát xét những chỗ khó khăn khổ sở của dân tình, hết sức quan tâm lo lắng về việc thuế má ở 2 vùng Tô Châu và Tùng Giang quá nặng. Đến một năm được mùa, thu hoạch của dân chúng rất nhiều, ông liền xuất công quỹ mua lúa vào, tích trữ trong kho để phòng khi cần dùng cho việc cứu tế. Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ 8, vào mùa đông dâng biểu xin chế định phương thức lập kho lúa cứu tế cho nông dân. Hoàng đế có lệnh chuẩn y, ông liền cùng với các vị thái thú Tô Châu là Huống Chung, tri phủ Tùng Giang là Triệu Dự, tri phủ Thường Châu là Mạc Ngu, cùng nhau bàn tính, nỗ lực thực hiện. Vùng Tô Châu thu mua vào được 300.000 thạch lúa, cùng với Tùng Giang, Thường Châu cũng thu vào rất nhiều, đều chia ra tích trữ trong kho lương thực.

Năm sau đó vùng Giang Nam bị hạn hán, số dân đói thiếu ở Tô Châu và Tùng Giang lên đến hơn 3 triệu người, lúa cứu tế đã phân phát hết ra mà không đủ. Nhân đó, Chu Thầm lại nỗ lực suy nghĩ tìm cách làm sao để tích trữ dự phòng được nhiều lương thực hơn nữa. Xét lại trước đó, các phủ khi thu lương thực vào mùa lúa chín đều giao cho bọn lý trưởng ở các hương thôn, đa phần họ chỉ thu lương thực từ dân thường, không thu của những người có chức sắc trong làng. Do đó dân phải nộp nhiều hơn, khiến cho mỗi năm đều có rất nhiều người dân không đủ khả năng nộp thuế phải bỏ trốn đi sinh sống nơi khác.

Chu Thầm liền thay đổi phương thức, ngay tại các phủ khắp nơi đều thiết lập những điểm thu lương thực, chọn người phụ trách từ việc thu vào cho đến vận chuyển về kho. Nông dân trực tiếp mang lúa thóc đến giao nộp tại các điểm thu, không còn thông qua bọn lý trưởng các hương thôn, nhờ đó giảm hẳn chi phí đến một phần ba so với trước kia.
Ngoài ra, xem lại quy định trước đây thì hằng năm cả 3 phủ đều phải vận chuyển 1.000.000 thạch lương thực về kho ở Nam Kinh, sau đó dùng vào việc chi phí cũng như lương bổng hàng tháng cho quân binh quan chức tại Bắc Kinh. Như vậy, chi phí cho việc vận chuyển lương thực qua lại tính ra mỗi thạch lúa phải mất đến 6 đấu. Chu Thầm liền mời các ông Hứa Chung v.v... đến cùng họp bàn, nói rằng: “Quan chức tại Bắc Kinh nhận lương bổng sở phí đến từ Nam Kinh, tại sao không thể để ở đây mà tự cung cấp? Nếu để lương thực tại đây mà dùng vào việc cung cấp thì khỏi nhọc sức dân, lại còn giảm được chi phí đến 600.000 thạch lúa, có thể đưa nhập vào kho lúa cứu tế cho nông dân, giúp dân thoát được hoạn nạn.” Các ông Hứa Chung v.v... đều khen là ý kiến hay. Chu Thầm lập tức dâng biểu lên triều đình xin chuẩn y thực hiện như vậy.
Riêng tại phủ Tô Châu, trước đó đã thu được 400.000 thạch lúa, cộng thêm số lúa mua vào lúc dân được mùa, lên đến hơn 600.000 thạch. Chu Thầm lệnh rằng: “Lúa ấy không chỉ dùng riêng cho việc cứu tế nông dân. Trong việc thu và vận chuyển lương thực, nếu có xảy ra thất thoát, thiếu sót thì có thể tạm mượn từ kho ấy mà điều tiết vào để giao nộp cho đủ số, đến mùa lúa chín lại y số đó mà trả lại vào kho công. Trong những trường hợp nông dân phải tu sửa đê điều, khai thông kinh rạch, dẫn nước tưới tiêu, thì có thể căn cứ vào số nhân khẩu của từng hộ mà cấp phát lương thực.” Triều đình phê chuẩn y theo tất cả những kiến nghị của Chu Thầm.
Năm sau, Giang Nam lại bị hạn hán lần nữa. Chu Thầm lệnh cho tất cả các

quận đồng loạt mở kho lúa cứu tế cấp phát cho dân. Nhờ đó, tuy đồng ruộng không thu được lúa mà nông dân không phải chịu cảnh đói thiếu, trước sau cứu sống đến hơn triệu mạng người.

Vào năm đầu niên hiệu Chính Thống, Chu Thầm đặc biệt thẩm tra kiểm định việc quản lý ruộng đất cũng như tiêu chuẩn thu giao lương thực vùng Nam Kinh. Riêng một phủ Tô Châu, phát hiện việc thu lương thực vào kho trong mùa lúa chín đã giảm đến hơn 800.000 thạch so với quy định. Các địa phương khác cũng đều có sai biệt thất thoát.

Vùng Tô Châu, Tùng Giang trong khoảng 300 năm trở lại đây, số quan chức có thể ban ân trạch đến cho muôn dân chỉ đếm được trên đầu ngón tay, trong đó phải thừa nhận Chu Thầm là bậc nhất. Dù vậy, Chu Thầm không tự hài lòng với những gì đã làm được, thường đối xử hòa nhã, gần gũi với mọi người. Bản tính ông ưa thích việc bố thí giúp người, mỗi khi chư vị tăng ni các nơi có việc tu sửa, kiến tạo chùa chiền, tự viện hay tô đắp tượng Phật, đều tìm đến ông quyên góp. Ông chưa một lần từ nan, thậm chí có nhiều khi quyên góp nhiều hơn cả số mà người ta mong đợi. Dù vậy, tiền tài chi dụng của ông vẫn thường luôn được sung túc. Người Giang Nam trong hơn 20 năm xem ông như vị cứu tinh, giúp đỡ muôn dân. Người dân được sống trong địa phương do ông cai quản thật may mắn biết bao!

Đế Quân ban sắc thư

Vùng Giang Tô, ở huyện Thái Thương có Hoàng Kiến An, tên húy là Lập Đức. Ông nhìn thấy nhân dân hai địa phương là Tô Châu và Tùng Giang phải khốn khổ rất nhiều vì sưu thuế quá nặng nên ngày ngày buồn khổ, lo nghĩ không yên. Mỗi buổi sáng ông đều thức dậy sớm lễ Phật, sau đó hướng lên trời cao mà cầu khấn, nguyện cho nhân dân hai quận này sớm thoát nạn sưu cao thuế nặng. Ông cũng đem nguyện vọng viết đầy đủ

thành văn bản gửi lên quan nha đương thời, không một phương cách nào còn có thể mà không cố sức làm. Mọi người thấy ông như vậy đều cười nhạo.
Vào mùa thu năm Canh Dần, Hoàng Kiến An ngã bệnh. Sang mùa đông, bệnh tình càng thêm nghiêm trọng. Đến ngày cuối tháng 11 thì Kiến An đã bỏ ăn bỏ uống trong nhiều ngày rồi. Đêm đó, vào khoảng canh năm, Kiến An hốt nhiên mộng thấy Đế Quân truyền ông đến dưới điện mà dạy rằng: “Số mạng của ông lẽ ra đã dứt rồi, nhưng nhờ ông một lòng cầu mong việc giảm sưu thuế cho dân, nên nay tuổi thọ được kéo dài thêm.” Nói rồi truyền cho một đạo sắc thư, Kiến An đọc lại ba lần thì nhớ hết.
Kiến An khi ấy bỗng giật mình tỉnh giấc, mở mắt nhìn thấy thân đang nằm trên giường bệnh nhưng tinh thần tự nhiên sảng khoái mạnh mẽ, cơn bệnh vừa qua bỗng như đã hoàn toàn tiêu tan hết. Kiến An lập tức vùng dậy rửa tay rửa mặt, thắp đèn lên, lấy nghiên mực ra mài rồi cầm bút viết. Lúc ấy, người em gái Kiến An là Hoàng Tiết Mẫu vừa qua đời, người trong nhà đều theo đưa đám tang, chỉ còn duy nhất một bà cụ già giúp việc ở lại giữ nhà. Bà cụ nhìn thấy ông chủ nhà từ cả tháng qua nằm liệt trên giường bệnh, giờ bỗng nhiên ngồi ngay ngắn trước bàn, thắp đèn cầm bút viết, không khỏi một phen kinh ngạc đến sửng người.
Sáng hôm sau, có người em họ của Kiến An là Quách Nhĩ Tiên cùng đi với Khổng Nhĩ Trung đến thăm bệnh, nhìn thấy Kiến An hốt nhiên khỏe mạnh thì hết sức kinh hãi. Sau đó, Kiến An lại ngồi kiệu đến nhà cô em gái để dự đám tang, cùng ngồi vào bàn thù tạc với quan khách, bằng hữu. Trên đường đi phải trải qua nhiều nơi vất vả nhưng ông không một chút gì tỏ ra mệt mỏi, mà việc ăn uống cũng hoàn toàn bình thường như trước đây. Những người biết chuyện, ai nấy đều cho là một chuyện tốt đẹp lạ lùng đáng nói.

Đến năm 77 tuổi, Hoàng Kiến An dứt bỏ hết mọi việc thế tục, chuyên tâm ăn chay niệm Phật, học hỏi kinh điển trong nhiều năm nữa. Về sau không bệnh, an nhiên qua đời.

Lời bàn

Đọc qua bản cáo sắc của Đế Quân, đại ý dạy rằng: “Xét trường hợp của Hoàng Lập Đức, bất quá chỉ là một kẻ thứ dân đơn độc, lại đang lúc tuổi già bóng xế, nhưng phát tâm muốn giải cứu mối nguy khốn đã tích lũy từ 300 năm qua, thề nguyện mong cầu sự lợi lạc cho hàng vạn hộ dân cùng khổ, khác nào như đem sức con phù du muốn lay động núi cao, như chim tinh vệ muốn lấp đầy biển lớn? Tuy nhiên, muốn đắp thành gò cao muôn trượng cũng phải dựa vào từng sọt đất nhỏ, kiên trì quyết sẽ thành công. Đạo lớn của trời đất quan trọng ở sự chí thành không gián đoạn, ắt làm nên công hạnh của bậc thánh hiền, chỉ tiến lên mà không thối chí. Phải nên gắng sức kiên trì, đừng để thối thất chỗ phát tâm ban đầu.”

Xét kỹ thì hiểu rằng, việc sưu thuế nặng nề có thể giảm được hay không cũng là do sức người tác động, nhưng giống như việc leo núi, muốn thành tựu thì mỗi người đều phải tự nỗ lực, chẳng ai có thể thay cho người khác được

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (12)

Đối xử với người phải giữ lòng trung

Giảng rộng

Chữ "trung" đó là do nơi trong lòng người, không thể xem dáng vẻ cung kính bên ngoài mà biết được. Cho nên giúp người hạn chế tai ương, ngăn ngừa hoạn nạn, đó là trung. Giúp người phô bày điều thiện, ngăn cấm sự tà vạy sai trái, đó cũng là trung. Vì người bôn ba xuôi ngược, đó là trung. Đem hết sức mình phụng sự người lãnh đạo đất nước, đó cũng là trung. Bằng như kẻ giúp việc điều hành đất nước mà chỉ biết trên nói sao dưới nghe theo vậy, bất kể đúng sai đều phụ họa, dua nịnh; nhân dân có điều khổ sở oán thán thì ém nhẹm không trình báo lên; chính sách có điều tốt đẹp, lợi lạc cho nhân dân cũng tránh né không mang ra thi hành; chỉ biết quan tâm riêng việc thôi thúc giao nộp thuế má, gọi đó là chấp hành pháp luật; lấy sự khắt khe soi mói người dân để gọi là công minh sáng suốt; đó chính là trường hợp mà Mạnh Tử từng hết lời phản bác đối với những kẻ luôn ngụy biện rằng "vua của ta không thể làm được như thế". Như vậy sao có thể gọi là trung?

Đối tượng của "lòng trung" không hẳn chỉ là riêng với người lãnh đạo đất nước. Như quan hệ cấp dưới đối với cấp trên, người giúp việc đối với chủ thuê, cho đến mọi quan hệ ứng xử giữa người với người, đều phải giữ lòng trung. Dưới đây lược cử 2 trường hợp để nêu lên ý nghĩa của lòng trung.

Trưng dẫn sự tích

Tận tụy báo ơn chủ

Vào đời nhà Minh, huyện Thuần An thuộc tỉnh Triết Giang có nhà họ Từ, anh em trong nhà cùng phân chia tài sản. Người anh cả được một con ngựa, anh kế được một con trâu. Người em út đã mất để lại vợ góa, chỉ được hai anh chia cho một người nô bộc tên A Ký.

A Ký khi ấy đã hơn 50 tuổi. Người vợ góa liền khóc mà nói rằng: “Ngựa có thể dùng để cưỡi, trâu có thể dùng để cày ruộng, phần tôi nhận lão bộc này chỉ tốn cơm nuôi thôi.”

A Ký liền hỏi lại: “Bà chủ nói như thế là cho rằng tôi đây không được bằng như trâu, như ngựa chăng?” Từ đó liền thay bà chủ nghĩ cách làm ăn sinh sống. Người vợ góa mang hết những đồ trang sức của mình bán đi, được cả thảy 12 lượng bạc. A Ký mang số bạc ấy đi lên vùng núi mua nhựa cây sơn về bán lại, chỉ trong một năm số vốn ấy đã tăng gấp 3 lần. Lại buôn bán trong 20 năm nữa, tích lũy gia sản cho người vợ góa lên đến hàng vạn lượng bạc. A Ký thay bà chủ gả chồng cho 3 người con gái, lại mời thầy giỏi về dạy học cho 2 người con trai, về sau đều kết thông gia với các gia đình có danh vọng, sính lễ lên đến hàng ngàn lượng bạc, lại dựa theo thông lệ xin được cho vào Thái học.

A Ký mỗi khi gặp người trong họ Từ, dù nhỏ tuổi cũng kính trọng chắp tay thi lễ. Suốt đời luôn giữ cung cách nghiêm trang, không bao giờ liếc nhìn bà chủ. Đối với những cô con gái của chủ, cho dù nhỏ tuổi nhưng ông vẫn giữ lễ không bao giờ đứng chung ngang hàng. Đến khi lâm bệnh nặng biết mình không qua khỏi, ông mang hết sổ sách quản lý giao lại cho bà chủ, nói rằng: “Hai vị tiểu chủ giờ đã có thể thay thế cai quản gia nghiệp, lão già này đem hết sức trâu ngựa báo đền ơn chủ, đến nay xem như đã xong.”

A Ký qua đời, xem lại nơi ông sống tuyệt nhiên không một chút tiền bạc

của cải gì của nhà chủ. Vợ ông với một người con trai cũng chỉ vừa đủ y phục che thân mà thôi.

Lời bàn

Giữ được tấm lòng như A Ký, làm tròn bổn phận như A Ký, vì chủ nhân mà mưu tính việc làm ăn sinh sống như A Ký, cho dẫu là bậc đại hiền cũng không thể làm hơn thế. Người như vậy mà rốt lại chỉ là một kẻ dân thường nơi xóm thôn vắng vẻ, quả thật đáng kinh ngạc lắm thay!

Chủ nhân vẽ tượng lễ bái

Đời nhà Thanh, vào niên hiệu Thuận Trị năm thứ nhất, vùng An Huy, huyện Thanh Dương, nhà Ngô Lục Phòng có người giúp việc tên là Ngô Mao, thường giữ Năm giới, làm nhiều việc thiện, niệm Phật không gián đoạn. Gặp lúc Tả Lương Ngọc đưa quân vượt Trường giang, cả nhà Ngô Lục Phòng đều phải đi lánh nạn, chỉ để lại một mình Ngô Mao thay chủ giữ nhà, rốt lại bị quân giặc bắt gặp đâm vào người 7 nhát mà chết. Vừa khi ấy có người em của Ngô Mao đến, Ngô Mao chợt tỉnh lại nói với em: "Anh đời trước tạo nhiều tội nghiệp, lẽ ra phải thọ sinh làm thân lợn trong 7 kiếp. Nay nhờ công đức trì giới niệm Phật nên chịu 7 nhát dao đâm mà giải trừ hết sạch oan nghiệp đời trước. Từ nay anh được vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc."

Về sau, người chủ là Ngô Lục Phòng có lần hốt nhiên nhìn thấy Ngô Mao trên đường thẳng đến, phía trước phía sau đều có cờ xí trang nghiêm che rợp. Ngô Mao đến trước Ngô Lục Phòng thi lễ rồi nói rằng: "Tôi là Ngô Mao, nhân có việc phải đến cõi trời, tình cờ ngang qua đây." Nói xong thì biến mất.

Ngô Lục Phòng liền cho người vẽ lại hình tượng Ngô Mao, mỗi ngày đều cung kính lễ bái.

Lời bàn

Chịu 7 nhát dao đâm thay đổi được 7 kiếp làm thân lợn, đó gọi là nghiệp báo nặng mà thọ báo nhẹ, dứt được tội đời trước. Nhờ công đức niệm Phật mà được vãng sinh, đó gọi là chuyển đổi thân phàm phu nhập vào dòng thánh, do nền tảng tu tập chân chánh mà được hưởng quả siêu việt.

Với cha mẹ ông bà phải hiếu thảo

Giảng rộng

Chỉ một chữ "hiếu thảo" đó, thật khó nói cho hết ý nghĩa! Kinh Thi có câu rằng: "Muốn báo đáp hết ân đức của cha mẹ, nhưng ân đức ấy thật mênh mông rộng lớn như trời cao không cùng tận." Quả thật, con cái báo đáp công ơn cha mẹ, bất luận như thế nào, liệu có thể vượt quá trời cao được chăng? Sách vở từ xưa nay khuyên dạy, khuyến khích sự hiếu thảo thì hiện có rất nhiều, nay chỉ đơn cử những trường hợp ít thấy, hiếm nghe nói đến mà thôi.

Người ta nếu không biết có đời sau, không tin nhân quả, thật cũng giống như người mù không thể nhìn thấy, người điếc không thể nghe được âm thanh. Người như vậy quả thật là hạng thứ dân cùng khổ mà không thể kêu cầu với ai được cả. Vì sao vậy? Tự mình không biết có đời sau, tất nhiên cũng không biết cha mẹ mình còn có đời sau, nên dù có hết lòng thương yêu báo đáp song thân, chẳng qua cũng chỉ là trong một thời gian tạm thời, ngắn ngủi mà thôi. Tự mình không tin nhân quả, đương nhiên cũng không biết rằng cha mẹ sau này còn có nhân quả, nên dù có muốn vì cha mẹ mà dứt trừ khổ não, chẳng qua cũng chỉ làm được đôi điều nhỏ nhặt, giới hạn mà thôi.

Có lần tôi nhìn thấy gà mẹ che chở cho đàn con mà thường lấy đó làm bài học nhắc nhở, tự cảnh tỉnh mình. Khi gà mẹ giương cánh che

chở bảo vệ đàn con, quả thật tình cảm mẹ con lúc ấy sâu đậm lắm. Thế mà trải qua một thời gian rồi thì lần lượt bị người giết hại, khiến cho mẹ con chẳng còn có dịp gặp lại nhau.
Chúng ta làm người thật ra cũng không khác mấy. Cha con, vợ chồng đang lúc cùng nhau sum họp, quả thật rất khó lòng chia cắt, lìa xa nhau. Nhưng một khi đến lúc sinh tử phân ly, thân mang bệnh khổ đớn đau, thì dù là người thân thiết nhất cũng không thể thay mình chịu đựng; cho đến bao nhiêu nghiệp ác đã tạo, cũng không ai có thể thay mình gánh chịu. Thậm chí đến lúc xả bỏ thân này đi vào cảnh giới trung ấm, đối mặt với ngàn vạn điều thống khổ, thì nơi chốn dương gian có thể là những người thân của ta trong gia đình lại đang cùng nhau mừng vui yến ẩm. Chăn mền còn đó, dẫu có muốn sớm chiều tận tâm chăm sóc cũng không còn được nữa; món ngon vật lạ không biết dâng ai, dù học theo Vương Tường “nằm băng bắt cá” nào có ích gì? Người xưa nói rằng: “Người con hiếu không thể chịu được việc cha mẹ chết mất.” Như thế chính là cha mẹ của ta thật ra chưa từng chết mất. Nói như thế lẽ đâu lại chỉ là chuyện hư dối sao?
Đức Phật dạy rằng: “Công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, người thế gian không thể báo đáp hết được. Ví như có người đặt cha lên vai trái, đặt mẹ lên vai phải, rồi đi như thế trong trăm năm, lại dâng lên cha mẹ đủ mọi nhu cầu, cũng không báo đáp hết được công ơn cha mẹ.” Như vậy, nếu chỉ theo những phương cách của thế tục thì dù có nỗ lực đến đâu cũng không thể báo đáp được hết công ơn cha mẹ! Do đây mà suy xét, có thể biết chắc rằng trong đạo Phật nhất định phải có phương cách hoàn hảo để giúp người báo đáp công ơn cha mẹ.
Trưng dẫn sự tích

Năm người mẹ bi thương

Xưa có chú sa-di, năm 7 tuổi đã xin mẹ rời nhà xuất gia học đạo. Chuyên cần tu tập, đến năm 8 tuổi đã chứng được đạo quả, thấy biết việc đời trước. Nhân khi nhìn thấy việc đời trước liền than rằng: "Chỉ một thân này của ta mà làm khổ lụy đến 5 người mẹ! Trong đời thứ nhất, khi ta ra đời thì bên nhà hàng xóm cũng có người sinh con. Ta lại chết sớm, mẹ ta nhìn thấy con của người hàng xóm trưởng thành mà đau buồn khổ sở. Qua đời thứ hai ta sinh ra chưa được bao lâu thì chết, mẹ ta mỗi khi nhìn thấy người khác cho con bú thì lại nhớ đến ta, đau buồn khôn xiết. Sang đời thứ ba, ta được 10 tuổi thì chết. Mẹ ta mỗi khi thấy những đứa trẻ cùng tuổi ăn uống thì lại nhớ đến ta, đau khổ vô cùng. Sang đời thứ tư, ta chưa đến tuổi lấy vợ thì đã chết. Mẹ ta mỗi khi nhìn thấy những người bằng tuổi ta cưới vợ thì lại nhớ ta mà sinh tâm đau buồn. Nay là đời thứ năm, ta vừa được 7 tuổi đã xin xuất gia học đạo, mẹ ta ở nhà nhớ mong, lại cũng sinh tâm đau buồn. Cả năm người mẹ đều giống nhau ở một điểm là đau buồn sầu khổ vì mong nhớ 'con của tôi', đều nói rằng mình bị mất con mà sinh tâm bi thương buồn khổ không thôi. Ta quán xét cõi luân hồi sinh tử thật mê lầm như thế, phải chuyên cần tinh tấn tu tập Chánh đạo để thoát ra."

Lời bàn

Tinh lực khí huyết một đời của cha mẹ, quá nửa đều là vì con cái mà hao tổn. Nhưng nếu xét theo những nỗi khổ như chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm, cho đến bên ướt mẹ nằm chỗ ráo con lăn, thì sự khó nhọc chịu đựng của người mẹ lại có phần nhiều hơn. Tự xét lại hình hài này quả thật đáng trách, mang đến hệ lụy khó nhọc cho cha mẹ quá nhiều, mà báo đáp lo lắng cho cha mẹ lại quá ít.

Chúng ta từ vô số kiếp đến nay, nếu đong lường lượng sữa mẹ đã dùng ắt là nhiều hơn nước trong biển cả; cho đến đại tiểu tiện làm nhơ nhớp trên thân cha mẹ, thật cũng nhiều hơn nước trong biển cả; thậm chí những khi sinh ra rồi chết sớm khiến cho cha mẹ phải buồn đau than khóc, nước mắt ấy cũng lại nhiều hơn nước trong biển cả. Hết thảy những việc ấy, thảy đều do nơi sinh tử luân hồi, khiến chúng ta luân chuyển đầu thai qua nhiều kiếp sống. Ví như đời này sang đời khác đều có thể hết lòng hiếu thảo, đều có thể khiến cho cha mẹ vui lòng, cũng chẳng bằng là không làm khổ lụy đến cha mẹ. Khổng tử nói rằng: "Phân xử việc tranh tụng của người đạt đến sự công minh, cũng không bằng khiến cho người không khởi việc tranh tụng." Chẳng phải cũng là cùng một ý nghĩa như vậy đó sao?

Cả nước đều biết hiếu dưỡng

Cách đây vô số kiếp về trước, có một vương quốc nhiều điều tệ ác tên là Khí Lão. Theo luật của vua nước ấy, người ta đến tuổi già nua đều bị xua đuổi đi xa, không được sống trong nước nữa. Có một vị đại thần cực kỳ hiếu thảo, người cha đến tuổi già không nỡ đuổi đi, liền làm một gian mật thất để giấu cha nơi đó, hết lòng cung phụng nuôi dưỡng.

Ngày kia, có một vị thiên thần mang đến 2 con rắn, hỏi quốc vương nước ấy rằng: "Nếu ông phân biệt được giữa 2 con rắn này, con nào là rắn đực, con nào là rắn cái thì ta sẽ bảo vệ cho đất nước này được an ổn. Bằng không, ta sẽ hủy diệt cả nước."

Nhà vua hết sức lo lắng, hỏi khắp trong triều không ai biết được câu trả lời. Vị đại thần kia liền mang câu hỏi ấy đến mật thất hỏi cha. Người cha bảo: "Hãy thả hai con rắn ấy lên trên một tấm thảm thật mềm mại rồi quan sát. Con nào co duỗi nhanh gấp, đó là rắn đực; con

nào chịu nằm yên, chỉ cử động chậm chạp là rắn cái." Đại thần liền y theo lời ấy trả lời với thiên thần.

Thiên thần lại hỏi: "Người nào trong lúc mê mà gọi là tỉnh, trong lúc tỉnh mà gọi là mê?" Vị đại thần lại về hỏi cha, người cha nói: "Đó là vị tỳ-kheo đang tu tập. So với kẻ phàm phu, vị ấy là người tỉnh; so với vị A-la-hán, tỳ-kheo ấy là người còn mê." Liền đáp với thiên thần như vậy.

Thiên thần lại chỉ vào con voi của quốc vương, hỏi voi ấy nặng bao nhiêu cân. Cả triều đình đều mù mịt không nói được. Đại thần lại đến hỏi cha, người cha dạy: "Cho voi ấy lên thuyền rồi đánh dấu mức nước bên mạn thuyền. Sau đó cho đá lên cùng thuyền ấy cho đến khi thuyền chìm xuống đến đúng mức đã đánh dấu. Cân số đá ấy thì biết voi nặng bao nhiêu cân." Liền dùng cách ấy đáp với thiên thần.

Thiên thần lại hỏi: "Làm thế nào để một chén nước có thể nhiều hơn nước trong biển cả?" Đại thần lại hỏi cha, người cha đáp: "Nếu có thể khởi tâm chí thành đem một chén nước ấy cúng dường lên đức Phật, hoặc chư tăng, hoặc cha mẹ, hoặc người đang bị bệnh khổ nguy khốn, ắt sẽ được thọ hưởng phước báo không cùng tận. Biển cả tuy nhiều nước, bất quá cũng chỉ tồn tại trong một kiếp, so ra không bằng phước ấy." Nhà vua y theo như vậy trả lời với thiên thần.

Thiên thần liền hóa thành một người ốm đói gầy còm chỉ còn da bọc lấy xương rồi hỏi: "Trong đời còn có người nào thê thảm hơn ta nữa chăng?" Mọi người lại không ai biết câu trả lời. Đại thần về hỏi cha, người cha dạy phải trả lời với thiên thần rằng: "Nếu có người tham lam bủn xỉn, ganh ghét đố kỵ với người khác, đời sau ắt sẽ đọa vào cảnh giới ngạ quỷ, trong trăm ngàn vạn năm không được nghe đến tên gọi các loại nước, huống hồ là được uống, mỗi khi cử động thì

các đốt xương đều sinh ra lửa nóng tự thiêu đốt. Người chịu cảnh đói khổ lửa thiêu như thế, tất nhiên còn thê thảm hơn ông gấp trăm ngàn vạn lần.”

Thiên thần lại hóa thành một người tay chân đều bị xiềng xích cùm khóa, trên cổ đeo gông nặng khóa chặt, trong thân hình bốc ra lửa nóng tự thiêu cháy toàn thân đỏ rực, đến hỏi quốc vương: “Thế gian này có người nào khổ sở đến mức như ta đây chăng?” Đại thần lại nghe theo lời cha mà trả lời rằng: “Nếu ai bất hiếu với cha mẹ, ngỗ nghịch làm hại bậc sư trưởng, khinh chê báng bổ Tam bảo, đời sau ắt phải đọa vào địa ngục, trong mỗi một ngày đêm chết đi sống lại đến vạn lần, cảnh ấy còn khổ sở hơn ông đến trăm ngàn vạn lần.”

Thiên thần lại hóa thành một người con gái đoan trang xinh đẹp không ai bằng, đến hỏi quốc vương: “Thế gian này có ai xinh đẹp hơn ta chăng?” Đại thần lại theo lời cha mà đáp rằng: “Nếu có người cung kính tin theo Tam bảo, hiếu thuận với cha mẹ, thường thực hành các pháp bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, trì giới, ắt sẽ được sinh lên cõi trời, thân hình đoan nghiêm thù thắng, vượt xa hơn cô trăm ngàn vạn lần. Nếu lấy hình thể của cô thế này mà so sánh với người ấy thì chẳng qua chỉ như con khỉ chột mắt mà thôi.”

Thiên thần lại đưa ra một cây gỗ chiên-đàn đã đẽo gọt bốn bề vuông vức bằng nhau rồi hỏi: “Phần nào là gốc, phần nào là ngọn?” Người cha của đại thần liền đưa ra câu trả lời rằng: “Chỉ cần thả cây xuống nước, phần chìm xuống thấp hơn là gốc, phần nổi cao hơn là ngọn.”

Thiên thần liền mang đến hai con ngựa cái hình dáng giống hệt như nhau, hỏi rằng: “Trong hai con ngựa này, con nào là ngựa mẹ, con nào là ngựa con?” Đại thần lại đến hỏi cha, người cha trả lời rằng: “Hãy mang cỏ đến cho ăn. Ngựa mẹ sẽ nhường cho con nó ăn trước.”

Cứ như vậy lại đưa ra rất nhiều câu hỏi, quan đại thần đều nhờ có sự hướng dẫn của người cha mà đối đáp thông suốt tất cả. Thiên thần hài lòng, hứa sẽ bảo vệ cho đất nước này. Nhà vua khi ấy rất vui mừng, liền hỏi vị đại thần: “Ông tự biết được những điều ấy chăng? Hay có ai dạy cho ông biết?”

Vị đại thần liền nói thật mọi điều. Vua lập tức cho đón người cha của vị đại thần đến để phụng dưỡng, tôn làm bậc thầy. Đại thần liền tâu lên rằng: “Bệ hạ nên truyền lệnh cho người khắp nước từ nay không được xua đuổi người già nữa. Những kẻ bất hiếu với cha mẹ nên xử tội nặng.”

Vua chuẩn y theo lời ấy. Từ đó điều luật xấu ác kia được xóa bỏ, người trong khắp nước ấy đều biết hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ.

Lời bàn

Đức Phật kể lại chuyện này rồi nói rằng: “Người cha của đại thần thuở ấy, nay chính là ta. Đại thần thuở ấy, nay là Xá-lợi-phất. Quốc vương thuở ấy, nay là vua A-xà-thế. Vị thiên thần thuở ấy, nay chính là A-nan.”

Hương lạ bay xa

Đời nhà Đường, quan thứ sử Từ Châu là Vương Thiên Thạch, tính tình nhân ái, từ hòa, hiếu thuận, nổi tiếng là người điềm tĩnh, thận trọng, lại tinh thông kinh điển Phật giáo. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ 6, người cha của ông qua đời, ông buồn thương đau đớn quá độ. Sau khi lập phần mộ, ông dựng một lều tranh nhỏ bên trái phần mộ, mỗi đêm đều ở đó tụng kinh Phật, hồi hướng phước báo cho cha. Người trong vùng ấy thường nghe có tiếng gõ khánh ngân vang, âm thanh cực kỳ trong trẻo êm tai, lại có hương thơm lạ lùng bay xa ra quanh đó rất nhiều dặm.

Lời bàn

Những người vừa mới qua đời, thần thức trong trạng thái trung ấm giống như hôn mê, phía trước không thấy ánh sáng, nhìn quanh không có ai là bạn bè thân thích. Trong khoảng thời gian 7 tuần thất, mỗi tuần thất là 7 ngày, cả thảy 49 ngày, luôn ở trong tâm trạng kinh khiếp sợ hãi, nỗi khổ ấy thật khôn lường, lúc nào cũng hướng đến những người thân nơi dương thế, cầu mong họ làm điều phước thiện hồi hướng cho mình để giảm bớt tội lỗi. Vì thế, con cháu hiếu thảo với ông bà cha mẹ, không chỉ lo cho thi hài được có nơi an táng chu đáo, mà còn phải lo sao cho thần thức người quá cố được có chỗ quay về nương dựa an ổn nữa. Ví như hạt đào hạt mận, có thể dùng để tiếp nối sinh sản không dứt chính là nhờ nơi cái nhân bên trong. Người đời nay chỉ biết lo việc chí thành phụng dưỡng cha mẹ lúc sinh tiền, an táng chu đáo lúc qua đời, nhưng không biết đến việc lo cho thần thức cha mẹ có chỗ quay về nương dựa an ổn, như vậy há chẳng phải là chỉ lo giữ gìn bảo vệ phần vỏ bên ngoài mà lại vất bỏ đi cái nhân bên trong rồi sao?

Xuất gia báo đáp ơn cha

Vào đời Đường, có người họ Tạ, cha làm nghề đánh cá, một hôm rơi xuống nước mà chết. Người ấy nghĩ, cha mình tạo nghiệp giết hại quá nhiều, nay chết chắc chắn phải đọa vào đường dữ. Nghĩ vậy liền xuống tóc xuất gia làm một vị tăng, pháp danh là Sư Bị. Ông dốc lòng tu tập chuyên cần, khó nhọc, giữ hạnh đầu đà.

Một hôm, Sư Bị cùng chúng tăng có việc ra khỏi núi, rủi ro vấp phải cục đá cắt thành vết thương nơi chân, máu tuôn lênh láng, ngay khi nhìn thấy máu chảy hốt nhiên đại ngộ. Sau đó, ngài mộng thấy người cha hiện về tạ ơn, nói rằng: “Nhờ có con xuất gia, liễu ngộ tâm tánh,

nên ta đã được sinh về cõi trời, nay đến đây để báo cho con được biết.”

Lời bàn

Trong kinh Hiền ngu nhân duyên (賢愚因緣經) có dạy rằng: “Ví như có một thầy thuốc giỏi, chữa trị cho 100 người mù đều được sáng mắt. Lại có một người đủ thế lực, ra sức cứu thoát cho 100 người khỏi tội móc mắt, không bị mù lòa. Tuy rằng cả 2 người ấy đều được phước báo vô lượng, nhưng vẫn không bằng phước báo của người tạo điều kiện cho người khác xuất gia hoặc tự mình xuất gia tu tập.”

Như vậy, việc con cái xuất gia tu tập mà cha mẹ nhờ phước ấy được sinh cõi trời thật không có gì phải nghi ngờ cả.

Tu sám pháp tìm được mẹ

Đời nhà Tống có người tên Chu Thọ Xương, là con của quan Hình bộ Thị Lang Chu Tốn. Mẹ ông xuất thân từ gia tộc thấp hèn. Năm Thọ Xương lên 7 tuổi, Chu Tốn đến trấn nhậm vùng Ung châu, sắp đặt cho mẹ ông kết hôn với người khác trong dân gian. Đến khi ông lớn lên không có mẹ, buồn thương không dứt, cuối cùng từ bỏ chức quan để đi tìm mẹ. Tìm khắp bốn phương, trải qua nhiều gian khổ mà vẫn không gặp được mẹ.

Chu Thọ Xương trích huyết chép một bộ Thủy Sám, lại khắc bản in lưu hành khắp nơi, ngày đêm thường trì tụng bộ sám ấy không ngừng nghỉ. Sau ông đi đến Đồng châu, bỗng nhiên được gặp lại mẹ. Mẹ con ôm nhau khóc, người đi đường ai nấy nhìn thấy đều cảm động. Ông liền đón mẹ về nhà phụng dưỡng. Không bao lâu sau ông lại ra làm quan, nhận chức Tư nông Thiếu khanh. Hàng trí thức đương thời rất nhiều người đem chuyện của ông viết lại thành truyện để lưu truyền.

Lời bàn

Trích huyết chép sám pháp, lại ngày đêm trì tụng, thật chí thành biết bao! Nhờ việc ấy mà mẹ con được gặp lại nhau, đó cũng là lẽ đương nhiên. Chu Hy sau này khi biên soạn sách Tiểu học có đưa vào sự tích Chu Thọ Xương tìm mẹ, nhưng lại lược bỏ mất chi tiết này, khiến cho người đọc không thể hiểu được nguyên nhân vì sao?

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (13)

Tích âm đức cho cha mẹ

Lâm Thừa Mỹ người ở Phúc Kiến, mồ côi cha từ thuở bé, người mẹ ở vậy thủ tiết thờ chồng, vất vả nuôi con. Thừa Mỹ lớn khôn ngày đêm buồn khổ than khóc, không biết làm cách nào để báo đáp công ơn cha mẹ.

Nhân có một vị thiền sư bảo ông rằng: “Người con hiếu thảo nghĩ đến công ơn cha mẹ, buồn khổ khóc lóc cũng chỉ vô ích thôi. Phải tìm cách mà báo đáp mới được.”

Rồi lại dạy rằng: “Làm việc thiện thì cha mẹ được lợi lạc, làm việc xấu ác thì cha mẹ phải buồn lo. Kẻ làm con muốn báo đáp công ơn cha mẹ, nên

tự mình tránh việc giết hại, cứu vật phóng sinh, rộng tích âm đức, như vậy có thể báo đáp được công ơn cha mẹ.”

Thừa Mỹ nghe lời tỉnh ngộ, từ đó phát nguyện giới sát phóng sanh, rộng làm nhiều điều phước thiện. Sau ông sống thọ đến 96 tuổi, bình sinh trong việc khoa bảng cũng từng đỗ đầu ở Phúc Kiến.

Lời bàn

Ở đời có người khéo biết cách hiếu thuận, lại cũng có người không biết cách hiếu thuận. Nếu mình hết sức chí thành và có thể làm cho cha mẹ thật sự nhận được sự lợi lạc, như vậy gọi là khéo biết cách hiếu thuận. Nếu mình cũng hết sức chí thành nhưng không thể làm cho cha mẹ thật sự nhận được sự lợi lạc, như vậy gọi là không biết cách hiếu thuận.

Nếu lấy sự buồn đau khóc lóc mà gọi là hiếu thuận, thì ví như có khóc đến hai mắt tuôn lệ thành sông, liệu có ích lợi gì cho cha mẹ chăng? Nếu lấy việc mặc áo vải thô để tang cha mẹ mà gọi là hiếu thuận, thì ví như có gom những tang phục bằng vải thô đó thành núi lớn, nằm ngồi đều ở trong đó, liệu có ích lợi gì cho cha mẹ chăng?

Cho nên, những việc như khóc thương hay để tang cha mẹ chỉ là phương cách để người con hiếu biểu lộ tình cảm đối với cha mẹ, còn nếu thực sự muốn báo đáp công ơn trời biển của cha mẹ, ắt phải dùng theo cách thiền sư đã chỉ dạy như trên, chứ không thể dựa vào những hình thức thường tình của thế tục.

Với anh em phải giữ lòng kính trọng, thương yêu lẫn nhau

Giảng rộng

Anh em trong một nhà, tuy hình hài có khác biệt, nhưng nếu xét theo tình thương của cha mẹ thì không khác gì nhau. Cho nên, anh em có chuyện bất hòa, chia cách, ắt không khỏi làm cho cha mẹ đau buồn, khổ tâm. Nếu anh em biết tương trợ giúp đỡ, thương yêu lẫn nhau, đó gọi là thuận theo

đạo, vốn cũng là một yếu tố nằm trong đạo hiếu. Nguyên văn chỉ nói “em phải kính anh”, không nói đến “anh phải thương yêu em”, ấy chỉ là vì cách nói giản lược, thật ra vẫn hàm ý trong đó.
Anh em tình thân như chân với tay, nhưng xưa nay thông thường bị chia cách, tình nghĩa tổn thương phần nhiều là khi có thêm người vợ. Người phụ nữ hiền thục đức hạnh tuy vẫn có, nhưng những người hẹp hòi kém đức cũng không phải ít. Những người ấy thường chỉ thấy biết việc nhỏ nhen mà không hiểu thấu ý nghĩa lớn lao, chỉ biết thu vén điều lợi về mình mà không biết đến người khác, do đó mà sự tranh chấp, xung đột rất dễ xảy ra. Lại thêm khuynh hướng thường gặp ở người đàn ông là rất dễ tin theo lời vợ. Anh em dù có trăm tiếng ngàn lời hết sức giải bày, thường cũng không bằng một vài lời tỉ tê bên tai của vợ. Ấy thế nên có nhiều người tính tình cứng rắn nóng nảy, mà trước mặt vợ thì mềm mỏng yếu ớt; có nhiều người mạnh mẽ cương cường, mà trước mặt vợ thì nhút nhát sợ sệt; có nhiều người hết sức sáng suốt khôn ngoan, mà trước mặt vợ thì hóa ra hôn ám mê muội; có nhiều người hết sức sang cả tôn quý, mà trước mặt vợ bỗng như hóa thành người sai vặt; có nhiều người hết sức quyết đoán tự tin, nhưng trước mặt vợ bỗng trở thành do dự, trù trừ; có nhiều người hết sức keo kiệt bủn xỉn, mà trước mặt vợ bỗng trở nên hào phóng rộng rãi; có nhiều người hết sức cao ngạo bướng bỉnh, mà trước mặt vợ bỗng trở thành ngoan ngoãn khuất phục; có nhiều người hết sức công minh chính trực, mà trước mặt vợ bỗng trở nên tà vạy, dua nịnh.
Cho nên, có những người dẫu vẫn biết tôn trọng việc nước đạo nhà, nhưng không thể hết lòng giữ theo trung, hiếu. Ấy là vì trong chốn khuê phòng có kẻ ngày đêm tỉ tê to nhỏ những chuyện khác hơn, cứ dần dần nghe mãi mà thành bị khuất phục. Thật đáng thương thay! Tình anh em trong cõi đời có năm sự ô trược xấu ác này, biết làm sao để nhà nhà đều

có được những người con dâu hiền thảo đức hạnh, giúp cho anh em đều biết hòa thuận thương yêu đối xử tốt đẹp, không oán thù xung đột với nhau.

Trưng dẫn sự tích

Cung kính chuyển giao tài sản

Đ

ời nhà Minh có người tên Triệu Ngạn Tiêu, sau khi cha mẹ mất rồi, cùng với người anh là Triệu Ngạn Vân làm ăn sinh sống với nhau đến 12 năm. Sau đó, Ngạn Vân thường ăn chơi lười nhác, bỏ phế cơ nghiệp, Ngạn Tiêu liền xin với anh phân chia gia sản để mỗi người tự lập.

Vừa qua được 5 năm, gia sản của Ngạn Vân đã hết sạch. Một hôm, Ngạn Tiêu bày tiệc rượu mời anh đến chơi rồi nói: "Em trước đây vốn không có ý muốn phân chia gia sản, chỉ vì anh không biết tự kiềm chế lo việc làm ăn, nên em vì thương anh mà buộc phải phân chia ra để tự mình có thể giữ gìn được phân nửa sản nghiệp cha mẹ để lại, dẫu có bề gì cũng còn có thể tạm duy trì sự sống cho anh em mình. Nay mời anh quay trở lại nhà, xin giao quyền làm chủ gia đình này cho anh."

Ngạn Vân nói rồi đem chứng từ phân chia gia sản ngày trước ra đốt sạch, lấy chìa khóa nhà kho giao hết cho anh, lại hỏi tất cả các khoản nợ nần hiện nay của anh rồi thay anh thanh toán hết. Ngạn Vân hết sức xấu hổ, nhận lời em rồi từ đó nỗ lực hối cải, chí thú lo việc làm ăn, không còn ham chơi như ngày trước.

Năm sau, cả hai cha con Triệu Ngạn Tiêu cùng lúc thi đỗ Tiến sĩ.

Lời bàn

Khi chạm đến vấn đề phân chia tài sản, anh em trong một nhà thường rất dễ trở thành chia cách, ly tán. Khi còn sống dựa vào cha mẹ, nhờ cậy qua lại mọi việc rồi cũng qua; đến lúc thực sự phân chia tài sản riêng tư, mới

thường nảy sinh chuyện tranh chấp, giành giật lẫn nhau.
Lành thay, sách Công quá cách (功過格) có câu rằng: “Phận làm con trong khi nuôi dưỡng cha mẹ, hoặc lo việc tang ma, nên nghĩ tưởng rằng cha mẹ chỉ sinh ra được mỗi một mình ta; đến lúc phân chia gia sản, nên nghĩ tưởng rằng cha mẹ sinh ra anh em đông đúc, chẳng riêng gì mình ta.”
Đến như quán xét việc làm của Triệu Ngạn Tiêu, nào thấy ông ta có nghĩ tưởng gì đến việc tranh giành tài sản đâu?

Tình cảm chí thành cảm hóa được người

Đời nhà Minh, tại Quy An thuộc vùng Triết Giang có người tên Nghiêm Phụng, tánh tình hiếu thuận, luôn thương yêu đối xử tốt với anh em bằng hữu, người đời thường tôn xưng là Khê Đình Tiên sinh. Một hôm cùng với người bạn đồng hương là Thí Dực đi thuyền dạo chơi. Thí Dực than phiền với ông rằng người anh phân chia tài sản với mình chẳng công bằng.
Nghiêm Phụng nghe rồi buồn bã nói: “Tôi có người anh sức khỏe yếu kém, đó là điều làm tôi khổ tâm nhất. Giá như anh tôi mà được mạnh mẽ như anh của ông, dẫu có đoạt hết ruộng đất tài sản, tôi cũng không buồn.” Nói dứt lời, nước mắt tuôn tràn không dứt. Thí Dực nghe vậy hết sức cảm động, nhân đó trong lòng có chút tỉnh ngộ.
Nguyên Thí Dực có người anh là Thí Tương Chi. Cả hai đều là bậc nhân sĩ trí thức vùng Tri Châu, chỉ do việc phân chia tài sản ruộng đất mà anh em hóa ra hiềm khích với nhau đã nhiều năm rồi. Kể từ sau lần đó, anh em nhà họ Thí quay lại làm hòa, nhường nhịn lẫn nhau, suốt đời không một lời nào phân cách nữa.

Lời bàn

Khê Đình Tiên sinh khi từ quan về quê, có người anh rất nghèo khổ lại già yếu, liền đón về nhà mình nuôi dưỡng. Mỗi khi có dịp đãi khách tại nhà, đều cung kính mời anh ngồi trên, còn bản thân mình cầm đũa đứng hầu

phía sau anh. Một hôm nhân bước tới trước gắp chút thức ăn, anh cho là vô lễ, giận tát vào mặt, ông vui vẻ đón chịu, suốt bữa tiệc ấy lại tỏ ra vẻ vô cùng hứng khởi, hân hoan. Tan tiệc, ông cung kính đưa anh vào phòng nghỉ. Hôm sau, trời chưa sáng đã đến bên giường anh đứng chờ vấn an. Chẳng bao lâu sau người anh mất. Ông than khóc, chu toàn việc tống táng theo đúng lễ nghi.

Qua việc tiên sinh đối với anh tận tình như thế, có thể biết rằng những lời tiên sinh đã nói với Thí Dực thảy đều là xuất phát từ nội tâm chân thật.

Với bạn bè phải giữ lòng tin cậy

Giảng rộng

Cứ y theo ý nghĩa của chữ “bằng hữu” vẫn thường dùng, thì một nhóm bạn cùng chơi với ta sẽ gọi là “bằng”, nếu chỉ một người bạn thì gọi là “hữu”, cũng có thể xem là tương đương với cách nói “bạn bè” trong tiếng thuần Việt. Tuy nhiên, ở đây không cần thiết phải gượng ép phân tích, có thể nói chung hết thảy những ai cùng ta chung lý tưởng phụng sự, hoặc cùng chung công việc, hoặc cùng chung lớp học v.v... đều có thể xem là bạn.

Nói “giữ lòng tin cậy” cũng hàm nghĩa đối xử với nhau tương kính, không có sự khinh khi, chứ không chỉ hạn hẹp trong ý nghĩa giữ đúng lời đã hứa.

Cho nên, lo việc giúp bạn mà không tận tâm hết sức, ấy là không giữ lòng tin cậy. Vay mượn của bạn không hoàn trả đủ, ấy cũng là không giữ lòng tin cậy. Trước mặt bạn ngợi khen xưng tán, lúc vắng mặt thì chê bai phỉ báng, ấy là không giữ lòng tin cậy. Gặp lúc bạn nguy cấp không cùng chia sẻ giúp đỡ, ấy cũng là không giữ lòng tin cậy. Thấy bạn có lỗi lầm sai trái mà không chỉ ra để khuyên bạn cải hối, ấy là không giữ lòng tin cậy...

Tránh được tất cả những điều “không tin cậy” như trên, đó chính là giữ được lòng tin cậy với bạn bè.

Trưng dẫn sự tích

Vượt ngàn dặm để giữ lời hứa

Thời Tam quốc, nước Ngô có người tên Trác Thứ. Nhân lúc từ Kiến Khang sắp về Hội Kê, đến từ biệt Thái phó là Gia Cát Khác. Thái phó hỏi khi nào trở lại, Trác Thứ nói đến ngày ấy tháng ấy... ... sẽ trở lại.

Đúng ngày hẹn, Thái phó bày tiệc đãi khách. Quan khách đều đến đủ nhưng vẫn chưa đãi ăn uống, có ý muốn đợi Trác Thứ. Mọi người đều nói: "Đường từ Kiến Khang đến Hội Kê, đi về cả ngàn dặm, lại thêm sông hồ cách trở gian nan, chắc gì ông ấy trở lại kịp?" Bỗng nhiên thấy Trác Thứ đột ngột xuất hiện, tất cả mọi người trong tiệc đều kinh ngạc.

Lời bàn

Đây chỉ là một trong các khía cạnh của việc giữ lòng tin cậy. Tuy nhiên, vượt đường xa ngàn dặm mà không để sai lời đã hẹn, đủ biết người xưa giữ tín như thế nào.

Giữ lời hứa hóa độ bạn

Thời Đông Hán, ở Lạc Dương có vị cao tăng là An Thế Cao, vốn là thái tử của quốc vương nước An Tức, từ thuở nhỏ đã nổi tiếng là người chí hiếu. Ngài thông minh trí tuệ hơn người, đọc hiểu thấu suốt sách vở trong thiên hạ, thông thiên văn, hiểu rành y học, có khả năng thông hiểu được ý nghĩa trong âm thanh của các loài chim thú...

Ngài An Thế Cao tự kể lại rằng, trong đời trước ngài cũng xuất gia học đạo, có người bạn đồng tu tính tình nóng nảy sân hận, can ngăn nhiều lần nhưng không thay đổi. Ngài có lời hứa đến đời này sẽ hóa độ cho người ấy.

Khoảng cuối đời Hán Linh Đế, ngài quyết định đến Giang Nam hoằng hóa, cũng là để hóa độ cho người bạn đời trước. Ngài đi đến một cái miếu ở hồ Cung Đình, nổi tiếng rất linh thiêng, khách buôn vãng lai đến đó cầu khấn đều có thể biết trước được hướng gió thuận hay nghịch, vì thế nên người

cầu đảo cúng tế ở đây không lúc nào ngớt. Khi ngài An Thế Cao còn chưa đến, người giữ miếu nghe tiếng thần giữa hư không bảo rằng: “Trên thuyền sắp đến kia có một vị cao tăng, nên thỉnh vào miếu.”
Người giữ miếu theo lời mách bảo của thần, đón thuyền mời ngài An Thế Cao vào miếu. Cùng đi trên thuyền có hơn 30 người cũng đều đi theo. Khi vào miếu liền nghe tiếng thần nói rằng: “Tôi ngày trước ở đất nước khác, cùng với thầy học đạo, nay tôi làm thần ở miếu này. Trong phạm vi ngàn dặm quanh đây đều do tôi cai quản. Nhờ đời trước tu hạnh bố thí nên đời này được hưởng phước rất lớn, nhưng do tâm nhiều sân hận nên phải đọa trong cảnh giới quỷ thần. Mạng tôi nay sắp dứt, chỉ còn trong sớm tối. Do những người vì tôi cúng tế cầu đảo thường giết hại sinh linh rất nhiều nên tôi sợ rằng sau khi chết không khỏi đọa vào địa ngục, xin thầy từ bi cứu độ. Tôi có được ngàn cây vải lụa cùng nhiều đồ vật quý báu ở đây, xin thầy vì tôi dùng những thứ ấy lo việc phụng sự Phật pháp.”
Ngài An Thế Cao bảo thần hiện thân gặp mặt, thần nói: “Thân hình tôi cực kỳ xấu xí, nếu hiện ra nhất định sẽ làm hại mọi người ở đây vì kinh sợ.”
Ngài Thế Cao nói: “Không sao, mọi người đã biết, sẽ không lấy làm sợ hãi đâu.”
Thần liền từ phía sau điện thờ hiện thân, đưa phần đầu ra, thật là một con mãng xà cực lớn, không biết được phần thân với đuôi dài đến mức nào. Mãng xà bò đến sát bên gối của ngài An Thế Cao. Ngài hướng về phía mãng xà tụng chú nhiều lần, rồi dặn dò dạy bảo nhiều điều. Mãng xà lắng nghe rồi rơi lệ như mưa, thân hình sau đó dần dần biến mất.
Ngài An Thế Cao nhận lấy vải lụa và những vật quý của thần miếu đã gửi gắm rồi từ biệt ra đi, mang những thứ ấy vì thần miếu mà xây dựng ngôi chùa Đông Tự, hồi hướng phước báo cho thần miếu trong cảnh giới tái sinh.

Chẳng bao lâu sau, ngày nọ bỗng thấy có một thiếu niên đến quỳ gối lễ tạ trước mặt ngài Thế Cao, sau đó biến mất. Ngài Thế Cao bảo người chung quanh rằng: “Đó là thần miếu hôm trước, nay đã thoát được hình thể xấu xí rồi.”

Sau đó có người nhìn thấy trong một cái đầm rộng lớn nổi lên xác con mãng xà cực lớn, thân dài nhiều dặm. Chỗ ấy nay chính là Xà thôn thuộc quận Tầm Dương.

Lời bàn

Những quỷ thần trên cạn dưới nước, nói chung nếu thọ hưởng những vật thực do người đời sát hại sinh linh mà dâng cúng, đều không khỏi phải đọa vào địa ngục. Người thế tục không biết điều này, mỗi khi gặp phải tật bệnh liền bói toán cầu thần, buông thả làm việc giết hại sinh linh, càng gây hại thêm cho người bệnh, khiến tội nghiệt chất chồng tội nghiệt, từ khổ càng thêm khổ. Hạng quỷ thần này chính thật chỉ là những quỷ quái yêu tinh, nếu nhờ đến bọn họ ban phước, bảo vệ hay giúp tăng thêm tuổi thọ, rốt cùng đều là chuyện không thể được.

Vào khoảng trước đời Đường, Đông Nhạc Thánh Đế cũng từng vô tình thọ hưởng tế vật sát sinh, liền phải gấp rút khẩn cầu thiền sư Nguyên Khuê truyền giới, huống chi là vị thần miếu này.

Chuyện này cũng chỉ nói lên một khía cạnh của việc giữ lòng tin cậy, nhưng có thể giữ được lời hứa từ kiếp trước, đủ thấy các vị cao tăng thời xưa xem trọng việc giữ chữ tín đến như thế nào.

Hoặc phụng chân triều đẩu

Giảng rộng

Chân, là nói đến các bậc thiên tiên; đẩu, là danh xưng tinh tú. Ấy là những vị thường ghi chép việc thiện ác, theo dõi số mạng sống chết của con người, sao có thể không cung kính phụng thờ lễ bái? Nếu như muốn truy

tìm đến tận chỗ ban sơ, ắt các vị thiên tiên là trước, tinh tú phải đặt sau. Vì thuở ban đầu thế giới hình thành chưa có các vị tinh tú, Phạm thiên Đế Thích nhân theo lời cầu thỉnh của Lư Thần Đại tiên nên sau đó mới tạo lập 28 vị tinh tú ở 4 cửa trời đông, tây, nam, bắc. Đẩu là tinh tú thứ năm ở cửa tây, thuộc sao Đẩu, nên dùng các loại lúa gạo, hương hoa, mật ong... mà cúng tế mới thích hợp.

Kinh Lâu Thán Chánh Pháp (樓炭正法經) có nói rằng: "Tinh tú lớn thì chu vi bảy trăm dặm, tinh tú hạng vừa thì chu vi bốn trăm tám mươi dặm, tinh tú nhỏ thì chu vi một trăm hai mươi dặm, bên trong đều có các vị thiên nhân cư trú." Người thế gian gọi là sao rơi, thật ra chỉ là những tảng thiên thạch lớn, chẳng phải tinh tú; thậm chí có người còn vẽ ra hình tượng bảy con lợn bên dưới tượng Đẩu Mẫu, như thế thật là vô cùng bất kính.

Các vị chân nhân, đẩu mẫu, đều là những người đời trước kính tin Tam bảo, tu theo Mười điều lành, nên ngày nay mới được hưởng phước cõi trời, có khả năng bay lượn tự do giữa không trung, sống trong cung điện tốt đẹp của cõi trời, chiếu soi xuống chốn nhân gian. Cho nên, những người ngày nay tin theo Đạo giáo mà quay lại phỉ báng Phật pháp thì làm sao có thể phụng chân triều đẩu?

Đời Hán, Ngụy trở về trước, người ta thường tôn xưng đức Phật là Thiên Tôn, gọi các vị tăng là đạo sĩ, còn những đạo sĩ của Đạo gia chỉ gọi là tế tửu, tức là người giữ lễ dâng rượu cúng mà thôi. Kể từ Khấu Khiêm đời Bắc Ngụy trở về sau, Đạo giáo mới tiếm xưng các danh hiệu Thiên Tôn và đạo sĩ, nên từ đó không còn xưng Phật là Thiên Tôn, mà các vị tăng cũng gọi là tỳ-kheo, không gọi là đạo sĩ nữa. Riêng danh xưng "tế tửu" trước dùng để gọi đạo sĩ, sau đi vào thế tục mà đổi lại là "đại tư thành".

Trưng dẫn sự tích

Bảy vị tinh quân cứu lửa

Vào đời nhà Minh, ở Hề Phố, Thường Thục thuộc vùng Giang Tô có họ Tiền, người trong họ cùng sống với nhau trong một vùng riêng biệt. Có một gia đình 4 người, mẹ chồng với nàng dâu đều góa bụa, thường ngày kính phụng Đẩu quân. Vào năm Bính Dần niên hiệu Chánh Đức, nhà kế bên rủi ro phát hỏa, đám cháy kéo dài đến 3 ngày đêm. Trong lúc ấy bỗng mơ hồ nhìn thấy có 7 người mặc áo đỏ, đứng phía trước mái nhà phất ống tay áo, ngọn lửa theo đó bỗng tắt, chung quanh bốn phía nhà đều hóa thành tro lạnh.

Lời bàn

Kinh Diệu pháp liên hoa, phẩm Phổ môn dạy rằng: “Dù có vào trong lửa dữ, lửa cũng không thiêu đốt được.” Cứ theo sự việc trên mà xét thì câu kinh này thật rất đáng tin.

Kính lễ Đẩu mẫu thoát nạn trộm cướp

Vào đời nhà Thanh, ở huyện Cú Dung thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Nghiêm Cận Sơn. Năm Khang Hy thứ nhất, Cận Sơn đi đến các quận Kinh Châu, Tương Dương thuộc Hồ Bắc, gặp một vị đạo nhân dạy nên kính lễ Đẩu mẫu. Cận Sơn tin tưởng làm theo trong suốt 3 năm.

Một hôm, Nghiêm Cận Sơn đang đi thuyền dọc theo ven sông, bỗng trời kéo mây đen tối sầm, lại gặp phải thuyền bọn giặc cướp. Cận Sơn sợ hãi quá liền chí thành niệm Đẩu mẫu tâm chú. Chẳng bao lâu, bỗng thấy như có một đám mây đen kịt trùm xuống bao bọc lấy thuyền của ông. Lần ấy Nghiêm Cận Sơn được an toàn vô sự, mà tất cả các thuyền cùng đi đều bị bọn cướp làm hại.

Lời bàn

Có người cho rằng Đẩu mẫu chính là đức Bồ Tát Quán Âm, như vậy là không đúng. Bồ Tát tuy tùy theo chủng loại chúng sinh mà hóa thân cứu độ, nhưng thông thường đều ẩn tàng kín đáo chứ không lộ liễu. Nếu cho đó là

Bồ Tát Quán Thế Âm mà lại xếp vào vai vế thấp hơn Ngọc đế, quả thật là vô cùng điên đảo. Lại có người cho rằng Đẩu mẫu chính là chư thiên cõi trời Ma-lợi-chi, chẳng thể biết được là có đúng hay không?

Phụ đính trích dẫn

Nguồn gốc kinh sách của Đạo giáo

Đạo giáo vốn thật không có kinh sách đủ gọi là "tạng", duy nhất chỉ có một quyển Đạo Đức kinh (道德經) gồm 5.000 chữ của Lão Tử là xác thật mà thôi. Khi tôi khảo cứu sách Nguyên đô mục lục (元都目錄), thấy hết thảy đều do người đời sau giả tạo, mượn từ nội dung của sách Nghệ văn chí (藝文志) rồi thêm vào các chú giải, thành ra 884 quyển, gọi đó là tạng kinh sách của Đạo giáo.

Lại như việc tuyển chọn sai lầm các sách của Đạo giáo qua các triều đại thật khó nói ra cho hết. Nay chỉ xin lược cử một số trường hợp, như vào đời Tiền Hán có Vương Mậu làm ra sách Động nguyên kinh (洞元經); đời Hậu Hán có Trương Lăng làm ra sách Linh bảo kinh (靈寶經) cùng với các nghi lễ cúng tế, cả thảy 40 quyển. Thời Tam quốc, nước Ngô có Cát Hiếu Tiên làm ra sách Thượng thanh kinh (上清經). Đời Tấn có đạo sĩ là Vương Phù làm ra sách Tam hoàng kinh (三皇經), đạo sĩ nước Tề là Trần Hiển Minh làm ra sách Lục thập tứ chân bộ hư phẩm kinh (六十四真步虛品經). Đời nhà Lương có Đào Hoành Cảnh làm ra sách Thái thanh kinh (太清經). Vào đời Vũ Đế thời Bắc Chu lại có đạo sĩ ở Hoa Châu là Trương Tân vâng chiếu nhận chức thứ sử Hoa Châu, đạo sĩ ở Trường An là Trương Tử Thuận được tuyển làm chức Khai phủ, quận Phù Phong có Mã Dặc đỗ Tiến sĩ, Ung châu có quan Biệt giá là Lý Thông, cả thảy 4 người này vào niên hiệu Thiên Hòa thứ 5 họp lại tại chùa Thủ Chân ở Cố thành, cùng sao chép tuyển soạn từ kinh điển nhà Phật mà làm thành những kinh giả của

Đạo giáo gồm đến hơn ngàn quyển.
Đời nhà Tùy, năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp, có đạo sĩ Ngũ Thông Quán là Phụ Huệ Tường sửa đổi kinh Niết-bàn (涅槃經) thành Trường An kinh (長安經). Quan Thượng thư là Vệ Văn Thăng tâu việc này lên triều đình, vua lập tức hạ lệnh bắt giải đến bên ngoài Kim quang môn chém đầu răn chúng.
Vào năm đầu niên hiệu Lân Đức, đạo sĩ Tây Kinh là Quách Hành Chân, đạo sĩ Đông Minh Quán là Lý Vinh, đạo sĩ Hội Thánh Quán là Điền Nhân Huệ, lại cùng nhau mang những ngụy kinh từ trước ra thêm thắt sửa chữa, lấy thêm nội dung từ kinh điển của Phật giáo mà tráo đổi đưa vào, từ đó trong Đạo giáo mới có thêm các danh từ như tam giới (ba cõi), lục đạo (sáu đường), ngũ ấm (năm ấm), thập nhị nhập (mười hai nhập), thập bát giới (mười tám giới), tam thập thất trợ đạo phẩm (ba mươi bảy phẩm trợ đạo) cùng với các danh xưng như đại tiểu pháp môn, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di... Đây quả thật đúng như lời Khổng tử nói: “Chư hầu tế lễ nên hướng đến thiên tử nghiêm trang kính cẩn, sao lại nhận lấy nơi tế tự của hàng quan tước Tam công mà cho đó là tôn kính nhất?” Xét cho cùng, chỗ thâm trọng nhất của Đạo gia bất quá cũng chỉ đến cõi trời, cõi tiên là hết, sao có thể đạt được đến như pháp môn tu hành của hàng Bồ Tát?

Trích dẫn kinh sách Đạo gia

Pháp luân kinh của Đạo giáo nói rằng: “Đức Thiên Tôn ban sắc dạy hàng đạo sĩ rằng: Nếu thấy hình tượng Phật, khởi tâm vô lượng, nên nguyện cho hết thảy chúng sinh cùng thể nhập pháp môn.”
Kinh Thái thượng thanh tĩnh nói: “Nếu thấy bậc sa-môn, nên nguyện cho tất cả chúng sinh thấu rõ được pháp môn giáo hóa, cùng đắc đạo như Phật.”

Kinh Lão tử thăng nguyên nói: “Đạo sĩ thiết lễ cúng thanh tịnh, nếu có các vị tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo ni đến, phải mời lên tòa cao ngồi.”

Sách Phù tử nói rằng: “Bậc thầy của Lão tử chính là đức Thích-ca Văn Phật.”

Kinh Linh bảo tiêu ma an chí nói rằng: “Đạo lấy sự thanh tịnh trai giới làm đầu, chuyên cần thực hiện ắt sẽ thành Phật.”

Kinh Thượng phẩm đại giới nói rằng: “Cúng dường nơi tháp miếu của Phật, được phước báo gấp ngàn lần. Cúng dường các vị sa-môn, được phước báo gấp trăm lần.”

Kinh Lão tử đại quyền Bồ Tát nói rằng: “Lão tử chính là Bồ Tát Ca-diếp, đến giáo hóa nơi đất Trung Hoa.”

Lời bàn

Thời xưa Đạo giáo cúng tế thường dùng thịt nai khô, rượu trắng, nay đã thay đổi dùng táo khô với nước thơm.

Hoặc thờ Phật học kinh, thường nhớ nghĩ làm theo lời Phật dạy

Giảng rộng

Danh xưng Phật mang ý nghĩa giác ngộ. Tự mình đã giác ngộ rồi, lại giáo hóa người khác giúp cho cũng được giác ngộ, đạt đến chỗ giác ngộ và giáo hóa đều rốt ráo viên mãn thì được tôn xưng là Phật. Vì trong tự tâm mỗi người đều sẵn có phẩm tính giác ngộ, nên đều sẵn có tánh Phật.

Nếu nói rằng những tượng đất tượng gỗ mà người đang lễ bái kia là Phật, ắt đó chỉ là Phật của hạng phàm nhân ngu muội. Nếu nói thánh thần ban phước giáng họa là Phật, thì đó chỉ là Phật của một số nhà Nho thời Đường, Tống.

Hạng phàm nhân ngu muội suốt ngày nói đến Phật, nhưng thật ra Phật chưa từng được cung kính; các nhà Nho thời Đường Tống suốt ngày báng bổ Phật, nhưng Phật thật chưa từng bị hủy báng; ấy là vì những hạng

người như thế đều không hề biết rằng trong tự thân mình thật sự có Phật. Phật là bậc thầy lớn của Ba cõi, tất nhiên hết thảy hàng chư thiên, thần tiên, Phạm vương, Đế thích, đều phải cung kính lễ bái, huống chi là hạng phàm phu đang chìm đắm trong vòng trói buộc?

Kính lễ một vị Phật, nên quán tưởng đang kính lễ vô số Phật; kính lễ đức Phật trong hiện tại, nên quán tưởng như đang lễ bái chư Phật quá khứ cùng chư Phật trong đời vị lai; ví như đối trước chư Phật ba đời trong khắp mười phương nhiều như số hạt bụi nhỏ, đều nguyện đem thân mình cúng dường đến hết thảy các vị, được như thế mới có thể gọi là khéo tu pháp lễ kính Phật.

Kinh điển của chư Phật so với các sách khuyến thiện của thế gian có chỗ không giống nhau. Thế gian chỉ biết mưu cầu lợi lạc cho bản thân, gia đình mình; kinh Phật lại nhắm thẳng đến việc cứu độ, khai mở trí tuệ cho hết thảy chúng sinh. Thế gian chỉ có khả năng luận bàn việc trong hiện tại, kinh Phật lại nhắm thẳng đến những phước báo lợi lạc cho nhiều đời nhiều kiếp. Thế gian này nếu không có kinh điển của chư Phật, ắt là khắp hai cõi trời người, thiên hạ đều phải chìm trong đêm dài tăm tối. Cho nên, kinh Thắng thiên vương dạy rằng: “Nếu như có bậc thầy thuyết giảng Phật pháp đi qua nơi nào, hàng thiện nam tín nữ nên phát nguyện đem thân xác mình trải lót trên đường đi, không để chút bụi bặm nào bay lên làm bẩn chân Pháp sư.” Chí thành cúng dường đến mức như vậy cũng chưa đủ gọi là nhiều.

Tụng đọc kinh Phật, nghĩ nhớ và thấu hiểu ý nghĩa sâu xa, lại có thể y theo lời dạy trong kinh mà thực hành tu tập, đó là cao quý nhất. Nếu như không hiểu được ý nghĩa sâu xa, chỉ giữ lòng cung kính ngưỡng mộ, cũng được hưởng vô lượng phước báo. Giống như đứa trẻ ngây thơ dùng thuốc, tuy chưa hiểu gì về phương thuốc ấy, nhưng vẫn có thể trị được bệnh tật.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (14)

Phụ đính về sự sâu xa uyên áo của Phật pháp

Ngài A-nan kết tập kinh điển

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, vì muốn kết tập lại tất cả những lời thuyết giảng của Phật trong 49 năm, nên hai cõi trời, người cùng nhau hội tập. Ngài A-nan lên tòa cao ngồi, thân đắp y của Như Lai. Đại Phạm Thiên vương cầm lọng làm bằng bảy món báu, theo hầu che bên trên ngài A-nan. Thiên Đế thích dâng lên bàn bảy báu, bày trước mặt ngài A-nan. Vua La-hầu của loài a-tu-la hay tay bưng lò hương bảy báu đến trước ngài A-nan. Thiên vương cõi trời Tha hóa tự tại cũng dâng lên bảy món báu, số lượng rất nhiều. Ma vương Ba-tuần cầm cây phất trần bằng bảy báu dâng cho ngài A-nan, sau đó cùng với Đế thích đứng hầu hai bên tả hữu. Bốn vị Đại thiên vương đứng hầu quanh bốn chân tòa báu.

Sau khi kết tập kinh điển thành tựu, vua A-xà-thế sao chép được 5 bản, Phạm vương sao chép 3 bản, Đế thích sao chép 7 bản, Long vương Bà-kiệt-la sao chép được 80.000 bản, tất cả đều dùng vàng bạc, bảy báu in ấn

lưu truyền.

Lời bàn

Đức Phật dạy rằng: “Ở châu Diêm-phù này, chỉ có 32 nước có chúng sinh căn lành lớn, có khả năng lưu hành giáo pháp do Phật truyền lại. Châu Phất-bà-đề phương đông có 260 nước, châu Cù-da-ni phương tây có 130 nước, chúng sinh ở đó cũng có khả năng thực hành theo giáo pháp do Phật truyền lại. Còn hết thảy chúng sinh ở những nơi khác đều bạc phước, không đủ sức để nghe và nhận lãnh Phật pháp.”

Kinh Phật đến Trung Hoa

Triều Đông Hán, Minh Đế sai nhóm các ông Thái Âm, Tần Cảnh, Vương Tuân... cả thảy 18 người, sang nước Thiên Trúc, khi trở về cung thỉnh được các vị tăng người Thiên Trúc là Ma Đằng, Trúc Pháp Lan, cùng với nhiều tranh tượng Phật và Kinh điển.

Hán Minh Đế hỏi: “Đấng Pháp vương ra đời, vì sao giáo pháp không đến xứ này?” Ngài Ma Đằng đáp: “Nước Thiên Trúc nằm giữa cõi Đại thiên thế giới này, nên chư Phật ra đời đều chọn nơi ấy. Ngoài ra những nơi khác đều là xa xôi thiên lệch nên Phật không ra đời. Tuy nhiên, sau Phật nhập diệt trăm ngàn năm, sẽ có các vị thánh nhân truyền giáo pháp đến để hóa độ chúng sinh.” Bấy giờ, Hán Minh Đế hết sức vui mừng.

Vào sáng sớm ngày mồng một tháng Giêng niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 14, có một nhóm các đạo sĩ từ năm ngọn núi lớn như Chử Thiện Tín v.v... gồm 690 người, dâng biểu lên hoàng đế xin được cùng các vị tăng sĩ Thiên Trúc tranh tài biện luận để phân biệt những điểm đúng sai tốt xấu của Phật giáo và Đạo giáo. Hán Minh Đế sai quan Thượng thư lệnh là Tống Tường vào ngày rằm tháng Giêng năm ấy mở đại hội nơi cửa phía nam chùa Bạch Mã.

Các đạo sĩ thiết lập 3 đàn tràng, mang kinh sách Đạo giáo gồm 369 quyển

đặt lên đàn tràng phía tây, mang các sách được biên soạn bởi 27 vị danh gia đạo sĩ gồm 235 quyển đặt ở đàn tràng trung tâm, bày biện phẩm vật cúng tế trăm thần ở đàn tràng phía đông.
Hán Minh Đế cho lập hành cung, đích thân ngự tại phía tây chùa Bạch Mã, tôn trí xá-lợi Phật cùng với Kinh điển Phật giáo tại đây.
Các đạo sĩ cho dùng cỏ khô, lau sậy chất kín quanh đàn tràng có bày kinh sách của họ, rồi đứng trước kinh sách khóc tế rằng: “Hoàng đế hiện nay tin theo tà giáo, thế đạo suy vi sắp mất. Nay chúng tôi xin đặt kinh sách Đạo gia tại đàn tràng này, dùng sức lửa để chứng minh thật giả.” Khấn vái như vậy rồi liền nổi lửa đốt kinh sách. Kết quả tất cả đều cháy rụi thành tro, dù cả bọn thi nhau niệm chú nhưng chẳng thấy hiệu nghiệm gì. Các đạo sĩ đều hốt hoảng nhìn nhau tái mặt. Quan Thái phó là Trương Diễn liền nói với bọn họ: “Chú thuật của các ông hoàn toàn không linh nghiệm, nay các ông nên xuống tóc xuất gia theo Phật.” Nhóm đạo sĩ Chử Thiện Tín v.v... xấu hổ quá đành lặng thinh không đối đáp gì được.
Lúc bấy giờ, xá-lợi Phật bỗng nhiên tỏa hào quang năm sắc, phóng chiếu lên không trung hình thành một quầng sáng như cái lọng, che khuất ánh mặt trời, chiếu ánh sáng năm sắc từ đó xuống trùm khắp mọi người trong đại hội, thật là việc xưa nay chưa từng có. Thiền sư Ma Đằng khi ấy hóa thân bay lên không trung, hiện các phép thần biến tự tại. Pháp sư Trúc Pháp Lan lên tòa thuyết pháp, giảng dạy những điều mà đại chúng từ trước đến nay chưa từng được nghe.
Khi ấy có Âm phu nhân ở hậu cung, quan Tư không Lưu Tuấn, nhóm các ông đạo sĩ Lữ Huệ Thông v.v... cộng cả thảy hơn ngàn người, đều xin xuất gia tu hành theo đạo Phật. Hán Minh Đế chuẩn thuận tất cả. Sau đó vua cho xây mới 10 ngôi chùa, rộng truyền Phật pháp.

Lời bàn

Vào triều Tấn, trong khoảng niên hiệu Kiến An, Đinh Đức Thận làm huyện lệnh ở huyện Ngưng Âm, có một người phụ nữ ở Bắc Giới bỗng nhiên nói ra toàn một thứ ngôn ngữ lạ như tiếng nước ngoài, người đến xem vây quanh đông như họp chợ. Sau đó người này lại yêu cầu mang giấy bút đến, rồi viết lên giấy cũng bằng loại chữ viết lạ, thoắt chốc đã viết được 5 trang giấy. Đưa cho mọi người đọc, nhưng không ai đọc hiểu được gì. Có một đứa trẻ khi ấy đang tình cờ đứng gần, người phụ nữ bỗng chỉ tay vào đứa trẻ mà nói: "Đứa trẻ này có thể đọc hiểu." Liền đưa mấy trang giấy cho đứa bé, nó vừa xem bỗng đọc lên thành tiếng nước ngoài. Những người chung quanh thấy vậy ai nấy đều kinh ngạc.

Đinh Đức Thận liền sai người thu lấy 5 trang giấy ấy, mang đến chùa Hứa Hạ, đưa cho một vị tăng người Ấn Độ xem. Vị tăng xem qua kinh ngạc nói: "Đây chính là những lời trong kinh Phật. Khi Kinh điển truyền đến xứ này, ngẫu nhiên bị mất đi một số dòng, tôi đang lo lắng vì đường quá xa e là không thể trở về Ấn Độ chép lại những trang kinh bị mất." Liền lưu lại những trang giấy ấy rồi sao chép bổ sung vào chỗ bị thiếu mất trong kinh Phật.

Thoát khỏi vào thai lừa

Xưa có vị Thiên Đế thích, khi năm đức tốt mất dần không còn nơi thân, liền tự biết thọ mạng của mình sắp hết, sau khi chết sẽ thác sinh làm con lừa ở nhà một người thợ làm đồ gốm, vì thế nên hết sức lo buồn. Đế thích lại suy nghĩ rằng, trong Ba cõi chỉ có đức Phật là bậc duy nhất cứu thoát mọi khổ ách cho chúng sinh. Nghĩ như vậy rồi, liền tìm đến chỗ đức Phật, cúi đầu quỳ lạy sát đất, cung kính đảnh lễ quy y Phật, quy y Chánh pháp, quy y thánh chúng Tăng-già.

Trong lúc quỳ lạy còn chưa đứng dậy thì đột nhiên mạng sống chấm dứt, thần thức lập tức nhập vào thai lừa. Ngay lúc ấy, con lừa mẹ lại giẫm chân

làm hư hỏng một số đồ gốm chưa nung khiến người chủ nổi giận đánh nó rất mạnh, liền bị sẩy thai. Thần thức Đế thích do đó lại rời khỏi thai lừa, quay về nhập vào thân cũ, trở thành Thiên Đế thích như trước. Đức Phật dạy: "Lành thay, ông có thể ngay trong lúc sắp chết biết quy y nương về Tam bảo." Phật liền vì Đế thích mà thuyết pháp. Nghe xong, Thiên Đế thích chứng quả Tu-đà-hoàn.

Lời bàn

Kinh Đại Bát Niết-bàn dạy rằng: "Tuy được sinh làm Phạm thiên, cho đến sinh vào các cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, nhưng đến lúc mạng chung vẫn có thể đọa vào ba đường dữ."

Thoát khỏi vào thai lợn

Tại cung trời Đao-lợi có một vị trời thọ mạng sắp hết, năm tướng suy đã hiện, tự biết mình sau khi chết sẽ thác sinh vào thai của một con heo nái đang bị ghẻ lở, tại nước Câu-di-na-khát. Vị trời này hết sức buồn khổ nhưng không biết phải làm gì để thoát khổ nạn. Có một vị trời khác liền nói: "Hiện nay đức Phật đang ở cung trời này vì mẹ thuyết pháp, sao ngài không đến cầu Phật cứu độ?"

Vị trời sắp chết kia lập tức tìm đến chỗ đức Phật, cúi đầu sát đất chí thành kính lễ. Đức Phật liền vì vị ấy mà truyền thọ Tam quy. Vị này lại y theo lời Phật dạy mà chí thành thực hiện trong 7 ngày. Khi ấy, thọ mạng cõi trời đã hết, mạng chung liền tái sinh làm con một vị trưởng giả ở nước Duy-da-ly.

Lời bàn

Những người giàu sang phú quý tột cùng, đến lúc lâm chung sắp phải từ bỏ quan tước, tiền tài, báu vật, ruộng đất, vợ con... liền thấy đau đớn khó khăn như cắt bỏ da thịt trên thân thể. Nỗi khổ ấy thật là vô cùng!

Chư thiên đến lúc thọ mạng sắp dứt cũng khổ sở giống như vậy. Kinh Chánh pháp niệm dạy rằng: "Nếu trong đời trước một vị trời có tạo nghiệp

trộm cướp, khi lâm chung liền thấy có các vị thiên nữ hiện ra cướp đoạt hết những thứ trang nghiêm quý báu của mình, trao cho các vị trời khác. Nếu trong đời trước có tạo nghiệp nói dối, các vị thiên nữ liền nghe hiểu những lời vị trời ấy nói ra một cách sai lệch, rồi buông lời thóa mạ, mắng nhiếc. Nếu đời trước từng nhục mạ người trì giới, hoặc tự mình phá giới, uống rượu, khi lâm chung liền rơi vào trạng thái mê loạn, đánh mất chánh niệm, đọa vào địa ngục. Nếu đời trước có tạo nghiệp giết hại chúng sinh, thọ mạng liền ngắn ngủi, chẳng mấy chốc đã phải qua đời. Nếu đời trước có tạo nghiệp tà dâm, liền thấy các vị thiên nữ đều xa lánh mình mà đến với các vị trời khác, cùng họ vui đùa thỏa thích. Những điều hiện ra như thế gọi là năm tướng suy của chư thiên."

Quyển kinh cứu thoát dân trong một thành

Vào triều Tấn, có Lưu Độ là người Liêu Thành, Bình Nguyên, thuộc Sơn Đông. Trong làng ấy có đến hơn một ngàn gia đình, thảy đều cung kính thờ phụng Phật pháp, cúng dường chư tăng ni. Bấy giờ người của một bộ tộc từ phương bắc bỏ xứ trốn đến nơi ấy rất nhiều, đa số đều trốn trong nội thành. Thủ lãnh của bộ tộc ấy giận lắm, muốn kéo quân đến vây giết hết cả thành. Lưu Độ vừa nghe biết việc ấy, liền chủ xướng tất cả nhân dân già trẻ lớn bé trong thành, cùng nhau đồng thanh niệm thánh hiệu đức Bồ Tát Quán Thế Âm.

Niệm như vậy chưa bao lâu thì viên thủ lãnh của bộ tộc ấy bỗng nhìn thấy một vật gì đó từ trên không trung rơi xuống, bay thẳng vào trong cung điện rồi xoay quanh cây cột chính. Ông ta lập tức cho người đến xem đó là vật gì, liền thấy đó là một quyển kinh Phật, chính là phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Viên thủ lãnh gặp được việc này thì trong lòng hết sức vui mừng, nhân đó bỏ ý định cũ, nhân dân cả thành nhờ vậy mà được thoát chết.

Lời bàn

Lúc bình thường đã biết gieo trồng phước đức, khi nguy nan lại có thể chí thành cầu khẩn Bồ Tát, viên thủ lãnh kia hồi tâm chuyển ý cũng là lẽ đương nhiên phải vậy.

Gông cùm tự thoát

Triều Tấn, đất Hà Nội có người tên là Đậu Truyền. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Hòa đời Tấn Mục Đế, ông làm chức bộ khúc trong quân đội dưới quyền quan thứ sử Tịnh châu, bị Lữ Hộ bắt làm tù binh cùng với đồng đội khoảng 6, 7 người khác, giam chung trong một nhà ngục, ấn định ngày rồi sẽ mang ra giết.

Đậu Truyền nhất tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm cầu cứu giúp, trong suốt 3 ngày 3 đêm không hề mỏi mệt. Khi ấy, gông cùm trên thân thể bỗng tự nhiên dần dần nới rộng, cho đến lúc rơi cả xuống, toàn thân được tự do. Đậu Truyền tuy trong lòng hết sức mừng rỡ, nhưng nhìn lại các bạn đồng ngục vẫn còn bị giam, không nỡ một mình bỏ trốn. Liền khuyên bảo rồi cùng với những người đồng ngục chí thành cầu nguyện. Đột nhiên, gông cùm trên thân của mọi người khác cũng nối nhau rơi xuống hết. Cả bọn liền mở cửa ngục cùng nhau thoát ra, vượt thành đang đêm chạy trốn. Chạy xa được khoảng 4, 5 dặm đường rồi mới tìm vào một đám cây cối rậm rạp mà trốn.

Sáng hôm sau, Lữ Hộ cho người ngựa truy đuổi lùng sục khắp nơi, lại nổi lửa đốt hết những chỗ cây cối hoang dã rậm rạp, nhưng chỉ riêng bao quanh chỗ Đậu Truyền đang trốn ước chừng một mẫu đất là không người ngựa nào tìm đến, mà lửa cũng không cháy tới.

Lời bàn

Đây chính như lời kinh đã dạy: “Nhờ sức niệm Quán Âm cứu độ, liền tự nhiên được thoát ngục tù.” Đến như những trường hợp rơi xuống nước mà

chẳng chết chìm, gặp lửa dữ mà không chết thiêu, đủ điều linh nghiệm, có thể xem trong các sách khác ghi chép rất nhiều, ở đây không sao kể hết.

Vị tăng làm Thiên vương

Đời Tùy, ở Tương Châu có Pháp sư Thích Huyền Cảnh, tên Thạch, vốn là người Thương Châu thuộc Hà Bắc. Sư ngưỡng mộ kinh điển Đại thừa, tụng đọc không ngừng nghỉ. Sau, sư có bệnh nằm trên giường suốt 3 ngày, bỗng nói với người thị giả: “Ý ta muốn được gặp Phật Di-lặc, sao nay lại phải làm Thiên vương Dạ-ma?” Rồi lại tự nói rằng: “Khách đến đông lắm, việc tiếp đãi phải lo chu đáo.” Tăng chúng thưa hỏi là chuyện gì, liền nói: “Không phải việc các ông biết được. Hiện có các vị thiên chúng đến đây nghênh đón rồi.” Liền có mùi hương thơm lạ xông tỏa khắp phòng, lưu lại rất lâu. Lúc ấy là vào tháng sáu, niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai.

Đại sư có để lại di ngôn, bảo mang thi hài ngài táng vào sông Tử Bách, ở nơi nước sâu nhất. Ba ngày sau trở lại xem, bỗng thấy giữa dòng nước nổi lên một gò đất cao, khiến con sông phải chảy phân đôi thành hai dòng.

Lời bàn

Các vị Bồ Tát ở Phát quang địa vẫn thường hiện thân làm Thiên vương Dạ-ma. Đã như vậy, chúng ta làm sao biết được mà dám đo lường chỗ tu chứng của Pháp sư?

Người mù được thấy

Vào đời Hậu Chu có Trương Nguyên, tên tự là Hiếu Thủy, năm lên 16 tuổi thì ông nội bị mù mắt. Trong suốt 3 năm, Trương Nguyên ngày đêm lễ Phật, cầu phước đức. Một hôm đọc kinh Dược Sư, thấy trong đó có nói đến việc “người mù được thấy”, liền y theo trong kinh dạy, thỉnh 7 vị tăng, thắp 7 ngọn đèn, trong 7 ngày 7 đêm liên tục tụng đọc kinh Dược Sư, vừa bái lạy vừa khóc, khấn nguyện rằng: “Lạy đấng Thiên Nhân Sư, Trương Nguyên này làm đứa cháu bất hiếu, khiến cho ông nội phải mù lòa. Nay

nguyện mang ánh sáng đèn rộng thí khắp cõi pháp giới, nguyện cho chính con chịu mù lòa thay, để mắt ông nội được sáng.” Tha thiết ân cần lễ bái khấn nguyện như vậy trải qua 7 ngày, đêm ấy nằm mộng thấy có một ông lão dùng kim vàng khơi vào tròng mắt cho ông nội mình, lại bảo Trương Nguyên: “Con đừng lo, sau 3 ngày mắt ông nội con sẽ sáng lại.”

Trương Nguyên trong mộng vui mừng phấn khích vô cùng. Lúc tỉnh giấc liền đem sự việc kể lại với mọi người trong nhà. Ba ngày sau, ông nội Trương Nguyên quả nhiên được sáng mắt.

Lời bàn

Thầy thuốc giỏi ra tay trị bệnh, không ngoài việc tùy bệnh chứng mà cho thuốc. Người bị mù lòa, phần lớn đều là do đời trước phỉ báng Phật, phỉ báng Chánh pháp. Cho nên, muốn cứu độ người mù quáng không tin Phật pháp, ắt phải vì người ấy mà chỉ bày chánh kiến chánh tín. Kinh Đại tập (大集經) dạy rằng: “Nếu có chúng sinh trong đời quá khứ hủy báng Chánh pháp, hoặc hủy báng bậc thánh nhân; hoặc gây chướng ngại khó khăn cho người thuyết giảng Chánh pháp; hoặc khi sao chép kinh văn lại cẩu thả hay cố tình làm mất mát câu chữ, sai lệch văn nghĩa; hoặc làm mất mát hư hỏng những sách vở ghi chép giáo pháp, hoặc cố tình che giấu những quyển kinh văn của người khác; do những nghiệp đã tạo như thế, trong đời này sẽ bị mù lòa.”

Ngoài ra, trong kinh Phó pháp tạng cũng nói rằng: “Nếu gây trở ngại cho việc xuất gia tu hành của người khác, ắt phải đọa vào các đường dữ. Chịu đựng xong tội nghiệp trong các đường dữ rồi, khi được sinh trở lại vào cõi người lại phải chịu kiếp mù lòa.”

Trong trường hợp này, có thể nói là Trương Hiếu Thủy đã tùy theo bệnh chứng mà cho đúng thuốc rồi vậy.

Báo đáp bốn ơn sâu nặng

Giảng rộng

Bốn ơn sâu là: ơn cha, ơn mẹ, ơn Phật, ơn thầy thuyết giảng pháp Phật. Cha mẹ sinh ra và nuôi dưỡng ta để có được hình hài này; đức Phật và bậc thầy thuyết giảng Phật pháp đã nuôi dưỡng trí tuệ chân chánh của ta; đó đều là những ơn sâu nặng nhất, thật khó báo đáp hết được. Kinh Quán Phật tướng hải dạy rằng: "Nếu có ơn mà không báo đáp, đó chính là nhân đọa vào địa ngục A-tỳ." Thế nhưng, việc báo đáp bốn ơn sâu nặng, há có thể nhanh chóng sơ sài được sao?

Báo đáp ơn cha mẹ, phải hết lòng hết sức phụng dưỡng, làm cho cha mẹ được vui lòng, lại phải dẫn dắt cha mẹ vào đường tu tập giáo pháp xuất thế, thoát khỏi luân hồi, được như vậy mới có thể xem là trọn vẹn.

Báo đáp ơn thầy truyền dạy Chánh pháp, phải nỗ lực làm đúng theo lời thầy dạy, lại phải cung kính cúng dường hết thảy mọi nhu yếu như thực phẩm, y phục, thuốc men, chỗ ở... được như vậy mới có thể xem là trọn vẹn.

Đến như ơn đức của Phật, thật khó có thể nói đến việc báo đáp cho trọn, chỉ biết phải nên phát tâm Bồ-đề, lập nguyện sâu rộng cứu độ chúng sinh, cung kính học theo hạnh nguyện của hàng Bồ Tát.

Đại sư Liên Trì dạy rằng: "Cha mẹ thoát ly được sinh tử luân hồi thì đạo hiếu của người con mới có thể được xem là thành tựu."

Kinh Lăng nghiêm dạy rằng: "Đem tấm lòng thành sâu xa này phụng sự hết thảy chúng sinh trong vô số thế giới nhiều như số hạt bụi nhỏ, như vậy gọi là báo đáp ơn Phật."

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (15)

Trưng dẫn sự tích

Lễ tháp Phật cứu độ mẹ

Đời Đường có một người họ Phạm. Mẹ ông là Vương thị vốn hoàn toàn không tin Tam bảo, tuy ông đã nhiều lần khuyên giải nhưng mẹ ông không chịu nghe theo. Sau ông đến Đông Đô theo Luật sư Chỉ Khánh ở chùa Quảng Ái xuất gia tu hành, pháp hiệu là Tử Lân.

Khi thầy Tử Lân trở lại quê nhà, người mẹ đã mất trước đó 3 năm rồi. Nhân khi có đến miếu thờ Đông Nhạc Đại Đế, thầy Tử Lân ở đó chí thành tụng kinh Pháp Hoa, nguyện cho gặp được Nhạc Đế để hỏi xem mẹ mình sau khi chết sinh về cõi nào. Một đêm nằm mộng thấy Nhạc Đế hiện đến nói rằng: "Mẹ ông hiện ở trong địa ngục, chịu khổ vô cùng. Ông nên đến Mậu sơn lễ bái tháp vua A-dục ở đó, có thể nhờ công đức ấy cứu thoát được mẹ." Thầy Tử Lân liền y lời đến lễ tháp vua A-dục. Tại đó, thầy rơi nước mắt mà khấn nguyện, lễ bái rất lâu. Bỗng nghe có tiếng người mẹ tạ ơn rằng: "Nhờ sức con cầu nguyện, nay mẹ đã được sinh lên cõi trời Đao-lợi."

Lời bàn

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn hơn trăm năm, vua A-dục ra đời, là vị Thiết luân vương cai quản một cõi Diêm-phù-đề, có khả năng sai sử được quỷ thần. Nhà vua đã tạo 84.000 bảo tháp để tôn trí phụng thờ 84.000 phần xá-lợi của đức Phật để lại. Theo sự phân chia của vua thì cứ nơi nào có 100.000 dân sẽ xây dựng một tháp. Tại Trung Hoa, theo những ghi chép được thấy trong sách vở thì có cả thảy 19 tháp. Tháp ở Mậu sơn là một trong số đó.

Lòng thành cảm động di cốt của cha

Vào đời Hậu Chu, tại làng Quý Trụ ở Trường An có một người họ Lý, vốn thật là người thuộc hoàng triều tông thất đời Đường. Người này lên 7 tuổi đã xuất gia tu hành, pháp danh là Đạo Phi. Năm lên 19 tuổi, gặp lúc vua Đường Trang Tông dời đô về Lạc Dương, Trường An lửa cháy khắp nơi, làng Quý Trụ bị thiêu sạch. Ông liền cõng mẹ chạy vào Hoa sơn. Bấy giờ là lúc lương thực khan hiếm đắt đỏ, Đạo Phi khất thực được rất ít, tự mình không ăn chỉ mang về dâng lên nuôi dưỡng mẹ. Khi mẹ hỏi đã ăn chưa, ông luôn nói là đã ăn rồi.

Mẹ ông thường nói: “Cha con đi đánh trận chết ở Hoắc sơn, hài cốt phơi giữa sương gió, con có thể tìm đem về an táng được chăng?” Vì thế, về sau ông liền tìm đến Hoắc sơn, thu nhặt những hài cốt nơi ấy gom về một chỗ rất nhiều, rồi ngày đêm tụng kinh, vì cha mà sám hối nghiệp giết hại. Ông lại đứng trước số hài cốt đã thu nhặt được mà khấn rằng: “Trong số rất nhiều hài cốt này, nếu quả có di cốt của cha ta thì xin chuyển động.” Khấn như vậy rồi lại nhất tâm trì tụng kinh điển, mắt nhìn vào đống hài cốt không lúc nào xao lãng. Trải qua nhiều ngày như vậy, đến một hôm bỗng có một cái sọ khô nảy vọt ra từ đống xương cốt, rồi lay động rất lâu. Đạo Phi nhìn thấy đầu lâu ấy, đau đớn thống thiết, liền thu nhặt đúng bộ hài cốt từ chỗ đầu lâu nảy ra, rồi mang về. Đêm ấy, người mẹ nằm mộng thấy

chồng quay về, đến sáng ra quả nhiên Đạo Phi mang hài cốt về tới.
Về sau, pháp sư Đạo Phi được Hoàng đế ban chiếu triệu thỉnh vào kinh đô thuyết pháp hoằng hóa, danh tiếng ngài vang dội khắp trong triều ngoài nội.

Lời bàn

Sự hiếu thảo có thể phân chia hai loại, hiếu thảo theo pháp thế gian và hiếu thảo theo pháp xuất thế gian. Trường hợp của Pháp sư Đạo Phi là đã bao gồm cả hai loại đó. Đến như pháp sư Đạo Kỷ đời Bắc Tề mỗi lần giảng pháp đưa mẹ đi theo nghe, pháp sư Pháp Vân đời Lương để tang mẹ hình hài gầy ốm suy kiệt, pháp sư Giám Tông đời Đường, vì trị bệnh cho cha mà tự cắt thịt ở hai bắp đùi mình, pháp sư Trí Tụ đời Tùy trong 3 năm để tang mẹ, khóc thương đến nỗi nước mắt chảy ra toàn là máu... những trường hợp hiếu thảo như thế thật rất nhiều, sách vở xưa nay không thể nào ghi chép hết. Nếu nói rằng sau khi đã xuất gia tu hành rồi thì không cần phải lo việc phụng dưỡng cha mẹ, như vậy sao gọi là hiểu được ý nghĩa của câu “hiếu với cha mẹ là trì giới” như trong kinh Phạm Võng đã dạy?

Bảo vệ Chánh pháp để báo ân

Đời nhà Tống có người tên Lữ Mông Chánh, tên tự là Thánh Công. Vào thời Tống Thái Tông, dự thi đỗ tiến sĩ, đứng đầu khoa ấy. Sau làm quan trải qua nhiều lần thay đổi, thăng đến chức Tham tri chính sự, được phong tước Hứa Quốc công.
Lữ công vào thuở thiếu thời hàn vi từng đến nương náu trong tự viện, nhờ đó mới được chuyên tâm đọc kinh thư sách sử. Sau khi đã ra làm quan trong vòng mười năm, những lúc triều đình cấp cho bổng lộc phí tổn để lo việc tế tự ông đều không nhận mà tự mình bỏ tiền ra lo. Hoàng đế hỏi nguyên nhân, ông đáp: “Hạ thần có chút ơn riêng còn chưa báo đáp.”

Hoàng đế lại muốn biết rõ nên gạn hỏi tiếp, ông liền đem sự thật trình bày. Hoàng đế nói: “Trẫm thật không ngờ từ nơi tự viện có thể phát xuất được bậc nhân tài như thế này.” Liền truyền ban cho ông áo bào màu tía để tuyên dương tưởng thưởng.

Lữ công nhận được bao nhiêu bổng lộc ân thưởng của triều đình đều mang cúng dường tăng chúng trong chùa để báo đáp ân đức ngày trước. Mỗi ngày ông đều dậy sớm lễ Phật, khấn nguyện rằng: “Nếu là người không tin Phật pháp, xin đừng sinh vào nhà tôi. Nguyện cho con cháu tôi đời đời thọ hưởng bổng lộc phước đức đều sử dụng để hộ trì Tam bảo.” Về sau, cháu ông là Lữ Di Giản được phong đến tước Thân Quốc công, vào mỗi ngày đầu năm mới, sau khi lễ bái trong nhà thờ gia tộc, đều không quên đốt hương khấu lễ thiền sư Quảng Huệ Nguyên Liễn. Con trai của Lữ Di Giản là Lữ Công Trước sau cũng được phong tước Thân Quốc công, cũng cung kính đối đãi với thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài giống như vậy. Sau đến Lữ Hảo Vấn làm quan Tả thừa, lại cũng đối đãi cung kính với thiền sư Viên Chiếu như vậy. Con trai của Hảo Vấn là Lữ Dụng Trung cũng cung kính đối với thiền sư Phật Chiếu như vậy... Quả đúng như lời nguyện của Lữ Mông Chánh, con cháu đều đời đời được phú quý vinh hiển, phụng sự Phật pháp.

Lời bàn

Kinh Phật dạy rằng: “Ơn đức chư Phật còn hơn cả ơn cha mẹ.” Nhưng công ơn cha mẹ đã gọi là hết sức sâu nặng, nay lại nói ơn đức chư Phật còn hơn thế nữa là ý nghĩa gì?

Nói chung, công ơn cha mẹ tuy sâu nặng, nhưng chỉ giới hạn trong một kiếp sống. Trong khi đó, ơn đức của chư Phật còn xuyên suốt đến tất cả những kiếp sống trong tương lai. Công ơn cha mẹ chỉ là nuôi dưỡng thân thể này, còn ơn đức của chư Phật là cứu giúp sinh mạng trí tuệ, tâm linh

của chúng ta. Lại như sự dạy dỗ giáo huấn của cha mẹ, bất quá cũng chỉ là dẫn dắt ta đi lên trên đường danh lợi, nếu mê lầm mà vận dụng sai lệch thì ngược lại tạo thêm nghiệp báo. Chư Phật, Bồ Tát có thể chỉ dạy cho chúng ta pháp môn giải thoát rốt ráo, chỉ cần làm theo lời dạy của các ngài ắt sẽ nhanh chóng thoát khỏi luân hồi. Cha mẹ nếu gặp phải đứa con ngỗ nghịch liền khởi tâm sân hận. Chư Phật, Bồ Tát tuy có gặp những kẻ hủy báng Phật, hủy báng Chánh pháp, vẫn khởi lòng từ bi thương xót vô cùng. Không chỉ là như thế, mà đến như cha mẹ thương yêu con cái cũng không tránh khỏi sự kỳ vọng mai sau sẽ nuôi dưỡng, lo việc hậu sự tống táng, tế tự cho mình. Còn chư Phật, Bồ Tát thì tuyệt nhiên không có chút mong cầu nào, dù cứu độ cho hết thảy chúng sinh, nhưng ngay từ đầu đã không hề thấy có tướng trạng chúng sinh được độ.

Cho nên, trong thế gian này thì bội ân bạc nghĩa nặng nề nhất không gì hơn những kẻ không tin Phật, hủy báng Phật pháp. Lữ Mông Chánh phát lời nguyện cho những kẻ như thế không sinh làm con cháu của ông, quả thật đã có được một nhận thức vô cùng sáng suốt sâu rộng hơn người.

Thực hành rộng khắp theo Tam giáo

Giảng rộng

Hết thảy các bậc thánh nhân trong Tam giáo đều có tâm niệm cứu giúp người đời, chỉ khác nhau ở sự vận dụng các phương pháp khác nhau để thi hành tâm niệm cứu thế đó mà thôi. Nho giáo vận dụng theo những sự việc hòa nhập với thế tục, Phật giáo dạy người thực hành các pháp môn vượt thoát ra ngoài thế tục. Đạo giáo thì mới nhìn có vẻ như cũng theo con đường vượt thoát thế tục, nhưng thật ra thì chưa từng vượt thoát.

Khổng Tử, Nhan Hồi tuy đều là các bậc thánh nhân, nhưng nếu dựa vào học thuyết của các vị ấy để trừ ma diệt quỷ, ắt chỉ là chuyện viễn vông không thật. Phật giáo với Đạo giáo tuy là tôn quý cao minh, nhưng nếu

muốn dùng vào việc khoa cử để tiến thân trên quan trường, ắt chỉ là chuyện hoang đường, không thể được. Chính vì thế mà Tam giáo tất yếu phải hình thành thế ba chân vạc, cùng hỗ trợ cho nhau trong việc cứu thế. Con người vốn chẳng thể chỉ dùng duy nhất một phương cách mà giáo hóa được, nên sự dạy dỗ của các bậc thánh mới phải phân thành ba đường. Ví như ba vị thầy thuốc giỏi, một người chuyên về nội khoa, một người chuyên về ngoại khoa, một người nữa lại chuyên về nhi khoa. Y thuật của 3 vị tuy khác nhau, nhưng mục đích trị bệnh cứu người đều giống nhau. Nếu như 3 vị này cùng học chuyên một ngành giống nhau, ắt việc trị bệnh cứu người không thể được rộng khắp. Cho nên, sách Thượng thư có nói rằng: "Mỗi người làm việc thiện theo cách khác nhau, nhưng tựu trung cũng đều giúp cho thiên hạ được an ổn."

Tôi từng đọc qua sách "Đồng Nhân phủ chí" (銅仁府志) của đất Quý Châu, được biết rằng tên đất ấy nguyên trước đây dùng chữ nhân (人) có nghĩa là con người, vì trong địa phương ấy có núi Đồng Nhân (銅人). Sau mới đổi chữ nhân (人) thành chữ nhân (仁) có nghĩa là lòng nhân ái, nhưng tên đất với tên núi ấy từ xa xưa vốn thật là Đồng Nhân (銅人).

Núi nằm giữa một cái đầm rất lớn, dưới chân núi toàn là nước. Có một năm trời hạn hán kéo dài rất lâu, nước khô sạch, người ta nhìn thấy bên dưới núi ấy là khoảng không, có ba tượng người bằng đồng rất lớn cùng đội tòa núi lên, sừng sững mà đứng thẳng như thế. Những trang phục nhìn thấy trên thân 3 pho tượng đồng ấy lại giống hệt như lễ phục phân biệt của Tam giáo. Thiết nghĩ, ngọn núi ấy phải có từ thời khai thiên lập địa, lúc đó cả Tam giáo thậm chí còn chưa có tên gọi. Nhưng các pho tượng đồng vĩ đại như thế quả thật sức người không thể đúc ra được. Thế mới biết rằng Tam giáo vốn thật đã sẵn có từ khi trời đất hình thành. Huống chi như vị

thế của Đế Quân vốn siêu việt trên nhân loại, lẽ đâu không biết rằng đạo lớn luân thường của Khổng Nhan vốn dĩ đã chói sáng như mặt trời, mặt trăng đi qua bầu trời, vậy tại sao vẫn muốn kiêm hợp gắn liền cả Phật giáo và Đạo giáo để giáo huấn, răn dạy hàng nho sĩ?

Lại xét rằng, cõi Nam Diêm-phù-đề tuy gọi tên chỉ là một châu, nhưng bao gồm rất nhiều đất nước khác nhau. Mỗi một đất nước đều có các bậc thánh hiền ra đời thiết lập giáo pháp để giáo hóa người đời. Cho nên, những bậc thánh hiền như Khổng Tử, Lão Tử... hẳn là nhiều không thể tính đếm hết, chỉ có điều ở mỗi nước đều dùng danh xưng khác nhau để gọi mà thôi. Đến như văn tự chữ viết, chí ít cũng có đến 64 loại, nay những gì các nhà Nho đọc qua, bất quá cũng chỉ là những sách vở dùng trong khoa cử. Ngoài những thứ ấy ra, chỗ kiến giải của họ liệu có được bao nhiêu? Đến như ba tạng mười hai bộ kinh trong Phật giáo, được cất giữ cẩn thận nơi cung điện của Long vương, chẳng những là nhà Nho không thể được thấy, mà nếu có thấy qua ắt cũng chỉ biết chê bai bài xích. Ấy chỉ vì nếu không chê bai bài xích thì sợ rằng không được xem là người noi theo và giữ gìn truyền thống Nho gia. Những kẻ bài xích như thế, cũng không chỉ dùng lời nói, mà còn trước tác, biên soạn thành sách vở, không khỏi có những lời xuyên tạc lệch lạc, báng bổ, đem thuyết “ý, tất, cố, ngã” của Khổng Tử mà giảng giải theo ý riêng sai lệch, quen thói cổ hủ chỉ biết công kích những ai khác biệt với mình. Nhưng xét kỹ hành vi mà những kẻ như thế ngày đêm thường làm, cho đến những tâm niệm ẩn khuất thường khởi sinh lúc ngồi một mình, thì tất thảy không ra ngoài chuyện tranh danh đoạt lợi, dối đời hại người. Thậm chí còn bôn ba xu nịnh kẻ quyền thế để mưu lợi danh, cờ gian bạc lận đủ việc xấu ác không gì không làm. Những kẻ ấy, đối với cái học sửa tâm chính đáng, rèn ý chân thành, cứu đời giúp người của Nho gia thì họ chẳng bao giờ nói đến, chỉ toàn làm tổn hại thanh

danh tốt đẹp của Nho gia, như vậy sao có thể làm sáng tỏ học thuật của Nho gia? Lời dạy của Đế Quân về việc "thực hành rộng khắp theo Tam giáo" quả thật có thể xem như một tiếng chuông cảnh tỉnh giữa đêm dài mê muội.

Người đời có thể học làm đúng theo lời Khổng Tử, ắt là Phật Thích-ca cũng lấy làm vui. Người đời có thể học làm theo lời dạy của Phật, ắt Khổng Tử cũng lấy làm vui. Nếu như cứ nhất định cho rằng chỉ làm theo đúng như đạo của mình mà thành người hiền thiện thì mới vui lòng, bằng như không làm theo đúng như đạo của mình thì cho dù có thành người hiền thiện mình cũng không vui; như thế ắt chỉ giống như tôi tớ quy thuận chủ nhân, quân binh quy thuận tướng lãnh mà thôi, sao có thể gọi là làm đúng theo ý nguyện các bậc thánh nhân của Tam giáo?

Khi nói "thực hành rộng khắp", đó là nói về phương diện tâm ý, không phải nói về những biểu hiện hình thức nơi vẻ ngoài. Người nào đối với lẽ nhân nghĩa có thể luôn tu tập nghĩ nhớ đến, đó chính là thực hành theo đạo Nho, không nhất thiết phải dựa vào hình thức áo xanh đai mực mới gọi là nho sĩ. Người nào có thể chứng ngộ chân tâm, thấu triệt bản tánh, đó chính là thực hành theo đạo Phật, không nhất thiết phải dựa vào hình thức đầu tròn áo vuông mới gọi là tăng sĩ.

Những kẻ học Nho câu nệ theo cổ lệ, khi nghe đến khái niệm "thực hành rộng khắp" ắt sẽ không hài lòng mà cho rằng như thế là học vấn pha tạp, không tinh thuần, nhưng lại không biết rằng trong sự pha tạp cũng có những chỗ cần phân biệt rõ. Như trong lẽ trời có pha tạp ý muốn con người, trong vương đạo có pha tạp bá thuật, trong lúa gạo có pha tạp cám trấu... những điều ấy nhất định không thể gọi là hỗn tạp. Đến như những lời dạy của Tam giáo thì thảy đều nhằm mục đích mang lại lợi lạc cho thân tâm con người. Ví như Thái sơn không bỏ đất chọn đá, nên mới hợp thành

ngọn núi cao lớn sừng sững; biển lớn không loại bỏ các dòng nước nhỏ, nên mới hình thành độ sâu thăm thẳm, há có thể chê bỏ cho rằng những điều ấy là pha tạp được sao? Xét trong một gia đình, ắt phải có cơm ăn áo mặc, có tiền tài vật báu, có người giúp việc, có ruộng vườn v.v... có thể nói là cực kỳ pha tạp. Thế nhưng nếu không có đủ những thứ pha tạp như thế thì nhà ấy chẳng thể gọi là giàu sang. Hoặc xét như những thứ ta ăn vào bụng, ắt là có cơm có cháo, có món canh món nướng, có giấm chua muối mặn, hẳn cũng có thể gọi là cực kỳ pha tạp. Nhưng nếu không có đủ những thứ pha tạp ấy, người ta không thể mạnh khỏe. Vậy sao lại riêng khởi tâm nghi ngờ việc thực hành rộng khắp theo Tam giáo mà cho là hỗn tạp?

Luận về lợi ích của sự thực hành rộng khắp

Giúp vào sự giáo hóa của vua

Trong sự cai trị đất nước, việc giữ cho dân tình yên ổn không dựa vào điều gì khác hơn là khen thưởng và trừng phạt. Muốn làm sáng rõ hình luật, trợ giúp việc giáo hóa nhân dân, ắt cần phải thực hành rộng khắp theo Nho giáo. Thế nhưng, phạm vi của sự thưởng phạt bất quá cũng chỉ giải quyết được một phần trăm, phần ngàn các vấn đề xã hội mà thôi. Như muốn trừ bỏ được những việc xấu ác trong chỗ ẩn khuất mà người khác không ai biết, hay những tâm niệm xấu ác vừa mống khởi, thì dẫu cho mỗi nhà đều có một Khổng Tử, mỗi hộ giao cho một Cao Đào, e rằng cũng không thể làm nổi. Cho nên, người đời thường chỉ sợ hình luật của quốc gia, phần lớn chẳng biết sợ sự trách phạt của lẽ trời. Nhưng nói chung thì hình luật của quốc gia còn có thể tìm cách lẩn trốn, tránh né, mà sự trách phạt của lẽ trời thì không cách gì trốn tránh được. Nếu người đời có thể thực hành rộng khắp theo Phật giáo, Đạo giáo, khiến cho thuyết nhân quả được tỏa sáng rực rỡ trong đời, ắt người thế gian từ nơi chỗ nhỏ nhiệm sâu thẳm

trong tâm thức cũng tự nhiên có sự kiêng sợ không dám làm điều bất thiện. Được như vậy thì so với việc Khổng Tử biên soạn sách Xuân Thu khiến cho bọn loạn thần nghịch tử đều kinh sợ, ắt là hiệu quả cũng không hề thua kém.

Lời bàn

Vào thời Lưu Tống, Tống Văn Đế có lần bảo Hà Thượng: "Phạm Thái, Tạ Linh Vận thường nói rằng Lục kinh của Nho gia căn bản là nhằm cứu giúp thế tục, chính đính lòng người. Nếu muốn cầu đạt đến tâm tánh linh diệu sáng suốt, thấu rõ yếu nghĩa chân thật, thì nhất định phải nương theo sự chỉ dẫn của Phật giáo. Giá như nhân dân cả nước đều được Phật pháp cảm hóa, ắt trẫm sẽ có thể ngồi yên mà hưởng cảnh thiên hạ thái bình." Hà Thượng đáp rằng: "Từ khi nhà Tấn dời đô qua sông về phương đông đến nay, những người như Vương Đạo, Chu Nghĩ, Dữu Lượng, Tạ An, Đới Quỳ, Hứa Tuân, Vương Mông, Hy Siêu, Vương Thản Chi, cho đến các đời ông cha, anh em của thần không ai là không quy y theo đạo Phật. Xét như trong một làng trăm hộ, nếu có một người thọ trì Năm giới, tức là có một người làm việc thiện; 10 người giữ Năm giới tức có 10 người làm việc thiện. Có người làm một việc thiện tức là trừ bỏ được một việc xấu ác. Trừ bỏ được một việc xấu ác tức là bớt được một hình phạt trừng trị. Mỗi nhà giảm bớt một hình phạt, thì cả nước giảm được hàng vạn hình phạt. Bệ hạ nói rằng có thể ngồi yên hưởng thái bình chính là như vậy. Các nhà Nho sau này do húy kỵ với Phật giáo nên thay dùng những khái niệm 'quân tử, tiểu nhân' để bổ trợ cho những chỗ mà sự thưởng phạt không thể đạt đến. Thần cho rằng cách làm như thế thật là thiển cận hẹp hòi."

Phát triển Nho học chân chánh

Chúng ta đã có chí theo học Khổng Mạnh, nên học lấy chỗ bản lĩnh sâu sắc nhất. Chẳng hạn như học theo quan điểm của Khổng Tử là "không có

một bậc thầy cố định nào”, hoặc “đạo của ta chỉ dùng một mối mà quán thông vạn pháp”, hoặc như thuyết “không ý, tất, cố, ngã”, đó chính là những chỗ sâu sắc nhất trong học thuyết của Khổng Tử. Còn như việc nhận rõ và nêu ra các lẽ “tự chế phục bản thân, quay về theo lễ nghĩa đạo lý” hay “chân thành và khoan thứ”, thì chính là chỗ bản lĩnh sâu sắc nhất của các vị Nhan Hồi, Tăng Tử.

Học thuyết của Trọng Ni chuyên nhắm đến sự tự mình tu dưỡng, chế phục bản thân. Vì thế mới có những lời như: “Đạo vốn ở tự tâm, lặng lẽ mà nhận hiểu”, hoặc như: “Ta thật không có thời gian nhàn rỗi để phê phán người khác”, hoặc là: “Thường nghiêm khắc với lỗi lầm của chính mình mà khoan thứ, giảm nhẹ sự trách cứ đối với người khác.” Những lời dạy đầy lòng nhân ái như thế, trong sách Nho lưu lại rất nhiều, một lần không thể kể ra được hết.

Vào thời của Mạnh Tử, tuy vẫn có các thuyết khác của Dương Mặc, nhưng Mạnh Tử đều cương quyết bác bỏ, không chấp nhận. Đó chỉ là vì cho rằng chủ trương lấy sự thương yêu nhường nhịn thay cho hình phạt chế trị tuy rất tốt đẹp, lý tưởng, nhưng trong thực tế không phải điều mà tất cả mọi người đều có thể làm theo. Không giống như những kẻ đời sau đối với học thuyết nỗ lực tự hành của Trọng Ni thì tránh khó tìm dễ, muốn cầu an ổn, nhưng chỉ riêng lấy việc bài xích, chống lại Dương Mặc mà cho rằng như thế đã là hàng môn đệ của thánh nhân, liền phấn khích vỗ tay nhảy nhót; vốn thật đối với sự tu dưỡng thì bỏ khó tìm dễ, ngược lại trong lòng tiếc hận rằng đời nay chẳng có Dương, Mặc để cho mình bài xích. Nhân đó liền soi mói tìm kiếm những điều nhỏ nhặt, khiên cưỡng có đôi chút tương tợ thì lập tức cho đó là thuộc về học thuyết của Dương Mặc. Rồi lại mang những điều thật trong học thuyết của Dương Mặc mà gán cho Phật giáo, Đạo giáo. Những kẻ ấy quả là phí công chạy theo cái học giảng thuật, mà

chỗ thực hành tu dưỡng đức hạnh tự thân lại quá sơ sài, cạn cợt. Thật chẳng bằng noi theo tâm lượng chí công vô tư của bậc thánh hiền, chỉ cần nỗ lực hết sức mình, dẹp bỏ những sự công kích đối với kẻ khác, như vậy ắt sẽ tự nhiên mà được thành tựu.

Lời bàn

Ngũ giới của đạo Phật, mới nhìn qua có vẻ như tương tợ với Ngũ thường của Nho gia, nhưng chỉ nên kết hợp để tán trợ cho nhau, không nên có sự công kích hủy báng nhau. Có những nhà Nho không có sự suy xét kỹ càng, vừa nghe giáo pháp "từ bi" xuất phát từ đạo Phật liền lập tức phản bác, công kích, hóa ra chính vì thế mà làm suy vi học thuyết về "đức nhân" của Nho giáo. Lại vừa nghe đến những giới "không trộm cắp, không tà dâm" là xuất phát từ đạo Phật, liền lập tức phản bác, hóa ra vì thế mà làm tiêu vong học thuyết về "nghĩa" của Nho giáo. Lại nghe nhà Phật răn cấm sự nói dối, liền lập tức phản bác, hóa ra vì thế mà làm diệt mất đạo "trung tín" của Nho gia. Như thế chẳng phải là muốn bảo vệ đạo mình, hóa ra lại làm tổn hại cho đạo đó sao?

Xưa có vị học giả cho rằng Phật giáo có hại, đem việc ấy hỏi tiên sinh Tượng Sơn. Tiên sinh liền hỏi lại: "Nếu nói có hại, vậy nói xem có hại ở điểm nào?" Kỳ thật hiện nay gây tổn hại cho đạo lý chính là ở những lời nhàn rỗi công kích của đám người tự khoe mình là học giả đó thôi.

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (16)

Ngấm ngầm trừ dứt tai họa

Giữa vũ trũ mênh mông, thế nào cũng có lúc xuất phát những bậc anh hùng tài năng kiệt xuất. Điều quan trọng là phải biết vận dụng tài trí hơn người theo những khuynh hướng chân chánh, ắt sẽ thành những bậc cứu thế lưu danh như Trương Lương, Chu Bột, Trần Bình, Tiêu Hà... Bằng như vận dụng vào chỗ tà vạy xấu ác, ắt sẽ trở thành những kẻ như Vương Mãng, Đổng Trác, Tư Mã Ý, Tào Tháo...

Từ khi thiết đặt chế độ thi cử khoa bảng, tự nhiên khiến cho người ta ngay từ thuở thiếu thời đã lao vào những chuyện bút nghiên giấy mực, hết năm này sang năm khác, bỗng chốc nhìn lại đã đến lúc tóc bạc răng rụng. Trong suốt thời gian ấy, quả không ít người đè nén được tính khí gian hùng, trừ bỏ được tâm tánh giảo hoạt. Lại riêng có những bậc tài trí kiệt xuất hơn người, công danh lợi lộc chẳng động tâm, liền lui về những chốn tùng lâm tĩnh mịch, sớm chiều kinh kệ, cầu học đông tây, xem công danh như áng mây trôi, nhìn sống chết khác nào giấc mộng. Lại có những kẻ tính khí ngang bướng ngỗ nghịch, nhưng nhờ niệm Phật tu thiền mà được chuyển hóa, ngấm ngầm trừ dứt được những nguyên nhân mang đến tai họa. Chẳng thể biết được số người như thế đã lên đến hàng bao nhiêu ngàn vạn vạn người, liệu có thể nói những lợi lạc mang lại cho xã hội như thế là nhỏ nhặt được sao?

Lời bàn

Khổng Tử soạn thành sách Xuân Thu, khiến cho bọn loạn thần nghịch tử khi xem đến đều rúng động kinh sợ. Thế thì bọn chúng sợ những gì? Đó là sợ tiếng xấu để lại muôn đời sau khi chết. Nhưng đó chỉ là chuyện của thời đạo đức văn minh hãy còn hưng thịnh. Nếu là bọn loạn thần nghịch tử của đời sau này, khi đạo đức đã suy thoái, ắt cũng chẳng sợ gì việc tiếng xấu truyền lưu. Hơn nữa, cũng chẳng riêng gì là kẻ loạn thần nghịch tử, đến như rất nhiều người được xưng là trí thức, đa phần cũng chẳng hề biết đến sách Xuân Thu!

Vậy nên phải nương theo giáo lý nhà Phật mà chỉ ra cho mọi người thấy rằng, đời sống này ngắn ngủi không thường còn, sau khi chết nhất định phải thọ lãnh nghiệp báo; những kẻ bất trung bất hiếu, tạo nhiều ác nghiệp ắt phải đọa làm súc sinh, ngạ quỷ. Khi ấy mới biết rằng suốt đời vất vả chạy theo bao tâm niệm gian tà, lập nhiều mưu ma chước quỷ, rốt cuộc cũng chẳng được gì, nhưng đời sau phải chịu muôn điều khổ não, chung quy cũng chỉ do chính mình tự tạo. Hồi tưởng lại những khi đấu tranh giành giật, mưu bá đồ vương, nay hốt nhiên thảy đều tan nhanh như sương sớm.

Đáng mừng thay, từ khi có đạo Phật đến nay, biết bao kẻ loạn thần nghịch tử phải run sợ, biết bao kẻ gian trá xấu xa phải khiếp đảm, khiến cho người người ngày càng hướng thiện, nhưng lắm kẻ dường như chẳng biết nhờ ai mà được sự tốt đẹp như thế. Bản thân tôi xem trong giáo pháp vĩ đại của đức Như Lai mà nhận biết được hết thảy những điều ấy.

Trưng dẫn sự tích

Quả báo tức thời của kẻ hủy báng giáo pháp

Quan Tư đồ thời Bắc Ngụy là Thôi Hạo, học nhiều biết rộng, tài trí hơn người, được Thái Vũ Đế hết sức tin dùng, ưu ái. Nhưng ông vốn không tin Phật pháp, thường khuyên vua làm những việc hủy hoại giáo pháp, tiêu

diệt Tăng-già. Ông thấy vợ là Quách thị tụng kinh Phật thì nổi giận đốt kinh.
Thôi Hạo có 2 người em là Thôi Di và Thôi Mô, hết sức kính tín Tam bảo. Mỗi khi nhìn thấy tượng Phật, cho dù đang ở chỗ đất bùn cũng nhất định quỳ xuống lễ lạy. Thôi Hạo thấy vậy thì cười nhạo, hết lời bài xích.
Về sau, Thôi Hạo vì liên quan trong việc chép quốc sử mà làm cho Vũ Đế nổi giận, nhốt vào cũi trên xe đưa ra thành phía nam, bị đánh đập tra tấn cực kỳ tàn khốc. Lại cho 10 người vệ sĩ cùng lúc tiểu tiện lên người ông, nhục nhã đau đớn, than khóc rất thê thảm, người đi đường ai nấy đều nghe thấy. Từ xưa đến nay, thân làm đến trọng thần chấp chính mà cuối cùng phải chịu khổ nhục đến như Thôi Hạo thật là chưa từng có. Toàn gia tộc họ Thôi bất luận già trẻ đều bị mang ra xử tử hình, chỉ riêng Thôi Di và Thôi Mô do không cùng chí hướng với Thôi Hạo nên đặc biệt được miễn tội.

Lời bàn

Sau khi Thái Vũ Đế hủy diệt Phật pháp, có vị sa môn là Đàm Thủy chống tích trượng đi thẳng vào hoàng cung. Thái Vũ Đế sai người bắt mang ra chém, nhưng đao chém không gây được thương tích gì cho ngài. Vua giận lắm, đích thân đến tận nơi rút đao chém, vị sa môn ấy cũng không hề hấn gì. Vua sai mang ném vào chuồng cọp. Cọp vừa nhìn thấy đại sư bỗng khiếp sợ nằm mọp xuống sát đất, bất động. Vua lại truyền đưa đạo sĩ Khấu Khiêm đến, bảo đi lại gần chuồng cọp. Cọp lập tức gầm lên, nhe răng muốn cắn. Vua kinh sợ, liền thỉnh Đại sư Đàm Thủy lên đại điện, lễ bái sám hối tội trước, xin hứa sẽ khôi phục lại Phật giáo.
Than ôi! Các bậc thánh trong Tam giáo, vị nào cũng chỉ muốn giáo hóa con người đến chỗ hiền thiện mà thôi, lẽ nào lại có thể so sánh mà cho rằng chỗ lập giáo của mỗi đạo có sự hơn kém nhau? Tần Thủy Hoàng lầm tin

mưu kế của Lý Tư, thực hiện chủ trương đốt hết sách vở, chôn sống Nho sĩ, rốt cùng bỏ mạng tại Sa Khâu, còn Lý Tư bị giết sạch cả họ. Các vua đời Đông Hán như Hoàn Đế, Linh Đế, đời Đường như Chiêu Tông, Tuyên Tông, đều do mê muội sủng ái tin lời bọn hoạn quan mà giết hại những bậc danh sĩ trong thiên hạ. Rốt cuộc những kẻ bày mưu đều gánh chịu tai họa mất mạng, các vua ấy thì chịu họa mất nước.

Ngụy Thái Vũ Đế mê muội nghe lời Thôi Hạo, phá chùa chiền, đốt kinh Phật, chưa được 3, 4 năm thì Thôi Hạo mang họa cả họ bị tru diệt, cha con Thái Vũ Đế đều chết không an ổn.

Chu Vũ Đế lầm nghe theo lời Vệ Nguyên Tung mà hủy diệt giáo pháp, chưa quá 3, 4 năm thì Nguyên Tung bị giáng tội chết, Chu Vũ Đế mắc bệnh lạ, toàn thân nóng nảy như lửa đốt, rốt lại chỉ mới 36 tuổi đã bỏ mạng, trước giờ chết nhìn thấy vô số điều xấu ác thảm thương, thật không nỡ kể ra đây.

Đường Vũ Tông tin theo Triệu Quy Chân, Lý Đức Dụ, phá bỏ chùa chiền khắp nơi. Chưa được một năm, Quy Chân bị tội chết, Đức Dụ cũng bị đày đến chết tại Nhai Châu. Đường Vũ Tông thì chết lúc mới 32 tuổi, không con nối dõi.

Các vua đời Ngũ quý, không ai tài trí hơn Chu Thế Tông, chỉ có điều là không biết tin kính Phật pháp, thậm chí về sau cho nấu chảy tượng Phật lấy đồng đúc tiền. Thế nên không quá 6 năm thì mất nước về tay Triệu Khuông Dận của Bắc Tống.

Rốt cùng xem lại, nhà Tần hủy phá đạo Nho, chỉ sau 30 năm thì Nho giáo hưng thịnh trở lại; các triều Hán, Đường có những lúc khắt khe tàn hại các bậc danh sĩ trong thiên hạ, nhưng chẳng mấy năm sau thì giới sĩ phu cũng dần dần phát triển như trước. Đời Bắc Ngụy Thái Vũ Đế hủy phá Phật pháp, chỉ sau 7 năm thì đạo Phật được khôi phục; đời Chu Vũ Đế hủy phá

Phật pháp, chỉ sau 6 năm thì đạo Phật cũng được khôi phục; Đường Vũ Tông hủy phá Phật pháp, không quá 1 năm thì đạo Phật lại khôi phục; đó chẳng phải là ngửa mặt lên trời phun nước bọt, hóa ra tự làm dơ mặt mình đó sao?

Lý Tư và Thôi Hạo là hai kẻ nặng tội nhất trong việc diệt Nho hủy Phật, nên ngay trong đời đã phải chịu quả báo diệt thân cực kỳ lạ lùng thảm khốc. Tống Huy Tông tuy làm việc sửa đổi chùa chiền Phật giáo thành đạo quán của Đạo giáo, nhưng chưa đến nỗi hủy diệt Chánh pháp, nên tự thân ông ta tuy chịu sự nhục nhã, nhưng vận nước vẫn được nối dài. Đó đều là những chuyện đời trước hết sức rõ ràng, có thể khảo chứng được. Nguyện cho người người trong thiên hạ đều có thể nhận hiểu được ý nghĩa của việc thực hành rộng khắp theo Tam giáo, người theo Nho giáo, kẻ theo Đạo giáo hay người tin Phật giáo, thảy đều thực hành theo lời dạy của đạo mình, đồng tâm hiệp lực trong việc giáo hóa, mang lại sự an ổn cho xã hội, không còn xung khắc báng bổ lẫn nhau. Được như thế quả thật là vô cùng may mắn cho tất cả chúng sinh.

Phụ đính 2 mục hỏi đáp về tăng sĩ

Hỏi: Các vị tăng sĩ không bỏ công cày ruộng dệt vải, chỉ ngồi thọ hưởng cúng dường, thật là hao phí lương thực, vải vóc trong xã hội, như vậy mang lại những lợi ích gì?

Đáp: Trong xã hội có rất nhiều hạng người không cày ruộng mà vẫn có cơm ăn, đâu chỉ riêng các vị tăng sĩ? Ví như các vị ấy không xuất gia, chẳng lẽ lại không tiêu tốn lương thực, vải vóc? Nếu tiêu tốn lương thực, vải vóc, liệu có nhất định phải do các vị ấy tự cày ruộng, dệt vải mà có chăng? Huống chi, nếu họ làm người thế tục thì chẳng phải chỉ một thân một mình, ắt còn phải có thêm vợ con quyến thuộc, tôi tớ giúp việc... nên sự tổn phí còn hơn gấp nhiều lần, sao có thể so với cuộc sống tăng lữ chỉ

một y một bát, rày đây mai đó giáo hóa người đời?

Người đời dùng da chồn lông cáo làm thành mão quan tôn quý; gấm vóc trang điểm làm thành y phục sang trọng; lên núi cao, xuống biển sâu tìm về đủ các món ngon vật lạ, mà những người thọ hưởng các thứ ấy, xét kỹ ra đều là những kẻ không cày mà có cơm ăn. Vậy thử hỏi những kẻ ấy là ai? Là tăng sĩ chăng? Là người thế tục chăng?

Trong chốn thế tục, những hầu thiếp được yêu mến khi trang sức trên người thật chẳng tiếc gì châu ngọc quý báu; những đào hát diễn viên chốn cung đình cũng dùng toàn đai ngọc mũ vàng; hoặc như những sòng bạc thâu đêm suốt sáng hoang phí bạc tiền; hoặc những kẻ kết thành bè đảng ăn chơi, rượu thịt ê hề... Những kẻ không làm mà ăn như thế quả thật nhiều đến mức lấy xe mà chở, lấy đấu mà đong cũng không hết được, sao không nhắm đến bọn họ mà trừ khử, lại chỉ biết quy lỗi vào hàng tăng sĩ? Lẽ nào những kẻ phàm tục, xấu ác, hèn kém lại được thọ hưởng y phục gấm vóc, món ăn trân quý, còn bậc hiền nhân thấy thật tánh, rõ chân tâm lại không xứng đáng thọ dụng áo vải thô, cơm dưa muối hay sao? Tôi thường nghe lắm kẻ chuyên đi công kích người không đồng quan điểm với mình, thật không khỏi có chút bất bình.

Hỏi: Xã hội ngày xưa có 4 thành phần là sĩ, nông, công, thương. Xã hội ngày nay lại thêm 2 thành phần nữa là tăng sĩ với đạo sĩ, thành cả thảy đến 6 thành phần. Một nhà làm ruộng mà đến sáu nhà ăn, một nhà sản xuất vật dụng mà đến sáu nhà dùng, như vậy làm sao khỏi đi đến chỗ nghèo đói rồi sinh ra trộm cắp khắp nơi?

Đáp: Nếu số người tiêu thụ lương thực giảm xuống, lúa thóc ắt không bán ra được, nông dân tất nhiên bị tổn hại. Nếu số người sử dụng vật dụng giảm đi, vật dụng làm ra không bán được, ắt công nhân cũng bị tổn hại. Cho nên, nguồn lợi của nông dân chính là ở chỗ có nhiều người tiêu thụ

lúa thóc, nguồn lợi của công nhân chính là ở chỗ có nhiều người tiêu thụ vật dụng. Thử hỏi, những người ăn lúa thóc của nông dân, dùng vật dụng của công nhân làm ra, lại ngang nhiên mà lấy không của họ được chăng? Hay là phải bỏ tiền ra mua? Giá như không mua mà có thể lấy dùng, tất nhiên số ấy càng đông càng tai hại. Còn nếu như người dùng đều bỏ tiền mua mà vẫn cứ cho là gây hại cho xã hội, thì lẽ nào như các nhà buôn bán lớn, mỗi ngày bán ra hàng hóa trị giá cả ngàn nén bạc, cha mẹ vợ con họ nhìn thấy như thế lại phải đau đớn khóc lóc chăng? Những người thắc mắc như thế quả là cổ hủ, chẳng hiểu gì việc đời, thật không đáng để nói đến.

Giúp người khẩn cấp như cá mắc cạn; cứu người nguy nan như chim bị lưới siết

Giảng rộng

Những khái niệm “nguy nan” với “khẩn cấp” mang ý nghĩa rất rộng, so với văn trước có nói “cứu người khi nguy nan” cũng đồng nghĩa. Tuy nhiên, trước là Đế Quân kể việc của ngài tự làm, còn ở đây là răn dạy, khuyên bảo người đời nên làm. Chữ “như” được dùng ở câu này mang 2 nghĩa. Một là dùng để so sánh hai sự việc tương tự nhau, hai là dùng để so sánh tâm ý cấp thiết trong hai trường hợp cũng giống nhau.

Trưng dẫn sự tích

Thoát nạn, cứu người

Triều Đông Tấn, trong khoảng niên hiệu Thái Nguyên, tại kinh thành Trường An có một người tên Trương Sùng, ngày thường vẫn luôn tin tưởng phụng sự Phật pháp. Từ sau khi Tuyên Chiêu Đế của nhà Tiền Tần là Phù Kiên bị Đông Tấn đánh bại, Trường An có đến hơn ngàn hộ dân lành muốn bỏ chạy về phương nam quy thuận Đông Tấn, bị quân binh trấn thủ biên giới bắt được, có ý muốn giết hết đàn ông, còn phụ nữ thì bắt giữ rồi bán đi. Khi ấy, Trương Sùng cũng bị bắt giữ, chân tay đều bị gông cùm,

nửa người bị chôn sống trong đất, hôm sau dự tính sẽ cho bọn binh sĩ cưỡi ngựa chạy ngang dùng cung tên bắn chết, xem đó là trò vui.
Trương Sùng nghĩ mình chắc chắn không thoát khỏi cái chết, chỉ biết đem hết lòng thành niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Khoảng nửa đêm, gông cùm bỗng tự mở, thân thể hốt nhiên bay vọt ra khỏi đất, liền nhân lúc đêm tối chạy trốn. Nhưng lúc ấy chân bị đau quá cơ hồ không chạy được, liền tiếp tục trì niệm danh hiệu Bồ Tát, thành tâm lễ bái, rồi đặt một tảng đá trước mặt mà phát nguyện rằng: “Nay tôi muốn vượt sông Trường giang về phía đông, đem nỗi oán hận này tố giác lên hoàng đế nhà Tấn, mong cứu thoát được hết những người đang bị giam giữ ở đây. Nếu tâm nguyện của tôi có thể thành tựu, xin cho tảng đá này vỡ ra làm đôi.” Khấn như vậy rồi, liền nhấc tảng đá lên mà thả rơi xuống đất. Quả nhiên, tảng đá vỡ đôi. Trương Sùng liền nỗ lực hết sức chạy về được đến kinh đô nhà Tấn, đem mọi việc trình lên Tấn đế. Tấn đế sai quân đến giải cứu cho số người đang bị giam giữ; có một số phụ nữ đã bị bán đi, liền xuất tiền chuộc lại đưa về hết.

Lời bàn

Tự mình chưa thoát được mà đã khởi tâm muốn cứu thoát người khác, ấy là phát tâm của hàng Bồ Tát. Tâm nguyện của Trương Sùng vốn đã tương ưng với tâm nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm, nên sự cầu nguyện của ông đương nhiên phải được linh ứng.

Từ xa cứu nạn giảng đường sụp đổ

Đời Bắc Chu, chùa Đại Truy Viễn ở kinh thành có vị tăng hiệu Tăng Thật, vốn họ Trình, quê ở Hàm Dương, là bậc chân tu đạo hạnh. Một hôm, vào lúc giữa trưa ngài bỗng lên lầu gióng chuông rất gấp, tụ tập chúng tăng, dặn tất cả chúng tăng đều phải chuẩn bị hương trầm. Mọi người mang hương trầm đến, thưa hỏi nguyên nhân, ngài liền dạy: “Trong giờ khắc này,

tại Giang Nam ở chùa... ... có một giảng đường sắp bị sụp đổ, có thể đè chết cả ngàn người. Nếu mọi người ở đây cùng nhau đồng tâm trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, có thể cứu được nạn ấy.” Chúng tăng vâng lời, cùng nhau niệm Phật hiệu, âm thanh vang rền cả vùng.
Mấy ngày sau có tin từ Giang Nam đến, quả nhiên đúng là trong giờ ngọ ngày hôm trước đó, có giảng đường tại Dương Châu đang tổ chức thuyết pháp, thính chúng ngồi chật bên trong đến cả ngàn người. Bỗng thấy từ hướng tây bắc có đám khói hương lạ bay đến, cùng với tiếng nhạc trong trẻo ngân nga. Mây hương từ cửa phía bắc của giảng đường bay vào, rồi bay thẳng ra cửa phía nam. Người trong giảng đường lấy làm kinh dị, tất cả đều đổ xô chạy theo đám mây hương ấy mà ra khỏi giảng đường. Mọi người vừa ra hết thì giảng đường cũng vừa sụp đổ. Nhờ đó mà không ai bị thương tổn gì.
Vua nhà Lương nghe biết chuyện này, ba lần xuống chiếu thỉnh ngài triều kiến nhưng ngài đều không đến. Niên hiệu Bảo Định năm thứ 3, vào ngày 18 tháng 10, ngài thị tịch, trong triều ngoài nội ai ai cũng đều thương tiếc.

Lời bàn

Một niệm chí thành có thể tạo thành khói hương, âm nhạc, chỉ trong chớp mắt đã đến được nơi xa ngàn dặm, từ đó có thể hiểu ra được ý nghĩa “tất cả đều do tâm tạo”. Thế thì, sao lại có thể cho rằng việc tu phước cầu siêu thoát cho hương linh không thể trong một chớp mắt thông suốt chốn u minh địa phủ; rằng người niệm Phật cầu vãng sinh không thể trong một sát-na thẳng đến cảnh giới Tây phương Cực Lạc?

Bỏ chức quan, cứu thuộc cấp

Triều Nam Tống, trong khoảng niên hiệu Chiêu Hưng, vùng Lư Lăng có người tên Chu Tất Đại, làm quan vùng Lâm An thuộc Triết Giang, trong đó có một xưởng bào chế thuốc. Một hôm, kho chứa thuốc bị hỏa hoạn, cháy

lan sang nhà dân chúng quanh đó. Người nhân viên phụ trách giữ kho thuốc ấy, theo đúng luật phải xử tội chết. Chu Tất Đại gọi người ấy đến hỏi: “Nếu hỏa hoạn ấy là do lỗi của quan thì xử tội gì?” Người ấy đáp: “Bất quá cũng chỉ bị cách chức thôi.”

Chu Tất Đại liền nhận tội về mình, bị cách chức quan. Người nhân viên kia nhờ đó thoát chết. Chu Tất Đại đến thăm cha vợ, ông nghe việc Tất Đại bị cách chức, trong lòng giận lắm. Bấy giờ gặp lúc tuyết rơi rất nhiều, có đứa trẻ đang quét tuyết trong sân nhà, cha vợ ông nhìn thấy bỗng sực nhớ lại đêm qua nằm mộng thấy mình quét tuyết trong sân để nghênh đón quan tể tướng, nhân đó mới giữ Tất Đại ở lại chơi, tiếp đãi trọng hậu.

Về sau, quả nhiên Tất Đại dự khảo thí khoa Bác học hoành từ trúng tuyển, ra làm quan thăng dần đến chức Tể tướng, được phong tước Ích Quốc Công.

Lời bàn

Tự mình có tội, người thế gian còn muốn đổ vạ cho người khác, huống chi tội của người khác lại khẳng khái nhận lấy về mình, đến nỗi phải mất chức quan? Độ lượng của quan Tể tướng quả thật rộng sâu không thể đo lường!

Giúp người chuộc tội được sinh con

Vào đời Minh, huyện Quảng Bình thuộc tỉnh Hà Bắc có người tên Trương Tú, nhà nghèo lại không có con. Trương Tú đặt một cái bình đất trong nhà, tiền dành dụm được đều cho vào đó, trải qua 10 năm thì vừa đầy bình.

Có người hàng xóm của ông sinh được 3 đứa con còn nhỏ, phạm vào pháp luật, buộc phải bán người vợ đi để lấy tiền chuộc tội. Trương Tú biết chuyện, sợ người mẹ bị bán đi ắt 3 đứa con nhỏ không người chăm sóc, liền mang hết số tiền dành dụm của mình ra chuộc tội cho người kia. Vì số tiền ấy vẫn còn thiếu, nên vợ ông liền mang cả chiếc trâm cài đầu của bà

bán đi để thêm vào cho đủ số.
Đêm ấy, Trương Tú mộng thấy có vị thần bế một đứa bé kháu khỉnh đến trao cho ông. Sau đó vợ ông liền có thai, sinh được con trai đặt tên là Trương Quốc Ngạn. Quốc Ngạn về sau làm quan đến chức Hình Bộ Thượng Thư. Hai người cháu là Trương Ngã Tục và Trương Ngã Thằng sau cũng đều làm đến các chức quan Bố chính sứ và Án sát sứ.

Lời bàn

Thương yêu con người khác, cuối cùng tự mình sinh được quý tử. Như vậy có thể biết được rằng nếu làm hại con cái người khác thì sẽ phải nhận lãnh kết quả như thế nào.

Xót thương trẻ mồ côi, giúp đỡ người góa bụa

Giảng rộng

Mồ côi, tức những trẻ không còn cha mẹ; góa bụa, tức phụ nữ không may mất chồng. Hai đối tượng này đều đơn chiếc yếu đuối, thường dễ bị người đời xem thường, khinh rẻ. Nếu như không xót thương, giúp đỡ những kẻ ấy, quả thật là không có lòng trắc ẩn, liệu có thể xứng đáng làm người chăng? Dù sức mình không thể giúp đỡ, cũng nên thường khởi tâm niệm thương xót muốn giúp đỡ. Nếu sức mình có thể giúp đỡ, nên hết lòng tận lực mà thực sự ra tay giúp đỡ.
Thương xót giúp đỡ, không nhất thiết phải là chu cấp tiền bạc. Có thể là chỉ bày những điều chưa biết, dạy dỗ những điều chưa làm được, răn nhắc những điều không nên làm, thậm chí có thể là giúp người vượt qua hoạn nạn, giải trừ những việc rối rắm, hoặc vì người mà làm rõ những sự oan uổng, những việc như thế cũng đều là xót thương giúp đỡ.

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (17)

Trưng dẫn sự tích

Giúp mẹ góa con côi về tận quê nhà

Đời Bắc Tống, khi Phạm Văn Chánh Công đang làm tri phủ ở Việt châu, thuộc tỉnh Triết Giang, có người tên Tôn Cư Trung chết trong lúc đang làm việc cho nha môn. Nhà ấy nghèo túng, con còn thơ ấu, thật khó khăn trong việc đưa về quê cũ. Phạm Văn Chánh Công liền bỏ tiền ra thuê thuyền, lại phái một viên chức đi theo đưa linh cữu về tận quê nhà. Trước khi thuyền đi, ông lại làm một bài thơ trao cho viên chức đi theo ấy và dặn rằng: “Khi qua các quan ải trên sông, cứ đưa bài thơ này cho họ xem là được.”

Nội dung bài thơ ấy như sau:

十口相依泛巨川,

來時暖熱去淒然;

關津不用詢名氏,

此是孤兒寡婦船。

Thập khẩu tương y phiếm cự xuyên,

Lai thời noãn nhiệt, khứ thê nhiên.

Quan tân bất dụng tuân danh thị,

Thử thị cô nhi quả phụ thuyền.

Dịch nghĩa:

Mười người cùng nương tựa lẫn nhau, nổi trôi trên dòng sông lớn.

Ngày đi sao ấm áp, ngày về thật lạnh lẽo thê lương.

Quan ải các vị không cần phải hỏi tên họ người trên thuyền,

Đây là thuyền của bà mẹ góa với đứa con côi.

Dịch thơ:

Một chục người nương tựa cùng nhau,

Thuyền trên sông rộng chở thương đau.

Ngày đi ấm áp, về lạnh lẽo.

Mẹ góa, con côi, hỏi thêm sầu!

Nhờ đó mà người trong nhà ấy đều được an toàn về đến quê hương.

Lời bàn

Mẹ góa con côi xưa nay vẫn thường bị người ta xem thường, khinh dễ. Giúp yếu trừ bạo, tất cả đều là dựa vào lòng nhân ái.

Vì chủ nuôi con mồ côi

Vào đời Minh, có người tên Lý Tung, người vợ làm vú nuôi cho nhà họ Cung. Vợ ông chết, đứa trẻ tên Cung Tích Tước vừa lên 5 tuổi lại mất cha. Gia nhân trong nhà họ Cung khi ấy có ý muốn giết Tích Tước để chiếm đoạt gia sản chia nhau. Lý Tung biết chuyện, đang đêm liền cõng Tích Tước đi trốn. Chạy ra đến cửa thành vẫn còn đang đóng vì còn quá sớm, Lý Tung quỳ xuống kêu khóc. Viên quan giữ cửa thành thương xót, mở cửa cho ra. Lý Tung chạy suốt 5 ngày đêm trong tuyết lạnh, đến được nhà người cậu của Tích Tước là Trầm Triệu.

Trầm Triệu thấy cả vợ chồng Lý Tung đều có ơn nuôi dưỡng, hết sức bảo

vệ cháu mình nên vô cùng cảm động, đối đãi với Lý Tung như người nhà. Những người giúp việc cho nhà họ Trầm, đều giao cho Lý Tung cai quản, sai khiến, lại chẳng bao giờ để cho ông phải dùng những món cơm thừa canh cặn như hạng tôi tớ, nhưng Lý Tung trước sau vẫn giữ đúng bổn phận người giúp việc.

Về sau, Cung Tích Tước thi đỗ tiến sĩ, không một lúc nào dám quên việc báo đáp ân đức của Lý Tung, nhưng Lý Tung vẫn ngày ngày mặc áo ngắn, nỗ lực làm việc cực nhọc, không khác với lúc gia cảnh còn bần hàn. Sau khi Lý Tung qua đời, Cung Tích Tước có lời dặn lại con cháu mình phải đời đời nối nhau thờ phụng cúng tế vợ chồng Lý Tung, không được bỏ phế.

Lời bàn

Như muốn báo đáp ơn sâu của Lý Tung, nên làm nhiều việc phước đức mà hồi hướng cầu siêu thoát cho ông, ắt là ông sẽ thực sự được lợi ích. Bằng như nói rằng chỉ lo việc cúng tế, thì việc ông có được thọ hưởng sự cúng tế ấy hay không, rốt cuộc cũng không thể biết chắc được. Tuy nhiên, cái biết của người thế tục thì bất quá cũng chỉ đến như thế mà thôi. Ví như đứa trẻ con, trong cơn giận dữ dù có hết sức muốn biểu lộ cũng chỉ biết la hét khóc lóc mà thôi. Ngoài việc la hét khóc lóc ra, đứa trẻ ấy nào có biết làm gì khác hơn?

Cưỡng bức người chịu quả báo tức thời

Đời nhà Minh, vào năm cuối niên hiệu Sùng Trinh, vùng Ngô Giang thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Trương Sĩ Bách, mất sớm, để lại người vợ họ Trần có nhan sắc xinh đẹp, tuổi còn trẻ, quyết thủ tiết thờ chồng.

Người anh của Sĩ Bách là Trương Sĩ Tùng mưu tính việc đem bán cô em dâu họ Trần này về làm vợ lẽ cho một tên hào phú đồng hương tên là Từ Hồng. Sĩ Tùng biết Trần thị không thuận theo ý mình, bèn lập kế bắt sống mang lên thuyền giao cho Từ Hồng. Trần thị kêu la to tiếng, Từ Hồng sợ

không dám xúc phạm.
Người cha của Trần thị là Trần Tuấn liền viết cáo trạng tố cáo lên quan huyện. Quan huyện là Chương Nhật Sí đang nghỉ trên gác, không thèm dậy. Trần Tuấn tiếp tục viết cáo trạng, lần này dâng lên quan Trực Chỉ là Lộ Chấn Phi. Từ Hồng liền mang tiền hối lộ cho viên quan phụ trách việc này. Tên này liền dối trá báo lên quan Trực Chỉ là đã xem xét sự việc, thấy không đúng như trong cáo trạng trình bày. Hắn ta lại vu vạ cho Trần thị là nhục mạ chồng, xử theo tội ấy bắt giam vào ngục.
Trần thị oan ức nuốt lệ, tuyệt thực suốt 3 ngày. Vừa may gặp lúc có một viên quan họ Lý vừa đến, nghe biết oan tình, liền đưa Trần thị đến gặp quan Trực Chỉ Lộ Chấn Phi. Trần thị khóc lóc trình bày rõ sự việc oan khuất của mình, vừa nói xong liền tự vẫn ngay tại đó, chết không nhắm mắt. Lộ Chấn Phi từ án đường bước xuống, đến trước thi thể Trần thị chấp tay cung kính thi lễ, hứa sẽ làm rõ vụ việc này. Khi ấy, đôi mắt Trần thị mới từ từ nhắm lại.
Ngay trong hôm đó, Lộ Chấn Phi viết một bản tấu sớ gửi lên triều đình, báo rõ mọi việc. Triều đình lập tức ban lệnh xử tử Trương Sĩ Tùng và Từ Hồng. Các đồng phạm liên quan đều tùy theo tội nặng nhẹ mà trừng phạt. Quan huyện Chương Nhật Sí lập tức bị cách chức, trên đường đi thuyền về quận phủ bàn giao, bỗng nghe trong thuyền vang rền những âm thanh của ma quỷ, qua hôm sau thì chết. Viên chức trước đây nhận hối lộ của Từ Hồng vu tội cho Trần thị, bỗng nhiên mắc bệnh rồi cấm khẩu, từ đó suốt đời không nói năng gì được nữa.
Lời bàn
Câu chuyện này về sau có người đưa vào nội dung của một bài vãn ca, người người đều cảm động, cho rằng việc báo ứng quả là chỉ ngay trước mắt thôi.

Kính trọng người già, thương kẻ nghèo khó

Giảng rộng

Già yếu là chuyện tất nhiên phải đến, không ai tránh khỏi, nhưng quả là thực trạng đáng thương nhất. Người già rồi thì tóc bạc, răng rụng, thân thể gầy yếu da bọc lấy xương. Gân mạch thì nổi rõ chằng chịt trên da, lưng khòm cong như cánh cung, mọi việc đã qua đều không thể nhớ lại hết được. Đã vậy lại thêm mắt mờ tai điếc, mỗi lúc đứng lên ngồi xuống đều phải nhờ cậy người khác dìu đỡ. Bởi thế, nhìn thấy người già nên sinh lòng kính trọng, không nên sinh lòng chán ghét. Nếu thấy người già yếu mà sinh lòng chán ghét không tôn kính, nên biết rằng chỉ trong chớp mắt thôi, bản thân ta rồi cũng sẽ già yếu. Lại nếu như thấy người già mà sinh lòng chán ghét không tôn kính, chỉ e tự mình không sống được đến tuổi già!

Thương thay cho những người nghèo khó! Người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp, mà riêng họ phải thường chịu cảnh đói thiếu, rét lạnh. Người ta ai cũng muốn được vừa lòng thích ý, mà riêng họ phải thường chịu cảnh khốn khổ. Tuy rằng nguyên nhân của sự nghèo đói phần lớn cũng do nghiệp báo đời trước của người ấy tự tạo, nhưng nếu như ta có khả năng cứu giúp mà lại không ra tay cứu giúp, chẳng phải là dạy cho con cháu sau này không biết thương yêu nhau đó sao? Chu cấp cho người đói thiếu khốn cùng, đó là xót thương cảnh ngộ trước mắt của người. Khuyên người tùy khả năng thực hành bố thí, đó là từ bi thương xót đến đời sau của người.

Trưng dẫn sự tích

Trâu hại chết ba người

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một thương gia tên là Phất-già-sa, một hôm đi vào thành La Duyệt, vừa vào bên trong cửa thành thì bị một con

trâu cái húc chết. Người chủ có trâu sợ quá, gấp rút bán con trâu. Người mua trâu trong lúc dắt trâu đi uống nước thì bị nó từ phía sau húc tới, mất mạng. Gia quyến người ấy giận quá, giết chết con trâu, làm thịt đem bán. Có một nông dân mua cái đầu trâu mang về, trên đường tình cờ đi ngang một cây lớn thì dừng lại nghỉ ngơi, treo cái đầu trâu lên cành cây. Vừa ngồi nghỉ mệt trong chốc lát thì bất ngờ sợi dây buộc bị đứt, đầu trâu rơi xuống, người ấy liền bị sừng trâu đâm chết.

Bấy giờ, vua Bình Sa nghe biết mọi chuyện lấy làm lạ, liền đến thưa hỏi đức Phật. Phật dạy: "Thuở xưa có 3 người thương nhân, cùng thuê phòng trọ ở nhà một bà lão. Ba người này thấy bà già yếu cô độc, cho rằng không có sức làm gì được mình, bèn nhân lúc bà vắng nhà liền bỏ đi mà không trả tiền thuê phòng trọ. Bà lão biết chuyện lập tức đuổi theo kịp, ba người lại to tiếng mắng rằng: 'Bọn ta đã trả tiền trước rồi, sao giờ còn theo đòi?' Bà lão chẳng làm gì được, chỉ biết ôm mối hận thấu xương quay về, thề độc rằng đời sau gặp lại sẽ giết chết cả ba người mới hả giận. Bà lão thuở đó, nay chính là con trâu cái. Ba người thương nhân thuở đó, nay chính là Phất-già-sa với hai người kia, trong một ngày cùng bị giết chết bởi con trâu ấy."

Lời bàn

Đó thật là đã già lại còn nghèo khó. Bọn ông Phất-già-sa... 3 người ấy chính là đã khinh thường người già yếu, lại cũng không biết thương người nghèo khó. Đến lúc đủ nhân duyên gặp nhau, nếu như món nợ cũ không trả thì còn đợi đến bao giờ?

Người chết cứu lửa

Vào đời Thanh, ở Hàng châu có người tên Viên Ngọ Quỳ, tên húy là Tư, bình sinh ưa thích làm việc bố thí. Gặp khi có loạn Tam phiên, vùng Triết Giang rất nhiều phụ nữ bị bắt giam giữ, Viên Ngọ Quỳ từng dốc hết tiền

bạc để chuộc nhiều người ra. Ông cũng thường cho khắc in và lưu truyền những bài thuốc hay để trị bệnh, cùng với những câu cách ngôn nói về nhân quả để khuyên người đời bỏ ác làm lành.
Vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 5, có người hầu gái của Viên Ngọ Quỳ lo việc pha trà, chứa than trong một cái thùng gỗ. Có cục than chưa tắt hẳn, lửa lan dần ra cả thùng. Thùng lại đặt bên một giường gỗ trên gác cao, rất ít người lui tới chỗ ấy. Viên Ngọ Quỳ tuy có người con gái đang bị bệnh nằm trong phòng chỉ cách đó một bức tường, nhưng không hề hay biết. Khi ấy, người con gái này bỗng nhiên nhìn thấy một cụ bà đã chết hiện ra ngay giữa ban ngày, dùng móng tay khều vào mặt cô. Cô gái kinh sợ quá, kêu thét vang trời. Nhờ đó, người trong nhà mới vội vã kéo nhau chạy lên thì nhìn thấy cái thùng gỗ đã cháy thành tro, giường gỗ bên cạnh đã cháy hết một nửa, thế lửa đang bốc lên ngày càng lan rộng ra. Mọi người phải cùng nhau tận lực mới kịp thời dập tắt được ngọn lửa.
Cụ bà đã chết hiện hình hôm ấy vốn trước đây khi tìm đến nhà Viên Ngọ Quỳ thì đã 60 tuổi. Viên Ngọ Quỳ thấy bà không con cái nên dùng lời an ủi, cho trú ngụ trong nhà mình. Cụ bà ở lại được mấy năm thì người chồng của bà cũng tìm đến, Viên Ngọ Quỳ cũng thu nhận cho ở trong nhà nuôi dưỡng. Hai vợ chồng này vì thế hết sức biết ơn Viên Ngọ Quỳ. Cả hai người đều sống cho đến khoảng 80 tuổi mới qua đời.
Những người biết chuyện này đều cho rằng cụ bà đã hiện hình giúp họ Viên thoát nạn cháy nhà, đó là để báo đáp ân đức của Viên Ngọ Quỳ.

Lời bàn

Những trường hợp này là già yếu lại thêm nghèo khó. Đã thương người già, lại xót người nghèo, giúp cho cả hai vợ chồng người kia đều được chu cấp đầy đủ, âm đức như thế chẳng phải là to lớn lắm sao?

Chu cấp cơm ăn áo mặc cho người lỡ đường đói rét

Giảng rộng

Người lỡ đường đói rét không giống như người nghèo khổ khốn cùng nhưng vẫn đang được ở tại nhà mình. Nếu không phải là những kẻ ngụ cư nơi đất khách, lương tiền đã hết, ắt cũng là người gặp phải hoạn nạn khó khăn đang hết sức cần đến sự giúp đỡ. Những người như vậy là đang nằm trong hoàn cảnh nếu được giúp cho cơm ăn áo mặc thì sống, bằng không được giúp ắt phải chết. Ví như có thể vì họ mà chu cấp giúp đỡ thì tuy giá trị vật chất giúp đỡ là giới hạn, nhưng ân đức ấy quả thật vô cùng.

Trưng dẫn sự tích

Liều mạng trả ơn cứu đói

Vào đời Xuân Thu Chiến Quốc, Triệu Tuyên Tử là quan nước Tấn, có lần đi săn ở núi Thủ Dương, bỗng nhìn thấy dưới bóng mát cây dâu có một người đói lả nằm thoi thóp, hỏi ra đã 3 ngày không có gì ăn. Tuyên Tử liền mang thức ăn cho ăn. Người ấy ăn xong, chừa lại một nửa phần thức ăn. Tuyên Tử thấy vậy hỏi, đáp rằng: “Xin dành phần này cho mẹ già.” Tuyên Tử liền bảo người ấy cứ ăn hết, rồi đưa tặng một giỏ thức ăn với thịt để mang về.

Về sau, Tấn Linh Công muốn giết Triệu Tuyên Tử, cho quân giáp sĩ phục sẵn trong cung, đợi Triệu Tuyên Tử vào thì xông ra đánh giết. Tuyên Tử cô thế lâm nguy, sắp bị giết. Bỗng nhiên có một người xông ra, liều mạng múa giáo đánh giúp, cứu Tuyên Tử thoát chết lần ấy.

Tuyên Tử hỏi tên, người ấy đáp: “Tôi là người sắp chết đói nằm dưới gốc dâu năm xưa.” Lại muốn hỏi cho rõ tên họ, nơi ở, người ấy không đáp mà bỏ đi. Sau có người biết được nói rằng: “Người ấy tên Linh Chiếp.”

Lời bàn

Làm ơn cho người một bữa ăn, nhờ đó mà được cứu sống; tặng người một manh áo, liền được niệm tình tha chết. Ai dám xem thường cho rằng

giúp cơm áo đó, chẳng qua chỉ là việc giúp kẻ đói rét giữa đường mà thôi sao?

Mau sinh quý tử

Thân phụ của Phùng Trác Am ngày thường luôn vui vẻ ưa thích làm nhiều việc thiện. Một hôm giữa mùa đông, sáng sớm ông ra đường bỗng gặp một người té ngã nằm ngất trong tuyết lạnh, sờ vào thấy đã tê cứng nửa người. Ông liền cởi áo ấm lông cừu của mình mặc vào cho người ấy, đưa về cho ăn uống đầy đủ, lo lắng chu đáo mọi bề.

Không lâu sau, ông nằm mộng thấy Đông Nhạc Đế hiện đến bảo rằng: “Số mạng của ông vốn dĩ không có con, nay nhờ cứu sống mạng người, do lòng thành đó mà Ngọc Đế đặc biệt có lệnh cho Hàn Kỳ đến làm con trai nhà ông.” Sau đó liền sinh được con trai, nhân nơi giấc mộng mà đặt tên là Phùng Kỳ, sau mới lấy tên hiệu là Trác Am.

Phùng Kỳ từ thuở thiếu niên đã tài trí hơn người, 20 tuổi được liệt vào hàng văn sĩ tài danh, 36 tuổi thì đã phụ tá cho quan Tể tướng.

Lời bàn

Ở quê tôi trước đây cũng có tổ chức một hội Đồng Thiện, ngoài việc giúp đỡ tiền bạc, lương thực cho những người cùng khổ, mỗi mùa đông chúng tôi đều mua rất nhiều chăn bông cũ để giúp cho những người thiếu thốn chăn mền. Hội này ban đầu do Viên Ngọ Quỳ người Triết Giang đề xướng thành lập. Sau Viên Ngọ Quỳ trở về Triết Giang, bọn chúng tôi vẫn theo nếp cũ mà làm, chỉ riêng nhóm ông Cao Điện Cửu có một số người không tham gia nữa mà thôi.

Giúp quan quách cho nhà nghèo khó để thi hài người chết được ấm cúng

Giảng rộng

Máu mủ, thịt xương... một đãy da.

Điên đảo mê lầm nhận thân ta.
Tắt hơi mới biết toàn hư ngụy,
Bao nhiêu xú uế thảy bày ra.

Đó chẳng qua cũng chỉ là chỗ tâm bệnh hết sức thông thường của phần lớn người đời.

Như gặp người có hoàn cảnh bất hạnh, gia đình cùng khốn, không có tiền bạc lo việc an táng người đã chết, hoặc phải để lại qua 3 ngày, hoặc 5 ngày, cho đến 6 tháng, 7 tháng, hình hài thối rửa chẳng còn gì, đến mức người thấy nghe đều không sao chịu nổi... nếu có thể giúp cho họ một cỗ áo quan, giúp đỡ chi phí để an táng thi hài người chết, như vậy đâu phải chỉ riêng người chết thực sự hàm ân kết cỏ ngậm vành mà thôi sao? Xét như tâm niệm an táng thi hài người chết, phàm bất kỳ ai nghe biết đến sự việc ắt cũng đều nên thay người mà lo việc chôn cất.

Trưng dẫn sự tích

Mai táng hài cốt, hưởng quả tức thì

Đời Nguyên, ở Hội Kê thuộc tỉnh Triết Giang có người tên Đường Giác, nhà nghèo khó, nhận dạy học trò để sinh sống. Năm Mậu Dần, tướng lãnh nhà Nguyên khai quật lăng tẩm họ Triệu (hoàng gia triều Tống), di cốt đứt đoạn vất bỏ trong chỗ rậm rạp hoang dã. Đường Giác biết việc ấy hết sức đau lòng, liền gom hết tiền bạc trong nhà được một ít, mua rượu thịt mời bọn thiếu niên trong làng cùng ăn uống. Đợi khi cả bọn đều say sưa, mới bí mật nhờ chúng chôn lấp hài cốt họ Triệu. Cả bọn đều nghe theo. Sau khi làm được việc nghĩa như thế, tên tuổi của Đường Giác được rất nhiều người biết đến.

Sang năm sau Kỷ Mão, vào ngày 17 tháng giêng, Đường Giác đang ngồi bỗng dưng chết giấc. Hồi lâu sống lại, kể chuyện vừa rồi đi đến một ngôi bảo điện, trên điện có một người đội vương miện, bước xuống chào nói:

“Nhờ ơn ông chôn lấp hài cốt, sẽ báo đáp ân đức. Ông số mệnh kém lắm, nghèo khổ không có vợ con, nay lòng trung nghĩa cảm động thấu trời, Ngọc Đế truyền ban cho ông sẽ thành gia thất, sinh được 3 người con, ruộng đất được 300 mẫu.” Đường Giác bái tạ lui ra, liền giật mình sống lại. Không lâu sau bỗng có Viên Tuấn Trai đến Hội Kê tìm thầy dạy cho con, vừa xuống xe liền gặp người giới thiệu Đường Giác. Viên Kính Trai được biết Đường Giác trước đây từng nổi tiếng làm việc nghĩa nên đặc biệt hết sức kính lễ. Sau đó liền đứng ra lo việc hôn nhân, giúp Đường Giác kết hôn với một người con gái của Quốc công, được thừa kế ruộng đất vua ban. Mọi chi phí tốn kém đều do Viên Tuấn Trai bỏ ra lo liệu. Sau Đường Giác sinh được 3 người con trai, quả đúng như lời thần báo trước.

Lời bàn

Niên hiệu Sùng Ninh năm thứ 3 triều Bắc Tống, có chiếu chỉ của triều đình yêu cầu tất cả các châu huyện đều phải chọn chỗ đất cao thoáng không canh tác được trong địa phương mình để lập thành khu mai táng công, gọi là Lậu trạch viên. Những hài cốt không thân nhân trước đây được gửi gắm nơi chùa chiền, đạo quán, giờ cũng quy tập về chôn trong đất này. Ngoài ra, triều đình cũng cho kiến lập Tăng xá để lo việc tế cúng, cầu siêu độ cho các vong linh trong địa phương. Đến niên hiệu Hồng Vũ triều Minh, cũng có sắc chỉ của triều đình yêu cầu thực hiện như trên, lại có chế định thành điều lệnh rõ ràng.

Tôi cũng từng thấy bên trong thành Tô Châu, ở góc phía tây bắc có lập 2 gian thạch thất, hết sức kiên cố, mỗi gian đều có ô cửa mở đường kính chừng một thước, dùng để đưa hài cốt vào bên trong. Lại thấy dùng màu sắc vẽ thành các ký hiệu bên ngoài để phân biệt hài cốt đó là người xuất gia hay tại gia, nam hay nữ... Nơi ấy được gọi là tháp Phổ Đồng. Ví như người quân tử có lòng nhân ái, có thể mô phỏng làm theo như thế, âm đức

thật hết sức lớn lao.

Làm con để báo ân

Thượng Lâm làm quan huyện lệnh Vu Sơn thuộc tỉnh Tứ Xuyên, có viên huyện úy tên Lý Chú bị bệnh mà chết. Thượng Lâm giúp tiền bạc đưa người mẹ của Lý Chú cùng với thi hài của ông về quê ở Hà Đông. Sau đó lại tìm một nhà danh giá mà đứng ra gả con gái của Lý Chú về làm dâu. Một đêm nọ, Thượng Lâm nằm mộng bỗng nhìn thấy Lý Chú hệt như lúc còn sống, bái lạy ông mà khóc rồi nói rằng: “Số mệnh ông vốn không có con, đội ơn ông giúp đỡ nên tôi đã hết sức thỉnh cầu Ngọc Đế, ngài cho tôi được làm con nối dõi nhà ông.” Trong tháng ấy, quả nhiên vợ Thượng Lâm có thai.

Sang năm sau, Thượng Lâm từ quan về quê, một hôm lại mộng thấy Lý Chú nói: “Ngày mai tôi sẽ ra đời.” Quả nhiên hôm sau vợ Thượng Lâm sinh một bé trai. Nhân đó liền đặt tên là Thượng Dĩnh. Lớn lên hiếu thảo, hiền hậu trung thực, sau làm quan đến chức Tự thừa.

Lời bàn

Như thế gọi là làm con để trả nợ cho cha. Đời trước của Lý Chú ắt hẳn cũng đã tu tích phước đức, nên đời này tuy sinh ra để báo ân cho người, nhưng bản thân cũng được hưởng phú quý. Cho dù nói thế, nhưng trong biển nghiệp thức mênh mang mờ mịt, muốn tự nhìn lại mình e cũng không có dịp.

Nhà giàu sang phải nâng đỡ thân thích

Giảng rộng

Người giàu sang nên tự có suy nghĩ rằng: “Đều sinh làm người cả, vì sao người kia phải chịu cảnh nghèo khổ, vì sao ta được giàu sang? Ắt hẳn là do đời trước ta đã biết gieo trồng đôi chút phước lành, còn người kia thì không. Ví như đời trước ta chưa từng làm điều hiền thiện, đời nay làm sao

được thọ hưởng như thế này?”
Nghĩ như thế thì trong lúc đang được hưởng phước ắt phải lo tính việc gieo trồng phước đức. Cũng giống như ăn quả phải giữ lại hạt và gieo trồng cho năm sau, hoặc cũng giống như thắp một ngọn đèn dầu, phải nghĩ đến việc châm thêm dầu trước khi đèn tắt.
Người thế gian thường cho rằng sự giàu sang thể hiện ra dung mạo con người, nếu gặp lúc nguy nan gấp rút vẫn giữ được dung mạo ung dung, không lộ vẻ quẫn bách ra mặt, ắt phải là người giàu sang. Nhưng với những kẻ nô lệ cho tiền bạc, lúc nào cũng lo sợ những người thân thích đến phiền nhiễu vay mượn nên trước đã tự làm ra vẻ túng quẫn khốn khó, khiến người khác dù muốn nhờ cậy cũng khó lòng mở miệng. Với những kẻ ấy, nếu xét về tiền bạc của cải thì quả là giàu có, mà xét theo dung mạo thì e rằng không đúng thật.
Trang nghiêm luận nói rằng: “Người biết đủ là người giàu có nhất.” Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy rằng: “Nếu có nhiều tiền bạc của cải nhưng không thể làm việc bố thí giúp người, thì vẫn chỉ là kẻ nghèo khốn mà thôi.” Những lời ấy thật đúng lắm thay!
Trưng dẫn sự tích
Đãi canh rau thành tên gọi
Đời Bắc Tống, vào thời Tống Thái Tông, Trương Bí phụ trách Sử quán, trong nhà lúc nào cũng đãi ăn rất nhiều khách. Một hôm, Tống Thái Tông hỏi Trương Bí: “Vì sao nhà ông lại nhiều khách đến ăn uống thế?” Trương Bí đáp: “Đó đều là những thân thích, bằng hữu của hạ thần nơi quê cũ. Họ là những người nghèo khó, không kiếm đủ miếng ăn. Thần được hưởng bổng lộc của triều đình, cũng xem là có dư dả, nên các vị ấy thường đến nhà thần ăn uống, bất quá cũng chỉ là cơm rau đạm bạc mà thôi.”
Một hôm, Tống Thái Tông sai người bất ngờ đến nhà Trương Bí, đúng vào

lúc khách đang ăn uống, quan sát thấy quả đúng chỉ là cơm gạo thô với canh rau mà thôi. Thái Tông hết lời khen ngợi, nhân đó gọi ông là Trương Thái Canh.

Lời bàn

Vào đời Xuân Thu, Án Anh làm Tể tướng nước Tề, trong suốt 30 năm chỉ mặc mỗi một chiếc áo hồ cừu, tế tự dùng một cái đùi lợn nhỏ không đủ che trọn đĩa, thế mà người thân trong ba họ đều được hưởng nhờ sự giúp đỡ, chia sẻ. Phạm Văn Chánh Công tự mình suốt đời sống nghèo thanh bạch, nhưng thân tộc nương dựa vào ông để sống qua ngày có đến hơn trăm nhà. Do đó mà có thể biết rằng, nếu muốn giúp đỡ cưu mang thân tộc, thì trước tiên phải tự mình biết giữ theo nếp sống kiệm ước thanh bần.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (18)

Chuyện vui thích nhất

Vào lúc La Duy Đức nhận chức quan ở Ninh Quốc thuộc tỉnh An Huy, một hôm đến yết kiến Lưu Dần, sự vui mừng lộ ra nét mặt, nói rằng: “Hôm nay tôi có một việc cực kỳ hân hoan thích ý.” Lưu Dần gạn hỏi, Duy Đức đáp:

“Trong gia tộc tôi có hơn 10 người nghèo khổ, gặp lúc mất mùa tìm đến báo với tôi. Hôm nay tôi mang hết tiền bạc dành dụm được trong nhà ra giúp đỡ, hết thảy mọi người trong nhà tôi đều hoan hỷ tán thành, không ai trở ngại. Vì thế mà tôi hết sức hân hoan vui thích.”

Lời bàn

Sách Cảnh hành lục nói rằng: “Nhà giàu sang phú quý, nếu như có người thân thích nghèo khó tìm đến, ấy chính là khí tượng của người trung hậu có phước đức.” Hiện nay lại có những kẻ ngược lại xem việc đó như điều sỉ nhục nên lấy làm chán ghét, thật hẹp hòi xấu xa biết bao!

Mất mùa đói kém phải cứu giúp lối xóm

Giảng rộng

Xét về phương thức cứu tế giúp đỡ khi mất mùa đói kém, có những biện pháp cứu giúp khi đã xảy ra, lại cũng có những biện pháp cứu giúp khi việc chưa xảy ra. Ví như xin giảm thuế má, ngăn tàu thuyền chở lúa gạo đi nơi khác, khuyến khích mở các điểm cứu tế phát lương thực cho người đói thiếu, nghiêm cấm những kẻ đầu cơ mua lúa gạo vào để trục lợi... Đó đều là những biện pháp khi đói kém đã xảy ra. Khai thông kênh rạch, củng cố đê điều, khuyến khích nông dân phát triển nông nghiệp, tiết kiệm nguồn nước, tích trữ lúa thóc phòng khi cứu giúp, mộ dân khai khẩn đất hoang, nghiêm cấm việc ngăn sông bắt cá, giết thịt trâu cày... Đó đều là những biện pháp cứu giúp khi việc đói kém còn chưa xảy ra.

Áp dụng các biện pháp khi việc đói kém còn chưa xảy ra, ắt tổn phí ít mà hiệu quả được nhiều, dân được ấm no mà nhà nước vẫn thu được đầy đủ thuế má. Nếu đợi đến khi đói kém đã xảy ra, người đói chết đầy đường, rồi sau mới tính chuyện quyên góp cứu tế, ắt là tổn phí phải rất nhiều, mà người chết cũng không ít.

Ở đây chỉ nói đến việc cứu giúp “lối xóm”, thật ra là cách nói biểu trưng cần

phải hiểu thật rộng ra nhiều đối tượng khác. Việc thiên tai mất mùa đói kém vốn có nguyên nhân từ nơi tâm tham lam, bủn xỉn, keo kiệt của con người, cho nên chính là do cộng nghiệp của nhiều người mà chiêu cảm xảy ra. Nếu dùng tâm lành để cứu giúp bằng cách cảm hóa người, thì những thiên tai đói kém trong tương lai ắt có thể tránh được.
Kinh nói rằng: "Vào lúc tuổi thọ trung bình của con người chỉ còn 30 tuổi, sẽ có nạn đói kém xảy ra. Khi ấy kéo dài trong 7 năm 7 tháng 7 ngày đêm không có mưa, trên mặt đất dù một cộng cỏ cũng không mọc được, người chết phơi xương trắng đồng. Khắp hết cõi Diêm-phù-đề, số người sống sót không quá một vạn. Con số ấy chỉ là đủ để lưu lại nòi giống con người trong tương lai."
Luận Bà-sa nói rằng: "Nếu như có người phát tâm đại bi bố thí một miếng ăn cho người đang đói, thì trong tương lai người ấy nhất định không phải gặp cảnh thiên tai đói kém." Như dùng phương tiện này để cứu trừ nạn đói, quả thật là có thể thành tựu mà chẳng lưu chút dấu vết nào.

Trưng dẫn sự tích

Chuốc họa khi có nạn đói

Những năm cuối đời Tùy, huyện Mã ở tỉnh Sơn Tây gặp nạn đói kém. Quan Thái thú là Vương Nhân Cung gấp rút khóa chặt kho lương, chẳng nghĩ gì đến chuyện cứu tế cho trăm họ.
Có người tên Lưu Vũ Chu nói rằng: "Nay trăm họ gặp nạn đói kém, người chết phơi thây đầy đường, họ Vương quả thật vô tâm ngồi nhìn không lo đến, như thế có thể gọi là quan phụ mẫu được chăng?"
Liền giết trâu lấy máu, họp những người đồng tâm lại cùng lập lời thề rằng: "Bọn chúng tôi không cam tâm ngồi chờ chết. Kho lương thực tích chứa trong huyện quả thật là do mồ hôi của muôn dân khổ nhọc mà có, mọi người có thể theo chúng tôi cùng đến đó lấy mà chia nhau, có thể sống

thêm được ít lâu nữa."
Mọi người đều hưởng ứng, cùng kéo nhau đến giết Vương Nhân Cung, mở kho lương thực cấp phát cho dân. Do đó mà tất cả các địa phương lân cận trong vùng cũng đều hưởng ứng.

Lời bàn

Lưu Vũ Chu nêu ra ý mình, bất quá cũng chỉ là muốn kêu gọi những người dân đang bị đói nhân cớ ấy mà nổi loạn thôi. Nhưng sự việc ra nông nỗi ấy, đều là do Vương Nhân Cung cả. Vào đời Bắc Tống, Triệu Thanh Hiến làm tri phủ Việt châu, gặp lúc khắp vùng Ngô Việt bị hạn hán to, ông không đợi đến lúc dân đói, đã sớm có sự quy hoạch, phủ dụ người dân, chuẩn bị mọi việc cần làm, nên sau dù có đói thiếu, lòng dân vẫn yên. Như đám cẩu quan chỉ biết lo bảo toàn cho bản thân với vợ con mình, quả thật không đáng để nhắc đến!

Tăng giá lúa cứu nạn đói

Đời Tống, Phạm Văn Chánh Công làm tri phủ Hàng Châu, gặp năm mất mùa đói kém, mỗi đấu lúa lên giá đến 120 đồng tiền, dân tình hết sức lo lắng. Phạm Văn Chánh Công chẳng những không lo giá lúa cao, ngược lại còn tăng thêm lên đến 180 đồng tiền một đấu, đồng thời cho yết bảng nói rõ khắp nơi, rằng Hàng Châu lúa thóc ít ỏi, nay bất chấp giá cao, quyết lòng mua vào. Lại sai người truyền bá tin ấy đi khắp nơi, các quan đồng liêu nghe biết việc này đều không hiểu được vì sao.
Qua mấy ngày sau, thương nhân khắp bốn phương nghe giá lúa ở Hàng Châu rất cao, ồ ạt tranh nhau chở lúa đến. Khi ấy, giá lúa chẳng cần tác động mà tự nhiên xuống thấp, thật vô cùng có lợi cho người dân.

Lời bàn

Cũng đồng một ý tưởng như thế này là vào năm mất mùa đói kém lại gia tăng thật nặng nề chuyện sưu dịch, sử dụng nhân công vào việc tu tạo

chùa chiền tự viện, xây dựng sửa sang cầu cống...

Người ta thảy đều biết rằng khi mùa màng thất bát ắt việc sưu dịch công ích nên bãi bỏ, nhưng lại chẳng biết rằng những năm như thế thì người dân nghèo thật không có việc gì để làm, chẳng phải lại càng mau chết đói sao? Khi sưu dịch tăng cao, tất nhiên những nhà hào phú không muốn đi làm, buộc phải xuất tiền bạc lúa thóc ra thuê người làm thay, tự nhiên lúa thóc được phân tán ra cho dân nghèo. Như vậy cũng chẳng làm hại gì nhà giàu, nhưng mang lại lợi ích cho dân nghèo.

Trồng đậu thay lúa

Vào đời Tống, Trình Hướng làm quan tri phủ Từ Châu, trời mưa dầm kéo dài ruộng lúa đều hư hỏng. Trình Hướng tính toán thấy rằng khi nước rút ruộng khô ráo thì cày bừa cấy lúa không còn kịp nữa, liền vận động của các nhà giàu trong địa phương được mấy ngàn thạch đậu giống, đem phân phát cho nông dân, dạy họ mang rải trên ruộng nước. Nước còn chưa rút hết thì đậu đã bắt đầu nảy mầm, kịp khi nước khô hẳn thì ruộng lúa bị hư nay đã thành ruộng đậu. Năm ấy tuy mất mùa lúa nhưng dân không đến nỗi đói kém chính là nhờ thu hoạch được đậu.

Lời bàn

Trước đây tôi có từng đọc qua sách “Tứ hữu trai tùng thuyết”, thấy có nói đến một sách lược có thể dùng cho năm mất mùa đói kém. Đó là yêu cầu tất cả các phủ, châu, huyện đều áp dụng việc nộp tiền phạt chuộc tội, rồi tận dụng số tiền thu được để mua lúa thóc vào kho. Hết thảy những tội từ sung quân trở xuống đều cho phép nộp lúa chuộc tội. Nếu như một vùng gặp thiên tai hạn hán, nên liên lạc với những vùng không gặp thiên tai hạn hán để tạm thời vay mượn cứu dân, năm sau sẽ hoàn trả. Được như vậy ắt là trăm họ sẽ không phải lưu lạc phương xa, triều đình cũng không phải lo lắng nhiều. Những điều đúng đắn như thế rất cần phải gấp gấp thi hành,

mong rằng những ai có thiện tâm sẽ cố gắng truyền bá đến với những người đang giữ quyền cai trị các địa phương.

Kháng nghị cứu dân Liêu Dương

Vào triều Minh, năm cuối niên hiệu Gia Tĩnh, vùng Liêu Dương gặp nạn hạn hán đói kém lớn, đến nỗi quân dân tàn hại lẫn nhau. Binh bộ Thị lang họ Vương dâng sớ lên triều đình xin cứu tế, đề nghị giúp 2 vạn thạch thóc, lại tính toán việc vận chuyển theo đường bộ đến Sơn Hải, chi phí mỗi một vạn thạch ước đến 8.000 lượng bạc, quan viên địa phương đều cho là việc hết sức khó khăn.

Bấy giờ, Hứa Bá Vân, người ở Côn Sơn, đang làm quan Cấp sự, cho rằng người dân Liêu Dương mạng sống mong manh chỉ còn trong sớm tối, nếu dùng đường bộ để vận chuyển không chỉ là kéo dài ngày, mà trên đường còn gây phiền nhiễu cho dân chúng, như vậy không bằng tạm gỡ bỏ lệnh cấm đường biển, cho dùng thuyền chở lương thực đến Liêu Dương, như vậy ắt có thể giương buồm đến nơi nhanh chóng. Suy tính như vậy rồi liền dâng sớ lên triều đình cực lực kháng nghị, xin thay đổi việc vận chuyển đường bộ sang đường thủy. Lại đem cả tánh mạng toàn gia của mình ra để đảm bảo cho việc vận chuyển bằng đường biển nếu có phát sinh bất kỳ vấn đề gì. Triều đình chấp nhận thỉnh cầu của ông, chuẩn y theo số lương thực trong bản sớ trước đó, lại lấy thêm lúa từ kho ở Thiên Tân, số lượng tăng lên đến hơn 10 vạn thạch, cấp tốc dùng thuyền vận chuyển theo đường biển đến Liêu Dương. Trăm họ ở Liêu Dương được cứu tế, tiếng hoan hô mừng vui kinh trời động đất. Nhờ đó, số người thoát chết tính ra rất nhiều. Dân chúng Liêu Dương lập đền thờ Hứa Bá Vân, đến nay vẫn còn.

Lời bàn

Ấy thật là đem tâm chí thành thương xót mà lo việc cứu tế, gấp rút như

cứu người đang dầu sôi lửa bỏng, dâng sớ hết lời trần tình, ân đức rộng đến lê dân. Tuyệt vời thay Hứa Bá Vân! Ân đức ấy thật hết sức lớn lao!

Đức độ không phô bày

Vào đời nhà Minh, trong khoảng niên hiệu Sùng Trinh, có vị tiến sĩ quê ở huyện Thường Thục là Tưởng Uyển Tiên, ngẫu nhiên ghé lại Côn Sơn thăm nhà Chu Minh Viễn, vốn là bạn thi đỗ cùng khoa. Năm ấy gặp nạn đói kém dữ dội, đến nỗi vợ chồng, cha con trong một nhà cũng không còn khả năng lo cho nhau. Bấy giờ có người họ Quách, muốn bán vợ mình đi nhưng vì còn có đứa con quá nhỏ đang bế trên tay nên không bán được. Suy tính không còn đường nào khác, liền nói rằng: “Mỗi người phải tự lo tìm đường sống thôi.” Rồi mang đứa con nhỏ đặt bên lề đường.

Tưởng Uyển Tiên thấy việc như thế hết sức đau lòng, than rằng: “Sao có thể chỉ vì miếng ăn vào bụng mà trong phút chốc ly tán cả một gia đình?” Liền hỏi người ấy cần bao nhiêu tiền. Đáp: “Mười lăm ngàn đồng.” Uyển Tiên dốc hết túi riêng chỉ được mười ngàn đồng, liền hỏi Minh Viễn vay năm ngàn đồng cho đủ số. Minh Viễn nói: “Việc thiện ở thế gian nên để cho mọi người cùng góp sức, ông sao nỡ vô tâm chỉ muốn riêng mình làm người tốt?” Nói rồi liền góp vào số năm ngàn đồng ấy. Nhờ đó mà người vợ không bị bán đi, đứa con cũng được giữ lại.

Về sau, nhà họ Quách cũng gầy dựng được đôi chút sản nghiệp, đưa con đến tìm Tưởng Uyển Tiên lạy tạ ơn cứu giúp. Tưởng Uyển Tiên không cho lạy, lại cũng không bao giờ nhắc đến việc ấy.

Lời bàn

Chu Minh Viễn chính là ông nội của Chu Tử Di sau này, cùng với Tưởng Uyển Tiên giao du hết sức thân thiết. Tôi có đọc sách của Chu Tử Di viết về những công hạnh tốt đẹp của 3 đời nhà họ Tưởng, thật rất đầy đủ. Nhân đó mới trích ra một số chuyện, chép vào ở phần cuối của sách Bách

phước biền trân (百福駢臻), ở đây không kể ra nhiều.

Cân đo phải công bằng, không được bán ra non, thu vào già

Giảng rộng

Ở đây không nói đến hành vi hay lời nói, chỉ nói nhấn mạnh đến việc “cân đo”. Đó là vì hành vi hay lời nói đều có ý chủ quan. Đã có ý chủ quan, ắt có ý muốn lợi riêng về mình. Chẳng bằng như dựa vào sự “cân đo” vốn chẳng có ý riêng, luôn khách quan, công bằng.

Nói công bằng, có nghĩa là vật nhẹ cho kết quả nhẹ, vật nặng cho kết quả nặng, không hề phân biệt đó là đang cân để bán ra hay cân để mua vào. Vua Thuấn khi tuần du bốn phương, ấn định việc đong lường các nơi đều phải như nhau. Chu Văn vương vừa lên ngôi, trước tiên đã lo việc thẩm sát chuẩn mực cân đo xem có thích hợp đúng đắn hay không. Nếu không trước hết đề xuất lấy sự công bằng làm trọng, làm sao tránh khỏi trong lúc cân đo người ta lại không tùy ý tăng giảm làm sai lệch kết quả? Trong việc đong lường, ắt phải tương đồng các đơn vị như thăng, hộc...; trong việc đo đạc, ắt phải tương đồng về thước, tấc...; nói đến sự lệch lạc nặng hay nhẹ, non hay già, đó là nói chung về tất cả những kết quả cân đong đo đếm, như nhiều hay ít, lớn hay nhỏ, dài hay ngắn, tinh hay thô...

Việc cân đo phải công bằng, không có nghĩa là mỗi khi cân đo đều phải yêu sách, đòi hỏi sự công bằng, mà nên biết giữ sự công bằng tự trong thâm tâm, lúc nào cũng phải xem trọng sự công bằng, lấy đó làm khuôn thước. Được như vậy rồi thì tâm địa trở nên khoan dung rộng lớn, tự nhiên mỗi lúc cần phải cân đo, dù không lưu tâm cũng vẫn giữ đúng mực công bằng.

Trưng dẫn sự tích

Khiển trách không chịu tỉnh ngộ

Đế Quân kể rằng: “Người dân vùng Thục quận (Tứ Xuyên) khéo tùy cơ

ứng biến, giỏi việc mưu lợi cho riêng mình. Có người tên Lê Vĩnh Chánh, nhà ở phía bên ngoài Đông Thành, vốn là thợ đóng xe. Vĩnh Chánh chê việc đóng xe nặng nề mà làm ra rồi bán rất chậm, bèn đổi nghề làm các dụng cụ đo lường như đấu, hộc... sau lại làm cả cân với quả cân. Được một năm, có người khách đến đặt hàng dặn phải làm cái đấu cho sâu hơn, quả cân nặng hơn, rồi trả thêm cho nhiều tiền hơn. Ông ta có khả năng làm ra được những quả cân non hoặc già, những cái đấu hơi nhỏ hơn hoặc lớn hơn, rất tinh vi khó biết. Tay nghề của ông ta càng cao thì lại càng có nhiều người sử dụng các dụng cụ do ông làm ra, rộng rãi khắp nơi, tội lỗi ác nghiệt ngày càng nặng nề hơn. Ta đã sai thần địa phương là Đoàn Ngạn hiện ra trong giấc mộng trách phạt, dùng roi đánh Lê Vĩnh Chánh, nhưng ông ta tỉnh ra vẫn không hối cải. Ta liền phạt ông ta phải mù hai mắt. Năm đó Vĩnh Chánh chưa được 40 tuổi, vợ bỏ đi theo người khác, 2 đứa con sinh ra cũng mù lòa, chịu đủ mọi điều khổ não. Nhưng ông ta bỏ nghề thì chẳng biết làm gì để sống, nên vẫn cố dùng tay thay mắt, ước chừng rộng hẹp, dài ngắn, lại tiếp tục làm theo yêu cầu của khách hàng. Năm ngón bàn tay trái của Vĩnh Chánh từ sáng sớm đã chịu đau đớn, đến chiều gần như không thể cử động được nữa, máu mủ thường chảy ra, hết sức khổ sở. Dần dần, các khớp ngón tay rơi rụng, ông ta không còn cầm nắm bằng tay được nữa, phải đi ăn xin ngoài chợ.
Vĩnh Chánh tự nói ra tội lỗi của mình với mọi người, đến 3 năm sau thì chết, hai đứa con cũng nối tiếp nhau chết vì đói. Do đó mà số người sử dụng những dụng cụ đo lường sai lệch do Vĩnh Chánh làm ra không còn nhiều nữa.”

Lời bàn

Đời nhà Thanh, vùng Thiệu Hưng thuộc tỉnh Triết Giang có người đến Tô Châu thuê nhà ở. Người này có nghề khéo nấu bạc đúc thành các loại đồ

chứa. Trong lúc nhận làm cho khách, ông ta lén lấy bớt đi số lượng bạc của khách. Năm Bính Tý niên hiệu Khang Hy, vào ngày mồng 3 tháng 7, đang trong lúc đúc đồ chứa, bỗng nhiên có người dở miếng ngói trên mái nhà ông ta trống ra. Ông lấy tay che lại, bỗng có tiếng sét đánh xuống, làm đứt hẳn một nửa cánh tay. Tuy chưa đến nỗi chết, nhưng thân thể khi ấy không còn khả năng nhấc được vật gì lên nữa. Cho nên, đối với các loại đồ dùng mà có sự gian lận, ắt không khỏi có sự liên quan đến tạo vật.

Chịu phạt làm thân trâu

Vào đời Đường, ở huyện Vạn Niên thuộc Ung châu có người họ Nguyên, cưới vợ họ Tạ. Hai vợ chồng có đứa con gái gả cho Lai A Chiếu là dân ở Long thôn. Niên hiệu Vĩnh Huy năm cuối đời Đường Cao Tông, Tạ thị qua đời. Đến tháng 8 năm đầu niên hiệu Long Sóc, bà hiện về báo mộng cho đứa con gái, nói rằng: “Mẹ lúc còn sống dùng đấu nhỏ hơn để đong rượu bán, gian lận tiền của người khác quá nhiều, nay đang phải chịu tội, làm con trâu ở nhà một người dưới chân núi Bắc Sơn, gần đây lại bị bán về nhà Hạ Hầu Sư ở gần bên chùa Pháp Giới để cày ruộng, khổ cực vô cùng. Mong rằng con có thể mang tiền đến đó chuộc mẹ ra.” Đứa con gái thức dậy, đem việc ấy khóc mà kể với chồng.

Tháng giêng năm sau, tình cờ gặp một vị ni sư ở chùa Pháp Giới đến Long thôn, hỏi ra mới biết tường tận mọi việc. Hai vợ chồng liền chuẩn bị tiền bạc tìm đến nhà kia để chuộc trâu. Trâu nhìn thấy người con gái thì khóc. Cô ta mua được trâu về, tận tâm nuôi dưỡng. Vương phi và thị nữ của Vương Hầu ở kinh thành nghe biết chuyện này, liền cho gọi người con gái của Tạ thị, bảo dắt trâu đến cho Vương phi xem, rồi ban cho tiền bạc, vải lụa.

Lời bàn

Dùng đấu nhỏ hơn để đong cho người là thói gian lận thường gặp ở dân

phố chợ, ắt phải chịu sự trừng phạt đến như thế. Cho nên những kẻ gian lận của người để thủ lợi, ỷ thế cưỡng bức mua lấy vật dụng của người, nói chung đều không tránh khỏi sự nguy hiểm.

Nối nghiệp nhà tốt đẹp

Đời Minh, ở Dương Châu có nhà giàu có, mở một cửa hàng ở phía nam. Đến lúc sắp chết, gọi con đến trao cho một cái cân mà nói: “Đây là vật đã giúp ta dựng nên gia nghiệp.” Đứa con hỏi vì sao, ông đáp: “Đòn cân này làm bằng gỗ mun, bên trong có giấu thủy ngân. Khi cân bán ra thì trước đã nghiêng cho thủy ngân chạy về đầu cân, người ta thấy tưởng rằng vật đã đủ nặng, không biết rằng thật ra còn nhẹ. Khi cân mua vào thì trước đã nghiêng cho thủy ngân chạy về đuôi cân, người ta thấy tưởng rằng vật cân còn nhẹ, nhưng không biết rằng thật ra đã nặng. Ta nhờ đó mà giàu có.” Đứa con nghe như vậy thì trong lòng kinh sợ nhưng không dám nói ra. Người cha chết rồi, đứa con lập tức mang cái cân ấy ra thiêu hủy. Khi đốt thấy trong đám khói bay lên có vật gì hình giống như rồng, như rắn. Chẳng bao lâu sau, có 2 người con trai đều chết cả. Khi ấy liền than thở rằng đạo trời thật không công bằng, nhân quả đảo điên trái ngược. Một hôm, nằm mộng thấy mình đi đến một nơi, có quan phủ ngồi trên án đường, dạy rằng: “Cha của ngươi vốn số mạng giàu có, thật chẳng cần phải dùng đến cái cân gian lận. Nhưng vì ông ta có tâm bất chính, chẳng giữ lẽ công bằng, nên Ngọc Đế có lệnh sai hai vì tinh tú là Phá tinh với Háo tinh xuống trần, đầu thai vào nhà để hủy hoại gia nghiệp nhà ngươi. Sau khi gia nghiệp đã suy sụp rồi, ắt phải chịu thêm hỏa hoạn. Nay xét thấy ngươi có thể sửa được lỗi lầm của cha ngày trước, buôn bán giữ được lẽ công bằng, nên Ngọc Đế đặc biệt cho triệu hồi Phá tinh với Háo tinh về, sắp tới sẽ cho ngươi được có con ngoan hiền, ngày sau được vẻ vang vinh hiển. Ngươi nên cố sức làm điều thiện, chớ nên oán thán lẽ trời.”

Người kia tỉnh dậy hiểu ra mọi sự, từ đó càng kiên trì làm thêm rất nhiều việc thiện. Sau quả nhiên ông sinh được 2 người con, đều đỗ tiến sĩ.

Lời bàn

Theo đúng lý thì những chuyện tốt xấu, lành dữ xảy ra với người đời đều có nguyên nhân tiềm ẩn, chỉ là người phàm mắt thịt không có khả năng thấy biết mà thôi. Nhưng luật nhân quả báo ứng, dù một mảy may cũng không sai lệch.

Xưa ở Cô Tô (Tô Châu) có người họ Doãn sống bằng nghề viết đơn kiện, xúi giục người khác kiện tụng lẫn nhau. Trong nhà lúc nào cũng đông người đến nhờ giúp, đông như họp chợ. Sau người ấy sinh được một đứa con, dung mạo hết sức tuấn tú, thông minh tuyệt trần. Nhân đó, họ Doãn tự hối hận lỗi lầm của mình, bỏ không làm việc viết đơn từ cáo trạng nữa. Chẳng bao lâu, đứa con trai hốt nhiên bị mù cả 2 mắt. Họ Doãn đau buồn uất hận lắm, trở lại viết đơn kiện như trước. Chưa được một năm thì 2 mắt của đứa con trai sáng ra. Do đó mà họ Doãn cho rằng đạo trời chẳng công bằng, từ đó tuyệt đối không tin lẽ nhân quả, họa phước gì nữa cả.

Đứa con trai họ Doãn tên Minh Đình, vào năm Kỷ Sửu niên hiệu Thuận Trị thì đỗ tiến sĩ. Nhưng rồi chưa được mấy năm, nhân lúc đi nhận chức quan, giữa đường gặp quân phiến loạn, cả nhà đều bị giết, không sống sót một ai.

Với kẻ dưới phải khoan thứ, không nên khắc nghiệt, soi mói

Giảng rộng

Chẳng thấy như lúc bỏ tiền mua nô tì, mẹ con phải ly biệt đau khổ đến mức nào sao? Mẹ hiền ruột gan như xé nát, vạn bất đắc dĩ mới phải bước ra về, trước lúc ấy còn dặn dò lại con rằng: “Cha mẹ nghèo làm khổ con rồi! Thôi hãy gắng sức, khéo phụng sự chủ nhân. Chủ có gọi phải to tiếng dạ, chủ có dạy phải lắng tai nghe. Cùng là tôi tớ với nhau chớ tranh giành ganh

ghét. Hình hài của con đó là máu thịt mẹ cha, trước đây thương quý nâng niu như châu ngọc, đâu ngờ phải gấp rút đến lúc chia lìa như hôm nay. Mẹ nếu như có được tiền, nhất định sẽ đến chuộc con về. Từ nay con phải tự lo cho thân mình, đừng để đến nỗi phải chịu đòn roi đánh phạt." Dặn dò cẩn thận như vậy rồi, lời chưa dứt thì mẹ con đã không kiềm được mà cùng ôm nhau khóc lớn. Cảnh ấy thật đau đớn thay! Nếu biết nghĩ đến cảnh ấy thì xót thương còn không hết, làm sao có thể nỡ lòng khắt khe, soi mói tìm lỗi để trách phạt?

Trong Kinh dạy rằng: "Người đời đối với kẻ tôi tớ giúp việc, phải giữ trọn theo năm điều. Một là, trước phải xét hỏi xem có đói khát, rét lạnh hay không, sau đó mới sai khiến công việc. Hai là, nếu tôi tớ có bệnh phải lo việc cứu chữa, điều trị. Ba là, không được lạm dụng đòn roi, trước hết phải hỏi rõ ngọn nguồn sự việc rồi mới nghĩ đến việc trách phạt. Nếu là việc có thể tha thứ thì nên tha thứ; nếu buộc lòng phải trách phạt, thì nên vì sự dạy dỗ mà trách phạt. Bốn là, tôi tớ có chút đỉnh tiền riêng, không được cậy quyền chiếm đoạt. Năm là, cấp phát đồ dùng phải thực sự công bằng, không được thiên vị kẻ nhiều người ít, kẻ tốt người xấu."

Trong thế gian, những kẻ làm thân tôi tớ ắt phải là hết sức tối tăm, khổ sở. Bởi tối tăm nên ắt phải mau quên khó nhớ, rối loạn mọi việc. Bởi khổ sở nên dung mạo khó coi, thường nói lời vô nghĩa, nói ra đường đột xúc phạm người trên nhưng vẫn thường tự cho mình là đúng, gượng ép cãi cọ không thôi. Chính vì vậy mà thường tự chuốc lấy đòn roi trách phạt. Nhưng đối với những người tôi tớ như vậy mà khắt khe soi mói để trách phạt họ, thì người chủ ấy rõ ràng là không sáng suốt, lại thêm bụng dạ hẹp hòi. Nguyện sao cho những người làm chủ đều là người nhân hậu, rộng lòng khoan thứ, nên nghĩ đến những kẻ tôi tớ như con cái của chính mình. Đang lúc phải dùng đòn roi, cũng nên dạy dỗ rầy la; đang lúc dạy dỗ rầy la,

cũng nên khuyên bảo khích lệ. Được như vậy ắt là tự mình cũng không hao tổn tinh thần, mà kẻ tôi tớ cũng không phải chịu đớn đau thể xác. Không chỉ là trong hiện tại được danh thơm tiếng tốt, mà còn có thể tạo thành nền nếp tốt đẹp cho gia đình trong tương lai.

Trưng dẫn sự tích

Sau khi chết không có nô tì

Thời Nam Bắc triều, ở Bắc Tề có viên quan họ Lương, nhà hết sức giàu có. Lúc sắp chết bảo vợ con rằng: “Ta bình sinh yêu thích một nô tỳ với con ngựa hay, các người phải vì ta mà chôn theo khi tống táng.”

Sau khi họ Lương chết, người nhà liền dùng bao chứa đầy đất đè lên người đứa nô tỳ, ngạt thở mà chết. Riêng con ngựa còn đợi đó, chưa giết. Nô tỳ chết được 4 ngày thì bỗng nhiên sống lại, kể rằng:

“Tôi chết rồi, hồn đi đến phủ Diêm vương, ở bên ngoài cửa ngủ lại một đêm. Sáng hôm sau, nhìn thấy ông chủ bị xiềng xích gông cùm, có người áp giải vào. Ông chủ bảo tôi rằng: ‘Ta cứ tưởng sau khi chết cũng cần dùng đến nô tỳ, nên mới dặn người nhà cho ngươi xuống, đâu có ngờ đến hôm nay thì mỗi người đều tự chịu khổ não, chẳng liên quan gì đến nhau. Ta sẽ thỉnh cầu quan thả ngươi về. ’

“Ông chủ nói rồi phải vào trong điện. Tôi đứng bên ngoài liền ghé mắt nhìn trộm vào, thấy có vị quan tra hỏi quân lính rằng: ‘Hôm qua ép ra được nhiều ít mỡ?’ Quân lính thưa: ‘Được 8 đấu.’ Quan dạy rằng: ‘Tên họ Lương đó cần phải ép tiếp, hãy ép cho ra đủ một thạch sáu đấu mỡ.’ Ông chủ lập tức bị dẫn đi, không kịp mở miệng nói điều gì.

“Hôm sau lại thấy ông chủ bị dẫn đến, nhưng vẻ mặt có phần hoan hỷ. Quan tra hỏi: ‘Có ép được mỡ không?’ Quân lính đáp: ‘Dạ không.’ Quan hỏi nguyên do, quân lính thưa: ‘Người nhà ông ấy thỉnh chư tăng tụng kinh lễ Phật, mỗi khi nghe tiếng kinh kệ thì đà sắt tự gãy lìa, nên không ép ra

được mỡ.' Ông chủ nhân lúc đó liền lên tiếng xin tha cho tôi về, lại nhờ nhắn lời về với người nhà rằng: 'Nhờ các người làm điều phước thiện nên ta được thoát nỗi khổ lớn, nhưng giờ thật chưa thoát hết tội, mong các người tiếp tục vì ta tụng kinh, tạo tác tượng Phật, ta nhờ đó có thể được giải thoát. Từ nay về sau tuyệt đối không được sát sinh để cúng tế, chẳng những ta không hề được hưởng những thứ ấy, mà ngược lại còn phải chịu tăng thêm tội khổ.'"

Lời bàn

Sau khi chết rồi không thể sử dụng nô tỳ, cũng giống như sau khi nghỉ việc quan thì không thể sai khiến những kẻ giúp việc trong nha môn. Còn như việc tụng kinh có thể tạo phước, làm việc sát sinh ắt gây họa cho người chết, lẽ ấy cũng là đương nhiên.

Nô tỳ bình đẳng với người cao quý

Tại Hồng Châu có quan tư mã là Vương Giản Dị bị chứng đau bụng, trong bụng thấy có một khối cứng, tùy theo hơi thở mà di chuyển lên xuống. Ông ấy đau quá đã chết đi, sau sống lại nói với vợ rằng: "Ta bị triệu đến chốn âm ty, vì có đứa nô tỳ kiện ta. Nó nói rằng vì bị ta kiềm chế mất tự do thái quá đến nỗi phải tự vẫn. Nay cái khối cứng trong bụng ta chính là nó đó. Âm ty tra xét sổ bộ thấy ta còn được sống trên dương gian 5 năm nữa, vì thế thả cho ta về."

Người vợ hỏi: "Đứa nô tỳ sao lại dám làm như vậy?" Giản Dị đáp: "Thế gian phân chia kẻ sang quý, người hạ tiện, chốn âm ty đều xem bình đẳng như nhau thôi."

Năm năm sau, quả nhiên Vương Giản Dị bị tái phát chứng đau bụng mà chết.

Lời bàn

Kẻ tôn quý với người thấp hèn, đều do sự phân biệt đối xử mà thành; cha

con chồng vợ, bất quá cũng chỉ tạm thời giả hợp thành danh xưng, xét từ đầu vốn không phải những vị trí, danh xưng rốt ráo. Như nhà ở kề cận ta về phương đông, quay nhìn sang nhà ta ắt gọi là phương tây; như từ chỗ nhà của người ở về phương đông của ta mà nói, thì căn nhà kề cận về phương tây của họ, đối với ta lại là phương đông. Cha ta gọi ta là con, ấy là nhìn từ phía của người làm cha. Nếu như nhìn từ phía con ta, ắt lại phải gọi ta là cha. Đường xuống suối vàng vốn đã không còn nghe đến chuyện cháu con vui vầy, huống chi đến chốn Quỷ môn quan lại còn có nô tỳ phục dịch bên mình được sao?

Nhẫn chịu được điều khó nhẫn

Triều Minh có quan Tư đồ là Mã Sâm. Cha ông đến năm 40 tuổi mới sinh con. Con lên 5 tuổi, dung mạo xinh đẹp, cả nhà đều thương yêu trân quý như châu ngọc. Một hôm, đứa tớ gái bế ra ngoài chơi, sẩy tay làm té ngã bị một vết thương trên trán phía bên trái mà chết. Cha ông lúc đó nhìn thấy mọi việc, lập tức gọi đứa tớ gái bảo chạy trốn đi, rồi tự tay bế xác con vào nhà. Mẹ ông đau đớn kinh hồn, nặng tay xô đẩy cha ông té ngã nhiều lần, quyết tìm cho ra con tớ gái mà đánh cho đến chết, nhưng nó đã chạy xa rồi.

Đứa tớ gái chạy về nhà cha mẹ, kể thật sự tình. Cha mẹ nó vô cùng cảm động trước sự tha thứ của ông chủ, ngày đêm thành tâm cầu nguyện cho ân nhân mình sớm sinh quý tử. Năm sau, quả nhiên ông sinh được Mã Sâm, trên trán nơi phía bên trái có một vết sẹo màu đỏ rất rõ.

Lời bàn

Nô tỳ mắc lỗi, còn lỗi nào lớn hớn lỗi làm chết con của chủ? Khoan dung tha thứ, còn có cách nào hơn là buông thả cho đi mất? Kẻ đã làm chết đứa con hiếm muộn lúc tuổi về già của mình, lại thả cho đi không bắt tội, cũng xem như mất hẳn đứa nô tỳ. Nuôi dưỡng được tâm địa như thế, ví như

đứa con mà chẳng đủ phước làm đến chức quan Tư đồ, ắt người cha ấy cũng đã thay con mà trồng được cội phước rồi. Bằng như ngược lại, chủ nhân vì con cái mình mà đánh đập, trách phạt tôi tớ, chẳng qua chính là làm tổn hại đến phước thọ của con mình đó thôi.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất (19)

Hung bạo sinh ra rắn

Vào triều Minh, niên hiệu Sùng Trinh năm thứ nhất, vùng Gia Định có một người họ Cảnh, làm nghề bán mì sợi mà sống. Người vợ ông tính tình hung hãn, thường lăng nhục, ngược đãi đãi tớ gái, khiến nó thật không chịu đựng nổi. Mùa xuân năm Canh Thìn, bà mang thai đến ngày sắp sinh nở, chuyển bụng suốt 2 ngày mà không sinh được. Khi ấy, có bà đỡ họ Vương, hết sức... ... ...

(Từ đây trở đi trong cổ bản Hán văn bị mất 21 dòng, mỗi dòng 20 chữ.)

... ... phong hóa suy vi kiêu bạc, chỉ riêng các vùng Thái Thương, Côn Sơn,

Gia Định, Sùng Minh, Tùng Giang là còn giữ theo phép sung quân có quan hệ đến đời con cháu. Một khi bị đưa vào, liền chẳng khác gì những kẻ phạm tội phản nghịch.
Đem thân làm kiếp nô tỳ trong nhà những kẻ công danh đại thần, xem như vĩnh viễn không thể thoát ra. Chẳng riêng những kẻ suốt đời phải làm thân nô bộc, cho đến những người theo lệ bắt phải sung quân vĩnh viễn, đều khiến cho con cháu của họ mãi mãi không thể trở thành con cái nhà tốt đẹp. Thật là thảm khốc biết bao! Chẳng dám nghĩ đến việc tự mình làm chủ một gia đình, chỉ riêng hiện nay chịu ơn nặng của mẹ cha cũng đã tự mình không thể lo việc nuôi dưỡng báo hiếu. Làm thân người nô bộc, bất quá chỉ nhận được chút tiền bán thân, nay chủ nhân lại muốn bắt người ta vĩnh viễn suốt đời nô lệ, như thế chẳng phải là trên thì phạm đến hòa khí của trời đất, dưới thì xúc chạm sự phẫn nộ của quỷ thần chốn u minh đó sao? Trong đời tuy có phân ra kẻ cao quý người hạ tiện, nhưng sinh con ra thì ai ai cũng đều thương yêu trân quý. Thế mà chỉ riêng con cái của những nhà bần cùng khi trở thành nô bộc trong các nhà có danh phận địa vị, ắt là việc dựng vợ gả chồng đều phải phụ thuộc, chẳng được tự do. Hoặc như nữ tỳ có chút nhan sắc, bị ông chủ cưỡng bức chuyện phòng the; hoặc khi bà chủ sinh tâm ghen ghét, thông qua kẻ môi giới mà bán đi phương xa, khiến phải ôm lòng phẫn hận, xấu hổ, oan ức thấu trời xanh mà không thể bày tỏ. Cho đến chuyện còn sống hay đã chết, gia đình thân quyến cũng không chút tin tức hay biết. Đó quả thật là chỗ bi thảm không sao nói hết trong số phận của những đứa con nhà cùng khổ, phải bán cho người làm thân nô bộc.
Ví như làm thân nô bộc lại không con nối dõi, ắt khó nhọc suốt một đời có tích cóp được ít nhiều tài sản đều sẽ bị người chủ công nhiên chiếm lấy, xem như tài sản của ông ta. Thậm chí đến như người chồng của đứa nữ tỳ,

nếu có dành dụm được đôi chút tiền bạc, chủ nhà liền nhận rằng cha của nữ tỳ ấy cũng là nô bộc của mình, mượn cớ ấy mà dối trá cướp lấy, cho nên cái họa của một người làm nô bộc suốt đời thật ảnh hưởng đến cả người chung chăn gối.

Cũng chẳng riêng gì những việc như trên, khi đã có người phải chịu cảnh nô bộc suốt đời, ắt lại có những người bị giả mạo vu khống. Chính mắt tôi từng thấy có những kẻ cường hào nhiều thế lực, khi dò xét thấy nhà dân lành yếu đuối thế cô mà có chút tài sản, ruộng vườn, nhà cửa, hoặc người vợ có chút nhan sắc, hoặc có con gái xinh đẹp... liền thống suất gia nhân của mình lên thuyền kéo đến, làm như thể đi bắt cướp không khác, đột nhiên cưỡng bức mang về nhà mình, rồi giải lên quan phủ yêu cầu trừng trị, vu cáo đó là người phản chủ, hoặc mưu sát chủ, lại đưa ra khế thư chứng minh việc bán thân từ nhiều năm trước đây, mà thật ra chỉ là thứ giấy tờ ngụy tạo mà thôi. Đã vậy, bọn quan lại thì nhận hối lộ trước rồi, cứ y theo ý muốn của chúng mà xử, khép tội thật nặng. Sau đó dùng danh phận chủ tớ mà áp đặt, nhận cho khế thư ngụy tạo kia là đúng, xem tội phản chủ là thật, khiến cho người thế cô yếu đuối chịu oan khuất mà không thể bày tỏ, chẳng biết nơi nào để tố giác lên. Tiếp theo lại cân nhắc tính toán theo gia cảnh của người kia, ép phải mang tiền đến chuộc người về.

Thương thay cho người dân nghèo không hiểu pháp luật, lo sợ ngày sau phải chịu sự bức hại, liền mau mau tìm phương cách chạy vạy tiền bạc, lớp thì vay mượn, lớp thì cầm cố để có tiền nhờ người đến biện hộ. Thật không biết rằng quan phủ vốn đã nhận đủ tiền bạc hối lộ, nên căn bản dù có mang tiền chuộc đến rồi cũng không giao trả lại khế thư bán thân kia, chỉ cấp ra một mảnh giấy làm bằng chứng mà thôi. Hóa ra khi có thêm mảnh giấy này thì tờ khế thư ngụy tạo trước kia giờ lại càng thêm tính xác thật, vì bản thân đương sự đã đến xin nộp tiền chuộc thân, tức là thừa

nhận khế thư kia là đúng thật, không còn cách nào có thể biện bạch cho ra lẽ được nữa. Quả nhiên đúng vậy, đợi đến 3 năm hoặc 5 năm sau, lại y theo lối cũ gọi người đến phục dịch. Bấy giờ, nếu nghe lời mà đến làm tôi tớ thì số tiền chuộc năm xưa hóa ra uổng phí. Bằng muốn cố sức giữ lấy chút thể diện, ắt là tài sản gia nghiệp phải mất hết. Thậm chí gian dối bức hại cho đến khi người kia chỉ còn lại tấm thân trơ trọi mà thôi!

Như thế quả thật là một lũ cường bạo đạo tặc núp bóng cửa quan, một đám lang sói đội lốt lễ giáo. Chỉ vì xã hội chưa trừ bỏ đi tục lệ bán thân làm tôi tớ suốt đời, nên từ đó mà sinh ra vô số những điều hệ lụy xấu ác. Theo như lẽ thường, như bán thân một lượng, nếu muốn chuộc cũng phải mang đến một lượng, đối với người bán thân mà nói thì một khi đem thân cúi đầu phục vụ cũng đã xem như phó mặc số phận một đời. Huống chi nếu bỏ ra một lượng lại đòi hỏi người ta muốn chuộc phải trả lại gấp nhiều lần, theo tôi như thế thật quá tham lam, tổn hại đến đạo trời. Cớ sao cũng cùng là đồng tiền, khi chủ mua nô bộc thì 3 lượng, 5 lượng đều to lớn, xem nặng như Thái sơn; đến khi nô bộc muốn nộp tiền chuộc thân thì lại tăng lên đến số trăm, số ngàn, xem nhẹ như cỏ rác?

Mong sao những bậc quân tử giàu lòng nhân ái đều phát khởi tâm nguyện đại từ đại bi, cùng nhau dâng biểu tấu lên triều đình, sớm có sắc lệnh nghiêm cấm không được gọi gia nhân của các nhà hào phú là quân, và những kẻ nô bộc bán thân nên có hạn kỳ, không phải làm nô bộc suốt đời. Đối với người đã bán thân, chỉ giới hạn với riêng người ấy thôi. Lại nên quy định việc khi nô bộc cưới vợ hoặc theo chồng, người chủ không được đứng ra thu nhận tiền tài lễ vật. Đối với số tiền chuộc người, phải quy định không được nâng lên cao hơn số tiền ban đầu. Ví như có người đến cửa quan tố cáo người khác là nô bộc phản chủ, cần tra xét kỹ để loại trừ trường hợp gian trá hại người.

Lại mong sao các địa phương trực thuộc đều tuân thủ đúng theo sắc lệnh, cho khắc những điều lệnh này lên bia đá, đặt ở chốn đông người. Làm được như vậy, không chỉ giúp cho ngàn vạn bậc cha ông không để khổ lụy đến đời con cháu, mà ngàn vạn cháu con cũng sẽ không rơi vào cảnh phải oán trách cha ông; chẳng những giúp cho ngàn vạn gia đình hiền lương trong chốn dân dã thoát được tai họa do bọn cường hào dựng chuyện vu cáo hãm hại, lại cũng giúp cho ngàn vạn cô gái con nhà hiền lương thoát được cảnh sỉ nhục vì bị bọn cường hào cưỡng bức thất thân.
Như vậy, đám con cháu của các nhà giàu sang danh vọng mới biết tự lo lấy thân, không dám khởi sinh những ý niệm tà ác, không cướp giật tiền tài phi nghĩa, nhờ đó mà bồi đắp được tông miếu tổ tiên, như vậy chẳng phải là tạo được phúc đức sâu dày lắm sao?

Giảng rộng bài văn Âm chất

Hết Quyển thượng

Phụ đính: Nghiêm cấm sách khiêu dâm

Nhan Quang Trung nói rằng: “In ấn phổ biến các sách khiêu dâm, dụ dỗ dẫn dắt kẻ ăn chơi, đó là những việc giết người không cần đổ máu. Khi có bậc thánh nhân ra đời, nhất định sẽ gấp rút gồm thu thiêu hủy hết thảy các sách dâm ô tà đạo, cũng như các bản gỗ dùng để in ấn chúng. Những kẻ tham gia việc in ấn lưu hành đều phải xử tội thật nặng, xem đồng với tội phạm năm điều đại nghịch, không thể miễn giảm tha thứ. Có như vậy thì phong tục mới được thuần mỹ, mà nền nếp tri thức mới duy trì được theo đường ngay nẻo chính.”
Viên Tử Phàm cũng có nói rằng: “Người nào làm việc thu gom các sách dâm ô tà đạo, khích động bạo lực để thiêu hủy hết đi, sẽ được phước báo

con cháu nhiều đời đều có lòng trung hiếu tiết nghĩa. Người nào ưa thích đọc các tiểu thuyết khiêu dâm, lại mang những sách khiêu dâm, bạo lực v.v... cất giữ cùng một nơi với các sách của thánh hiền, sẽ chịu quả báo con cháu nhiều đời ham mê dâm dục. Người nào làm việc in ấn lưu hành hoặc mua bán các sách khiêu dâm, bạo lực... để trục lợi, sẽ chịu quả báo con cháu nhiều đời hèn kém hạ tiện."

Tất Hiệu Lương nói: "Những quyển sách khiêu dâm quả thật là lưỡi dao sắc bén giết chết người. Chỉ mong sao cho các em thanh niên thiếu nữ con em chúng ta, một khi nhìn thấy những loại sách độc hại chết người ấy thì lập tức xé nát, thiêu hủy. Nếu gặp bạn bè xấu đam mê những thứ ấy thì xa lánh không giao du nữa. Phải giúp nhau nhắc nhở cảnh giác ngăn ngừa, đừng để rơi vào cái nguy cơ giết người không hình trạng đó.

"Nay tôi khẩn thiết cúi đầu có lời thưa trước chư vị trong ngành xuất bản cùng giới văn nhân trước tác, ai trong chúng ta cũng đều có con em, chồng vợ, sao lại nhẫn tâm đẩy những người thân yêu ấy vào nơi tối tăm u ám, vào con đường dẫn đến tử vong, dứt tuyệt đường nối dõi dòng tộc?

"Tôi lại khẩn thiết cúi đầu xin thưa với các vị hiệu trưởng, gia trưởng, các vị đang làm công tác thanh tra, xin mỗi vị đều tùy lúc tùy thời mà luôn có sự kiểm tra nghiêm ngặt, thường xuyên khuyên bảo dẫn dắt, giúp cho những con em thanh niên thiếu nữ của chúng ta đều tránh xa được chỗ tối tăm, không rơi vào đường chết.

"Những điều mong mỏi ấy cũng đều tùy thuộc vào sự thực hành đức độ của các vị trong ngành xuất bản, các vị văn sĩ trước tác... Nếu như các vị có thể mạnh mẽ quyết tâm đốt sạch những bản gỗ in sách dâm thư tà đạo, ném bút không viết ra những sách như thế, tôi dám chắc rằng hàng con em trong cả nước sẽ cảm kích mà xem các vị như những bậc đại vĩ nhân, đại mô phạm.

“Nếu như nói rằng các sách khiêu dâm nào hàm chứa sự báo ứng xấu xa thì người đọc ắt tự có khả năng nhận biết mà cảnh giác, tránh xa; vậy xin hỏi có sách khiêu dâm nào mà không hàm chứa quả báo xấu, tại sao chỉ riêng thấy người đọc ngày càng bị lôi cuốn đam mê đắm chìm trong đó?

“Vì thế, tôi lại khẩn thiết cúi đầu trước các vị họa sĩ, văn sĩ tiểu thuyết gia, xin có lời thưa rằng: Dùng ngọn bút để mưu sinh thì chọn cách nào mà chẳng được, cần chi đã khó nhọc lại hoen ố thanh danh, lưu truyền tiếng xấu, dẫn dắt xã hội vào con đường tối tăm u ám, bẫy thanh niên vào chỗ tử vong; chỗ học rộng sâu mà chạy theo mối lợi thật quá ư nhỏ nhoi vụn vặt. Nói về thuyết âm đức, nhân quả, những kẻ thiển cận ít học đều cho là mơ hồ khó thấy, nhưng trong sách vở, truyện tích của chư vị thánh hiền, 24 bộ chính sử, hết thảy đều có ghi chép đầy đủ rõ ràng. Huống chi, các bậc hiền nhân gần đây nghe thấy, ghi chép lại cũng rất nhiều. Thế nên tiên sinh Đinh Phúc Bảo mới sưu tập, lược ghi chép lại nhằm mục đích khuyên dạy răn nhắc người đời.

“Trong mọi điều xấu tệ, dâm dục là nặng nhất, hiện tiền không khỏi chịu nhiều báo ứng, sau khi chết lại phải vĩnh viễn nhận chịu những sự đớn đau khổ sở. Than ôi, người trong nước lẽ nào lại có thể không hết sức lưu tâm kinh sợ đối với việc này được sao? Giá như hiện nay trong nước có được bậc đạo cao đức trọng, đứng ra tập hợp những người cùng chí hướng, cùng nhau mở ra hội nghị bàn thảo hoạch định phương pháp bài trừ các sách khiêu dâm, đồng thời cùng với các vị chức sắc, chư tôn giáo phẩm, ban lời khuyên dạy khuyến khích đọc những sách có nội dung tốt đẹp, lành mạnh, góp sức lưu truyền rộng rãi, dùng nhiều phương thức khác nhau để khen thưởng khích lệ, như vậy quả thật là giúp cho xã hội quốc gia được thấm nhuần những điều tốt đẹp vô cùng tận. Cứ nghĩ đến việc này, tôi thật

không sao ngăn được cảm xúc trong lòng, chỉ muốn chí thành dâng hương lễ bái, cầu nguyện sao cho sớm được thành tựu.”

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (20)

In ấn kinh sách

Giảng rộng

Cho dù sẵn có món ngon vật lạ, nếu không nếm vào cũng không thể biết được vị ngon. Cho dù sẵn có đạo lý nhiệm mầu, nếu không học hỏi tu tập cũng không thể biết được chỗ vi diệu uyên áo. Trong cuộc đời này, thân người là điều mong manh dễ mất nhất, mà Phật pháp là điều khó được nghe biết đến nhất. Nếu như đức Như Lai không xuất thế độ sinh, rộng truyền Phật pháp, ắt hẳn cả hai cõi trời, người vẫn còn mãi mãi chìm trong đêm dài vô minh tăm tối.

Chẳng riêng gì những người thô thiển, kiến thức hẹp hòi, đến như các nhà Nho học rộng nghe nhiều thì chỗ thấy biết cũng còn giới hạn, không thể sánh với Phật pháp. Như ngẩng đầu quan sát trời cao, người đời thường nghĩ chỉ có một thế giới này với mặt trời, mặt trăng, mà không biết rằng còn có vô số cõi thế giới khác nữa. Hoặc như cho rằng con người đầu tiên

được sinh ra từ thời Bàn Cổ, nhưng thật không biết là trong vô số kiếp từ trước đến nay, mỗi chúng ta đều đã trải qua không biết bao nhiêu đời sống. Hoặc cho rằng các vị Thiên đế, Thiên tiên là những bậc cao quý nhất, không ai sánh bằng, nhưng thật không biết rằng họ cũng chỉ là phàm phu chưa thoát khỏi luân hồi trong sáu nẻo. Hoặc như cho rằng sau khi chết thì thân thể hư hoại, hồn phách tiêu tán, nhưng thật không biết rằng mỗi chúng ta đều sẵn có một điểm linh quang, dù trải qua bao nhiêu kiếp sống cũng chưa từng mất đi sự sáng suốt, làm sao có thể hoại diệt? Lại như cho rằng cha mẹ hoặc người thân khi đã qua đời thì không còn làm gì được nữa, nhưng không biết rằng một khi học được pháp Phật vi diệu này rồi thì dù có trải qua muôn ngàn kiếp sống cũng đều tự biết cách tu tập, thường gieo nhân lành, gặt quả tốt. Hoặc như khi thấy người hiền lương gặp điều trắc trở, kẻ xấu ác được như ý muốn, liền cho rằng lẽ trời chẳng đáng tin theo, nhưng thật không biết rằng hết thảy đều do nghiệp nhân từ đời trước chiêu cảm, dù mảy may cũng không sai lệch.
Thật vĩ đại thay, Giáo pháp kinh điển của Như Lai! Quả thật là con thuyền từ bi đưa muôn người vượt qua bể khổ, là ngọn đuốc quý báu trên con đường tối tăm u ám, là bầu sữa mẹ lúc sơ sinh, là lúa gạo trong năm mất mùa đói kém. Vì thế, khi Tôn giả A-nan kết tập Kinh điển, Phạm vương, Đế thích đều cầm lọng che hầu, bốn vị Đại thiên vương đích thân quỳ nâng bốn chân tòa báu. Sách vở của thế gian thật không thể đem ra so sánh, dù chỉ trong muôn một. Cho nên, việc in ấn lưu hành Kinh sách quả thật là điều không thể không làm.
Đức Thế Tôn trước khi thành đạo, trong vô số kiếp đã vì cầu Phật pháp mà sẵn sàng xả bỏ thân mạng, có lúc chỉ cầu một câu kinh, một bài kệ mà bỏ cả ngôi vua, hoặc xa lìa vợ con, không việc gì không làm. Cho nên, pháp môn của Phật như cam-lộ quý báu, không phải lúc nào cũng sẵn có trong

đời. Người đời không hiểu sự quý báu như thế, thường xem nhẹ Kinh Phật, đâu biết rằng đến vài ba ngàn năm sau nữa, dù muốn cầu được một câu, một chữ trong Kinh điển cũng không thể được.

Trong kinh Pháp diệt tận có dạy rằng: Khi Chánh pháp sắp mất đi, màu áo cà-sa của tỳ-kheo còn tự nhiên hóa trắng, huống hồ Ba tạng Kinh văn giáo điển. Rồi từ khi Chánh pháp mất đi, phải trải qua hơn 8.806.000 năm, Bồ Tát Di-lặc từ cung trời Đâu-suất hạ sanh, thế gian mới lại có Phật. Bốn tiểu kiếp từ thứ 11 đến thứ 14 đều không có Phật. Đến tiểu kiếp thứ 15, sau khi đức Phật Sư Tử xuất thế, lại có các vị Phật nối nhau thành đạo, gồm cả thảy 993 vị, có thể xem là giai đoạn Phật pháp hưng thịnh nhất. Nhưng rồi 4 tiểu kiếp từ thứ 16 đến thứ 19 lại không có Phật. Mãi đến tiểu kiếp thứ 20, sau khi đức Phật Lâu-chí xuất thế, vừa đủ số 1.000 vị Phật thì thế giới Ta-bà này cũng hoại diệt mất. Từ đó, lại trải qua 60 tiểu kiếp rồi mới có Đức Phật Nhật Quang ra đời.

Pháp Phật thật khó gặp như thế, nay ta may mắn sinh ra vào thời gian còn có pháp Phật lưu truyền, lẽ nào lại như người vào núi châu báu mà trở về tay không? Người ở châu Bắc-câu-lô, tuổi thọ trung bình đến hơn nghìn tuổi, nghĩ tưởng đến y phục liền tự nhiên có được y phục, nghĩ tưởng đến thức ăn liền tự nhiên có được thức ăn, mắt không thấy cảnh đau buồn, tai không nghe tiếng tranh đoạt, so với các đời Đường, Ngu, Tam đại thật vượt hơn đến trăm ngàn lần. Theo như thế tục mà nói thì đời sống nơi ấy quả là hưng thịnh phi thường, nhưng theo Phật pháp lại xếp vào một trong Tám nạn, vì người cõi ấy chỉ hưởng phước si mê, không tin Tam bảo, không biết đến Giáo pháp xuất thế.

Pháp Phật quý báu như thế, nên khi tôi đọc đến câu “buộc tăng hoàn tục, đốt hết kinh Phật” của Hàn Dũ, thật không sao kiềm chế được lòng thương xót cho kẻ si mê ấy!

Pháp giới duy tâm

Bốn bậc thánh, sáu cõi phàm đều do tâm tạo.

Phật là bậc thầy dẫn dắt Ba cõi, là đấng cha lành chung của bốn loài, dù khắp cõi trời, người, thế gian hay xuất thế gian, không ai sánh bằng Phật.

Bồ Tát gồm năm mươi mốt bậc: Mười tín, Mười trụ, Mười hạnh, Mười hồi hướng, Mười địa và Đẳng giác.

Duyên giác là các vị do nghe biết Mười hai nhân duyên mà giác ngộ, chỉ tự độ mình, chưa thể cứu độ người khác, nhưng tự thân các vị đã vượt ngoài Ba cõi.

Thanh văn là các bậc tu chứng nhờ được nghe Pháp âm, tức bốn thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Chúng sinh tu Mười điều lành (Thập thiện) thì sinh lên các cõi trời, hưởng sự khoái lạc. Trong Ba cõi có tổng cộng 28 cảnh trời.

Chúng sinh giữ trọn được Năm giới thì sinh vào cõi người, tuy vậy có kẻ hiền người ngu chẳng đồng. Trong số đó, người tạo nhiều phước đức đến mức cùng cực là bậc thánh nhân.

A-tu-la là những chúng sinh có đủ phước như chư thiên nhưng không có đức hạnh như chư thiên.

Chúng sinh có bốn cách sinh ra là: sinh ra từ trứng (noãn sinh), sinh ra từ bào thai (thai sinh), sinh ra từ sự ẩm thấp (thấp sinh) và sinh ra do sự biến hóa (hóa sinh).

Những kẻ ngu si tà kiến, nợ nần không trả, khi chết sinh làm súc sinh, bị người giết hại, tuy có miệng nhưng không tranh biện gì được.

Những kẻ keo kiệt không bố thí, sau khi chết sinh làm quỉ đói, trải nhiều đời kiếp không được nghe đến tên gọi thức ăn nước uống, nói gì đến việc được ăn uống, nỗi khổ đó thật khôn cùng.

Những kẻ bác bỏ nhân quả, làm đủ các việc ác, sau khi chết sinh vào địa

ngục, một ngày một đêm trải qua muôn lần chết đi sống lại mà chịu khổ.

Thế giới Ta bà

Nói "ba ngàn đại thiên" có nghĩa rằng: từ một, hai, cho đến một ngàn cõi Tứ thiên hạ là một tiểu thiên thế giới; lại từ một, hai, cho đến một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới; lại từ một, hai, cho đến một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Vì có ba lần số ngàn như vậy mới thành một đại thiên thế giới cho nên gọi là "ba ngàn đại thiên" nhưng thật ra là chỉ cho một đại thiên thế giới mà thôi.

Núi đại Thiết vi

Đây là tên gọi chung chỉ thế giới mà đức Phật Thích-ca đã ra đời, cùng với toàn cõi thế giới ba ngàn đại thiên này. Nếu tính hết trong toàn cõi thế giới thì có đến 100.000.000 cõi Tứ đại thiên hạ bao quanh ngọn núi này.

Tứ đại thiên hạ

Bao gồm 4 châu, đều nằm ở khoảng giữa đường đi của mặt trời và mặt trăng, chính giữa là núi Tu di, trên đỉnh là cung trời Đao-lợi.

Châu Nam thiệm bộ có 16 nước lớn, 500 nước trung bình, 100.000 nước nhỏ, nước Thiên Trúc nằm ngay chính giữa.

Châu Đông thắng thần, chính là nước Trung Hoa, nằm về phía đông nam nước Thiên Trúc, nên còn gọi là nước Đông Chấn Đán, cũng gọi là nước đông Chi-na, là một quốc gia có văn hiến.

Năm phước báo của người ấn tống kinh điển

Một là được trường thọ, hai là được giàu có, ba là được thân thể đoan chính, bốn là được sanh vào nhà tôn quí, năm là được thông minh.

Phước báo của người tụng kinh

Do không sát sinh, không trộm cắp, giữ hòa khí, tin Phật và giác ngộ nên không rơi vào tám hoàn cảnh khó tu tập Phật pháp, bao gồm:

Bốn hoàn cảnh trong cõi người: (1) sinh ra trước hay sau lúc Phật xuất thế,

(2) sinh vào châu Bắc-câu-lô, (3) sinh làm người đui mù, câm điếc, (4) sinh làm người thế trí biện thông.
Ba hoàn cảnh trong ba đường ác: (5) địa ngục, (6) ngạ quỷ, (7) súc sinh.
Một hoàn cảnh trong cõi trời: (8) sinh vào cõi trời Vô tưởng.

Trưng dẫn sự tích

Rồng cầu trai pháp

Ngày xưa, có vị quan giữ vườn thượng uyển, một hôm hái được thứ quả quý hiếm bên bờ hồ, liền dâng lên vua. Vua rất thích, nhân đó hạ lệnh cho ông mỗi ngày đều phải dâng thứ quả đó, nếu không có sẽ xử tội chết.
Viên quan này kinh hoảng, oan ức kêu trời. Lúc đó, trong hồ có vị long vương hiện thành hình người, bưng mâm vàng đựng quả, an ủi vị quan rằng: "Ông đừng lo sợ nữa, hãy mang mâm quả này dâng vua, chỉ cầu xin một điều thôi. Thuở xưa, sau khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, tôi với vua này cùng thọ giới Bát quan trai. Vua giữ trai giới đúng pháp, sau giờ ngọ không ăn, nên đời này được làm vua. Tôi bị người khác xúi giục, sau giờ ngọ vẫn cứ ăn, vì thế mới đọa vào loài rồng. Nay tôi mong muốn có được pháp Bát quan trai giới ấy để rộng khuyên mọi người cùng thọ trì. Nếu vua nhanh chóng mang giáo pháp ấy đến đây, tôi sẽ hết lòng giúp đỡ đất nước này. Bằng không, tôi sẽ nhấn chìm cả nước."
Nhưng thuở ấy không có pháp Phật, biết tìm đâu ra giáo pháp Bát quan trai giới? Vua hết sức lo buồn sầu khổ. Bấy giờ, có người cha của một vị đại thần nói với vị ấy rằng: "Trong cây cột nhà ta thường phát ra ánh hào quang sáng rực, nên chẻ cây cột ấy ra thử xem."
Vị đại thần nghe lời cha, lúc chẻ ra liền thấy có hai quyển kinh: một quyển kinh Mười hai nhân duyên và một quyển Bát quan trai pháp. Liền mang dâng lên vua. Vua hết sức vui mừng, đưa quyển Bát quan trai pháp cho Long vương.

Long vương sau đó cùng với 500 đứa con cùng nhau tu tập pháp Bát quan trai giới. Sau khi mạng chung, tất cả đều được sanh lên cõi trời Đao-lợi.

Pháp Bát quan trai giới

Thứ nhất, không giết hại: Bất kỳ loài nào có mạng sống đều không được giết hại;

Thứ hai, không trộm cắp: Bất kỳ vật gì không phải sở hữu của mình, nếu người khác không tặng cho thì không được giữ lấy;

Thứ ba, không dâm dục: Năm giới của người tu tại gia chỉ cấm việc tà dâm, nhưng trong ngày thọ Bát quan trai thì dứt hẳn sự dâm dục;

Thứ tư, không nói dối: Lời nói và tâm ý đều phải như nhau, hoàn toàn không có sự gian dối;

Thứ năm, không uống rượu: Rượu làm rối loạn tâm tánh, uống vào sinh ra mọi tội lỗi;

Thứ sáu, không dùng hương, hoa trang điểm, không ướp hương thơm vào thân thể: Vì dứt trừ sự tham đắm chấp trước nên không tô điểm làm đẹp thân thể;

Thứ bảy, không đàn ca, hát xướng, nhảy múa; không đi nghe, xem người khác đàn ca, hát xướng, nhảy múa: Tự mình đàn ca, hát xướng hay xem, nghe người khác đàn ca, hát xướng đều làm rối loạn tâm tu tập. Nói đàn ca là chỉ chung việc sử dụng tất cả các loại nhạc khí như đàn, tiêu, sáo, quyển...

Thứ tám, không ngồi, nằm trên giường ghế cao rộng: Vì đề phòng việc khởi tâm tham trước, phóng túng;

Thứ chín, không ăn sai giờ: Người ăn sai giờ tâm trí dễ bị tối tăm, mê muội.

Tám điều trước gọi là giới, điều thứ chín gọi là trai. Chữ quan (關) có nghĩa

là đóng lại, chữ trai (齋) là nghiêm túc tề chỉnh. Dùng tám giới trước để đóng lại tất cả các cửa ác, dùng một pháp trai cuối cùng để giúp cho tinh thần sáng suốt, tỉnh táo, giữ được chính niệm.

Không ăn sai giờ nghĩa là quá giữa ngày thì không ăn. Đây là đức Phật giúp cho người tại gia được thọ giới như người xuất gia, dùng đó làm phương tiện để gieo trồng căn lành xuất thế.

Vì người tại gia còn sống đời vợ chồng, không dễ dứt bỏ sự dâm dục; lại mỗi người đều vướng mắc công ăn việc làm, không dễ giữ theo giới không ăn sai giờ, nên chỉ thiết lập kỳ hạn trong một ngày một đêm, tức là thọ giới từ buổi sáng sớm cho đến sáng sớm ngày hôm sau là hoàn mãn. Nếu muốn thọ trì nhiều lần vẫn phải thọ theo từng ngày một. Hết thảy các giới khác đều thọ trì suốt đời, chỉ riêng Bát quan trai giới có kỳ hạn chỉ trong một ngày một đêm. Nếu có thể phát tâm Bồ-đề, giữ giới này được thanh tịnh thì được vãng sinh Tây phương Cực Lạc, huống chi là việc sanh lên các cõi trời. Bằng như không thật giữ được theo đúng pháp thì việc thọ giới ắt chỉ là hình thức hư huyễn mà thôi.

Lúc thọ giới nên thỉnh một vị tỳ-kheo đến trước bàn thờ Phật để thuyết giới. Nếu không có tỳ-kheo thì tự mình đến trước bàn thờ Phật tác bạch để thọ giới. Nếu không có tượng Phật thì đối trước Kinh Phật để thọ giới cũng được. Nhưng nếu có tỳ-kheo mà không cầu vị ấy truyền giới, lại tự mình tác bạch thọ giới thì phạm lỗi khinh Pháp, khinh Tăng, lợi ích của việc trì giới sẽ do tâm khinh mạn đó mà giảm bớt.

Bất kể là người chưa thọ giới, hoặc đã thọ Năm giới, hay đã thọ giới Bồ Tát, đều có thể thọ trì Bát quan trai giới, vì giới này thuộc về giới gia hành.

Chép kinh thoát khổ

Niên hiệu Long Sóc năm thứ ba đời Đường Cao Tông, mẹ vợ của ông Lưu Công Tín ở Trường An qua đời. Không lâu sau, vợ ông là Trần thị cũng đột

nhiên chết đi. Trần thị khi ấy nhìn thấy mẹ bà bị giam trong ngục đá, chịu nhiều cực hình, buồn bã nói với con gái: “Hãy mau mau vì mẹ mà chép một bộ kinh Pháp Hoa, giúp mẹ có thể thoát tội.” Vừa nói dứt lời, ngục đá lập tức đóng chặt, Trần thị liền sống lại. Bà đem việc ấy thuật lại với chồng. Lưu Công Tín liền nhờ người em rể là Triệu Sư Tử chép kinh. Họ Triệu bèn lấy một bộ kinh Pháp Hoa đã chép sẵn trước đó, đưa cho họ Lưu trang trí lại rồi dâng cúng. Kỳ thật, bộ kinh đó là do một người họ Phạm trước đây bỏ tiền thuê chép nhưng Lưu Công Tín không hề hay biết.
Không lâu sau, Trần thị lại mộng thấy mẹ về giục chép kinh. Trần thị nói đã chép xong, bà mẹ khóc nói rằng: “Mẹ vì bộ kinh đó mà chịu thêm khổ sở. Đó là phúc đức của nhà họ Phạm tạo ra, sao lại cướp công người ta?” Tỉnh dậy bèn tra hỏi, quả nhiên nhà họ Phạm đã bỏ hai trăm lạng bạc thuê chép kinh. Do đó, liền chép riêng một bộ kinh Pháp Hoa khác để cúng dường.

Lời bàn

Đất Dương Châu có người tên Nghiêm Cung, vào năm đầu niên hiệu Thái Kiến đời Trần chép kinh Pháp hoa để lưu truyền. Lúc bấy giờ, có vị thần miếu ở hồ Cung Đình báo mộng cho một người khách buôn, bảo lấy hết tài vật trong miếu mang đến chỗ ông Nghiêm, để ông ấy dùng vào việc chép kinh. Lại có một hôm, ông Nghiêm vào chợ mua giấy nhưng thiếu mất 3.000 đồng, chợt thấy trong chợ có một người mang 3.000 đồng đến, nói là giúp ông mua giấy. Nói xong liền biến mất.
Đến cuối đời Tùy, giặc cướp kéo nhau đến tận Giang Đô, đều bảo nhau không được xâm phạm vào làng của ông Nghiêm chép kinh Pháp Hoa. Nhờ đó mà người làng phần lớn đều được sống sót.
Đến cuối đời Đường, nhà họ Nghiêm vẫn còn tiếp tục việc chép kinh Pháp Hoa.

Cho nên biết rằng, trong khi kinh sách được in ấn lưu truyền thì các vị thần linh đều rõ biết.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (21)

Gối đầu lên kinh không thi đỗ

Cao Thiên Hựu, người huyện Dĩnh Thượng, tỉnh An Huy, trước đây đã từng cùng hai người bạn đồng học đến Giang Ninh dự thi. Mọi người nghe danh thiền sư Thủ Nguyên ở núi Kê Minh là người đạo hạnh, liền rủ nhau đến tham bái.

Thiền sư nhân đó nói với ba người rằng: “Hai vị này đều sẽ thi đỗ, chỉ riêng ông Cao không thể đỗ vì đã mê muội dùng kinh Lăng nghiêm làm gối kê đầu.”

Nghe thế, Cao Thiên Hựu ngạc nhiên lắm, nhưng bình tĩnh suy nghĩ lại hồi lâu, mới nhớ ra trong tráp có một bộ kinh Lăng nghiêm, lúc nằm nghỉ chẳng bao giờ lấy ra, lại dùng cái tráp ấy gối đầu.

Đến lúc có bảng báo kết quả thi, quả thật đúng như lời thiền sư.

Lời bàn

Có người thắc mắc rằng, tất cả sách vở kinh thư đều nên tôn trọng, sao lại chỉ tôn sùng riêng Kinh điển nhà Phật? Những người ấy không biết rằng, tuy chữ nghĩa giống nhau, nhưng giáo pháp của Như Lai làm lợi ích khắp cả chúng sanh, hết thảy tám bộ trời rồng, không ai là không tin tưởng làm theo, nên những sách vở thư tịch thông thường không thể nào sánh kịp. Cũng như chiếu chỉ vua ban, không thể đánh đồng như các văn bản khác. Xem như Cao Thiên Hựu khinh thường kinh Phật mà phải chịu hậu quả đi thi không đỗ như thế, thì người phát tâm in ấn lưu truyền Kinh điển được công đức lợi ích như thế nào hẳn có thể biết được.

Xây dựng, tu sửa chùa chiền, tu viện

Giảng rộng

Phật, Pháp và Tăng-già là Ba ngôi báu, là thửa ruộng tốt để chúng sinh gieo trồng phước đức. Nhưng muốn cúng dường trang nghiêm lên Tam bảo, ắt chỉ có thể thực hiện được ở nơi chùa chiền, tu viện. Nếu không có chùa chiền, tu viện, ắt không có tượng Phật, Kinh điển giáo pháp. Hàng tăng ni nói riêng, bốn chúng Phật tử nói chung, dù muốn gieo trồng vào ruộng phước, lễ bái dâng hương, thọ trì đọc tụng Kinh điển, cũng không có nơi để thực hiện. Xét theo đó thì biết, công đức của người xây dựng, tu sửa chùa chiền, tu viện là hết sức lớn lao.

Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy: “Nếu chúng sanh nào nhìn thấy chùa chiền, tháp miếu hư hỏng liền ra sức tu sửa, lại khuyên dạy người khác cùng làm việc tu sửa, thì sau khi mạng chung được sinh về cõi trời, thân thể tươi sáng đẹp đẽ, vào rừng san hô quý cùng các thiên nữ vui hưởng năm món dục lạc. Khi nghiệp cõi trời đã hết, liền được sinh làm người, thân thể cũng được tươi sáng đẹp đẽ.”

Trong kinh Pháp diệt tận lại có nói rằng: “Về sau, khi thế giới khởi sinh tai kiếp lửa thiêu, nơi nào đã từng xây dựng chùa chiền, tháp Phật sẽ không bị thiêu đốt.”
Đức Phật có dạy: “Ví như có người bỏ ra trăm ngàn lượng vàng để xây dựng một ngôi chùa, lại được một vị tỳ-kheo giữ giới từng trú trì nơi đó, thì cho dù ngôi chùa ấy về sau có bị lửa cháy, nước lụt mà hủy hoại mất đi, công đức của người xây dựng chùa ấy cũng không bị mất.” Theo đó mà xét thì việc xây dựng chùa chiền, tu viện nếu được thành tựu, trở thành ruộng tốt để chúng sinh gieo trồng phước đức, công đức sẽ lớn lao biết đến dường nào!

Trưng dẫn sự tích

Tu-đạt-đa cúng vườn

Trong thành Xá-vệ có vị đại trưởng giả tên là Tu-đạt-đa, muốn tìm một nơi thắng địa thích hợp để xây dựng tinh xá dâng lên cúng Phật. Cuối cùng chỉ tìm được khu vườn cây của thái tử Kỳ-đà, rộng tám mươi khoảnh, cây cối um tùm xanh tốt, thật là một nơi thắng địa thích hợp nhất.
Tu-đạt-đa liền đến thưa với thái tử xin mua, thái tử nói: “Nếu đem vàng trải kín khắp vườn, ta sẽ bán cho ông.” Tu-đạt-đa mừng nói: “Nếu vậy thì vườn này sẽ là của tôi.” Ông lập tức cho người chở vàng đến trải, không bao lâu đã sắp kín hết khắp vườn. Thái tử thấy vậy liền nói: “Ta chỉ nói đùa thôi.” Tu Đạt đáp: “Ngài là thái tử cao quý, không nên có lời đùa cợt.” Liền quyết lòng mua cho bằng được, thái tử cuối cùng phải thuận ý bán.
Thái tử khi ấy cũng không nhận vàng, mà dùng số vàng ấy để tạo dựng trong tinh xá một ngàn hai trăm phòng ốc. Ngay trong lúc chuẩn bị nền móng xây dựng, tôn giả Xá-lợi-phất bỗng nhiên mỉm cười. Tu-đạt-đa thưa hỏi nguyên nhân, tôn giả đáp: “Nay tuy ông chỉ vừa khởi công xây dựng tinh xá ở đây để dâng cúng lên Phật và chư tăng, nhưng phước báu đời

sau sẽ được thọ hưởng cung điện nơi cõi trời đã được định rồi.” Tôn giả nói xong liền dùng thần thông, khiến cho Tu-đạt-đa nhất thời có được thiên nhãn, cùng quan sát cung điện nơi cõi trời. Tu-đạt-đa được thấy như vậy rồi, trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền thưa hỏi tôn giả xem cõi trời nào là an lạc nhất. Tôn giả Xá-lợi-phất dạy: “Tầng trời thứ tư của cõi Dục là cung trời Đâu-suất, hiện có Bồ Tát Di-lặc đang thuyết pháp, chính là nơi an lạc nhất.” Trưởng giả Tu-đạt-đa liền nói: “Con xin phát nguyện sinh về cõi trời ấy.” Lúc tinh xá xây dựng hoàn thành, đức vua cùng các các quan đại thần, nhân dân, cả thảy hơn một trăm tám mươi vạn người, cùng đến thành Vương Xá cung thỉnh đức Phật và chư tăng. Khi đức Thế Tôn quang lâm, hào quang chiếu sáng khắp nơi, nhạc trời tự nhiên vang lên, nơi thế gian trống không người đánh cũng tự nhiên vang tiếng, bao nhiêu người mù, điếc, câm, ngọng đều tự nhiên được sáu căn đầy đủ như người bình thường.

Lời bàn

Trong Kinh điển thường nói đến “Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên” (Vườn ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ-đà), chính là nơi này. Do khi bán vườn cho trưởng giả Tu-đạt-đa, thái tử có giao ước chỉ bán đất vườn, không bán cây cối, rồi lại mang tất cả cây cối trong vườn ấy dâng lên cúng dường Phật, nên gọi là “Kỳ thọ” (cây của thái tử Kỳ-đà). Trưởng giả Tu-đạt-đa vốn thường chu cấp cho những người nghèo khổ, cô độc, nên được người đời xưng tụng là Cấp Cô Độc. Nhân đó mà khu vườn do ông dâng cúng được gọi là “vườn Cấp Cô Độc”.

Phước báo tu sửa tháp Phật

Sau khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có bảy ngôi tháp được xây dựng để thờ phụng xá-lợi Phật. Sau nhiều năm, các tháp ấy hư hỏng, không ai tu sửa. Có một vị trưởng giả thấy vậy liền bảo mọi người rằng: “Rất khó

được sinh vào thời có Phật pháp, lại cũng rất khó được sinh làm người. Tuy được làm người, nhưng nếu sinh vào những nơi xa xôi hẻo lánh chậm phát triển, hoặc sinh vào nhà tà kiến, ắt không khỏi bị đọa lạc. Nay chúng ta được sinh vào thời còn có Phật pháp, không thể để luống mất nhân duyên tốt đẹp này.”

Nói rồi liền cầm đầu 93.000 người khác, cùng tu sửa các tháp Phật, lại cùng nhau phát lời nguyện rằng: “Nguyện cho đời sau không rơi vào ba đường dữ, tám hoàn cảnh khó tu tập Phật pháp, được gặp đức Phật Thích-ca ra đời, trong Pháp hội đầu tiên thảy đều được độ thoát.”

Về sau, tất cả những người này sau khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời, cuối cùng được gặp đức Phật Thích-ca xuất thế, quả đúng như lời phát nguyện ngày trước.

Lời bàn

Đức Phật kể lại chuyện này xong lại dạy rằng: “Vị trưởng giả đứng đầu ngày ấy, nay chính là đức vua Bình Sa nước Ma-kiệt-đề. Còn 93.000 người cùng tu sửa tháp Phật ngày xưa, nay đều ở trong số những người được gặp Phật, nghe pháp.”

Chư thiên rải hoa cúng dường

Thuở xưa có một người nông dân, xây căn phòng nhỏ dâng cúng cho một vị tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán, hiệu là Ly Việt. Căn phòng nhỏ đến mức chỉ vừa đủ cho ngài tạm đặt thân nghỉ ngơi mà thôi. Người ấy lại sửa dọn chung quanh căn phòng để có chỗ cho ngài đi kinh hành.

Về sau, người nông dân ấy qua đời liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi, được sống trong một cung điện rộng vuông vức mỗi bề 4.000 dặm. Người ấy tự biết phước báo được hưởng đó là do nhân duyên đời trước đã xây dựng căn phòng nhỏ cúng dường vị tỳ-kheo chứng quả A-la-hán, liền mang hoa tươi cõi trời đến rải xuống cúng dường nơi căn phòng vị tỳ-kheo

Ly Việt cư ngụ, khấn rằng: “Ta ngày xưa bất quá chỉ xây dựng một căn phòng nhỏ vách đất sơ sài, không ngờ ngày nay được hưởng phước báo lớn lao như thế này, nên đặc biệt mang hoa đến đây rải xuống cúng dường.”

Lời bàn

Ngài Xá-lợi-phất có lần nhìn thấy một vị thiên nhân đến rải hoa lên một xác chết, hết sức cung kính, liền hỏi nguyên do. Vị thiên nhân đáp: “Đây chính là thân xác đời trước của con. Lúc con còn sống, nhờ có thân này để hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính sa-môn, làm nhiều việc lành, giờ đây mới hưởng phước cõi trời, nên con rải hoa cúng dường thân này.”

Không bao lâu sau, ngài lại thấy vô số quỷ dữ, mỗi con quỷ ấy đều dùng roi quất vào một xác chết, liền đến hỏi nguyên do. Các quỷ đều đáp rằng: “Đây chính là thân xác đời trước của con. Lúc còn sống, do thân này làm những việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, ngỗ nghịch với cha mẹ, hủy báng Tam bảo, khiến cho ngày nay phải chịu đủ các khổ não, nên con giận mà dùng roi đánh.”

Xét như trên thì có thể hiểu được việc thiên nhân đến rải hoa lên căn phòng của tỳ-kheo Ly Việt để cúng dường.

Nối nghĩa vợ chồng

Trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả từng xây dựng chùa chiền, tháp Phật. Sau khi ông qua đời liền được sinh lên cõi trời. Từ đó, người vợ thương nhớ chồng, thường đến quét dọn ngôi chùa do chồng bà xây dựng trước đây. Một hôm, người chồng từ xa lên tiếng nói với bà rằng: “Ta là chồng của nàng ngày trước, nhờ công đức xây dựng chùa nên đã được sinh lên cõi trời. Vì thấy nàng luôn thương nhớ ta nên đặc biệt từ cõi trời giáng hạ xuống đây. Chỉ tiếc vì thân người ô uế chẳng được thanh tịnh như chư thiên, nên chúng ta không thể gần nhau được nữa. Nếu nàng vẫn

muốn làm vợ ta thì nên thường cúng dường Phật và chư Tăng, quét dọn chùa chiền tháp Phật, phát nguyện được sinh về cùng một cõi trời với ta." Người vợ làm theo đúng như lời ấy, sau khi mạng chung quả nhiên được sinh lên cùng một cõi trời ấy, cùng nhau nối nghĩa vợ chồng. Cả hai cùng đến lễ Phật, được đức Phật thuyết pháp cho nghe, liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Lời bàn

Trong Kinh có dạy rằng: "Quét chùa trong khắp một cõi Diêm-phù-đề không bằng quét một ngôi tháp Phật chỉ lớn bằng bàn tay." Cho nên, công đức quét tháp Phật là hết sức lớn lao.

Khó thành chồng vợ

Trong thành Xá-vệ có hai vợ chồng hết sức kính tin Tam bảo. Khi họ còn chưa có đứa con nào với nhau thì người vợ đã mất sớm, được sinh lên làm thiên nữ trên cõi trời Đao-lợi, thân thể vô cùng đoan nghiêm xinh đẹp không gì sánh bằng. Khi ấy, vị thiên nữ khởi lên ý nghĩ không biết trong cõi người có ai là người xứng đáng để làm chồng mình. Nghĩ rồi liền dùng thiên nhãn quán xét, thấy người chồng cũ xuất gia thành một vị tỳ-kheo, tuổi tác cũng đã cao, ngày ngày lo việc quét dọn chùa chiền, tháp Phật. Thiên nữ liền phóng chiếu hào quang cõi trời, soi đến chỗ người chồng cũ khiến cho ông được nhìn thấy, khuyên ông hãy tinh tấn tu hành để ngày sau được sinh lên cõi trời, lại cùng nhau kết thành chồng vợ.

Vị tỳ-kheo nghe biết người vợ trước đây của mình giờ đã được sinh lên cõi trời, lại càng tu tập tinh tấn hơn nữa. Thời gian sau, thiên nữ lại hiện đến, thấy vậy nói rằng: "Ngày nay đức hạnh của ngài đã vượt xa tôi, tôi thật không thể làm vợ ngài được nữa."

Vị tỳ-kheo nghe thiên nữ nói vậy thì càng tu tập tinh tấn nhiều hơn nữa, cuối cùng chứng đắc quả A-la-hán.

Lời bàn

Vì phước đức và nghiệp báo phải tương đồng với nhau mới có thể kết duyên chồng vợ, nên có thể thấy rằng việc người vợ bao giờ cũng phải nương theo chồng, cùng nhau chia sẻ vinh nhục sang hèn, ấy đều là do nghiệp đời trước chiêu cảm mà thành.

Dùng nhà làm chùa

Vào đời Bắc Tống có vị cư sĩ tên Phạm Trọng Yêm, tên tự là Hy Văn, suốt đời thường rộng làm đủ mọi việc thiện, dốc lòng tin sâu Phật pháp. Khi làm quan, mỗi lần nhận chức ở bất cứ đâu, ông đều bỏ tiền ra xây dựng chùa chiền, tạo điều kiện khuyến khích người khác xuất gia tu hành, đem lòng tôn kính mà làm hưng thịnh Tam bảo.

Phạm Trọng Yêm cùng với hai vị thiền sư Lang Gia Huệ Giác và Tiến Phước Thừa Cổ có giao tình đạo vị hết sức mật thiết. Hồi còn trẻ, Trọng Yêm có lần đến chùa đọc sách tại núi Trường Bạch, tình cờ phát hiện một chỗ chôn giấu vàng. Ông che kín chỗ ấy lại mà đi, không động đến một mảy may. Sau này ông ra làm quan rồi, mới đến chỉ cho chư tăng trong chùa nơi giấu vàng ấy, bảo các vị dùng vàng để xây dựng, tu sửa lại chùa.

Có lần ông vâng mệnh đến Hà Đông truyền đạt lệnh vua và phủ dụ quân dân địa phương, tình cờ gặp được một bản kinh Phật cổ xưa rất quý, tên là Thập lục La-hán nhân quả tụng. Ông đích thân viết lời tựa, trao cho thiền sư Huệ Triết để lưu hành.

Những năm về già, ông dùng nhà ở của mình sửa sang lại thành một ngôi chùa, lấy tên là chùa Thiên Bình, cung thỉnh thiền sư Pháp Viễn ở Phù Sơn đến trú trì.

Vào đời vua Tống Nhân Tông, ông được thăng chức quan Khu mật, tham gia việc chính sự quốc gia. Sau khi ông mất, vua truy phong tước Sở Quốc công, ban thụy hiệu là Văn Chính, con cháu đời sau đều nối nhau vinh hiển,

thành đạt.

Lời bàn

Nhà cửa ruộng vườn, bất quá chỉ như quán trọ tạm ghé trong một đời, khi có được thì nên vui mừng hoan hỷ dùng để bố thí, tu phước.

Đời Đông Tấn, Trấn Tây Tướng quân là Tạ Thượng, nhờ được cha là Tạ Côn về báo mộng mà thoát nạn, nhân đó nên vào niên hiệu Vĩnh Hoà thứ tư liền sửa sang nhà ở của mình làm thành chùa Trang Nghiêm. Quan Trung thư lệnh là Vương Thản Chi hiến đất vườn nhà xây dựng thành chùa An Lạc. Quan Thứ sử thời Đông Tấn là Đào Phạm, vào niên hiệu Thái Nguyên năm thứ nhất cũng sửa sang nhà ở của mình, xây dựng thành chùa Tây Lâm. Đời Bắc Tống có Lý Tử Ước, vào năm mất mùa đói kém tổ chức việc nấu cháo phát chẩn, cứu sống được đến hàng chục ngàn người, về sau cũng dùng nhà ở của mình xây dựng thành ngôi chùa thờ Phật. Đời nhà Đường, Vương Ma Cật nhân lúc thọ tang mẹ liền dâng biểu lên triều đình, thỉnh cầu cho phép ông mang toàn bộ cơ sở đã kiến lập ở núi Lam Điền thuộc Võng Xuyên sửa sang thành chùa thờ Phật. Lại như các ông Bạch Lạc Thiên, Vương Giới Phủ cũng đều dùng nhà ở của mình để xây dựng lại thành chùa thờ Phật.

Nếu đem so những bậc hiền nhân đời trước như thế với những kẻ đời nay chỉ biết bóc lột, bòn rút tài sản người khác để xây dựng nhà cửa to lớn cho mình, để rồi đành chịu để cho những đứa con cháu hư hỏng hủy phá tiêu tan hết, trong khi một đời chẳng chịu bỏ ra một đồng một cắc để làm việc phước thiện, thì quả thật là khác biệt nhau một trời một vực, như rồng thiêng đem so với thằn lằn nhỏ nhoi hèn mọn!

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (22)

Giúp thuốc thang cứu người bệnh khổ

Giảng rộng

Trong cõi Diêm-phù-đề này có cả vạn giống cây, tám ngàn giống cỏ, bảy trăm bốn mươi giống cây thuốc lẫn lộn, bốn mươi ba giống cây với đủ loại hương thơm, một trăm hai mươi mốt giống cây quý, hết thảy đều có thể dùng vào việc cứu người. Đối với người đang mang tật bệnh thống khổ, ắt không gì có thể quý hơn thuốc men chữa trị cho họ.

Dùng thuốc cứu người, đó chính là tu hạnh thí xả. Chỉ bày phương thuốc cho người, đó cũng là tu hạnh thí xả. Chữa trị cho người nghèo khổ không tính toán so đo chi phí lợi hại, đó là tu hạnh thí xả. Khuyên người khác không bán thuốc giả, đó cũng là tu hạnh thí xả. Phương pháp tu tập hạnh thí xả tuy có rất nhiều, nhưng tựu trung quan trọng nhất vẫn là phải xuất phát từ tấm lòng bi mẫn thương người.

Vào thời thế gian suy mạt, tật bệnh cứ dần dần ngày càng nhiều hơn, mà thuốc men lại dần dần ngày càng khan hiếm. Hãy lấy ví dụ như bệnh đậu mùa ở trẻ con, từ đời Ngụy, Tấn về sau mới có, bệnh trúng phong chỉ bắt đầu có từ năm cuối niên hiệu Thuận Trị đời Thanh. Gần đây, trẻ sơ sinh

thường hay bị chứng đường lang tử, phải cắt bỏ đi mới bú mẹ được, bằng không chỉ trong một hai ngày có thể tử vong. Những bệnh quái lạ như vậy, vào thời tôi còn nhỏ thật chưa từng nhìn thấy.

Cách đây mười ngàn năm, nước uống vào có vị hết sức ngon ngọt, như mùi vị của sữa đặc. Đến thời ông Kỳ-bà, tại Ấn Độ vẫn còn giữ được một cây quý gọi là dược vương, có thể dùng soi chiếu thấy được thấu trong nội tạng của con người. Vào triều Minh, loại nhân sâm tốt nhất, phần rễ đã phát triển rõ rệt thành hình người, vẫn còn rất nhiều, giá bán mỗi cân cũng chỉ tương đương như một cân bạc trắng. Ngày nay, giá bán đã cao hơn gấp bốn, năm lần mà màu sắc, mùi vị đều không được như trước. Trong tương lai khoảng 5.000 năm nữa, tuổi thọ trung bình của con người giảm xuống chỉ còn 20 năm, tai kiếp dịch bệnh khởi sinh, người chết nằm phơi xác khắp ngoài đồng nội. Tai kiếp này kéo dài đến bảy tháng bảy ngày mới dứt. Lúc ấy, các thứ nhu yếu thông thường như đường, muối... cũng không tìm ra được, huống hồ là các loại thuốc quý giá như nhân sâm, phục linh, nhục quế, phụ tử...

Luận Bà-sa có nói rằng: “Như có người mang một quả a-lê-lặc dâng lên cúng dường cho một vị tăng bị bệnh, thì trong tương lai người ấy nhất định sẽ không gặp phải những tai kiếp dịch bệnh.”

Bệnh tật khổ não không sẵn có lúc ta mới sinh ra, đều phải có nguyên nhân mới sinh khởi. Kinh Đại phương quảng Tổng trì dạy rằng: “Khởi tâm xấu ác lấy mắt nhìn người phát tâm Bồ-đề nên phải chịu quả báo đui mù. Dùng lời xấu ác hủy báng người phát tâm Bồ-đề nên phải chịu quả báo sinh ra không có lưỡi.” Lương hoàng sám nói rằng: “Sinh ra làm người câm ngọng, là do nhân đời trước hủy báng người khác. Sinh ra làm người thấp bé, là do nhân đời trước khinh miệt người khác. Sinh ra làm người xấu xí đen đủi, là do nhân đời trước ngăn che ánh sáng Phật pháp. Thân

thể sinh ung nhọt đau đớn là do nhân đời trước đánh đập hành hạ các chúng sinh khác.” Kinh Pháp hoa dạy rằng: “Người mắc các bệnh phù nề, đau đầu, ghẻ lở, phong hủi... là do nhân đời trước hủy báng kinh này nên phải chịu quả báo như thế.”

Theo đó thì có thể biết rằng, mỗi một chứng bệnh đều có nguyên do tạo nghiệp đời trước. Cấp phát thuốc thang chữa trị, ấy là cứu giúp người sau khi bệnh tật đã sinh khởi; khuyên người không tạo nghiệp ác, ấy là cứu giúp người từ khi bệnh tật còn chưa sinh ra. Nếu mượn lời dạy của Khổng tử để so sánh thì một đàng giống như “phân xử công minh việc tranh tụng của dân”, một đàng là “khuyên dạy để dân không còn tranh tụng”. Cả hai việc đều có thể cùng lúc thực hiện, không có gì trở ngại cho nhau.

Trưng dẫn sự tích

Nhiều đời không bệnh tật

Vào thời đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời, tôn giả Bạc-câu-la là một người nghèo khổ. Tôn giả nhìn thấy một vị tỳ-kheo mắc chứng đau đầu, liền phát tâm chí thành dâng cúng một quả a-lê-lặc, vị tỳ-kheo nhờ đó được khỏi bệnh. Do nhân duyên ấy, từ đó về sau trong suốt 91 kiếp, Tôn giả dù sinh trong cõi trời hay cõi người cũng đều không mắc phải bệnh khổ.

Lời bàn

Người thế tục, lúc tuổi già hay khi có bệnh đều được vợ con, người thân chăm sóc, nhưng các vị tăng ni khi mắc bệnh phải nằm liệt thì hoàn toàn không có ai chăm sóc, nhìn quanh chẳng có ai thân cận, hoàn cảnh thật hết sức thê thảm. Cho nên, trong Kinh điển khuyến khích mọi người nên cúng dường các vị tăng ni bị bệnh, sẽ được phước báo lớn lao nhất.

Ung nhọt biết nói

Vào đời Hán Cảnh đế, chư hầu bảy nước lộng quyền kiêu ngạo xem thường hoàng đế, Ngô vương Lưu Tỵ lại có ý mưu phản. Quan ngự sử đại

phu là Triệu Thố lo lắng sự biến loạn, khuyên vua nên cắt bớt đất đai phong cho chư hầu để giảm thiểu quyền lực của họ. Bảy nước chư hầu nghe tin hoàng đế muốn cắt bớt đất đai được phong, liền đồng loạt nổi loạn. Hán Cảnh đế hết sức lo sợ, hội triều thần bàn cách đánh dẹp, nhưng Viên Áng vốn có tư thù với Triệu Thố nên thừa dịp khuyên hoàng đế nên giết Triệu Thố để yên lòng chư hầu. Hoàng đế nghe lời, bắt Triệu Thố mang chém ngang lưng tại chợ Đông. Về sau, quan Bộc xạ Đặng Công dâng thư kêu oan, hoàng đế hết sức hối hận nhưng sự đã rồi.
Đến đời Đường Ý tông có quốc sư Ngộ Đạt. Khi còn là một vị tỳ-kheo chưa mấy người biết đến, ngài có tình cờ gặp gỡ một vị tăng ở kinh đô. Vị tăng này thân mang bệnh dữ, mọi người đều xa lánh, chỉ riêng ngài Ngộ Đạt hết lòng chăm sóc, không hề tỏ vẻ chê chán. Đến lúc chia tay nhau, vị tăng cảm thâm tình ấy nên dặn lại rằng: “Ông sau này sẽ gặp nạn, lúc đó có thể đến tìm ta ở núi Trà Lũng thuộc Bành Châu, Tây Thục. Trên núi ấy, cứ tìm đến nơi nào có hai cây tùng sẽ gặp nhau.”
Về sau, ngài Ngộ Đạt ở Trường An, đức hạnh ngày một vang xa, được hoàng đế Ý tông kính lễ tôn làm Quốc sư, ban tòa báu bằng gỗ trầm hương, đối đãi ngày càng cung kính, trọng hậu hơn. Khi ấy, bỗng nhiên nơi đầu gối của ngài phát sinh một cái nhọt độc hình dáng như mặt người, cũng đầy đủ mắt, mày, răng, miệng, lại cũng ăn uống được như người không khác. Nhọt độc ấy làm cho ngài Ngộ Đạt đau đớn cực kỳ, hết thảy lương y đều không ai biết được ấy là bệnh gì, vô phương cứu chữa.
Chợt nhớ lại lời dặn lúc chia tay của vị tăng ngày trước, ngài Ngộ Đạt liền tìm đến núi Trà Lũng. Lúc đến nơi trời đã xế chiều, bốn phía không một bóng người, cỏ cây um tùm mù mịt. Đang lúc còn băn khoăn chưa biết định liệu thế nào, chợt thấy xa xa trong làn khói mây mờ ảo có hai cây tùng ẩn hiện, vội theo hướng ấy tìm đến. Quả nhiên gặp được vị tăng ngày xưa

tại đó.
Ngài Ngộ Đạt liền đem hết những nỗi khổ sở bấy lâu nay của mình ra trình bày. Vị tăng nói: “Không có gì phải lo lắng cả, dưới chân núi này có một con suối. Đợi đến sáng mai, dùng nước suối ấy rửa qua một lần là khỏi bệnh thôi.”
Sáng sớm hôm sau, có một đồng tử đưa ngài xuống núi, đến chỗ con suối. Vừa chụm hay tay vốc nước suối định rửa, bỗng nghe cái nhọt phát ra tiếng kêu lớn: “Chưa rửa được, chưa rửa được! Tôi còn có chuyện nhân duyên đời trước muốn nói. Thầy là người thông bác chuyện xưa nay, vậy đã từng đọc qua chuyện Viên Áng hại chết Triệu Thố trong sách Tây Hán thư hay chưa?”
Ngài Ngộ Đạt đáp: “Có đọc qua rồi.” Cái nhọt mặt người liền nói: “Thầy chính là Viên Áng ngày trước, còn tôi là Triệu Thố. Xưa tôi bị chém ngang hông ở chợ Đông, oan ức không thể nói hết! Tôi trải qua nhiều đời luôn muốn báo mối thù ấy, nhưng thầy trong mười đời qua đều làm cao tăng, giới luật tinh nghiêm, tôi muốn báo thù cũng không biết làm sao. Nay thầy nhận sự đãi ngộ của bậc nhân chủ, được nhiều ân huệ lớn, tâm danh lợi khởi sinh, đức độ có phần thương tổn, tôi nhân dịp ấy mới báo được thù xưa. Nay nhờ có Tôn giả Ca-nặc-ca dùng nước Tam-muội rửa sạch oán thù cho tôi, từ nay tôi với thầy không còn oan kết nữa.”
Ngài Ngộ Đạt nghe xong câu chuyện rùng mình run sợ, liền vốc nước suối lên rửa. Khi cái nhọt vừa chạm vào nước, ngài đau thấu xương tủy, đến nỗi ngất đi một lúc lâu rồi mới tỉnh lại thì cái nhọt đã biến mất.
Ngày nay vẫn còn lưu truyền bộ Thủy sám gồm 3 quyển, chính là do ngài Ngộ Đạt sau khi khỏi bệnh soạn ra để người đời sau dùng làm phương pháp sám hối.

Lời bàn

Tôn giả Ca-nặc-ca là một vị A-la-hán, đệ tử của đức Thế Tôn. Quốc sư Ngộ Đạt lúc gặp ngài chỉ biết đó là một vị tăng bị bệnh, nào biết đó là một vị thánh tăng. Đến như thánh hiệu Ca-nặc-ca, cũng phải nhờ cái nhọt mặt người nói ra mới biết. Những nghiệp báo thuộc loại này, thuốc men của người thế gian làm sao có thể trị dứt được?

Nay xin kính cẩn nương theo lời dạy của bậc Đại Y vương, vì lưu lại cho đời sau những món thuốc hay nên ghi chép ra sau đây những phương thuốc vô cùng thần hiệu.

Phương thuốc thần hiệu trừ dứt các loại bệnh ung nhọt đau đớn

- Khi làm quan không vô cớ hành hạ đánh đập người khác.
- Không dùng đòn roi đánh đập người làm công, giúp việc.
- Không đánh đập, hành hạ các loài động vật.
- Tay chưa rửa sạch không được cầm vào Kinh sách.
- Giúp thuốc thang trị bệnh cho người khác.
- Không ghê tởm, nhờm gớm những người bị mụn nhọt, ghẻ lở.

Phương thuốc thần hiệu trừ dứt các bệnh đui điếc câm ngọng

- Không khinh miệt những người bị đui điếc câm ngọng.
- Nỗ lực lưu truyền những lời Phật dạy như Kinh điển, giáo pháp...
- Dâng cúng dầu, đèn, hương trầm...
- Không nhìn ngắm những chuyện dâm dục, giết hại...
- Không dòm ngó, xoi mói những chuyện riêng tư, muốn che giấu của người khác
- Không khởi tâm xấu ác mà nhìn cha mẹ, các bậc sư trưởng, tăng ni với sự hằn học, hung ác.
- Người có mắt sáng không học phép bói toán, làm ngăn trở sinh kế của những kẻ không may đã bị mù lòa.
- Không ngăn che, bịt mắt các loài cầm thú.

- Không nghe lời gièm pha, nói xấu của vợ mà đối xử nhạt nhẽo, thờ ơ với cha mẹ.
- Không nghe và tin theo các tà thuyết.
- Không lén nghe những việc riêng tư, bí mật mà người khác muốn che giấu.
- Không tin thuyết đoạn diệt, cho rằng sau khi chết là dứt hết, không có nhân quả báo ứng.
- Không hủy báng Tam bảo.
- Không lén lút chê bai cha mẹ, thầy tổ, các bậc trưởng thượng.
- Không dùng khả năng biện thuyết khéo léo để làm đảo lộn lẽ trắng đen, phải trái.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh suy nhược, nhút nhát

- Phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ không nề khó nhọc.
- Tinh cần lễ bái Tam bảo.
- Cúng dường, chu cấp các vị tăng ni bị bệnh.
- Thay người bệnh làm những việc khó nhọc.
- Không ép buộc những người giúp việc cho mình hoặc những người nghèo khó phải làm việc quá sức.
- Sử dụng sức trâu cày, ngựa kéo có mức độ vừa phải.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh chết yểu, chết bất đắc kỳ tử

- Hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ, ông bà...
- Giữ giới không giết hại, thường làm việc phóng sinh, cứu sống vật mạng.
- Không vì lợi dưỡng cho mình mà nuôi các loài dê, lợn, gà, vịt... để giết thịt hoặc bán cho người giết thịt.
- Không làm ra những loại khí cụ, bẫy rập, chài lưới... để giết hại các loài sinh linh trên cạn, dưới nước.
- Khuyên bảo, khuyến khích những người làm nghề giết mổ, chài cá, lưới

chim... chuyển đổi sang các nghề nghiệp khác, tránh sự giết hại.

- Góp sức in ấn, phân phát lưu hành những sách khuyến thiện, khuyên người phóng sinh, bỏ việc giết hại, tin sâu nhân quả.
- Nếu học nghề thuốc chưa đến mức tinh tường, thông thạo thì quyết không nên hành nghề.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh gia đình ly tán

- Không phá tổ bắt các loài chim.
- Không đào hang bắt các loài thú.
- Không đuổi bắt các loài dế, côn trùng...

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh giam cầm tù ngục

- Không dễ dãi khinh suất khởi sinh việc kiện tụng khi không thực sự cần thiết.
- Không giam nhốt các loài chim, thú.
- Không nuôi nhốt các loài dế, côn trùng... để làm trò vui.
- Không làm ra những khí cụ để hành hình, tra tấn...
- Không làm ra các loại lồng, chuồng để nhốt chim, thú, hoặc các loại phên, lưới để ngăn nhốt giam hãm các loài cá, côn trùng...

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh nghèo khốn khổ sở

- Phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ, ông bà... không được so đo tính toán phí tổn.
- Thường thiết trai cúng dường chư tăng ni.
- Giúp đỡ, chu cấp cho thân bằng quyến thuộc, cứu giúp người nghèo khó bần hàn không tính toán chuyện lợi hại.
- Khi có cơ hội, không từ chối việc dùng tiền của, tài vật giúp đỡ người khác.
- Tài vật không phải của mình thì không tìm cách tranh đoạt, giữ lấy.

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh hình dung xấu xí

- Chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ, ông bà... điều quan trọng là phải giữ vẻ mặt vui vẻ kính thuận.
- Luôn giữ dáng vẻ cung kính nhu hòa khi phụng sự các bậc tôn trưởng, thầy tổ.
- Vẽ tranh, đắp tượng chư Phật, Bồ Tát...
- Tu sửa tranh, tượng chư Phật, Bồ Tát...
- Cúng dường các loại đèn, dầu, hương trầm...
- Khuyên người khác từ bỏ việc thưa kiện, tranh tụng...
- Đối xử với người luôn giữ lòng khiêm tốn, cung kính giữ lễ.
- Không khởi tâm sân hận nóng nảy, hung bạo xúc phạm người khác.
- Không khinh bỉ, chế nhạo những người khuyết tật, giác quan không trọn đủ (như người mù, điếc, câm...)

Phương thuốc thần hiệu trị dứt các bệnh ngu si, tà kiến

- Tôn kính, hết lòng tin sâu Tam bảo.
- Tôn trọng, quý tiếc các loại giấy có chữ viết.
- Tôn sùng, kính trọng thầy dạy.
- Thọ trì, tụng đọc Kinh điển Đại thừa.
- Thân cận, gần gũi các bậc cao tăng đức hạnh.
- Giảng giải, chứng minh, làm rõ với người khác về thuyết nhân quả ba đời, khiến cho tự mình cũng như mọi người đều tin sâu nhân quả.
- Loại trừ, thiêu hủy các loại sách hủy báng, bài xích Phật pháp.
- Dạy bảo, khuyên răn người khác phải có tâm nhẫn nại, không hề chán nản, mỏi mệt.
- Không khinh thường những người ít học, kém trí.

Mỗi một phương thuốc vừa kể trên đây đều bao gồm đủ ba phần: (1) tự thân mình nỗ lực làm, (2) khuyên bảo, chỉ dạy, khuyến khích người khác làm, (3) khi thấy người khác làm được thì sinh tâm hoan hỷ vui mừng, ngợi

khen, tán thán.

Giúp nước uống giải cơn khát cho người

Giảng rộng

Người người đều biết rằng đói ăn có thể phải chết, nhưng không biết rằng khát nước cũng có thể sinh bệnh. Với người tuổi trẻ cường tráng còn có thể chịu đựng, nhưng với người già yếu thật khó qua khỏi. Với người khỏe mạnh bình thường có thể chịu đựng, nhưng với người sẵn mang nhiều bệnh tật ắt rất khó chịu đựng. Với người qua lại gần gũi có thể chịu được, nhưng với người đi trên đường xa thật rất khó vượt qua cơn khát. Những khi thời tiết ôn hòa mát dịu còn có thể chịu được, nhưng gặp những lúc rét lạnh hoặc nóng bức thật không dễ chịu đựng.

Người xưa dạy rằng: "Chớ nên chê việc thiện nhỏ mà không làm." Giúp nước uống giải khát cho người cũng là một trong các việc thiện nhỏ nên làm.

Trưng dẫn sự tích

Phước báo của việc giúp nước uống cho người

Vào thời đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả giàu có vô cùng. Vợ ông sinh được một người con trai hình dung tuấn tú xinh đẹp. Từ lúc sinh ra không hề bú sữa mẹ, từ trong kẽ răng tự nhiên tiết ra chất nước có đủ tám công đức, dùng nước ấy để tự nuôi dưỡng thân mình.

Người con ấy tên là Da-xoa-mật-đa, về sau lớn lên theo Phật xuất gia, tu tập chứng quả A-la-hán. Có vị tỳ-kheo thưa hỏi Phật về nhân duyên đời trước của Da-xoa-mật-đa, đức Phật dạy rằng: "Vào thời đức Phật Ca-diếp trong quá khứ, có một ông trưởng giả già yếu rồi mới xuất gia làm tỳ-kheo, lại thêm thân mang bệnh nặng nên không thể tinh cần tu tập. Thầy thuốc khuyên ông dùng món sữa đặc pha với thuốc. Về đêm, chất thuốc ấy làm

cho cả người ông nóng nảy, trong miệng khô khốc, khát nước vô cùng. Ông thức dậy tìm nước uống nhưng tìm khắp nơi đều không có nước. Cuối cùng ông chạy ra bờ sông để tìm nước uống, nào ngờ thấy sông cũng đã cạn khô. Ông không còn biết làm sao, đành phải chịu đựng cơn khát vô cùng khổ sở.

"Hôm sau ông đem chuyện không tìm được nước uống kể lại với thầy. Thầy ông dạy rằng: 'Nỗi khổ mà ông kể lại đó rất giống với nỗi khổ trong cảnh giới ngạ quỷ. Nay ông hãy lấy nước trong bình của ta mà dùng thử xem.' Vị tỳ-kheo nghe lời thầy, đến lấy nước trong bình. Khi vừa đến nơi, xem lại đã thấy nước trong bình tự nhiên cạn khô. Vị tỳ-kheo ấy trong lòng hết sức lo lắng kinh sợ, tự biết mình sau khi chết nhất định sẽ phải đọa vào cảnh giới ngạ quỷ. Ông liền tìm đến kính lễ trước đức Phật Ca-diếp, chí thành sám hối tất cả những tội chướng trước đây của mình. Đức Phật Ca-diếp dạy rằng: 'Từ nay ông nên phát tâm lo việc cung cấp nước sạch cho chư tăng dùng, như vậy có thể thoát được ác nghiệp sinh vào cảnh giới ngạ quỷ.'

"Vị tỳ-kheo ấy nghe lời Phật dạy hết sức vui mừng, từ đó phát tâm thường lo việc cung cấp nước sạch cho chư tăng dùng, mãi cho đến khi tuổi thọ đủ 20.000 năm mới thôi.

"Do nhân duyên ấy, từ đó về sau vị tỳ-kheo này dù sinh ra ở bất cứ nơi nào, nơi kẽ răng cũng thường tiết ra chất nước có đủ tám công đức. Cho đến ngày nay được gặp Phật, xuất gia tu hành chứng đắc đạo quả."

Lời bàn

Chúng sinh trong cảnh giới ngạ quỷ, trải qua nhiều kiếp cho đến tên gọi của nước cũng không được nghe, nào chỉ là không có nước uống. Những chúng sinh ngạ quỷ, ví như sinh ra bên cạnh bờ sông, cũng vẫn không được nghe đến tên gọi của nước. Tỳ-kheo Da-xoa-mật-đa nếu trước đây

không được gặp đức Như Lai Ca-diếp, làm sao có thể chuyển họa thành phúc được như vậy?

Dùng nước để bán kiếp nghèo

Ở nước A-bàn-đề một có ông trưởng giả hết sức giàu có, của cải nhiều không kể xiết, nhưng hết sức keo kiệt, để cho người nữ tỳ trong nhà phải sống hết sức nghèo hèn, áo mặc không đủ che thân, cơm ăn không đủ no bụng, lại thường bị đánh đập hành hạ, dù đã già yếu. Người ấy muốn chết đi cho thoát khổ mà không chết được.

Một hôm nọ, người nữ tỳ già nua ấy mang bình ra bờ sông lấy nước, tủi thân khóc lóc thảm thiết. Một vị đệ tử Phật là ngài Ca-chiên-diên thấy vậy thương xót liền hỏi: “Nếu như bà chán ghét kiếp nghèo khổ, sao không mang bán nó đi?”

Lão nô tỳ thưa: “Có ai lại chịu mua cái nghèo?”

Ngài Ca-chiên-diên nói: “Được, cái nghèo khổ của bà đó quả thật có thể bán đi được.”

Lão nô tỳ liền hỏi: “Làm cách nào để bán được?”

Ngài Ca-chiên-diên dạy: “Nếu lão bà quả thật muốn bán cái nghèo đi, thì phải hết lòng tin theo lời ta. Trước hết hãy súc rửa bình này cho thật sạch, sau đó lấy nước sạch vào bình mang đến cúng dường chư tăng.”

Lão nô tỳ hỏi: “Bình này là tài sản của chủ nhân, chẳng phải của tôi, làm sao có thể mang cúng dường?”

Ngài Ca-chiên-diên đáp: “Cái bình tuy không phải của bà, nhưng nước trong bình chẳng lẽ bà không có quyền sử dụng hay sao?”

Lão bà hiểu ra, liền mang bình lấy nước cúng dường. Ngài Ca-chiên-diên đích thân thọ nhận sự cúng dường đó, rồi lại truyền dạy Tam quy, Ngũ giới cho bà, sau đó lại dạy bà niệm Phật.

Đêm hôm ấy, lão bà mạng chung trong nhà chủ nhân. Sáng ra, người chủ

thấy vậy nổi giận, mang xác vất vào trong rừng Lạnh. Thần thức lão bà khi ấy đã sinh lên cung trời Đao-lợi, làm vị thiên nhân nơi đó, từ xa nhìn thấy thân xác cũ liền cùng với chư thiên quyến thuộc hiện đến rải hoa trời lên thi thể ấy.

Lời bàn

Nếu biết thực hành bố thí cúng dường có thể "bán đi sự nghèo khổ", tất nhiên sẽ biết rằng việc kính lễ chư Phật có thể "bán đi sự hèn kém", thực hành phóng sinh có thể "bán đi sự chết yểu", siêng năng học hỏi có thể "bán đi sự ngu si". Người có trí tuệ, chỉ nghe qua một điều có thể hiểu thấu ra trăm ngàn lẽ. Đối với hết thảy những nghịch cảnh bất như ý trong chốn thế gian này, há có điều gì lại không thể "bán đi" như thế?

> Chu An Sĩ
>
> **AN SĨ TOÀN THƯ**
>
> **Giảng rộng bài văn Âm chất**
>
> Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải
>
> Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (23)

> **Hoặc bỏ tiền mua vật sống phóng sinh**

Giảng rộng

Pháp luật trừng trị tội nhân, không có hình phạt nào nặng hơn tội chết; cha mẹ thương yêu con cái cũng không làm gì khác hơn là ban cho và nuôi dưỡng chu toàn sự sống. Cho nên có thể biết rằng, việc xấu ác nhất chính

là giết hại, mà việc hiền thiện nhất chính là cứu mạng phóng sinh. Hãy xem khi các con thú bị đuổi bắt, chúng cũng kinh sợ trốn chạy, phát tiếng kêu la thảm thiết, cố sức vượt rào leo tường để mong chạy thoát. Nếu đem so với con người chúng ta, gặp khi bị lệnh vua bắt bớ đuổi giết, cha mẹ kinh hoàng chẳng biết phải làm sao, vợ con gia quyến bị đẩy vào cảnh chết không đường thoát, nỗi hãi hùng kinh sợ ấy nào có khác gì nhau?
Lại hãy xem khi con vật bị giết hại, như khi cắt tiết một con gà, cả bầy gà kinh hãi kêu la, mổ thịt một con heo, cả đàn heo buồn bã bỏ ăn. Nếu đem so với con người chúng ta, gặp lúc loạn lạc giặc cướp lộng hành, trước mắt nhìn thấy cha mẹ bị giết hại, vợ con bị bắt bớ đưa đi, tình cảnh bi thương ấy cũng tương đồng không khác.
Lại hãy xem khi con vật bị cắt xẻ giết mổ, ruột gan phơi ra mà nơi miệng còn thều thào hơi thở, hoặc cổ họng đã bị cắt đứt mà đôi mắt vẫn còn mở to chưa kịp nhắm. Nếu đem so với con người chúng ta, lúc lâm chung đớn đau thống khổ, toàn thân bất động, chỉ biết đưa mắt nhìn, đành cam tâm bất lực nào có khác chi nhau?
Nếu trong lúc ấy mà nhẫn tâm giết hại, thì nỗi oán hận của con vật bị giết biết nói sao cho hết? Nếu trong lúc ấy lại có người bỏ tiền mua để cứu mạng thả ra, thì sự cảm kích tri ân cũng nói sao cho hết?
Việc phóng sinh không nên làm theo kỳ hạn thường xuyên nhất định, e rằng có người biết được ngày tháng ta mua vật phóng sinh nên sẽ cố sức đuổi bắt để mang đến bán. Việc phóng sinh cũng không nên chọn một địa điểm cố định, e rằng có người biết được sẽ đợi sau khi ta phóng sinh vật mạng rồi tìm cách bắt chúng lại. Phóng sinh cũng không giới hạn đối với một loài vật nào, dù vật mạng lớn nhỏ cũng đều nên cứu sống.
Các hội phóng sinh ở vùng Côn Lôn nơi tôi sống, chỉ có am Thanh Lương là làm tốt nhất, do từ khi khởi lập có vị thiện hữu trước hết đã bỏ ra một số

tiền lớn, đưa vào ký gửi lấy lãi, mỗi tháng dùng tiền lãi ấy vào việc phóng sinh. Mỗi lần tổ chức phóng sinh, cứ khoảng 4, 5 ngày trước đó liền có báo cáo gửi đến từng hội viên để thông báo số tiền sử dụng, đến kỳ hạn các hội viên cùng chia nhau quyên góp vào cho đủ số đã chi ra, hoàn toàn không dựa vào số tiền ký gửi sinh lợi. Nhờ cách ấy mà có thể hoạt động được lâu dài. Vào ngày mở hội phóng sinh, mỗi người đều cung kính tụng đọc 5 quyển kinh Hoa nghiêm, chi phí hương hoa trà nước có 3 người chia nhau gánh chịu. Ấy là nhờ tất cả hội viên đều đồng tâm hiệp lực nên hoạt động của hội mới được thành công dễ dàng, có thể làm khuôn mẫu cho những nơi khác học làm theo.

Trưng dẫn sự tích

Tha lợn tức tha con

Triều Đông Tấn có người tên Đỗ Vĩnh Bình, là người Phù Châu, thuộc huyện Tử Đồng, tỉnh Tứ Xuyên. Nhà ông Bình hết sức giàu có, sinh được một đứa con trai đặt tên là Thiên Bảo, vừa được 10 tuổi, hết sức thương yêu. Vào niên hiệu Thái Nguyên năm thứ ba, Thiên Bảo bị bệnh nặng mà chết. Không bao lâu sau đó, trong nhà có con lợn nái sinh được 5 con. Vĩnh Bình chọn một con béo mập nhất, định giết thịt làm lễ biếu quan. Bỗng nhiên có một vị tỳ-kheo đến nói với Vĩnh Bình rằng: “Con lợn ấy là con trai ông trước đây đó, sao vừa mất mới hơn trăm ngày mà ông đã vội quên?” Vị tỳ-kheo ấy vừa nói xong thì hốt nhiên mất dạng, chỉ còn lưu lại một mùi hương thơm lạ đến suốt ngày chưa tan hết.

Đỗ Vĩnh Bình liền thả con lợn ấy ra, không giết thịt, lại thương yêu nuôi dưỡng trong nhà.

Lời bàn

Đức Phật có dạy: “Hết thảy chúng sinh, trải qua nhiều kiếp lưu chuyển luân hồi nên hầu hết đều là cha mẹ, quyến thuộc của nhau.” Người đọc sách

Nho không hề biết đến đạo lý lưu chuyển luân hồi trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì thế nên cho rằng không nỡ khởi lên ý tưởng xem tất cả chúng sinh như cha mẹ nhiều đời của mình. Nhưng rồi do chỗ không nỡ suy tưởng như thế, nên mới giết hại chúng sinh mà làm món ăn của mình, như vậy gọi là không nỡ được chăng? Nói một câu khái quát, ấy là do không chịu suy nghĩ cho cặn kẽ đó thôi.

Bán lợn hóa ra bán con

Vào đời nhà Tùy, trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ 8, tại huyện Nghi Châu, tỉnh Quảng Tây, có người tên Hoàng Phủ Thiên, lấy trộm 60 đồng tiền của mẹ. Người mẹ mất tiền không tìm thấy, truy xét tra hỏi khiến cho tất cả người trong nhà đều phải chịu đòn roi.

Qua năm sau, Phủ Thiên chết, lại thác sinh thành một con lợn trong nhà. Lợn lớn lên rồi, người nhà liền bán cho ông xã trưởng ở một thôn xa, được sáu trăm đồng tiền. Đêm đó, người vợ của Phủ Thiên vừa ngủ thiếp đi thì mộng thấy một con lợn nói với bà: “Tôi là chồng cô trước đây, vì lấy trộm sáu mươi đồng tiền của mẹ nên khiến cho cả nhà đều bị đòn roi. Do tội ấy phải sinh làm thân lợn, nay lại bị đem bán đi. Mong cô hãy mau mau chuộc tôi về, nếu để chậm ắt là tôi sẽ bị người giết thịt.”

Người vợ giật mình tỉnh dậy, trong lòng hoàn toàn không tin. Nhưng khi thiếp ngủ lại thì cũng mơ thấy như vậy nữa, lại còn nghe lợn hối thúc khẩn thiết hơn. Khi tỉnh dậy suy nghĩ rằng tình hình đã gấp rút lắm, liền lập tức mặc áo vào sang gõ cửa phòng mẹ chồng. Hóa ra bà mẹ Phủ Thiên cũng đã thức giấc từ lâu, vì bà cũng nằm mộng thấy giống hệt như cô. Khi ấy đã quá nửa đêm, mà nhà ông xã trưởng mua lợn cách đó đến ba mươi dặm. Bà mẹ sợ không chuộc được lợn, liền lấy ra 1.200 quan tiền, sai người con cả cùng đi với đứa con trai của Phủ Thiên sang chuộc. Nào ngờ lễ tế của làng đã sắp xếp đâu vào đó, nên ông xã trưởng nhất quyết cự tuyệt không

cho chuộc lợn.
Nhân lúc còn đêm tối, gia đình Phủ Thiên liền nhờ một đám hung đồ có thế lực đến ép buộc xã trưởng phải cho chuộc lại. Xã trưởng bất đắc dĩ không dám chống cự, đành thả lợn ra. Trên đường về, khi đi ngang qua một bãi đất hoang rộng lớn, người anh cả liền nói với lợn: “Nếu đúng là em ta thì hãy đi lên trước.” Lợn lập tức chạy lên phía trước, theo đúng đường về nhà.
Sau đó, xóm giềng biết chuyện đều cười chê, đàm tiếu. Con cái của Phủ Thiên lấy làm xấu hổ lắm, suy nghĩ rồi bàn với nhau: “Nếu để cha ta thế này, ắt con gái trong nhà chẳng ai nhìn đến. Trước đây cha ta rất thân với nhà họ Từ, có thể mang gửi nhờ bên ấy, chúng ta định kỳ chu cấp thức ăn là được.”
Lợn nghe qua những lời ấy, nước mắt chảy ra ràn rụa, liền vẫy đuôi rồi tự đi đến nhà họ Từ, cách đó bốn mươi dặm. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ 11, lợn chết ở nhà họ Từ.

Lời bàn

Một khi đã thay hình đổi dạng, hết thảy người nhà đều không thể nhận biết được. Cho nên nói rằng, trong chốn luân hồi thì gia đình quyến thuộc xét cho cùng cũng chỉ là những quan hệ giả tạm, không chân thật.

Cứu dê hóa ra cứu con gái

Vào đời Đường, ở Trường An có phong tục sau tết là mọi người lần lượt thay nhau tổ chức yến tiệc đãi khách. Có ông chủ hiệu văn phòng phẩm tên là Triệu Đại, đến phiên đãi tiệc mời khách về nhà. Đúng ngày, quan khách vừa tới thì thấy phía trên chiếc cối giã gạo có một bé gái khoảng 13 - 14 tuổi, bị buộc vào một sợi dây, trên người mặc quần xanh, áo trắng. Bé gái ấy khóc lóc nói với quan khách rằng: “Tôi vốn là con gái của ông chủ nhà này. Năm xưa tôi lấy trộm của cha mẹ một trăm quan tiền, định dùng

mua son phấn, nhưng rồi chết đi chưa kịp mua. Số tiền ấy hiện vẫn còn đặt nguyên ở nhà bếp, trong một cái lỗ ở góc phía tây bắc. Tôi vì tội ấy mà nay phải làm thân dê.”

Đứa bé gái vừa nói xong, quan khách nhìn kỹ lại thì chỉ thấy một con dê xanh đầu trắng. Mọi người kinh hoảng báo lại với chủ nhà là Triệu Đại. Họ Triệu gạn hỏi về hình dáng đứa bé, thì quả thật rất giống với con gái của ông, đã chết cách đây hai năm. Lập tức vào tìm trong nhà bếp, quả nhiên có số tiền còn nằm nguyên nơi bé gái đã nói. Triệu Đại liền mang dê vào chùa phóng sinh, lại phát nguyện từ đó cả nhà đều giữ giới, ăn chay.

Lời bàn

Số tiền trộm cắp vẫn còn nguyên chưa dùng đến, mà quả báo khổ sở đã đến rồi, nhưng cũng không phải là chịu tội oan uổng. Đó quả thật là:

Trăm ngàn muôn thứ đều bỏ lại,

Chỉ riêng nghiệp báo vẫn mang theo.

Xét theo đó lại càng tin sâu nhân quả hơn nữa.

Đánh ngựa hóa ra đánh mẹ

Vào đời nhà Đường, ở huyện Văn Thuỷ thuộc Tịnh châu, có người tên là Lý Tín, làm vệ sĩ ở phủ Long Chính. Vào một mùa đông trong khoảng niên hiệu Hiển Khánh đời Đường Cao tông, Lý Tín theo thông lệ đến Sóc Châu nhận việc, khi đi cưỡi con ngựa ký màu đỏ, có dắt theo một chú ngựa non. Bấy giờ đang lúc trời rất lạnh, gió rét, tuyết rơi dày, đi được hơn mười dặm thì ngựa không cất bước nổi. Lý Tín dùng roi quất ngựa, đến roi thứ mười thì ngựa bỗng cất tiếng nói như người, bảo Lý Tín rằng: “Tôi vốn là mẹ của ông trước đây. Bởi lúc còn sống phản bội cha ông, lấy trộm hơn một thạch gạo đưa cho đứa con gái nhỏ, nên bây giờ phải chịu quả báo thế này. Con ngựa non kia chính là em gái của ông, nhận số gạo ăn trộm ngày trước nên nay cũng chịu quả báo trả nợ đó.”

Lý Tín nghe qua không cầm được nước mắt, liền tháo dây cương với yên ngựa ra, tự mình mang lấy và nói với ngựa: “Nếu đúng là mẹ ta thì xin tự đi về nhà.” Ngựa lập tức theo đường quay về nhà.
Từ đó, mấy anh em nhà Lý Tín liền dựng một căn nhà riêng để nuôi dưỡng con ngựa ấy, anh em cùng nhau chăm sóc. Có người bạn đồng nghiệp của bà trước đây thường vì bà mà cúng dường trai tăng, lễ sám. Cả nhà Lý Tín từ đó đều tinh tấn tu tập hành trì.
Quan Công bộ Thị lang là Ôn Như Ẩn cùng với quan tư pháp Kỳ châu là Trương Kim Đình đều đang lúc ở nhà để tang cha mẹ, nghe biết chuyện này lấy làm lạ lùng kinh sợ, tìm đến tận nơi tra vấn, quả nhiên thấy ngựa vẫn còn đó.

Lời bàn

Tiền bạc của cải có thể chung nhau sử dụng, ắt không đâu bằng trong gia đình vợ chồng con cái với nhau, ấy vậy mà trộm lấy của trong gia đình vẫn phải chịu quả báo nghiêm khắc, tơ hào không sai lệch. Những ai làm cha mẹ mà yêu ghét không công bằng, thiên vị với con cái, lấy của đứa này mang cho đứa khác, nên lấy đó mà răn mình, chẳng đáng sợ lắm sao!

Chuyện đời trước của Tào Hàn

Vùng Tô Châu có Lưu Tích Huyền, tên tự là Ngọc Thụ. Vào mùa thu năm Nhâm Tý, niên hiệu Vạn Lịch triều Minh, Ngọc Thụ đến Quý Châu nhận chức quan khảo thí. Trên đường đi thuyền ngang qua vùng Hồ Quảng ghé vào nghỉ đêm, nằm trên thuyền mộng thấy có một người to lớn, mặt dài, đến nói rằng: “Tôi là tướng Tào Hàn đời nhà Tống. Trước kia, vào đời nhà Đường, tôi là một người đi buôn. Tình cờ đi ngang qua một ngôi chùa thấy có vị pháp sư đang giảng kinh Tứ thập nhị chương nên phát tâm thiết trai cúng dường, lại theo ngài nghe kinh trong nửa ngày. Nhờ gieo nhân lành đó nên trải qua nhiều đời đều được làm chức quan nhỏ, cũng như không

bao giờ bị cách chức cả. Đến đời Bắc Tống tôi được làm tướng quân, tức là tướng Tào Hàn. Khi ấy từng mang quân vây đánh Giang Châu, suốt 3 năm không hạ được, nhân một lúc nóng giận không kiềm chế đã ra lệnh tàn sát hết nhân dân trong thành. Do nghiệp giết hại đó nên trải qua nhiều đời phải làm thân lợn để đền tội. Năm trước tôi từng sinh ra làm lợn trong một nhà làm thuê ruộng của ông, nhờ ông thương xót đến mà được sống. Nay chỗ ông đỗ thuyền vào đây chính là nơi ngày mai tôi sẽ bị giết. Con lợn bị giết trước nhất trong ngày mai chính là tôi đó. Nay đã có duyên gặp nhau, xin ông rủ lòng thương xót cứu mạng tôi một lần nữa."

Khi Lưu Ngọc Thụ giật mình tỉnh giấc, liền nhìn ra qua khe hở xem thuyền đậu chỗ nào, quả nhiên đúng là trên bờ có một lò mổ. Trong giây lát liền thấy người khiêng ra một con lợn, kêu la thảm thiết. Lưu Ngọc Thụ liền bỏ tiền xin chuộc lấy, cứu mạng cho lợn.

Lời bàn

Con lợn này được thả ra, mang đến phóng sinh tại Vườn phóng sinh Xương Môn ở Tô Châu, nếu có ai gọi tên Tào Hàn nó liền nhận biết chạy lại, hàng vạn người đến đó đều tận mắt chứng kiến.

Nhờ phóng sinh cùng được thi đỗ

Huyện Cối Kê thuộc tỉnh Triết Giang có người tên Đào Thạch Lương, một hôm cùng đi với Trương Chi Đình ngang qua chùa Đại Thiện, nhân đó mua lươn phóng sinh lên đến hàng vạn con.

Năm ấy, vào mùa thu Thạch Lương nằm mộng thấy một vị thần hiện ra bảo rằng: "Khoa thi này lẽ ra ông chưa thi đỗ, nhưng nhờ công đức phóng sinh nên sẽ thi đỗ, sớm hơn một khoa."

Đến khi bảng vàng đề tên, quả nhiên đúng thật. Nhân đó Thạch Lương liền nói: "Việc phóng sinh cũng dựa vào sự tán trợ của Trương Chi Đình, lẽ nào công đức chỉ mình ta được hưởng?"

Cách mấy hôm sau, có danh sách từ Nam Kinh đưa đến, hóa ra Trương Chi Đình cũng đỗ.

Lời bàn

Vào cuối đời Minh, có một nho sinh đất Thục là Lưu Đạo Trinh, từng viết một bài văn khuyên người đời từ bỏ sự giết hại. Vào tháng bảy năm Tân Dậu, có người bạn của Lưu Đạo Trinh nằm mộng thấy đi đến điện Văn Xương, gặp Đế quân đưa cho xem một tờ giấy, bảo rằng: “Đây là bài văn khuyên người đời từ bỏ sự giết hại do Lưu Đạo Trinh viết ra. Khoa thi năm nay Đạo Trinh sẽ đỗ.”

Người bạn ấy tỉnh dậy vẫn nhớ, đem sự việc kể lại cho Lưu Đạo Trinh nghe, nhưng Đạo Trinh không tin. Đến khi bảng vàng đề tên, quả đúng như vậy. Cho nên, nếu muốn thăng tiến thênh thang trên đường công danh sự nghiệp, nên biết rằng trong sự tu tập cũng có cách để hỗ trợ cho việc ấy.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (24)

Hoặc ăn chay từ bỏ sự giết hại

Giảng rộng

Khuyên người từ bỏ sự giết hại, hẳn cũng có người tin theo, nhưng nói đến việc ăn chay, không khỏi sẽ có người cho rằng chỉ là chuyện viển vông. Đó là vì họ không hiểu rằng, bởi có người ăn thịt nên mới có người giết mổ loài vật để cung ứng, lại bởi có người giết mổ loài vật, nên mới có người ăn thịt. Cả hai hạng người ấy cùng tác động qua lại, dẫn dắt và thúc đẩy lẫn nhau.

Người đời ngày ngày đều giết hại, ăn thịt chúng sinh, chỗ thấy nghe như vậy đã huân tập thành thói quen, do đó mà không còn nhận hiểu được về sự giết hại một cách sáng suốt, chân thật. Giá như mỗi ngày vào lúc trời sắp sáng, mỗi người đều có được thần thông thiên nhãn, tự mình nhìn thấy vô số lò sát sinh ở khắp mọi nơi, mỗi nơi đều có đồ tể cầm dao sắc, mang tất cả những dê, lợn, trâu, chó... trói chặt trên nền đất, sau đó ra tay giết hại hành hình... Lúc bấy giờ, tất cả những sinh vật ấy đều cất tiếng kêu la thảm thiết, hồn xiêu phách lạc, run rẩy kinh hoàng, kêu với trời cũng chẳng thể lên trời, khóc với đất cũng không chui được vào đất. Chỉ trong một chớp mắt, dao sắc đã cắt ngang cổ họng; trong một chớp mắt, dao sắc đã đâm tận ruột gan. Trong một chớp mắt, máu nóng đã theo dao phun trào lênh láng; trong một chớp mắt, nước đun sôi đã theo vết dao tuôn sâu vào da thịt. Nước sôi vào mắt, như đinh sắt trui nóng đâm nơi nhãn cầu; nước sôi xối trên lưng, như sắt nấu chảy nung nóng khắp thân thể; nước sôi tràn đến lưỡi, như nước đồng nấu chảy ngập tràn trong khoang miệng; nước sôi vào đến ruột, như nước thiết nấu chảy ngập cả lưng...

Vào thời khắc ấy, hết thảy những con vật bị mang ra giết, vì quá đau đớn nên vội nhắm nghiền mắt lại; vì quá đau đớn nên tiếng kêu dần dần nhỏ

lịm đi; vì quá đau đớn nên toàn thân bỗng chốc co rúm lại; vì quá đau đớn nên ruột gan như bị kéo bị rút.
Giá như người đời có thể được thần nhãn như thế, sẽ thấy rằng chỉ trong phút chốc thôi mà khắp cõi thế giới Diêm-phù-đề này có biết bao nhiêu muôn vạn sinh linh phải chịu cảnh đầu một nơi, tứ chi một nẻo, xương thịt nát tan phơi bày la liệt... Những con vật bị giết hại ấy, nếu gom thân xác lại ắt chất chồng hơn cả núi cao, máu huyết ắt nhuộm đỏ cả dòng sông đang chảy...
Nhìn thấy được thực trạng ấy rồi, quả thật thê thảm không khác nào toàn dân trong cả một thành vừa bị giết sạch; nghe được những âm thanh kinh hoàng bi thương ấy rồi, quả thật hãi hùng kinh khiếp như sấm sét bên tai. Sở dĩ bao người nhúng tay vào vô số những tội lỗi hung bạo tàn ác như thế, chung quy cũng do từ những bữa ăn có thịt của chúng ta mà ra! Cho nên, vạch rõ ra thì quả báo ác nghiệt của việc ăn thịt không hề nhỏ nhặt.
Lại nếu như những sinh mạng mà chúng ta giết hại để ăn thịt đó, trong đời trước đã từng là cha mẹ, anh em, vợ chồng của ta thì biết nói sao đây? Lại nếu như chúng đã từng là bà con quyến thuộc của ta thì biết nói sao đây? Cho dù không phải thế, thì nếu như trong đời vị lai chúng lại sinh ra làm cha mẹ, anh em, chồng vợ hay bà con quyến thuộc của ta thì biết nói sao đây? Ví bằng cũng không phải thế, thì nếu như trong đời vị lai ta cũng có thể sinh vào loài súc sinh như vậy, hoặc anh em, cha mẹ, vợ chồng, bà con quyến thuộc của ta cũng có thể sinh vào loài súc sinh như vậy thì biết nói sao đây?
Tục ngữ có câu: “Một ngày ăn chay, việc giết hại trong thiên hạ bớt đi phần của ta. Một ngày không ăn chay, việc giết hại trong thiên hạ ắt có sự góp phần của ta.” Như vậy há không phải là đáng sợ lắm sao?
Trong Kinh điển có nói rằng: “Trải qua sáu ngàn năm nữa, tuổi thọ trung

bình của con người chỉ còn được 10 năm, sẽ có tai kiếp binh đao nổi lên, khi ấy hết thảy chúng sinh đều giết hại lẫn nhau. Cây cỏ mọc lên từ đất có cành lá sắc nhọn như dao bén, chạm vào là mất mạng. Qua bảy ngày bảy đêm như vậy, tai kiếp ấy mới chấm dứt.”

Đức Phật dạy: “Những ai chết vì nạn đói kém, binh đao, đều sinh vào các đường dữ. Những ai chết vì dịch bệnh, đa phần được sinh lên cõi trời. Vì sao vậy? Vì khi có dịch bệnh, người ta thường chỉ an ủi, thăm hỏi lẫn nhau, không khởi tâm ác độc giết hại hay tranh giành cướp đoạt.”

Luận Bà-sa nói rằng: “Nếu có người trong một ngày một đêm giữ theo giới không giết hại, trong đời vị lai người ấy chắc chắn sẽ không gặp phải tai kiếp binh đao.”

Trưng dẫn sự tích

Đảo lộn kẻ oán người thân

Vào thời đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có một người Bà-la-môn giàu có nhưng hết sức keo kiệt. Mỗi khi trong nhà ăn uống thì đóng chặt cửa lại vì sợ có khách đến. Ngày nọ, nhà ấy giết thịt một con gà làm cỗ, hai vợ chồng cùng ngồi ăn với một đứa con nhỏ ngồi giữa, thỉnh thoảng lại bốc một miếng thịt gà đút vào miệng cho con.

Đức Phật biết rõ người bà-la-môn này ngày trước có tu tập, phước duyên nay đã thuần thục có thể cứu độ, nên ngài liền hóa thành một vị sa-môn, hốt nhiên hiện ra ngay trước mặt người ấy. Người bà-la-môn vừa nhìn thấy thì nổi giận, quát rằng: “Người tu hành sao không biết xấu hổ, tự nhiên xông vào nhà ta?” Vị sa-môn kia liền đáp: “Chính ông mới là người ngu si, giết cha ăn thịt, cưới mẹ làm vợ, nuôi dưỡng kẻ oán thù, thế mà lại dám bảo ta là người tu hành không biết xấu hổ!”

Người Bà-la-môn kinh ngạc hỏi lại: “Ông nói thế là ý nghĩa gì?”

Vị sa-môn đáp: “Con gà trên bàn kia vốn là cha của ông trong đời trước, vì

tham lam keo kiệt nên thường sinh trong loài gà. Còn đứa con ông đó, trước đây là quỷ la-sát, những đời trước thường hay làm hại ông. Nay nghiệp cũ của ông chưa dứt hết, nên nó lại sinh vào nhà ông để tiếp tục làm hại. Người vợ hiện nay của ông chính là mẹ ông trong đời trước, bởi sự ái luyến sâu nặng nên quay lại tái sinh làm vợ ông. Những sự luân chuyển xoay vần như thế, người ngu si không biết, chỉ có bậc tu hành giác ngộ mới thấy rõ tất cả."

Ngay lúc đó, đức Phật thị hiện thần thông, khiến cho người bà-la-môn kia tự thấy rõ các đời trước. Bà-la-môn liền phát tâm sám hối tội nghiệp, xin được thọ giới. Đức Phật lại thuyết pháp cho nghe, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Lời bàn

Cha ông Đô-đề sinh làm chó trong nhà con trai mình, ăn vụng thịt trên bàn. Cha ông Chiên-đàn tái sinh làm người ăn mày đến trước nhà con trai, bị người giữ cổng đánh gãy một cánh tay. Những việc tưởng như hết sức hãi hùng kinh dị trong chốn nhân gian, nhưng thật ra lại là hết sức thông thường, vẫn luôn xảy ra từ xưa nay nhưng người đời chỉ vì si mê không biết mà thôi. Cho nên, đối với hết thảy muôn loài có sinh mạng, nói chung đều không nên giết hại.

Chó đói hiện hình cho thấy báo ứng

Thời Nam Bắc triều, ở vùng thuộc Lưu Tống có vị sa-môn hiệu Trúc Tuệ, quê ở huyện Tân Dã tỉnh Hà Nam, tu tập ở chùa Tứ Tằng, huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc. Vào niên hiệu Vĩnh Sơ năm thứ hai, sư qua đời. Các đệ tử vì thầy mà thiết lập trai đàn trong bảy ngày để cầu nguyện. Ngay trong ngày trai đàn viên mãn, có vị tăng là Đạo Hiền bỗng nhìn thấy thầy Trúc Tuệ đứng trước phòng, ăn mặc không khác lúc sinh thời, nói với Đạo Hiền rằng: "Sao thầy vẫn chưa bỏ việc ăn thịt? Tôi chính vì ăn thịt mà phải đọa

vào địa ngục làm chó đói.”
Đạo Hiền khi ấy hết sức kinh hãi, chưa kịp đáp lời thì Trúc Tuệ lại nói tiếp: “Nếu thầy không tin, cứ thử nhìn vào lưng tôi khắc biết.” Nói rồi liền quay lưng lại, Đạo Hiền bỗng nhìn thấy một con chó vàng ba khoang, nửa phần giống như con lừa, đôi mắt sáng rực như hai ngọn đuốc, phảng phất có hình dáng như Trúc Tuệ. Đạo Hiền sợ quá kêu thét lên, hình dáng kia liền biến mất.

Lời bàn

Người tu tại gia còn nên kiên trì giữ giới ăn chay, huống chi người xuất gia sao lại phá giới ăn thịt như vậy? Trúc Tuệ sở dĩ có thể hiện hình để khuyên răn Đạo Hiền giữ giới, chẳng phải là nhờ pháp lực của trai đàn trong bảy ngày đó sao?

Một đồng tiền cầu nguyện cho vua

Vào đời Bắc Chu (559-581), Chu Vũ đế rất thích ăn trứng gà. Khi ấy người giữ chức quan Giám thiện là Bạt Hổ, phụ trách việc nấu ăn cho vua, được Vũ đế hết sức sủng ái.
Đến thời Tùy Văn Đế, Bạt Hổ vẫn được giữ chức quan Giám thiện ấy. Vào niên hiệu Khai Hoàng thứ tám, Bạt Hổ bỗng dưng đột tử. Người nhà thấy ngực còn ấm nên chưa cho nhập quan. Sau ba ngày bỗng dưng sống lại, nói: “Tôi muốn gặp hoàng thượng để truyền lại lời Chu Vũ đế.”
Tùy Văn đế nghe báo sự việc liền sai người mang kiệu đến đón vào triều kiến, Bạt Hổ trình lên Văn đế rằng: “Tôi bị bắt dẫn đến trước điện U minh thì thấy Chu Vũ đế đã ở đó từ trước rồi. Minh vương tra hỏi rằng: ‘Ngươi nấu ăn cho vua, đã cùng ăn hết bao nhiêu quả trắng?’ Tôi thật không biết ‘quả trắng’ là gì, những người đứng hầu liền giải thích rằng đó là trứng gà. Tôi thú thật không biết đã ăn bao nhiêu trứng gà. Minh vương phán: ‘Người này không nhớ, thôi cho ra.’

“Khi ấy tôi nhìn thấy Chu Vũ đế sắc mặt chuyển sang bi thảm, bỗng nhiên trước điện hiện ra một cái giường sắt cùng mười tên ngục tốt. Vũ đế bị bắt nằm lên trên giường, liền thấy ngục tốt dùng một cây đà sắt ép lên thân thể, hai bên sườn bị ép vỡ, có vô số gà con thoát ra chạy tứ tán, chỉ trong thoáng chốc đã chất chồng lên nhau cao ngang với giường sắt. Vũ đế không ngừng than khổ, gấp rút gọi tôi đến mà nói rằng: ‘Ông về nói với hoàng đế Đại Tùy rằng, tất cả ngọc ngà vải lụa trong kho hiện nay đều là của ta ngày xưa thu gom chất chứa. Ta vì tội lỗi hủy diệt Phật pháp nên ngày nay cực kỳ khổ sở, hoàng đế hãy mau mau dùng những thứ ấy mà làm việc công đức cho ta.’”

Tùy Văn đế khi ấy liền ban chiếu thư, lệnh cho tất cả dân chúng mỗi người đều bỏ ra một đồng tiền, rồi dùng số ấy để làm việc phúc thiện cầu nguyện cho Vũ đế. Vua cũng truyền ghi chép việc này vào sử sách.

Lời bàn

Tội hủy diệt Phật pháp của Võ đế gây hại khắp trong thiên hạ, nên việc dâng cúng cầu nguyện cho ông cũng phải nhờ đến khắp thiên hạ. Khi được nhân dân cả nước thay vua mà sám hối tội lỗi, thì tội của vua mới được tiêu tan.

Xưa kia, Âu Dương Tu từng giữ chức Tham tri chính sự, kiêm nhiệm việc nhuận sắc các bản dịch Kinh Phật. Vào tháng 8 nhuần của niên hiệu Gia Hữu thứ sáu, Âu Dương Tu nằm mộng thấy mình đi đến một nơi có 10 người đội mũ miện cùng ngồi xoay quanh, liền hỏi: “Các ông có phải Thập điện minh vương mà kinh Phật thường nhắc đến đó chăng?” Những người ấy đáp: “Đúng vậy.” Âu Dương Tu liền hỏi: “Thưa các ngài, người đời thường cúng dường chư tăng, tụng Kinh Phật, vì người đã chết mà tu phước để hồi hướng cầu nguyện, như vậy có thật được lợi ích gì chăng?” Các vị ấy đều đáp: “Thật có chứ sao không.”

Âu Dương Tu kể từ đó trong lòng hoang mang, tự xét lại chỗ tin hiểu sai lệch của mình, hết sức hối tiếc về việc trước đây đã sai lầm bài bác Phật giáo. Từ đó có viết ra những lời dạy con, dùng răn nhắc, cảnh tỉnh người đời sau. Lúc lâm chung, ông tụng kinh Hoa Nghiêm đến quyển thứ tám rồi mới đi. Ôi! Trong đời này những người từng sai lầm như Âu Dương Tu nào có ít đâu!

Giết dê hóa ra giết con gái

Đời nhà Đường, trong khoảng niên hiệu Trinh Quán, quan Trưởng sứ Ngụy vương phủ ở Kinh Triệu là Vi Khánh Trị có đứa con gái mất sớm. Cả hai vợ chồng đều hết sức đau đớn, thương tiếc. Sau đó 2 năm, Vi Khánh Trị có dịp đãi khách, mua về một con dê để chuẩn bị giết thịt. Đêm đó, người vợ của Khánh Trị nằm mộng thấy con gái hiện về, mặc quần xanh, áo trắng, trên đầu giắt đôi trâm ngọc, khóc nói với mẹ rằng: “Khi con còn sống, thường lấy tiền bạc của cha mẹ tiêu dùng mà không hỏi xin, nay phải đọa làm thân dê để trả nợ. Sáng ngày mai con sẽ bị giết, con dê xanh đầu trắng chính là con đó, xin mẹ thương mà cứu vớt.”

Người mẹ thức giấc kinh hãi, lập tức đích thân đi xem, thấy con dê sắp bị giết thịt quả nhiên nửa thân màu xanh, đầu trắng, lại có hai chòm lông trắng trên đầu phảng phất giống như đôi trâm ngọc. Bà lập tức bảo gia nhân dừng lại không được giết.

Lát sau thì Vi Khánh Trị đến, thấy khách đã tới mà việc nấu nướng còn chưa xong thì giận lắm, quát nạt nhà bếp. Nhà bếp sợ tội, lập tức phải giết dê. Đến khi dọn lên, khách mời không ai động đũa. Khánh Trị thấy lạ gạn hỏi, quan khách đều đáp rằng: “Trong lúc giết dê, chúng tôi từ xa đều nhìn thấy đó là một đứa bé gái.”

Đến khi Khánh Trị hỏi lại người vợ mới biết rõ sự việc, trong lòng đau đớn muôn phần, không lâu sau phát bệnh mà chết.

Lời bàn

Chuyện này tương tự như chuyện “Cứu dê hóa ra cứu con gái” đã thuật ở trước. Cũng là trộm tiền của cha mẹ, cũng là bị đọa làm thân dê. Nhưng trong chuyện trước thì dê không bị giết, còn trong chuyện này thì cuối cùng dê vẫn bị giết. Đó không phải do may mắn hay rủi ro, mà là do số tiền lấy trộm vẫn chưa dùng đến nên khỏi chết, còn đã chi dụng rồi thì phải chịu chết để đền tội.

Giết dê hóa ra giết vợ

Đời Bắc Tống, Lưu Đạo Nguyên từng làm quan huyện lệnh Bồng Khê. Sau khi thôi việc về quê, một hôm đến chơi nhà họ Tần, nghỉ lại một đêm. Nửa đêm nằm mộng thấy một phụ nữ khóc nói với ông rằng: “Tôi là vợ của chủ nhà họ Tần này, từng đánh chết một người thiếp của chồng, vì thế phải đọa làm thân dê. Hiện đang bị nhốt trong chuồng, sáng mai sẽ bị giết để đãi ông. Thân tôi dù chết cũng đáng tội chẳng tiếc gì, hiềm vì trong bụng đang có dê con, nếu lại vì tôi mà chết thì tội của tôi càng thêm nặng.”

Lưu Đạo Nguyên đợi đến sáng mới đem chuyện ấy ra nói thì dê đã bị giết rồi. Cả nhà họ Tần nghe chuyện đều hết sức kinh sợ, liền đặt dê con trở lại vào bụng mẹ rồi mang ra đồng chôn cất.

Lời bàn

Người gầy dựng cơ nghiệp gia đình không dám dễ duôi vay mượn tiền bạc, vì sợ lời lãi sinh ra ngày càng nhiều không dễ hoàn trả. Người có trí tuệ không dám vay mượn sinh mạng của chúng sinh, vì sợ rồi sẽ phải đem sinh mạng của chính mình ra mà thường bồi. Do đó mà bậc tu hành phát đại nguyện phải cầu vượt thoát Ba cõi, có đủ ngũ nhãn, chứng đắc lục thông, rõ biết hết mọi việc trong quá khứ, vị lai cũng như hết thảy những việc của thế gian và xuất thế gian, được như vậy mới xem là thành tựu.

Giết hại để cúng tế hại đến người đã chết

Vào thời Tiền Đường, có người cư sĩ họ Kim, thành tín kiên trì giữ gìn trai giới. Sau khi chết, người này có lần nhập vào một đứa bé trai mà nói với người nhà rằng: “Ta tuy có tu hành nhưng nghiệp lành vẫn còn chưa đủ để được vãng sinh Tịnh độ. Nay đang ở cõi âm nhưng được an vui lắm, có thể tự do đi lại.”

Sau đó một thời gian, họ Kim cũng nhập vào đứa bé trai ấy mà trách mắng vợ con rằng: “Tại sao lúc xây mộ cho ta lại giết gà cúng tế? Vì việc ấy mà bây giờ ta đi đâu cũng có 2 người theo giám sát, không còn được tự do nữa.”

Khi ấy, đứa con dâu của họ Kim đang mang thai, người nhà liền đem việc ấy ra hỏi, họ Kim nói: “Lần này sẽ sinh con trai, mẹ tròn con vuông. Nhưng lần sau cũng sinh con trai nữa, mẹ con đều chết.” Mọi người đều lấy làm lạ, liền ghi chép lại lời ấy. Sau quả nhiên xảy ra đúng như vậy.

Lời bàn

Có lần đức Phật cùng ngài A-nan đi dọc theo bờ sông, nhìn thấy 500 ngạ quỷ vừa đi vừa ca hát. Ngài A-nan thưa hỏi, đức Phật dạy: “Con cháu của những ngạ quỷ này đều vì họ mà tu phước, nên họ sắp được thoát kiếp ngạ quỷ. Vì thế mà họ vui mừng ca hát.”

Tiếp đó lại thấy khoảng mấy trăm người hình dung tốt đẹp vừa đi vừa khóc, ngài A-nan lại thưa hỏi, đức Phật dạy rằng: “Con cháu những người này giết hại sinh mạng để cúng tế, không chịu tu phước, nên họ sắp phải đọa vào địa ngục bị lửa dữ thiêu đốt. Vì thế mà họ khóc lóc.”

Người đời si mê không biết, cho rằng việc cúng tế thịnh soạn là làm vinh hiển, rạng rỡ tổ tông, mà không biết rằng những việc ấy thực sự là làm hại đến người đã chết.

Thần sông xin thọ giới

Vùng Giang Tây có mũi Tầm Ngư, khúc sông nơi đó vô cùng hiểm trở,

người đời vẫn đồn rằng có khi không gió mà sóng vẫn cuộn cao đến ba thước. Nơi ấy có miếu thờ Long Vương, thần miếu hết sức linh hiển. Những người buôn bán qua lại nơi đây đều ghé vào cầu đảo, giết hại vật mạng để cúng tế nhiều không kể xiết.

Vào triều Minh, trong khoảng niên hiệu Sùng Trinh, một hôm có Luật sư Tam Muội trên đường sắp đi ngang qua miếu. Ông từ giữ miếu trong đêm ấy mộng thấy thần sông hiện ra bảo rằng: “Ngày mai sẽ có một vị tăng đi qua đây. Vị ấy với ta đời trước cùng xuất gia, là huynh đệ đồng sư. Do ngài thấu suốt chánh nhân xuất gia nên đời này vẫn là cao tăng, còn ta do một niệm sai lầm mà đọa vào cảnh giới quỷ thần thọ hưởng huyết thực. Nay nghiệp giết hại của ta quá nhiều, ngày sau chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Ngày mai ông hãy thỉnh cầu ngài truyền giới cho ta. Từ nay về sau, việc cúng tế cho ta không được dùng rượu thịt nữa.”

Hôm sau, ông từ dò hỏi trên đường, quả nhiên gặp được Luật sư Tam Muội vừa đến, liền thưa rõ với ngài mọi việc. Luật sư nhận lời đến miếu thuyết giới cho thần. Từ đó về sau gió yên sóng lặng, người qua lại vùng này đều không cần phải cúng tế nữa.

Lời bàn

Các vị quỷ thần trên cạn dưới nước, nếu thọ hưởng sự cúng tế của người đời bằng máu thịt chúng sinh thì tất cả đều phải đọa vào địa ngục. Ngài Đông Nhạc Thánh đế, từ niên hiệu Vĩnh Thuần triều vua Đường Cao Tông trở về trước cũng thọ hưởng cúng tế bằng rượu thịt, sau đó phải thỉnh cầu Thiền sư Nguyên Khuê truyền thọ Năm giới, nhờ đó mới thoát khỏi tội. Hiện nay, những vị như Văn Xương Đế quân, Quan đế, đều tuyệt đối không chấp nhận cái lý lẽ dâng cúng rượu thịt. Tăng tử có nói rằng: “Người quân tử thương yêu người khác ắt phải dựa vào đức hạnh.” Lẽ nào hai vị Đế quân lại không được giống như Tăng tử sao?

Không giữ trai giới phải trả nghiệp cũ

Ở Côn Sơn có người tên Ngụy Ứng Chi, ngụ tại trấn Chân Nghĩa, là cháu họ của Ngụy Tử Chiêu. Trong khoảng niên hiệu Sùng Trinh, vào mùa xuân năm Canh Ngọ, Ứng Chi nằm ngủ cùng giường với Tử Thiều, mắt đang nhắm mà bỗng khóc to rồi niệm Phật. Tử Thiều thấy vậy rất sợ, tra hỏi. Ứng Chi đáp: “Cháu nằm mơ thấy mình đi xuống âm phủ, gặp vị tào quan ôm sổ sinh tử đến, nhìn thấy có tên cháu bị chết treo cổ, bên dưới lại có ghi chú rằng: ‘Ba năm sau, vào ngày đó tháng đó... sẽ tự treo cổ chết trong phòng đọc sách.’ Cháu cố gạn hỏi tội gì, nhưng tào quan chỉ nói: ‘Nghiệp báo nhất định phải thế, khó lòng tránh được.’ Cháu lại hỏi: ‘Có cách nào tránh được không?” Vị ấy đáp: ‘Không có cách nào bằng ăn chay trường và niệm Phật, tinh tấn tu hành thì may ra có thể khỏi.’”

Sau đó, Ứng Chi liền nói với Tử Chiêu: “Từ nay cháu xin chuyên tâm tu hành.” Rồi từ đó phát tâm ăn chay trường, sớm tối niệm Phật, tinh tấn trải qua 8 tháng như vậy. Sau đó lại nghe lời bạn bè bàn tán rằng: “Chỉ là giấc mộng thôi, sao lại tin đó là thật?” Thế là dần dần bỏ không ăn chay nữa. Mùa xuân năm Quý Dậu, Ứng Chi bỗng dưng vô cớ đóng chặt cửa phòng đọc sách rồi treo cổ tự vẫn. Bấm đốt tay tính lại thì từ lúc nằm mộng đến khi ấy quả đúng ba năm.

Lời bàn

Những kẻ học theo Nho giáo, vì tham miếng ăn ngon nên thường viện dẫn rằng Khổng tử không ăn chay, để biện minh cho việc ăn thịt uống rượu của mình. Nhưng họ không chịu suy nghĩ kỹ để thấy rằng, trong sách Luận ngữ rõ ràng có lời dạy của Khổng tử rằng: “Những lúc giữ trai giới không được ăn thịt cá.” Như vậy đâu thể nói rằng đức Khổng tử chưa từng răn dạy việc không nên ăn thịt uống rượu? Nho gia cũng chủ trương trước mỗi kỳ tế lễ đều phải trai giới thanh tịnh, ấy là vì việc ăn chay giữ giới sẽ giúp cho thân

tâm đều được trong sạch, nhờ vậy mới có thể cùng các vị thần linh giao cảm. Từ đó có thể suy ra rằng việc ăn thịt uống rượu làm cho con người hôn ám mê muội. Người đời nay hành xử không được như Khổng tử, chỉ riêng muốn học theo Khổng tử việc không ăn chay, như vậy há có thể bước vào cửa thánh được sao?

Bán công ăn chay lập tức mất mạng

Huyện Ma Thành, tỉnh Hồ Bắc, có người họ Vương ăn chay trường được ba năm. Bỗng nhiên thân thể bị ghẻ lở đau đớn không chịu nổi, do đó sinh tâm thối thất, không tin vào công đức của việc ăn chay.

Có người bạn của họ Vương đến thăm bệnh, an ủi rằng: “Anh là người ăn chay, chắc chắn sẽ được trời Phật gia hộ.” Họ Vương nói: “Tôi ăn chay đã ba năm, nay lại chịu nghiệp báo xấu ác như thế này, xem ra ăn chay nào có ích lợi gì?”

Người bạn liền nói: “Nếu anh không muốn ăn chay nữa, anh có thể bán công ăn chay của anh cho tôi được chăng?”

Họ Vương hỏi: “Bán như thế nào?”

Người bạn nói: “Cứ mỗi ngày anh đã ăn chay, trị giá một phân bạc; cộng cả ba năm anh sẽ được 10 lạng 8 cân bạc.”

Họ Vương nghe vậy mừng lắm, liền viết giấy bán rồi nhận đủ tiền, dự tính hôm sau sẽ thôi không ăn chay nữa. Đêm ấy nằm mộng thấy hai con quỷ đến mắng rằng: “Mạng sống của ông lẽ ra đã dứt từ mười tháng trước, nhờ ăn chay trường mới kéo dài được đến hôm nay. Nay ông bán công ăn chay, vậy tính ra ông đã sống vượt quá số năm đáng sống rồi.” Mắng như vậy rồi, lập tức muốn xông vào bắt mà dẫn đi. Vương van nài xin chậm lại cho một đêm, định sẽ trả tiền lại cho bạn và phát nguyện ăn chay trường như trước.

Hôm sau, họ Vương nói với người bạn kia đòi lại giấy bán công ăn chay.

Người bạn nói: “Ngay hôm qua lúc mang về tôi đã khấn trước bàn Phật mà đốt giấy ấy đi rồi.” Họ Vương hết sức hối hận về việc ấy. Quả nhiên sau đó thì chết.

Lời bàn

Người muốn mua công ăn chay, quả là chuyện lạ, mà người chịu bán cũng thật kỳ lạ! Bán rồi, hai bên lại tức thời giao nhận tiền bạc xong ngay, thật càng lạ lùng ít có. Cứ theo như việc này mà xét thì có thể thấy, những người bỏ tiền bạc ra để thỉnh người khác thay mình tụng kinh lễ sám, không phải là không được phước đức.

Người phát tâm ăn chay trường, trước tiên nên khởi năm phép quán bất tịnh, nhờ đó mà đối với các món ăn nấu bằng thịt cá có thể sinh tâm chê chán không còn thèm muốn.

Năm phép quán bất tịnh ấy là:

1. Nguồn gốc bất tịnh: Quán xét rằng hết thảy các món thịt cá đều có nguồn gốc từ máu thịt, tinh huyết của loài súc vật, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;

2. Sự nuôi dưỡng bất tịnh: Quán xét rằng hết thảy những gì các loài heo, dê, gà, ngỗng... ăn vào đều toàn là những thứ nhơ nhớp, dơ bẩn, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;

3. Chỗ ở bất tịnh: Quán xét rằng hết thảy các loài súc vật mà ta giết mổ để ăn thịt đó đều ăn ngủ trong chuồng trại dơ bẩn, hôi hám, ngay nơi chỗ đại tiện, tiểu tiện, suốt đời sống chung với phẩn dơ, nước tiểu, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;

4. Ruột gan đều bất tịnh: Quán xét rằng bên trong thân thể hôi hám của các loài mà chúng ta ăn thịt thực sự chứa đựng toàn những máu mủ, phẩn dơ, nước tiểu, đờm dãi... cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh;

5. Chết đi rồi bất tịnh: Quán xét rằng sau khi đã chết, thân thể các loài ấy

cũng đều phân rã thối nát, so với xác người chết không có gì khác, cho nên món ăn như vậy quả thật bất tịnh.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (25)

Cất bước phải quan sát, không giẫm đạp côn trùng

Giảng rộng

Người đời cũng có những kẻ biết thương xót các loài trâu, dê, chó, ngựa... Nhưng nếu nói đến việc thương xót các loài côn trùng, kiến, mối... hẳn ai cũng chê cười cho là ngu ngốc. Ấy là vì người đời không biết suy xét rằng, hình thể tuy có lớn nhỏ khác nhau, nhưng thể tánh của muôn loài đều không có lớn nhỏ. Nếu cho rằng giết những con vật lớn thì có tội lớn hơn, còn hại chết những loài vật nhỏ lại không có tội, như vậy ắt con người tuy lớn nhưng vẫn còn nhỏ hơn con trâu, vậy thay vì giết trâu chẳng bằng giết người để thay sao? Lại nếu xét theo cách đó thì bậc tôn quý nhất trong thiên hạ phải là loài cá lớn ma-kiệt chứ chẳng phải con người, vì chúng to

lớn nhất.
Lời dạy này của Đế quân là muốn cho mọi người trừ bỏ đi cái nhìn phân biệt lớn nhỏ như trên đối với vật mạng, khiến cho mỗi khi cất bước đều phải thận trọng không dám vô tình mà phạm vào sự giết hại.
Người đời động chân nhấc tay, không làm sao khỏi phạm vào tội lỗi. Chỉ lấy riêng như chuyện đi đường mà nói, trong suốt một đời đã hại chết không biết đến bao nhiêu ngàn vạn sinh mạng... Tôi từng được thấy trong quyển Luật sa-di có bài kệ và chú nói về việc đi đứng không làm tổn hại đến côn trùng, sâu kiến, thật hết sức giản dị mà ý nghĩa vô cùng sâu sắc.
Mỗi buổi sáng sớm, trước khi đặt chân xuống giường nên niệm mấy câu Phật hiệu, sau đó nhất tâm đọc kệ rằng:
從朝寅旦直至暮,
一切眾生自回護,
若於足下誤傷時,
願汝即時生淨土。
Tùng triêu dần đán trực chí mộ,
Nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ.
Nhược ư túc hạ ngộ thương thời,
Nguyện nhữ tức thời sinh Tịnh độ.
Tạm dịch:
Sáng sớm đến chiều tối,
Nguyện muôn loài chúng sinh,
Thảy thảy tự phòng hộ.
Chúng sinh nào vô tình,
Bị giẫm đạp mất mạng,
Xin nguyện cho tất cả,

Đều sinh về Tịnh độ.
Kèm theo bài kệ này cũng trì tụng 7 lần câu chú: "Án, địa lợi chi lợi ta bà ha."
Sau khi trì tụng đủ 7 lần câu chú trên rồi mới đặt chân xuống giường, với tâm tỉnh giác thận trọng đó thì sẽ tránh được sự vô tình giẫm đạp giết hại các loài côn trùng. Việc trì tụng kệ và chú này không phân biệt kẻ trí người ngu, ai cũng có thể trì tụng được. Con cháu từ khoảng 6, 7 tuổi nên dạy cho biết hành động và suy nghĩ theo cách này. Lâu ngày thành thói quen, nề nếp, nên ý niệm nhân từ sẽ sớm được vun bồi từ thuở nhỏ. Mạnh tử nói: "Gà gáy sớm lập tức vùng dậy, chuyên tâm nuôi dưỡng vun bồi cho tâm thiện ngày càng thêm lớn." Làm được như trên, chẳng phải lại càng giúp ích thêm cho lời dạy của Mạnh tử đó sao?
Trưng dẫn sự tích
Thà chết khát, không phạm giới
Khi đức Phật đang thuyết pháp tại tinh xá Kỳ Viên, có hai vị tỳ-kheo mới học Phật pháp chưa bao lâu, nên từ nước La-duyệt-kỳ phát tâm tìm đến để được gặp Phật, nghe Pháp.
Đường đi quá xa xôi, lại gặp lúc trời khô hạn, hai vị bị thiếu nước uống nên khát đến mức sắp chết. Bỗng gặp một hố sâu, bên dưới có một ít nước, nhưng trong nước lại có rất nhiều trùng nhỏ li ti, theo giới luật thì không thể uống nước ấy.
Một vị nói: "Chúng ta nên uống nước này, vì như thế sẽ cứu được thân, sau mới đó mới còn có thể đến gặp Phật, nghe Pháp."
Vị kia liền nói: "Giới luật của Phật chế định không giữ theo thì việc đến gặp Phật liệu có ích gì?" Liền chịu khát mà chết. Thần thức vị này lập tức sinh lên cõi trời Đao Lợi. Vị này tự biết được nhân duyên trước khi sinh về cõi trời, liền mang hương hoa đến tinh xá Kỳ Viên cúng dường đức Phật.

Vị tỳ-kheo kia uống nước có trùng nên khỏi chết khát, hôm sau đến được Kỳ Viên, khóc trình nỗi khổ của mình lên Phật, lại nhắc đến người bạn đồng hành đã chết khát.

Đức Phật dạy: “Ta đã biết trước rồi.” Liền đưa tay chỉ vị trời vừa đến cúng dường mà nói: “Đây chính là người bạn hôm trước cùng đi với ông, đã đến đây rồi. Ông đến đây chỉ nhìn thấy hình tướng bên ngoài của ta, nhưng không giữ gìn giới luật do ta chế định, tuy nói là đến gặp được ta, nhưng ta thật không gặp ông. Những ai dù ở cách xa ta ngàn dặm, nhưng nếu thực hành theo Kinh điển, giữ gìn theo Giới luật, thì người ấy lúc nào cũng như ở trước mặt ta.”

Lời bàn

Phật dạy các tỳ-kheo rằng những chum, vại... rỗng đều nên lật úp lại hoặc đậy kín, không nên để ngửa lên. Vì sao? Vì khi để ngửa lên mà không đậy kín, tất nhiên sẽ chứa đọng nước mưa, từ đó sinh ra các loài trùng. Khi có người dùng đến, đổ nước ra tức là giết hại các loài trùng ấy.

Trong mùa hè thu, nước mưa đọng thành vũng trên đất, sau một hai hôm thế nào cũng phát sinh các loài trùng trong nước. Mà những con trùng ấy, hầu hết đều phải chết khi cạn nước. Do đó, nên khai thông cống rãnh để quanh nhà không chỗ nào có nước đọng thành vũng. Không dùng nước đọng trong lòng cống rãnh để tưới cây, tưới hoa, vì nước khô cạn đi cũng giết chết nhiều trùng trong đó. Nước mưa mới hứng vào chum, vại... nên dùng than sạch cho vào bên trong để không sinh trùng. Không vất xương cá, thịt, các thức ăn thừa có mùi hôi tanh... bừa bãi trên mặt đất, vì như vậy tức là nhữ cho đàn kiến kéo đến, ắt sẽ bị người giẫm đạp mà chết. Hết thảy các loại nước có chất kiềm, nước muối, nước sôi, nước vôi sống... đều không được đổ bừa lên mặt đất làm chết côn trùng.

Những điều như trên đều là để tránh sự vô tình giết hại các loài côn trùng.

Không đốt lửa gây cháy rừng, cháy núi

Giảng rộng

Người ta dù gặp hỏa hoạn, cũng chưa hẳn đã phải mất mạng, nhưng khi núi rừng bị cháy thì tất cả các loài dù bay, dù chạy, dù kêu, dù nhảy, hoặc không có chân, hoặc có hai chân, bốn chân, cho đến nhiều chân... thảy đều phải chết trong lửa dữ. Tội ác như thế này, phần lớn thường do những thiếu niên kém đạo đức nghịch ngợm mà gây ra. Ngăn cấm được việc đốt phá rừng núi là việc làm có công đức lớn nhất.

Trưng dẫn sự tích

Xả thân cứu muôn loài

Vô số kiếp về trước, trong một khu rừng già có rất nhiều cầm thú. Một hôm, không biết lửa từ đâu bùng lên, từ ba hướng cùng lúc lan nhanh tới thiêu rụi cả khu rừng này. Khi ấy chỉ duy nhất một hướng không có lửa, nhưng lại có con sông chắn ngang. Muôn loài cầm thú đều bị dồn đến chỗ bế tắc, không còn đường thoát.

Đức Phật dạy rằng: “Vào lúc ấy, ta là một con nai chúa thân hình vô cùng to lớn và có sức mạnh. Ta liền đạp hai chân trước đến tận bờ sông bên kia, hai chân sau trụ tại bờ sông bên này, lấy thân mình làm cây cầu để muôn loài đạp trên lưng ta mà qua sông. Muôn loài cầm thú quá đông, giẫm đạp đến nỗi da thịt ta bị giập nát đau đớn, nhưng ta dùng nguyện lực từ bi mà nhẫn chịu, dù chết cũng quyết cứu hết muôn loài. Khi cầm thú đã thoát hết sang bên kia sông, cuối cùng chỉ còn lại một con thỏ. Ta khi ấy sức cùng lực kiệt, nhưng vẫn phải nỗ lực hết sức để giữ thân cho con thỏ ấy qua sông. Khi thỏ vừa qua sông rồi, ta lập tức gãy xương sống, rơi xuống dòng sông mà chết.”

Đức Phật lại dạy rằng: “Nếu ta tự kể lại những sự tu tập khổ hạnh như thế từ bao đời trước, thì dù đến hết kiếp cũng chưa thể nói hết.”

Lời bàn

Đức Phật kể lại chuyện này xong, có dạy rằng: “Muôn loài cầm thú được ta cứu qua sông ngày trước, bây giờ đều là các đệ tử của ta. Con thỏ sang sông cuối cùng, nay là ông Tu-bạt-đà.”

Đốt lửa giết hại côn trùng phải chịu tội báo

Ở Dương Châu có người tên Hạ Tự Minh, mở quán trà phía trước chùa Thạch Tháp. Chung quanh nhà có nhiều cây lớn, mỗi ngày ông đều quét lá gom lại đốt. Sau ông mắc bệnh nặng, sắp chết, bỗng nhiên tự nói ra rằng: “Ta suốt một đời đã đốt không biết bao nhiêu lá cây, ban đầu thật không nghĩ như vậy lại là có tội, nhưng ngẫm lại trên những lá cây ấy thật có vô số trùng kiến, thảy đều bị ta đốt mà chết. Nay Diêm vương mang việc ấy mà trách tội ta, sợ rằng chẳng còn cách nào chuộc lại.” Nói xong thì chết.

Lời bàn

Các loại tre, gỗ khi hư mục thường sinh ra rất nhiều mối, mọt... bên trong, nên đều không thể dùng làm củi đốt, đâu chỉ riêng lá khô? Cứ theo như trong Kinh thì phía trên ngọn lửa đèn còn có rất nhiều chúng sinh cực kỳ nhỏ bé, ăn nuốt khói đèn để sống. Nếu có hơi người thổi vào, ắt sẽ chết cả. Người phàm mắt thịt đều không thấy biết, chỉ người đã chứng đắc thiên nhãn mới có thể thấy. Cho nên, Phật dạy các vị tỳ-kheo không được dùng miệng thổi tắt các ngọn lửa đèn, nến...

Đêm tối giúp người đi đường có đèn soi sáng

Giảng rộng

Đang đêm tối mịt mùng khó cất bước đi, bỗng nhiên có được một ngọn đèn sáng, thật chẳng khác nào người mù bỗng dưng được sáng mắt, lại cũng giống như lúc trời đã sụp tối lại có thể lưu giữ chút ánh tà dương để soi chiếu khắp mặt đất. Đối với người đang rơi vào hoàn cảnh phải đi trong đêm tối, còn có ân huệ nào lớn hơn?

Người đi trong đêm có được ngọn đèn, ắt có thể nhìn thấy rõ ràng mọi thứ phía trước để dễ dàng tiến bước. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường có mắt sáng tinh tường.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt trong lòng không còn lo lắng sợ sệt. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường đầy đủ mọi niềm vui sướng, hoan hỷ.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không phải giẫm đạp lên những chỗ bùn lầy nhơ nhớp. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường được sạch sẽ, tinh khiết.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt nghe tiếng chó sủa trong lòng không hoảng hốt kinh sợ. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường an ổn không sợ sệt.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không bị người khác nghi ngờ là kẻ gian tà. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường hành động quang minh chính đại.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không bị vấp ngã gây thương tích. Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo thường không bệnh khổ, thân thể tráng kiện, khỏe mạnh.

Lại nữa, khi đi trong đêm có được ngọn đèn sáng, ắt không bị mối nguy rơi xuống mương rãnh, khe suối, hố hầm, giếng nước... Cho nên, kẻ dùng đèn đuốc mang ánh sáng cứu giúp người khác chắc chắn sẽ được phước báo

tuổi thọ dài lâu.
Đêm tối giúp người đi đường có đèn soi sáng, ắt sẽ được nhiều điều lợi lạc như trên, đâu thể nói rằng đó chỉ đơn thuần là soi đường cho người đi thôi sao?
Người đời si mê, sinh ra vốn chẳng biết mình từ đâu đến, chết đi cũng thật chẳng biết sẽ về đâu. Trong khoảnh khắc đã nhập vào một bào thai, lại trong khoảnh khắc đã ra khỏi một bào thai. Hết thảy đều là lưu chuyển xoay vòng trong chỗ tối tăm mù mịt, ai là người có được ngọn đèn sáng để soi chiếu đường đi?
Đức Phật có dạy rằng:
欲知前世因,
今生受者是；
欲知後世果,
今生作者是。
Dục tri tiền thế nhân,
Kim sinh thọ giả thị;
Dục tri hậu thế quả,
Kim sinh tác giả thị.
Tạm dịch:
Muốn biết nhân đời trước,
Hãy xem quả ngày nay.
Muốn biết quả đời sau,
Hãy xem nhân đời này.
Nếu theo đúng lời dạy này mà suy xét quán chiếu, thì tự nhiên đời trước, đời sau thảy đều sáng rõ như có được một ngọn đèn soi chiếu. Người tu hành theo Mười điều lành, theo đây soi chiếu sẽ thấy rõ chắc chắn được

sinh lên cõi trời. Người thọ trì Năm giới, theo đây soi chiếu sẽ thấy rõ chắc chắn được sinh trong cõi người. Người đã quy y Ba ngôi báu, theo đây soi chiếu sẽ thấy rõ chắc chắn không còn rơi vào Ba đường dữ. Quán chiếu như thế chính là đã có được ngọn đèn trí tuệ.

Bà lão nghèo thắp đèn cúng Phật

Thuở xưa, vua A-xà-thế muốn cúng dường đức Phật nên dùng đến trăm hộc dầu để thắp đèn sáng rực, dọc theo đường từ cung điện cho đến tinh xá Kỳ Viên, không một chỗ nào là không có đèn sáng.

Bấy giờ trong thành có một bà lão nghèo khó, thấy vua làm việc cúng dường tạo phúc lớn lao như thế thì hết sức cảm kích, liền tự mình cũng mang 2 đồng tiền đi mua dầu để thắp đèn cúng Phật. Hai đồng tiền của bà chỉ mua được 2 cáp dầu, nhưng người bán dầu ngợi khen tâm chí thành của bà nên tặng thêm cho 3 cáp nữa, cả thảy được 5 cáp. Tuy vậy, số dầu này ắt cũng không đủ để đèn của bà cháy sáng đến quá nửa đêm. Khi ấy, bà lão mang dầu thắp đèn cúng Phật, tự phát lời thệ nguyện rằng: “Nếu tôi ngày sau có thể chứng đắc đạo quả như Phật, nguyện cho số dầu này sẽ cháy được suốt đêm, ánh sáng không bao giờ tắt mất.” Phát thệ nguyện xong, kính cẩn lạy Phật rồi về. 1800000

Trong đêm ấy, những ngọn đèn của vua A-xà-thế tuy có sai người chăm sóc châm dầu, nhưng vẫn có ngọn còn sáng, có ngọn bị tắt, không được đều đặn như nhau. Chỉ riêng ngọn đèn của bà lão nghèo vẫn luôn sáng rực suốt đêm đến sáng.

Lúc trời đã sáng, ngài Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy đi tắt đèn, dùng áo cà-sa quạt cho ngọn đèn của bà lão nghèo tắt đi, nhưng đèn không tắt mà ngược lại còn sáng thêm lên. Đức Phật dạy: “Ánh sáng của ngọn đèn ấy không phải oai thần của ông có thể dập tắt được. Bà lão này đời trước đã từng cúng dường mười tám triệu đức Phật, sau ba mươi kiếp nữa sẽ

thành tựu quả Phật, hiệu là Tu Di Đăng Quang Như Lai. Bà ấy chỉ do một đời trước không thường tu hạnh bố thí, nên đời này phải chịu nghèo khổ.”

Lời bàn

Như trường hợp này, quả thật là:

Tu huệ không tu phước,

La-hán thường đói thiếu.

Cho nên, đối với việc tu tập hạnh lành bố thí, quả thật không thể xem thường mà bỏ qua.

Trộm dầu trên bàn Phật chịu quả báo tức thì

Ở trấn Thạch Phố vùng Côn Sơn có một điện thờ Quán Âm, không người chăm sóc nên hết sức hoang tàn lạnh lẽo. Vào niên hiệu Khang Hy năm đầu tiên, có người mang con thỏ vào điện thờ giết thịt, muốn nấu nhưng không có củi đốt. Khi ấy có người chỉ cho ông ta biết trước bàn Phật có dầu thắp trong đèn. Ông ta liền lấy dầu ấy mà đốt nấu chín thịt thỏ để ăn. Vừa ăn xong thì hai mắt bỗng nhiên bị mù. Từ đó về sau phải chịu mù lòa đến suốt đời.

Lời bàn

Căn cứ theo giới luật thì dầu đèn trước bàn Phật không được dùng để dâng cúng Bồ Tát, huống chi là người phàm lại dám lấy trộm dầu ấy! Hơn nữa, lại trộm dầu ấy để nấu thịt thỏ! Tuy đã chịu báo ứng mù mắt ngay, nhưng như vậy hẳn là vẫn còn chưa hết tội.

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (26)

Sông rộng giúp thuyền bè đưa người qua lại

Giảng rộng

Đang lúc trên đường đi gặp dòng sông chắn ngang phải dừng lại, hoang mang không biết phải trù liệu cách nào, còn đang than thở sao chỉ cách một dòng sông mà muốn vượt qua còn khó khăn hơn cả ngàn dặm đường, bỗng nhiên lại được thuyền bè đưa ngay sang sông. Đó chính là ở nơi bế tắc tuyệt lộ mà được mở ra con đường sống. Kẻ đã giúp cho người khác từ nơi tuyệt lộ có được sự sống, chắc chắn tự thân họ rồi cũng sẽ được từ nơi tuyệt lộ có được con đường sống.

Trong dòng sông rộng mà có thể giúp đưa người vượt qua, tất nhiên được công đức rất lớn. Trong biển khổ sinh tử mà có thể giúp đưa người vượt qua, công đức còn lớn hơn bội phần.

Đưa người qua sông, ân huệ ấy bất quá cũng chỉ là nhất thời. Đưa người vượt qua biển khổ sinh tử, ân huệ ấy quả thật sẽ nối dài đến đời đời kiếp kiếp.

Hết thảy người phàm chúng ta đều đang ở bờ bên này của biển khổ sinh tử luân hồi, chỉ có thể nhờ đến sáu công hạnh lớn lao mới có thể giúp chúng ta vượt qua được đến bờ giác ngộ bên kia. Bờ bên kia đó, chính là bờ giải thoát của chư Phật, Bồ Tát đã vượt thoát ra ngoài Ba cõi. Sáu công hạnh lớn lao chính là tu tập theo sáu pháp ba-la-mật. Đó là, công hạnh bố

thí ba-la-mật giúp ta vượt qua biển tham lam, keo lận; công hạnh trì giới ba-la-mật giúp ta vượt qua biển ác nghiệp; công hạnh nhẫn nhục ba-la-mật giúp ta vượt qua biển sân hận; công hạnh tinh tấn ba-la-mật giúp ta vượt qua biển lười nhác phóng túng; công hạnh thiền định ba-la-mật giúp ta vượt qua biển tán loạn tâm ý; công hạnh trí tuệ ba-la-mật giúp ta vượt qua biển vô minh si ám.

Trưng dẫn sự tích

Nỗ lực hết sức cứu người chết đuối

Triều Minh, có quan Thiếu sư là Dương Vinh, tên tự là Miễn Nhân, quê ở huyện Kiến Ninh, tỉnh Phúc Kiến. Tổ tiên ông nhiều đời làm nghề đưa đò để sinh sống. Gặp một năm có lũ lớn, tràn ngập các vùng dân cư, người chết đuối cứ theo dòng sông mà trôi xuống. Những người có thuyền đều tranh nhau vớt lấy những tài sản quý giá trôi trên sông, chỉ riêng ông cố và ông nội của Thiếu sư, hai người đều hết sức lo việc cứu người, hoàn toàn không vớt lấy một chút tài vật nào. Người làng đều cười họ là ngu, hai người nói: “Chúng tôi đưa đò tự thấy cũng đã đủ sống, không muốn trộm lấy những tài sản không phải của mình.”

Đến khi cha của Thiếu sư sinh ra, gia đình dần dần khá giả lên. Bỗng có một đạo nhân đi ngang qua vùng, bảo người nhà rằng: “Tổ phụ các người có âm đức lớn, con cháu sẽ được giàu có vinh hiển, nên cải táng vào chỗ đất này.” Nói rồi chỉ cho một chỗ đất. Người nhà y theo chỉ dẫn của đạo nhân mà cải táng. Chỗ ấy sau này các thầy địa lý đều gọi là gò bạch thố. Sau sinh ra Thiếu sư, còn nhỏ tuổi đã đỗ đạt làm quan, dần dần thăng tiến, tước vị lên đến hàng Tam công. Ông cố và ông nội của Thiếu sư đều được triều đình truy tặng quan tước như vậy.

Lời bàn

Trong khoảng niên hiệu Khang Hy, vào năm Bính Tý, ngày mồng một

tháng sáu, lúc nửa đêm thủy triều ở huyện Sùng Minh dâng lên quá cao, chìm ngập cuốn trôi đến mười tám nơi trong vùng Sa trấn, người và súc vật, tài sản đều trôi nổi theo dòng nước. Có một người nép mình nằm trên đống củi lớn theo dòng nước lênh đênh, còn chưa kịp tấp vào bờ. Trên bờ có một người tham đống củi lớn, liền dùng móc câu đưa ra để kéo mạnh vào, do đó làm cho đống củi tách đôi, người nằm trên đó rơi xuống nước mà chết.
Đến lúc trời sắp tối, người vớt củi kia bỗng tự nhiên điên loạn, tự nói ra rằng: "Nhà tao có bốn người đều đã chết, chỉ mình tao may ra được sống sót. Nhưng mày lại hại chết tao, tao quyết không tha cho mày."
Trong đêm ấy, người này chết thảm. Theo đó có thể thấy, đem hết sức làm lợi cho người khác, tự mình cũng chẳng bao giờ bất lợi; dốc hết sức vào sự tham lam tài vật, cuối cùng cũng chẳng được tài vật. Quả thật đúng là: "Người thiện vui mừng vì được làm người thiện; kẻ ác thật uổng đời đã chọn làm kẻ ác."
Không lưới bắt các loài chim thú trên cạn
Giảng rộng
Tuy cùng là loài mang lông cánh, nhưng chim muông so với gia súc gà vịt có sự khác nhau rất lớn. Nghiệp đời trước của gà vịt rất nặng nề nên chiêu cảm quả báo nhất định sẽ bị giết thịt, nghiệp đời trước của chim muông có phần nhẹ hơn nên quả báo không nhất định phải bị giết thịt. Nếu người giăng lưới để bắt chim muông, đó là làm cho nghiệp nhẹ của chúng mà phải chịu quả báo nặng là bị giết hại, vậy thì tội giết hại đó chẳng phải là do chính ta tạo ra đó sao?
Kinh Phạm võng có dạy: "Người Phật tử khi nhìn thấy các loài chúng sinh khác, nên thầm niệm rằng: 'Các vị hiện nay tuy là súc sanh, cũng nên phát tâm Bồ-đề để ngày sau được giải thoát.' Nếu không khởi tâm khuyên dạy

khuyến tu như vậy là phạm vào tội khinh cấu.”
Theo như ý nghĩa đó thì khi nhìn thấy các loài chim muông, phát tâm thương xót cứu độ cho chúng thoát khỏi nghiệp súc sinh còn e là chưa được, huống gì ngược lại còn muốn giăng lưới bắt chúng về ăn thịt, sao có thể như thế? Trong chốn rừng núi ở cõi Diêm-phù-đề có đến bốn nghìn năm trăm loài chim muông, tuy hình thể khác biệt nhưng sự tham sống sợ chết ắt đều giống nhau. Các loài ấy lấy núi rừng làm nơi trú ngụ, nay nhất thời bị người giăng lưới bắt đi, khiến cho mẹ con đành phải vĩnh viễn xa lìa. Tội lỗi đó nhất định sẽ chiêu cảm nghiệp báo xấu ác nặng nề.
Chim muông không chỉ bị giăng lưới giết hại mà thôi. Khi lưới bắt không được, lại còn dùng đến cung tên, súng bắn, cho đến leo cây phá tổ lấy trứng... Tất cả những việc như thế đều ác hại như nhau, quyết không được làm.

Trưng dẫn sự tích

Truyện tích chim oanh vũ

Trong thành Xá-vệ, nhà ông trưởng giả Tu-đạt có hai con chim oanh vũ, hết sức tinh khôn, hiểu được tiếng người. Khi thấy có tỳ-kheo đến nhà, chúng liền vào báo để người nhà ra nghênh đón.
Ngài A-nan thấy vậy liền vì chúng thuyết pháp Tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo. Hai con chim nghe pháp đều tỏ ý vui mừng hoan hỷ.
Hai con oanh vũ này thường ngủ trên cây, do nghiệp ác đời trước nên một hôm bị chồn hoang ăn thịt. Nhờ đã được nghe pháp nên thần thức cả hai đều sinh lên cõi trời Tứ thiên vương.
Nhân việc này, Đức Phật dạy rằng: “Hai con chim ấy khi đã hết thọ mạng ở cõi trời Tứ thiên vương sẽ sinh về cõi trời Đao-lợi, khi thọ mạng ở cõi trời Đao-lợi đã hết, sẽ sinh về cõi trời Dạ-ma, khi thọ mạng ở cõi trời Dạ-ma đã hết, sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất, khi thọ mạng ở cõi trời Đâu-suất đã hết,

sẽ sinh về cõi trời Hóa Lạc, khi thọ mạng ở cõi trời Hóa Lạc đã hết, sẽ sinh về cõi trời Tha Hóa Tự Tại, khi thọ mạng ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại đã hết, sẽ quay trở lại sinh về cõi trời Hóa Lạc, rồi cứ thế sinh trở lại dần cho đến cõi trời Tứ thiên vương mới dứt một chu kỳ. Lại tiếp tục qua lại cho đến bảy chu kỳ như thế, rồi sẽ sinh vào cõi người, xuất gia tu hành, một người có tên là Tu-đàm, người kia có tên là Tu-đàm-ma, đều sẽ chứng quả thành Bích-chi Phật.

Lời bàn

Tuy đã được nghe pháp Tứ đế mà vẫn bị chồn ăn thịt, nên biết là nghiệp đã tạo nhất định phải chịu thọ báo, khó lòng tránh được. Tuy bị chồn ăn thịt, nhưng cuối cùng rồi cũng vượt thoát ra ngoài Ba cõi, chứng quả A-la-hán, nên biết là pháp Phật rất nên cầu nghe. Người phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, nếu như ngày thường luôn tinh tấn tu trì, phát thệ nguyện rộng sâu, cho dù không được ngồi mà xả thân hay đứng để thị tịch, lại có bị rắn rết làm hại hay hổ báo ăn thịt, cũng không ngăn trở việc vãng sanh về Tây phương Cực Lạc.

Chim sẻ được sinh làm người

Vào đời Đường, vùng Tịnh Châu có một vị tăng già tu ở chùa Thạch Bích, mỗi ngày thường tụng kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang. Vào niên hiệu Trinh Quán năm cuối, có con chim sẻ vào làm tổ trong căn phòng thầy, không lâu thì thấy có hai chú sẻ con. Mỗi ngày vị tăng già đều lấy cơm cho ăn. Ít lâu sau, cả hai con sẻ đều bị rơi xuống đất mà chết, thầy liền mang xác đi chôn cất.

Khoảng một tuần sau, vị tăng nằm mộng thấy có hai đứa trẻ đến thưa: “Trước kia chúng con có chút tội nhỏ phải đọa làm thân chim sẻ, nhờ được nghe thầy tụng kinh nên thoát khỏi kiếp chim, nay được sinh làm người tại nhà ấy, ở thôn ấy... Sau mười tháng nữa chúng con sẽ sinh ra.”

Mười tháng sau, vị tăng liền tìm đến nhà ấy, thôn ấy... theo như lời trong mộng, quả nhiên tìm được, trong nhà vừa sinh được hai đứa con trai. Vị tăng liền gọi “chim sẻ”, cả hai đứa bé sơ sinh đều ứng tiếng “dạ”. Sau tiếng “dạ” ấy, phải đợi một năm sau chúng mới biết nói.

Lời bàn

Chư thiên lúc mới sinh ra cũng nhớ được những việc đời trước, đến lúc gặp thiên nữ liền mê muội quên mất bổn tâm, không thể nhớ lại được nữa. Hai đứa bé nghe gọi “chim sẻ” mà ứng tiếng đáp là do mới sinh vẫn còn chưa quên chuyện đời trước.

Xương cốt gãy vụn

Từ cửa phía đông của Côn Sơn đi ra khoảng ba dặm có ngọn tháp Ngọc Trụ được xây dựng ngay ven bờ sông, trên tháp có rất nhiều chim đến làm tổ. Có một đứa trẻ thường lên đó lấy trứng chim. Một hôm, khi đứa trẻ ấy vừa leo lên đến tầng cao nhất, vừa lúc sắp phá tổ chim, bỗng sẩy chân té xuống. Khi ấy, trên sông có một thuyền buôn từ Thái Thương đi ngang qua đó, người trên thuyền đều tận mắt nhìn thấy đứa trẻ ấy rơi từ trên nóc tháp, lộn nhào nhiều vòng trên không trước khi chạm đất, không nghe kêu la gì. Khi người ta đến xem thì thấy xương cốt đều gãy vụn.

Không dùng thuốc độc bắt các loài cá tôm dưới nước

Giảng rộng

Trong ao, hồ, sông, biển ở khắp cõi Diêm-phù-đề có khoảng sáu nghìn bốn trăm loài cá. Tuy có rất nhiều giống loài như vậy, nhưng xét ở sự tham sống sợ chết thì tất cả đều giống như nhau. Hết thảy các loài này đều dựa vào nước để làm nơi cư trú, bỗng nhiên vô cớ bị người đầu độc, khiến cho tuyệt diệt cả giống nòi, sao có thể như thế được?

Nhưng nỗi sợ bị giết hại của cá tôm không chỉ riêng có thuốc độc. Đã cấm không được dùng thuốc độc, ắt những phương thức như dùng chài, lưới,

mồi câu... hoặc ngăn dòng nước chảy để bắt cá, hết thảy những việc như thế đều không được làm.

Trưng dẫn sự tích

Cá thần giúp người có con nối dõi

Ở gần thôn Yến Đường thuộc huyện Hưu Ninh, tỉnh An Huy có một cái đầm lớn. Vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 3, trong đầm bỗng có một loài cá rất lạ. Ngư dân bắt được một ít mang đi bán, nhưng cá ấy có mùi rất tanh nên hiếm người mua.

Lại có một con cá thần, gặp lưới bắt cá là xuyên thủng qua, không có cách gì bắt được nó. Có một ngư dân tên Trình Nhị giận lắm, dùng một cái chĩa lớn nhắm đâm vào cá. Cá tránh thoát được, còn nhảy lên dùng đuôi đâm vào mắt Trình Nhị, khiến ông mù một mắt. Trình Nhị càng thêm tức giận, liền chuẩn bị mang vôi sống đổ xuống khắp đầm để giết hết cá. Cá thần liền hiện lên trong mộng báo việc ấy với ông lý trưởng. Lý trưởng lập tức báo lên quan huyện. Quan huyện ra lệnh ngăn cấm việc ấy, Trình Nhị đành phải thôi.

Nửa tháng sau, ông lý trưởng lại nằm mộng thấy cá hiện đến nói rằng: “Tôi vâng lệnh Long vương đến dự thiết triều ở núi Tề Vân, tạm ngụ lại trong đầm này, nhưng quân lính đi theo bị ngư dân ở đây hại chết quá nửa. May nhờ có ông mới giữ được mạng sống mà quay về, nay xin từ biệt. Tôi xem số mạng của ông vốn không có con, nay xin giúp ông có một đứa con trai để nối dõi tông đường, cũng xem như để báo đáp ân đức của ông.”

Hôm sau, gió bão sấm chớp bất ngờ nổi lên, nhà tranh ở ven đầm chỉ chớp mắt bị thổi tung tan tác, cá thần từ đó không biết đi về đâu, chẳng còn thấy nữa.

Lời bàn

Năm sau đó, tiên sinh Viên Ngọ Quỳ đến Tề Vân, có thuê một chiếc thuyền

ở huyện Hưu Ninh, gặp người chèo thuyền lại chính là anh ruột của ngư dân Trình Nhị. Viên Ngọ Quỳ nhân đó biết được chuyện này, liền viết thư kể lại với tôi.

Lươn cứu lửa trả ơn

Vùng Lan Khê thuộc tỉnh Triết Giang có người tên Đồng Tế Phi, mở một hiệu bán thuốc ở Sùng Minh. Trong khoảng niên hiệu Khang Hy, vào năm Quý Sửu, Tế Phi mua một số lươn mang đi phóng sinh. Mấy ngày sau, nằm mộng thấy lươn phun nước dập lửa, có vị thần đứng bên nói rằng: “Ấy là để đền ơn.”

Tỉnh dậy cũng không hiểu được ý nghĩa giấc mộng ấy là thế nào. Chẳng bao lâu sau, nhà hàng xóm phát hỏa, lửa bốc cao đã sắp lan đến nhà Tế Phi, bỗng nhiên trời đổi hướng gió nên lửa không lan đến nữa. Lúc ấy mới biết là nhờ phước báo của việc phóng sinh lươn.

Lời bàn

Trong năm xảy ra việc này, tôi có nhờ người họ Từ (cũng ở Sùng Minh) tạo một pho tượng Bồ Tát Địa Tạng. Tháng giêng năm sau, tôi thỉnh tượng đến Côn Sơn, họ Từ có gửi kèm cho tôi một phong thư, bên trong ghi chép rõ chuyện này, nhân đó mới được biết mà đưa vào đây.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (27)

Không giết thịt trâu cày

Giảng rộng

(Trong nguyên bản Hán văn phần này bị mất 5 hàng, mỗi hàng 20 chữ, cả thảy là 100 chữ Hán.)

... ... Trâu có thể thay người kéo cày, nhưng không tự thoát được việc bị người giết hại, đó là vì nó không nói được tiếng người. Chúng ta có miệng nói được thành lời, có tay viết được thành văn, vì sao không thay những con vật tội nghiệp ấy mà lên tiếng kêu van xin tha mạng? Vì thế nên làm ra khúc ca ngắn dưới đây, hy vọng có thể cảm động lòng người:

Khúc ca trâu cày xin tha mạng

Roi lớn quất trâu cày,
Sao không nhanh nhanh bước?
Trâu cày mắt rướm lệ,
Mỗi bước mỗi ngoái nhìn.
Cổ nặng ách, chân mỏi,
Khổ sở không nói được.
Mong ruộng lúa được mùa,
Trâu bệnh, xơ xác lông.
Nỡ quên công nhọc nhằn,
Gọi đồ tể thịt trâu.
Oan ức không nói được,
Lôi đi còn nán lại.

Hốt nhiên nói thành lời,
Vừa lạy vừa khóc lóc:
“Từ khi đến nhà ông,
Đền đáp ông không bạc,
Đã hết sức cày bừa,
Lại cam chịu roi vọt.
Ăn uống toàn cỏ, nước,
Chưa từng chê đạm bạc.
Chịu muôn ngàn khổ nhọc,
Lúa mới trổ thành bông.
Nay lúa vừa nặng hạt,
Bán tôi cho người giết.
Ông lấy tiền của tôi,
Trả tôi sự tàn độc.
Ruột đứt, xương buốt đau,
Lột da khi còn sống.
Tha tôi sống qua đông,
Trời ban ông phước lành.
Ông đã có con yêu,
Tôi cũng thương cốt nhục.
Nếu đã quyết giết tôi,
Mong thương tha nghé nhỏ.
Xin dặn dò trẻ chăn,
Đừng hành hạ trâu cày.
Tự hận tôi đời trước,
Sao lại tham thịt trâu?
Nửa cân trả tám lạng,

Lẽ ấy quá rõ ràng.
Khi quan cấm giết trâu,
Tôi nhận tiền đút lót,
Tha cho bọn đồ tể,
Nuôi vợ con no đủ,
Đâu biết có ngày nay,
Báo ứng nhanh đến thế!
Không thấy người từ tâm,
Đọa súc sinh, cầm thú.
Chỉ thấy kẻ giết hại,
Lâm chung quỷ ác lôi.
Ba đời kiêng thịt trâu,
Khoa bảng sớm vinh hiển.
Oan trái ăn nuốt nhau,
Xoay trong vòng luẩn quẩn.
Tôi đã tạo nghiệp ác,
Ông đừng giẫm chân theo.
Trâu khóc trâu sau nữa,
Khổ não nối nhau chịu.
Bài xin tha mạng này,
Mong ông thường đọc lại.

Trưng dẫn sự tích

Ba mươi hai mạng người

Trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả, người thiếp nhỏ nhất của ông tên là Tỳ-xá-ly, hết sức thông minh tài trí, được vua Ba-tư-nặc thương đối đãi như em gái.

Nhà ông có 32 người con, người nào cũng có sức mạnh địch nổi ngàn

người. Người con út một hôm cưỡi voi đang đi qua cầu, bỗng gặp con trai của quan Tể tướng, lại lấn ông ta ngã xuống cầu bị thương. Con trai Tể tướng ôm hận trong lòng, bí mật nghĩ cách báo thù, liền chế tạo 32 cây roi ngựa bằng thất bảo, mỗi cây đều giấu dao nhọn bên trong. Xong mang đến nhà Tỳ-xá-ly, tặng cho 32 người con của ông mỗi người một cây.

Sau đó lại mật tâu lên vua rằng 32 người con của ông Tỳ-xá-ly ỷ sức thiên hạ không ai địch nổi nên đã âm thầm có ý phản nghịch, hiện đã giấu dao nhọn bên trong roi ngựa, chờ dịp sẽ ra tay. Vua cho cho người tra xét thấy đúng là có việc giấu dao nhọn trong roi ngựa nên tin lời, lập tức ra lệnh bắt 32 anh em nhà Tỳ-xá-ly chém đầu tất cả. Chém xong, lại mang 32 cái thủ cấp cho vào thùng niêm kín rồi gửi đến nhà ông Tỳ-xá-ly.

Cùng ngày hôm đó, ông Tỳ-xá-ly thỉnh Phật và chư tăng đến nhà thiết trai cúng dường, thấy nhà vua cho mang đến một cái thùng lớn thì nghĩ rằng chắc hẳn đức vua góp phần cùng gia đình mình cúng dường lên đức Phật, lấy làm hoan hỷ định mở ra ngay, nhưng đức Phật ngăn lại.

Sau khi chư tăng thọ trai, đức Phật vì ông Tỳ-xá-ly mà thuyết pháp. Nghe xong, ông liền chứng quả A-na-hàm. Bấy giờ mọi người mới mở cái thùng của đức vua gửi đến, liền nhìn thấy 32 cái đầu của những người con ông Tỳ-xá-ly. Khi ấy trưởng giả đã chứng thánh quả, dứt trừ ái dục nên không còn sinh tâm oán hận.

Tuy nhiên, gia đình phía vợ của 32 người kia đều là các nhà đại quý tộc, nhiều quyền thế. Những người này tức giận lắm, cùng nhau tập hợp binh mã quyết báo thù nhà vua. Nhà vua bấy giờ hết sức kinh hãi, nhanh chân chạy trốn đến tinh xá Kỳ Hoàn là nơi đức Phật đang ngự. Quân lính các nhà kia cùng kéo đến vây kín tinh xá, chờ giết cho bằng được đức vua.

Khi ấy, tôn giả A-nan liền thưa hỏi nguyên do việc này. Đức Phật dạy:

“Trong đời quá khứ, 32 người này cùng nhau bắt trộm một con trâu, mang

về nhà một bà lão để giết thịt. Bà lão này rất vui mừng, liền chuẩn bị đầy đủ dao thớt các thứ để giết mổ trâu. Giết trâu rồi, mọi người cùng nhau ăn uống no say. Con trâu bị giết, nay chính là đức vua. Những kẻ bắt trộm trâu, nay là 32 người vừa bị giết. Lão bà tán trợ việc giết trâu, nay chính là trưởng giả Tỳ-xá-ly. Do tội giết hại, nên 32 người này trải qua nhiều đời vẫn thường bị người khác giết hại. Lão bà thấy người khác ra tay giết hại mà sinh tâm vui mừng, tán trợ, nên trải qua nhiều kiếp vẫn thường rơi vào cảnh phải đau buồn sầu khổ vì thấy 32 người kia bị giết."

Khi đức Phật nói ra nhân duyên đời quá khứ như thế, những gia đình phía vợ của 32 người kia lập tức nguôi giận, không còn dám chống nghịch với vua, cùng xin nhận lỗi. Đức vua cũng hoan hỷ bỏ qua không bắt tội.

Lời bàn

Việc 32 người này được sinh vào nhà giàu có quyền quý cũng có nguyên do. Đức Phật dạy rằng: "Vào thời đức Phật Ca-diếp trong quá khứ, có một phụ nữ dùng bột hương thơm đắp lên tháp Phật để cúng dường, có 32 người cùng đến trợ giúp cho công việc ấy. Do nhân duyên đó nên những người ấy trải qua nhiều kiếp thường được sinh vào nhà tôn quý, thường làm mẹ con với nhau. Đến nay được gặp Phật, tất cả đều được dẫn dắt vào Chánh đạo.

Một con trâu trả ba món nợ

Triều Minh, trong khoảng niên hiệu Vạn Lịch, vào năm Kỷ Sửu, ở vùng Thái Nguyên thuộc tỉnh Sơn Tây có người chủ thuyền là Vương Ngạn Tu, có vay của nhà phú ông nọ một lượng tám quan tiền, chưa kịp trả thì đã chết.

Một hôm, phú ông bỗng nhìn thấy Vương Ngạn Tu mang thắt lưng màu trắng chạy vào chuồng trâu. Chẳng bao lâu sau, người nhà báo trâu mẹ sinh được một con nghé. Phú ông đến xem, liền thấy bên hông trâu có một

vệt lông dài màu trắng như hình cái thắt lưng.
Đến lúc trâu lớn, phú ông bảo người chăn trâu mang đi bán, dặn chỉ bán đúng một lượng tám tiền thôi. Giữa đường, gặp người mổ trâu họ Hà liền bán được trâu đúng theo giá ấy. Ngay sau đó, có người nông dân thấy trâu khoẻ mạnh, muốn mua về cày ruộng nên trả lên đến hai lượng sáu tiền để mua. Con trâu về cày ruộng rất giỏi, lại tự ý đi không cần người thúc đẩy. Nhưng rồi một hôm, trâu tự nhiên ngã lăn ra chết dưới sườn núi.
Người nông dân giận lắm, tìm biết được trâu ấy do nhà phú ông nọ bán ra, liền đến cật vấn, vì sao con trâu như thế mà chỉ bán với giá một lượng tám tiền. Phú ông nói: “Con trâu ấy chính là Vương Ngạn Tu thác sinh. Ông ấy chỉ nợ tôi một lượng tám tiền, nên bán đúng giá đó thôi.” Đồ tể họ Hà nghe như vậy mới chợt nhớ ra, liền nói: “Vương Ngạn Tu còn thiếu tiền thịt của tôi tám tiền, hóa ra vì thế mà tôi bán trâu lại được lãi đúng tám tiền.” Người nông dân suy nghĩ một lúc lâu, cũng chợt nhớ ra, nói: “Tôi cũng có thiếu tiền Vương Ngạn Tu chưa trả, nay mua trâu bị chết, ấy là đã trả lại số tiền ấy.”
Mọi người nghe biết sự việc, ai ai cũng cho là hết sức kỳ lạ.
Lời bàn
Triều đình cấm giết trâu cày, luật ấy đã có văn bản rõ ràng. Chỉ có điều thật uổng treo bảng cấm, vì chuyện giết mổ thịt trâu vẫn y nguyên như trước chẳng hề thay đổi, lệnh cấm do đó không đạt được hiệu quả.
Giá như có thể lệnh cho nhân dân, bất kỳ ai nhìn thấy thịt trâu cũng đều có thể xem đó là tang vật mà mang đến báo quan. Nha dịch cũng một lòng không ngăn trở, lập tức bắt giữ người bán thịt trâu, từ đó truy xét tận cùng cho đến nơi đã giết trâu, rồi tịch thu phá hủy toàn bộ những dụng cụ giết mổ, nồi nấu.... Mỗi lần như thế, nên phạt nặng người chủ lò mổ, rồi dùng tiền phạt ấy mà thưởng cho những người tố giác việc giết, bán thịt trâu.

Ngoài ra, hàng tháng đều bí mật phái người điều tra, dò hỏi trong dân chúng. Làm được như thế, ắt sẽ không còn tệ nạn bao che giấu giếm việc giết thịt trâu cày.

Không vất bỏ giấy có chữ viết

Giảng rộng

Con người sở dĩ có thể trở thành tôn quý nhất trong muôn loài là vì miệng có thể nói thành lời, tay có thể viết thành văn. Tay có thể viết thành văn chương, đó cũng xem như tay có thể nói được thành lời. Nhưng lời từ miệng nói ra, chỉ những người gần gũi chung quanh mới nghe được, còn văn chương được viết ra lại có thể truyền xa vạn dặm. Lời từ miệng nói ra chỉ nghe được nhất thời, còn văn chương có thể lưu truyền mãi mãi cho hậu thế. Lời từ miệng nói ra phải dùng tai để nghe, còn văn chương có thể dùng mắt để đọc. Lời từ miệng nói ra, người nghe chốc lát đã thấy mỏi mệt, còn văn chương để lại đến ngàn đời sau người đọc cũng không chán mệt. Thế nên, chữ viết thật có công lao to lớn biết bao đối với con người! Trong đời này nếu không có chữ viết, ắt quan lại chẳng dựa vào đâu để trị dân, chính lệnh đưa ra chẳng lấy gì làm bằng cứ. Như vậy đâu chỉ không an ổn được việc nhà, mà cũng chẳng thể nào trị yên việc nước. Con người chịu ơn chữ viết lớn lao như thế, há có thể khinh rẻ vất bỏ giấy có chữ viết được sao?

Giấy có chữ viết tất nhiên không thể vất bỏ, ý nghĩa của chữ viết lại càng không được vất bỏ. Như người cãi lời cha mẹ, đó là suốt đời vất bỏ ý nghĩa của chữ “hiếu”; không đối xử tốt với anh chị, đó là suốt đời vất bỏ ý nghĩa của chữ “đễ”. Cứ như thế mà lần lượt suy xét lại từng điểm một, ắt là những ý nghĩa của chữ viết bị ta vất bỏ quả thật không ít!

Có những người dùng giấy có chữ viết để bao gói hàng hóa, dán phết cửa sổ, rồi vất bỏ lung tung, lại cho rằng những thứ mình vất bỏ đó bất quá

cũng chỉ là giấy có chữ viết mà thôi. Lại có người nghi ngờ chuyện Thương Hiệt sáng tạo chữ viết, khai mở nguồn văn tự cho muôn đời thì trời mưa xuống lúa thóc cũng hợp lý, nhưng sao có chuyện quỷ thần khóc lóc về đêm? Đó là vì thật không biết rằng, văn tự của thế gian nếu đã có chỗ dùng chính đáng, ắt cũng có chỗ dùng tà vạy. Do chỗ dùng chính đáng nên trời mưa xuống lúa thóc, lại do chỗ dùng tà vạy nên quỷ thần khóc lóc về đêm.

Trưng dẫn sự tích

Đốt kinh bị tuyệt tự

Ở tỉnh Thiểm Tây, về phía tây huyện Vũ Công có một ngôi chùa, trong chùa từng có một tạng kinh Phật bị hư hoại. Thuở còn niên thiếu, Khang Đối Sơn có lần cùng với năm người bạn học chung trường đến chùa đọc sách. Khi ấy đang tiết trời mùa đông giá rét, bốn người trong bọn bèn lấy những quyển kinh bị rách mang ra đốt để sưởi ấm, một người thì đốt để đun nước rửa mặt. Khang Đối Sơn trong lòng chê trách những người ấy nhưng không dám nói ra.

Đêm đó, Đối Sơn nằm mộng thấy có ba vị quan thiết lập án đường uy nghiêm xét xử, đều tỏ vẻ giận dữ phẫn nộ đối với những người đốt kinh sưởi ấm, phán rằng: “Cả nhà các ngươi rồi sẽ chết sạch, không người nối dòng.” Lại quay sang người đốt kinh đun nước, phán rằng: “Ngày sau ngươi sẽ không bao giờ được vinh hiển.” Các vị ấy lại quở trách Khương Đối Sơn rằng: “Tại sao ngươi thấy việc ấy mà không nói gì?” Đối Sơn thưa: “Con nhỏ tuổi hơn bọn họ, dù biết việc ấy không nên làm, nhưng chẳng dám nói ra.” Vị quan nói: “Một lời khuyên can, giải thích cũng có thể được miễn tội. Nhưng thôi nay tạm tha cho ngươi.”

Khương Đối Sơn tỉnh dậy, liền chép chuyện này vào phía sau của một quyển sách để ghi nhớ. Chưa được mấy năm sau, cả bốn người từng đốt

kinh sưởi ấm đều mắc bệnh dịch chết sạch cả nhà. Còn người đốt kinh đun nước, trải bao nhiêu lần thi cử đều gặp trắc trở, cuối cùng cả đời chỉ loay hoay với nghề dạy trẻ.

Lời bàn

Sách vở thế gian khi hư hoại không còn đọc được đều có thể đốt đi, nhưng riêng kinh Phật thì dù gì cũng không thể đốt. Bởi vì kinh Phật mang đến phước đức và trí tuệ cho người, vượt xa mọi sách vở của thế gian. Tuy cùng là một chữ, nhưng trong đó ý nghĩa lại có thể nặng, nhẹ, khinh, trọng khác nhau một trời một vực, không hề giống nhau. Như các thiên văn chương điển, mô, thệ, cáo mẫu mực trong kinh Thư tất nhiên không thể xếp cùng loại với văn chương tiểu thuyết. Nay lấy người biết chữ mà so sánh với người mù chữ, ắt người biết chữ được xem là hơn; lấy người biết chữ qua loa sơ lược mà so sánh với người học nhiều hiểu rộng, thông suốt việc xưa nay, ắt người học nhiều hiểu rộng phải được xem là hơn. Sách vở thế gian chỉ có thể nói về những chuyện thế sự trong thiên hạ, không thể rõ biết thấu suốt những gì vượt ra khỏi vòm trời này. Nếu người rộng đọc nhiều kinh Phật, ắt sâu thì có thể hiểu đến tận những chuyện thần kỳ nơi chốn long cung, dưới đáy biển, rộng xa thì có thể hiểu đến những chuyện đời trước đời sau, cho đến chỗ mênh mông của biết bao nhiêu cõi nước trong mười phương, hết thảy những việc như thế đều có thể hiểu qua đại lược, mà chỗ hoài bão cũng được nuôi dưỡng vượt xa hẳn những kẻ tầm thường.

Đối với người mù chữ, nếu nói với họ chuyện trị nước các đời vua Đường, Ngu, Tam đại, hoặc những danh xưng như Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng... ắt họ phải hết sức kinh ngạc khi được nghe. Cũng vậy, đối với kẻ xưa nay chỉ đọc sách vở của thế gian, nếu cho họ nghe những lời văn trong Ba tạng kinh điển của nhà Phật, những điều đức Phật đã thuyết dạy trong bốn

mươi chín năm, ắt họ cũng sẽ kinh ngạc, khó lòng cứu xét. Những khuynh hướng như vậy cũng là lẽ tất nhiên. Theo đó mà xét, những lời dạy về nhân duyên bỏ ác tu thiện, về tông chỉ truyền riêng ngoài giáo điển, vốn là kinh điển do đức Phật nói ra, nếu đem đốt bỏ đi thì sao có thể không mắc tội? Huống chi lại xem thường đến mức dùng đốt để sưởi ấm, đốt để đun nước, ắt là rồi sẽ phải đọa vào địa ngục mãi mãi, chịu khổ não đời đời kiếp kiếp, không có lúc được thoát ra. Chỉ riêng trong đời này bị chết sạch cả nhà, bị rơi vào cảnh cùng khốn, quả thật cũng chưa đủ để đền hết tội nghiệt.

Hỏi: Kinh điển còn nguyên vẹn, tất nhiên không thể đốt, nhưng kinh sách đã hư nát thì làm sao?

Đáp: Nếu đã hư nát quá nhiều, đến nỗi không đọc được nữa thì có thể đốt, rồi dùng túi sạch đựng tro ấy mang rải ra sông biển. Đến như chữ Vạn là tâm ấn của đức Như Lai thì càng không thể xem thường.

Đổ tro bừa bãi phải giảm tuổi thọ

Ở trấn Tra Khê, huyện Tân Hóa thuộc tỉnh Hồ Nam có người tên Chu Ninh Ước, tự là Sỹ Phong, rất thích môn thư pháp. Trong khoảng niên hiệu Khang Hy triều Thanh, vào tháng 2 năm Ất Sửu, ông bất ngờ mắc bệnh nhẹ rồi chết, bạn bè thân thiết đều đến khóc thương. Bỗng nhiên ông sống lại, bảo mọi người rằng: “Tuổi thọ của tôi vốn được 42 năm, nhưng vì thường ngày chuyên cần luyện viết chữ, viết rồi tùy tiện đốt bỏ, mang tro đổ vất bừa bãi, không có sự kính trọng quý tiếc. Âm ty ghi chép lỗi lầm đó của tôi, giảm bớt 5 năm tuổi thọ, nên nay 37 tuổi đã mà số mạng đã dứt. Quý vị nên biết, khi đốt giấy có chữ viết, phải cẩn thận không đổ vất tro bừa bãi.”

Nói xong thì nhắm mắt qua đời.

Lời bàn

Nếu nói rằng chữ viết đã đốt thành tro có thể vứt bỏ, thì các đạo sỹ đốt tấu chương cũng xem như vứt bỏ. Đến như các loại đồ dùng bằng tre, gỗ, sành sứ mà có chữ viết trên đó, hay các loại gạch ngói có in những chữ phúc, thọ làm hiệu, lại để chôn vùi lâu ngày trong những chỗ phẩn dơ ô uế, những việc như vậy cũng cần phải ngăn cấm.

Đốt sách dơ nhớp chịu quả báo tức thì

Ở Tường Sinh, Côn Sơn có người tên Cát Tử Hòa. Vào triều Thanh, niên hiệu Khang Hy năm thứ 26, thường đọc sách dưới lầu phía tây điện Dược Sư, phía trên là phòng nằm nghỉ. Một hôm ở phòng trên lỡ tay làm nghiêng đổ nước trong bô phẩn, nước phẩn dơ theo kẽ ván sàn chảy xuống nhằm chỗ quyển sách Tử Hòa đang đọc, làm nhớp một đoạn có mấy chữ “Thành Gián nói với Tề Cảnh Công”. Tử Hòa bèn xé trang sách bị dơ ấy ra, nhúng vào nước, nhưng chưa rửa thật sạch đã lấy ra rồi để khô mà đốt bỏ. Không ngờ đến kỳ thi, đề mục thứ ba lại rơi đúng vào đoạn “Thành Gián nói với Tề Cảnh Công”. Tử Hòa viết bài này, đến câu “Chu Công há lại dối gạt ta sao?” chẳng biết vì sao lại vô ý bỏ sót mất một chữ, do đó mà bị đánh rớt.

Lời bàn

Giấy có chữ viết bị dơ nhớp mà mang đốt, tội ấy không nhỏ. Đúng ra phải rửa cho thật sạch, sau đó mới có thể để khô rồi đốt, mang tro rải xuống sông biển.

Không mưu mô lấy tài sản người khác

Giảng rộng

Tài sản riêng mà mỗi người có được đều do phước đức của tự thân, hoàn toàn không thể do mưu mô mà có. Khổng Tử nói: “Nếu giàu sang phú quý có thể cầu mà được, dù bảo ta cầm roi theo hầu đánh xe ngựa, ta cũng xin vui vẻ làm. Bằng như phú quý không thể cầu mà được, ắt ta sẽ làm theo

những gì tự ta thấy là tốt đẹp vậy." Cầu còn không thể được, huống chi lại dùng mưu mô mà có được sao?
Mưu mô chiếm đoạt tài sản của người, chung quy chỉ vì muốn nuôi sống gia đình mình, cũng mong để lại tài sản một đời cho con cho cháu, thậm chí có thể vì vợ con mà cam tâm làm những việc xấu xa hèn hạ, người như thế thật khó tính đếm hết.
Luận Tỳ-bà-sa nói rằng: "Cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc trong gia đình chỉ làm tăng thêm sự tham cầu, chẳng bao giờ thấy đủ, thấy chán. Nếu như biết được rằng con cái là người đến đòi nợ ta, gia đình là chỗ tụ hội bao điều oan nghiệp, ắt có thể bừng tỉnh giấc mộng đời, hết thảy bao nhiêu tâm bệnh khổ não không cần trị liệu cũng tự nhiên dứt sạch." Dù chưa được như thế, lẽ nào lại muốn kết thêm nhiều oan nghiệp oán thù, nhúng tay vào nhiều điều xấu ác?

Quỷ oan báo mộng cho mẹ

Thời Nam Bắc triều, đời Lưu Tống, trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia, Gia Cát Hộ làm quan thái thú Nguyên Chân, bất ngờ mắc bệnh qua đời. Khi ấy, gia quyến đều đang ở Dương Đô, chỉ có đứa con trưởng mới 19 tuổi là Nguyên Sùng theo đưa linh cữu về quê. Có tên gia nhân của Gia Cát Hộ là Hà Pháp Tăng, tham tiền nên cố ý đẩy Nguyên Sùng xuống sông rồi cùng một tên đồng bọn cướp lấy tiền bạc chia nhau.
Đêm ấy, mẹ của Nguyên Sùng là bà Trần thị nằm mộng thấy Nguyên Sùng hiện về kể rõ chi tiết việc cha chết như thế nào, cho đến lúc mình bị Hà Pháp Tăng xô xuống sông chết, đau thương không nói hết. Sùng lại nói: "Đường xa đi gấp nên mệt lắm, để con nằm nghỉ tạm chốc lát trên giường bên cửa sổ." Nói xong thì nằm dài ra trên giường, đầu tựa vào song cửa sổ. Quang cảnh nhìn thấy trong mộng rõ ràng như thật, Trần thị đau đớn khóc lóc rồi mới giật mình tỉnh dậy, liền cầm đèn soi trên giường, quả nhiên thấy

có chỗ hơi ẩm giống như người nằm. Cả nhà đều hoảng hốt gào khóc. Bấy giờ, Trần thị có mấy người em cô cậu là Từ Đạo Lập đang làm Trưởng sử Giao Châu, Từ Sâm Chi làm Thái thú Giao Châu, liền nhờ họ điều tra sự việc. Quả nhiên đúng thật như những lời trong mộng, liền bắt lấy hai tên hung thủ mang ra xét xử theo pháp luật.

Lời bàn

Nếu suy xét cho cặn kẽ thì việc thừa cơ hội người khác đang chịu tang trong ba năm mà giết hại chỉ để mưu cướp tài sản, rốt cùng là do đạo đức chính nghĩa không đủ giúp ích cho người, hay bởi con người đã cô phụ đạo đức chính nghĩa?

Cầm giáo tự đâm

Vùng Huy Lăng thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Lương Thạch Trụ, nhà giàu có, sinh được một đứa con trai, hết sức thương yêu. Niên hiệu Thuận Trị năm cuối cùng, đứa con ấy được mười chín tuổi, bị bệnh nặng, Thạch Trụ đau buồn lắm. Một hôm, đứa con bỗng gọi tên Thạch Trụ mà nói rằng: “Tôi đời trước chính là người mang tên ấy họ ấy... ở Từ Châu, có 300 lượng bạc, cùng ông đi buôn chung. Tôi bị bệnh lỵ, giữa đường vào nhà xí đi tiêu, ông thừa cơ hội dùng mũi nhọn xuyên qua một lỗ trống ở vách nhà xí mà đâm vào giữa ngực tôi đến chết. Sau đó ông tự cắt tay cho chảy máu để làm bằng chứng nói với gia đình tôi là giữa đường tôi bị bọn cướp giết chết. Sau khi chết, tôi thác sinh vào nhà họ Vương ở Huy Lăng. Cách đây 20 năm, tôi chính là người họ Vương mang tên ấy... Ngày đó, sau khi tôi chết thì 3 năm sau ông chết, rồi cũng thác sinh ở Huy Lăng, chính là thân ông ngày nay. Những năm trước tôi tìm ông không gặp, tình cờ một hôm vào huyện nộp tiền, bỗng gặp ông ngay phía trước. Khi ấy tôi lập tức nổi giận, dùng nắm đấm nện ông, nhưng tự mình cũng chẳng hiểu vì sao lại giận dữ như thế. Khi ấy ông cho là tôi kẻ mất trí nên không lưu tâm. Tôi

không trả thù được ông, trở về sinh lòng buồn giận phẫn uất, mấy ngày sau thì chết, cuối cùng lại thác sinh làm con ông, nay đã mười chín tuổi. Tính ra từ khi tôi bị bệnh đậu mùa, ông tốn kém một số tiền, mời thầy dạy học cho tôi tốn kém một số tiền, cưới vợ cho tôi tốn kém một số tiền, tôi đi thi lại tốn kém một số tiền, cộng thêm các khoản tốn kém linh tinh khác nữa cũng đã trả đủ số tiền cướp đoạt của tôi, tuy là mạng sống của tôi vẫn chưa đền lại được. Nhưng bao năm qua ông đối đãi với tôi quá nặng tình, tôi thật không nỡ nhắc lại chuyện cũ nữa, nay xin từ biệt. Tôi chỉ sợ Diêm vương nơi âm phủ không tha thứ cho tội của ông mà thôi." Nói xong thì chết.

Từ đó Lương Thạch Trụ đêm ngày than khóc, lại nói với mọi người rằng: "Con tôi hiếu thảo, thông minh, vì sợ tôi đau buồn nên mới bịa ra những chuyện như vậy. Trong thiên hạ liệu ở đâu lại có được tình cha con như thế chăng?"

Rồi không lâu sau, Thạch Trụ lấy một cây thương mài thật sắc, có ai hỏi thì nói: "Năm nay mất mùa, nhà tôi lại ở cuối thôn vắng vẻ nên phải chuẩn bị để khi cần thì có thể tự vệ." Một hôm, Thạch Trụ đặt cán thương quay vào tường, quay đầu nhọn ra ngoài hướng vào ngực mình rồi bỗng nhiên kêu lớn: "Con đợi ta tự đâm là được rồi." Liền hướng về phía mũi nhọn, lấy hết sức mà lao vào. Mũi thương đâm sâu vào ngực đến bảy tám tấc, ghim thấu tận xương.

Lời bàn

Dương gian có thể có những người chịu ơn không báo đáp, nhưng âm phủ thì không một món nợ nào có thể không đền trả. Người đời chỉ biết món nợ trong đời này là nặng, chẳng biết rằng món nợ để qua đời sau lại càng nặng hơn. Người đi đòi món nợ trong đời này, chỉ đến trước cửa chứ không dám vào nhà vì sợ chủ nhà giận tức, căm ghét. Nhưng người đi đòi

món nợ từ đời trước để lại thì vào tận trong nhà kẻ trốn nợ, an nhiên nằm đó mà khiến cho cả vợ chồng kẻ mắc nợ phải đủ điều trân quý mình, phải chăm lo bú mớm bồng ẵm, cho đến lúc lớn khôn thì lập tức phá sạch cả sản nghiệp, ruộng vườn nhà cửa, đến một cây kim ngọn cỏ cũng không chừa. Nhớ lại nửa đời khổ công gầy dựng, không khỏi như người bỏ vốn cầu lãi, cuối cùng lại uổng công làm thân trâu ngựa cho người, chẳng phải thật ngu si mà đáng thương lắm sao?

Ba lần thác sinh

Tỉnh An Huy, huyện Đồng Thành có nhà nho tên Diêu Đông Lãng, sinh được một đứa con trai, lên mười tuổi thì bệnh nặng, sắp chết. Cha mẹ đau buồn thương tiếc, nói với con rằng: “Con quả thật không có duyên làm con chúng ta nữa sao?”

Đứa trẻ bỗng nói giọng người phương bắc, bảo Diêu Đông Lãng rằng: “Trước đây tôi là một vị tăng ở Sơn Đông, mang tên ấy họ ấy... Tôi dành dụm tích chứa được 30 lượng bạc, có vị sư huynh rình biết được nên xô tôi xuống nước để đoạt lấy tiền. Khi ấy tôi kêu cứu với Bồ Tát Quán Âm, liền thấy ngài hiện ra bảo rằng: “Số mạng ngươi đã hết nên mới gặp việc xấu ác này.” Thế là tôi chết chìm. Người dân ở đó báo sự việc lên quan, lúc bấy giờ chính ông đang làm quan huyện ở đó. Sư huynh tôi liền lấy ba mươi lượng bạc của tôi mà dâng cho ông, nhân đó sự việc liền bị ém nhẹm. Tôi vì nỗi oan chưa rửa sạch nên thác sinh làm em trai ông, tức là Diêu Tung Thiệu đã chết. Khi ấy tôi theo ông suốt hơn 20 năm mà chưa đòi được nợ cũ, nên lúc chết rồi lại thác sinh làm con ông. Mười năm qua, ông tốn kém với tôi cũng đã hoàn trả gần đủ số bạc 30 lượng rồi, tôi phải đi thôi. Hiện trong nhà ông có một cây gậy mà tôi rất thích, xin ông đốt tặng tôi, cũng là thêm vào vừa đủ số tiền ngày xưa. Vị sư huynh ngày trước của tôi nay cũng vì muốn đòi số tiền đó mà thác sinh làm con gái đầu của ông,

nay đã gả cho nhà họ Phan ở Lật Dương, hiện có thai sắp sinh nở. Bây giờ sau khi chết, tôi sẽ thác sinh vào nhà đó để đòi món nợ sinh mạng.” Đứa trẻ nói xong những lời này thì chết.

Lời bàn

Chuyện này xảy ra hồi trước tháng 5 năm Ất Mão trong khoảng niên hiệu Khang Hy triều Thanh. Cho nên có thể thấy rằng, cha mẹ, anh em, vợ chồng, quyến thuộc với nhau, hết thảy đều có quan hệ oan trái theo nhau. Lúc chưa nói rõ sự việc ra thì nhìn thấy trước mắt đều là những người ruột thịt thân thích, nếu được người sáng suốt thấu rõ chỉ ra cho biết sự thật, hẳn sẽ thấy chung quanh mình đều toàn là những kẻ theo đòi nợ cũ. Thế nhưng người đời lại muốn vì những kẻ theo đòi nợ đó mà tích lũy tiền tài, kết thêm thù oán, thật không thể hiểu nổi ấy là tâm địa gì?

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (28)

Nhận khách làm con

Tại vùng Hải Vệ thuộc trấn Thái Thương ở Côn Sơn có người tên Khương Quân Bật, mở một cửa hàng bán gạo. Có người khách tên Mã Thuần Khê

mang hơn trăm lượng bạc ký gửi vào để chia lãi. Trong 2 năm đầu tiên, việc bán ra thu vào đều trôi chảy không phát sinh vấn đề gì. Đến năm thứ ba thì Quân Bật nói dối là gạo bán thiếu không đòi được nợ nên lỗ lã, rõ ràng có ý lừa gạt không trả lại số tiền họ Mã đã ký gửi. Mã Thuần Khê buồn bực uất ức đến nỗi sinh bệnh, một thời gian sau thì qua đời. Khương Quân Bật vào lúc ấy chưa có con. Không bao lâu, vợ Quân Bật có thai. Đến khi gần sinh nở, có người láng giềng bỗng thấy Mã Thuần Khê đến nhà Khương Quân Bật, sau hỏi ra mới mới biết Thuần Khê đã chết. Chỉ lát sau đã thấy bà mụ đỡ từ cửa phòng bước ra vui mừng nói: “Sinh được con trai rồi!”

Lời bàn

Chuyện này xảy ra từ những năm trước niên hiệu Khang Hy.

Không ganh tỵ với người có tài năng kỹ xảo

Giảng rộng

Tài sản là thứ có thể cướp đoạt, nên mới có người dùng mưu mô để cướp đoạt, nhưng đối với tài năng kỹ xảo của người khác thì không thể dùng mưu mô mà cướp lấy được, chỉ có thể sinh lòng ganh ghét, tỵ hiềm mà thôi. Ngẫm kỹ lại thì ganh ghét người có tài năng nào được lợi ích gì cho mình đâu? Chỉ tự mình làm tăng thêm phiền não mà thôi.

Tài năng kỹ xảo có thể phân ra làm hai loại. Một loại mang lại lợi ích cho cuộc đời và một loại chẳng ích gì cho đời cả. Đối với những tài năng kỹ xảo mang lại lợi ích cho đời, nên kính phục mà học làm theo. Đối với những tài năng kỹ xảo chẳng ích gì cho đời, ta nên khởi tâm thương xót mà khuyên răn. Cho nên không chỉ là không nên ganh tỵ, mà thật ra là chẳng có trường hợp nào để dùng đến sự ganh tỵ cả.

Mười đứa con khuyết tật

Triều Tống có quan đại phu Tưởng Viện, sinh được 10 đứa con. Đứa thứ

nhất gù lưng, đứa thứ hai chân thọt, đứa thứ ba thân hình co quắp, đứa thứ tư què cả hai chân, đứa thứ năm điên loạn, đứa thứ sáu si độn, đứa thứ bảy tai điếc, đứa thứ tám mắt mù, đứa thứ chín câm không nói được, đứa thứ mười chết trong lao ngục.

Công Minh Tử Cao thấy vậy hỏi rằng: "Đại phu đã từng làm những gì mà chiêu cảm tai họa đến mức này?" Tưởng Viện đáp: "Tôi cả đời chẳng làm điều gì xấu ác, chỉ hay ganh tỵ. Thấy người tài ba hơn thì tôi ghét, được người nịnh hót thì tôi vui, nghe điều tốt lành của người khác thì sinh nghi ngờ, nghe điều xấu ác của người khác thì tin ngay, thấy người khác có được điều gì thì buồn bực như mình bị mất, thấy người khác bị mất cái gì thì vui như mình được vậy."

Tử Cao than rằng: "Đại phu mà còn giữ mãi tâm tánh như thế, sợ rằng phải chịu đến đại họa tuyệt diệt cả dòng họ chứ không chỉ như thế này thôi đâu!"

Tưởng Viện nghe như thế hoảng hốt lo sợ. Tử Cao liền nói: "Trời tuy cao nhưng xét việc rất gần, nếu có thể bỏ điều xấu trước đây mà từ nay sửa đổi thì sẽ chuyển hoạ thành phước, kết quả đến không lâu."

Tưởng Viện từ đó tu tâm sửa tánh, thay đổi hoàn toàn ngược hẳn với những tâm niệm nhỏ nhen trước đây. Chẳng mấy năm sau, những khuyết tật của các con dần dần được khỏi.

Lời bàn

Một lời của Thạch Kỳ, quẻ bói hóa thành tốt đẹp, ba câu của Tống Cảnh, điềm dữ hỏa tinh lánh xa. Đây chính sự minh chứng cho ảnh hưởng tác động mà sách Thượng thư gọi là: "Thuận đạo lý ắt hưởng quả lành, nghịch đạo lý ắt gặp tai ương."

Những kẻ học Nho mà sai lầm cố chấp lại ra sức hủy báng thuyết nhân quả, ấy là muốn đem cái tâm nguyện khó nhọc khuyến hóa người đời của

các bậc thánh hiền mà quy cả về chỗ mặc nhiên không bàn đến, ai ai cũng hài lòng như thế mà tự cho là đúng. Đâu biết rằng chính bọn nhà Nho như thế chẳng bao giờ có thể vào được đạo lớn của vua Nghiêu vua Thuấn.

Không tư tình tà niệm với vợ người

Giảng rộng

Người đời thường chẳng yêu ai hơn yêu vợ mình, mà cũng chẳng căm ghét ai hơn ghét kẻ dan díu với vợ mình. Tự thân mình cũng chẳng yêu ai hơn vợ, cũng chẳng căm ghét ai hơn kẻ dan díu với vợ mình. Chỉ một câu: “Điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác” có thể ghi nhớ làm theo suốt đời. Đặt mình vào vị trí của người để quán xét thì tự nhiên sẽ có sự tỉnh giác mạnh mẽ.

Dâm dục là cửa ngỏ của mọi điều ác. Xưa nay những bậc anh tài hào kiệt do tham dâm mà phạm vào tội lỗi, trái nghịch phép vua, đánh mất tính mạng, tuyệt diệt dòng họ... thật nhiều không kể xiết. Người đời ai cũng có thể thấy ra cái hại của sự dâm dục, nhưng lại không kiềm chế vượt qua được, đều do lửa ái dục nung đốt quá mạnh trong lòng. Đang lúc lửa dục bốc cao, ví như có người lấy đạo đức chính nghĩa mà nêu khuôn phép, lấy việc quỷ thần thường ở bên cạnh dò xét mà răn nhắc cho kinh sợ, lấy chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng mà đe dọa, kẻ tham dâm cũng phớt lờ đi tất cả, chỉ thấy sự khoái lạc trước mắt mà thôi, không cần biết đến những khổ đau cay đắng của ngày sau.

Khi còn tuổi trẻ, tôi cũng từng phạm vào căn bệnh ấy, nay vẫn thường đớn đau tự trách, nên viết ra tập sách “Dục hải hồi cuồng” (欲海回狂) để khuyên răn nhắc nhở người đời, trong đó phần lớn trích dẫn từ Kinh điển, chỉ nhấn mạnh vào hai chữ “bất tịnh” làm điều cốt yếu. Chỉ cần quán sát phân tích thật kỹ hai căn của người nam và người nữ, ắt sẽ thấy ngay là vô cùng ô uế, bất tịnh, từ đó có thể dứt sạch nguồn gốc ái dục, đoạn trừ dòng

giống ma dâm, cho dù có người đẹp như Tây Thi đứng ngay trước mặt cũng nhìn thấy chỉ như con khỉ ghẻ lở mà thôi, làm sao có thể sinh tâm luyến ái?

Sách Cảm ứng thiên (感應篇) nói rằng: “Vì thấy sắc đẹp của người kia nên khởi tâm tham ái, muốn chiếm hữu.” Thế nên khi nhìn thấy hình sắc ấy mà đã cho là xinh đẹp, ắt phần nhiều phải khởi tâm tham muốn chiếm hữu cho riêng mình. Nếu có thể quán xét thấy rõ hình sắc ấy là bất tịnh, là xấu xa ô uế, ắt tâm dâm dục tự nhiên không thể khởi sinh, làm sao có sự tham muốn?

Trưng dẫn sự tích

Mỹ nữ không có gì đẹp

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một người bà-la-môn sinh được đứa con gái đoan trang xinh đẹp vô cùng. Ông ta lấy làm tự hào, nên treo một bảng cáo thị trước nhà nói rằng, nếu ai có thể chỉ ra được chỗ xấu của con gái ông thì sẽ được thưởng bằng vàng. Trong vòng 90 ngày, không thấy có ai đến chỉ trích cả.

Bấy giờ, người bà-la-môn kia liền dẫn đứa con gái đến chỗ đức Phật. Đức Phật liền chê rằng: “Cô gái này quá xấu, chẳng có gì đẹp.” Ngài A-nan bạch Phật: “Cô gái đẹp thế này, vì sao Phật nói là quá xấu?”

Đức Phật liền dạy: “Mắt không bị huyễn hoặc bởi hình sắc giả tạm, ấy gọi là mắt đẹp; tai không nghe những tiếng tà mị xấu ác, ấy gọi là tai đẹp; lưỡi không tham muốn vị ngon, ấy gọi là lưỡi đẹp; thân không ưa thích những thứ lụa là mềm mại, ấy gọi là thân đẹp; tay không trộm cắp tài sản người khác, ấy gọi là tay đẹp. Cô gái này hiện nay mắt thì đam mê hình sắc, tai thích nghe tiếng thị phi, mũi tham muốn hương thơm, thân ưa thích lụa là, tay muốn lấy tài sản người khác, chỉ sơ lược kể ra như vậy đã thấy không có gì là đẹp cả.”

Lời bàn

Ý nghĩa trong chuyện này chính là quý trọng đạo đức mà xem thường sắc đẹp. Quý trọng đạo đức ắt sẽ như hậu phi Khương Nguyên, xem trọng sắc đẹp ắt sẽ như Đát Kỷ, Bao Tự. Chính sự phân biệt giữa tà mị với đoan chính sẽ lập tức quyết định sự hưng vong của đất nước, sự thiện ác của mỗi người.

Con người như cái túi da

Xưa, ở nước Câu-thiểm-di có người tên là Ma-nhân-đề, sinh được một đứa con gái đoan trang xinh đẹp, liền đưa đến chỗ đức Phật, tự nguyện cho con mình theo Phật nâng khăn sửa túi. Đức Phật liền hỏi: "Ông cho rằng con gái ông thật xinh đẹp lắm sao?" Ma-nhân-đề đáp: "Đúng vậy, con tôi thật rất đẹp, nhìn kỹ từ đầu xuống chân không có chỗ nào là không đẹp cả."

Đức Phật dạy: "Thật sai lầm thay cái nhìn bằng mắt thịt. Nay ta nhìn con gái ông từ đầu xuống chân, chẳng thấy có chỗ nào đẹp cả. Ông nhìn thấy trên đầu là tóc, nhưng tóc ấy cùng loại với lông, cũng không khác gì lông nơi đuôi ngựa. Bên dưới tóc là hộp sọ, nhưng sọ ấy tức là xương, nếu so với xương trong đầu lợn đã giết mổ ra, thật cũng không khác. Trong sọ là não, hình dạng nhão nhoẹt chẳng khác chất bùn, nhưng lại có mùi hôi tanh khó ngửi, như đổ tràn trên đất thì ai ai cũng ghê sợ không dám giẫm đạp lên. Cặp mắt đó lại giống như hố nước, thường chảy ra nước mắt. Trong mũi đầy nước mũi, trong miệng là đờm dãi... Bên trong gan thận phèo phổi hết thảy đều tanh hôi. Trong ruột già, bàng quang thì chứa đầy phẩn dơ, nước tiểu. Chân tay chẳng qua là những đốt xương, gân tủy bọc trong lớp da, phải dựa vào hơi thở vào ra mà cử động, khác nào như người máy bằng gỗ, cử động được là nhờ máy móc bên trong, nếu máy móc ngừng hoạt động ắt toàn thân đều tan rã, từng chi tiết bị tháo rời, chân tay vất ra

bừa bãi... Con người mà ta nhìn thấy bất quá cũng chỉ là như vậy, có chỗ nào là đẹp?”

Lời bàn

Dơ nhớp thay thân xác thịt này! Bên trong xác thịt lại là nơi tụ tập các loại trùng cực nhỏ. Trong kinh dạy rằng: “Con người từ sau khi ra khỏi bào thai, thân thể tự nhiên sinh ra các loại trùng cực nhỏ, vì quá nhỏ nên mắt thường không thể nhìn thấy được. Tất cả có 80 chủng loại. Trong số đó, mắt thường chỉ có thể nhìn thấy được duy nhất loài ký sinh trong ruột mà thôi. Khi con người ăn uống, thức ăn vừa vào miệng thì những loài ký sinh này rất vui mừng, nằm trong ruột mà chờ. Thức ăn tiêu hóa rồi, nước tiểu đi vào bàng quang, cặn bã đi vào ruột già, những sự dơ nhớp khó có thể nói hết.”

Than ôi, đường đường một đấng nam nhi, nay lại khởi lòng ham muốn cái chỗ dơ nhớp khó nói hết như thế, lại dốc lòng dốc ý để mong cầu, sinh ra đủ cách luyến lưu, thật không thể nói được như thế là tâm địa gì?

Kinh Đại bảo tích dạy rằng: “Bồ Tát quán sát thấy chúng sinh say mê ham thích chuyện dâm dục, liền khởi lên ý nghĩ rằng: ‘Những chúng sinh ấy đều từng có thời gian nằm trong thai mẹ, rồi chui qua nữ căn mà sinh ra, sao không biết xấu hổ lại còn cùng nhau làm những việc như thế?’”

Than ôi! Kẻ buông thả không nghĩ đến còn có thể làm được, người suy xét cặn kẽ ắt phải thấy quả thật đáng xấu hổ lắm thay!

Nam căn dơ nhớp

Trong kinh dạy rằng, toàn thân người nam có 404 đường mạch liên quan đến sự dâm dục, tất cả đều xuất phát từ mắt rồi phân tán xuống ruột, cho đến vị trí phía dưới sinh tạng, phía trên thục tạng, cùng với các mạch của phổi, tì, thận... nằm ở hai bên, thảy đều chứa đầy chất mủ màu xanh như tinh dịch của loài heo rừng, nhưng hôi thối không thể nói hết. Các đường

mạch ấy chạy xuống đến chỗ dương vật thì chia làm ba nhánh như đường gân trên tàu lá chuối, cộng cả thảy có 1.200 đường mạch nhỏ, trong mỗi một đường mạch ấy đều sinh ra những phong trùng nhỏ li ti, hình dạng như sợi lông. Bên trong những phong trùng li ti này lại sinh ra các cân sắc trùng, số lượng nhiều đến 78.000, vây quanh thành vòng tròn.
Khi mắt người nam vừa nhìn thấy hình sắc gợi dục, tâm tham dục khởi lên. Tâm dục vừa khởi lên, 404 đường mạch nói trên đều nhất thời bị khích động, 80 nhóm trùng đều đồng thời há miệng, chảy nước mắt ra. Nước mắt của chúng màu xanh trắng, hóa thành tinh dịch theo nam căn mà tiết ra ngoài.

Lời bàn

Phật dạy vua Ưu-điền: "Ở đời có những kẻ đam mê nữ sắc, thường mơ tưởng sắc đẹp phụ nữ, do đó mà bị tham dục sai khiến, giống như tôi tớ luôn sợ sệt chủ nhân. Những người ấy vì ham muốn nữ sắc nên không thấy được sự ô uế từ nơi chín lỗ trên thân người, chỉ luôn chú tâm vào sự dâm dục, ưa mến đờm dãi dơ nhớp, thích thú cùng máu mủ hôi tanh, xem chúng quý báu như châu ngọc, ngọt ngào như đường mật, nên gọi đó là những kẻ nô lệ của dâm dục."

Nữ căn dơ nhớp

Trong kinh cũng có dạy rằng: "Nếu chúng sanh nào do lửa dục bùng phát mà đêm ngày tơ tưởng chuyện dâm dục, phải biết đó là tình huống cực kỳ nguy cấp, cần phải gấp rút đối trị tâm tham dục ấy. Phương pháp đối trị là áp dụng việc quán xét tử cung của người nữ. Tử cung nằm phía dưới sinh tạng, phía trên thục tạng, có 99 lớp màng cực mỏng như bào thai con lợn chết, bên trong lại chứa đầy chất nước hôi hám, có hình như ruột ngựa, phía trên cong tròn, phía dưới hơi nhọn lại như hình quả lê, gắn vào âm đạo, bên trong có đến 1.900 nếp nhỏ li ti, giống như những đường chỉ nhỏ

trên tàu lá chuối, có 80 nhóm trùng vây quanh. Mỗi khi con người uống nước vào, phân tán ra khắp 404 đường mạch, các nhóm trùng này được ăn vào liền nôn ra chất mủ hôi hám có màu như máu. Lại có giống trùng cực nhỏ thường thích thú dạo chơi bên trong tử cung, sinh sản tích tụ trong một tháng thì không còn đủ chỗ dung chứa, nên có chu kỳ kinh nguyệt để thải chúng ra."

Lời bàn

Những người tà dâm thường ưa thích ngắm nhìn sắc đẹp phụ nữ. Tôi thật tiếc cho những người ấy không có được cái nhìn cho rõ ràng, chính xác. Nếu như có thể nhìn thật rõ ràng, chính xác, tất nhiên sẽ thấy được tận cùng sự ô uế nhơ nhớp, ắt không còn khởi tâm ham muốn nhìn ngắm nữa.

Trưng dẫn kinh điển để sách tấn tu tập

Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: "Nếu như có người trong bốn chúng đệ tử Phật, mặc áo hổ thẹn, uống thuốc hổ thẹn, cầu được giải thoát thì nên theo học pháp môn này, cũng như được uống vào chất nước cam lộ mầu nhiệm.

"Trước hết hãy quán tưởng rằng, hết thảy các loài trùng sống ở vùng phía trước tử cung cho đến bên trong nữ căn, cũng như trong khắp thân thể người nam, trong lúc giao hợp đều há miệng vểnh tai, trợn mắt nôn ra chất mủ tanh hôi. Trong lúc quán tưởng, luôn giữ hơi thở điều hòa an tĩnh, tỉnh giác theo dõi hơi thở ra vào, chú tâm quán chiếu mỗi mỗi hình ảnh đều rõ rệt, sáng tỏ như nhìn vào những đường chỉ trong lòng bàn tay. Cho đến lúc dù nhắm mắt hay mở mắt cũng đều có thể nhìn thấy rõ ràng tất cả thì xem như phép quán này được thành tựu, lửa dục tự nhiên dứt hẳn. Khi ấy cho dù có chư thiên, thiên nữ hiện ra trước mắt cũng chỉ nhìn thấy như người cùi hủi. Đối với thân thể của chính mình hay của người khác, cho đến của

tất cả chúng sinh trong khắp cõi Dục giới này, cũng đều quán thấy như vậy. “Nếu người nào đã uống được loại thuốc ‘quán tưởng’ này, đó chính là bậc đại trượng phu, là thầy dạy khắp hai cõi trời người, không còn bị dòng sông ân ái cuốn trôi phiêu dạt. Nên biết rằng những người như thế, tuy trong lúc còn chưa vượt ra khỏi vòng sinh tử luân hồi nhưng thân thể đã thơm tho tinh khiết như hoa ưu-bát-la, là bậc hương tượng mạnh mẽ trong cõi người, cho dù lực sĩ của Long vương hay vị trời Đại Tự Tại đều không bằng được.”

Lời bàn

Sau khi thành tựu phép quán tưởng này, lại tiếp tục áp dụng thêm 9 điều quán tưởng nữa thì tâm dâm dục sẽ tự nhiên nguội lạnh tiêu tan. Nội dung 9 điều quán tưởng bao gồm như sau:

1. Quán tưởng hình ảnh thân thể người mới chết, hình dung chỉ thấy toàn thân buông xuôi nằm ngửa, khí lạnh thấu xương.
2. Quán tưởng hình ảnh máu bầm, hình dung chỉ thấy bên dưới da thịt toàn thân đều dần dần biến thành chất máu bầm màu xanh đen.
3. Quán tưởng hình ảnh máu mủ tanh hôi, hình dung chỉ thấy toàn bộ lục phủ ngũ tạng đều tiêu nát, hóa thành chất máu mủ kinh tởm.
4. Quán tưởng hình ảnh rỉ máu, hình dung chỉ thấy từ mắt, tai, mũi, miệng trên thân thể đều nhất thời chảy ra máu đỏ hết sức tanh hôi.
5. Quán tưởng hình ảnh các loài trùng trong thân thể, hình dung chỉ thấy trong toàn thân nơi nào cũng có các loài trùng chui rúc, hôi thối không thể nói hết.
6. Quán tưởng gân cốt, hình dung chỉ thấy da thịt trong thân thể tự nhiên tiêu tán hết, chỉ còn trơ lại những dây gân ràng rịt quanh bộ xương.
7. Quán tưởng xương cốt rã rời, hình dung chỉ thấy tất cả dây gân ràng rịt lại tiếp tục tiêu tán mất, chỉ còn lại bộ xương, dần dần rệu rã tách rời, nằm

la liệt trên mặt đất.
8. Quán tưởng thân thể bị thiêu đốt, hình dung chỉ thấy toàn thân đều bị lửa dữ thiêu đốt, dần dần biến dạng thật đáng sợ rồi tiêu tan hết.
9. Quán tưởng xương khô, hình dung chỉ thấy thân thể chết rồi, nắng mưa dầu dãi còn trơ lại một bộ xương khô.
Khi áp dụng phép quán này, hình dung thân thể trong tương lai chắc chắn rồi sẽ không khác với những hình ảnh đã quán tưởng, thử hỏi lòng dâm dục có thể nào không nguội lạnh được sao?

Mười tội lỗi phải chịu bởi tà dâm

1. Thường lo lắng bị người giết hại.
2. Vợ chồng không được sống hòa thuận thương yêu nhau.
3. Điều xấu ác tăng thêm, việc hiền thiện suy giảm.
4. Vợ con rồi sẽ trở thành mẹ góa, con côi.
5. Sản nghiệp mỗi ngày một hao tổn, tiêu tán.
6. Khi có việc xấu ác xảy ra, rất dễ bị người khác nghi ngờ là thủ phạm.
7. Bạn bè, người thân đều chê cười, quở trách.
8. Kết thêm nhiều oán thù với người khác.
9. Sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục.
10. Vợ nhà không giữ được trinh tiết.

Năm phước đức của người không tà dâm

1. Được người người ngợi khen xưng tán.
2. Không phải lo sợ pháp luật trừng trị.
3. Thân được an ổn.
4. Sau khi chết sinh lên cõi trời.
5. Cuối cùng sẽ được chứng đắc đạo quả.

Người không tà dâm sẽ được 5 vị thiện thần đi theo bảo vệ. Thứ nhất là

thần Trinh khiết, thứ hai là thần Vô dục, thứ ba là thần Tịnh khiết, thứ tư là thần Vô nhiễm, thứ năm là thần Đãng địch.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (29)

Không xúi giục người trong việc tranh tụng

Giảng rộng

Tranh với tụng mang ý nghĩa khác biệt nhau. Tranh có nghĩa là chỉ dùng lời lẽ tranh biện phải trái, còn tụng có nghĩa là đã dùng đến đơn từ, đưa nhau ra trước cửa quan mà đối chất, nhờ đến sự phân xử. Từ xưa đến nay, người giỏi đấu đá ắt phải có lúc chết vì đấu đá, người ưa kiện tụng ắt phải có lúc thảm bại trong việc kiện tụng. Một lần sơ suất ắt gia sản phải khánh tận, như con thiêu thân lao đầu vào lửa, dù muốn hối hận cũng không còn kịp nữa.

Cứu xét nguyên nhân kiện tụng, đại khái không ngoài hai việc: nếu không vì tranh giành ruộng vườn nhà cửa, tài sản tiền bạc, ắt phải là do đấu đá xung đột. Những người tranh giành tài sản, tất nhiên ai cũng tham tiếc tiền bạc, nhưng lại không biết rằng một khi đã vướng vào chuyện thưa kiện ra

cửa quan, ắt không khỏi phải tiêu tốn cho đến hết sạch tiền của. Những người vì chuyện đấu đá xung đột, tất nhiên ai cũng xem trọng thể diện, nhưng lại không biết rằng một khi đã ra trước cửa quan, chấp nhận cho người khác phán xử, ắt không thể nào giữ được thể diện.

Người thua kiện tất nhiên đã phải bưu đầu sứt trán, nhưng kẻ thắng kiện ắt cũng không khỏi một phen kinh hồn bạt vía. Đến khi tan nhà nát cửa, mới thấy hối tiếc sao ban đầu không nhẫn nhục dung thứ cho sự ngang ngược của người kia. Sao bằng trước khi sự việc xảy ra có thể bình tĩnh ngồi lại cùng đối phương bàn thảo đủ điều tình lý, cùng trao đổi tìm cách giải quyết mà không cần phải dựa vào sự thưa kiện?

Người có thể nhẫn nhục, khoan dung tha thứ, ấy chính là bậc trí; còn xúi giục người khác trong việc tranh tụng, ắt không phải người hiền lương. Nếu không vì muốn trục lợi từ sự tranh chấp giữa đôi bên, ắt cũng là kẻ muốn dùng việc công để báo thù riêng, mượn đao giết người. Đến khi gió lặng sóng yên mới thấy rõ dã tâm xui nguyên giục bị của kẻ kia, há lại chẳng lấy làm tiếc cho mình đã làm một kẻ tiểu nhân, tự làm thương tổn âm đức?

Trưng dẫn sự tích

Nhiều đời không thưa kiện

Đời Bắc Tống, có Lôi Phu là người huyện Nghi Phong thuộc tỉnh Giang Tây, bẩm tính vốn nhân từ, xưa nay chưa ngỗ ngược xung đột với ai. Kể từ đời tiên tổ của ông, đời đời lấy sự trung hậu mà truyền lại cho cháu con, tính đến đời Lôi Phu đã qua mười một đời chưa từng xảy ra việc thưa kiện người khác.

Về sau Lôi Phu thi đỗ Tiến sĩ, làm quan thanh liêm, sau lên đến chức Thái sư dạy thái tử học. Người người đều tin rằng đó là nhờ tổ tiên ông đã tích lũy nhiều điều thiện.

Lời bàn

Nếu chưa thể rộng lòng khoan dung tha thứ cho người, thì trước hết cũng phải rèn luyện sự nhẫn nại. Nhờ kiên trì giữ được sự nhẫn nại lâu ngày, tự nhiên tâm tánh rộng mở, có thể trở nên khoan dung độ lượng.

Xưa có người tên Tạ Cầu, rất ghét việc kiện tụng. Láng giềng lấn ranh đất của ông, có người khuyên ông nên kiện lên quan, Tạ Cầu cười nói: “Ông ta chỉ chiếm được đất, đâu có thể chiếm được trời?” Sau cũng chẳng thèm tranh chấp. Những kẻ tâm lượng nhỏ nhen làm sao hiểu nổi lời nói đó?

Sáng suốt tránh được tai họa

Tại một thôn nọ, thuộc huyện Hòa Châu, tỉnh An Huy, có người kia nuôi đến trăm con ngỗng. Một hôm, ngỗng sang ăn lúa nhà hàng xóm, bị đập chết một lúc đến hơn năm mươi con. Vợ người nuôi ngỗng thấy thế ban đầu tức giận lắm, nhưng sau bình tâm nghĩ lại rằng: “Ví như mang sự việc này kiện lên quan, thế lực nhà mình không chắc thắng kiện; nếu muốn thắng kiện, ắt phải bỏ ra phí tổn rất nhiều. Hơn nữa chồng mình lại đang say rượu, nếu nghe biết chuyện này nhất định sẽ gây sự ẩu đả, tai họa khó lường hết được, chi bằng ta hãy nhẫn nhịn cho qua.” Liền bảo người nhà mang xác ngỗng giấu hết đi, không cho người chồng biết.

Sáng sớm hôm sau, người hàng xóm giết ngỗng bỗng tự nhiên lăn ra chết. Người chồng sau khi tỉnh rượu mới biết chuyện, liền nói với vợ: “Nếu hôm qua tôi sớm biết việc ngỗng bị chết, trong lúc say rượu chắc không khỏi sang nhà họ gây sự đánh nhau, ắt hôm nay phải chuốc lấy tai họa tan cửa nát nhà rồi.”

Lời bàn

Người ta trong lúc hết sức giận dữ, nếu có thể lùi lại một bước để bình tâm suy nghĩ thì bảo toàn được thân thể, gia đình, tính mạng, cho đến tiêu trừ được phiền não oan gia. Xem như sự nhẫn nhịn của vợ người nuôi ngỗng

kia, chẳng phải bảo toàn được rất nhiều đó sao? Ngày trước, Phạm Văn Chính Công từng có thơ khuyên đời rằng:

心中忿怒不如休,
何須經縣又經州？
縱然費盡千般計,
赢得貓來輸去牛。

Tâm trung phẫn nộ bất như hưu,
Hà tu kinh huyện hựu kinh châu?
Túng nhiên phí tận thiên ban kế,
Doanh đắc miêu lai thâu khứ ngưu.

Dịch nghĩa:

Trong lòng giận dữ, tốt nhất nên tự kiềm chế,
Đâu cần phải thưa kiện lên huyện, lên châu?
Ví như gộp hết trăm ngàn thứ phí tổn,
Hóa ra lấy được con mèo lại thua mất cả con trâu!

Dịch thơ:

Lửa giận bùng lên phải dập ngay,
Kiện thưa phủ, huyện có gì hay?
Ví bằng thắng kiện, bao tổn phí,
Mất cả con trâu, được lưỡi cày!

Quý tử phải chết yểu

Hà Ứng Nguyên là thư lại ở phủ Tô Châu, sinh được một đứa con trai đặt tên là Thân. Năm Thân được 4 tuổi, bà vú nuôi đưa về thăm nhà ông ngoại. Trên đường đi ngang qua núi Lăng Gia, lúc trời gần sáng bỗng thấy có một đoàn người ngựa đèn đuốc kéo đến. Khi gặp Hà Thân, họ tỏ vẻ kinh sợ tránh sang bên và nói: “Hà thiếu gia ở đây sao? Chúng ta nên tránh đi thôi.”

Nói xong, tất cả đều theo đường khác mà đi.
Bà vú nuôi về nhà kể lại sự việc, Hà Ứng Nguyên cho rằng đứa con này ắt sau thành người hiển quý. Nhưng rồi khi Hà Thân được 17 tuổi bỗng mù cả hai mắt, Ứng Nguyên buồn giận lắm, nghe nói ở Trực Đường có vị đạo sĩ có thể cầu triệu thần linh, bèn tìm đến hỏi. Thần ứng hiện cho biết: “Lẽ ra con ông thi đỗ khoa này, chỉ vì lúc ông làm thư lại đã nhận hối lộ của người ta, ngụy tạo chứng cứ hãm hại nhiều người vô tội phải bị tù ngục, vì thế nên trời bắt ông phải tuyệt tự. Đứa con này sẽ thác sanh vào nhà khác có phúc đức.”
Quả nhiên, không bao lâu sau thì Hà Thân chết.

Lời bàn

Do đời trước từng có nhân duyên với nhau mới sinh ra làm con cháu. Trong số những người có nhân duyên, lại cũng có kẻ hiền người ngu, hết thảy đều do con người tự chuốc lấy mà thôi. Than ôi, chỉ vì gian tham ngụy tạo chứng cứ mà giết chết đi một đứa con có tiền đồ hiển quý rỡ ràng, thật đáng thương thay!

Không hủy hoại đường danh lợi của người khác

Giảng rộng

Danh là phần tiêu biểu đầy đủ cho thân phận, sự nghiệp của mỗi một cá nhân; lợi là nguồn tài vật giúp người ta có được cơm áo cũng như mọi thứ cần dùng trong sinh hoạt đời sống. Danh lợi của mỗi người đều khó khăn mới gầy dựng được, nhưng hủy hoại đi thì rất dễ dàng nhanh chóng. Nếu có lúc muốn hủy hoại đường danh lợi của người khác, nên nghĩ lại những khó khăn vất vả mà họ đã phải trải qua để có thể gầy dựng được, như thế liệu có nỡ lòng hủy hoại đi chăng?
Như kẻ ngược gió tung tro bụi, lẽ thường sẽ tự làm dơ bẩn thân mình; ngửa mặt lên trời phun nước bọt, ắt phải rơi trở xuống dơ mặt mình;

những việc ấy cũng đều là lẽ tất nhiên. Cho nên, phá hoại danh tiếng của người ắt không khỏi tự làm tổn hại phẩm giá nhân cách của chính mình, mà phá hoại nguồn lợi của người cũng chính là âm thầm làm tiêu tan phúc đức duyên lành của chính mình.

Trưng dẫn sự tích

Vào trường thi đòi nợ cũ

Vào triều Thanh, ở huyện Hợp Phì thuộc tỉnh An Huy có người họ Hứa, vốn là dòng dõi danh giá. Người anh của ông từng được bổ làm quan Học chính ở một tỉnh nọ, có viên học sĩ trong tỉnh ấy mang 200 lượng bạc đến nhờ họ Hứa nói giúp với anh đề bạt phẩm trật cho được lên ngạch thứ ba. Ông nhận tiền, đồng ý sẽ nói giúp, nhưng rồi sau đó vì nhiều việc quá lại quên đi, chẳng nói gì về việc ấy cả. Đến khi sắp xếp ngạch trật, ông học sĩ này xếp tận dưới hàng thứ sáu. Ông ta tự nghĩ thấy mình bị mất cả danh lẫn lợi nên uất ức quá treo cổ tự vẫn. Người vợ ông ta cũng đau buồn quá mà thành bệnh rồi chết.

Đến năm Canh Ngọ thuộc niên hiệu Khang Hy, họ Hứa vào trường thi, bỗng thấy viên học sĩ đã chết kia đứng ngay trong phòng dành cho thí sinh. Họ Hứa ngay lúc ấy liền hôn mê không còn biết gì nữa, tự đi đến lấy những sợi chỉ hồng trên bàn quan giám khảo, nối từng sợi một lại cho dài ra rồi buộc vào cổ mình, tự đến treo mình lên chỗ cửa phòng. Quanh cổ chỉ quấn mỗi một sợi chỉ nhỏ, nhưng hai chân vẫn rời lên khỏi mặt đất cả thước, lưỡi cũng theo đó mà lè ra thật dài. Quân canh lập tức bẩm báo lên quan giám khảo, lúc bấy giờ chính là quan Tổng hiến Truyền Công. Ông liền ra lệnh cho quân canh gấp rút cứu xuống. Khi ấy, họ Hứa bỗng trở nên cuồng loạn, nói lảm nhảm như ma quỉ, rồi kể rõ đầu đuôi câu chuyện năm trước đã nhận tiền nhưng không lo xong việc. Kể chuyện rồi, lại chờ khi cửa vừa mở đã hối hả chạy như bay về chỗ trọ. Không lâu sau, họ Hứa

treo cổ tự vẫn trong phòng trọ.

Lời bàn

Một sợi chỉ nhỏ mà treo được thân người lên, chẳng phải là hết sức vô lý sao? Nhưng chuyện của họ Hứa thì chính mắt bao nhiêu người trong trường thi khi ấy đều nhìn thấy. Cho nên có thể thấy rằng, khi nghiệp quả đã chín mùi, sự báo ứng thật không thể dùng lý lẽ suy diễn để hiểu hết. Lại suy cho cùng, đến lúc khởi sinh ba tai kiếp của giai đoạn kiếp mạt, cành lá của cây cỏ đều hóa như dao sắc nhọn, người chạm vào liền bị thương tích, nhưng không ai tránh khỏi được kiếp nạn đó. Như khi đức Thế Tôn chịu nạn giáo gỗ đâm chân, cây gỗ ấy chỉ dài một thước mà có thể xuyên qua hòn đá xanh lớn, lại đi theo đức Phật từ nơi này sang nơi khác, chẳng phải càng đáng tin chắc hơn sao?

Không làm tan vỡ chuyện hôn nhân của người

Giảng rộng

Trong ý nghĩa của hai chữ hôn nhân (婚姻) thì người con trai lập thành gia thất gọi là hôn (婚), con gái xuất giá theo chồng gọi là nhân (姻). Chữ hôn (婚) vốn lấy theo nghĩa hôn (昏) là đêm tối, vì xưa kia quy định phần chính trong lễ này là lễ hợp cẩn chỉ được tiến hành khi đêm xuống, không thực hiện lúc ban ngày, đó là hàm ý có sự hổ thẹn. Chữ nhân (姻) thì lấy theo nghĩa nhân nhân (因人), tức là dựa vào người, ý nói người con gái một khi đã theo chồng phải hết lòng giữ sự hòa hợp, dựa vào chồng mà giữ theo đạo đức luân lý, lại cũng dựa vào chồng mà phó thác sự vinh nhục sướng khổ của cả một đời mình, đó là hàm ý người vợ luôn tùy thuộc theo chồng. Hôn nhân là sự kết hợp tốt đẹp giữa hai dòng họ, trước là kế thừa sự nghiệp của tổ tiên dòng tộc, sau là gầy dựng mở mang cho con cháu đời sau, hiện tại thì nối kết hòa hợp với thân tộc đôi bên, quả thật là một nhân

duyên không nhỏ.
Nói chung thì việc hôn nhân vốn được định đoạt từ nhân duyên kiếp trước, chẳng những là riêng bản thân ta không chủ động được, mà cho đến cả cha mẹ hai bên cũng không có khả năng chủ động quyết định. Nếu là do nhân duyên lành đưa đến thì những tâm niệm hòa hợp tốt đẹp sẽ không ngừng không dứt. Nếu là do nhân duyên xấu ác đưa đến thì oán tình độc hại sẽ còn kéo dài mãi chưa hết chưa thôi.
Vì thế nên chuyện hôn nhân không phải dùng sức người mà có thể phá hoại được. Ví như người khởi tâm muốn phá hoại, nếu không phải kẻ nuôi lòng thù hận, ắt cũng là do sự ghen ghét. Bất kể là khi khởi tâm mà chưa phá hoại được, hay khi đã phá hoại được rồi, thì tội ấy cũng đều xem như đã thành.
Cố ý phá hoại việc hôn nhân của người tất nhiên là không nên. Nhưng ngay cả việc gán ghép người khác cho thành chồng vợ với nhau cũng không thể không thận trọng. Ví như tuổi tác chênh lệch quá xa ắt không thể sống cùng nhau đến răng long đầu bạc; hoặc cũng không nên xem thường những yếu tố như sang hèn cách biệt, không môn đăng hộ đối. Cho đến những chuyện như gia cảnh giàu nghèo, hình dung xấu đẹp đều không ra ngoài sự cân nhắc.
Trưng dẫn sự tích
Biết lỗi sửa lỗi
Quan Thị lang Tôn Hồng, khi còn trẻ có một người bạn cùng theo học ở trường Thái học xa nhà. Hai người có giao ước là khi thư nhà gửi đến thì đều đưa cho nhau xem. Một hôm, người bạn được thư nhà nhưng giấu không cho Tôn Hồng xem. Sau Tôn Hồng biết được, gạn hỏi, người bạn mới nói: “Trong thư ngẫu nhiên có chỗ không hay, sợ làm anh thối chí.” Tôn Hồng vẫn cố đòi xem cho kỳ được, cuối cùng người bạn phải đưa ra lá

thư của cha mình. Trong thư viết rằng: “Đêm qua cha nằm mơ thấy đến một dinh quan, mơ màng thấy mình được xem qua sổ ghi tên những người thi đỗ. Trong đó thấy có tên con với Tôn Hồng, nhưng tên Tôn Hồng thấy ghi xuống phía dưới, lại có hàng chữ đỏ chú rằng: ‘Ngày tháng năm ấy... đã viết giúp một người tên ấy... lá đơn ly hôn, do đó bị trời phạt, tước bỏ tên trong sổ.’”

Tôn Hồng đọc thư tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên, người bạn liền hỏi: “Có việc như thế chăng?” Tôn Hồng đáp: “Chuyện ấy đã lâu rồi, lúc tôi đang ở tại châu nọ..., có gặp hai ông bà đã lớn tuổi, đang quát mắng nhau, muốn ly hôn nhưng không có ai viết đơn giúp. Nhân đó họ nhờ tôi viết đơn, thật tôi hoàn toàn không có ý xấu.” Người bạn an ủi: “Chuyện mộng mị chẳng lấy gì làm đích xác, không cần phải lưu tâm. Huống chi tài học như anh thì lẽ nào thi lại không đỗ.”

Đến khoa thi, người bạn học ấy thi đỗ, Tôn Hồng quả nhiên bị đánh rớt. Từ đó mới biết giấc mộng ngày trước không phải hư huyễn. Thấy Tôn Hồng nhân việc ấy mà trong lòng không vui, người bạn liền nói: “Thôi anh đừng buồn nữa, đợi khi tôi về quê sẽ thay anh đến khuyên giải hai ông bà kia tái hợp như cũ, được không?” Nói rồi liền hỏi kỹ tên họ, nơi ở của hai ông bà kia, sau đó tìm đến tận nơi, thấy hai ông bà vẫn chưa hợp lại, bèn đem chuyện của Tôn Hồng kể hết cho hai người nghe, lại bày tiệc rượu khuyên hai người tái hợp như xưa. Việc thành tựu, liền gửi thư báo cho Tôn Hồng. Tôn Hồng hết sức cảm kích vui mừng.

Về sau, Tôn Hồng được miễn kỳ thi ở tỉnh vì là học sinh nội trú của trường Thái học, dần dần lại được thăng tiến quan cao lộc hậu, nhiều lần nhậm chức ở các quận huyện lớn. Những nơi ông đến, khi gặp gia đình nào đang muốn ly hôn, ông đều cố sức hòa giải, nhờ đó mà bảo vệ được hạnh phúc cho rất nhiều gia đình.

Lời bàn

Năm cuối triều Nam Tống, ở Lâm Xuyên có người họ Vương, vợ là Lương thị bị giặc Nguyên bắt đi, cưỡng lại mà chết. Trải qua nhiều năm, người chồng định tái hôn nhưng cứ luôn gặp việc trắc trở không thành. Một đêm mộng thấy người vợ hiện về nói: "Tôi đã thác sanh vào nhà ấy, nay được mười tuổi, bảy năm nữa sẽ làm vợ anh." Hôm sau liền cho người đến tìm theo lời trong mộng, quả nhiên tìm được, bèn đợi sau bảy năm mang lễ vật đến xin cưới, chỉ một lần là được ngay. Cho nên, nhân duyên vợ chồng đâu thể xem nhẹ mà phá hoại?

Ly gián hôn nhân phải chịu quả báo

Đời nhà Thanh, niên hiệu Thuận Trị, vào năm Mậu Tuất có mở khoa thi Hội. Vào lúc điểm danh, bỗng phát hiện trong ống đựng bút của một thí sinh người ở Hiếu Liêm có bản thảo lá đơn ly hôn. Quan giám khảo xem qua giận lắm, sai dùng trượng phạt đánh rồi cùm lại nhốt vào ngục, đồng thời lập tức tước bỏ tư cách cử nhân.

Về sau tìm hiểu nguyên nhân mới biết, thí sinh người Hiếu Liêm này vốn có một người bạn đồng học, có gian ý muốn cưới vợ của một người bạn khác về làm thiếp. Anh chàng người Hiếu Liêm liền vì người bạn kia nghĩ kế, trước hết đặt điều nói xấu người vợ, khiến anh chồng giận ghét muốn bỏ vợ. Tiếp theo nhân lúc vợ chồng ly gián, liền mai mối chuyện hôn sự với người kia, lại vì người này mà viết giúp đơn ly hôn. Nhưng rốt lại anh ta cũng không hiểu vì sao lại mê muội để bản thảo lá thư ấy vào trong ống đựng bút.

Lời bàn

Mưu kế của anh chàng này quả là thâm độc vô cùng! Nên biết, trong luật trời thì phá hoại chuyện hôn nhân của người khác được xem là điều ác độc nhất. Chẳng những là sau khi đã thành vợ chồng không được dễ dãi

nói đến chuyện ly dị, mà ngay cả khi chưa kết hôn, nếu sự việc đã định đoạt rồi cũng không được làm cho thay đổi.

Tại quê tôi ở Côn Sơn có một gia đình vốn trước đây là danh gia vọng tộc, chỉ sinh được mỗi một đứa con gái. Từ khi lâm vào cảnh sa sút bần cùng, mọi chi phí sinh hoạt ăn uống trong nhà đều phải dựa vào sự cung cấp của một người nô bộc cũ. Trải qua nhiều năm tháng như vậy, người chủ lấy làm cảm kích tấm lòng của người nô bộc cũ, liền mang khế ước bán thân của người này trước đây ra trả lại, đồng thời dùng lễ cung kính đối đãi như bằng hữu.

Người nô bộc cũ ấy có một đứa con trai rất thông minh, tuấn tú, người chủ muốn kết làm thông gia. Nô bộc cố hết sức chối từ, không dám, sau người chủ ép quá nên đành phải nghe theo, cho hai trẻ kết thành vợ chồng, sống với nhau hết sức tương đắc.

Không bao lâu, cả hai vợ chồng người chủ đều qua đời, người nô bộc cũ liền bảo bọc nuôi dưỡng cả con dâu. Qua năm sau, có người trong tộc họ của người chủ cũ viện cớ hai bên gia đình sang hèn cách biệt không thể kết thông gia, nên cố tìm đủ cách sách nhiễu không ngừng, cuối cùng lại kiện lên quan. Quan xử hai bên ly dị, người nô bộc cũ cuối cùng do việc ấy mà tan nhà nát cửa. Người trong tộc họ của chủ cũ lại không có khả năng nuôi dưỡng cô con gái, đến nỗi cuối cùng đói khổ uất ức mà chết. Cô gái ấy chết không bao lâu thì thác nhập vào người trong tộc họ của chủ cũ, kể lể hết đầu đuôi sự việc. Những kẻ đồng mưu trong việc này có bao nhiêu người sau đó đều mắc phải bệnh nặng, nối nhau mà chết cả.

Không vì thù oán riêng làm cho anh em người khác bất hòa

Giảng rộng

Anh em trong một nhà, tuy hình thể phân biệt khác nhau, nhưng khí chất tương đồng vì cùng một cha mẹ sinh ra. Tuy tuổi tác khác nhau, nhưng

đều do cha mẹ ân cần sinh dưỡng. Anh em nếu không hòa thuận là có tội với cha mẹ. Vì thế, nếu làm cho anh em người khác bất hòa, tức là khiến cho họ phải có tội với cha mẹ họ.

Với anh em cùng cha khác mẹ, tuy phân dòng chánh thứ, nhưng với ta vẫn cùng một cha, như chân tay tương thuộc, nếu không hòa thuận với nhau, ấy là bạc đãi cốt nhục của mình. Vì thế, nếu khiến cho anh em cùng cha khác mẹ của người khác bất hòa, tức là khiến cho họ bạc đãi cốt nhục.

Anh em bà con trong dòng họ, tuy phân biệt thân sơ, nhưng cũng đều nhờ vào âm đức tổ tông che chở vun bồi, nếu không hòa thuận với nhau thì rõ ràng là bất kính với tổ tiên. Vì thế, nếu khiến cho anh em bà con của người khác bất hòa, tức là khiến cho họ bất kính với tổ tiên.

Cho nên phải biết rằng, việc báo thù riêng là hết sức nhỏ nhặt, mà cái hại về sau của sự bất hòa lại hết sức to lớn. Nếu người nào thực sự hiếu kính cha mẹ, đối xử tốt với anh em, thì mới có thể đem sự thương yêu anh em của mình mà suy ra để hiểu được tình anh em của người khác, vậy sao có thể nhẫn tâm vì chuyện báo thù riêng mà khiến cho người khác không tốt với em, bất kính với anh?

Trưng dẫn sự tích

Thành hoàng quở trách

Vào triều Thanh, vùng Gia Định, có hai anh em nhà họ Trương, khi phân chia gia sản cha mẹ để lại, người anh lẽ ra phải trả cho em mười mấy lượng bạc, nhưng anh ta lại dựng chuyện chỉ hươu chỉ nai, cố ý không muốn trả. Người em nghèo, tính tình chất phác, không cãi lại được anh, liền đến nhờ ông chú phân xử, vì ông là người trước kia đã đứng ra phân chia gia sản. Ông chú thấy người anh giàu có, có thể nhờ cậy được, nên quay sang bênh vực cho anh. Người em trong lòng hết sức giận tức. Đến mùa hè năm Đinh Sửu niên hiệu Khang Hy liền viết một bản văn sớ kể lể

hết sự tình, mang đến khấn rồi đốt ở miếu Thành hoàng trong làng. Đốt xong, đợi năm ngày mà không thấy chút cảm ứng gì, lại đốt tiếp một bản văn sớ nữa. Qua hôm sau, người chú bỗng lăn ra chết, người anh cũng chết. Rồi cuối cùng người em cũng chết luôn.

Sau khi chết, cả ba người đều thấy mình bị dẫn đến miếu Thành hoàng. Thần nói: “Ba người các ngươi thật chưa chết, nhưng ta triệu cả ba đến đây là vì có sớ kiện, phải thẩm xét cho rõ sự việc.” Rồi thần hướng về người anh, nói: “Ngươi quả thật chưa trả mười lăm lượng bảy tiền cho em, sao còn mưu gian cậy thế? Phạt ngươi 30 trượng.” Lại nói với người em: “Việc này sao không tố cáo với quan ở dương gian, lại xem thường kinh động đến âm phủ? Phạt ngươi 25 trượng.” Lại trách mắng người chú: “Ngươi là chú sao không phân xét công bằng, lại xu nịnh người giàu, khinh dễ kẻ nghèo, khiến cho hai cháu phải thưa kiện đến đây, phạt ngươi 10 trượng.”

Xử việc xong, cho cả ba về. Ba người tỉnh lại, hóa ra đã chết hơn nửa ngày, người nào cũng than nơi bắp đùi đau đớn lắm, lại nhìn vào mông đều thấy thịt tím bầm. Cả ba người đều nằm liệt hơn mười ngày mới dậy nổi.

Lời bàn

Người chú họ Trương vốn không có thù riêng với cháu, chỉ là muốn hùa theo điều lợi mà thôi. Đâu biết rằng hết thảy mọi việc ở dương gian, nơi âm phủ đều có sổ sách ghi lại rõ ràng, không sai sót? Cho nên dương thế còn có chuyện oan ức, nhưng âm ty tuyệt không phán xử sai lầm. Trên dương thế còn có ảnh hưởng của tình cảm khi xét xử, nhưng âm ty chỉ theo đúng luật mà làm. Việc hỏi tội nơi dương thế, bất quá chỉ phán xét theo những việc trong đời này, nhưng âm ty luận tội thì cân nhắc hết thảy mọi việc trong nhiều đời trước. Người gặp việc oan ức, nếu hiểu rõ được nhân

duyên đời trước ắt sự uất ức sẽ tự tiêu tan.
Tôi nhớ vào năm Nhâm Tuất, ở trấn Nam Tường cũng thuộc vùng Gia Định, trong gia đình của Lục Chấn Cầu phát sinh một chuyện thật hết sức ly kỳ. Cứ theo lời người nhà ấy thì ma quỷ cõi âm khi đi lại cũng phải có điệp văn, lại không được phép đi qua các bến sông.
Năm ấy, người cháu dâu của Lục Chấn Cầu bị bệnh, bỗng có một con quỷ nhập vào, tự nói ra rằng: “Tôi vốn là người ở huyện Vụ Nguyên, Huy Châu, ở bờ sông phía bắc bán trứng cá, bị một nhà buôn kia thiếu nợ quá nhiều không trả, mất sạch cả vốn lẫn lãi, do đó uất ức mà chết. Tôi chết rồi liền mang sự việc khiếu nại nơi âm ty. Quan âm ty nói việc này không có gì phải khiếu tố cả, liền đưa cho tôi xem một bản ghi chép, trong đó có đủ những khoản mà kiếp trước tôi đã nợ người kia. Tôi biết được rồi thì không còn giận tức nữa. Vị quan âm ty liền cấp cho tôi một điệp văn, bảo quay trở về nhà. Nhưng lúc đi ngang qua đây thì bị đứa tớ gái của ông tạt nước trúng làm dơ bẩn điệp văn, nên không thể về nhà được nữa. Xin mau mau đền lại điệp văn cho tôi.”
Lục Chấn Cầu nói: “Điệp văn là của cõi âm, tôi biết làm sao thay thế được, nên quay lại nơi đã cấp mà xin cấp lại mới được.”
Quỷ nói: “Tôi đi đến đây rồi, phía trước là thành quách, phía sau là trạm quan canh giữ, dù muốn trở lại cũng không được.”
Lục Chấn Cầu liền hỏi: “Như vậy biết phải làm sao?”
Quỷ nói: “Trong vùng này có người tên họ ấy, ở làng ấy... có thể giúp được việc này.”
Chấn Cầu sai người đi tìm theo lời quỷ nói, quả nhiên có người tên ấy, ở làng ấy, liền mời đến nhà. Người ấy là một cụ già. Chấn Cầu đem hết sự việc kể cho cụ nghe, nhưng cụ già không biết cách cấp điệp văn, nên chỉ cho tìm đến nhờ một đạo sĩ. Liền bày lễ vật hoa quả cúng tế, rồi nhờ đạo sĩ

viết lại điệp văn. Quỷ có được điệp văn rồi mừng lắm, hết sức cảm tạ, lại dặn người nhà phải nhanh chóng mời thầy trị bệnh cho cô cháu dâu. Lúc quỷ đã đi rồi, bỗng quay lại nói: “Nhà ông có hai con chó đang ngủ trước cửa, không ra được. Xin ông đưa tôi ra.” Lục Chấn Cầu liền đưa theo ra cửa, quỷ liền xuất ra đi mất. Người cháu dâu của Chấn Cầu sau đó dần dần khỏi bệnh.

Ai dám nói là âm dương hai đường khác biệt, lý lẽ khác nhau?

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (30)

Không vì lợi nhỏ khiến cha con người khác thành xung khắc

Giảng rộng

Đạo cha con vốn nặng hơn cả tình anh em. Anh em trong gia đình bất hòa xích mích là việc xấu trái với đạo đức, nhưng cha con mà đối nghịch chia lìa nhau là dứt mất cả đạo trời. Thử hình dung ví như có người ngoài vì mưu lợi ích riêng mà xúi giục cho cha con ta chia lìa, cốt nhục xung khắc thì sao? Thương thay cha mẹ, ngoái nhìn con cháu mà cảm thương; nheo nhóc cháu con, ngưỡng vọng cha ông cùng đau khổ; liệu có nhẫn tâm làm

thế được chăng? Lại dựa theo lý lẽ nào mà làm thế được?

Cho nên, các bậc hiền thánh xưa nay đều dạy rằng, quý trọng cha ông của mình nên phải biết quý trọng các bậc cha ông người khác; thương yêu con em của mình nên phải biết thương yêu con em người khác. Bởi vậy, phải làm sao cho nhà nhà đều hiếu kính mẹ cha, nơi nơi các bậc phụ lão đều được sống lâu hưởng phước, thì tấm lòng hiếu dưỡng cha mẹ của riêng ta mới được trọn vẹn, mà tâm nguyện dạy dỗ con cái của riêng ta mới được an ổn. Nếu không được vậy, xét kỹ lại bản thân ta không khỏi trở thành kẻ bất hiếu với cha mẹ, thiếu trách nhiệm với con cháu.

Nói đến sự bất hòa cũng có rất nhiều nguyên nhân. Nếu không do lời qua tiếng lại, ắt cũng vì liên quan đến tiền bạc của cải; nếu không do cha mẹ trước sau có sự thiên vị không công bằng với con cái, ắt cũng vì anh em hai dòng đích thứ, sinh ra thiên lệch bên khinh bên trọng... Tuy nhiên, xét đến căn nguyên tận cùng ắt cũng không ra ngoài một chữ “lợi” trong lời dạy của Đế quân.

Sở dĩ nói là “lợi nhỏ”, không nhất thiết là chỉ những điều vụn vặt nhỏ nhen, mà ý muốn nói ngay cả đem so những thứ như nhà cửa ruộng vườn với sự bất hòa giữa cha con, ắt phải thấy rằng hết thảy những giá trị vật chất ấy đều là nhỏ nhặt. Nếu bám chấp nơi từ ngữ mà không hiểu được ý nghĩa sâu xa của lời văn như thế, e rằng không khỏi làm trái với lời răn dạy của Đế quân.

Trưng dẫn sự tích

Dụ dỗ con người khác, quả báo tan nhà nát cửa

Có một người giàu có tên là Từ Trì, ở kế bên nhà Từ Bát. Nhìn thấy nhà Từ Bát phòng ốc rộng lớn đẹp đẽ, Từ Trì liền khởi dã tâm muốn tìm phương kế để chiếm đoạt làm của mình. Nhưng Từ Bát hoàn toàn không có ý định bán nhà. Từ Trì liền lập mưu dụ dỗ đứa con của Từ Bát vào

đường cờ bạc, dần dần đam mê hư hỏng, phá nát gia sản, cuối cùng khiến Từ Bát đành phải bán nhà cho Từ Trì.
Từ Bát trong lòng căm hận lắm, do đó mà cha con bất hòa. Từ Bát buồn giận mà chết. Không bao lâu sau, Từ Trì có 3 đứa con, 5 đứa cháu đều bị bệnh nặng. Từ Trì nằm mộng thấy ông nội hiện về nói: "Tai họa sắp đến rồi. Con còn nhớ không, sau khi con mua được nhà ít lâu thì Từ Bát chết. Ông ấy đã kiện con ở âm ty."
Từ Trì tỉnh dậy sợ lắm, liền đến cúng tế cầu đảo ở miếu Thành hoàng. Lúc mới vào miếu, bỗng thấy một người ăn mày lộ vẻ kinh ngạc lắm, liền gạn hỏi nguyên do. Người kia đáp rằng: "Hôm qua tôi tình cờ nằm ngủ trước điện thờ, thấy có một người tay cầm đơn kiện, nói là kiện Từ Trì dụ dỗ con ông ta hư hỏng phá hết gia sản. Thật không ngờ là chính ông là Từ Trì lại đến đây cúng tế cầu đảo, vì thế nên lấy làm kinh ngạc."
Từ Trì nghe vậy lại càng thêm sợ, chưa qua hết năm ấy thì bệnh liệt giường rồi chết.

Lời bàn

Vì thèm muốn nhà cửa người khác mà bày mưu lập kế, phá hoại tình cảm cha con, khiến cho cốt nhục chia lìa, làm cho họ phải tan nhà nát cửa mới thôi, quả thật là tâm niệm hiểm độc.
Trước đây có quan Thượng thư họ Triệu người Giang Hữu, nhà ở gần với một vị Tỉnh nguyên họ Thường. Họ Thường có khu vườn phong cảnh tuyệt đẹp, Triệu Thượng thư có ý muốn dùng quyền thế chiếm lấy. Họ Thường ngầm biết, bèn làm một bài thơ rồi gửi đến cho Triệu Thượng thư, kèm theo cả giấy tờ bằng khoán của khu vườn. Nội dung bài thơ như sau:
Mênh mông trời đất vốn có phần,
Cơ mưu xảo trá chẳng dễ phân.
Biển dâu thay đổi nào ai biết?

Gió mát trăng thanh đã bao lần.
Vườn lan ngày cũ nay quên Tấn,
Cửa động đào hoa đón khách Tần.
Vườn kia là chủ, thân là khách,
Hỏi ngài còn được mấy lăm xuân?
Triệu Thượng thư xem thư rồi liền gửi trả lại giấy tờ bằng khoán, không dám nhận. Nếu so với Từ Trì có thể nói là ông này đã sớm thức tỉnh, hiểu được vấn đề, chuyển họa thành phúc.

Không dựa quyền thế làm nhục kẻ hiền lương

Giảng rộng

Khi đang có quyền thế, tất nhiên rất dễ trở nên hiển hách, nhưng rồi lại cũng rất dễ mất đi. Đang lúc thanh thế lẫy lừng, ắt kẻ hầu người hạ chen nhau trong nhà, những kẻ xu phụ nịnh hót không thiếu, dù có tùy tiện nói ra điều gì mọi người cũng răm rắp nghe theo. Đến khi thất thế sa cơ, những kẻ gần gũi xu phụ đều quay mặt đi, những người từng chịu ơn giờ như kẻ thù, bấy giờ dẫu có đem hết tâm can mà nói, người ta cũng phớt lờ như chẳng nghe. Cùng là một con người ấy, nhưng lúc thì vồn vã nhiệt tình, khi lại lơ là lạnh nhạt, lẽ đời xưa nay vẫn thường như thế.
Cho nên phải biết rằng, khi trong tay mình đang có quyền thế còn không nên ỷ vào, huống chi lại dựa nơi quyền thế của người khác? Huống chi lại dựa vào đó để làm nhục kẻ hiền lương?
Làm nhục người hiền lương là có tội, lại cậy quyền thế để làm nhục người hiền lương, ấy là tội chồng thêm tội. Người sang cả có quyền thế, kẻ giàu có cũng có quyền thế; người làm quan có quyền thế, những thư lại giúp việc quan cũng có quyền thế. Những quyền thế ấy tuy khác nhau, nhưng cái tâm niệm của người muốn dựa vào ắt là giống nhau. Khi đã nghĩ rằng mình có thể dựa vào quyền thế, tự nhiên liền có ý muốn làm nhục người

khác.

Nói đến “hiền lương” thì hiền là hiền lành nhân hậu, vốn là phẩm tính ngược lại của xấu ác; còn lương là lương thiện trong sạch, để phân biệt với sự gian giảo xảo trá đáng khinh. Cả hiền và lương đều là những phẩm tính không nên làm nhục, thậm chí khi gặp người hiền lương thật không nên khởi lên ý niệm làm nhục. Cho nên, nếu dựa vào quyền thế để làm nhục người hiền lương thì tội lỗi ấy đem so với việc làm nhục những kẻ khác là nặng hơn rất nhiều.

Trưng dẫn sự tích

Muốn được thăng chức mà ám hại người

Vào thời Nam Bắc triều, đời nhà Lương, có người họ Hoành ở Khúc A, cực kỳ giàu có, thường đi Tương Châu buôn gỗ. Trải qua mấy năm buôn bán, có mua được mấy súc gỗ lớn, dài đến hơn 50 trượng, quả thật rất hiếm có. Bấy giờ, Lương Võ đế muốn xây dựng chùa Hoàng Cơ phía trên lăng của Văn Hoàng đế nên tìm mua gỗ quý. Ngay lúc ấy thì gỗ của họ Hoành lại đang được chở đến Nam Tân. Quan hiệu úy Nam Tân là Mạnh Thiếu Khanh, vì muốn triều đình ban chiếu đề bạt trọng dụng mình, nên nghĩ ra kế lập công bằng cách khám xét lục soát quần áo, đồ vật mang theo của họ Hoành, rồi vu cáo đó là đồ ăn cắp, lại nói rằng gỗ của họ Hoành lớn dài vượt quá quy chế xưa nay, không phải loại gỗ buôn bán nên tịch thu tất cả nhập vào kho, nộp lên Võ đế để dùng xây chùa, còn xử họ Hoành tội chết. Đến ngày bị hành hình, họ Hoành dặn vợ con đặt vào quan tài mình đầy đủ các thứ giấy vàng, bút mực. Họ Hoành lại bảo viết tên họ đầy đủ của Mạnh Thiếu Khanh lên hàng chục mảnh giấy rồi nuốt cả vào bụng.

Họ Hoành bị xử chết chưa quá một tháng thì Thiếu Khanh bỗng nhiên nhìn thấy ông ta hiện đến đòi mạng. Ban đầu còn chống cự trốn tránh, sau chỉ thấy luôn miệng cầu xin tha mạng, cuối cùng thổ huyết mà chết. Tất cả

những người có liên quan chính yếu đến vụ án như quan cai ngục, quan văn thảo án, người tâm phúc của Thiếu Khanh... chỉ trong mấy tháng đều theo nhau bỏ mạng. Chùa Hoàng Cơ xây dựng vừa xong bỗng tự nhiên phát hỏa cháy rụi, ngay cả những phần gỗ chôn dưới đất cũng hóa thành tro, không còn lại gì cả.

Lời bàn

Thật đáng buồn thay! Phước đức của chúng sinh thời suy mạt dần dần giảm thiểu, sản vật trong tự nhiên cũng ngày càng kém cỏi hơn. Từ đời nhà Lương đến nay, bất quá cũng chỉ hơn ngàn năm, thế mà nay thử vào tận núi sâu rừng già cố tìm một cây gỗ chừng hơn 20 trượng đã không thể được, huống chi những cây đại thọ cao đến hơn 50 trượng? Nói chung, con người càng nghèo khổ thì cây rừng càng nhanh chóng bị chặt phá nghiêm trọng, huống chi lại thêm yếu tố đất đai ngày càng bạc màu, kém độ màu mỡ hơn. Trong khoảng đời Tùy Đường trở về trước, bông lúa phần nhiều đều dài được hơn một thước, rau quả đều có vị ngon ngọt, hoa cỏ đều tỏa ngát hương thơm, nhưng đến nay thì mọi thứ đều dần dần kém đi không được như xưa. Than ôi! Những lý lẽ sự kiện rõ ràng như thế, chỉ tiếc là vẫn còn rất nhiều người không nhận biết, xin nói ra đây để nhắc nhở, họa may có người tin nhận được chăng?

Bắt chó làm chứng

Liễu Thăng, tự Bình Chi, người làng Mão Kim, bất tài nhưng chẳng biết do đâu lạm nhận được một chức quan nhỏ, ỷ thế hiếp người bất chấp đạo lý, bản tính lại tham lam ác độc, chỉ tìm mọi cách để kiếm cho được nhiều tiền, dù đối với người thân cũng không chút lưu tình. Huyện lệnh vùng ấy là Ân Thuật Khánh cũng tham lam ác độc, cả hai cùng cấu kết với nhau làm đủ việc xấu ác, kiếm được tiền thì chia chác cùng nhau. Những người bị bọn chúng làm hại, ai ai cũng đau đớn than khóc, khấn vái tố cáo lên thần linh.

Chưa được nửa năm thì Liễu Thăng bỗng bất ngờ ngã lăn ra chết thảm. Vào lúc chết, mắt tai mũi miệng đều chảy máu tươi. Chỉ mấy hôm sau, Ân Thuật Khánh cũng bệnh nặng rồi chết. Trong khi chờ nhập liệm, thân thể bỗng hóa đầy giòi bọ. Cùng ngày, người nô bộc già của Liễu Thăng với con chó trong nhà cũng lăn ra chết. Qua một đêm, người nô bộc già bất chợt ngồi dậy, nói với vợ: “Tôi đi đến âm phủ rồi, nhìn thấy Diêm vương ngồi trên điện, có quan binh đứng chầu, hiệu lệnh rất nghiêm, dưới thềm thấy áp giải hai người đến, chính là ông chủ với Ân Thuật Khánh, đều bị đánh khảo bằng roi vọt dữ dội lắm, đến nỗi tôi không nỡ nhìn. Diêm vương lại sai mang đến đưa cho tôi một mảnh giấy, trong đó ghi số tiền trước đây tôi đã thay ông chủ đi nhận của người ta, còn con chó đen vốn thường theo tôi mỗi lần đi nhận tiền, nên cho bắt cả tôi và con chó đến để làm chứng. Chốc lát sau, trên điện có tiếng hô: ‘Liễu Thăng, Ân Thuật Khánh, đày cả vào địa ngục, tội này mãi mãi không được ân xá.’ Diêm vương lại đặc biệt tha tôi trở về dương gian, là có ý muốn tôi kể lại mọi việc cho người đời được biết.”

Lời bàn

Họ Ân cầm quyền huyện lệnh, gieo rắc tội ác khắp nơi, tàn hại muôn người, huống chi lại thêm họ Liễu dưới tay, giúp kẻ tàn độc làm chuyện bạo ngược? Quả báo vào địa ngục tất nhiên không thể nào tránh được.

Chịu nhục mà chết

Khâu Mạnh Hoa là người trấn Giác Trực ở Côn Sơn, có đứa cháu gọi bằng cậu tên là Trâu Thọ, thường gây chuyện bất hòa trong nhà với ông. Khâu Mạnh Hoa nói: “Thằng này phải dùng phép quan mà trị, hoặc bắt nó phải chịu nhục thì mới biết hối lỗi.”

Nghĩ vậy rồi liền sai con trai là Thánh Thời cầm danh thiếp của ông đến đưa cho quan phủ, cậy can thiệp vào. Quan phủ sai người cùng đi với

Thánh Thời, bắt Triệu Thọ đến trước công đường, phạt dùng trượng đánh. Trâu Thọ với Thánh Thời là anh em cô cậu, nay thấy Thánh Thời dựa quyền thế cửa quan làm nhục mình nên căm hận lắm, đến nỗi sau đó phát bệnh cuồng điên, rồi cuối cùng tự treo cổ chết.

Trải qua ba năm, Thánh Thời ngã bệnh, dùng đủ trăm thứ thuốc thang cũng chẳng thấy công hiệu gì. Một hôm bỗng nhiên bị Trâu Thọ nhập vào xác, kể rõ lại chuyện cũ, lại nói là muốn dùng dao đâm Thánh Thời. Cha mẹ vội đến xem, liền thấy phía dưới cạnh sườn quả thật có vết thương như dao đâm. Khâu Mạnh Hoa liền dùng lời an ủi Trâu Thọ rằng: “Cháu đã chết rồi, không thể sống lại nữa, hay để cậu mợ lập đàn sám hối cầu siêu cho cháu.” Hồn Trâu Thọ nói: “Chuyện đã đưa đến Đông Nhạc, cháu cũng không làm gì được nữa. Ngay hôm nay sẽ tra hỏi, tất nhiên anh ta phải cùng đi với cháu đến đó thôi.” Quả nhiên, chưa qua hết ngày hôm đó thì Thánh Thời đã chết.

Lời bàn

Thánh Thời chết vào ngày 23 tháng 8 năm Bính Tý thuộc niên hiệu Khang Hy triều Thanh. Về sau tôi có tìm gặp những bạn bè thân hữu của anh ta để gạn hỏi chi tiết, họ đều kể lại không khác với lời kể của Đàm công trên đây.

Không ỷ giàu sang khinh rẻ người cùng khốn

Giảng rộng

Giàu sang phú quý hay nghèo khổ khốn cùng đều có nhân duyên, tuy có sự khác biệt chẳng giống nhau, nhưng thảy đều là do những gì tự thân mỗi người đã làm trong đời trước. Nhưng xét theo cảnh ngộ trong hiện tại thì sự khổ vui của kẻ nghèo người giàu rõ ràng là cách biệt nhau một trời một vực.

Người được sống cảnh giàu sang phú quý nên thường giữ tâm trung hậu,

thường lo nghĩ đề phòng những lúc nguy cấp, luôn kính cẩn giữ mình thận trọng theo đạo lý, làm việc gì cũng phải biết thương tưởng nghĩ đến những người nghèo khổ cùng khốn, như vậy mới có thể tăng thêm phúc đức của chính mình.

Ngược lại, nếu thấy người lâm vào hoàn cảnh khốn cùng không có khả năng tự bảo vệ, dễ dàng khinh bạc, liền nhân đó mà đè nén áp bức, xua đuổi, làm nhục hay ngược đãi, hoặc dùng mưu mô gian xảo để bắt phải làm theo ý mình, hoặc dùng cách cho vay nặng lãi để bóc lột, ắt phải chịu quả báo về sau như thế nào có thể dễ dàng biết được, không cần phải nói.

Nên biết, tiền tài sản nghiệp đều là những thứ đến đi không nhất định, ngày nay vườn hoang vắng vẻ, năm sau đã thành chốn lầu ca nhộn nhịp, nên có ai dám chắc rằng kẻ giàu sang không có lúc trở thành trắng tay cùng khốn? Chi bằng sớm biết giữ theo điều nhân hậu, chẳng phải tốt hơn nhiều sao? Người giàu sang phú quý vốn luôn muốn được giữ mãi cảnh giàu sang phú quý, chỉ tiếc là thường ngược lại cứ gieo nhân cùng khốn. Tai họa ấy vốn xuất phát từ chỗ không biết đến nhân quả, quên đi tự tánh xưa nay của chính mình.

Kinh Thí dụ dạy rằng: “Người có trí nghĩ đến tiền tài vật chất, biết là không thể giữ lâu. Ví như một ngôi nhà bị cháy, người sáng suốt rõ biết sức tàn phá của lửa, nên từ khi lửa chưa bốc lên đã kịp gấp rút mang hết tài sản ra khỏi nhà. Vì thế, tuy nhà bị cháy rụi nhưng tài sản được bảo toàn trọn vẹn, sau đó xây dựng lại nhà cửa, mở mang cơ nghiệp. Người có trí gieo trồng phúc đức, siêng tu bố thí cũng giống như vậy... Người ngu si khi thấy nhà cháy chỉ biết tham tiếc ngôi nhà, loay hoay tìm cách cứu lửa, không lường biết được sức tàn phá của lửa, nên chẳng những nhà đã không cứu được, mà tài sản cũng không còn gì. Người tham lam keo lận không biết tu hạnh

bố thí cũng giống như vậy...”
Cho nên biết rằng, không khinh rẻ người cùng khốn cũng chính là khéo biết giữ gìn sự giàu có của chính mình.

Trưng dẫn sự việc

Không chèn ép người nghèo

Huyện Ma Thành thuộc tỉnh Hồ Bắc có một vị quan nọ, tích lũy tài sản được cả ngàn lượng bạc, chuẩn bị để chuộc lại ruộng đất đã bán trước đó 20 năm.

Đứa con trai trong nhà vừa được 12 tuổi, biết chuyện ấy liền thưa hỏi cha: “Những người mua ruộng của nhà mình trước đây, tổng cộng có bao nhiêu gia đình?” Người cha nói: “Khoảng hơn hai mươi nhà.” Đứa con lại hỏi: “Các nhà ấy mua ruộng của mình rồi, sửa sang gầy dựng tốn kém hết bao nhiêu?” Người cha liền tính hết các loại phí tổn rồi cho con biết.

Khi ấy, đứa con mới khoan thai nói: “Như vậy, nếu mình chuộc lại theo giá bán trước kia thì các gia đình ấy đều phải chịu thiệt thòi nhiều lắm. Ví như nhà mình có chuộc lại được ruộng, ắt cũng bị thương tổn âm đức. Huống chi nhà mình có tiền thì lo gì không có ruộng, đâu cần phải tranh lấy số ruộng đang nuôi sống hơn hai mươi gia đình ấy? Hơn nữa, các nhà nghèo ấy mua được ruộng rất khó khăn, còn nhà mình muốn mua ruộng lại dễ dàng. Ví như họ nhận lại tiền của mình theo giá trước đây, nay đi mua ruộng thì chỉ còn được phân nửa diện tích, chưa nói đến việc nhà nghèo khổ cầm được tiền vào tay thì đâu dễ không bị hao hụt ít nhiều?”

Người cha suy nghĩ hồi lâu rồi nói: “Những gì con nói rất hợp lý, nhưng có 18 mẫu ruộng gần phần mộ ông bà thì nhất định phải chuộc lại để dùng vào việc cúng tế và tảo mộ, ngoài ra thôi không chuộc nữa.”

Đứa con lại nói: “Nếu nhất định phải thế thì nên theo giá hiện nay mà mua, không nhất thiết phải nói là chuộc lại.”

Người cha làm theo lời con. Do đó, những người có ruộng hết sức cảm kích ân huệ ấy, thường đến miếu thờ Mãnh Tướng trong làng để cầu thần gia hộ cho ân nhân.
Khi người con ấy được 18 tuổi, thi cử liên tiếp đỗ đạt nên được đề bạt làm đến chức Thái thú Nghiêm Châu. Một hôm, anh đang cưỡi ngựa qua cầu thì con ngựa bỗng trở chứng lồng lên nhảy vọt xuống sông. Ngay lúc nguy cấp ấy, bỗng thấy vị Mãnh Tướng hiện ra trên không trung, đưa tay đỡ lấy anh, đặt ngồi xuống ngay ngắn bên thành cầu. Khi ấy mới biết việc người dân lâu nay cầu khấn cho anh quả thật có cảm ứng. Về sau, người con ấy sống thọ đến hơn 80 tuổi.

Lời bàn

Theo khế ước mà chuộc lại ruộng là hoàn toàn đúng lý chính đáng, lại có vẻ như không gây tổn hại cho người khác. Nhưng một đứa trẻ mới chừng ấy tuổi mà có thể suy xét thấy được những điều tiềm ẩn bên trong sự việc, thật đáng được cả thần và người kính trọng, được dồi dào phước đức và tuổi thọ.

Khơi dậy lòng trắc ẩn

Mai công là người ở Tương Châu, thuộc tỉnh Hồ Nam, trước đây từng làm huyện lệnh Cố An. Một hôm, có viên quan nội giám mang đến biếu Mai công cái giò lợn, nhờ đòi giúp một món nợ. Mai công cho nấu chín giò lợn, mời quan nội giám đến cùng uống rượu rồi cho gọi người thiếu nợ kia đến trách mắng. Người kia biện bạch rằng bởi nhà nghèo khổ quá. Mai công quát: “Thiếu nợ người quyền quý lại dám đem cảnh nghèo ra để khất sao? Phải trả ngay hôm nay, nếu chậm trễ ta phạt trượng đến chết.”
Người thiếu nợ khóc mà lui ra, quan nội giám có vẻ hơi động lòng trắc ẩn, Mai công liền gọi người kia lại, buồn bã nói: “Thật lòng ta cũng biết anh nghèo lắm, nhưng cũng đành vậy chứ không còn cách nào khác. Thôi anh

về gấp rút bán vợ bán con đi, rồi đem tiền đến đây trả cho quan. Chỉ có điều, ta thân làm quan phụ mẫu, như cha mẹ của dân, thật không nỡ khiến gia đình anh phải cốt nhục ly tán, thôi ta chậm cho anh một ngày, anh về vĩnh biệt vợ con đi, xem như trong kiếp này không còn được gặp nhau nữa."

Mai công nói đến đây thì người thiếu nợ đau lòng quá khóc rống lên. Mai công cũng khóc, quan nội giám cũng bật khóc, liền thôi không đòi nợ nữa, sau lại hủy luôn giấy nợ.

Về sau Mai công làm quan đến chức Thị lang, đường công danh càng thêm vinh hiển.

Lời bàn

Mai công không uốn mình làm theo như ý muốn nhờ vả của quan nội giám, nhưng cũng không làm tổn thương tình cảm với ông ta, lại có thể khiến cho một tấm lòng tham lam âm thầm đổi thay chuyển hóa, chìa khóa cốt yếu để làm được tất cả những điều đó chính là ở chỗ khơi dậy lòng trắc ẩn trong lương tri con người.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (31)

Thân cận người hiền thiện, xa lánh kẻ xấu ác

Giảng rộng

Đế quân dạy rằng: “Gặp người người hiền thiện phải thân cận, gần gũi, vì có thể giúp ta tăng thêm đức tốt của tâm, hạnh lành của thân. Gặp người xấu ác phải xa lánh ngay, vì chỉ trong chớp mắt có thể mang đến cho ta tai họa khôn lường.” Người hiền thiện với kẻ xấu ác, hai đường tốt xấu phân chia rõ ràng; bàn về khí vị thì khác nào như cỏ huân thơm ngát với cỏ du hôi hám; bàn về phẩm loại thì giống như chim phụng cao quý với chim cú đáng ghét. Cho nên mới nói rằng: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.” Đó là lý lẽ rất tự nhiên.

Thân cận, gần gũi người hiền thiện thì đức hạnh cao quý trong sáng của họ sẽ có tác dụng hun đúc, vun bồi cho bản thân ta. Xa lánh, tránh né kẻ xấu ác thì những tai ương do kẻ ấy gây ra sẽ không dựa vào đâu để có sự dây dưa liên hệ mà gây họa cho ta. Từ hàng thiên tử cho đến dân thường, từ xưa nay ai cũng xem việc gần người hiền, xa kẻ ác là quan trọng thiết yếu bậc nhất. Ấy là vì qua suy xét luôn thấy rằng những tác động, ảnh hưởng của hoàn cảnh chung quanh thường âm thầm làm thay đổi tính nết, tình cảm con người. Người hiền thiện không phải lúc nào cũng làm việc thiện, nhưng trong mọi lúc suy nghĩ, nói năng, hành động, nếu nhận ra điều xấu ác thì lập tức xa lìa. Người xấu ác không phải lúc nào cũng làm việc ác, nhưng trong mọi lúc nói suy nghĩ, nói năng, hành động, nếu nhận ra điều thiện liền tự nhiên tránh đi. Lấy ví dụ như tôi muốn làm một việc thiện, giúp một người nghèo, cứu một sinh mạng, người hiền thiện nếu thấy biết như vậy ắt tìm mọi cách tán thành, hỗ trợ, vì cho rằng việc làm ấy chắc chắn sẽ

có phước lành, nhưng người xấu ác thấy vậy lại sẽ tìm đủ cách ngăn trở, vì cho đó là chuyện viển vông vô ích.
Người khuyên răn đã tận tâm hết lời răn nhắc, có lẽ nào người được nghe lại không hết sức nỗ lực làm theo? Theo chỗ tôi biết, có rất nhiều người nhờ hoàn cảnh chung quanh tốt đẹp mà được thay đổi tốt hơn. Bà mẹ của Mạnh tử vì dạy con mà dời nhà đến 3 lần, vì sợ con học quen theo chuyện xấu ác. Bậc thánh hiền còn như thế, huống chi những kẻ tầm thường?
Mà cũng không chỉ riêng trong loài người, cho đến muôn loài cũng đều như vậy. Thuở xưa, ở nước Hoa Thị có một con voi trắng, sức mạnh có thể tiêu diệt kẻ thù địch. Khi người trong nước phạm tội chết, vua liền ra lệnh bỏ vào chuồng cho voi đạp chết. Về sau, chuồng voi bị cháy nên người ta chuyển nó về nơi ở mới, gần một ngôi chùa. Voi được nghe vị tỳ-kheo trong chùa tụng kinh Pháp cú, đến câu “Làm thiện được sinh cõi trời, làm ác phải xuống địa ngục” thì lộ vẻ kinh sợ, dường như có chỗ nhận hiểu. Từ đó khi người ta mang tội nhân đến thì voi không đạp chết nữa, chỉ đưa vòi ngửi, thè lưỡi liếm mà thôi. Vua biết chuyện ấy, liền đưa voi đến ở gần lò mổ. Voi thường ngày nhìn thấy cảnh giết hại, tâm xấu ác lại hừng hực bốc lên như xưa.
Cho nên, ảnh hưởng của những điều thấy nghe chẳng phải là quan trọng lắm sao? Gặp được người hiền thiện, chẳng những là tự thân mình nên thân cận gần gũi, mà còn phải khuyên dạy con em mình cũng nên thân cận gần gũi. Lại không chỉ dạy con em mình thân cận gần gũi, mà đối với tất cả những người thân thiết hoặc quen biết, mỗi khi có dịp trò chuyện đều nên khuyên họ thân cận gần gũi người hiền thiện ấy. Ngược lại, nếu thấy kẻ xấu ác, chẳng những tự mình phải tránh né, xa lánh, mà còn phải khuyên con em mình xa lánh. Lại không chỉ dạy con em mình xa lánh, mà đối với tất cả những người thân thiết hoặc quen biết, nếu có dịp nói ra một lời

trung thực thì đều nên khuyên họ phải tránh xa kẻ ấy.
Vì sao vậy? Vì hai đường thiện ác không theo cùng hướng, không thể cùng đi. Nếu không được thân cận gần gũi người quân tử, ắt sẽ phải gần gũi kẻ tiểu nhân. Người hiền thiện rất dễ bị lôi cuốn vào đường xấu ác, nhưng người xấu ác lại rất khó chuyển hóa đi theo đường thiện. Tôi thường thấy những người dân quê xóm nhỏ suốt ngày tụ tập, nói năng bừa bãi; có kẻ thì rượu chè say sưa hung hãn, dẫn đến chỗ tan nhà nát cửa, thân mạng cũng không còn; có kẻ thì ưa dùng sức mạnh, gây gổ đấu đá, lại cũng dẫn đến tan nhà mất mạng; lại có kẻ đắm chìm trong cờ bạc, mê say gái làng chơi, lại cũng tan nhà nát cửa, thân mạng không còn. Xét kỹ những việc tự rước tai ương, gây bao họa hại như thế, nguyên nhân ban đầu cũng chỉ khởi sinh bất quá là từ vài ba tên đồng lòng hợp ý, trong một lúc cao hứng làm ra những việc xấu ác, rồi những người khác dần dần bắt chước làm theo, hoàn toàn không ngờ được là tai họa về sau lại có thể nặng nề ghê gớm đến như thế. Ví như có thể đem tấm lòng nhiệt thành thân cận gần gũi những kẻ vô loại ấy mà đổi thành thân cận gần gũi người hiền thiện; có thể sử dụng những tiền bạc tổn phí để kết giao với đám đầu trâu mặt ngựa ấy để kết giao với những bậc quân tử đức hạnh cao thượng, thì hẳn là đã có thể tu tập được thiện nghiệp, vun bồi thêm đức hạnh, chuyển họa thành phúc, mà sự lợi lạc dài lâu cũng không chỉ dừng lại ở đó.
Vì đâu nên nỗi rơi vào những tình trạng không lối thoát như trên? Ấy là bởi cha mẹ, vợ con đều là những người thân thích thương yêu nhất của họ, nhưng đã không thận trọng trong việc giữ gìn bảo vệ, để cho họ gần gũi tiếp xúc với đám vô loại hư hỏng, thật đau xót đáng thương thay! Để việc đã xảy ra rồi mới hối tiếc, sao bằng hết sức thận trọng xa lánh ngay từ đầu?

Trưng dẫn sự tích

Mười lần mang lễ cầu học

Đời Bắc Tống có người tên Mã Thân, tự là Thời Trung, tuổi còn trẻ đã đỗ tiến sĩ. Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh đời Tống Huy Tông, quan Thượng thư Tả thừa là Phạm Trí Hư cấm hẳn việc truyền bá học thuật Nguyên Hữu. Những người thuộc Tân đảng của Phạm Trí Hư được bổ nhiệm làm quan học sứ các nơi, luôn tra xét gắt gao chuyện này. Những nhà Nho uyên bác theo học với họ Trình đều sợ mà giải tán cả.

Bấy giờ, Mã Thân được bộ Lại bổ nhiệm về làm quan Pháp tào ở Tây kinh, lập tức đến xin theo học, nhưng Trình tiên sinh sợ làm liên lụy đến Mã Thân nên dứt khoát từ chối. Mã Thân kiên trì mười lần mang lễ vật đến, lễ lạy ngày càng cung kính hơn, lại nói: "Nếu Thân này được nghe đạo thì chết cũng không hối tiếc, huống hồ chưa hẳn đã phải chết."

Từ đó kiên trì lui tới tham học với Trình tiên sinh đến ba năm, bất kể khi nào vừa rảnh được việc công, dù gặp mưa gió cũng không ngần ngại, đều tìm đến chỗ Tiên sinh để học. Bạn đồng liêu có nhiều lời chê bai công kích, Mã Thân đều gác ngoài tai không quan tâm đến. Nhờ đó học hỏi được ở Trình tiên sinh rất nhiều.

Lời bàn

Thời bấy giờ có nhiều học thuyết khác nhau, tranh luận không thôi khiến người ta thường sinh tâm nghi hoặc. Bạn đồng liêu đều lo sợ ông gây họa liên lụy đến họ, Mã Thân liền có ý muốn bỏ quan chức để theo học với Trình tiên sinh. Người biết chuyện đều thán phục ngợi khen ông là người có chí khí mạnh mẽ trong việc cầu học, tương lai chắc chắn đức hạnh cũng như sự nghiệp đều sẽ nhờ đó mà phát triển.

Gặp việc ác không thèm so đo

Huyện Thái Thương, tỉnh Giang Tô, có quan Hàn lâm Học sĩ là Vương

Hiến Doãn, tên húy là Cát Vũ. Vào mùa thu năm Nhâm Tý thuộc niên hiệu Khang Hy, Hiến Doãn vừa thi đỗ Cử nhân, vượt đường xa trở về nhà, đi trong đêm gần đến cổng làng thì bỗng gặp một gã say rượu giữ lại, quát hỏi: "Mày là thằng nào?" Lại cầm dao muốn chém xuống. Hiến Doãn nghiêm mặt nói: "Ta họ Vương, vừa thi đỗ Cử nhân khoa này." Gã say rượu liền nói: "Ta chính là đang muốn giết tên họ Vương vừa đỗ Cử nhân." Nói rồi lập tức ra sức tấn công, may nhờ khi ấy có nhiều người trong làng kịp đến ngăn cản.

Hiến Doãn về nhà cũng không kể lại chuyện này với ai cả. Sáng hôm sau, gã say tỉnh rượu, nghe người khác kể lại chuyện đêm qua thì kinh hồn hoảng vía, tin chắc việc này thế nào cũng đến tai quan phủ, sẽ bị trừng phạt nặng nề theo pháp luật. Gã ta liền nhờ một số người làng cùng đưa đến trước cửa nhà Hiến Doãn xin nhận tội. Tiên sinh đóng cửa không tiếp, nói rằng đêm qua mình cũng không bị thương tổn gì. Gã kia chẳng biết nói sao, hoang mang thất vọng ra về.

Lời bàn

Người có đức hạnh ắt có thể khoan dung tha thứ, vì sự tu tập hàm dưỡng đã đạt đến mức tinh thuần tốt đẹp. Người có phúc lớn mới có thể nhẫn nhịn, vì có tấm lòng rộng mở bao dung. Thử hình dung Vương Hiến Doãn khi ấy là một người tuổi trẻ vừa đắc chí, bỗng gặp phải một tên bạo ngược tấn công vào lúc đêm tối trên đường về nhà, thế mà chẳng những không thèm tính toán so đo với hắn, cho đến cũng không cần kể lại việc này với người trong gia đình, như thế thì đâu chỉ là thấy kẻ xấu ác liền tránh xa, mà là thậm chí trong lòng không khởi lên cái ý niệm tránh xa đó nữa.

Chết vì bạn ác

Trấn Phủ Lý ở Côn Sơn có người tên Mã Kế, tự thị mình giỏi võ nghệ, lắm công phu, liền kết nghĩa huynh đệ với mấy tên nữa, cùng tụ tập suốt ngày

nhậu nhẹt gây sự. Gần đó có một nhà buôn rất giàu, có hai đứa con cũng sai lầm gia nhập vào bọn Mã Kế.

Một hôm, Mã Kế thấy có người khách buôn tên Chung Thông đến trấn này thu tiền, nhiều đến mấy trăm lượng bạc, có ý muốn cướp lấy, liền rủ hết bọn đồng đảng cùng đi, trong số đó thì hai đứa con nhà buôn kia cũng đi theo nhưng không biết chuyện gì cả. Bọn chúng đợi thuyền vừa qua gò Liên Hoa liền đuổi theo, giữ thuyền lại rồi cướp sạch hết tiền của.

Khi người khách buôn Chung Thông vừa lên được trên bờ liền to tiếng hô hoán, gọi mọi người bắt cướp. Dân làng sống gần bờ sông nghe tiếng gọi cùng kéo đến, bốn phía cùng vây đuổi, lại vừa lúc gặp thuyền tuần tra bắt cướp trên sông vừa đi ngang, cùng hợp sức đuổi bắt không sót tên nào cả. Bọn Mã Kế sau đó đều lần lượt chết trong lao ngục, còn lại mấy tên Trần Quý, Cố Tổ, Chu Nhị thì bị mang ra chém bêu đầu răn chúng vào tháng 7 niên hiệu Khang Hy thứ 11. Hai đứa con của nhà buôn kia rơi vào cảnh tình ngay lý gian, không biện bạch gì được, cuối cùng bị xử tội tử hình.

Lời bàn

Lại có một người được người khác tặng cho chiếc áo, không ngờ đó là đồ ăn trộm. Sau bị người mất áo bắt đưa lên quan, cuối cùng phải chết trong ngục. Cho nên, nhìn thấy những kẻ xấu ác phải biết kinh sợ mà tránh xa đi.

Không truyền rộng điều ác, thường tán dương điều thiện

Giảng rộng

Kẻ gian hiểm luôn đem hết sức lực của mình ra mà ngày đêm cố làm việc ác, đó là thực chất của cái ác. Làm việc ác rồi thì phải tìm mọi cách giấu giếm che đậy, chỉ sợ người khác biết được, đó là tiếng tăm của cái ác. Những việc xấu ác nếu như không ẩn giấu đi thì thế gian này ắt sẽ nối nhau truyền rộng, nhiều đến mức không còn chỗ để dung chứa.

Các bậc hiền triết ngày xưa dạy rằng: “Nghe nói đến lỗi lầm của người khác như nghe tên họ cha mẹ mình, chỉ có thể nghe nhưng miệng không được lặp lại.” Thật vĩ đại thay! Quả đúng là luận thuyết của bậc quân tử nhân hậu. Những kẻ tầm thường nhỏ nhen thường rất thích nghe nói lỗi của người khác, lại quen thói rêu rao truyền rộng đến nhiều người khác nữa, luôn nói rằng đó là những điều hết sức chắc chắn, xác thực, thậm chí còn tô điểm vẽ vời thêm, khiến cho người khác phải tán hoại thanh danh. Những kẻ ấy nếu như không gặp tai họa ngay trước mắt do người trừng phạt hoặc bị luật trời tru diệt trong chốn âm ty thì quả là hiếm thấy!
Những điều xấu ác tinh tế nhỏ nhặt tất nhiên không được truyền rộng, mà điều xấu ác trong việc lớn lao lại càng không được truyền rộng. Những điều xấu ác ở nam giới cũng không được truyền rộng, mà những xấu ác nơi người phụ nữ lại càng không được truyền rộng. Những điều xấu ác của tự thân mình thì tất nhiên không thể truyền rộng, mà những xấu ác của tổ tiên dòng họ lại càng không thể truyền rộng. Nói chung, tiếng tăm lan truyền của những điều xấu ác càng lớn lao, thì công đức của việc không truyền rộng lại càng lớn lao. Những kẻ không lưu tâm đến việc gìn giữ không truyền rộng việc xấu ác, thảy đều không có được cái phúc của sự không truyền rộng việc ác.
Khổng tử khi luận về những lợi ích của niềm vui có dạy: “Vui nói đến việc thiện của người khác.” “Nói đến” có nghĩa là truyền rộng cho người khác biết, tức là tán dương việc thiện ấy. Con người thật khó nói ra được điều thiện, khó làm được việc thiện. Nếu thấy được một điều hiền thiện đức hạnh, ta nên ngợi khen truyền rộng ra, ắt là người làm được việc thiện ấy sẽ càng tinh tấn hơn trong việc làm thiện, như vậy tức là ta đã cùng làm việc thiện với người.
Cho nên, việc thiện ở bậc thánh hiền ắt có thể thúc đẩy, phát triển phong

tục tốt đẹp; việc thiện ở trong xóm làng ắt có thể cảnh tỉnh cải hóa kẻ ương ngạnh ngu si. Chỗ cốt yếu để có thể đạt được kết quả như vậy chính là nhờ có sự ngợi khen xưng tán, không để tâm thiện của người khác bị che lấp quên lãng không ai biết đến.

"Điều thiện" trong lời dạy của Đế quân có ý nghĩa rất rộng, bao gồm từ lời nói đến việc làm, dù nhỏ nhặt hay lớn lao, cho đến hết thảy những điều mắt thấy tai nghe khắp chốn xa gần, từ xưa đến nay.

Việc "tán dương" cũng mang ý nghĩa rất rộng, bao gồm cả việc dùng lời nói hay giấy bút để ngợi khen tán thán điều thiện; hoặc khuyến khích người khác ngợi khen tán thán điều thiện; hoặc tự mình làm, hoặc dạy bảo người khác làm việc ngợi khen tán thán điều thiện.

Trưng dẫn sự tích

Khẩu nghiệp đời trước

Khi đức Phật đang thuyết pháp tại tinh xá Kỳ Hoàn, có 60 vị Bồ Tát vừa mới phát tâm Bồ-đề, cùng tìm đến chỗ Phật, đảnh lễ năm vóc cùng sát đất, rồi nước mắt tuôn như mưa, mỗi người đều muốn thưa hỏi về nghiệp duyên đời trước của mình.

Đức Phật dạy: "Vào thời đức Phật Câu-lưu-tôn ra đời, tất cả các ông đều xuất gia học đạo, nhưng không bao lâu thì tâm đạo dần dần thối thất. Thời bấy giờ có một vị thí chủ đức tin sâu vững, hết sức cung kính cúng dường hai vị pháp sư. Khi ấy, các ông lại sinh tâm ganh tỵ, liền đến chỗ vị thí chủ kia mà nói lỗi của hai pháp sư, khiến người thí chủ kia dần dần khởi tâm khinh dễ, xem thường hai vị pháp sư, tự dứt mất căn lành. Do nhân duyên xấu ác đó mà các ông đều đã bị đọa vào đủ bốn loại địa ngục, trải qua hàng vạn năm, sau đó mới được sinh làm người, nhưng trong 500 kiếp thường phải chịu cảnh mù lòa, ngu si không trí tuệ, bị người khác khinh miệt. Trong tương lai, các ông sau khi chết rồi, vào khoảng 500 năm mà

Chánh pháp suy diệt, lại sẽ phải sinh ra ở những cõi nước xấu ác đầy dẫy những người xấu ác, làm người hèn kém hạ tiện ở đó, thường bị người khác phỉ báng, tự mình quên mất bản tâm. Trải qua hết 500 năm ấy rồi mới dứt trừ được hết thảy nghiệp chướng, được sinh về cõi nước của đức Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc, được đức Phật A-di-đà thọ ký cho việc về sau chứng quả Bồ-đề."

Lời bàn

Các tội lỗi như hủy báng Tam bảo, bác bỏ nhân quả, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, đều thuộc về tội nặng nhất, đó là vì những tội này làm dứt mất căn lành, che lấp trí tuệ của người khác.

Người thế tục khi thấy kẻ khác thiết trai cúng dường chư Tăng Ni, nói ra những lời ngăn cản, thường là có hai nguyên do: Một là bẩm tính cay nghiệt, chỉ biết lấy việc chê trách chế nhạo người khác mà cho là giỏi giang, tài cán; hai là mê muội không biết có chuyện kiếp trước đời sau, nên không biết rằng ngôi Tam bảo là ruộng phước lớn của thế gian.

Dư báo của khẩu nghiệp

Ở nước Kế Tân có vị A-la-hán tên là Ly Việt, vào trong núi sâu tu tập thiền định. Một hôm, có kẻ mất trâu đi tìm, theo dấu vết mà đến chỗ đó. Gặp lúc ngài Ly Việt đang nấu cỏ để nhuộm y, bỗng tấm y biến thành da trâu, nước nhuộm biến thành máu trâu, cỏ nấu biến thành thịt trâu, bình bát đang ôm biến thành đầu trâu. Người chủ mất trâu thấy vậy liền bắt ngài đưa lên quan địa phương, tống giam vào ngục, ở trong ngục 12 năm phải lo việc nuôi ngựa và dọn phân ngựa.

Khi nghiệp duyên sắp hết, đệ tử của ngài Ly Việt từ xa dùng thần nhãn nhìn thấy thầy mình bị giam trong ngục ở nước Kế Tân, liền đến nói với vua nước ấy. Vua nghe xong nói rằng, trong ngục nếu có vị tăng nào xin ra khỏi ngục. Ngài Ly Việt vừa nghe thì râu tóc tự rụng, toàn thân bay vọt lên

giữa hư không, hiện đủ 18 phép biến hóa. Đức vua nhìn thấy lấy làm xấu hổ, quỳ xin sám hối tội đã giam cầm A-la-hán.

Ngài Ly Việt liền dạy rằng: “Vua không có tội, đó là do nghiệp duyên đời trước của ta. Trong đời quá khứ, ta có lần bị mất trâu, nhân đó mà nghi ngờ vu oan cho một vị A-la-hán, mắng chửi vị ấy suốt một ngày đêm. Do tội ấy mà đã phải đọa vào ba đường ác, gánh chịu vô số khổ não. Đến nay tai ương vẫn còn chưa dứt, nên tuy đã chứng quả A-la-hán mà vẫn bị vu oan, báng bổ.”

Lời bàn

A-la-hán là bậc tu hành đã dứt được sự tái sinh, thoát khỏi luân hồi, vậy mà vẫn không thoát được dư báo của nghiệp, đó là vì kẻ oan gia đối nghịch của họ vẫn còn đó. Tuy nhiên, cần phải biết rằng nghiệp quả mà vị A-la-hán lãnh chịu hoàn toàn không giống với nghiệp quả mà người đời lãnh chịu. Cũng như đồ đựng thức ăn của chư thiên tuy giống nhau, nhưng thức ăn có sự tinh khiết hay thô xấu khác nhau, lại cũng giống như voi, ngựa với thỏ, ba con thú cùng bơi qua một dòng sông, nhưng cảm nhận của mỗi con về độ sâu của dòng sông đều khác nhau. Vì thế nên không thể luận giải sự việc theo cùng một cách như nhau được.

Quả báo của lời nói thêu dệt

Huyện Nghi Hưng thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Phan Thư Thăng, tên húy là Tông Lạc, vào mùa thu năm Giáp Tý trong khoảng niên hiệu Khang Hy, một hôm nằm mộng thấy mình đi đến điện Quan đế, gặp lúc đang chuẩn bị phát quyển thi. Khi xướng tên vị thủ khoa, người bên cạnh liền đá nhẹ vào chân ông, đến tên người đỗ thứ hai thì chính là tên ông, rồi đến người đỗ thứ ba, thứ năm... đều không thấy ai đến. Lại thấy trên tường treo một tấm bảng vàng, ghi tên người đỗ thủ khoa có hai chữ “Vi Tiếp” nhưng không thấy ghi họ gì. Trong chốc lát bỗng thấy có một người mặt đỏ

cầm mũ khôi nguyên đến đội lên đầu mình.
Phan Thư Thăng tỉnh dậy lấy làm ngờ vực lắm. Đến lúc niêm yết bảng, quả nhiên Phan Thư Thăng đỗ thủ khoa đúng như trong mộng. Nhân đó Thư Thăng liền thử dò hỏi xem có ai là người mang tên “Vi Tiếp”. Không bao lâu sau liền tìm ra được người ấy chính tên là Phó Lộc Dã, người huyện Lâu ở Giang Tô, liền tìm đến thăm viếng. Nhân đó mới biết họ Phó là người vốn nổi tiếng giỏi văn chương từ lâu, quan chủ khảo đã định chấm đỗ đầu. Qua hai trường thi, họ Phó đều đứng đầu, kết quả chấm bài hết sức tốt đẹp, nhưng không biết sao đến trường thi thứ ba thì quyển thi của họ Phó bị thất lạc không tìm thấy, vì thế mà bị đánh rớt.
Họ Phó vốn có tài ăn nói, bình sinh vẫn thường nhiều lời thêu dệt hoa mỹ, lại thích nói những chuyện khiếm khuyết của người khác, nên phải chịu quả báo như thế. Sau khi yết bảng rồi, quan chủ khảo vì yêu thích văn chương của họ Phó nên có đặc biệt cho mời đến gặp mặt.
Từ đó về sau, họ Phó ôm hận trong lòng ấm ức không nguôi, chẳng bao lâu thành bệnh cổ trướng mà chết.

Lời bàn

Khẩu nghiệp của những người viết văn chỉ riêng có việc nói thêu dệt là thường gặp nhất. Những tâm sự đau lòng của người khác, họ lại có thể bóp méo thành chuyện thị phi đàm tiếu, khiến người truyền nói càng thích thú bao nhiêu thì nạn nhân càng đớn đau ôm hận sâu xa bấy nhiêu.
Thường thấy những nhà văn có tài trí nhưng lại nghèo cùng khốn khổ, vất vả khó nhọc, thậm chí cuộc sống không bằng được hạng bình dân buôn gánh bán bưng, không kiếm nổi miếng cơm manh áo cho đầy đủ. Thực trạng ấy há có thể lại không do nhân duyên từ đời trước? Nếu có thể nuôi dưỡng tâm nhân hậu, thường ôm lòng lo nghĩ đến việc tán dương điều

thiện, không truyền rộng điều ác, thì bốn nghiệp xấu của miệng dù không muốn giảm bớt cũng tự nhiên được giảm bớt.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (32)

Miệng nói đúng thật thì lòng không được nghĩ quấy

Giảng rộng

Miệng là cửa ngõ vào ra của thân. Thức ăn đưa vào miệng, nhờ đó nuôi dưỡng thân xác. Lời nói phát ra từ miệng, nhờ đó biểu đạt những gì nuôi dưỡng trong tâm ý. Lời nói ra phải phù hợp với những gì suy nghĩ trong lòng, thì mới có thể khiến cho người khác phân biệt đúng sai, phải trái. Nếu không được như vậy, ắt chỉ là hạng xảo trá, gian ngụy khó lường. Kẻ chuyên dùng cơ mưu xảo trá với người, lời nói còn chưa lập được chút công đức gì thì trước đó đã tạo ra biết bao lầm lỗi. Người đời thất bại do lời nói quả thật không ít.

Miệng không thể suy xét, chỉ tâm mới có khả năng suy xét. Miệng do tâm sai khiến, nên nói ra lời dối trá là miệng, nhưng chủ ý nói ra lời dối trá để lừa gạt người khác lại chính là tâm. Con người khi giao tiếp mà trong lòng

ngoài miệng chẳng được như nhau thì không phải lỗi của miệng, mà chính tại tâm. Chỉ cần giữ tâm trong sáng minh bạch thì lời nói tự nhiên sẽ không còn gian xảo trí trá. Người quân tử muốn tu sửa tự thân cần phải thấy được đâu là nguyên nhân căn bản.

Trưng dẫn sự tích

Thề độc phải chịu quả báo tàn khốc

Vào thời đức Phật còn tại thế, có vị tỳ-kheo ni tên là Vi Diệu, sau khi chứng đắc quả A-la-hán liền tự nói ra với ni chúng những quả báo thiện ác của chính mình trong đời trước.

Tỳ-kheo-ni Vi Diệu kể lại rằng: “Vào đời quá khứ, ta từng làm vợ của một vị trưởng giả rất giàu có. Ông này chưa có con nối dõi, nhân có người tiểu thiếp sinh được đứa con trai nên ta ghen tị mà lén lút giết chết đứa trẻ. Người thiếp ấy oán hận lắm, mắng nhiếc rất nhiều câu khó nghe. Khi ấy ta liền tự phát lời thề độc rằng: ‘Nếu quả thật tôi giết con của cô thì chồng tôi sẽ bị rắn cắn, con tôi sinh ra sẽ bị nước trôi, bị sói ăn thịt, tự tôi sẽ ăn thịt con mình, thân tôi sẽ bị chôn sống, cha mẹ người nhà đều sẽ bị lửa lớn thiêu chết.’

“Do nghiệp ác đó, sau khi chết ta bị đọa vào địa ngục chịu vô số những khổ não đau đớn. Sau khi chịu tội ở địa ngục xong, trong đời này ta được sinh làm con gái một vị Phạm chí. Khi ấy, ta mang thai sắp đến ngày sinh nở, liền cùng chồng đi về nhà cha mẹ. Giữa đường chợt đau bụng sắp sinh, phải dừng lại sinh trong đêm dưới một gốc cây, bỗng có một con rắn độc cắn chết chồng ta. Ta đau buồn khóc lóc, đợi trời vừa sáng thì tay dắt đứa con lớn, tay bồng đứa con nhỏ, gạt nước mắt mà tiếp tục lên đường. Phía trước bỗng gặp một con sông chắn ngang, không có thuyền bè qua lại, ta liền để đứa con lớn ở bờ sông bên này, bế đứa con nhỏ bơi qua sông trước, đặt con trên bờ rồi mới quay lại đón đứa con lớn. Con ta nhìn thấy

mẹ thì từ bờ sông chạy ngay ra, không ngờ liền bị nước cuốn trôi đi mất. Ta không cứu được đứa con lớn, quay lại chỗ đứa con nhỏ thì nó đã bị sói ăn thịt mất rồi, chỉ còn thấy máu thịt còn lênh láng nơi ấy. Đau buồn thống thiết vì cốt nhục chia lìa, ruột gan ta như đứt đoạn, chết đi sống lại.
“Ta tiếp tục đi về nhà thì gặp một vị Phạm chí là người quen thân với cha mẹ ta, liền kể hết những nỗi khổ của mình rồi hỏi thăm sức khỏe cha mẹ. Vị ấy liền nói: ‘Cách đây mấy hôm nhà bị cháy, hai ông bà cùng tất cả người nhà đều chết cả.’ Nhân đó, ông liền đưa ta về nhà, nuôi dưỡng như con gái.
Về sau ta lại tái hôn với một người khác, mang thai đến khi sắp sinh nở thì vừa gặp lúc chồng ta đi uống rượu về, không ai mở cửa nên tự phá cửa vào. Đang lúc say rượu điên cuồng, chồng ta liền trói ta lại rồi đánh đập tàn độc, lại nấu thịt đứa con mới sinh bắt ta phải ăn. Ta quá sợ phải cố nuốt vào một miếng, đau xé tâm can. Sau việc đó, ta bỏ chồng trốn chạy đi thật xa. Đến nước Ba-la-nại, dừng nghỉ dưới gốc cây thì gặp một người vừa chết vợ, liền cùng ông ta kết làm vợ chồng. Vừa được mấy hôm, người chồng này bỗng lăn ra chết. Theo luật của nước ấy, nếu vợ chồng vẫn còn đang sống với nhau thì khi chồng chết, vợ phải chôn theo. Thế là ta bị chôn sống theo chồng. May thay lúc đó có một bọn trộm cắp kéo đến đào mộ để lấy của cải, ta nhờ đó mà được cứu ra còn sống.
“Khi ấy ta tự suy nghĩ, không biết mình đời trước đã tạo tội gì mà chỉ trong một thời gian ngắn đã phải liên tục gặp những tai họa khủng khiếp đến như thế. Khi nghe biết đức Phật Thích-ca đang ở nơi tinh xá Kỳ Hoàn, ta liền tìm đến chỗ Phật, cầu xin được xuất gia. Vì trong quá khứ ta đã có lần cúng dường thức ăn cho một vị Phật Bích-chi, lại nhân đó có phát nguyện tu hành, nên nhờ nhân duyên ấy mà đời này được gặp Phật, cuối cùng tu tập chứng đắc quả A-la-hán.”

Lời bàn

Thật bi thảm lắm thay, chỉ trong một thời gian ngắn mà liên tiếp gặp những tai hoạ lạ kỳ như thế! Lại cũng vui thích lắm thay, được gặp Phật, xuất gia, cuối cùng chứng đắc quả A-la-hán! Nghiệp quả bi thảm ấy chính là vì miệng nói ra không đúng như trong lòng nghĩ, phát lời thề độc để mong người khác nghĩ mình là ngay thẳng. Còn quả lành vui thích ấy là nhờ cúng dường thức ăn cho Phật Bích-chi lại phát nguyện cầu đạo xuất thế. Cho nên nói rằng: “Họa phúc đều do chính mình tạo ra đó thôi.”

Mù một mắt cho đúng lời thề

Tống Khâm Tông bị giặc Kim bắt lên phương bắc. Không lâu sau, hai nước ký kết hòa ước, Khâm Tông bị giữ lại. Hoàng hậu Hiển Nhân sắp về nam, vua cầm tay khóc mà nói: “Nếu con được về nam, chỉ mong được phong làm chủ cung Thái Ất là đủ rồi, chẳng dám cầu gì hơn.” Hoàng hậu liền thề với vua: “Nếu ta về rồi mà sau này không đón con thì mắt ta sẽ bị mù.” Đến khi hoàng hậu về cung rồi, Tống Cao Tông lại hoàn toàn không có ý tìm cách đón Khâm Tông về cung. Hoàng hậu buồn lòng nhưng lại lặng thinh không dám mạnh dạn nói ra.

Chẳng bao lâu sau hoàng hậu liền bị mù mắt, thầy thuốc khắp nơi không ai chữa khỏi. Về sau có một đạo sĩ vào cung, dùng kim vàng khêu vào mắt trái liền sáng. Hoàng hậu mừng lắm, xin chữa luôn mắt bên phải. Đạo sĩ nói: “Hoàng hậu nhìn một mắt thôi, còn một mắt phải giữ cho đúng lời thề.” Hoàng hậu nghe nói kinh sợ, liền đứng dậy cảm tạ thì đạo sĩ đã đi mất rồi.

Lời bàn

Xem nhẹ lời hứa ắt sẽ bị người oán trách, xem nhẹ lời thề ắt phải bị trời trách phạt. Hoàng hậu Hiển Nhân không giữ được như lời, không phải phụ lời hứa, mà vì tình thế ép buộc. Nhưng ví như lúc ấy hoàng hậu đau đớn khóc lóc trước mặt Tống Cao Tông để thỉnh cầu, cho dù ý vua nhất quyết

không thay đổi, thì hoàng hậu cũng có thể xem như không phụ lời thề. Chỉ là bà ta không làm được như thế, nên việc chịu mù một mắt cho đúng lời thề biết đâu lại chẳng là đã xét cái tình của bà rồi mới trách tội như vậy.

Phát quang đường sá, dọn sạch lối đi

Giảng rộng

Đế quân dạy rằng: “Phát quang gai góc lùm bụi chướng ngại đường sá, dọn sạch đá gạch ngăn giữa lối đi.” Gai góc chướng ngại trên đường sẽ vướng víu y phục của người, nếu được phát quang sẽ thuận lợi cho việc đi lại. Đá gạch ngăn lối đi ắt sẽ gây thương tích nơi chân người, nếu dọn sạch sẽ thuận lợi cho khách bộ hành. Nếu lưu tâm thì có thể thấy rằng mỗi bước chân đi của khách bộ hành đều được sự giúp đỡ lợi lạc. Hơn nữa, đối với người sáng mắt đi lại ban ngày thì việc dọn đường không kể là công lớn, nhưng những khi chiều tà đêm tối, hoặc đối với người mù mắt thì công đức của việc dọn đường là rất lớn. Vì thế, chớ nên xem thường việc thiện nhỏ mà không làm.

Từ nơi tâm nguyện trừ bỏ chướng ngại trên đường sá mà suy rộng ra, cho đến những bọn đầu trộm đuôi cướp, cường hào ác bá, gian thần lộng quyền, quan lại tham nhũng, cho đến những kẻ cậy thế làm càn, hà hiếp người hiền lương nơi thôn xóm... hết thảy cũng đều cần phải đem hết sức lực ra mà trừ bỏ dẹp sạch.

Khi việc trừ bỏ dọn dẹp được nhân rộng khắp nơi, thì những cỏ hoang rậm rạp chướng ngại đường đi nơi thôn dã, những cây cối hỗn loạn che lấp bờ sông, những cây gỗ nằm bừa bãi nơi bến thuyền, những tảng đá lớn ven sông khiến thuyền bè dễ đâm vào hư hỏng, những lưới rớ giăng bắt cá tôm trong phạm vi bến cảng làm ngăn trở tàu thuyền, tất nhiên đều phải tìm đủ mọi phương cách để trừ bỏ dọn dẹp, không để gây hại nữa.

Gai góc, đá gạch là những chướng ngại nhìn thấy trước mắt, khiến cho

người đời không thể đi lại thuận lợi, ấy đều là do trong tâm người còn nhiều tâm niệm chướng ngại, nên mới khởi sinh những hoàn cảnh không thuận lợi bên ngoài. Chính vì thế nên một khi đã sinh vào cõi đời xấu ác có năm sự ô trược thì phần nhiều đều gặp phải những chướng ngại như thế.

Tôi từng được đọc qua kinh Khởi thế nhân bản thấy nói rằng, khi có vị Kim luân Thánh vương ra đời, giữa biển tự nhiên xuất hiện các lối đi bằng vàng, có thể theo đó đi khắp thiên hạ. Sau khi vua băng hà bảy ngày thì các lối đi ấy tự nhiên biến mất. Đó là do phước báo nghiệp lực của vị luân vương ấy mà hiện ra như vậy.

Lại thấy trong kinh Đại bi có dạy rằng: "Đức Như Lai bước đi trên đường có thể khiến cho chỗ đất cao tự hạ thấp, chỗ đất thấp tự nâng cao, hết thảy rừng rậm, hố hầm, ngói đá, những thứ dơ bẩn, đều tự nhiên dẹp sạch, tất cả cây rừng, hương hoa đều nghiêng mình hướng theo Phật. Sau khi đức Như Lai đi qua rồi, mọi thứ đều trở lại như cũ."

Như thế có thể thấy rằng, tất cả các cảnh giới đều do tâm tạo thành. Người đời nay sinh vào giữa nơi đầy gai góc, ngói đá; ta vì khởi tâm lo sợ những gai góc ngói đá ấy làm hại đến người, nên mới thay họ mà trừ bỏ, dẹp sạch, đó chính là gieo nhân lành được về nơi cõi nước thanh tịnh của chư Phật, đâu chỉ là phước báu trong hai cõi trời người!

Trưng dẫn sự tích

Nhổ gai được vàng

Vùng Lâm Xuyên thuộc tỉnh Giang Tây có một người dân quê tên Chu Sĩ Nguyên, một hôm đi vào núi hái lá chè rừng, bị gai góc vướng áo, bước tới ngã nhào lại bị gai đâm vào người, máu chảy ra không ngừng. Nhân lúc đó liền nghĩ đến những người trong thôn như mình đều phải đi qua con đường này, e rằng cũng không tránh khỏi bị thương tích vì gai góc. Sĩ Nguyên nghĩ như vậy rồi liền gắng chịu đau, ngồi xuống dùng hết sức nhổ

bật cây gai lên. Ngay khi ấy nhìn thấy phía dưới gốc cây có ánh sáng lấp lánh, nhìn kỹ hóa ra là một thỏi vàng.
Sĩ Nguyên dùng vàng ấy làm vốn buôn bán, ba năm sau trở thành một nhà giàu có.

Lời bàn

Khắp thế gian này, hết thảy những loại cỏ độc cây hại, có thể gây tổn hại thương tích cho người, mỗi khi gặp đều nên trừ bỏ hết đi, không được vun bồi.

Sửa đường sinh quý tử

Vào triều Nguyên, có người tên Chu Đức, nhà nghèo nhưng rất thích làm việc thiện. Mỗi khi trên đường đi gặp những thứ dơ nhớp, tạp vật, ngói đá... làm trở ngại người đi đường, Chu Đức liền ra tay dọn sạch. Gặp những người khuyết tật như què, chột... ông nhất định sẽ giúp đỡ, dìu dắt. Hết thảy mọi việc thiện, ông đều cố hết sức làm không hề chán mệt.
Một hôm, Chu Đức nằm mộng thấy có cụ già bẻ một cành hoa quế đưa tặng cho ông rồi nói: “Ban cho ông một đứa con quý để bù đắp công lao của ông.”
Sau quả nhiên sanh được một đứa con trai, hai mươi tuổi đã được đỗ đạt.

Lời bàn

Ai chưa từng vất vả mệt nhọc với những chướng ngại trên đường đi thì chưa thể hiểu được công lao của người dọn dẹp. Tôi còn nhớ vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 47, vùng Giang Tô bị trận lụt lớn, người đói thiếu đầy đường. Có người mua được một thuyền gạo tấm, đi đến cửa Sa Hà thuộc Trường Châu, không biết dưới lòng sông có hòn đá ngầm lớn, nên thuyền buồm thuận gió đi nhanh đâm ngay vào đó, thuyền lập tức bị vỡ, gạo tấm chìm hết xuống sông, người trên thuyền cũng chìm theo. Lúc ấy là giữa mùa đông, lạnh quá nên nhiều người đuối chết.

Hôm sau mới thuê được một thuyền nhỏ, lặn vớt số gạo tấm lên nhưng chỉ còn chưa được một nửa. Hai người cùng buôn chuyến gạo tấm ấy đều phá sản. Thế mới biết công lao của việc trừ dẹp những đá ngầm ngăn cản thuyền trên sông quả thật rất lớn.

Đường sá gập gềnh đã lâu năm thì góp sức tu sửa, san phẳng

Giảng rộng Đã gọi là đường ắt phải có vô số người qua lại. Đường sá gập ghềnh, ắt phải có vô số người không được thuận tiện khi qua lại. Một ngày chưa tu sửa là một ngày người đi lại phải chịu bất tiện; trong nhiều năm không tu sửa thì suốt những năm ấy người đi lại phải chịu bất tiện. Nếu ngày nay có thể tu sửa, san phẳng, thì từ nay về sau, cho đến nhiều năm sau, mỗi ngày đều thuận tiện cho vô số người đi lại.

Trong vô số người đó, lại có những người được đi lại thuận tiện vào ngày mưa to gió lớn, lại có những người đi lại mang vác hành lí nặng nề cũng được thuận tiện, lại có những người vào lúc chiều hôm đêm tối cũng được đi lại thuận tiện. Trong chỗ âm thầm mà xóa bỏ đi bao nỗi kinh hoàng cho vô số người già, trẻ con; lại cũng trong chỗ âm thầm mà giảm bớt đi bao lần té ngã cho vô số kẻ mù lòa, công lao như vậy chẳng phải là lớn lao lắm sao?

Nói “đường sá gập ghềnh” là chỉ nói riêng về đường bộ, nếu theo ý này mà suy rộng ra thì những sông ngòi bị tắc nghẽn, những khe suối chảy vòng vèo, thảy đều trở ngại cho ghe thuyền khi di chuyển, cũng đều có thể xem là “đường gập ghềnh”. Cách tu sửa trong những trường hợp này là làm sao để thuận tiện cho việc đi lại, nghĩ cách nạo vét, khơi thông dòng chảy, sửa sang những chỗ khó đi, giúp cho người đời sau được vĩnh viễn hưởng nhờ ân huệ đó. Làm được như vậy chính là góp sức tu sửa, san phẳng “đường sá gập ghềnh” đã lâu năm.

Trưng dẫn sự tích

Con đê dài bảy mươi dặm

Vùng Côn Sơn thuộc tỉnh Giang Tô có con đê Chí Hòa chạy dài từ trung tâm huyện lỵ về hướng tây đến tận Lâu Môn, độ dài khoảng chừng 70 dặm, thông với hồ rộng, trước đây vốn là cả một vùng bùn đất, không có đường đi lại, thật là một mối lo rất lớn của người dân.

Từ thời Tấn, Đường, việc nâng sửa bồi đắp đều không có kết quả. Trong khoảng niên hiệu Hoàng Hữu triều Tống, có người vẽ bản thiết kế dâng lên triều đình, kiến nghị thực hiện, nhưng không có kết quả. Đến niên hiệu Chí Hòa năm thứ hai, quan Chủ bạ Côn Sơn lúc bấy giờ là Khâu Dữ Quyền lại dâng sớ lên triều đình, trình bày năm điều lợi ích của việc đắp con đê này, hết sức thuyết phục thỉnh cầu triều đình cho khởi công thực hiện. Tiếp theo đó, quan Tri huyện là Tiền Công Kỷ cũng dâng biểu thỉnh cầu cùng một nội dung, nên cuối cùng triều đình mới chuẩn y việc khởi công xây dựng. Từ đó liền huy động rất nhiều nhân công phu dịch, khai mương đắp đất, không bao lâu đã hoàn thành con đê, liền dùng niên hiệu mà đặt thành tên, gọi là đê Chí Hòa. Nhờ đó mà khai thông được đến 52 bến cảng trên sông, những chỗ có đường nước lớn đều làm cầu phía trên, rất thuận tiện cho người đi lại, cho đến nay người dân vẫn còn được thừa hưởng ân huệ đó.

Lời bàn

Năm điều lợi ích được quan Chủ bạ nêu ra là: Thứ nhất, tiện cho thuyền bè đi lại; thứ hai, mở mang thêm ruộng đất; thứ ba, có thể miễn trừ thuế má; thứ tư, chấm dứt nạn trộm cướp; thứ năm, ngăn cấm được bọn gian thương.

Một công trình lớn lao sử dụng nhiều nhân công phu dịch như thế, lại được khai sáng từ những vị quan nhỏ chỉ ở cấp huyện, cuối cùng để lại cho hậu thế những lợi ích vô cùng lớn lao. Theo đó mà xét, chắc chắn phải khởi sinh từ một tấm lòng quan tâm đến nỗi khổ của dân, nào phải vì mong cầu

quan cao lộc hậu?

Nấu thiếc đúc đập

Ở Côn Sơn có người tên Trương Hư Giang, tên húy là Hiến Thần, trong khoảng niên hiệu Gia Tĩnh triều Minh, giữ chức quan Đài đạo ở huyện Ninh Thiệu, tỉnh Triết Giang. Vừa đến nhậm chức, ông đã cương quyết từ chối tất cả mọi thứ phẩm vật tiền tài biếu xén, làm một vị quan thanh liêm hoàn toàn trong sạch, không một chút nhiễm bẩn. Ông thường nói: "Dù chỉ uống một chén nước sông Triết Giang, ta cũng mong cho con cháu sau này lại được làm quan nơi đây."

Về sau, quả nhiên cháu nội ông là Trương Thái Phù, tên húy là Lỗ Duy, được làm Tri phủ Thiệu Hưng. Bấy giờ, cách bên ngoài thành phủ khoảng năm, sáu mươi dặm có đập nước Tinh Tú, giữ vai trò rất quan trọng trong việc chống hạn của toàn phủ. Nguyên đập nước này trước đây do Chu Mãi Thần khởi công xây dựng từ triều Hán. Vùng này giáp với biển lớn, đập có đến 28 cửa thoát nước, chu vi dài rộng khoảng ba, bốn dặm, thế nước lại hết sức mạnh nên rất khó tu sửa. Trước đây có Thái thú Tiền huy động dân phu tu sửa, vừa xong chỉ qua được một ngày thì sụp lở hết sạch. Sau đó nhiều lần tu sửa nhưng lần nào cũng bị hư hoại, nhân dân hết sức khổ sở.

Trương Thái Phù xem xét địa hình nơi ấy, thấy rằng xây bằng đá thì không thể chịu đựng lâu dài, liền cho nấu chảy chì với thiếc đổ lên, làm cho cầu đá với đập nước liên kết thành một khối, giảm bớt được chi phí đến hàng vạn lượng bạc. Cho đến nay đập nước này vẫn sừng sững nguyên vẹn. Nhân dân Thiệu Hưng nhớ ơn lập đền thờ ông tại đó. Về sau Trương Thái Phù lại được thăng chức làm quan Đài đạo huyện Ninh Thiệu, sau đó nữa lên chức Bố chánh sứ, tiếp lại được thăng đến chức Tổng Tào của bảy tỉnh. Nói chung, trải qua các chức quan đều không xa rời Triết Giang, người đời

đều cho rằng đó là phước báo của Trương Hư Giang làm quan liêm chính.

Lời bàn

Thân phụ của tiên sinh Hư Giang là ông Nam Lộc, tổ tiên nhiều đời trước đó vốn là một học trò của danh sĩ Phương Hiếu Nho, do liên lụy đến vụ án của thầy mà phải dời đến ở Đường Phố thuộc Trường Châu, từ đó con cháu sinh sống bằng nghề nông, đối với người ngoài không bao giờ dám trao đổi chuyện văn chương sách vở.

Một hôm, ông Nam Lộc nhân lúc đi ra ngoài bắt gặp bên lề đường có một cái túi, nhấc lên thấy rất nặng, ước chừng có khoảng ba, bốn trăm lượng bạc trong đó. Ông không dám mở ra nhìn, lại mang thuyền đến neo bên bờ sông tại chỗ đó suốt ba ngày đêm để chờ, vì sợ người mất của trở lại tìm không thấy. Đến ngày thứ ba mới thấy một người hớt ha hớt hãi đi tìm đến đó, gạn hỏi biết đích xác là chủ nhân liền trả lại.

Đến khi tuổi đã xế chiều mới sinh được tiên sinh Hư Giang, mẹ là Quản phu nhân mang thai đến 16 tháng mới sinh. Thuở nhỏ tiên sinh rất thông minh, kinh thư chỉ đọc qua một lần là thuộc, vừa 20 tuổi đã đỗ đầu khoa thi Hội vào niên hiệu Gia Tĩnh. Con cháu nhiều đời nối nhau đỗ đạt không dứt.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (33)

Sông rộng nhiều người thường qua lại thì ra công bắc cầu

Giảng rộng

Đất đai vì có sông ngòi nên phân cắt thành đôi bờ nam bắc, đông tây, khiến người đi đường chỉ biết nhìn ra trời nước mênh mông mà than thở, bỗng dưng được có người giúp xây cầu vượt sông, khác nào như đang chỗ bế tắc bỗng mở ra được một con đường, dù không có thuyền bè vẫn qua được sông rộng. Công lao của người bắc cầu chẳng phải là lớn lắm sao?

Thật ra cũng không chỉ là ý nghĩa giúp cho muôn vạn người qua lại. Bắc cầu là giúp đưa người vượt qua sông suối. Bố thí tạo phúc là giúp đưa người vượt qua cảnh bần cùng. Bỏ ác làm thiện là giúp đưa người vượt qua hoạn nạn. Siêng năng học hỏi là giúp đưa người vượt qua sự ngu si. Tu hành học đạo là giúp đưa người vượt qua sinh tử. Trong kinh điển gọi sáu ba-la-mật là sáu độ, chính là mang ý nghĩa sáu phương pháp giúp đưa người vượt qua sinh tử.

Trưng dẫn sự tích

Thần biển hẹn ngày xây cầu

Sông Lạc Dương ở Tuyền Châu thuộc tỉnh Phúc Kiến, khúc sông gần giáp biển trước đây có phà đưa người qua lại, mỗi khi gặp sóng gió, người chết chìm không biết bao nhiêu mà kể.

Trong khoảng niên hiệu Đại Trung đời Bắc Tống, có một chiếc thuyền khi sang sông gặp gió bão sắp lật thì bỗng nghe trên không trung có tiếng nói: “Đừng làm thương tổn Thái học sĩ.” Ngay khi ấy sóng gió tức thời lặng yên, cả thuyền không ai tổn hại gì. Mọi người hỏi nhau thì trên thuyền không có

ai họ Thái cả, chỉ có một bà có chồng họ Thái, đang mang thai được mấy tháng. Bà này suy nghĩ tự lấy làm lạ, liền phát nguyện rằng: "Nếu đứa bé này về sau quả thật được là Học sĩ, nguyện xây một cây cầu nơi đây để giúp người qua sông."

Quả nhiên rồi bà sinh con trai, về sau chính là Trung định công Thái Tương. Khi ông thi đỗ Trạng nguyên, về nhậm chức ở Tuyền Châu, người mẹ liền thúc giục ông xây cầu. Thái Tương suy nghĩ thấy độ sâu của nước khó đo được, mà thủy triều về đêm thường dâng lên, không biết làm sao khởi công. Do vậy dần dà trải qua hơn một năm chưa làm được gì. Người mẹ lại hết sức thúc giục. Thái Tương liền thảo một bản văn nói về việc muốn làm cầu, cho vào phong thư gửi thần biển, sai một tên quân mang đi. Tên quân ấy uống một bữa rượu say túy lúy rồi mang phong thư ném xuống biển, sau đó say rượu nằm ngủ vùi bên bờ biển. Đến lúc tỉnh dậy, bỗng phát hiện có một phong thư lạ bên mình, liền lập tức mang về trình lên Thái Tương.

Thái Tương mở ra xem trong thư chỉ thấy duy nhất một chữ thố (醋), nét mực vẫn còn như mới viết chưa bao lâu. Ông ngạc nhiên nói: "Phải chăng thần bảo ta khởi công vào giờ dậu ngày hai mươi mốt sắp tới đây?"

Liền gấp rút chuẩn bị mọi việc. Đến ngày giờ ấy, quả nhiên thủy triều xuống rất nhiều, bùn cát dưới sông nhô cao lên đến hơn một trượng, nước triều không chạm đến. Liên tiếp như vậy trong 8 ngày, liền khởi công xây dựng được cầu. Cầu dài 360 trượng, rộng 15 thước, chi phí hết 1.400 vạn quan tiền, nhân đó đặt tên là cầu Vạn An.

Lời bàn

Bấy giờ, đốc thúc việc xây cầu còn có các ông Lư Thật, Vương Tích, Hứa Trung, Tôn Thiện, Đại sư Nghĩa Ba... cả thảy 15 người. Chỉ nhắc đến một mình Thái Tương, vì ông là người chủ xướng.

Tăng thêm tuổi thọ

Trình Di Bá, vừa được 29 tuổi, một hôm nằm mộng thấy người cha đã chết hiện về nói rằng: "Mạng con sẽ dứt trong năm này, có thể nhờ Giác Hải cứu cho." Di Bá tỉnh dậy hoang mang không hiểu.

Đến ngày kia bỗng gặp một vị tăng từ đất Thục đến, rất giỏi thuật xem tướng, liền thưa hỏi tên họ, vị ấy xưng là Giác Hải. Di Bá lại xin hỏi về tuổi thọ, liền nói: "Mạng số ông ngắn lắm, e là không được đến năm sau." Di Bá hết sức khẩn cầu cứu mạng, sư bèn lấy một chén nước, thổi vào đó một hơi rồi đưa cho Di Bá uống, dặn rằng: "Đêm nay nếu mộng thấy điềm lành hãy cho ta biết."

Đêm ấy, Di Bá nằm mộng thấy mình đi đến một phủ quan, phía hành lang bên trái thấy có một số nam nữ áo mão chỉnh tề cùng đứng, dáng vẻ vui mừng, lại thấy nơi hành lang bên phải cũng có một số người đang đứng, nhưng đều bị gông cùm xiềng xích, khóc lóc thảm thiết. Khi ấy, có người đứng bên cạnh Di Bá nói: "Bên hành lang trái là những người xây cầu sửa đường, bên hành lang phải là những kẻ phá đường hoại cầu. Muốn cầu sống lâu hưởng phúc, có thể tự chọn lấy." Di Bá liền phát nguyện đem hết sức mình tu sửa cầu đường. Về sau gặp lại Giác Hải, sư nói: "Tuổi thọ đã dài thêm."

Di Bá sống thọ đến 92 tuổi, con cháu năm đời đều được phồn vinh thịnh vượng.

Lời bàn

Xây cầu với phá cầu là hai hạng người phân biệt rõ ràng, quả báo lành dữ cũng là hai đường khác biệt. Nếu cho rằng không có nhân quả, nhất định phải gặp tai họa nặng nề.

Xây cầu được phúc

Ở Côn Sơn có người tên Chu Quý Phu, nhà giàu có lại rất hoan hỷ ra sức

làm việc thiện, đến tuổi trung niên vẫn chưa có con.
Về sau dời nhà đến Tô quận, gặp được một dị nhân bảo rằng: “Số ông không con. Nếu muốn có con, nên xây dựng 300 cây cầu thì có thể được.” Quý Phu thưa: “Tôi thật không đủ sức, biết làm thế nào?” Người kia nói: “Việc xây cầu không kể lớn nhỏ, cũng không nhất thiết là xây mới, chỉ cần sửa sang chỗ hư hỏng cũng được tính vào số đó.”
Quý Phu vui mừng làm theo như vậy, chỗ nào cần xây mới thì xây, chỗ nào cần sửa sang thì sửa, không chút nề hà khó khăn. Đến khi được đủ số 300, Quý Phu đã 60 tuổi, nhưng vẫn liên tiếp sinh được ba đứa con trai, sau trưởng thành đều là những bậc danh nho. Trong số đó có một người là con rể của Thái tiên sinh.
Ông sống đến 84 tuổi, mất vào năm thứ 49 niên hiệu Khang Hy.

Lời bàn

Xây dựng hoặc sửa chữa một cây cầu có thể giúp cho việc đi lại của vô số người, huống chi nhiều đến số ba trăm? Thế nên tự nhiên mạng số được chuyển từ không con thành có con, nhưng như thế hẳn cũng còn chưa hết phước báo.

Phá cầu bị khiển trách

Ở phủ Giang Ninh thuộc tỉnh Giang Tô có hồ Tần Hoài nằm ngay phía trước trường thi của phủ, xưa nay chưa có cầu bắc ngang, người qua lại đều phải dùng thuyền. Năm Giáp Thìn thuộc niên hiệu Khang Hy, có một nhà buôn lớn đi qua đó, gặp lúc trong người không mang theo tiền lẻ, không có tiền trả. Người chủ thuyền theo đòi rất gắt, nhà buôn ấy vì tức giận mà nói rằng: “Ví như xây một cây cầu ở chỗ này, đối với tôi cũng là chuyện dễ dàng, lẽ nào lại tham tiếc với ông một đồng tiền lẻ. Quả thật là tôi quên mang theo đó thôi.” Nhưng người chủ thuyền vẫn không chịu bỏ qua, to tiếng la lối, khiến người trong phố tụ tập đến xem rất đông, ai nấy

đều nghe được câu nói của nhà buôn về việc xây cầu.
Nhà buôn ấy nhân đó liền bỏ ra 2.000 lượng bạc để mua vật liệu đá, gỗ làm cầu. Về phần nhân công thì có một vị tăng đứng ra vận động mọi người góp sức. Vị tăng ấy còn đến ở luôn nơi công trường để coi sóc, đôn đốc công việc, hết sức khó nhọc. Qua năm sau thì cầu xây xong.
Đến khoa thi mùa thu năm Bính Ngọ, toàn phủ Giang Ninh không có ai thi đỗ, nhiều người quy lỗi do việc xây cầu. Nho sinh trong phủ kéo nhau trình việc này lên quan phủ, nhân đó liền ra lệnh phá dở cây cầu. Vị tăng đã lo việc xây cầu buồn giận lắm, nhảy xuống hồ mà chết. Không bao lâu sau, tên nho sinh đã đề xướng việc phá cầu bỗng nhìn thấy vị tăng ấy hiện đến trách mắng kể tội, ngay lập tức thổ huyết mà chết.

Lời bàn

Không có người thi đỗ trong khoa ấy, chẳng qua chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, chắc gì đã có liên hệ đến cây cầu? Lại cứ cho là do việc xây cầu gây trở ngại đường khoa bảng, vậy thử hỏi những người thi đỗ trong khoa ấy lại có gì khác mà vẫn được thi đỗ? Đối với những người đọc sách, học đạo thánh hiền, noi theo người xưa, mỗi một việc làm ắt đều phải vì muốn giúp người cứu vật. Việc hỏng thi quả nhiên đáng hận, nhưng thà vậy còn hơn là đỗ đạt vinh hiển rồi chỉ lo cung phụng vợ con, mở mang ruộng vườn nhà cửa cho riêng mình, kết giao quan lại, cậy thế hiếp người, khiến cho người hiền lương nhìn thấy phải sợ như cọp sói. Như vậy thì việc cầu có nên phá hay không hẳn vẫn có thể từ từ cân nhắc, đâu cần phải gấp rút đến như thế?

Lấy tình thương ngỏ lời dạy bảo, sửa lỗi cho người

Giảng rộng

Hết thảy con người trong cõi trời đất này, đều từ bào thai sinh ra giống như ta. Người khác có bất kỳ chỗ nào không đúng, ấy cũng chính là tự thân ta

có chỗ khiếm khuyết. Vì thế, đối với kẻ làm con, ta phải mong cho họ làm người con hiếu; đối với kẻ làm bề tôi, mong cho họ làm bậc tôi trung; đối với kẻ làm anh em một nhà, mong cho họ có sự thương yêu, tử tế; đối với kẻ ngang ngạnh, mong cho họ được mềm mỏng ôn hòa; đối với kẻ tham lận keo kiệt, mong cho họ biết bố thí, chia sẻ cùng người khác; đối với những kẻ hoang đàng hư hỏng, đấu đá, cờ bạc, mong cho mỗi người đều biết noi theo bổn phận của mình, khiêm cung hòa nhã, biết tự giữ mình. Ví như có người chịu nghe theo lời khuyên của ta, ắt phải hết lòng hết dạ mà giảng giải, dẫn dắt họ đi vào đường thiện. Nếu dùng lời không đủ nói hết, nên dùng đến văn chương trước thuật, cũng dùng để lưu lại đời sau. Dùng tình thương dạy bảo được như thế, quả thật lớn lao lắm thay!

Trưng dẫn sự tích

Học thuyết "tự lập vận mạng"

Tiên sinh Viên Liễu Phàm, tên húy là Hoàng, trước đây có tên tự là Học Hải. Thuở nhỏ có gặp một người họ Khổng ở Vân Nam, vốn được chân truyền phép Hoàng cực số của Thiệu Ung. Ông này đoán số Viên Liễu Phàm rồi khuyên rằng năm sau đó nên ghi tên vào trường học, lại đoán sau này khi đi thi ở các kỳ huyện, phủ và tỉnh sẽ có kết quả thứ hạng mỗi nơi như thế nào. Cả ba kỳ thi ấy về sau quả nhiên đều ứng nghiệm như lời. Họ Khổng lại đoán vận hạn suốt đời cho Viên Liễu Phàm, nói rằng vào năm ấy sẽ nhận được học bổng, năm ấy sẽ được chọn cống sinh, năm ấy sẽ được chọn làm quan huyện lệnh ở phủ ấy, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, giữ chức được hai năm rưỡi thì từ quan về quê, đến năm 53 tuổi, vào ngày 14 tháng 8 sẽ chết vào giờ sửu, đáng tiếc là không con nối dõi. Viên Liễu Phàm liền ghi chép lại tất cả những lời dự đoán ấy, sau trải qua các kỳ thi đều thấy đúng như lời.

Sau đó, Viên Liễu Phàm có dịp đến Nam Ung, tham bái thiền sư Vân Cốc

ở núi Thê Hà, cùng ngồi an tĩnh đối diện với thiền sư suốt ba ngày đêm không hề nhắm mắt. Thiền sư nói: "Người đời sở dĩ không thể trở nên bậc thánh, đều chỉ do vọng niệm trói buộc. Ông có thể ngồi yên trong ba ngày đêm không khởi sinh vọng niệm là nhờ đâu vậy?" Liễu Phàm thưa: "Trước đây có Khổng tiên sinh đoán vận mệnh cho tôi, mọi việc đều đúng, nhân đó tôi thấy rằng những việc sống chết, vinh nhục của con người ta đều đã có định số, dù muốn thay đổi cũng không thể được, nên chẳng nghĩ đến làm gì." Thiền sư Vân Cốc bật cười nói: "Ta vốn tưởng ông là bậc hào kiệt xuất chúng, nào ngờ cũng chỉ là một kẻ tầm thường. Ông nên biết, xưa nay những bậc đại hiền thiện thì số mạng không thể trói buộc, mà những kẻ đại gian ác thì số mạng cũng không thể trói buộc. Từ 20 năm nay, ông bị những lời bói toán của người kia quy định đặt để, không có được một chút tự mình chuyển đổi, há chẳng phải là tầm thường lắm sao?"
Viên Liễu Phàm liền thưa hỏi: "Vậy ra vận số có thể tránh được sao?"
Thiền sư đáp: "Số mệnh là do chính mình tạo ra, phước báo do chính mình cầu mà được. Trong sách vở của Nho gia có nhiều chỗ dạy rõ điều đó. Kinh Phật lại có nói: 'Cầu công danh ắt được công danh, cầu sống lâu ắt được sống lâu, cầu con trai, con gái, ắt có con trai, con gái...' Lẽ nào đức Phật lại nói dối để lừa gạt người đời sao? Từ nay về sau ông nên thường ngày làm việc tích đức, mọi việc đều nên khởi tâm bao dung tha thứ. Hết thảy những việc đã làm trước đây, xem như chết từ hôm qua. Hết thảy những việc từ nay về sau, xem như mới được sinh ra hôm nay. Đó chính là ý nghĩa của việc làm sống lại thân này. Sách Thượng thư, thiên Thái giáp có nói: 'Tai họa do trời giáng xuống còn có thể tránh né, tai họa do chính mình tạo ra thì không còn đường sống.' Khổng tiên sinh đoán rằng ông không đỗ đại khoa, không có con nối dõi, ấy là tai họa trời giáng xuống. Nay ông nỗ lực làm thiện, rộng tích âm đức, đó là tự mình tạo phúc. Kinh

Dịch nói rằng: 'Bậc quân tử hướng về điều lành, tránh đi điều dữ.' Nếu nói mệnh trời là không thay đổi, vậy điều lành làm sao có thể hướng về, điều dữ làm sao có thể tránh đi? Lại cũng trong Kinh Dịch, quẻ Khôn, ngay nơi phần ý nghĩa mở đầu đã nói rằng: 'Nhà làm việc thiện ắt có niềm vui, nhà làm việc ác ắt gặp tai ương.' Nay ông đã có thể tin hiểu được chưa?"

Nhân đó liền lấy ra một bản sách Công quá cách, đưa cho xem. Liễu Phàm liền lễ bái nhận lấy. Sau đó, Viên Liễu Phàm liền tự thảo một bản sớ văn, lược kể hết thảy những việc sai lầm của mình từ trước đến nay, đối trước bàn Phật chí thành lễ bái cầu xin sám hối, phát nguyện làm đủ 3.000 việc thiện để cầu thi đỗ. Thiền sư Vân Cốc lại dạy ông trì tụng thần chú Chuẩn Đề, sau một thời gian ắt có linh nghiệm. Từ đó tiên sinh mới đổi tên tự Học Hải thành Liễu Phàm, có ý là không muốn rơi vào những khuôn khổ tầm thường của người phàm tục nữa.

Năm sau, Liễu Phàm tham gia kỳ khảo thí của bộ Lễ, Khổng tiên sinh trước đã đoán rằng ông khoa này đỗ hạng nhì, nhưng kết quả ông đỗ đầu, xem ra lời tiên đoán đã không còn ứng nghiệm. Đến mùa thu năm ấy lại tiếp tục đỗ cử nhân. Từ đó mỗi ngày đều nỗ lực tu sửa đức hạnh, gia tăng công phu hành trì miên mật, mỗi khi một mình ở nơi vắng vẻ không người vẫn thường luôn tự xét, không để có chỗ ám muội đắc tội với trời đất quỷ thần. Kể từ năm Kỷ Tỵ phát nguyện làm 3.000 việc thiện, đến năm Kỷ Mão vừa tròn 10 năm mới hoàn tất đủ số.

Bấy giờ, tiên sinh lại phát nguyện làm việc thiện, cầu sinh con trai, cũng nguyện làm đủ số 3.000 việc thiện như trước, lại nhờ người trong nhà hỗ trợ cho mình, khi làm được một điều thiện liền ghi thêm số vào, khi có điều lầm lỗi lập tức trừ bớt đi. Đến khi niệm lành dần thuần thục, con số 3.000 cũng vừa gần đủ thì hạ sinh trưởng nam.

Đến năm Quý Mùi, ngày 13 tháng 9 lại phát nguyện làm 10.000 điều thiện,

cầu đỗ tiến sĩ. Sang năm Bính Tuất quả nhiên thi đỗ tiến sĩ, được bổ nhiệm làm tri huyện Bảo Để. Khi ấy, mỗi ngày gặp việc thiện đều làm, mỗi đêm đều thắp hương khấn cáo. Đang khi lo lắng hằng ngày không có đủ việc thiện để làm, thật khó đủ số 10.000 như đã nguyện, thì một đêm bỗng nằm mộng thấy có vị thần hiện đến nói: "Chỉ riêng việc ông giảm thuế ruộng cho dân, xem như con số 10.000 điều thiện đã hoàn thành rồi."

Liễu Phàm liền nhớ lại quả đúng có việc ấy. Nguyên là khi mới về nhậm chức ở huyện Bảo Để, thấy mỗi mẫu ruộng phải nộp thuế đến 2 phân 3 ly 7 hào, Liễu Phàm cho là quá cao, liền thay dân xin với triều đình giảm số thuế phải nộp xuống còn 1 phân 4 ly 6 hào. Tuy nhiên, Liễu Phàm trong lòng vẫn còn nghi hoặc, không tin rằng chỉ một việc ấy mà có thể được xem như cả 10.000 điều thiện. Gặp lúc có thiền sư Huyễn Dư từ núi Ngũ Đài đến, Liễu Phàm liền kể lại giấc mộng. Thiền sư nói: "Nếu tâm thiện chân thành chí thiết, dù làm một việc thiện cũng có thể bằng như vạn điều thiện. Huống chi giảm thuế cho cả một huyện, có cả vạn người được hưởng phúc ấy." Tiên sinh nghe vậy rất mừng, liền dùng tiền lương bổng của mình gửi nhờ thiền sư về núi Ngũ Đài thay mình thiết lễ trai tăng cúng dường một vạn vị tăng để hồi hướng công đức.

Khổng tiên sinh từng đoán rằng Liễu Phàm chỉ sống đến 53 tuổi, nhưng về sau tiên sinh thực sự sống khỏe đến hơn 80, con cháu đều đỗ đạt thành danh, nối nhau không dứt.

Lời bàn

Đối với nhà Nho thì thuyết "tự lập số mạng" bắt đầu từ Mạnh tử, nhưng có thể tự thân ra sức thực hành, trải qua mỗi mỗi sự việc đều ứng nghiệm, ắt duy nhất chỉ có một người là tiên sinh Liễu Phàm mà thôi. Nhưng tiên sinh có thể chuyển hóa thay đổi hoàn toàn, phát lòng tin sâu vững không nghi ngờ, thực hành một cách mạnh mẽ quả quyết, việc ấy lại chỉ nhờ nơi sự

khuyến hóa của một mình thiền sư Vân Cốc mà thôi. Ai dám nói rằng trong cửa Không của nhà Phật lại không thể làm sáng tỏ những chỗ uyên áo, tinh tế của Khổng Mạnh?

Người đời thấy ai nỗ lực làm việc thiện liền chê bai rằng: “Làm việc thiện cần phải vô tâm, nếu có mảy may chấp trước thì sanh ra ý tưởng mong cầu phước báo.” Cách lập luận ấy chưa hẳn đã là không có chỗ cao minh, nhưng phần nhiều lại ngăn trở ý chí hướng thiện mạnh mẽ của người khác. Ví như người nông dân quanh năm cần cù lao động, lại bảo: “Ông không nên mong cầu lúc thu hoạch”, hoặc như người học trò mười năm khó nhọc, lại bảo: “Anh đừng nghĩ đến công danh”, liệu họ có vui vẻ nghe theo được chăng?

Trừ bỏ sự độc hại trong Chiến quốc sách

Trong lúc 7 nước tranh nhau vào thời Chiến quốc, nước nào cũng bị cuốn vào sự đọ sức đấu trí, toàn dùng cơ mưu xảo trá. Kẻ tiểu nhân xem qua Chiến quốc sách thì ngợi khen tán thưởng, cho rằng trong ấy toàn là mưu hay kế giỏi. Người quân tử nhìn đến sách này chỉ thấy lòng cảm khái than thở, vì hiểu được rằng những cách hành xử trong ấy đều là đáng thương xót lắm. Ví như nước uống có độc, tuy có thể tạm thời giúp giảm cơn khát, nhưng rồi chất độc phát tác không sao trị được.

Vào triều Thanh, tiên sinh Lục Giá Thư ở Bình Hồ, Triết Giang, mang Chiến quốc sách ra đọc lại, tuyển chọn cắt bỏ những đoạn nói về các mưu mô tham lam dối trá, chỉ để lại phần hiền thiện trong đó, được khoảng 10 thiên, đặt tên là “Quốc sách khử độc”.

Tiên sinh quả là người đọc sách có con mắt phân biệt chân chánh, không bị người xưa lừa dối.

Lời bàn

Đã biết rằng trong Chiến quốc sách có sự độc hại, thì có thể biết rằng

những sách từ thời Tần Hán về sau cũng không khỏi có sự độc hại. Chỉ có điều là sự độc hại không giống như nhau, nên người có mắt nhìn sáng suốt cần phải tĩnh tâm quán sát. Những người trước thuật, giảng rộng ý nghĩa của sách như tiên sinh thì rất nhiều, nhưng đa số họ đều noi theo lối cũ, lặp lại người xưa, lại không khỏi pha trộn với cái nhìn theo thói tục vào đó.

Tôi đã được đọc qua sách của tiên sinh, lại cũng vận dụng theo phương pháp của tiên sinh đọc Chiến quốc sách, thật không dám xem thường đưa ra những lời luận nghị chê bai. Sách là tài sản chung của thiên hạ xưa nay, đạo là nguyên lý tự nhiên sẵn có trong bản tánh của mỗi chúng ta. Từ lòng yêu kính tiên sinh, thật không dám xu nịnh, chỉ noi làm theo tiên sinh mà thôi

Quyên góp tiền bạc giúp người thành tựu những điều tốt đẹp

Giảng rộng

Thành tựu điều tốt đẹp cho người chính là tâm nguyện của người quân tử. Nhưng muốn thành tựu ắt cần có tiền bạc. Nếu không có ai đứng ra quyên góp tiền bạc thì những việc tốt đẹp cho người sẽ rất khó thành tựu.

Có rất nhiều việc tốt đẹp ta có thể làm mà không cần đến tiền bạc, nhưng những việc nhất thiết cần đến tiền bạc cũng không ít. Chẳng hạn như cưới hỏi, tang ma, trị bệnh, cứu nguy... cho đến bao nhiêu việc cứu người giúp đời cũng đều phải nhờ có tiền bạc để lo liệu.

Bất kể là ta một mình đứng ra thành tựu điều tốt đẹp cho người, hay cùng một người khác thành tựu việc ấy, hoặc chỉ góp một phần nhỏ trong công việc, hoặc ta đề xướng rồi được mọi người hưởng ứng mà thành tựu, thậm chí có người khác đứng ra khởi xướng, ta cũng vui mừng ngợi khen mà xúc tiến thành tựu việc ấy. Chuyện quyên góp trong mỗi trường hợp đều không giống nhau, nhưng tâm nguyện muốn thành tựu điều tốt đẹp

cho người vẫn là như nhau.
Phân tích chi ly ý nghĩa của chữ “tốt đẹp” trong lời dạy của Đế quân, ắt phải lấy việc tu thiện tu phúc, làm lợi ích cho đời là tốt nhất, mà những việc chỉ thành tựu cho một người, một nhà hẳn phải xem là kém hơn.
Còn như những việc tổ chức lễ hội rước thần, treo đèn diễn kịch, mở phòng trà, quán rượu, xây dựng miếu thần trên bộ dưới sông, thảy đều là nguyên nhân của những sự dâm loạn, trộm cướp, giết hại, đấu đá... chỉ chuốc lấy nghiệp quả xấu ác, hoàn toàn không phải là những việc tốt đẹp, cần phân biệt rõ như thế.

Trưng dẫn sự tích

Làm thiện không mệt mỏi

Đời nhà Minh, có người tên Trương Chấn Chi, tên tự là Trọng Khởi, vốn người Thái Kinh, Thái Thương, tỉnh Giang Tô, trước đây làm Tri phủ Cát An, thuộc Giang Tây. Bấy giờ, có người giữ chức huyện thừa ở Cát An là Trương Đại Du, tuổi đã xế chiều mới có người thiếp sinh được con trai. Đứa con vừa lên ba, Đại Du và người thiếp đều nối nhau lâm bệnh qua đời. Đứa con ấy phải lưu lạc nhờ một nhà dân thường nuôi dưỡng. Chấn Chi nghe biết chuyện liền thu xếp cho một người thiếp của mình đến lo việc đưa đứa bé ấy về lại nhà họ Trương.
Có người họ Thẩm làm Trường huyện lệnh, cả nhà lần lượt chết hết, Chấn Chi đứng ra thay người nhà lo việc nhập quan đưa về quê an táng. Cả nhà chỉ còn lưu lại được một đứa cháu mồ côi, Chấn Chi liền ủy thác cho một viên quan Hữu ty nuôi dưỡng.
Huyện lệnh Thiên Đài qua đời trong lúc đang làm quan, không đưa về quê được, gia đình lưu ngụ ở Hàng Châu, có đứa cháu gái tuổi vừa mới lớn lọt vào tay kẻ gian, phải làm gái lầu xanh. Chấn Chi nghe chuyện rơi nước mắt, liền chuộc về rồi chọn nơi tử tế lo việc gả chồng.

Những trường hợp Chấn Chi bỏ tiền bạc ra giúp người tương tự như thế rất nhiều, không thể kể hết. Con trai ông là Trương Tế Dương, sau thành bậc danh sĩ một thời. Con cháu ông đời sau đều đặc biệt hưng thịnh.

Lời bàn

Cứu giúp người nghèo đói, hoặc giúp người về quê, đó là thành tựu sự tốt đẹp cho người ngay trong đời sống; giúp người khác duy trì dòng tộc, cứu người thoát khỏi hoạn nạn, đó là thành tựu sự tốt đẹp cho người lâu dài về sau.

Làm việc gì cũng noi theo đạo trời

Giảng rộng

Ý nghĩa của hai chữ “đạo trời” ở đây là ngược lại với tham dục của con người. Đạo trời là quy tắc, chuẩn mực của mọi việc làm, cũng như thợ mộc có thước tròn, thước vuông, người bắn tên có bia làm đích ngắm...

Noi theo đạo trời là đúng, bỏ đi là sai; noi theo đạo trời là góp sức được vào việc chung, bỏ đi là ích kỷ riêng tư; noi theo đạo trời là thẳng suốt đi lên thành người cao thượng; bỏ đi là phăng phăng tuột dốc làm kẻ tiểu nhân; noi theo đạo trời ắt có lòng nhân từ khoan dung tha thứ, tự nhiên có sự giúp dật, bảo vệ, thường luôn được hưởng phúc; bỏ đi thì tâm tính khắc nghiệt, lạnh nhạt vô cảm, thường gặp nhiều điều xấu ác, tai họa theo nhau giáng xuống. Xem thế thì đủ biết, chỗ được mất thật cách xa nhau một trời một vực.

Câu này với câu văn tiếp theo có ý nghĩa hỗ tương, hàm chứa lẫn nhau. Chẳng hạn như nói “làm việc”, nhưng tất nhiên cũng bao gồm cả ý “nói ra”, mà việc “nói ra thuận lòng người” tất nhiên cũng đã bao hàm cả ý “noi theo đạo trời” trong đó.

Trưng dẫn sự việc

Không bỏ khi vợ mắc bệnh phong

Tỉnh Phúc Kiến có người tên Phúc Thanh Văn, là con trai của Thiệu Tổ, định việc kết hôn với con gái Sài Công. Vừa dạm hỏi xong thì người con gái ấy bỗng mắc bệnh phong. Thiệu Tổ thấy bệnh ấy hiểm nghèo nên muốn đổi ý, người vợ giận lắm, nói: “Mình sinh con ra nên dạy cho nó thuận theo đạo trời, thì tự nhiên được bền lâu. Bằng như làm việc trái với lễ nghĩa, tai họa chắc chắn sẽ đến ngay.”

Do đó nên vẫn tiến hành việc cưới xin. Sau khi con gái họ Sài về làm dâu, năm sau Phúc Thanh Văn thi đỗ, vợ anh cũng dần dần khỏi bệnh, sinh được ba đứa con trai sau đều vinh hiển.

Lời bàn

Từ xưa đến nay, những người cưới vợ mù, vợ bệnh, phần nhiều tự thân đều được sang quý, sinh con vinh hiển. Thật không phải nguyên nhân gì khác, chỉ là vì tấm lòng nhân hậu có thể thay trời mà bao dung che chở cho một người, nên trời cũng ưu ái đãi ngộ cho một người để bù đắp đó thôi.

Bội ước không cưới vợ

Vào triều Thanh, tại huyện Lâu thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Cố Nguyên Cát, ban đầu làm một viên thư lại, chăm chỉ học tập, tay không buông sách. Sau đi thi đỗ đầu, học trò theo học ngày càng đông. Nhưng cứ mỗi lần ông vào trường, liền thấy như có một phụ nữ đi theo kế bên, khiến cho ý tứ văn từ rối loạn.

Xét nguyên nhân thì từ thuở mới lớn, Nguyên Cát có dạm hỏi một cô gái, sau thấy xuất thân nghèo khó nên cuối cùng bỏ không cưới. Nhân việc này, cô gái uất ức mà chết.

Đến khi tuổi già, Nguyên Cát bỗng phát điên, thường tự đánh vào dương vật của mình, người nhà phải theo sát ngăn cản. Nhưng chỉ cần lơi lỏng một chút là ông lại đánh vào mạnh hơn.

Một hôm ông tự đi lên một cây cầu, nhìn xuống dòng nước sông trong vắt, cảm thán nói rằng: “Nơi này có thể chôn ta được rồi.” Nói xong tự nhảy xuống sông mà chết. Hôm ấy là ngày mồng một tháng sáu, thuộc niên hiệu Khang Hy.

Lời bàn

Vì chê người ta nghèo khó mà không cưới nên trời sẽ bắt sống trong nghèo khó suốt đời. Vì vậy, có được văn tài đến như thế mà cuối cùng không thể thành tựu được gì, cuối cùng phải chôn xác trong bụng cá sông!

Mẹ con cùng bị sét đánh

Vào niên hiệu Khang Hy, năm Ất Hợi, quận Tô bị trận lụt lớn. Tại một thôn nọ có người phụ nữ đang mang thai, chồng bệnh nằm đói chẳng có gì ăn, bà liền bế đứa con ba tuổi vào thành vay gạo. Vay được 4 đấu gạo mang về, gặp mưa lớn trên đường, sức lực cạn kiệt nhưng vẫn còn cách nhà khoảng một dặm, không thể vừa bế con vừa mang gạo đi nổi. Bỗng thấy trước cửa nhà gần đó có một đứa trẻ, liền gửi mấy đấu gạo lại đó cho nó, hẹn đưa con về nhà rồi trở lại lấy.

Đứa trẻ kia cùng bàn với mẹ rồi đem gạo giấu đi mất. Người mẹ bế con về rồi quay lại thì không lấy được gạo, vì sợ chồng không dám vào nhà, trong bụng lại quá đói, cuối cùng treo cổ mà chết bên cạnh nhà. Người chồng đang bệnh không có ai chăm sóc, không bao lâu cũng chết.

Năm sau, khoảng tháng 6 thì nhà cướp gạo kia dời đến ở nơi hẻm Dưỡng Dục trong quận lỵ, bỗng bị ma nhập tự nói rằng: “Ta đã kiện ngươi nơi ấy, thiên lôi cũng xem xét chấp thuận rồi.”

Chưa đến ba ngày sau, trời nổi sấm chớp, lôi hai mẹ con nhà kia ra giữa sân đánh chết. Bà mẹ lúc chết vẫn còn ôm chặt con. Hôm ấy là ngày mồng ba tháng bảy năm Bính Tý thuộc niên hiệu Khang Hy.

Lời bàn

Theo cách hiểu của phái hậu Nho thì chuyện hai mẹ con nhà kia chẳng qua do hai khí âm dương tương khắc, tình cờ phát ra sấm sét đánh trúng mà thôi. Người đời nếu tin theo như vậy ắt trong lòng thản nhiên, không hề sợ sệt trước những việc nhân quả báo ứng hiện tiền như thế.

Tham dâm phụ lời ủy thác

Huyện Thái Thương tỉnh Giang Tô có một nho sinh tên Vương Tĩnh Hầu, là người khiêm tốn, thường kính trọng người khác. Một hôm bỗng bị sét đánh chết. Mọi người đều kinh sợ cho là chuyện kỳ lạ. Có người đồng cốt thỉnh được tiên nhập, mọi người liền đem việc này ra hỏi, tiên mượn lời đồng cốt nói: “Tên này vào hồi ngày, tháng, năm ấy... lúc đến Tô Châu dự kỳ thi phủ, ở trọ một nhà dân gần cầu Ẩm Mã. Khi ấy, người chủ nhà bị khép tội đang giam trong ngục, người vợ thấy hắn ta ra dáng hiền hậu khiêm tốn nên tin tưởng, mang tiền bạc ủy thác, cậy lo cho người chồng được ra khỏi ngục. Hắn thấy người vợ chủ nhà yếu đuối có thể hiếp được liền ra tay, lại cướp luôn tiền bạc, hại người vợ chủ nhà đến chết. Vì thế nên hắn phải chịu quả báo như vậy.”

Lời bàn

Tội lỗi giấu kín chẳng ai biết như thế này thì luật pháp quốc gia không trừng trị được. Nếu không có lẽ tội phúc báo ứng, ắt kẻ tiểu nhân sẽ luôn hí hửng mà làm tiểu nhân. Cho nên, việc truyền rộng thuyết nhân quả ra chính là âm thầm hỗ trợ cho việc trị nước bằng pháp luật, lại cũng giúp vào cho đạo lý chân chánh, công lao ấy quả thật không phải ít.

Nói ra lời nào cũng thuận với lòng người

Giảng rộng

Lời nói và việc làm là hai phương diện chủ yếu để người quân tử dựa vào mà lập thân. Làm việc noi theo đạo trời thì ít khi phải hối tiếc vì việc đã làm. Nói ra thuận với lòng người thì ít khi phải bị người oán trách vì lời nói.

Khổng tử nói: “Người có đức hạnh mới nói ra được những lời tốt đẹp, nhưng người nói ra lời tốt đẹp chưa hẳn đã có đức hạnh.” Lại nói: “Người nhân đức luôn có sự thận trọng, chọn lựa kỹ trước khi nói ra.” Lại nói: “Chưa đến lúc cần nói mà vội vã nói là hấp tấp; có người thưa hỏi, đến lúc cần nói mà không nói rõ ràng là người gian trá giấu giếm; không quan sát kỹ vẻ mặt, phản ứng của người nghe mà chỉ thao thao nói, ấy là mù quáng.”

Cho nên phải biết rằng, nói năng cho phải đạo thật cũng muôn ngàn khó khăn. Từ xưa đến nay, những bậc đạo cao đức dày ắt không khinh suất trong lời nói, người khéo quán sát đến chỗ biến hóa tinh vi kín đáo của sự vật cũng không khinh suất trong lời nói, người biết khiêm cung tự giữ mình cũng không khinh suất trong lời nói.

Những kẻ khinh suất trong lời nói, đa phần đều do tâm ý nông nổi, hấp tấp, gặp việc thì vui mừng bày tỏ ra mặt, cho nên có nói ra điều gì cũng chỉ là lời cửa miệng, trong lòng chưa từng có sự chín chắn suy đi xét lại. Ví như có vì thế mà đắc tội với đời, khiến người khác cười chê, họ cũng không hề suy nghĩ lại, nói gì đến việc dành thời gian để cân nhắc trước xem có nên hay không nên nói?

Nói “lòng người” ở đây là muốn chỉ đến lòng công bằng, chân chánh hết mực, là tấm lòng mà Tô Đông Pha đã nói đến trong Tư trị luận (思治論) rằng: “Không nói ra mà ai ai cũng giống như nhau.” Lòng người như thế nếu ở nơi đâu thì chính là đạo trời ở đấy, nên phải thuận theo. Nhưng nói “thuận theo” ở đây không có nghĩa là xu nịnh, mà có nghĩa là nên thận trọng trước khi nói, quan sát phản ứng của người nghe, chân chất thẳng thắn không lừa dối, nói ra phải trọn vẹn rõ ràng, có sự suy xét cẩn thận, bảo ban phải khiêm cung hòa ái, lại càng phải cẩn trọng. Những lúc quá vui mừng, quá giận dữ hoặc quá say sưa, ắt phải có những lời luận bàn

thái quá, tốt hơn là nên ngậm miệng không nói để ngăn ngừa sự sai trái, lầm lỗi.

Các bậc tiền bối dạy rằng: “Những người ta gặp trong tiệc tùng xã giao hoặc nơi đông người giao tiếp thường có nhân phẩm tốt xấu khác nhau, hoặc có người phẩm hạnh khiếm khuyết, hoặc có người hình dung xấu xí, hoặc có người tuy hiện nay hiển đạt tôn quý nhưng xuất thân gia thế hàn vi, hoặc có người trước đây gia thế hết sức phồn vinh thịnh vượng, nhưng giờ đây con cháu chẳng được mấy người... Từ đó suy ra, sẽ thấy có rất nhiều điều không nên nói, cần phải lần lượt cân nhắc hết thảy, không được chạm vào những chỗ riêng tư kín đáo, hoặc những điều người khác không muốn nói đến, khiến họ phải hổ thẹn, giận dữ. Nếu không thể nào biết hết để tránh thì tuyệt đối không được luận bàn sằng bậy chuyện thế sự, hoặc trực tiếp gọi tên họ của người khác, để tránh phạm vào húy kỵ tên họ các bậc cha anh, bởi những điều ấy thường mang đến tai họa ngoài ý muốn.

Trước đây có một người, trong buổi tụ họp rất đông người, chợt nghe có kẻ đề cập đến một người có tên tuổi, anh ta liền nói rằng mình với người đó rất thân nhau. Không ngờ chỉ một lát sau, người ấy tình cờ ghé đến. Anh ta chắp tay vái chào, không biết là ai, rồi quay sang hỏi người bên cạnh: “Ông ấy là ai vậy?” Người bên cạnh trả lời: “Là người mà ông vừa nói là rất thân với ông đó.” Mọi người quanh đó đều quay nhìn anh ta cười nhạo. Than ôi! Những ai hay khinh suất trong lời nói nên nhớ lấy chuyện này mà tự răn nhắc mình.

Trưng dẫn sự tích

Lỗ công sai người đối đáp với Tiết hầu

Đằng hầu và Tiết hầu cùng đến triều kiến vua nước Lỗ, hai bên tranh nhau vị thứ trước sau. Tiết hầu nói: “Ta được phong trước.” Đằng hầu liền nói: “Ta là quan Thái bốc nhà Chu, cùng họ với thiên tử, Tiết hầu mang họ dân

thường, ta không thể đứng sau."
Lỗ Ẩn công liền sai Vũ Phụ thay mình đến chỗ Tiết hầu nói: "Ngài với Đằng hầu đã hạ mình đến đây thăm vua nước Lỗ tôi, người nhà Chu có câu rằng: 'Trên núi sẵn có cây gỗ, nhưng người thợ mộc khi dùng phải đo đạc theo chỗ mình cần; khách đến nhà tuy đều sẵn có lễ nghi, nhưng chủ nhà phải có sự chọn lựa.' Thiên tử nhà Chu với chư hầu đã có sự minh định, nếu khác họ với thiên tử thì đều phải đứng sau. Vua nước Lỗ tôi nếu có đến triều kiến vua nước Tiết, tự nhiên cũng không dám tranh với các vị. Nếu quả ngài đã có lòng hạ cố đến thăm vua nước Lỗ tôi, xin vui lòng để cho vua nước Đằng đứng trước."
Vua nước Tiết liền đồng ý để cho vua nước Đằng đứng trước.

Lời bàn

Lời lẽ của vua nước Tiết rõ ràng là quá bộc trực thẳng thừng, mà lời của vua nước Đằng cũng quá cứng rắn, ra vẻ chèn ép người. Chỉ có lời của Vũ Phụ nói thay vua Lỗ là khiêm cung hòa nhã, mềm mỏng linh hoạt mà cảm động lòng người.
Phân tích chi ly thì lời của Vũ Phụ có thể phân chia thành sáu ý để xem xét. Hai câu đầu nói rõ về việc hai vua chư hầu đến nước Lỗ triều kiến. Tiếp theo liền đưa ra lý lẽ nhẹ nhàng mềm mỏng, nêu việc trên núi sẵn có cây gỗ là ý thứ nhất (1), lại thêm việc khách đến nhà sẵn có lễ nghi là ý thứ hai (2), vận dụng rất hay phương pháp mượn khách để nói tiếp đến chủ. Không nói rằng khách không có lễ nghi, mà ngược lại nói khách sẵn có lễ nghi, thật giống như Tử Sản không nói chỗ cả hai đều sai, mà nói chỗ cả hai đều đúng. Thật khéo chọn ngôn từ lắm thay!
Sau đó nêu lên sự minh định của nhà Chu (3) rằng khác họ với thiên tử phải đứng sau (4), là đã có ý muốn nhường Đằng hầu lên trước. Lại trước khi muốn nói vua nước Tiết hạ mình thăm vua nước Lỗ (5), thì lại đưa ra

tình huống ví như vua nước Lỗ đến triều kiến vua nước Tiết (6). Cách nói như thế thật là khiêm tốn hòa nhã, khiến người nghe tự nhiên thấy vui lòng. Chỗ này thật giống như khi Tần Mục Công nói chuyện với sứ nước Tấn, không nói mình bắt Tấn hầu về nước Tần, mà nói: ‘Ta muốn được cùng đi với Tấn hầu về phía tây, cũng chỉ là để thực hiện giấc mơ của nước Tấn mà thôi.” Như vậy chẳng phải là khéo chọn ngôn từ lắm sao? Những việc như vậy đều là nói ra thuận với lòng người, hoàn toàn không phải những cách nói xu nịnh dùa theo ý người mà có thể so sánh được.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (34)

Giảng pháp thích hợp

Thời Nam Bắc triều, đời Lưu Tống có một vị cao tăng từ Ấn Độ sang là Cầu-na-bạt-ma, thuộc dòng Sát-đế-lợi, là anh của vua nước Kế Tân. Vào tháng giêng niên hiệu Nguyên Gia thứ tám, ngài đến Kiến Nghiệp. Vua Văn đế mời vào diện kiến, ân cần hỏi han rồi thưa rằng: “Ta cũng thường muốn ăn chay, giữ giới không giết hại, nhưng vì còn phải lo cho dân cho nước nên không thể được, vậy biết phải làm thế nào?”

Đại sư nói: “Sự tu tập trai giới của bậc đế vương không giống với thường dân. Thường dân thân phận hèn kém, không có quyền sai sử người khác, nếu như không tự mình khắc chế, giảm bớt ham muốn thì làm sao tu thân? Nhưng đối với bậc vua chúa thì bốn bể là nhà, muôn dân là con, nói ra một lời tốt đẹp thì muôn dân vui mừng, thi hành một chính sách hiền thiện thì người người hưởng ứng; trọng người hiền, dùng người giỏi, bớt lao dịch, giảm thuế khóa thì mưa gió thuận hòa, mùa màng sung túc. Bệ hạ nếu theo cách ấy mà giữ trai giới, thì sự trì trai ấy thật vĩ đại biết bao; nếu theo cách ấy mà giữ giới không giết hại, thì còn có công đức nào hơn? Đâu nhất thiết là phải đợi nhịn ăn được nửa ngày hay cứu mạng cho một con chim rồi mới có thể cứu giúp rộng khắp muôn dân?”

Văn đế nghe xong hết mực tán thán, nói rằng: “Người thế tục đắm chìm mê muội trong những lý luận xa vời, kẻ xuất gia lại thường trì trệ cố chấp nơi giáo điều thiển cận. Theo như lời đại sư mới thật sự là khai mở trí tuệ giúp người tỏ ngộ, thấu hiểu sáng suốt mọi việc, có thể cứu độ khắp cả trời người.” Sau đó liền cung thỉnh Đại sư trụ lại chùa Kỳ Hoàn nơi kinh thành.

Đến khi đại sư viên tịch, trong khoảng giữa đỉnh đầu bỗng thấy có hình trạng lạ, mường tượng uốn khúc như con rồng, từ đỉnh đầu xuất ra bay thẳng lên trời, có cả ngàn người tận mắt chứng kiến.

Lời bàn

Những lời Đại sư nói ra cũng đều là lập luận của nhà Nho, nhưng lại hàm chứa giáo lý nhà Phật trong đó. Như thế mới thật là nói ra thuận với lòng người.

Khéo can ngăn

Vào triều Minh, quan Thượng thư bộ Hộ là Vương Hữu Hiền, là người huyện Ninh Hương, tỉnh Sơn Tây. Ông từng bỏ tiền cưới về một người thiếp, vợ ông vì quá ghen nên đẩy người thiếp này vào hoàn cảnh rất khốn

đốn. Khi Vương Hữu Hiền bận việc quan phải đi xa, bà vợ liền lén nhốt người thiếp vào một căn phòng trên lầu, đói quá sắp chết. Ông có đứa con trai tên Vương Dục Tuấn, chỉ mới mấy tuổi đầu, lúc ấy biết chuyện liền nói với mẹ: “Nếu dì ấy mà chết đói, người ngoài thế nào cũng chê cười phỉ báng mẹ, chi bằng cứ mỗi ngày cho ăn một bát cháo nhỏ, để dì ấy từ từ mà chết, người ta sẽ không nói là mẹ ác độc.” Bà mẹ nghe theo lời. Vương Dục Tuấn lại lén dùng một cái đãy nhỏ giấu thức ăn vào, nhân lúc mang cháo đến thì đưa cho người thiếp của cha, nhờ đó mà cô ta được sống. Qua năm sau sinh được một đứa con trai, Vương Hữu Hiền lén đưa đến nơi khác nuôi dưỡng. Sau khi ông qua đời, Dục Tuấn hết sức thương yêu chăm sóc đứa em trai này.

Lời bàn

Khi sử dụng lời nói để giao tiếp với người khác, tất nhiên phải chọn lời nói sao cho thuận theo lòng người. Khi sử dụng lời nói để phụng sự cha mẹ, cũng không được làm trái ý cha mẹ. Tuy nhiên, Khổng tử thường nói: “Thờ cha mẹ, nếu cha mẹ có điều không tốt cũng phải khéo léo can ngăn.” Khéo léo can ngăn có nghĩa là phải làm sao để cha mẹ vui vẻ nghe theo lời khuyên, mà cũng không trái ý cha mẹ. Xét như việc Vương Dục Tuấn khéo léo khuyên can mẹ, chẳng phải là hợp với lời của Khổng tử lắm sao?

Kính ngưỡng bậc thánh hiền tiên triết, đi đứng nằm ngồi thường nghĩ nhớ

Giảng rộng

Nói “tiên triết” là chỉ chung các bậc thánh hiền trong quá khứ. Được nghe lời dạy của thánh hiền thì sinh lòng ngưỡng mộ, ắt tự thân phải ra sức làm theo, giống như vẫn còn được thấy các ngài hiện diện trước mình. Nói “đi đứng nằm ngồi thường nghĩ nhớ”, có nghĩa là bất kỳ lúc nào cũng nhìn thấy các bậc thánh hiền như đang hiện diện trước mặt mình, nhưng không

nên quá câu nệ nơi nghĩa đen của từ ngữ, mà nên hiểu là lúc nào cũng suy xét nhớ nghĩ lời dạy của các ngài để làm theo.

Đạo lý của các bậc thánh hiền xưa nay, tùy theo địa phương truyền bá mà có sự linh hoạt tự nhiên nhưng không xa lìa cội gốc, nếu như quá cố chấp vào hình thức mà trong tâm vẫn tồn tại dù chỉ một chút các ý niệm “ý, tất, cố, ngã” trong lòng, ắt sẽ không khác gì Diệp công thích rồng nhưng chỉ biết đến tranh vẽ rồng chứ không biết có con rồng thật.

Năm xưa, tôi có lần gặp một người cầm trong tay quyển sách Trung dung, liền cùng ông ta bàn luận về nghĩa lý đại thể của hai chữ “trung dung”. Tôi bảo ông ấy: “Trung dung không có hình tướng, nếu cố chấp vào hình thức mà cho rằng chỉ có 33 chương trong sách này mới đúng thật là Trung dung thì đối với đạo lớn của Khổng Nhan dù có nằm mơ cũng không thấy được, huống chi là thực hiểu.”

Ông ấy lập tức nổi giận, nói: “Ý nghĩa ông nói đó là thiền học, chẳng phải đạo Nho của ta.” Nói xong bèn ném ngược quyển Trung dung lên bàn sách. Tôi nói: “Ông thành kẻ tiểu nhân rồi.” Ông ta hỏi vì sao, tôi nói: “Khổng tử từng nói rằng: ‘Quân tử trung dung, tiểu nhân ngược với trung dung.’ Chẳng phải ông vừa ném ngược quyển Trung dung lên bàn đó sao?” Người kia lập tức cãi lại: “Khổng tử nói ‘tiểu nhân ngược với trung dung’, sao có thể chấp cho đó là quyển trung dung trong tay tôi?” Tôi liền cười lớn nói: “Tôi nói trung dung không có hình tướng, chính là như ý ông vừa nói đó.” Ông ta im lặng suy nghĩ hồi lâu, liền tự có chỗ hiểu được.

Một hôm, có người bạn đề cập đến một câu trong sách Mạnh tử: “Nếu tin hoàn toàn vào sách, chẳng bằng không đọc sách.” Tôi nói: “Câu này người thường không dám tùy tiện nói ra, nhưng Mạnh tử nói thì quả đúng không sai.” Người kia vừa nghe có vẻ không hài lòng, tôi chỉ cười không nói gì thêm. Qua một lúc lâu, người ấy bỗng hiểu ra, nói: “Ông quả là người khéo

đọc sách Mạnh tử. Tôi đã bị ông giễu cợt rồi."
Các bậc tiên hiền như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, Văn vương, Vũ vương, Chu Công, Khổng tử, Nhan Hồi... đều là những bậc thánh hiền thời cổ đại, nhưng giá trị văn hiến quý báu của các ngài vẫn còn lưu lại đến nay. Trong những lúc có chút thời gian rỗi rãnh, tôi vẫn thường thả hồn quay về ngàn năm trước, tìm tòi sưu tập rồi đọc qua trước thuật của rất nhiều người, sau đó suy ngẫm trầm tư, rồi lại tham khảo qua lập luận của các bậc hiền nho ngày trước. Nếu như trong ấy có những lời thích hợp với mình, ắt thường ghi nhớ trong lòng hoặc lặng lẽ ngâm nga một mình, tự nhiên để hết tinh thần vào đó. Thỉnh thoảng lại gặp một đôi câu xét thấy chưa thực sự thông suốt, liền viết ra thành tập, đặt lại vấn đề để hy vọng có thể làm sáng tỏ hơn nữa những lời dạy của các bậc thánh hiền ngày trước, khiến cho những học thuyết ấy được vĩnh viễn lưu hành trong đời. Nhân đó mà trong khoảng 30 năm qua đã hình thành một tập sách đặt tên là "Chất Khổng thuyết", nêu một số vấn đề cần làm rõ trong học thuyết Khổng tử, vẫn dùng để tự mình suy ngẫm lấy đó làm vui, cũng không dám nói là như được thấy các bậc tiên triết trước mắt, chỉ là muốn làm sáng tỏ cái học của thánh hiền để không phụ lời giáo huấn của các ngài. Dưới đây xin trích một số vấn đề trong sách Chất Khổng thuyết, mong được chia sẻ với những người cùng chí hướng.

Trích "Chất Khổng thuyết"

Bàn về việc "họ Khổng ba đời bỏ vợ"

Thật quá đáng lắm thay! Những kẻ học Nho thiển cận không hiểu được ý nghĩa của từ ngữ, vu báng điều xấu xa cho gia đình bậc thánh. Đức Khổng tử lấy lễ pháp giáo hóa người đời, trước vẫn xem việc dạy dỗ vợ con trong nhà là căn bản, đức độ chưa hẳn đã kém Văn vương xưa kia. Ví như vợ ngài không được hiền đức sánh kịp Hậu phi của Văn vương, ắt cũng đâu

tệ hại đến nỗi phải bị chồng xô đuổi? Một đời bỏ vợ cũng đã là chuyện ghê gớm lắm, huống chi lại đến ba đời đều bỏ vợ! Xét như đạo vợ chồng, theo đạo lý nhà Nho là chuyện hệ trọng, nếu phạm lỗi nhỏ mà bị chồng xô đuổi, ắt gia pháp họ Khổng chẳng thể bỏ qua mà không trách phạt, bằng như phạm lỗi quá lớn đến nỗi phải bị trục xuất ra khỏi gia đình, ắt phải là điều bất hạnh cho họ Khổng biết bao! Huống chi đức Khổng tử là bậc thầy mẫu mực của muôn đời, nếu như vợ ngài lại đức hạnh kém cỏi đến nỗi bị trục xuất, ắt phải tổn thương rất lớn đến thanh danh gia đình. Thế rồi đến người con dâu của bà cũng bị trục xuất, cho đến cháu dâu lại cũng bị trục xuất, như thế thì họ Khổng có còn ra thể thống gì nữa?
Một hôm, tôi mang sách Lễ ký, thiên Đàn cung ra đọc thật kỹ và suy ngẫm, đến câu "Không phải vợ chính của ông Cấp, ắt không phải mẹ của ông Bạch" bỗng kinh ngạc hiểu ra, nghĩ rằng: "Đã không phải vợ chính, tất nhiên là vợ kế. Như vậy trong sách dùng chữ "xuất mẫu" (出母) hóa ra không phải chỉ "người mẹ bị trục xuất", mà là để chỉ "người mẹ đã sinh ra mình", cũng giống như nói "sinh mẫu" (生母), như vậy tức là để chỉ người mẹ ruột. Nói "không để tang xuất mẫu" là ý nói không chịu tang mẹ ruột ba năm. Ấy vì Tử Tư là con dòng thứ, Bá Ngư từng bảo Tử Tư để tang mẹ ruột của mình 3 năm, Tử Tư không tiện nói với cha như vậy là sai lễ, liền nói: "Từ xưa tổ tiên gia tộc chúng ta chưa từng sai với lễ tắc quy định. Nếu có quy định chịu đại tang ắt phải làm theo." Từ đó về sau, lễ nghi trong gia đình họ Khổng quy định những người con dòng thứ không để tang 3 năm cho mẹ ruột của mình, sau thành tục lệ vĩnh viễn như thế. Cho nên, trong sách Lễ ký chép rằng: "Họ Khổng có quy định [con dòng thứ] không để tang mẹ ruột là bắt đầu từ ông Tử Tư." Thật rõ ràng sáng tỏ vô cùng. Thiên Đàn cung của sách Lễ ký đã dùng chữ xuất (出) để thay cho chữ sinh (生),

có thể nói là rất hay lạ, trang nhã mà không rơi vào khuôn sáo.
Các nhà Nho đời sau tự mình không hiểu được ý nghĩa của từ ngữ, sao lại khiến cho bậc phu nhân muôn đời kính ngưỡng phải chịu tiếng xấu ác? Xét như các quan đại phu ngày nay thôi, nếu như vợ họ chưa từng bị trục xuất, xô đuổi, mà bị người ta đồn đãi rằng bị trục xuất, hẳn phải lấy đó làm mối hận muôn đời. Người quân tử có lòng nhân đức, nếu nghe biết việc như thế ắt phải thay người mà minh oan, làm rõ sự việc để giải tỏa mối hận ấy. Huống chi việc này lại xảy ra với vị phu nhân của một bậc đại thánh nhân, khiến cho đến ba đời con dâu trong nhà đều phải ôm mối hận ngàn đời như vậy? Cho nên, việc này cần phải được cải chính, giải thích cho mọi người đều rõ, làm sáng tỏ chỗ sai lầm từ trước đến nay.

Lời bàn

Người xưa bỏ vợ, phần lớn trường hợp chỉ vì những lỗi lầm nhỏ, không phải lúc nào cũng là do đánh mất đạo đức lễ nghĩa. Như xem trong sách Khổng tử gia ngữ (孔子家語) thấy Tăng tử bỏ vợ chỉ vì chưng quả lê không chín. Lại xem trong sách Mạnh tử ngoại thư (孟子外書), thấy chép việc Mạnh tử định bỏ vợ chỉ vì nhìn thấy bà ngồi xoạc chân khó coi. Ông đem việc này thưa với mẹ, bà mẹ trách Mạnh tử thất lễ, Mạnh tử nghe lời mẹ, liền tự trách, thôi không bỏ vợ.
Xem qua đó thì có thể biết, bài văn này là vì những kẻ hậu Nho thiển cận hiểu sai mà phương tiện nói ra, vì mối oan chưa được rửa sạch của ba đời phu nhân nhà họ Khổng mà nói ra, cho nên chỗ dụng tâm thật hết sức tốt đẹp, khó nhọc. Chỉ có điều là người đọc cần phải thận trọng đừng để cố chấp nơi từ ngữ mà hiểu sai ý tứ, lại ngộ nhận rằng ba đời họ Khổng đã khai sinh ra thói xấu cưới thêm vợ lẽ. Đó là điều nhất thiết phải phân biện cho rõ.

Bàn về quan niệm “ngoài đạo trung thứ không có lẽ suốt thông”

Đức Khổng tử nói rằng: “Đạo của ta chỉ một điều suốt thông tất cả.” Đó chính là đạo lý căn bản một đời của Khổng tử, cũng là chỗ đạo lý căn bản được truyền lại qua bao đời thánh hiền kể từ vua Nghiêu, vua Thuấn, Văn vương, Vũ vương, Chu công... Nhan Hồi từ chỗ “học rộng khắp văn chương, tóm gọn theo lễ nghĩa” mà sau mới hiểu ra được lời dạy “một điều suốt thông” của thầy, cho nên mới bùi ngùi mà cảm thán. Ngoài Nhan Hồi ra, những người được truyền thụ chỗ thấu suốt này bất quá chỉ có được Tăng tử với Tử Cống mà thôi.

Nguyên lý “một điều suốt thông” của Khổng tử hàm ý đâu đâu cũng là đạo. Vì thế mà khi ngài đứng nơi ven sông trên thượng nguồn đã từng cảm thán: “Chảy mãi như thế này sao!” Khi ngài dạy cho môn đệ thường nói: “Ta chẳng có điều gì không dạy cho các ông.” Thật ra, đức Khổng tử nói câu “một điều suốt thông” lại chính vì muốn chỉ rõ ngay trước mắt cho những kẻ đã bước ra đường lại không biết lối đi, đã ăn món ngon lại không biết mùi vị. Môn đệ thảy đều không hiểu được ý nghĩa ấy, nên mới đưa ra câu hỏi: “Thế là thế nào?” Tăng tử là người đã trực nhận, lại cũng dùng phương pháp chỉ thẳng ngay trước mắt mà dạy cho những người kia rằng: “Đạo của thầy ta, chỉ hai chữ trung thứ là gồm đủ.”

Ví như có người đặt câu hỏi rằng: “Biển giống như thế nào?” Có người khác liền mang một chén nước biển đưa cho người ấy, nói rằng: “Đây chính là nước biển.” Nếu như lại cho rằng ngoài chén nước biển ấy không còn có biển lớn mênh mông, thì quả thật chỉ là người ngu si nói chuyện sằng bậy. Ngày nay có những học giả cứ mở miệng là nói: “Ngoài đạo trung thứ, không có lẽ suốt thông nào cả.” Như vậy có khác gì với kẻ ngu si vừa nói trên?

Bàn về câu “Ung dã khả sử nam diện”

Mấy chữ “khả sử nam diện” (可使南面 - có thể quay mặt về hướng nam) được sách Tứ thư chương cú tập chú (四書章句集註) giải thích là “vị thế của bậc nhân quân”. Dựa theo đó mà xưa nay vẫn cho rằng, vì Trọng Cung là người khoan dung độ lượng, chân thật mà cẩn trọng, có được khí độ của bậc quân vương, nên đức Khổng tử mới nhận xét như thế.
Nhưng xét lại tự thấy cách hiểu như vậy có chỗ chưa thỏa đáng. “Nhân quân” là danh hiệu để xưng bậc thiên tử của chư hầu. Trọng Cung tuy hiền đức nhưng vai vế vẫn là hàng đệ tử của Khổng tử. Một người luôn hết mực “tôn quân” như Khổng tử, lẽ nào lại đặt đệ tử mình lên vị trí bậc thiên tử của chư hầu? Lại thử hỏi, nếu thế thì phải đặt thiên tử nhà Chu với vua nước Lỗ là Lỗ Định công ở vào địa vị nào?
Xét rằng từ xưa đến nay, bất kỳ ai đã được bổ làm quan chức dù lớn hay nhỏ, đã được một thân vinh hiển, ắt người nào cũng cần phải quay mặt về nam để soi xét việc của dân. Cho nên, bất kỳ quan viên chức sắc nào dự vào hàng cầm quyền cai trị dân thì đều “có thể quay mặt về hướng nam” cả.

Bàn về câu “chấp tiên chi sĩ”

Trong cách dùng ngày xưa, hai chữ sĩ (士) và sự (事) có thể thay thế cho nhau. Trong sách Chu thư, thiên Khang cáo có câu: “Kiến sĩ ư Chu” (見士於周) lại có nghĩa là “Thấy sự việc ở nước Chu”. Theo lẽ ấy mà xét thì cụm từ “chấp tiên chi sĩ” (執鞭之士) ắt phải được hiểu là “việc cầm roi đánh xe” chứ không phải là “kẻ sĩ cầm roi đánh xe”.
Nếu như hiểu chữ sĩ trong cụm từ đó là kẻ sĩ, tức người quân tử, thì như đức Khổng tử đã có dạy rất rõ rằng: “Ở ẩn tại nhà không đáng là kẻ sĩ.” Ở ẩn tại nhà mình, không đóng góp tài trí cho nhân quần xã hội, còn “không đáng là kẻ sĩ”, huống hồ lại đi cầm roi đánh xe hầu hạ người khác?

Bàn về câu “vật hữu bản mạt”

Sách Tứ thư chương cú tập chú (四書章句集註) chú giải rằng “đoạn này nối tiếp ý của câu văn trước đó”. Vì thế nên xưa nay vẫn hiểu rằng, trong câu “vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy” (物有本末，事有終始) thì “vật hữu bản mạt” (vật có gốc, ngọn) được xem là phần đầu, “sự hữu chung thủy” (sự việc có đầu, cuối) được xem là phần sau, cả hai tạo thành một đoạn nối tiếp theo văn trước đó.

Tuy nhiên, xét thật kỹ càng thông suốt văn mạch toàn chương, thì thấy đoạn này không phải nối tiếp phần trước nó, mà thật ra là được viết để khởi đầu cho đoạn tiếp theo. Hiểu theo cách này thì chữ vật (物) được dùng để chỉ phần nội dung trong câu tiếp theo bên dưới, bao gồm: “thân, tâm, ý, tri, gia, quốc, thiên hạ”; mà chữ sự (事) tức là các việc “cách, trí, thành, chính, tu, tề, trị, bình”. Chữ vật (物) với chữ sự (事) được hiểu phối hợp theo cách này thì tất cả ý tứ đều phù hợp, mà lại càng làm tăng thêm ý nghĩa rõ ràng mạnh mẽ hơn.

Nếu lấy quốc (đất nước) so với thiên hạ, thì đất nước phải là gốc, mà thiên hạ là ngọn; lấy gia (nhà) so với quốc (đất nước), thì nhà phải là gốc, mà đất nước là ngọn; cứ thế mà xét, cho đến các khái niệm thân, tâm, ý, tri cũng đều tương tự như vậy. Như thế, có thể thấy hai chữ “bản, mạt” (gốc, ngọn) đã biến hóa vô cùng linh hoạt, kỳ diệu.

Nếu lấy trị (治) so với bình (平) mà xét, thì trị phải là đầu, mà bình là cuối; lấy tề (齊) so với trị (治) mà xét, thì tề phải là đầu, mà trị là cuối; cứ thế mà xét, cho đến các khái niệm cách, trí, thành, chính cũng đều tương tự như vậy. Như thế, có thể thấy hai chữ “thủy, chung” (đầu, cuối) đã biến hóa vô cùng linh hoạt, kỳ diệu.

Những khái niệm “bản, mạt, thủy, chung” (gốc, ngọn, đầu, cuối) đã được

vận dụng linh hoạt như thế, tất nhiên các khái niệm “tiên, hậu” (trước, sau) cũng sẽ linh hoạt như thế, cho đến khái niệm “cận đạo” (gần với đạo) cũng sẽ linh hoạt như thế.

Cho nên, đoạn văn này thật ra sử dụng bút pháp hư ảo, không tự có thật nghĩa, chỉ để dẫn khởi cho 8 đề mục thực nghĩa bên dưới. Vì thế mà trực tiếp trước đó là hai đoạn mở đầu với “cổ chi dục minh minh đức” (古之欲明明德), và liền theo sau là hai câu “tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ” (知所先後, 則近道矣).

Nếu như cho rằng “vật hữu bản mạt” với “sự hữu chung thủy” là 2 phần của một đoạn văn nối tiếp ý văn trước đó, thì sự phối hợp ý nghĩa xét ra rất nhiều chỗ khiên cưỡng. Xét như đoạn văn trước đó mở đầu bằng “tri chỉ nhi hậu hữu định” (知止而後有定), thật ra đã là nối tiếp câu trước đó nữa với ý cuối câu là “chỉ ư chí thiện” (止於至善), cho nên “vật hữu bản mạt” đương nhiên không thể có sự nối tiếp tương ứng với đoạn trước nó.

Huống chi hai đoạn “vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy” lại rõ ràng có ý đề khởi mạnh mẽ chứ không phải ý nối tiếp. Như hiểu ngược lại theo ý tứ của đoạn văn trên, thì “tâm định” làm sao có thể gọi là “sự”, chỗ được an ổn cũng làm sao có thể gọi là “sự”? Hiểu như thế thì một chữ “sự” tự nó đã không có nghĩa thỏa đáng, tất nhiên hai chữ “tiên hậu” theo sau cũng không thỏa đáng, mà đến “tắc cận đạo hỹ” lại càng không thỏa đáng.

Cách hiểu sai lệch này tuy không liên quan đến tông chỉ lớn lao, nhưng nếu như có thể ít nhiều làm sáng tỏ hơn kinh sách của thánh hiền thì cũng nên nói rõ ra để mọi người đều biết.

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (35)

Bàn về việc thêm chương "Cách vật trí tri" vào sách Đại học

Chu Hy khi đọc cổ bản của sách Đại học (大學), cho rằng tiếp theo chương "Thính tụng" (聽訟) thứ tư đã bị mất đi chương thứ năm là "Cách vật trí tri" (格物致知). Do đó, ông sử dụng ý tưởng của Trình tử rồi tự mình viết bổ sung chương ấy, xếp vào trong sách "Hiền truyện". Bấy giờ, những người học Nho tranh cãi rất nhiều, không cùng một ý. Nhiều người cho rằng, các vị hậu Nho tuy là hiền đức cũng không có lý nào lại tự mình viết thêm vào kinh sách của thánh nhân.

Khổng tử viết kinh Xuân thu, có những sự mất mát, thiếu sót, đại loại như đến đoạn nói về Hoàn Công năm thứ 14, sau hai chữ "hạ ngũ" (夏五) bị mất một chữ, hoặc phần nói về Trang Công năm thứ 24, sau hai chữ "quách công" (郭公) bị mất một đoạn... vì sao không vận dụng kiến thức của mình để viết bổ sung vào cho hoàn chỉnh, mà cuối cùng vẫn để những chỗ ấy là tồn nghi? Là vì có sự thận trọng. Huống chi phần bổ sung của Chu tử là người thuộc thời đại gần đây, cách hành văn hoàn toàn không giống với phong cách được sử dụng trước đây trong kinh sách của thánh nhân, lại chưa hẳn đã không bị rơi vào chỗ "biết một mà chẳng biết hai".

Theo chỗ suy luận của tôi thì thật ra chương sách này không hề bị mất, mà phần giải thích ý nghĩa “cách vật trí tri” thật ra là nằm trong chương “Thính tụng” (聽訟). Xét như lý lẽ của sự vật trong thiên hạ vốn là không cùng tận, tiến vào một cảnh giới, ắt lại hiện ra thêm một cảnh giới khác nữa. Lấy như trong việc xét xử tranh tụng mà nói, mọi người đều cho rằng nếu đạt được đến chỗ phân tích cặn kẽ sự việc, phán quyết công bằng thích đáng, ắt đã là cùng cực. Thế nhưng nào biết rằng, vượt trên sự cùng cực đó còn có cấp độ cao hơn của sự “không tranh tụng”, quả thật vượt xa rất nhiều.
Người thấu suốt được cấu trúc vận hành của sự vật, ắt nhận biết được lý lẽ trong thiên hạ, từng bước từng bước thấu hiểu đến chỗ cao tột nhất, thì những việc như “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” đều không còn khó nữa. Vì thế chỉ mượn một việc “tranh tụng” làm ví dụ đơn cử, từ đó suy ra cho đến mọi sự mọi việc trong thiên hạ cũng cùng một nguyên lý ấy, thật ra hoàn toàn không nhằm giải thích về ý nghĩa “bản mạt”.
Chương này vốn nhấn mạnh vào chữ tri (知) trong “cách vật trí tri”, không phải nhấn mạnh vào chữ bản (本) trong “bản mạt”. Chu Hy khi đọc chương này lại chú ý đến chữ “bản” mà quên mất rằng chương này chú trọng chữ “tri”, vì thế mới cho rằng chương này giải thích ý nghĩa “bản mạt”, từ đó tiếp tục suy ra rằng chương giải thích về “cách vật trí tri” đã bị mất!
Xét như toàn bộ các chương giải thích của Tăng tử trong sách Đại học, thật không ngoài 3 cương lĩnh, 8 đề mục đã nêu ở đầu sách. Vậy riêng khái niệm “bản mạt” vốn không phải cương lĩnh, cũng chưa đủ là đề mục, vì sao lại có một chương giải thích riêng? Lại nếu như “bản mạt” đã được giải thích, tại sao “chung thủy” lại không được giải thích? Nay phân tích thật kỹ và suy ngẫm về cách hành văn trong các sách truyện thánh hiền thì tự nhiên thấy rõ. Như chương “Thành ý” (誠其意) được dùng làm chương

đầu tiên của phần giải thích 8 đề mục, nên mở đầu là “Sở vị thành kỳ ý giả” (所謂誠其意者), lấy cách viết này áp dụng cho cả 4 chương tiếp theo sau, đều giống như vậy. Nếu như phía trước chương giải thích về “thành ý” lại đặt thêm một chương “sở vị trí tri tại cách vật” thì hóa ra văn pháp hoàn toàn rối loạn, không còn tương hợp nhất quán nữa.

Hiện nay hai phần kinh, truyện trong sách Đại học vẫn còn đủ, sao người đọc sách không tĩnh tâm xét lại một lần thử xem? Đến như hai câu cuối cùng “thử vị tri bản” (此謂知本) và “thử vị tri chi chí dã” (此謂知之至也) đều là những câu cảm thán kết ý, khiến cho người đọc hốt nhiên bừng tỉnh, lãnh hội được ý tứ, nhất định không thể xem là dư thừa.

Bàn về cụm từ “phục Nghiêu chi phục”

Chữ phục (服) chính là được dùng với nghĩa như chữ sự (事). Trong sách Thượng thư (尚書), thiên Trọng hủy chi cáo (仲虺之誥) có câu “toản vũ cựu phục” (纘禹舊服) và thiên Bàn Canh thượng (盘庚上) có câu “dĩ thường cựu phục” (以常舊服), thảy đều dùng chữ sự (事) để giải thích nghĩa của chữ phục (服).

Trong sách Mạnh tử (孟死), thiên Cáo tử hạ (告子下), cụm từ “phục Nghiêu chi phục” (服堯之服) chính là muốn nói “sự Nghiêu chi sự” (事堯之事), nghĩa là “làm theo việc của vua Nghiêu”. Đoạn văn tiếp theo có 2 câu “tụng Nghiêu chi ngôn, hành Nghiêu chi hạnh” (誦堯之言，行堯之行), nghĩa là “đọc tụng những lời của vua Nghiêu, làm theo công hạnh của vua Nghiêu”, chính là để giải thích cho cụm từ “phục Nghiêu chi phục”. Có thể tham khảo thêm chữ “động” (動) trong sách Trung dung, ở câu “quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo” (君子動而世為天下道), để thấy chữ động (hành động) ở đây chính là bao hàm cả ngôn (nói) và hành (làm) của câu giải thích trong

sách Mạnh tử.
Hiện nay trong sách Mạnh tử tập chú (孟子集注), ở đoạn Mạnh tử trả lời các câu hỏi của Tào Giao, phần chú giải lại nói rằng "y phục, lời nói, hành động đều không theo lễ nghĩa, nên mới lấy những việc ấy mà bảo". Cứ theo đây mà hiểu thì rõ ràng chữ phục (服) được hiểu là y phục. Thế nhưng, nếu nói về y phục thì thời vua Nghiêu vốn được chế tác phân thành 12 kiểu loại, dành cho các tầng lớp có địa vị khác nhau trong xã hội, Tào Giao bất quá cũng chỉ là em của Tào Quân, lấy tư cách gì để mặc y phục giống như vua Nghiêu? Bằng như nói rằng không phải mặc y phục giống vua Nghiêu, nhưng là mặc theo y phục được chế tác vào thời vua Nghiêu, thì y phục qua từng thời đại vốn đều có sự thay đổi khác nhau, lại như Khổng tử từng nói: "Sinh vào thời nay mà quay lại theo nếp thời xưa ắt phải chuốc họa vào thân." Tào Giao sinh vào cuối đời Chu, lại bảo ông ta phải mặc theo y phục của 1.800 năm trước, chẳng phải quái đản lắm sao? Lại xét như vua Kiệt tuy là bạo ngược vô đạo, nhưng y phục của ông ta dùng chắc chắn vẫn là y phục của bậc thiên tử, quyết không thể nào lại nói rằng: "Ta là ông vua vô đạo, phải chế tác riêng loại y phục vô đạo cho ta dùng, lưu lại cho hậu thế." Tào Giao sao có thể phỏng chế theo y phục lưu lại của thời xưa để mặc?
Cho nên, chỉ có thể giải thích chữ phục (服) là được dùng thay chữ sự (事) thì ý nghĩa mới phù hợp.
Lời bàn
Kinh thư là sách vở văn chương của thánh hiền, lý lẽ đúng thật là lý lẽ được thiên hạ từ xưa đến nay đều công nhận là đúng. Đã là lý lẽ cần được thiên hạ công nhận, thì người trong thiên hạ đều có quyền phân tích bàn luận. Sở dĩ người xưa trước tác thư tịch thảy đều có câu "đợi người quân

tử đời sau", đó là vì trong lòng hết sức mong muốn người đời sau có thể vượt hơn người đi trước, hoàn toàn không muốn rằng càng về sau mỗi đời lại mỗi kém cỏi hơn. Nếu như nói rằng, vì đã có những cách giải thích cố định của người đi trước, nên người sau dù có phát minh điều gì cũng không được nói ra, thế tức là chỉ một nhà Nho đi trước cũng đã đủ để bịt miệng khắp cả thiên hạ đời sau rồi, lẽ nào lại như thế được sao?

Cẩn thận giữ gìn phẩm hạnh, lúc một mình suy xét không hổ thẹn với lòng

Giảng rộng

Sự khác biệt giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân xét cho cùng cũng chỉ là ở chỗ dựa vào chính mình hay sống dựa vào người khác mà thôi. Nếu như người có ý chí dựa vào chính mình, nhưng trong những lúc ở nơi vắng vẻ không người lại không thể giữ tâm nghiêm khắc ngăn phòng, sợ sệt cảnh giác, thì dù có sự nỗ lực dựa vào chính mình nhưng vẫn không khỏi có lúc sơ sót lỗi lầm. Người xưa nói: "Đi một mình không thẹn với bóng, nằm một mình không thẹn với chăn." Khi có thể đạt đến chỗ không thẹn với bóng, với chăn như thế, tức là đã đạt được sự thận trọng giữ mình đến mức cùng cực.

Câu văn này nói lên sự hiện thực hóa câu trước đó, tức là: "Kính ngưỡng bậc thánh hiền tiên triết, đi đứng nằm ngồi vẫn thường nghĩ nhớ." Vì từ chỗ kính ngưỡng, thường nghĩ nhớ như vậy nên mới có thể thực hành giữ gìn phẩm hạnh, đạt đến chỗ không có gì phải hổ thẹn với lòng.

Câu văn này cũng lại nói lên sự chuẩn bị nền móng căn bản cho câu tiếp theo, tức là: "Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo." Vì từ chỗ giữ gìn phẩm hạnh được hoàn toàn trong sáng, mới có thể tránh xa được tất cả các thói hư tật xấu và thành tựu được hết thảy các hạnh lành.

Trong văn nói việc thận trọng “lúc ở một mình suy xét”, không có nghĩa là chỉ thận trọng giữ mình trong lúc không có ai quanh mình, mà nên biết rằng cả những thời gian trước và sau đó cũng đều phải có công phu hành trì. Trong thời gian trước lúc ở một mình, phải chuyên cần nỗ lực trong sự học hỏi rộng khắp, thẩm xét rõ ràng, suy ngẫm thận trọng và phân tích sáng suốt. Trong thời gian sau lúc ở một mình, phải nỗ lực thực hành tất cả những gì đã học hiểu và suy ngẫm được.

Câu văn này kết hợp với câu văn trước đó thành một dụng ý cực kỳ sâu sắc, công phu thực hiện hết sức tinh tế ẩn mật, rõ ràng là Đế quân tự nói ra những sở đắc của chính mình, không phải chỗ người phàm tục có thể biết được.

Thời gian hay khung cảnh “một mình suy xét” thì ai ai cũng có, nhưng hoàn toàn không giống nhau. Kẻ tham danh có chỗ “một mình suy xét” của sự tham danh, người hám lợi có chỗ “một mình suy xét” của sự hám lợi. Hết thảy đều do chìm trong biển nghiệp mênh mang, không rõ biết được sự giác ngộ, chẳng khác nào như rồng không thấy đá, cá không thấy nước; như con người không thấy được những hạt bụi quá nhỏ, như người sống không thấy được ma quỷ, đó đều là những lẽ tự nhiên cả.

Nếu như trong trạng huống tự nhiên “không thấy” đó, vào những lúc đêm khuya thanh vắng có thể một mình tĩnh lặng suy xét, tự vấn chính mình: Đối với cha mẹ, anh chị em hiện nay, mình đã có lúc nào hết lòng hiếu thuận, đối đãi tử tế chưa? Đối với người trong thân tộc, bằng hữu, thật sự đã có bao giờ mình đối đãi chân thành với họ chưa? Trong giao tiếp ứng xử có gì sai lầm, không tốt chăng? Trong chuyện tiền bạc, quả thật mình có thể thấy điều lợi kịp nghĩ đến nhân nghĩa, không nhận những đồng tiền phi nghĩa từ người khác hay chăng? Trong những lúc đi đứng nằm ngồi, có thường nghĩ nhớ đến công ơn cha mẹ, một lòng muốn báo đáp chăng?

Mỗi ngày từ sáng đến tối, có bao giờ được một vài lần phát khởi những ý niệm tốt đẹp cứu người giúp đời chăng? Đối với nữ sắc có thật không thèm muốn ưa nhìn chăng? Thấy người được thành tựu, có thật không sinh lòng ghen ghét đố kỵ chăng? Những lúc sống trong hoàn cảnh thuận lợi, có thật sự giữ mình khiêm hạ, không kiêu căng xa xỉ chăng? Có thật không lấn lướt ngược đãi những người cô thế yếu ớt không nơi nương tựa chăng? Mỗi ngày đến bữa ăn có thường nhớ nghĩ công lao khó nhọc của những người nông dân cần khổ hay chăng? Có người nghèo khó đến xin, có thật khởi tâm thương xót chia sẻ ít nhiều cho họ mà không chán ghét chăng? Cứ như vậy lần lượt tự kiểm điểm lại, ắt là trong chỗ "một mình tự xét" như thế không khỏi nhận ra những điều khiến mình hết sức ray rứt hối hận, làm sao có thể xem thường mà tự tha thứ cho mình được?

Trưng dẫn sự tích

Thích thú thấy người khác săn bắn

Đời Bắc Tống, tỉnh Hà Nam có người tên Trình Hạo, tên tự là Bá Thuần, học giả đương thời đều tôn xưng là tiên sinh Minh Đạo. Thuở nhỏ Trình Hạo rất thích săn bắn, về sau được gặp tiên sinh Chu Đôn Di ở Liêm Khê thì quyết định dứt trừ thói tật ấy, tự nói rằng mình đã dứt sạch không còn chút hứng thú gì với việc ấy cả.

Tiên sinh Liêm Khê dạy: "Sao có thể nói dễ dàng như vậy? Chẳng qua tâm niệm cũ của ông đang tạm thời tiềm ẩn chưa bộc phát đó thôi. Một ngày nào đó nó phát lộ ra, ắt sẽ lại giống như trước thôi."

Trải qua đến 12 năm, một hôm Trình Hạo tình cờ nhìn thấy người khác săn bắn, quả nhiên khởi tâm thích thú. Lúc ấy mới biết lời dạy của tiên sinh Liêm Khê là đúng.

Lời bàn

Từ bỏ sự giết hại và làm việc phóng sinh, đó là cách dễ nhất để bỏ ác làm

thiện. Từ bỏ việc săn bắn là hình thức giới sát phóng sinh rõ ràng dễ thấy nhất. Tiên sinh Minh Đạo là một bậc hiền đức, lại trải qua đến 12 năm học đạo, vậy mà cái căn gốc của tâm giết hại vẫn còn chưa dứt sạch. Thế nên đối với những bậc cao tăng giới luật tinh nghiêm, thiên thần đều kính lễ cũng là chuyện đương nhiên.

Về sau, tiên sinh Minh Đạo từng đến Nam Kinh làm quan, thấy người làng thường dùng keo dính bôi lên cây sào để bẫy bắt chim, tiên sinh liền cho bẻ gãy hết những cây sào ấy, rồi hạ lệnh cấm hẳn luôn việc đó. Đến lúc ấy thì tâm giết hại ngày xưa đã thực sự được đoạn trừ. Cho nên có thể thấy rằng công phu "thận trọng tự mình suy xét" thật không dễ dàng chút nào, đâu chỉ riêng là những cái khó như mười năm đọc sách chưa dứt được sự kiêu căng, mười năm đọc sách chưa dứt được lòng tham muốn công danh?

Hốt khởi niệm tà

Xưa có vị thiền sư nghiên cứu học hỏi về lẽ thiền, công phu tu tập có nhiều tiến bộ, muốn cầu được hòa thượng ân sư truyền pháp. Hòa thượng không đồng ý, khiến ông cũng có chút oán trách.

Sau khi hòa thượng viên tịch, trải qua đến 20 năm sau, vị tăng ấy một hôm tình cờ trong lúc đi dọc theo bờ sông, bỗng nhìn thấy từ xa ở phía bờ bên kia có một người con gái đang rửa chân, trong lòng hốt nhiên khởi lên tà niệm, thấy đôi chân người con gái kia có làn da trắng đẹp quá! Ngay lúc ấy bỗng thấy hòa thượng ân sư hiện ra bên cạnh, nghiêm khắc gặn hỏi: "Tâm niệm vừa rồi của ông có thể nhận truyền y bát tổ sư được chăng?" Vị tăng hết sức hổ thẹn, quỳ lạy cầu xin sám hối.

Lời bàn

Nói theo người thế tục thì tâm niệm ấy bất quá chỉ là một lỗi hết sức nhỏ nhặt. Nhưng nếu luận theo giới luật của người xuất gia thì tâm niệm ấy đã

là phạm giới rồi. Khắp trong sáu tầng trời thuộc cõi Dục, chúng sinh không giống như ở cõi người, được hưởng phước báo càng lớn thì tâm tham dục càng giảm đi. Đến như trên cõi trời Hóa lạc thì chúng sinh khác giới tính bất quá chỉ nhìn nhau thôi đã đủ thỏa mãn lòng dục, không cần nói năng đùa cợt. Lại cao hơn thế nữa, đến cõi trời Tha hóa tự tại thì nam nữ chỉ cần được nghe âm thanh, hay ngửi mùi hương của nhau cũng đủ để thỏa mãn lòng dục, không cần phải đưa mắt nhìn nhau nữa. Thật chẳng giống như người thế gian đắm chìm trong tham dục luyến ái, đến nỗi ham muốn không hề biết mệt mỏi!

Phát nguyện không ăn thịt trâu

Vào triều Thanh, tại huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô có một viên thư lại họ Vương. Vào năm Đinh Dậu thuộc niên hiệu Thuận Trị, vì chuyện ghi chép lương tiền có sai sót nên bị giam rồi chết trong ngục Bắc Đô.

Đến tháng tư niên hiệu Khang Hy năm thứ hai, có con trai của Kim Thái là Hán Quang, người Tô Châu, từ kinh thành đi thuyền về quê. Thuyền vừa đi qua bến Trương Gia bỗng nghe có tiếng người gọi: “Tôi là người họ Vương ở Vô Tích, xin được đi nhờ thuyền.” Hán Quang đồng ý, cho thuyền ghé vào, nhưng chẳng thấy ai cả. Thuyền ra đi, lại nghe có tiếng gọi như trước. Hán Quang lên tiếng hỏi, liền nghe tiếng họ Vương đáp thật rằng: “Tôi là quỷ chết oan, thuyền ông đậu xa bờ quá nên tôi không lên được.” Người trên thuyền nghe như vậy đều kinh hãi. Quỷ họ Vương liền nói: “Không sao đâu, cho tôi ngồi ở mạn thuyền là được.”

Hán Quang cho ghé thuyền lại vào sát bờ, liền nghe như có người nhảy lên thuyền. Thuyền vừa đi chưa bao lâu, chợt lại nghe tiếng quỷ kêu lên. Hán Quang hỏi việc gì, quỷ đáp: “Tôi bỏ quên cái túi nhỏ trên bờ sông rồi. Trong đó có sổ ghi chép lương tiền các khoản, về nhà có người tra hỏi, cần phải lấy đó làm bằng chứng. Xin cho tôi trở lại để lấy.” Hán Quang liền

chiều ý.
Sau đó thuyền đi tiếp được 3 ngày, lúc trời sắp tối bỗng nghe quỷ nói: “Xin tạm dừng thuyền, trên bờ chỗ kia có đàn phổ trai, tôi muốn đến dự.” Hán Quang không hiểu, hỏi: “Phổ trai là gì?” Quỷ đáp: “Người đời thường gọi là thí thực, tức là bố thí thức ăn.” Hán Quang liền ghé thuyền cho quỷ đi. Vừa đi được chốc lát đã trở lại ngay, nói: “Bồ Tát Quán Âm làm chủ đàn, không có phần cơm cho tôi, vì ngày trước tôi thích ăn thịt trâu. Mỗi khi Bồ Tát chủ đàn, tất cả những người ham thích thịt trâu đều không được vào ăn.” Hán Quang nghe như thế kinh hãi nói: “Có chuyện như vậy thật sao? Tôi vốn thường ăn thịt trâu, từ nay xin bỏ.” Chốc lát sau, nghe tiếng quỷ khóc lớn. Hán Quang hỏi việc gì, quỷ đáp: “Vì ông phát tâm giữ giới không ăn thịt trâu, nên thần chứng giới đàn từ cõi trời sắp đến, tôi không thể ở đây được nữa.” Hán Quang liền hỏi: “Vậy ông làm sao về nhà?” Quỷ đáp: “Tôi phải chờ thuyền khác thôi.” Hán Quang dừng thuyền, quỷ lẳng lặng rời đi.
Lời bàn
Hán Quang mở lời kiêng ăn thịt trâu, vừa nói ra thì thần chứng giới đàn đã đến, có thể thấy rằng mỗi khi khởi tâm động niệm thì trời đất đều biết, ghi rõ thiện ác, mảy may không sai lệch.
Xưa, danh tướng Thích Kế Quang mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang. Có một con quỷ báo mộng với ông, xin được tụng cho một quyển kinh để cầu siêu. Lúc Kế Quang đang tụng kinh, có con hầu gái mang trà đến, ông bèn khoát tay ý nói “không dùng”. Đêm đó mộng thấy quỷ hiện về nói: “Ông tụng kinh hay lắm, nhưng vì có thừa ra hai chữ ‘không dùng’ nên nguyện lực không thành tựu, tôi chưa thể được siêu thoát.”
Hôm sau, Kế Quang chí thành tụng kinh, không khởi niệm gì khác. Đêm đó mộng thấy con con quỷ ấy hiện đến cảm tạ, nói rằng nhờ công đức tụng kinh đã được siêu thoát.

Ấy là vì quỷ thần phần nhiều đều có khả năng biết được ý nghĩ con người, nên mỗi khi khởi tâm động niệm, quỷ thần đều rõ biết con người đang nghĩ việc gì. Người đời hiện nay từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, những ý niệm tội lỗi như giết hại, trộm cắp, dâm dục, dối trá, cho đến mười nghiệp ác, năm tội nghịch... nhiều không xiết kể, làm sao có thể không bị trời đất trừng phạt, quỷ thần giận dữ? Cho nên, những lúc "một mình tự xét" không thể không hết sức thận trọng.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (36)

Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo

Giảng rộng

Hai câu này thâu tóm cấu trúc của toàn bài văn. "Việc ác" là chỉ chung tất cả những việc trong bài đã bàn đến như dâm dục, giết hại, phá hoại... "Việc lành" là chỉ chung tất cả những việc cũng đã đề cập trong bài văn như trung, hiếu, kính, tín.... Nói "quyết không làm" là lời nghiêm cấm, nói "xin vâng theo" là ý khuyến khích.

Hai câu này ngài A-nan cũng từng nói ra, có thể xem trong kinh Tăng nhất

A-hàm. Nhưng Đế quân có y cứ theo kinh này hay không thì chưa thể biết được.
Từ thuở nhi đồng, trẻ em đã được cho học thuộc lòng "Đại học chi đạo" (大學之道), đến bậc hiền nho như Tăng tử cũng giảng thuyết "Đại học chi đạo". Cùng là 4 chữ ấy, nhưng sự nhận hiểu ý nghĩa thì tùy theo trình độ mà có những mức độ sâu cạn khác nhau, thậm chí cách biệt nhau một trời một vực. Đối với hai câu khuyên người "bỏ ác, làm lành" trong bài văn này cũng vậy, tùy theo trình độ mà sự nhận hiểu có khác nhau.
Xưa kia, Bồ Tát Thiện Tín trải qua nhiều đời sinh ra đều không được gặp Phật pháp nên hết lòng đi tìm cầu Chánh pháp. Một hôm bỗng nghe giữa không trung có tiếng nói: "Từ đây đi về phương đông một vạn do-tuần sẽ gặp một nước kia, có người con gái sinh trong nhà hèn kém, dung mạo xấu xí. Cô ấy có nhớ phỏng được một nửa bài kệ mà trước đây đức Phật đã thuyết dạy. Nhưng giữa đường đi phải vượt qua một đầm lầy rộng vuông vức khoảng vạn dặm, giẫm chân lên là lún chìm mất."
Thiện Tín nghe như vậy vô cùng phấn khởi, quyết lòng tìm đến nơi, liền tìm cách vượt qua được vùng đầm lầy, gặp được người con gái ấy, cung kính lễ bái như được gặp Phật, ngợi khen xưng tán cầu được nghe pháp Phật. Người con gái ấy đáp: "Chánh pháp nhiệm mầu của chư Phật quả thật vô lượng vô biên, nhưng chỗ tôi được nghe chỉ có nửa bài kệ thôi." Thiện Tín lễ bái cầu xin được nghe nửa bài kệ ấy. Cô gái liền đọc: "Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo."
Thiện Tín nghe xong câu ấy, thân tâm liền thanh tịnh, suy ngẫm về nghĩa lý của hai câu ấy, thấu suốt được yếu chỉ, lập tức chứng đắc thần thông, bay trên không trung quay về nước, rộng truyền nửa bài kệ ấy ra khắp nơi, hàng phục hết ma chướng.

Như vậy có thể thấy, trong phạm vi hai câu ấy thôi, người thiển cận hiểu theo cách thiển cận, người sâu sắc hiểu thấu đến chỗ uyên áo, không chỉ đơn thuần là “bỏ ác làm lành” như trong lời nói thông thường.

Trưng dẫn sự tích

Nhân duyên mù mắt

Ngày xưa, vua A-dục có một hậu phi là phu nhân Liên Hoa, sinh được vương tử hết sức khôi ngô tuấn tú, có đôi mắt đẹp như mắt chim câu-na-la, nhân đó đặt tên là Câu-na-la, vua hết sức thương yêu. Một hôm hai mẹ con Câu-na-la cùng đến chùa Kê Đầu Mạt gặp tôn giả Dạ-xa. Ngài quán sát biết được do nhân đời trước nên hoàng tử sẽ bị mù mắt, liền giảng thuyết cho nghe về tướng vô thường của mắt.

Bấy giờ, hoàng hậu của vua A-dục rất yêu thích dung mạo khôi ngô của vương tử Câu-na-la nên cố cưỡng ép chuyện dâm tà, nhưng vương tử nhất quyết không chịu. Hoàng hậu do đó ôm lòng oán hận, muốn móc mắt vương tử cho hả giận. Nhân lúc vua A-dục bị bệnh, vương tử Câu-na-la lại đang thảo phạt nước Kiền-đà-la ở phương bắc, hoàng hậu liền giả sắc thư của vua, sai người móc mắt vương tử. Vương tử khi ấy cực kỳ đau đớn, nhưng nhớ lại lời dạy của Tôn giả Dạ-xa về tướng vô thường của mắt, liền khởi tâm chán bỏ mắt thịt ô uế, phát tâm cầu mắt tuệ thanh tịnh. Ngay khi đó, vương tử liền chứng quả Tư-đà-hàm.

Về sau, vương tử trở về kinh đô. Vua A-dục không biết âm mưu của hoàng hậu, khi gặp lại con bỗng thấy hai mắt bị mù, hình dung tiều tụy, áo quần lam lũ. Vua đau lòng bật khóc, gạn hỏi cớ sự. Vương tử thưa: “Việc này là theo ý của phụ vương, sắc thư vẫn còn đó.” Vua nổi giận, sai người truy xét mới biết sắc thư do hoàng hậu giả làm ra, lập tức ra lệnh xử tội chết. Vương tử hết sức khuyên can nhưng vua nhất quyết không nghe, hạ lệnh chất củi tẩm dầu thiêu chết hoàng hậu.

Khi ấy có một tỳ-kheo thưa hỏi ngài Ưu-ba-cúc-đa về nhân duyên sự việc này, ngài nói: “Ngày xưa, vương tử là một thợ săn ở nước Ba-la-nại, săn được rất nhiều nai trong núi, vì sợ chúng chạy trốn nên móc mắt hết, sau đó mới lần lượt giết thịt. Từ đó đến nay, trải mấy trăm đời vẫn thường chịu quả báo bị móc mắt. Ngoài ra, sau khi đức Phật Câu-lưu-tôn nhập Niết-bàn vào thời quá khứ, vương tử này đã tu tạo chùa tháp, tượng Phật, lại phát nguyện rằng: ‘Trong đời vị lai, xin cho con được như đức Phật này.’ Do công đức tu tạo chùa tháp, tượng Phật, nên thường được sinh vào nhà tôn quý, và nhờ đã phát nguyện nên nay được chứng quả Tư-đà-hàm.”

Lời bàn

Về sau, vua A-dục nghe danh đại sư Yến Sa là một vị A-la-hán ở chùa Bồ-đề, liền đưa vương tử Câu-na-la đến đó, phát tâm xây dựng lại tự viện và cúng dường Tam bảo, thỉnh cầu đại sư từ bi cứu chữa cho đôi mắt vương tử. Đại sư liền dạy vua ban chiếu cho dân trong nước ngày hôm sau đến chùa Bồ-đề để nghe thuyết pháp, lại dặn mỗi người đều mang theo đồ đựng nước mắt.

Hôm sau, chư tăng cùng đông đảo nhân dân tụ hội, Đại sư thăng tòa thuyết giảng giáo pháp Mười hai nhân duyên, ai ai cũng cảm động rơi lệ. Đại sư dạy mọi người hứng nước mắt, đựng tất cả vào một chậu bằng vàng, rồi ngài phát nguyện trước đại chúng rằng: “Những điều vừa thuyết giảng nếu đúng với Chánh pháp, xin dùng nước mắt của đại chúng để rửa mắt cho vương tử, khiến cho sáng lại; bằng như không đúng thì mắt vẫn mù như trước.” Phát nguyện xong, liền dùng nước mắt trong chậu vàng rửa mắt cho vương tử, đôi mắt ấy liền sáng lại như xưa.

Tham ăn chịu chết

Vào triều Thanh, huyện Thái Thương, tỉnh Giang Tô có người tên Tiền Quân Cầu, vào năm cuối niên hiệu Thuận Trị, gặp người kia bán một con

ba ba, kêu giá 50 quan tiền. Quân Cầu liền trả 25 quan, định mua để thả ra. Lúc ấy có người tên Trương Bá Trọng vừa đi đến, trả giá cao hơn 5 quan, mua về để giết thịt nấu ăn. Khi nấu thịt ba ba còn chưa chín, Trương Bá Trọng bỗng nhiên thấy lạnh cóng cả người, miệng nói mê sảng rằng: "Đã có người mua tôi để thả ra, sao ông lại cố tranh mà giết tôi?" Lại gấp rút đòi mạng. Người nhà của Bá Trọng hết sức khẩn cầu tha mạng, cho mời ngay Tiền Quân Cầu đến. Quân Cầu đến nơi liền thay mặt gia đình xin tha mạng cho Bá Trọng. Khi ấy Bá Trọng mới dần tỉnh lại.
Qua việc này, Bá Trọng liền thề từ nay không ăn thịt cá nữa. Nhưng chẳng bao lâu sau, Bá Trọng gặp một người bán cá nóc lại mua về ăn. Vừa ăn xong lập tức phát bệnh, qua một ngày thì chết.

Lời bàn

Con ba ba chết không được cầu siêu thì cho dù không ăn mặn nữa, cuối cùng cũng vẫn phải chịu báo oán, chỉ là sớm hay muộn mà thôi.

Nghịch tử đánh bạc bị sét đánh

Trấn Nam Tầm, huyện Hồ Châu, tỉnh Triết Giang, có người đàn bà góa nuôi một đứa con trai. Đứa con này tuy đã lập gia đình nhưng không lo làm ăn, rất mê đánh bạc. Một hôm đánh bạc thua đậm không có tiền trả, về nhà mẹ bảo mang áo đi cầm lấy tiền đưa cho nó. Bà mẹ nói: "Mẹ muốn sang nhà chị con, hãy để mẹ mặc áo sang đó rồi sẽ đưa cho con." Đứa con liền lấy thuyền đến cho mẹ đi. Bà mẹ vì tiếc chiếc áo sợ làm hư hỏng, nên định bước lên bờ rồi mới thay ra đưa cho con. Đứa con thấy mẹ không cởi áo đưa dưới thuyền, tưởng là mẹ không muốn đưa cho mình, nổi giận giằng co vật bà ra để lấy áo, cuối cùng đẩy bà chìm xuống sông chết.
Đứa con quay về nhà nó, đi được chừng một dặm thì nghe có tiếng sấm ầm ì, liền gấp rút chạy nhanh về nhà, quát vợ rằng: "Mau lấy cái chum to úp lên che tôi lại." Vợ hỏi để làm gì, anh ta không đáp. Bất đắc dĩ người vợ

phải làm theo như vậy. Nhưng tiếng sấm đã nhỏ lắm rồi, cuối cùng vẫn chưa thấy sét đánh. Một lúc sau, người vợ bỗng thấy từ bên trong chum có máu chảy ra bên ngoài, kinh sợ liền dở chum ra xem thì thấy chồng đã mất đầu, máu tươi chảy lênh láng. Cô ta hoảng sợ quá liền kêu la gọi hàng xóm đến. Mọi người đều cho là cô đã mưu hại chồng rồi nói dối, liền bắt lên thuyền cùng đi đến nhà bà mẹ chồng, định đưa tất cả lên quan phủ. Thuyền đi được nửa đường bỗng thấy mái chèo bị vướng vào một vật, cúi xuống xem thì thấy là một xác đàn bà vừa nổi lên, tay ôm một cái đầu người, tóc còn vướng nơi đầu mấy ngón tay. Xem kỹ lại thì hóa ra xác người chính là bà mẹ, mà đầu người trong tay bà chính là đứa con. Lúc đó mới biết bà mẹ đã bị đứa con trai hại chết, liền thả cô con dâu ra.

Lời bàn

Làm con hại mẹ, thật không bằng loài sài lang hổ báo. Xét đến nguyên nhân từ đầu của sự việc, đó là vì thiếu nợ tiền. Cho nên, tai họa gây ra bởi việc cờ bạc thật khủng khiếp. Biết đến bao giờ các quan địa phương mới trừ dứt được tệ nạn này?

Miếng thịt mất ba mạng người

Triều Thanh, vào năm Tân Hợi thuộc niên hiệu Khang Hy, xảy ra hạn hán nghiêm trọng. Ở vùng Tạ Lộc thuộc Côn Sơn, vào ngày rằm tháng bảy, có một cặp vợ chồng đang tát nước bỗng trời nổi sấm lớn, sét đánh chết người chồng. Nhưng người chồng xưa nay vốn hiền lành chất phác nên không ai hiểu được lý do. Người vợ thấy việc như thế thì than rằng: “Ôi, chỉ vì 18 cân thịt mà thôi!”

Mọi người nghe như thế thì gặn hỏi, bà liền kể: “Mùa đông năm trước, chồng tôi vào thành nộp thuế, neo thuyền ở bờ sông. Khi trở về bỗng thấy trên chiếc thuyền trống bên cạnh có một miếng thịt lớn, hồi lâu chẳng thấy ai đến lấy. Nhân đó liền lấy đem về thuyền rồi mang luôn về nhà, cân được

18 cân. Nguyên miếng thịt ấy là của một nhà giàu, do đứa tớ gái mang ra sông rửa, để trên thuyền rồi bỗng gặp việc khác phải đi, đến lúc quay lại thì đã mất. Bà chủ vì việc ấy mà giận quá, lỡ tay đánh chết đứa tớ gái. Ông chủ thấy việc như vậy, cho rằng sắp phải tan nhà nát cửa đến nơi nên quát mắng vợ thậm tệ. Bà vợ phẫn uất quá treo cổ tự vẫn. Nay sét đánh chết chồng tôi, nhất định là vì việc ấy."

Lời bàn

Của rơi ngoài đường, người ta vẫn thường tình cờ nhặt được liền lấy làm của mình. Gặp những trường hợp như thế này là làm liên lụy đến người khác phải mất cả mạng sống, rốt cùng đã khiến người khác phải gặp tai họa, mà tự thân mình cũng bị trừng phạt. Sao có thể tham dùng những tài sản phi nghĩa như thế? Cho nên nói rằng: "Nếu không phải vật thuộc sở hữu của mình, dù một mảy may cũng không giữ lấy."

Hết lòng trị bệnh cứu người

Vào triều Minh, ở Ô Trình có người tên Phan Quỳ, hiệu Tựu Am. Ông tinh thông y thuật, có tâm nguyện cứu nhân độ thế. Vào một năm phát sinh bệnh dịch, những người mắc bệnh đều được ông ra sức cứu chữa, trong mười người thì ông cứu sống được đến tám, chín. Nhưng trong lúc trị bệnh, do gấp rút nên ông không kê đơn thuốc. Láng giềng có người họ Triệu mang việc ấy kiện Phan Quỳ lên quan phủ. Không ngờ chưa bao lâu thì họ Triệu lâm bệnh rất nguy kịch, liền bảo đứa con: "Chỉ có ông Quỳ mới cứu được cha." Người con nói: "Mình vừa kiện ông ấy lên quan phủ, làm sao nhờ được?" Họ Triệu nói: "Tuy mình xấu với ông ấy, nhưng tâm ông ấy rất từ bi, sẽ không hại cha đâu." Người con nghe lời, mời Phan Quỳ đến xem bệnh. Ông hết lòng chữa trị, bệnh liền được khỏi.

Phan Quỳ có 3 người con trai là Phan Tương, làm huyện lệnh Quế Dương; Phan Tham, làm quan Hàn lâm biên tu; Phan Xuyên, làm quan Cung bảo

Thượng thư. Bản thân Phan Quỳ cũng được phong tặng tước quan Thượng thư. Cháu nội ông là Phan Đại Phúc sau đỗ tiến sĩ vào khoa thi năm Bính Tuất.

Lời bàn

Khi đã khởi tâm khẩn thiết muốn cứu người, thì tự nhiên ý niệm báo thù trở thành nhỏ nhặt, cho đến người đã đâm đơn thưa kiện ông mà cũng có thể nhớ đến ông để cầu cứu mạng, đủ thấy tâm địa của Phan Quỳ thật cảm đến người khác hết sức sâu xa như thế nào.

Chịu đói nuôi tù

Triều Minh có Dương Sĩ Trừng là người làng Kính Xuyên thuộc huyện Ngân, tỉnh Triết Giang. Ban đầu Sĩ Trừng làm chức thư lại trong huyện, luôn giữ tâm nhân hậu, thi hành theo đúng pháp luật công bằng. Bấy giờ, quan huyện lệnh nghiêm khắc quá độ, từng dùng roi đánh một người tù đến nỗi máu chảy đầy sân mà vẫn chưa nguôi giận. Sĩ Trừng quỳ xuống xin tha, nói: “Trong việc tra xét cho rõ tình thật, phải khởi lòng thương xót phạm nhân, không được có ý mừng vui. Xử tội người khác mà vui còn không được, huống chi là tức giận?” Quan huyện nghe ông nói đúng lý lẽ nên phải quay lại xét mình, tự nguôi cơn giận.

Nhà Sĩ Trừng nghèo lắm, nhưng có ai mang quà biếu đến đều tuyệt đối không nhận. Gặp lúc tù nhân đói thiếu, ông đều tìm mọi cách cứu giúp. Ngày kia, có một số tù nhân mới đưa đến, đang đói lắm. Trong nhà Sĩ Trừng khi ấy chỉ còn đủ gạo ăn trong ngày đó thôi. Ông hỏi những người tù kia từ đâu đến, họ nói: “Từ Hàng Châu, đã phải chịu đói mấy hôm rồi.” Sĩ Trừng nghe vậy thì về nhà lấy hết gạo trong nhà, nấu cháo mang đến chia cho số tù nhân ấy.

Về sau, Sĩ Trừng sinh được một con trai là Dương Thủ Trần, làm quan thăng dần đến chức Hàn lâm Học sĩ. Sĩ Trừng cũng được phong tặng cùng

tước quan như con.

Lời bàn

Tự mình chịu đói chỉ mới hôm nay, còn các tù nhân kia đã đói nhiều ngày. Nếu so sánh như thế, giữ gạo lại để tự mình được no đủ sao bằng nấu cháo cấp cho tù nhân? Tâm niệm vị tha của Sĩ Trừng như thế, nhận được phước báo về sau như thế cũng là chuyện đương nhiên vậy.

Vĩnh viễn không gặp điềm dữ, thường được thiện thần giúp đỡ

Giảng rộng

Hai câu này tiếp nối hai câu trước: "Hết thảy việc ác quyết không làm, hết thảy việc lành xin vâng theo." Vì không làm hết thảy các việc ác nên không gặp các điềm dữ. Vì làm hết thảy các việc lành nên thiện thần thường giúp đỡ. Hai câu trước là nhân, hai câu này là quả. Những việc lành dữ cũng có việc lớn việc nhỏ, cũng có những việc tạm thời, những việc dài lâu, cho nên thiện thần hay điềm dữ cũng có lớn có nhỏ, có tạm thời, có dài lâu, như bóng theo hình, như âm thanh theo nhịp gõ, lẽ ấy nhất định phải vậy, không mảy may sai lệch. Thiện thần hay điềm dữ cũng có ở cõi trời, cũng có ở cõi người, cũng có ở cõi quỷ, nhưng mỗi mỗi đều có chức trách, tùy theo việc thiện ác lớn nhỏ mà đưa đến quả báo tương ứng. Muốn đạt đến chỗ vĩnh viễn không gặp điềm dữ, thường được thiện thần giúp đỡ, ắt phải là người có phúc đức lớn, nghiệp đời trước còn chưa đến, may ra mới có thể đạt được, nhưng cũng thật khó lắm thay!

Trưng dẫn sự tích

Ném xuống sông không chết

Vào thời đức Phật Tỳ-bà-thi còn tại thế, có vị tỳ-kheo bị chứng đau đầu. Bấy giờ, tôn giả Bạc-câu-la là một người nghèo, cúng dường một quả ha-lê-lặc cho vị tỳ-kheo ấy để trị bệnh, nhờ đó mà vị tỳ-kheo được khỏi bệnh. Nhờ nhân duyên ấy, trong 91 kiếp sau đó, tôn giả dù sinh ra trong cõi trời

hay cõi người cũng đều luôn được hưởng sự vui sướng khoái lạc, chưa từng bị bệnh tật.
Sau đó, tôn giả sinh vào nhà một trưởng giả bà-la-môn, mẹ mất sớm. Bà mẹ kế nhiều lần muốn giết tôn giả nhưng không sao giết được. Bà liền đẩy tôn giả xuống sông, bị một con cá lớn nuốt chửng vào bụng. Con cá ấy lại mắc lưới bị người bắt được. Khi làm thịt mổ bụng thấy có đứa trẻ vẫn còn sống, nhận ra là con ông trưởng giả bèn đưa trả về nhà. Khi tôn giả lớn lên liền xuất gia theo Phật, tu hành chứng quả A-la-hán.

Lời bàn

Cứu giúp một vị tăng có bệnh mà được 91 kiếp về sau không bị bệnh khổ, lại gặp tai ách bao lần cũng không chết được, chính là nhờ đã gieo trồng phước đức vào ruộng phước thù thắng của nhân gian. Ấy chẳng phải là điềm dữ vĩnh viễn xa lìa, thiện thần thường giúp đỡ đó sao?

Quỷ thần âm thầm giúp đỡ

Đời Bắc Tống có Lưu An Thế, tự Khí Chi, tính tình trung trực, dám nói thẳng, nhiều lần phản biện các sớ luận của Chương Đôn, dâng sớ lên hoàng đế nói rõ rằng Chương Đôn là người không thể dùng được.
Đến khi Chương Đôn được lên nắm quyền, Lưu An Thế liền bị đày ra vùng biên giới xa xôi, phải trải qua đường xa nắng nóng gay gắt, nhiều hiểm nguy, thậm chí lênh đênh trên biển đầy nguy hiểm, lại thêm bọn quan quân áp giải không chút khoan dung, ai ai cũng nghĩ rằng Lưu An Thế phen này chắc chắn phải bỏ mạng. Thế nhưng An Thế vẫn hoàn toàn vô sự, về sau sống đến 80 tuổi mà chưa từng có một ngày bị bệnh.
Bấy giờ có kẻ bỏ tiền mua được một chức quan, đoán ý của Chương Đôn muốn giết Lưu An Thế, liền xin cho mình ra tay giết ông. Chương Đôn lập tức cất nhắc tên này lên làm chức phán quan. Tên này phi ngựa gấp rút đuổi theo, chỉ còn cách Lưu An Thế chừng 30 dặm, định ngày hôm sau

đuổi kịp sẽ ra tay giết. Có người báo tin cho Lưu An Thế, khiến mọi người quanh ông đều hãi hùng kinh sợ. Đêm đó, mọi người đều nghe có một tiếng chuông vang, rồi tên gian ác kia bỗng cảm thấy như có một vật gì đánh mạnh vào người, ngay khi ấy thổ huyết mà chết. Lưu An Thế do đó được bình an vô sự.

Lời bàn

Lưu An Thế là người hiền, chỉ vì xu nịnh theo ý của Chương Đôn mà muốn giết ông, tất nhiên điềm dữ phải đến với kẻ ấy, mà thiện thần vẫn thường bảo vệ người hiền thiện.

Giặc không dám cướp

Vào triều Minh, năm đầu niên hiệu Gia Tĩnh, có người họ Kim ở huyện Nghi Chân, tỉnh Giang Tô, mở một hiệu cầm đồ trong trấn. Bấy giờ giặc cướp ẩn trú trên sông Trường giang, đêm đêm thường xuyên xuất hiện cướp đoạt những nhà giàu có, gần như không một nhà nào thoát được. Duy nhất chỉ có nhà họ Kim chưa từng bị chúng động đến. Quan địa phương do đó nghi ngờ rằng họ Kim có sự thông đồng với bọn giặc cướp. Đến lúc bắt được một tên cướp liền tra hỏi xem vì sao bọn chúng không cướp nhà họ Kim, tên cướp nói: “Trước đây cũng có lần đến đó định cướp, chợt thấy phía trên nhà ấy có vô số các vị thần mặc giáp vàng, nên sợ không dám phạm đến.” Quan huyện không tin, cho gọi những người ở gần nhà họ Kim lên hỏi, họ đều nói: “Nhà họ Kim đúng là rất nhân đức. Các hiệu cầm đồ khác thảy đều cân ra non, cân vào già, chỉ có nhà họ Kim là giữ đúng mực công bình. Định giá cho người lại hết sức rộng rãi, mà thời hạn chuộc lại cũng được kéo dài, không gấp rút. Nếu biết được có những người gần gũi mà già yếu, có con nhỏ hoặc nghèo khó, khi có việc phải mang đồ đến cầm liền phá lệ không lấy lãi. Nhà ấy còn có lệ mùa đông không tính lãi áo ấm, mùa hè không tính lãi áo mát, năm nào cũng vậy, cốt

để người ta dễ dàng chuộc về mà dùng. Ấy là trời giúp người hiền, nên có thiện thần bảo vệ.”

Quan huyện nghe như vậy rồi hết sức ngợi khen tán thán. Quan Trực chỉ biết được sự việc liền đặc biệt tuyên dương khen thưởng nhà họ Kim.

Lời bàn

Hiệu cầm đồ vốn là phương tiện thuận lợi giúp người dân có thể giải quyết kịp thời những khoản tiền cấp bách. Tuy nhiên, hầu hết những người mở hiệu cầm đồ chỉ toàn là những kẻ cân vào non, cân ra già, đối với dân nghèo chẳng bao giờ có sự khoan dung châm chước, cho nên không khỏi trở thành một đám tiểu nhân hám lợi nơi phố thị. Riêng nhà họ Kim đặc biệt không rơi vào trong đám tệ hại ấy, lại còn có thể hướng đến những người nghèo khổ khó khăn mà bố thí, cho nên các nạn lửa cháy nước trôi, trộm cướp, quan tham, người ác làm sao có thể tổn hại đến phước đức của nhà ấy?

Phước báo gần thì tự thân được hưởng

Giảng rộng

Câu này và câu tiếp theo “xa thì ảnh hưởng đến cháu con”, đều là nối tiếp câu văn trên và chuẩn bị mở ý cho câu văn dưới. Ở đây đề cập đến quả báo gần hay quả báo xa cũng đều chỉ là nói riêng về các quả báo hiền thiện, chính là những điều được câu dưới nói rộng ra là “trăm điều phúc lành, ngàn việc tốt đẹp”.

Phước báo gần không nhất thiết là chỉ cho hiện tại trong đời này, mà cho dù là đời sau hay nhiều đời sau nữa cũng vẫn gọi là phước báo gần. Vì sao vậy? Vì phước báo gần ở đây là ý muốn nói những phước báo do tự mình nhận lãnh. Những sự giàu sang phú quý hay nghèo khổ hèn hạ, ngày giờ sống chết, được tuổi thọ dài lâu hay yểu mạng, thảy đều đã có sự an bày nhất định. Nhưng sự an bày đó thật ra không phải gì khác mà chính là

những kết quả tương ứng, do tự bản thân mình đã từng làm những hành vi như thế, tự bản thân mình phải nhận lãnh những quả báo tương ứng như thế. Trong văn này nói đến phước báo gần hay xa là có ý nghĩa như vậy. Đây chính là dụng ý của Đế quân muốn dạy người phải biết tự mình tạo ra nhiều phước báo.

Trưng dẫn sự tích

Công chúa tự có phước báu

Vào thời đức Phật còn tại thế, vua Ba-tư-nặc sinh được một công chúa đặt tên là Thiện Quang, đoan trang xinh đẹp, thông minh hơn người, người trong cung ai ai cũng hết lòng thương yêu kính trọng.

Một hôm, vua Ba-tư-nặc bảo công chúa: "Con nhờ có cha nên mới được tất cả mọi người thương yêu kính trọng." Công chúa liền đáp rằng: "Không phải, con tự có nghiệp lực của riêng mình mà được như vậy, không phải nhờ nơi cha." Vua không hài lòng, vặn hỏi lại đến 3 lần, công chúa vẫn một mực đáp như vậy. Vua nổi giận, liền gả công chúa cho một người nghèo khổ rồi bảo công chúa: "Để ta thử xem con tự có nghiệp lực hay không tự có nghiệp lực."

Công chúa về nhà chồng rồi, liền hỏi chồng cha mẹ ở đâu. Người chồng nói: "Cha ta vốn là một trưởng giả giàu có nhất thành Xá-vệ. Sau khi cha mẹ ta đều theo nhau qua đời, nhà ta mới đến nỗi như thế này." Sau đó liền đưa công chúa về sống nơi nhà cũ của gia đình mình. Một hôm bỗng đào lên được từ trong lòng đất một kho tàng lớn. Nhờ đó, chỉ trong vòng một tháng đã xây dựng được nhà cửa cung điện hết sức nguy nga, từ gia nhân hầu hạ cho đến các thứ châu báu ngọc ngà đều đầy đủ không thiếu thứ gì. Vua Ba-tư-nặc nghe biết chuyện như vậy hết sức vui mừng, liền thân hành đến thưa hỏi đức Phật về nhân duyên đời trước của công chúa Thiện Quang. Đức Phật liền dạy: "Vào thời đức Phật Ca-diếp, có một người phụ

nữ muốn chuẩn bị thức ăn cúng dường đức Như Lai, nhưng người chồng cản trở. Người vợ liền nói: ‘Tôi đã phát nguyện rồi, xin anh đừng làm tôi thối tâm.’ Người chồng liền nghe theo lời vợ, cuối cùng lo liệu hoàn mãn việc cúng dường đức Phật. Đôi vợ chồng ngày ấy, nay chính là vợ chồng công chúa. Vì người chồng ngày trước khởi tâm ngăn trở việc cúng dường Phật, nên nhiều đời sinh ra thường phải sống trong nghèo khó. Nhờ sau đó chịu nghe lời vợ thực hiện việc cúng dường, nên ngày nay được nhờ vợ mà hưởng sự giàu sang phú quý.”

Lời bàn

Vua Ba-tư-nặc lại có một người công chúa khác, do phu nhân Mạt-lợi sinh ra, dung mạo cực kỳ xấu xí, tóc như bờm ngựa. Vua lấy làm xấu hổ nên ra lệnh giữ công chúa ở trong cung riêng, không cho đi đâu, cũng không cho ai được gặp. Công chúa tự giận mình hình dung xấu xí, liền phát tâm tô tạo tượng Phật, hết lòng khẩn thiết cầu nguyện với đức Phật. Trải qua một thời gian, lòng chí thành cảm ứng được đức Phật hiện thân đến chứng minh, thân hình cô lập tức hóa ra xinh đẹp đoan chính. Đức vua thấy vậy liền gạn hỏi nguyên do, công chúa như thật trình bày.

Lại có chuyện về vị công chúa thứ tư của vua A-dục, cũng tương tự như chuyện này. Ngày nay những tượng Phật được thờ ở các chùa Bắc Sơn, Ngọc Hoa, Kinh Châu, Trường Sa cùng với chùa Sùng Kính ở kinh thành, đều là do công chúa thứ tư của vua A-dục đã tô tạo ngày trước. Như thế chẳng phải là phước báo gần đó sao?

Quả báo do coi thường áo cà-sa

Đời nhà Đường, vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ 5, có người phụ nữ ở Lương Châu thuộc tỉnh Thiểm Tây, nhà rất nghèo. Bà có người con xuất gia với pháp sư Tuệ Quang ở chùa An Dưỡng. Nhà nghèo không đủ áo mặc, bà mới đến phòng người con lấy áo cà-sa cũ sửa thành áo ngắn để

mặc. Vừa mặc áo ấy vào, đang đứng cùng một người láng giềng bỗng thấy nóng ran dưới hai chân, dần dần lên đến ngang hông. Trong chốc lát có tiếng sấm vang rền không trung, người láng giềng bị đẩy văng ra xa đến vài trăm mét, nằm lăn ra đất bất tỉnh suốt một ngày. Bà mẹ mặc áo cà-sa đã bị sét đánh chết, thân thể cháy cong queo, trên lưng lại có dòng chữ: "Sử dụng pháp y không đúng pháp."

Người con mang xác mẹ về chôn cất, mộ lại bị sét đánh lần nữa, khiến thi hài phơi bày dưới cây rừng, phải chịu tan rã mất.

Lời bàn

Áo cà-sa được gọi là y giải thoát, cũng gọi là y ruộng phước. Người mặc cà-sa thì ngay cả Phạm vương, Đế thích cũng không dám nhận sự lễ bái. Cho nên Long vương muốn cứu loài rồng, chỉ cầu được một mảnh cà-sa mà Kim-sí điểu vương cuối cùng không dám làm hại. Con khỉ đùa cợt mặc áo cà-sa liền sẩy chân té chết, sau được sinh lên cõi trời.

Áo cà-sa thật lợi ích vô cùng. Đức Phật dạy rằng: "Áo cà-sa của vị tỳ-kheo đã qua đời, nên treo lên cây cao, tất cả các loài hữu tình được nhìn thấy thì tội nghiệp tiêu diệt, phước báo sinh thêm. Cho nên tội xem thường áo cà-sa thì trời đất không dung tha. Người con tuy đã xuất gia cũng không thể chôn cất thi hài mẹ.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (37)

Hủy phá tượng Phật phải chịu tội

Triều Thanh, vào năm đầu tiên niên hiệu Khang Hy, gỗ đàn hương rất có giá. Quận Tô có một hiệu buôn gỗ hương, bỏ ra 3 lượng bạc thỉnh về một pho tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Sau đó suy nghĩ tính toán rằng, nếu phá pho tượng này ra để bán gỗ vụn thì có thể được 16 lượng. Liền chuẩn bị chẻ tượng ra. Có một người thợ làm công sợ làm như vậy mang tội nên hết sức can ngăn, nhưng đứa con rể của ông chủ hiệu buôn lúc đó đến đón vợ, đang ở tại nhà cha vợ, liền chỉ mặt người làm công mà nói: "Mày chỉ là người làm công, đâu phải việc của mày. Cứ nghe lời mà làm đi." Đêm hôm đó, người con gái của chủ hiệu buôn bỗng đau bụng không thể về nhà, phải ở lại ba hôm để trị bệnh. Qua hôm sau, trên đường phố có một đứa bé khoảng sáu tuổi đang đi theo cha, bỗng chỉ tay về phía hiệu buôn gỗ hương, hỏi cha: "Cha ơi, sao trên nóc nhà kia lại có niêm phong màu đỏ phong kín thế?" Người cha cho rằng đứa bé nói bậy nên cấm không cho nói nữa.

Đêm ấy, hiệu buôn gỗ hương bỗng tự nhiên phát hỏa, lửa thiêu duy nhất một nhà ấy thôi, cả nhà không ai sống sót. Đứa con rể của chủ hiệu định nhảy ra từ một lỗ thoát trên tầng lầu, nhưng bỗng thấy như có vật gì ngăn giữ lại, cuối cùng phải chịu chết trong lửa. Riêng người thợ làm công, ngay buổi sáng sớm hôm trước chưa xảy ra hỏa hoạn, bỗng có một hiệu buôn trầm hương khác đến khẩn thiết mời sang giúp họ hai hôm, nhờ thế mà

thoát khỏi nạn này.

Lời bàn

Hủy hoại tượng Phật, làm thân Phật chảy máu, là một trong 5 tội nghịch phải đọa vào địa ngục vô gián. Vì thế, nếu thấy việc như vậy mà không khuyên can ngăn cản, ắt sẽ gặp nạn dữ vào thân, còn nếu khởi dù một chút tâm lành, liền được thiện thần bảo vệ. Chỉ do tâm niệm của đứa con rể ông chủ hiệu buôn gỗ hương và người thợ làm công kia hoàn toàn khác nhau, nên một người vốn đang muốn rời khỏi hiệu buôn ấy để về nhà, nhưng lại khiến cho không về được; một người vốn không có ý muốn rời khỏi hiệu buôn ấy, nhưng lại khiến cho phải rời đi để tránh tai họa. Quả thật là: "Họa với phúc vốn không định sẵn, chỉ do người tự chuốc lấy mà thôi."

Bồi thường gấp mười lần

Huyện Trấn Giang thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Lăng Khải, tên tự là Tử Chánh. Vào năm Quý Mão thuộc niên hiệu Khang Hy, ông ta vì ghét con chó của người hàng xóm hung dữ cắn người, liền dụ nó vào một ngõ hẹp rồi bít lối ra, muốn bỏ đói cho nó chết đi để dứt mối họa. Khoảng một tuần sau mở chỗ bít ra xem thử, thấy con chó chưa chết mà vẫy đuôi đi ra, từ đó không cắn người nữa, nhưng đống đất trên nền gạch trong ngõ bị chó ăn hết khoảng một nửa.

Hai tháng sau, chó tự nhiên chết. Đêm ấy, Lăng Khải nằm mộng thấy mình đi đến một phủ đường, có hai người dáng vẻ tôn quý ngồi hai bên. Người áo xanh hỏi: "Làm người mà không có lòng nhân hậu thì sao?" Người áo đỏ nói: "Phải đền lại gấp mười lần." Liền sai quân dẫn Lăng Khải đến phía sau nhà, thấy trong vườn hoa mai nở rộ, dưới gốc cây có một chậu nuôi cá vàng, trong chậu nổi lên một con cá chết. Tên quân kia chỉ vào mà nói: "Chữ 'ngục' (獄) do từ chữ 'khuyển' (犬) là con chó mà ra, ông đã biết

chưa? Mười năm sau sẽ ứng nghiệm.”
Lăng Khải tỉnh mộng lấy làm lạ lùng, không hiểu được gì cả. Đến tháng giêng năm Quý Sửu, vì chuyện của người khác mà Lăng Khải lại bị vu cáo rồi tống giam vào ngục. Khi vào trong ngục cũng thấy hoa mai vừa nở, có con cá vàng chết nổi lên trong chậu, giống hệt như những gì đã thấy trong giấc mộng. Quả nhiên phải chịu đói đến 7 ngày, chỉ còn chút hơi thở thều thào sắp chết. Lại tiếp tục bị giam trong ngục đúng 100 ngày mới được thả, quả nhiên phù hợp với lời nói “phải đền lại gấp mười lần”.

Lời bàn

Quỷ thần nói trước việc mười năm sau sẽ có người vu cáo bị giam vào ngục, điều đó cũng không phải là khó lắm. Riêng những việc như hoa mai nở, cá vàng chết mà cũng có sự ấn định sẵn, ấy mới thật là kỳ lạ. Cho nên bậc đại A-la-hán chứng đắc thần thông tất nhiên có thể biết được những việc trước sau 84.000 đại kiếp, hoặc như tuổi thọ dài ngắn của chư thiên, thế giới thành hoại lâu hay mau, hết thảy những việc ấy đều có thể ngồi yên mà tự biết rõ ràng.

Lăng Khải là người chất phác, thành thật, rất giỏi môn Hoàng cực số của Thiệu tử. Tôi với ông ấy từng gặp nhau nhiều lần, chính miệng ông đã kể lại đầu đuôi câu chuyện này cho tôi nghe.

Mộng thấy xương gà

Vào triều Thanh, vùng Tứ Xuyên có người tên Dương Lâm, tên tự là Hoài Mi, vào niên hiệu Thuận Trị thứ 13, vào làm trong kho lương ở Thái Thương, thuộc tỉnh Giang Tô, không lâu lại được thăng chức làm huyện lệnh Lâm An, thuộc tỉnh Triết Giang. Ông làm quan thanh liêm chính trực, chỉ có điều bản tính rất thích ăn thịt gà, trải qua đã nhiều năm.

Vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 16, Dương Lâm nằm mộng thấy mình bị bắt đến âm phủ, nhìn thấy một đống xương chất cao như núi, bên cạnh có

người chỉ vào đó mà nói: “Đây là xương của những con gà mà ông đã ăn. Rồi ông sẽ phải đến đây để đền tội, nhưng vì nhân duyên xấu còn chưa dứt nên đợi ông ăn thêm 47 con gà nữa rồi sẽ bắt đến đây.”

Dương Lâm tỉnh dậy lấy làm lạ, trong lòng cũng sợ, liền tự mình hạn chế, mỗi con gà chia ra ăn trong ba ngày. Nhưng miệng thèm không nhịn được, nên đổi thành hai ngày, rồi thì trở lại ăn như cũ. Ăn đến con thứ 45 thì bị ốm nhẹ, trải qua một đêm bệnh lại trở nặng, vừa ăn xong con gà thứ 47 thì chết, đúng như con số trong giấc mộng.

Lời bàn

Có người ngờ rằng, số gà bị ăn nếu đã định sẵn số lượng, ắt là những con gà đã ăn trước đó cũng có số lượng định sẵn, vậy sao còn có quả báo giết hại? Đó là vì không biết rằng số 47 con gà đó chỉ là âm ty dự đoán sẽ bị Dương Lâm giết hại, chứ không phải số gà ấy nhất định phải bị giết hại. Giả sử như sau khi nằm mộng mà Dương Lâm hạ được quyết tâm không giết gà nữa, thì con số đó tất nhiên không buộc được ông, mà số gà đã giết hại trước kia cũng có thể cầu nguyện cho được siêu độ.

Sự tu hành cũng giống như vậy, nếu có thể phát tâm dứt khoát đoạn trừ tập khí phiền não xấu ác thì sinh tử làm sao trói buộc được ta?

Làm quan tàn ác tự thiêu mà chết

Triều Thanh, vào năm đầu tiên của niên hiệu Khang Hy, quan tri huyện Côn Sơn là Lý Khai Tiên, dung mạo xấu xí mà tâm tính lại tàn ác, người trong huyện căm ghét nên gọi là ông “Lý mặt chàm”.

Mỗi khi trưng thu các khoản thuế phí, đối với những người giao nộp thiếu hoặc không nộp, họ Lý nhất định sử dụng gậy lớn để đánh phạt, thường đánh người chết ngay dưới gậy, máu chảy nhuộm đỏ cả công đường.

Đến khi họ Lý bãi quan rồi, không về quê, đến sống ở Tô Châu, chỉ trong khoảng 3, 4 năm mà người nhà tự nhiên dần dần chết sạch. Còn lại duy

nhất một đứa con gái, lại tư thông với người đầy tớ rồi bỏ nhà theo anh ta trốn mất. Họ Lý còn lại một thân một mình, nghèo đói không đủ ăn, lại phải tự mình vào bếp nấu nướng. Một hôm, trong lúc cúi xuống thổi lửa, chúi đầu sâu vào cửa lò bị lửa thiêu đầu mà chết.

Lời bàn

Xưa nay tuy cũng có những quan huyện tàn khốc bạo ngược, thật chưa thấy ai tàn khốc hơn ông này; nhưng ngay trong đời đã phải tức thời nhận chịu quả báo tàn khốc, cũng thật chưa thấy ai nhanh chóng hơn ông này.

Phước báo xa thì ảnh hưởng đến cháu con

Giảng rộng

Đem việc đời sau mà nói với người, ắt chỉ có khoảng một nửa số người chịu tin, còn một nửa thì nghi ngờ. Nhưng đem việc con cháu nối dõi mà nói thì bất luận kẻ trí người ngu, ắt là tất cả đều tin chắc cả. Người không biết rằng thật có nghiệp nhân quả báo của chính mình quả là bất hạnh, nhưng vẫn còn chút may mắn là biết đến cháu con. Nhưng cháu con có được hiền lương hay không, thật cũng không thể biết trước chuyện về sau được. Tuy nhiên, những người con cháu có phẩm hạnh tài trí hơn người vẫn thường xuất hiện rất nhiều trong những gia đình đạo đức. Kinh Thi có câu: “Nhà có đức độ thì con cháu đều được tốt đẹp hưng thịnh.” Kinh Thư lại có câu: “Lấy công nghiệp với đức hạnh truyền lại cho con cháu về sau.” Những lời dạy của các bậc thánh hiền đời trước rất hiển nhiên, mà đến nay thì lại càng thêm rõ rệt hơn nữa.

Sự tốt đẹp nếu đến sau mười đời hoặc năm đời, tất nhiên gọi đó là phước báo xa. Nhưng nếu như được thật nhiều con cái tài năng đức độ, đông đúc một nhà, nhìn thấy ngay trước mắt, thì đó cũng vẫn gọi là phước báo xa. Vì sao thế? Ấy là vì lấy theo tự thân mình mà nói, nếu phước báo không phải đến với tự thân mình thì đều gọi là phước báo xa.

Trưng dẫn sự tích

Đem hết lòng thành dạy dỗ muôn người

Đời Bắc Tống, có người tên Đặng Chí, nhận học trò dạy tại nhà. Mỗi khi có người đưa con em đến xin học, ông đều hết sức thật lòng dạy dỗ, trước tiên là lễ nghĩa, đức hạnh, sau đó là văn chương, tài nghệ. Học trò ông có rất nhiều người thành đạt. Con cháu ông cũng nhiều người đỗ đạt vinh hiển.

Vào niên hiệu Hy Ninh năm thứ chín, hoàng đế Bắc Tống là Tống Thần tông ngự đến điện Tập Anh đích thân lựa chọn tiến sĩ. Lúc bấy giờ, con trai trưởng của Đặng Chí là Đặng Oản đang giữ chức Hàn lâm Học sĩ nên đứng cạnh hoàng thượng. Khi xướng tên những người được tuyển chọn, đến tên em trai ông là Đặng Tích, Oản bước xuống trước điện lễ tạ. Lại xướng đến tên hai đứa cháu của ông, Oản cũng bước xuống trước điện lễ tạ. Hoàng thượng thấy cảnh ấy rất hài lòng, nhìn ông cười lớn. Vương Cung Công đứng bên cạnh cũng ngợi khen rằng: “Ấy nhờ người cha là Đặng Chí đem hết lòng thành dạy dỗ muôn người nên kết quả cháu con mới được như thế!”

Lời bàn

Người khác đã gọi mình là thầy, quay mặt về hướng bắc phụng sự tôn thờ mình, thì mình phải đem hết lòng thành ra mà dạy dỗ, như vậy mới không phụ lòng mong đợi của họ. Đặng Chí đã hết lòng giúp cho con em người khác được thành tựu, tất nhiên trời cũng giúp cho con cháu của ông được thành tựu, tiếp nối sinh ra những bậc tài trí đức độ. Đó cũng là lẽ đương nhiên phải vậy.

Mất con rồi lại sinh con

Vào đời Bắc Tống, ở Kiền Châu có người tên Vương Nhữ Bật, thường rất cẩn trọng trong lời nói và việc làm. Khi ấy, ở thôn phía đông có người tên

Lưu Lương, ở thôn phía tây có Hà Sĩ Hiền, cả hai đều có ông nội trước đây là người hết sức hiền thiện, thường làm nhiều việc tích đức. Vào năm Quý Mùi thuộc niên hiệu Sùng Ninh, hai nhà Lưu, Hà đều sinh con trai, cả hai đứa con lớn lên đều thông minh xuất chúng, hai nhà liền thỉnh Vương Nhữ Bật làm thầy dạy.

Lưu Lương với Hà Sĩ Hiền, tuy nhà giàu có nhưng đối đãi với người khác hết sức khắc nghiệt, khinh bạc, thật kém xa ông nội của họ. Đến tháng ba năm Tân Mão thuộc niên hiệu Chính Hòa, một hôm Vương Nhữ Bật đang đứng trước cửa bỗng thấy một đoàn người ngựa đi qua, dáng vẻ giống như quan quân. Họ đi về phía nhà Hà Sĩ Hiền, vào thẳng trong cửa rồi có người đưa ngón tay lên vẽ thành hình gì đó. Sau đó lại đi sang nhà Lưu Lương, cũng làm giống như vậy. Vương Nhữ Bật đến hỏi cả hai nhà, họ đều nói không thấy, không biết gì cả. Không bao lâu sau phát sinh nạn dịch, hai đứa con của Hà Sĩ Hiền và Lưu Lương đều chết cả.

Mùa thu năm ấy, Vương Nhữ Bật thấy mình bị bắt đưa đến minh phủ dưới âm ty, nhìn thấy Diêm vương đầu đội mũ miện ngồi quay mặt về hướng nam, gọi Vương Nhữ Bật mà hỏi: “Ông là Vương Nhữ Bật ở Kiền Châu thuộc tỉnh Thiểm Tây phải không?” Ông liền đáp: “Không phải, tôi là Vương Nhữ Bật ở Kiền Châu thuộc tỉnh Giang Tây.” Diêm vương liền lệnh Phán quan tra xét lại, thấy Vương Nhữ Bật này tuổi thọ còn dài, hóa ra đã bắt nhầm người. Vương Nhữ Bật nhân đó liền thưa hỏi về hai đứa con của Hà Sĩ Hiền và Lưu Lương vì sao đều chết yểu. Diêm vương đáp: “Hai đứa ấy, lẽ ra sau này sẽ là hai trụ cột phò tá triều đình, do thiên tào xét âm đức ông nội của họ rất lớn nên xứng đáng cho con cháu được hiển vinh, chỉ vì Lưu Lương với Hà Sĩ Hiền, hai người ấy tâm niệm không tốt, hành xử đối đãi hoàn toàn trái ngược với ông nội, vì thế mới thu hồi hai đứa con quý hiển. Không bao lâu nữa sẽ tước bỏ luôn toàn bộ sản nghiệp của hai nhà ấy.”

Vương Nhữ Bật được sống lại, mới biết đã chết hai ngày rồi. Vương Nhữ Bật liền gọi cả hai người Lưu Lương và Hà Sĩ Hiền đến, thuật lại tường tận mọi việc. Cả hai đều rơi nước mắt hối hận, từ đó đem hết sức rộng làm việc thiện, cứu người giúp đời. Đến năm Ất Mùi, cả hai nhà lại sinh được con trai, họ Lưu đặt tên là Lưu Triệu Tường, họ Hà đặt tên là Hà Ứng Nguyên, lại cũng thỉnh Vương Nhữ Bật làm thầy dạy. Đến năm Quý Sửu thuộc niên hiệu Thiệu Hưng, cả hai đều đỗ tiến sĩ, được ban phong địa vị cao quý, vinh hiển.

Lời bàn

Nhờ có ông nội tích âm đức nên được ban cho quý tử, nhưng do tâm tính không tốt, đối đãi khắc nghiệt, khinh bạc với người khác mà còn bị mất con, huống hồ nếu không có ông nội tu nhân tích đức thì phải gánh chịu quả báo còn đáng sợ đến mức nào nữa?

Lại ngay trong đời hiện tại đã bị báo ứng xấu mất đi quý tử, nhưng nhờ biết tu nhân tích đức nên lại sinh được quý tử, huống chi nếu người chưa bị trời khiển trách mà sớm biết tu nhân tích đức thì quả báo còn tốt đẹp đến mức nào nữa?

Thế mới biết câu “Cầu con cái sẽ được con cái” quả là đúng thật, không phải lời hư dối, chỉ có điều là cần phải biết phương cách để cầu như thế nào mà thôi.

Thần chỉ đất chôn

Vùng Kiến Ninh có quan Thiếu sư là Dương Vinh, gia đình nhiều đời làm nghề đưa đò để sống. Có một năm mưa lớn kéo dài, nước sông dâng cao, ngập trôi các vùng dân cư, khiến người đuối nước theo dòng trôi xuống rất nhiều. Các thuyền khác đều tham vớt tài vật trôi sông, chỉ riêng ông cố với ông nội của Thiếu sư đem hết sức chuyên tâm cứu người, tuyệt nhiên không vớt lấy bất kỳ món đồ vật nào, người làng đều cười chê là ngu dại.

Đến khi cha của Thiếu sư sinh ra thì gia đình đã dần dần khá giả lên. Một hôm có vị thần hóa thành đạo sĩ, đến nói với cha Thiếu sư rằng: “Ông nội của ông có âm đức lớn, con cháu về sau sẽ được phú quý vinh hiển, nên cải táng nơi chỗ đất này.” Rồi chỉ cho một chỗ đất. Gia đình y theo đó mà cải táng. Thế đất ấy ngày nay các thầy địa lý gọi là gò bạch thố. Sau sinh ra Thiếu sư, hai mươi tuổi đã đỗ đạt, địa vị lên đến hàng Tam công, ông cố và ông nội cũng được triều đình truy tặng quan tước như vậy. Con cháu về sau nhiều đời đều được phú quý hưng thịnh.

Lời bàn

Những cuộc đất chôn tốt hay xấu đều có quan hệ đến những nguyên lý nhất định, không phải con người có thể cố sức gượng ép mà cầu được. Người đời không lo tu nhân tích đức, chỉ lo cầu thầy địa lý giỏi, mong được chỉ cho chỗ đất chôn tốt lành, quan niệm như thế thật hết sức sai lầm. Nhưng nếu hoàn toàn không tin phong thủy, chẳng quan tâm đến phương hướng ngày giờ, nói rằng chỉ cần chọn chỗ ngày sau không làm đường sá, không xây thành quách là có thể an táng được, ắt có thể nhầm chôn thân nhân vào nơi cuộc đất hung sát tuyệt địa, như thế cũng là sai lầm.

Cứ xem như cuộc đất táng của nhà Thiếu sư phát khởi được sự tốt lành, ấy là có quan hệ đến việc được thần nhân mách bảo, thì thấy rằng thuyết phong thủy thật không thể không tin.

Nhưng lại xét việc ông cố, ông nội của Thiếu sư đã tu nhân tích đức như thế nên gia đình mới gặp được cuộc đất tốt lành như thế, thì biết rằng cũng không thể hoàn toàn dựa vào nơi thuyết phong thủy.

Chu An Sĩ

AN SĨ TOÀN THƯ

Giảng rộng bài văn Âm chất

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

Nhà Xuất Bản Hồng Đức 2014

Giảng Rộng Nghĩa Lý Bài Văn Âm Chất - Quyển Hạ (38)

Trăm điều phúc lành cùng đến, ngàn việc tốt đẹp tụ về, đều nhờ nơi âm đức

Giảng rộng

Đế quân dạy rằng: “Trăm điều phúc lành đồng thời đến, ngàn việc tốt đẹp hội tụ về, chẳng phải nhờ việc tích tạo âm đức mà được như thế đó sao?” Một câu kết này là nêu lên hiệu quả của tất cả những việc bỏ ác làm lành đã nói ở trên, dùng để thâu tóm lại bố cục của toàn bài văn. Từ câu văn đầu nêu ra hết thảy các việc hiền thiện được thực hiện đến mức “thấu tận trời xanh”, liền tương ứng với trong câu cuối này được kết quả “trăm điều phúc lành, ngàn việc tốt đẹp”.

Tuy nói chung phước báo tốt đẹp là như thế, nhưng trong đó cũng không phải là không có sự phân tích chi ly từng việc. Chẳng hạn như, “thường không ngừng việc giúp người” ắt sẽ có phước báo tốt đẹp của việc giúp người, “âm thầm làm đủ mọi công đức” ắt sẽ có phước báo tốt đẹp của việc làm công đức... Việc thiện lớn lao ắt phước báo cũng lớn lao, việc thiện nhỏ nhặt ắt phước báo cũng nhỏ nhặt. Chuyện báo ứng có thể tin chắc như thủy triều sáng tối lên xuống không hề sai lệch, lại nhanh chóng như vung tay đánh trống, tức khắc có tiếng vang.

Chữ “âm đức” được dùng hai lần trong bài văn này. Lần đầu tiên nói: “rộng

làm những việc âm đức, thấu tận trời xanh", đó là Đế quân lấy việc của chính tự thân mình ra để dạy dỗ, tự nói việc mình rộng làm âm đức đã cảm động thấu đến lòng trời. Lần thứ hai trong câu kết này nói rằng "trăm phúc lành, ngàn điều tốt đẹp" đều nhờ nơi âm đức, đó là Đế quân khuyến khích, cổ vũ mọi người, mong muốn tất cả chúng ta đều kính ngưỡng làm theo giống như Đế quân, ắt cũng sẽ được sự cảm ứng "thấu tận trời xanh" như vậy.

Trưng dẫn sự tích

Sống cõi người hưởng phước cõi trời

Vua Tần-bà-sa-la ở Ấn Độ có một quan đại thần tên Thọ-đề-già, giàu có vô cùng, mọi thứ muốn dùng đều tự nhiên có đủ. Một hôm, quốc vương đang lâm triều bỗng có một cơn gió lớn nổi lên, thổi đến trước cung điện một chiếc khăn tay bằng loại vải trắng cực kỳ mịn màng xinh đẹp, không giống bất kỳ loại vải nào ở thế gian. Vua lập tức mang đưa cho tất cả các quan trong triều xem qua, ai cũng cho rằng đất nước sắp được hưng thịnh nên trời ban điềm lành. Chỉ có Thọ-đề-già lặng im không nói gì. Vua hỏi vì sao không nói, ông thưa: "Thật không dám nói dối bệ hạ, cái khăn đó là của nhà tôi dùng để lau mình, giặt phơi bên bờ hồ, tình cờ bị gió thổi đến đây." Mấy hôm sau lại có một bông hoa chín màu tuyệt đẹp, lớn như bánh xe, từ đâu bay đến rơi xuống ngay trước điện của vua. Vua lại gọi đến hỏi, Thọ-đề-già thưa: "Thật không dám nói dối bệ hạ, đó là bông hoa héo ở vườn sau nhà tôi, tình cờ bị gió thổi đến đây."

Vua hết sức kinh ngạc, liền nói với Thọ-đề-già: "Ta muốn đến nhà ông thăm viếng xem chơi, định dẫn theo chừng 200.000 người, nhà ông có đủ chỗ không?" Thọ-đề-già thưa: "Xin tùy ý bệ hạ." Vua lại nói: "Ta nên đến vào ngày nào, ông có thể chuẩn bị kịp không?" Thọ-đề-già thưa: "Xin tùy bệ hạ chọn ngày, tôi không cần phải chuẩn bị. Nhà tôi có giường ghế tự

nhiên xuất hiện theo ý muốn, không cần người mang ra; thức ăn tự nhiên mà có, không cần người nấu nướng; khi muốn ăn thì thức ăn tự nhiên hiện đến, khi ăn xong thì tự nhiên mất đi, không cần dọn dẹp."

Vua liền dẫn theo 200.000 người đến nhà Thọ-đề-già theo cửa phía nam đi vào. Vừa bước vào liền gặp một đứa trẻ dung mạo hết sức xinh đẹp dễ thương, vua hỏi: "Đây là con cháu của ông phải không?" Thọ-đề-già đáp: "Thưa không, đó là đứa đầy tớ giữ cửa nhà tôi." Vua lại đi tiếp vào đến cửa trong, nhìn thấy một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần, liền hỏi: "Đây là vợ ông phải không?" Thọ-đề-già đáp: "Thưa không, đây là đứa nữ tì lo việc giữ cửa trong." Vua lại đi tiếp, vào đến trước sân nhà, thấy vách nhà bằng bạc trắng, nền đất bằng thủy tinh trong suốt, vua nhìn tưởng là nước nên không dám bước chân lên. Thọ-đề-già liền nói: "Nền thủy tinh này cứng chắc lắm, không gì có thể phá vỡ được." Liền đi trước dẫn đường cho vua bước vào, bên trong đã có giường vàng, ghế ngọc sẵn sàng.

Phu nhân của Thọ-đề-già từ bên trong rẽ qua một tấm trướng che có 120 lớp toàn bằng bảy món báu, thong thả bước ra, đến thi lễ trước mặt vua, vừa ngẩng đầu lên thì tự nhiên chảy nước mắt. Vua liền hỏi Thọ-đề-già: "Phu nhân của ông vì sao nhìn thấy ta lộ vẻ không vui?" Thọ-đề-già thưa: "Không phải, chỉ vì trên thân bệ hạ có mùi khói, vợ tôi không quen nên bị chảy nước mắt đó thôi." Vua nói: "Dân thường dùng mỡ làm dầu thắp đèn, chư hầu dùng đèn bằng sáp, thiên tử như ta dùng nhựa sơn để thắp, không hề nhìn thấy khói, vậy mà trên thân ta lại có hơi khói khiến vợ ông chảy nước mắt sao?" Thọ-đề-già: "Ấy là vì nhà tôi không quen thắp đèn bằng những thứ như bệ hạ vừa nói, chỉ dùng một viên thần châu minh nguyệt treo ở giữa nhà, tự nhiên tỏa sáng, đêm cũng như ngày."

Thọ-đề-già lại đưa vua đi xem các nơi. Trước nhà có một lầu cao đến 12 tầng, rộng lớn mênh mông, dọc ngang hoành tráng, nhìn từ bên này thấu

suốt bên kia. Lần lượt thăm thú các nơi trong nhà, thấm thoát đã qua một tháng mà vẫn chưa đi khắp. Các quan đại thần cùng tâu xin vua hồi cung, vua không thèm để ý, tiếp tục đi thăm những chỗ vườn, hồ quanh nhà, lại trải qua đến một tháng nữa. Đến khi vua hồi cung, Thọ-đề-già liền mang ra các thứ lụa là quý báu làm quà tặng cho hết thảy 200.000 người cùng đi. Vua về cung rồi, nói với các vị đại thần rằng: "Thọ-đề-già là bầy tôi của ta, vì sao nhà cửa, vợ con, tài sản các thứ đều vượt trội hơn ta? Nay ta muốn mang 400.000 quân đến đánh lấy những tài sản ấy có được chăng?" Các đại thần đều cho là được. Vua liền cất quân đến vây kín nhiều vòng quanh nhà Thọ-đề-già. Bỗng thấy từ trong nhà có một lực sĩ mở cửa bước ra, tay cầm cây gậy bằng vàng, vung lên múa quanh một vòng, tất cả 400.000 người ngựa đều đồng loạt ngã lăn xuống đất không sao đứng dậy được. Khi ấy, Thọ-đề-già từ trong nhà ngồi trên xe bằng gỗ quý có khảm xa cừ đi ra, hỏi mọi người rằng: "Các vị có muốn đứng dậy chăng?" Mọi người đều nói muốn. Thọ-đề-già liền vẫy tay một cái, tự nhiên tất cả người ngựa đều đứng dậy được. Vua biết không thể dùng sức mạnh để cướp đoạt, liền tự lui binh về.

Lời bàn

Sau đó, vua Tần-bà-sa-la cùng với Thọ-đề-già đi đến chỗ đức Thế Tôn, thưa hỏi về nhân duyên đời trước của Thọ-đề-già. Đức Phật dạy: "Cách đây vô số kiếp về trước, có một người khách buôn, khi đi qua một con đường núi, nhìn thấy một vị tăng đang bị bệnh, ông liền phát tâm cung kính cúng dường, lo lắng cho vị tăng ấy có chỗ ở, đồ ăn thức uống và đầy đủ tất cả mọi thứ cần dùng, không để thiếu thốn bất cứ món gì. Sau đó lại phát nguyện rằng: 'Nguyện trong đời sau tôi sẽ có được sự cung ứng mọi thứ tự nhiên như trên cõi trời, lại nguyện tôi được sớm thành quả Phật, cứu vớt tất cả chúng sinh trong ba đường dữ.' Nhờ phước lành của sự bố thí

cúng dường đó mà đến đời này, tuy sống trên mặt đất nhưng được hưởng phước như ở cõi trời. Khách buôn ngày đó nay chính là ông Thọ-đề-già, vị tăng có bệnh ngày đó nay chính là ta.”

Phước báo của cả nhà

Vào thời đức Phật còn tại thế, trong thành Bạt-đề có một vị đại cư sĩ tên là Mân-đồ, giàu có vô cùng, mọi người trong thành nếu có bất kỳ nhu cầu gì cũng đều được ông tùy ý chu cấp cho đầy đủ.

Trong kho lúa nhà ông Mân-đồ có một cái lỗ lớn như bánh xe, lúa thóc từ trong đó tự nhiên tuôn ra. Vợ ông lấy 8 thăng gạo nấu thành cơm cho bốn bộ binh với khách đến từ bốn phương cùng ăn mà vẫn không hết. Con ông lấy một ngàn lượng vàng mang ra tùy ý phân phát cho bốn bộ binh cùng tất cả những người hành khất từ bốn phương kéo đến nhưng vẫn không hết. Vợ ông lấy một gói hương bột thơm xoa lên thân cho bốn bộ binh và người từ bốn phương đến xin nhưng vẫn không hết. Nô bộc của ông chỉ dùng một mảnh ruộng cày mà được rất nhiều lúa thóc. Con hầu của ông lấy 8 thăng lúa mang cho ngựa của bốn bộ binh cùng ăn mà vẫn không hết.

Tất cả những người trong nhà cư sĩ Mân-đồ đều tranh nhau, ai cũng cho rằng phước lực của mình là hơn. Mân-đồ liền tìm đến thưa hỏi đức Phật. Đức Phật dạy: “Nếu nói về phước lực thì tất cả người trong nhà ông đều có cả.” Rồi đức Phật kể về nhân duyên đời trước rằng:

“Xưa kia, trong thành Vương Xá có một người thợ dệt. Một hôm ông cùng vợ và con cái, nô bộc, con hầu đều sắp sửa dùng cơm thì có một vị Bích-chi Phật đến khất thực. Cả nhà ai cũng muốn lấy phần ăn của mình để cúng dường, vị Bích-chi Phật liền dạy: ‘Chỉ cần mỗi người bớt một chút thức ăn thôi, như thế các người không phải chịu đói mà ta cũng được no.’ Mọi người liền vâng lời làm theo. Vị Bích-chi Phật thọ thực vừa xong liền bay lên hư không, hiện đủ các phép thần biến. Cả nhà người thợ dệt được

nhìn thấy đều hết sức hoan hỷ. Sau khi qua đời, họ đều được sinh lên cõi trời. Đến nay sinh trong cõi người nhưng phước báo vẫn còn chưa hết nên được như thế.”

Lời bàn

Tục ngữ có câu: “Một người có phước, cả nhà cùng hưởng.” Tuy nói thế nhưng cần phải biết rằng, những người sống cùng trong một nhà dù có được ảnh hưởng phước báo của người kia, nhưng tự thân họ cũng đều có phước báo riêng, chỉ có điều là phước lớn hay nhỏ đều tùy thuộc vào nhân duyên đời trước của mỗi người. Cho nên con cái của những nhà sang quý ắt không có tướng mạo của kẻ ăn mày, mà con cái của những nhà hèn kém cũng không thể có được vận mệnh của hàng công khanh quan tướng. Vì sao như thế? Ấy là vì nghiệp báo tương đồng chiêu cảm lẫn nhau, nên nghiệp lực giống nhau tất nhiên sẽ cùng tụ hội về chung một nhà.

Nhiều đời khoa bảng

Huyện Thái Thương thuộc tỉnh Giang Tô có người tên Vương Tích Tước, tên tự là Nguyên Ngự, hiệu là Kinh Thạch, vua ban tên thụy là Văn Túc. Ông bản tính khiêm tốn, nhân từ hòa ái, thường ngày luôn âm thầm làm rất nhiều việc công đức. Triều Minh, vào đời Minh Thần Tông được phong đến chức Thủ phụ. Tuy được sang quý hiển vinh, ông vẫn sống chung thủy trọn đời với vợ, không nạp tiểu thiếp. Chùa chiền các nơi bất kể lớn hay nhỏ ông đều ủng hộ, viết hoành phi cúng dường. Những năm về già, ông cho rước thợ về nấu vàng, bạc chế thành mực vẽ để vẽ tranh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm, rồi tự tay viết bản Tâm kinh Bát-nhã lên mỗi bức, cúng dường phân phát cho rất nhiều người, bất kể số lượng.

Con trai của Vương Tích Tước là Vương Hoành, tức tiên sinh Câu Sơn, từng thi đỗ Bảng nhãn.

Cháu nội của Vương Tích Tước là Vương Thời Mẫn, tức tiên sinh Yên

Khách, là người thường tu sửa đức hạnh, hết sức tin sâu Tam bảo, mỗi buổi sáng đều dậy thật sớm súc miệng rửa mặt rồi lễ lạy tụng kinh. Ông thường nói với người khác rằng: “Ta từ năm 17 tuổi đã trì kinh Kim cang mỗi ngày, cho đến nay gần 80 tuổi vẫn chưa từng bỏ sót ngày nào.” Năm mất mùa đói kém, tiên sinh là người đầu tiên đề xuất việc bán gạo trong kho địa phương ra với giá thấp để bình ổn, cũng như nấu cháo cứu tế dân nghèo. Người cùng làng có ông Lục Doãn Thăng, hiệu là Hiếu Liêm, tên tự là Tử Tựu, một hôm nằm mộng thấy mình đi đến một ngôi chùa lớn, có 6 người cùng gánh đậu tới. Nhìn vào chỗ đậu ấy thì thấy có đậu nành lẫn lộn với những hạt đậu ngựa rất to. Hiếu Liêm lấy làm ngạc nhiên liền lên tiếng hỏi, có vị tăng già đứng bên cạnh đáp: “Đó là những việc thiện mà ông Yên Khách trước đây đã từng làm. Cứ mỗi việc thiện lớn thì tính bằng một hạt đậu ngựa, mỗi việc thiện nhỏ là một hạt đậu nành. Tất cả đã được 600 cân.” Hiếu Liêm tỉnh dậy đem việc này kể với mọi người nên ai ai cũng biết. Tiên sinh Yên Khách sinh được 9 người con, hơn 20 người cháu, tất cả đều đỗ đạt cao, quan chức lớn. Người con thứ 8 là Vương Thiểm cũng được giữ cương vị quan trọng trong triều đình nhà Thanh, tiên sinh cũng được triều đình truy tặng tước quan như con. Con cháu về sau nối đời vinh hiển không dứt.

Lời bàn

Những người có danh thơm tiếng tốt qua nhiều đời ở đất Thái Thương đều được ghi chép trong quốc sử, hoặc trong các bản gia phả tộc họ, nhiều không kể hết. Nay chỉ xin đặc biệt trích ra đôi điều từ sách Hiện quả tùy lục do Vân Sư ghi chép, đưa vào thiên cuối này để góp phần vào việc khuyến thiện.

Tạo phúc cho cả vùng Giang Nam

Vùng Côn Sơn có người tên Từ Tại Xuyên, tên húy là Nhữ Long, là con trai

của Từ Thân, vốn trước là quan chủ sự ở Hình bộ. Từ Tại Xuyên rất giỏi văn chương, Nghiêm Nột ở Ngu Sơn mời ông về làm thầy dạy học trong nhà. Trong thời gian trước đó, bọn giặc cướp Nhật Bản hung hăng bạo ngược lộng hành, khắp vùng duyên hải của hai tỉnh Giang Tô, Triết Giang đều vì chiến tranh mà bị tàn phá, dân chúng khổ sở chẳng biết dựa vào đâu mà sống. Đến năm Ất Mão thuộc niên hiệu Gia Tĩnh thứ 34, hai vùng Tô Châu và Tùng Giang có đến 4 quận mất mùa đói thiếu, dân nghèo lưu lạc đầy đường. Khi ấy, các đại thần lo việc dẹp loạn chỉ nặng về chiến cuộc, không dám trình tấu lên triều đình những sự khổ sở đói kém của dân chúng. Bấy giờ, quan Cung đạm của phủ Thái tử hiện đang ở nhà Nghiêm Nột. Từ Tại Xuyên khuyên họ Nghiêm nên vì dân thỉnh mệnh triều đình, Nghiêm Nột do dự chưa quyết. Tại Xuyên liền thay ông ta soạn thảo một sớ văn lưu loát đến mấy ngàn câu, văn từ hết sức chí thành khẩn thiết, để sẵn trong ống tay áo rộng, rồi đến chỗ họ Nghiêm khẩn khoản thuyết phục. Họ Nghiêm vẫn chưa đồng ý, muốn mời một thầy bói mù nổi tiếng linh nghiệm đến để quyết định việc này. Tại Xuyên liền thắp hương khấn cáo trời đất, cầu nguyện trời cao chứng giám giúp cho việc cứu dân được thành tựu, đồng thời kín đáo cho người mang tiền đến biếu thầy bói, nhờ gieo quẻ theo ý mình. Kết quả gieo được quẻ thăng, nội dung quẻ là “trời cao cùng trợ giúp, mọi sự đều tốt lành”. Từ Tại Xuyên dựa theo đó liền bàn với họ Nghiêm rằng quẻ này ứng với mọi sự tốt đẹp, nếu dâng sớ lên triều đình sẽ được chuẩn thuận, chẳng những muôn dân được hưởng phúc mà bản thân người dâng sớ cũng sẽ được quyền cao lộc hậu. Họ Nghiêm vui mừng lắm, liền mạnh dạn dâng sớ lên. Quả nhiên được triều đình chuẩn thuận, đồng loạt miễn thuế cho dân chúng trong toàn tỉnh Giang Nam, ngay cả số thóc đã vận chuyển về nhập kho rồi cũng cho dân được nhận đủ lại y số đã nộp. Người dân mừng vui khôn xiết, tiếng ngợi ca vang khắp xóm

thôn. Không bao lâu sau, Nghiêm Nột được triệu về triều, thăng đến chức Thượng thư nắm giữ quyền chính. Từ Tại Xuyên sau đó được bổ làm huyện lệnh Giao Hà, lập được rất nhiều công trạng.
Con trưởng của Từ Tại Xuyên là Từ Ưng Sính, làm quan thăng đến chức Thái bộc Thiếu khanh.
Cháu cố của Từ Ưng Sính có ba anh em là Từ Càn Học, Từ Bỉnh Nghĩa, Từ Nguyên Văn cùng nhau thi đỗ ba vị trí đầu bảng là Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.
Từ Càn Học làm quan Tư khấu, sinh được 5 người con là Từ Thọ Cốc, Từ Quýnh, Từ Thọ Mẫn, Từ Thọ Bình và Từ Tuấn, cả 5 người đều thi đỗ tiến sĩ, người đương thời gọi là "Ngũ tử đăng khoa". Người nhỏ tuổi nhất là Từ Tuấn được phong đến chức Hàn lâm Học sĩ. Con cháu về sau đỗ đạt làm quan rất nhiều, thành một dòng họ khoa bảng hưng thịnh bậc nhất.

Lời bàn

Trong khoảng năm Kỷ Tỵ hoặc Canh Ngọ thuộc niên hiệu Khang Hy, tiên sinh Lập Trai vào lúc sắp nhận chức Tướng quốc, ở tại nhà khởi thảo một bản sớ chương, đề nghị xét lại việc thuế má ở Tô Châu và Tùng Giang quá cao, xin được miễn giảm.
Khi ấy có một người họ Trần ra sức ngăn cản, nói rằng những khoản thu dùng cho việc quốc gia không thể nhất thời giảm đi quá nhiều, lại nói rằng những quan chức có ruộng đất ở Tô Châu sẽ ganh ghét gây ra chuyện không hay. Cuối cùng ông ta lại tự mình thay Lập Trai thảo ra một bản sớ chương, thúc giục tiên sinh trình lên triều đình, đại ý trong đó nói là nên gác lại việc miễn giảm thuế. Về sau, việc miễn thuế do đó mà không được thực hiện.
Ngay trong năm đó, người họ Trần kia bỗng nhiên chết tại nhà. Lập Trai cũng bị bãi chức Tướng quốc, về làm dân thường.

Đem việc này so với việc Từ Tại Xuyên thay Nghiêm Nột thảo sớ chương, quả là khác nhau một trời một vực. Người đời khi nhắc đến chuyện này thường quy lỗi hoàn toàn cho quan Tướng quốc, cũng thật oan uổng. Người họ Trần kia vốn quê ở Gia Định, chỉ là giấu tên không nói ra thôi.

Giảng rộng bài văn Âm chất của Văn Xương Đế quân
Hết quyển hạ